KINH THỦ LĂNG NGHIÊM GIẢNG GIẢI (SURAMGAMA SUTRA) Lê Sỹ Minh Tùng - Cuốn Một

- Phần Giới Thiệu
- Chương Thứ Nhất - Đề Mục Kinh
- Chương Thứ Hai - BẢY ĐOẠN PHẬT HỎI VỀ TÂM
- Chương Thứ Ba - Chỉ Rõ Tánh Thấy
- Chương Thú Tư - A Nan Nghi "Chơn Tâm" Đồng Với Thuyết "Tự Nhiên" Của Ngoại Đạo
- Chương Thứ Năm - Do Nhận Thức Sai Lầm Khiến Cho Con Người Bỏ Mất Bản Tâm Thanh Tịnh Bản Giác Thường Trú Của Mình
- Chương Thứ Sáu - Bốn Khoa Bảy Đại Vốn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
- Chương Thứ Bảy PHẬT THUYẾT MINH TÁNH CỦA CÁC ĐẠI VỐN KHÔNG NGĂN NGẠI GÌ NHAU, NHẰM KHI THỊ CHƠN LÝ : SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM GIẢNG GIẢI
SURAMGAMA SUTRA

Lê Sỹ Minh Tùng

Cuốn Một

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa

https://thuviensach.vn

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu
Phần Giới Thiệu
Chương Thứ Nhất
Đề Mục Kinh
Nhân Duyên Và Thời Điểm Phật Nói
Kinh Thủ Lăng Nghiêm
Phần Chánh Tông
Chương Thứ Hai
Bảy Đoạn Phật Hỏi Về Tâm
Chương Thứ Ba
Chỉ Rõ Tánh Thấy
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Nhất
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Hai
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Ba
A Nan đã hiểu Được Chơn Tâm Nhưng Chưa Dám Nhận
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Tư & Thứ Năm
Chương Thứ Tư
A Nan Nghi "Chơn Tâm" Đồng Với Thuyết Tự Nhiên Của Ngoại Đạo
Chương Thứ Năm
Do Nhận Thức Sai Lầm Khiến Cho Con Người Bỏ Mất Bản Tâm Thanh Tịnh, Bản Giác Thường Trú Của Mình

https://thuviensach.vn

Tánh Thấy Ngoài Hai Nghĩa Hòa Hợp Và Không Hòa Hợp
Chương Thứ Sáu
Bốn Khoa Bảy Đại Vốn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Ngũ Uẩn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Sáu Nhập Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Mười Hai Xứ Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Bảy Đại Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Giác Ngộ Và Phát Nguyện
Chương Thứ Bảy
Phật Thuyết Minh Tánh Của Các Đại Vốn Không Ngăn Ngại Gì Nhau Nhằm Khai Thị Chơn Lý "Sắc Không, Không Sắc"
Phật Khai Thị Nguồn Gốc Duyên Khởi Của Hiện Tượng Vật Chất
Phật Chỉ Hai Nghĩa Quyết Định
DỰA VÀO NHƠN TU MÀ SUY BIẾT QUẢ SƠ CHỨNG
Chỉ Rõ Chỗ Hư Vọng Của Sáu Căn
Phật Bảo Đánh Chuông Để Chứng Nghiệm Tánh Nghe Của Nhĩ Căn Là Thường Còn
Chương Thứ Tám
Nương Chỗ Ngộ Mà Viên Tu
Chỉ Một Cái Khăn Mà Sáu Lần Cột Thành Sáu Gút. Mở Hết Sáu Gút Một Cũng Không Còn
Gạn Hỏi Đại Chúng Về Viên Thông
Chương Thứ Chín
Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông
Chương Thứ Mười

https://thuviensach.vn

Chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông
Chương Thứ Mười Một
Phật Bảo Văn Thù So Sánh Chọn Căn Ưu Việt Nhất
So Sánh Sự Ưu Khuyết Của Sáu Trần, Năm Căn, Sáu Thức Và Bảy Đại

HẾT QUYỂN SÁU DỰA THEO HÁN KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Lời nói đầu

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là bộ kinh thuộc hệ tư tưởng thượng thừa liễu nghĩa và là tâm ấn bí mật đại tổng trì môn của chư Phật Như Lai, bao gồm toàn bộ hệ thống giáo lý nhân quả, mê ngộ, chơn vọng, thánh phàm của tất cả đại tạng. Kinh soi chiếu rõ ràng giúp chúng sinh thấy sự sai khác của chánh tà trong quá trình tu chứng và tình trạng điên đảo của luân hồi cũng như thấu triệt cả nguồn nhất tâm, bao gồm cả vạn pháp một cách rộng lớn và đầy đủ. Học kinh Thủ Lăng Nghiêm sẽ giúp con người thấu rõ vị trí của mình đối với quả vị Bồ Đề Niết Bàn vô thượng. Chính Đức Phật Thích Ca sống bằng "Chơn tâm thường trú" và sinh hoạt trong "Thể tánh tịnh minh" cái mà đã có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh nhưng con người lại bỏ quên nó đi. Phật và chúng sinh thật ra vẫn đồng một thể tánh chơn tâm, nhưng chư Phật đã hoàn toàn giác ngộ được thể tánh ấy. Ngược lại, chúng sinh vì mê lầm thể tánh chơn tâm nên suốt đời sống trong điên đảo khổ đau và phải chịu

https://thuviensach.vn

trầm luân trong biển sanh tử luân hồi. Vì thế chủ yếu của kinh không ngoài mục đích xác định rằng còn phiền não khách trần là còn điên đão khổ đau và phủi hết phiền não khách trần là có an lạc Niết Bàn.

Kinh Lăng Nghiêm có thể giáo hóa, khiến cho "tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí" nghĩa là tất cả loài hữu tình và vô tình đều có thể viên thành Phật đạo. Đối tượng cứu cánh của kinh là "Chơn Tâm Thường Trú" và "Thể Tánh Tịnh Minh" trong khi công dụng của kinh là hàng phục phiền não trần lao để trở về với tánh giác diệu minh của chính mình. Nhưng mục đích tối hậu của kinh vẫn là giải thoát giác ngộ đưa con người từ phàm phu đến địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là thành Phật. Tất cả Như Lai trong mười phương có Bồ Đề Niết Bàn đều do thành tựu đại định Thủ Lăng Nghiêm. Thủ Lăng Nghiêm đại định là định rất kiên cố, vững chắc nhất để phát sinh vô lượng trí tuệ. Có cái định này thì tâm lúc nào cũng "như như bất động, liễu liễu thường minh" nghĩa là cho dù thế gian vũ trụ có biến đổi, hấp dẫn, quyến rũ cách mấy thì tâm người có định này vẫn yên lặng, thanh thản, không bị ngoại trần chi phối và họ lúc nào cũng sống với tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Đó chính là "Kiến sắc phi can sắc, Văn hương bất nhiễm hương" vậy. Định của Thủ Lăng Nghiêm là "tự tánh bổn định" nên thường hằng, lúc nào cũng có. Cái định này khác hẳn với định có xuất có nhập nghĩa là nhập thì có định, xuất thì định mất cho nên định đó vẫn không thoát khỏi luân hồi sinh diệt. Do đó, định Thủ Lăng

https://thuviensach.vn

nghiêm tức là thể nhập Phật tri kiến, Như Lai Viên Giác Diệu Tâm. Kinh Thủ Lăng Nghiêm giúp chúng sinh có được tuệ giác mà phá trừ tất cả những dục vọng, đánh tan phiền não khổ đau, tiêu trừ những vô minh đen tối và sau cùng đạt đến cứu cánh tối thượng là chứng đắc Diệu Giác Như Lai tức là thành Phật

Đặc biệt trong phần tu chứng viên thông của hai mươi lăm vị đại đệ tử Phật, có hai chương rất quý báu giúp cho tất cả Phật tử tùy theo sở ngộ của mình mà áp dụng thực hành để có giải thoát. Chương Đại Thế Chí Niệm Phật viên thông rất sâu xa huyền diệu giúp chúng sinh thấy thấu suốt, hiểu tận cùng rốt ráo pháp môn niệm Phật để hạ thủ công phu. Sau đó kinh giới thiệu pháp môn Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông tức là pháp tu "phản văn văn tự tánh" nghĩa là xoay tánh nghe của mình vào trong mà lắng nghe tiếng nói thanh tịnh của tâm mình để sống gần với chơn tánh của chính mình thì sẽ có an lạc giải thoát ngay trong cõi đời này.

Vì thế tất cả mọi chúng sinh không phân biệt căn cơ mau chậm, không phân biệt tuổi tác và hoàn cảnh, mọi người mọi giới và mọi lúc đều có thể áp dụng tham học kinh này để lau sạch phiền não khách trần mà sống với Chơn Tâm thường có và Thể Tánh thanh tịnh sáng suốt của mình.

Vì sự thâm sâu huyền nghĩa của kinh, chúng tôi tha thiết kính mong quý Phật tử tham khảo kinh rất nhiều lần để tự

https://thuviensach.vn

mình tìm ra ánh sáng chân lý. Quý vị nghe, đọc mười lần thì thấu hiểu được bốn năm chục phần trăm. Nghe, đọc trăm lần thì mới có thể lãnh hội được ý nghĩa huyền diệu của kinh. Khi đã ngộ nhập kinh Lăng Nghiêm, quý Phật tử sẽ không cầu chơn cũng không trừ vọng mà chỉ sống "Như thị chân, như thị huyễn, như thị công đức" với tâm nguyện hằng "phục vụ chúng sinh tức cúng dường chư Phật".

Chúng tôi trí mỏng nghiệp dày nên trong bộ "kinh giải" này không sao tránh khỏi những thiếu sót sai lầm, kính mong các bậc cao minh hỷ xả chỉ giáo cho. Chân thành cảm tạ.

Viết tại Washington
Mùa Thu năm Canh Dần, 2010.
Nam Mô A Di Đà Phật

Lê Sỹ Minh Tùng

Chân thành cảm tạ Tác Giả đã gửi tặng Thư Viện Hoa Sen bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giảng Giải, Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Giảng Giải, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Giảng Giải và CD cửng một USB Flash. Hiện tác giả còn một số sách cũng như MP3. Nếu quý độc giả muốn thỉnh xin liên lạc về: Minhtung09@gmail.com ***Hoàn toàn miễn phí.***

https://thuviensach.vn

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM GIẢNG GIẢI
SURAMGAMA SUTRA

Lê Sỹ Minh Tùng

Cuốn Một

Phần Giới Thiệu

Ngày nay với sự tiến bộ của văn minh khoa học đã giúp con người có những cái nhìn tương đối rộng rãi và chính xác hơn đối với nhân sinh vũ trụ. Ngày xưa, khi Ngài Tam Tạng Trần Huyền Trang khổ công lặn núi trèo non, băng qua tuyết sơn giá buốt đến Ấn Độ để thỉnh kinh. Cuộc hành trình phải mất hai năm đi, hai năm về và 13 năm du học bắt đầu từ năm 629 mãi đến năm 645 Ngài mới về lại Trường An, Trung Quốc. Rời Đại Đường 17 năm, Ngài Huyền Trang đi trên năm vạn dặm đường, xuyên qua 128 quốc gia lớn nhỏ. Khi đi chỉ một người một ngựa, nhưng ngày trở về cố quốc Ngài đã thỉnh về 150 Xá Lợi, hai tượng Phật gỗ đàn tô ngân cao 4 thước, ba tượng Phật bằng đàn hương cao trên 2, 3 thước và 657 bộ kinh chia làm 520 hiệp cùng một số bảo vật khác. Trong suốt thời gian du học, Ngài đã thăm viếng hầu hết các di tích của đạo Phật như vườn Lâm Tỳ Ni (nơi Phật đản sanh), Bồ-đề đạo tràng (nơi Phật thành đạo), thành Câu thi na (nơi Phật nhập diệt) và rất nhiều tu viện lớn trải khắp Ấn Độ. Đặc biệt Ngài lưu lại sáu năm tại tu viện Na Lan Đà tu học và trở thành một trong ba người học trò giỏi nhất của cao tăng Giới Hiền. Tất cả những kinh điển của phái Đại thừa, Tiểu thừa, kinh Vệ đà ngay cả những sách thuốc…đều tập trung tại tu viện này. Từ ngày

https://thuviensach.vn

về lại Trung Hoa, Ngài Huyền Trang bắt tay ngay vào công việc phiên dịch.

Trong suốt 19 năm ròng rã, Ngài dịch được tất cả 75 bộ kinh, gần 1335 quyển từ tiếng Phạn sang tiếng Hán. Thể theo lời yêu cầu của vua Đường để phô trương cho người Ấn Độ biết những học thuyết của Trung Hoa, Ngài còn dịch bộ Đạo Đức Kinh của Lão Tử và bộ Đại Thừa khởi tín luận từ chữ Hán sang chữ Phạn. Và dĩ nhiên Ngài còn để lại cho đời một bộ "Đại Đường Tây Vực Ký" gồm 12 quyển ghi lại đầy đủ rất chi tiết về lịch sử, địa lý, phọng tục, tập quán…của 128 quốc gia Ngài đã đi qua. Trưa ngày mồng 5 tháng 2 năm 664, vì tuổi già sức yếu Ngài gác bút nghìn thu tại chùa Ngọc Hoa, thọ 69 tuổi. Trên đường hồi hương Ngài phải băng qua con sông Tín độ (Indus), một trong hai con sông lớn nhất của Ấn Độ. Khi đoàn người hộ tống kinh sách đến giữa dòng sông thì đột nhiên cuồng phong nổi sóng ba đào khiến thuyền bị chơi vơi làm rơi mất 50 bộ kinh. Biến cố nầy làm cho Ngài Huyền Trang ray rứt đau buồn khôn xiết vì Ngài quý kinh điển còn hơn cả mạng sống của mình. Giả sử ngày xưa Ngài Huyền Trang có cái "memory stick" chứa khoảng vài "Gigabyte" thì tất cả kinh điển có thể dung chứa trong cái memory nhỏ hơn ngón tay út nầy. Giả sử Ngài Huyền Trang có được chiếc máy "GPS" để dẫn đường thì cuộc hành trình qua Ấn Độ sẽ dễ dàng biết bao. Nhưng giả sử Ngài Huyền Trang có được những thứ nầy thì làm sao Phật giáo có được một bậc vĩ nhân đã tận tụy hy sinh cả đời mình cho Phật pháp, bất chấp mọi hiểm nguy. Một người chẳng những đã thông

https://thuviensach.vn

suốt tam tạng kinh điển mà còn cống hiến đời mình để thỉnh và dịch những bộ Đại Tạng Kinh lưu lại cho hậu thế đến hơi thở cuối cùng. Ngài là một tấm gương sáng chói cho hàng hậu học vì không có một thành công lớn nào trên thế gian mà không trải qua những thử thách khó khăn. Vì thế cổ nhân có dạy rằng:

"Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch"
Nghĩa là người cho chí lớn trước hết phải trải qua một phen khó khăn gian khổ, sau đó mới có thể đạt được sự dễ dàng.

Tu học kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng thế, đòi hỏi hành giả phải chuyên cần, bền chí dành nhiều thì giờ tư duy quán chiếu, thẩm xét tư lương đến khi nhân duyên đến, tức thì được ngộ. Do vậy cổ nhân cũng nhắn nhủ rằng:

"Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,
Chẩm đắc mai hoa phác tỵ hương?"

Nghĩa là:

Không trải qua mùa đông buốt giá,
Hoa mai sao nở được mùi thơm?

Nhưng tiếc thay chính Ngài Huyền Trang tuy đã lưu ngụ rất nhiều nơi và nhiều năm ở Ấn Độ mà cũng không hề hay biết lúc bấy giờ ở Ấn Độ còn có một bộ kinh rất quý giá khác là kinh Thủ Lăng Nghiêm.

https://thuviensach.vn

Thử nghĩ một người đi trong biển khơi, sóng dồi gió dập, lênh đênh chập chùng, nếu không có tấm hải đồ hay kim chỉ Nam thì làm sao vượt qua bão tố trùng dương để quay thuyền về bến. Chúng ta ngày nay rất may mắn có được chiếc máy Navigation nên không còn lầm đường lạc nẻo, nhưng thử nghĩ lại trên con đường tu đạo chúng sinh có may mắn nắm trong tay cái máy GPS Phật pháp chăng? Vâng, chính kinh Thủ Lăng Nghiêm là chiếc máy GPS, là kim chỉ Nam để hướng dẫn người tu hành từng bước ngỏ hầu vượt qua bao thử thách chướng ma mà thành tựu trí tuệ Bồ-đề.

Bấy giờ tại núi Thiên Thai bên Trung Hoa có Trí Giả Đại Sư là người đã nghiêm trì kinh Pháp Hoa đến chỗ tột cùng. Một hôm Ngài đọc phẩm Dược Vương Bồ-tát bổn sự trong kinh Pháp Hoa đến câu : ”Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai” nghĩa là có được tâm chân chính tinh tấn thì mới được gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật, Ngài liền nhập định, chứng Pháp Hoa Tam-muội và đạt được Nhất Triền đà-la-ni. Lúc đó Ngài vừa 49 tuổi. Sau khi Ngài xuất định, với trí tuệ siêu tuyệt, Ngài lập ra môn Tam Chỉ Tam Quán và từ đó tông Thiên Thai được vang danh cho đến ngày nay. Sau đó có một vị Pháp sư người Ấn Độ đến Trung Hoa vì nghe danh Ngài nên đến núi Thiên Thai để thăm. Sau khi nghe Trí Giả Đại Sư trình bày về môn Tam Chỉ Tam Quán, vị Pháp sư rất ngạc nhiên mà thốt rằng môn Tam Chỉ Tam Quán nầy cũng giống như

https://thuviensach.vn

kinh Thủ Lăng Nghiêm ở Ấn Độ. Tam Chỉ Tam Quán dùng "ý thức" để tu tâm, còn kinh Thủ Lăng Nghiêm dùng "Tánh của Căn" để tu. Thông thường, chỉ quán là do công phu luyện tập lâu ngày thuần thục mới có thể kết hợp được tâm và cảnh nhất như mà không lấy ngay tự tánh sẵn có làm định. Ngược lại, kinh Lăng Nghiêm dùng định viên mãn của tự tâm sẵn có làm "Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố" nghĩa là sự bền chắc nhất trong tất cả mọi thứ tức là cứu cánh bậc nhất.

Vì thế lối tu "Tự tánh bổn định" này khác hẳn với lối tu tam chỉ tam quán của Ngài Trí Giả Đại sư. Một khi đã nắm được thể tánh chiếu diệu đó, hành giả liền khởi công tu luyện "vi mật quán chiếu" mà không cần lấy tư duy tu tập làm quán. Tại sao? Bởi vì cái định này vốn tự tánh sẵn có, thường hằng, không ngoài tự tánh bất động cùng làm một thể chơn định. Vì sự huyền diệu đó mà Trí Giả Đại Sư rất xúc động khi nghe có kinh Thủ Lăng Nghiêm đang lưu hành mà chính Ngài chưa từng hay biết nên Ngài khát vọng muốn có cơ hội để xem cho được bộ kinh nầy nên hằng ngày hai lần sớm chiều hướng về phương Tây (Ấn Độ) quỳ lạy cầu khẩn liên tiếp trong mười tám năm cho kinh Lăng Nghiêm được sớm truyền bá sang Trung Quốc. Nhưng duyên chưa đến nên Trí Giả Đại Sư viên tịch lúc Ngài 67 tuổi mà vẫn chưa hề thấy, đọc được kinh.

Tại sao Ấn Độ lại cấm kinh Lăng Nghiêm lưu truyền ra nước ngoài và luật pháp cấm Pháp sư Ấn độ không được dạy kinh nầy cho người ngoại quốc?

https://thuviensach.vn

Bởi vì kinh quá quý báu nên Quốc vương Ấn Độ thông báo cho thần dân biết kinh Lăng Nghiêm là quốc bảo vì đó là bổn kinh do Bồ-tát Long Thọ mang từ long cung về nên nhà vua ra lệnh cấm lưu truyền kinh sang ngoại quốc. Khoảng 100 năm sau, trong thời đại của Võ Tắc Thiên hoàng đế, có Ngài Pháp sư Bất Lạt Mật Đế (Pramiti) người Trung Ấn Độ, vì thấy tầm quan trọng của kinh nên động lòng từ bi muốn đem kinh truyền sang nước khác để cứu độ chúng sinh, đặc biệt là Trung Hoa. Lần đầu Ngài sắp đặt cho thương nhân Trung Hoa mang đi bản sao của kinh, nhưng bị thuế quan ở biên giới giữ lại, không cho phép mang ra khỏi nước. Lần thứ hai, Ngài dấu kinh trong người nhưng cũng bị thuế quan bắt lại. Vì Ấn Độ thời bấy giờ triều đình rất kính trọng đạo Phật nên Ngài mới được tha tội.

Cuối cùng Ngài chép kinh bằng chữ rất nhỏ trên một tấm lụa cực mỏng, cuốn lại rồi phủ bên ngoài tấm lụa một lớp sáp. Ngài tự xẻ thịt nơi cánh tay mình nhét cuộn lụa vào trong đó, may vết thương lại rồi dùng thuốc đắp lên cho đến khi vết thương lành lặn. Khi vết mổ đã lành, Ngài lại lên đường sang Trung Hoa. Lần nầy, lính gác biên giới không chút nghi ngờ nên Ngài đi thoát. Ngài Bất Lạc Mật Đế dùng đường biển để đến Quảng Châu. Khi đến đất Nam Thuyên thì Ngài gặp cư sĩ Phòng Dung. Cư sĩ Phòng Dung lúc còn trẻ, làm đến chức Thừa tướng cho Hoàng đế Võ Tắc Thiên, nhưng vì phạm lỗi lầm nên bị thuyên chuyển đến làm quan ở đất Nam Thuyên nầy. Vì làm đại quan nên

https://thuviensach.vn

ông là bậc bác học uyên thâm và cũng là người rất hâm mộ Phật pháp.
Khi nghe Ngài Bất Lạc Mật Đế nói về kinh Lăng Nghiêm thì ông hết sức vui mừng, nhưng khi mở tấm lụa ra thì máu me bám lấy lâu ngày làm mất cả chữ nghĩa. May thay, phu nhân của ngài Phòng Dung đem cuốn lụa ấy nấu với một chất hóa học thì máu mủ đều theo nước mà tan đi và chỉ lưu lại các nét mực mà thôi. Ngài Bất Lạt Mật Đế vì đạo quên mình cũng đủ chứng minh sự quý báu của kinh Lăng Nghiêm và tâm Bồ-tát của Ngài làm cho chúng sinh trọn đời bái phục. Cũng xin nhắc lại, vào năm 64 trước tây lịch, vua Hán Minh Đế ở Trung Hoa một đêm nằm mộng thấy có "người vàng" trên đầu tỏa ánh hào quang. Khi nhà vua hội quần thần lại thì có người cho biết đó là hình ảnh Đức Phật bên Ấn Độ. Nhà vua bèn cho người sang tận Ấn Độ thỉnh. Lúc ấy có Ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan chở kinh về Trung Hoa. Từ đó Trung Hoa mới bắt đầu có kinh Phật. Ở Ấn Độ kinh Phật được chép trên lá bối thành từng miếng rồi xâu lại thành một thiên tức gồm một ngàn miếng. Vì thế có người gọi kinh Phật là kinh là bối. Nhưng khi kinh được dịch từ Phạn ngữ sang tiếng Trung Hoa thì được viết vào lụa trắng.

Ngài Bất Lạc Mật Đế dịch kinh Thủ Lăng Nghiêm từ chữ Phạn sang chữ Hán theo khẩu dịch (văn nói) tại chùa Chế Chi tỉnh Quảng Châu vào ngày Tân Sửu, tháng Kỷ Mảo năm Ất Tỵ (705 Tây lịch) niên hiệu Thần Long thứ nhất và hoàn tất bản dịch năm Đinh Mùi (707 Tây lịch). Tuy Ngài

https://thuviensach.vn

Bất Lạc Mật Đế chủ trì công cuộc phiên dịch này, nhưng còn có hơn hai trăm Pháp sư đã tựu về để cùng nhau tiến hành công tác phiên dịch kinh Lăng Nghiêm. Triều đại nhà Đường của Võ Tắc Thiên Hoàng đế kéo dài từ năm 618 đến năm 907 Tây lịch. Năm Tân Sửu (701Tây lịch) Võ Tắc Thiên thoái vị, nhường ngôi cho Hoàng đế Trung Tông lấy niên hiệu là Thần Long nguyên niên.

Pháp sư cố gắng dịch kinh rất nhanh để phải trở về lại Ấn Độ, đến thú tội với nhà vua và xin nhận bất kỳ mọi hình phạt nào trước khi viên quan giữ cửa ải có thể bị phạt vì để Ngài lén mang kinh ra nước ngoài. Trong khi đó ở tại Trung Hoa, sau khi dịch xong, cư sĩ Phòng Dung vào yết kiến triều đình thì vua Trung Tông mới lên kế vị và vì phải đương đầu với nhiều quốc sự nên nhà vua chưa rảnh để nhuận sắc. Đến khi Thiền sư Thần Tú được phong làm Quốc sư, rồi được cúng dường ở trong hoàng cung nên một hôm Thiền sư thấy được bộ kinh này bèn cho chép lại và ấn tống lưu hành ở phương Bắc. Sau khi được vua Trung Tông nhuận sắc, kinh Lăng Nghiêm được ấn hành tại chùa Độ Môn ở Kinh Châu và từ đó kinh mới được lưu truyền.

Khi nói về Thần Tú thì làm sao quên được bài kệ :

Thân thị Bồ-đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời thường phất thức

https://thuviensach.vn

Vật sử nhạ trần ai.
Dịch là :

Thân là cội Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau chùi
Chớ để dính bụi trần.

Vì mỗi câu đều chấp vào sự tướng chứng tỏ tâm chưa ngộ được lý Không. Trong khi đó Ngài Huệ Năng dùng trí tuệ Bát nhã mà đối lại rằng :

Bồ-đề bổn vô thọ
Tâm phi minh cảnh đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai.

Nghĩa là :

Bồ-đề là sự giác ngộ thì làm sao là cây được.
Chơn tâm là chơn không vô hình vô tướng thì làm sao là cái đài gương.
Cái chơn tâm, bản lai diện mục này từ xưa đến nay đâu có hình tướng.
Nếu không có tướng trạng thì làm sao dính được bụi trần!

Tuy ít học nhưng tâm đã liễu ngộ chân lý nên Ngài Huệ Năng trở thành tổ thứ sáu của thiền tông Trung Hoa. Sau

https://thuviensach.vn

khi Lục Tổ Huệ Năng rời Huỳnh Mai quay về phương Nam lánh nạn và sau này truyền bá Đông Sơn Pháp môn chỉ trong phạm vi thuộc vùng biên cương Trung Hoa và Việt Nam nên triều đình và phần lớn người Trung Quốc không hề biết đến Ngài. Chính trong thời gian này, Thiền sư Thần Tú đang được trọng vọng ở triều đình và được vua Trung Tông sắc phong làm quốc sư vì thế mọi người đều nghĩ rằng Thần Tú chính là người thừa kế tâm ấn của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Mãi về sau có Ngài Thần Hội là đệ tử của Lục Tổ sau khi thọ giáo với Huệ Năng đã đem những sở đắc của mình, bằng cách dùng trí tuệ Bát nhã, quét sạch hệ phái Lăng Già của Thần Tú để khôi phục danh vị lại cho Lục Tổ Huệ Năng. Thần Hội dùng phương pháp Đốn giáo (giác ngộ nhanh theo pháp tu trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật) mà đánh tan Tiệm giáo (tu từ từ) của Thần Tú do Phổ Tịch đệ tử của Thần Tú phát huy vì lúc đó cả Lục Tổ và Thần Tú đều đã viên tịch. Những lời thuyết pháp của Thần Hội mạnh như vũ bão đã quét sạch những tông phái Thiền lúc bấy giờ và phục hồi ngôi vị Lục Tổ cho Huệ Năng.

Phụ tá cho Ngài Bất Lạt Mật Đế trong việc phiên dịch kinh cũng là một pháp sư lỗi lạc người Ấn Độ có nhiệm vụ đọc lại bản dịch, chú ý đặc biệt đến sự diễn đạt văn nghĩa, câu cú và cách dùng những thành ngữ tiếng Hán. Đó là pháp sư Di-Già Thích-Ca (Meghasikhara). Ngài Di-Già Thích-Ca là người Ô-tràng (Udyana) phía Bắc Ấn Độ mà ngày xưa là vườn hoa của vua A-dục (Asoka).

https://thuviensach.vn

Cư sĩ Phòng Dung là một Phật tử tại gia đã thọ trì mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh của Bồ-tát. Ông là một người có tài văn chương và kiến thức rất uyên bác cho nên chính việc nhuận sắc của ông đã làm cho kinh Lăng Nghiêm có giá trị rất đặc sắc cho nên kinh Lăng Nghiêm chẳng những nghĩa lý rất hay mà văn chương còn tuyệt diệu. Từ xưa các học giả, không nhất thiết là trong đạo Phật, mà cả đạo Khổng Mạnh, mỗi khi xem đến kinh Lăng Nghiêm đều kính phục và vô cùng khen ngợi cái nghĩa lý cao siêu và văn chương tuyệt diệu của kinh. Có thể nói kinh Lăng Nghiêm là một tác phẩm hoàn hảo nhất bằng tiếng Hán ngay cả người Trung Hoa khi đọc cũng khó mà lãnh hội hết ý kinh.

Tuy hai Pháp sư Bất Lạt Mật Đế và Di-Già Thích-Ca đều là người Ấn Độ và rất thông thạo tiếng Phạn (Sanskrit) cũng như tiếng Hán, nhưng vì sợ rằng mình không thông hiểu được tiếng Trung Hoa hoàn hảo cho lắm nên họ cho mời một vị Pháp sư người Trung Hoa chứng minh cho bài dịch. Đó là Pháp sư Hoài Địch. Ngài Hoài Địch lúc bấy giờ đang làm trụ trì chùa Nam Lâu trên ngọn núi La Phù là ngọn núi nổi tiếng ở tỉnh Quảng Đông. Ngoài tinh thông giáo nghĩa kinh tạng, Ngài Hoài Địch còn thông thạo cả tiếng Phạn nên được mời chứng minh cho sự phiên dịch chính xác của bản dịch.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là tâm ấn bí mật đại tổng trì môn

https://thuviensach.vn

của chư Phật Như Lai, bao gồm toàn bộ hệ thống giáo lý nhân quả, mê ngộ, chơn vọng, phàm thánh của tất cả đại tạng. Kinh soi chiếu rõ ràng giúp chúng sinh thấy sự sai khác của chánh tà trong quá trình tu chứng và tình trạng điên đảo của luân hồi cũng như thấu triệt cả nguồn nhất tâm, bao gồm cả vạn pháp một cách rộng lớn và đầy đủ. Sau khi Đức Phật nhập diệt, kinh điển Phật giáo được chia làm ba tạng: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Nếu đứng về phương diện Tam vô lậu học "Giới, Định, Tuệ" thì Kinh tạng thuộc về Định học, Luật tạng thuộc về Giới học và Luận tạng thuộc về Tuệ học. Thế thì kinh Lăng Nghiêm chủ yếu dạy chúng sinh làm thế nào để tu thiền định tuy trong kinh cũng có đề cập đến Giới và Tuệ, nhưng không nhiều lắm. Do vậy, có thể nói rằng kinh Lăng Nghiêm lấy Định học làm gốc cho nên kinh thuộc về Kinh tạng. Vì thế nội dung của kinh vẫn không ngoài tôn chỉ "thị tánh định, khuyến thực chứng".

Kinh Lăng Nghiêm có thể giáo hóa, khiến cho "tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí" nghĩa là tất cả loài hữu tình và vô tình đều có thể viên thành Phật đạo. Nhưng chủ yếu của kinh vẫn là nhắm vào thành phần Thanh Văn, Duyên giác, hàng hữu học và đặc biệt là hàng định tánh Thanh văn tức là những vị A la hán không muốn "hồi tiểu hướng đại" nghĩa là họ chỉ muốn an hưởng quả vị A la hán mà không chịu tiến tu chuyển sang đại thừa để hoàn thành Phật quả. Nhưng nếu nói rộng ra thì tất cả chúng sinh trong tam giới đều có thể lãnh hội kinh Lăng Nghiêm mà chứng nhập Thủ

https://thuviensach.vn

Lăng Nghiêm tam muội. Vì vậy kinh Lăng Nghiêm có thể nói là "vô cơ bất dị, vô nhân bất độ" nghĩa là không căn cơ nào không được gia bị và không người nào không được cứu độ.

Sau khi Đức Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ-đề, Ngài nói trong thiền định trong 21 ngày về giáo lý tối thượng Đại thừa (Hoa Nghiêm) để đưa các vị Bồ-tát lên quả vị Diệu Giác tức là thành Phật. Đức Phật thị hiện giáo hóa chúng sinh, chuyển bánh xe pháp cũng không ngoài mục đích muốn chúng sinh ngộ nhập Phật Tri Kiến tức là thể nghiệm và sống được với chơn tâm của mình. Vì thế Phật mới dạy rằng: "Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh, giai kham tác Phật" nghĩa là trong tất cả chúng sinh, ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Nhưng nếu chúng sinh đều có Phật tánh thì tại sao đến nay chúng ta vẫn chưa thành Phật? Cũng chỉ vì tâm của chúng sinh chất đầy vọng tưởng, chấp trước. Vậy chúng ta chấp cái gì? Chấp "cái ta" tức là bản ngã và cái "của ta" tức là ngã sở hữu cho nên không buông bỏ được những hưởng thụ vật chất trong thế gian. Con người luôn níu kéo, nắm bắt mãi, càng có thì càng chấp trước thêm và ham thích hưởng thụ nên chưa thể thành Phật.

Cho nên Đức Phật mới dạy rằng : "Do vọng tưởng và chấp trước mà tất cả chúng sinh không thể chứng đắc, không thể thành Phật". Cũng vì tâm chúng sinh chất đầy phiền não vô minh, lấy khổ làm vui, chạy theo tham đắm dục tình cho nên Đức Phật tạm thời trên hội A Hàm chỉ nói về giáo nghĩa thập thiện giúp cho họ thấy con đường sáng mà khỏi

https://thuviensach.vn

bị đọa vào tam ác đạo. Ngài nói các pháp Vô thường, Khổ, Không, Vô Ngã, chân lý Tứ Diệu Đế và thuyết Thập Nhị Nhân duyên để giúp chúng sinh tạm thời ra khỏi tam giới, xa lìa sinh tử và chứng đắc Niết bàn. Nhưng Niết bàn mà họ chứng được chỉ là hóa thành tức là tạm nghĩ chớ chưa phải là bảo sở tức là hoàn toàn, chân thật và an định mãi mãi bởi vì hàng Tiểu thừa không đạt được đạo lý Duy Thức.

Sau đó Phật mới nói kinh Giải Thâm Mật để khai triển tám thức (Lục thức, Mạt na thức và A lại da thức). Kinh nầy giúp con người thấy rõ vọng tướng đều từ duy thức sở biến, nhưng sau cùng cũng trở về với thật tướng là không tướng tức là tướng không. Kế đến Phật nói thời Bát Nhã để giới thiệu "chân không huyển có" nghĩa là "không" là cái không của chân không diệu tánh, là cội nguồn phát sinh ra thế giới hữu vi. Còn "huyển" nghĩa là cái có tạm bợ, không bền chắc của luật vô thường. Chân không này hoàn toàn khác với cái không của Tiểu thừa là cái không đối với cái có của thế giới hữu vi. Sau cùng đến thời Pháp Hoa, Phật dạy rằng : "Phật vi nhất đại sự nhân duyên, xuất hiện ư thế" nghĩa là Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Nhưng Phật muốn nói nhân duyên gì? Đó là "Khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật Tri Kiến" và quy tam thừa thành nhất thừa Phật giáo.

Đức Phật Thích Ca trong suốt bốn mươi chín năm hoằng pháp tế độ chúng sinh. Ngài thuyết trên ba trăm hội và nói trên mười hai bộ đại tạng kinh, nhưng quan trọng nhất vẫn

https://thuviensach.vn

là kinh Thủ Lăng Nghiêm. Kinh Thủ Lăng Nghiêm được Phật thuyết giảng vào thời kỳ Phương Đẳng (phương là phương tiện rộng khắp và đẳng là bình đẳng) và lúc đó Đức Phật vừa được 62 tuổi. Giáo pháp của Phật thì vô biên vô lượng, nhưng tựu trung có thể chia làm hai phần : bình đẳng là pháp "thật" và pháp môn phương tiện là pháp "quyền".

Pháp "thật' là chân thật và không bao giờ biến đổi. Còn pháp "quyền" thì không thật, chỉ là phương tiện tạm thời, là những thí dụ cụ thể dùng để xiển dương chân lý. Vì Phật khéo léo dùng những thí dụ, những phương tiện để phô bày những gì ẩn dụ bên trong mà ngôn ngữ con người không thể nào diễn tả được. Có một thí dụ về pháp "quyền" như sau :

Một hôm Đức Phật thấy một đứa bé đang chập chững đi về hướng một cái giếng và chỉ còn một chút xíu nữa là nó rơi xuống nước. Đức Phật biết nếu Ngài gọi đứa bé quay trở lại chưa chắc nó đã nghe lời, mà vẫn cứ đi. Do đó thay vì nói thật thì không có kết quả, Ngài bây giờ nói quyền rằng : "Trong tay Như Lai có cây kẹo, hãy quay lại đây ngay Như Lai sẽ cho con cây kẹo ấy". Khi đứa bé nghe nói được cho kẹo để ăn, liền quay trở lại. Thật ra Như Lai chả có cái gì trong tay cả. Thế thì Đức Phật có nói dối chăng? Như Lai có đánh lừa đứa bé không? Dĩ nhiên là "không" bởi vì nếu Đức Phật không dùng cây kẹo để khuyến dụ đứa bé làm cho nó quay trở lại thì chắc chắn nó sẽ bị rơi xuống giếng và chết đuối ngay. Do đó đứa bé đến với Đức Phật

https://thuviensach.vn

ban đầu chỉ là cây kẹo, nhưng sau đó mới biết được sự lợi ích của lời nói Như Lai. Đây chính là huyền nghĩa của kinh điển Đại thừa, nhưng nếu người đệ tử Phật không thông hiểu thấu suốt mà cho quyền là thật, chấp phương tiện là cứu cánh thì chẳng những không có được giải thoát giác ngộ mà còn lún sâu vào mê tín tà kiến biến cuộc sống thành ảo tưởng hoang đường.

Rất nhiều kinh điển được Phật dùng pháp "quyền" để giáo hóa chúng sinh mà kinh Duy Ma Cật bất khả tư nghì là một điển hình vậy. Quyền là chẳng có gì thật cả, nhưng Đức Phật lại khéo léo dùng những thí dụ làm phương tiện thiện xảo để xiển dương được giáo lý của Ngài. Đức Phật dạy rằng : "Như Lai có một kho báu, hãy đến đây, Như Lai sẽ cho quý vị một viên ngọc minh châu vô giá và các thứ trân châu khác…".Vì chúng sinh còn nhiều tâm tham nên họ liền đến với Như Lai để được món lợi, vì thế Như Lai mới có cơ hội giáo hóa họ được. Khi đã thấu hiểu huyền nghĩa của giáo pháp Như Lai, chúng sinh sẽ không còn quan trọng hay quan tâm đến viên ngọc minh châu vô giá đó nữa vì chúng sinh vốn đã có viên ngọc đó trong họ rồi. Đó là quyền, là phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng sinh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm vừa có pháp bình đẳng (pháp thật) và vừa bao gồm pháp phương tiện (pháp quyền) nên chúng sinh tu theo kinh nầy sẽ thoát ra khỏi mọi hệ lụy của phiền não khổ đau, có được sự an vui tự tại và thể nghiệm được

https://thuviensach.vn

chơn tâm, Phật tánh thanh tịnh của chính mình và cuối cùng đạt tới tuệ giác giải thoát.

Vì thế mà chư Tổ ngày xưa đã nói rằng : ”Thành Phật tu Pháp Hoa, Tuệ giác tu Lăng Nghiêm” là vậy. Bởi vì kinh Pháp Hoa xác định là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như nhau nên ai ai cũng đều có khả năng tu chứng Pháp Hoa Tam Muội mà thành Phật. Còn tu theo Lăng Nghiêm là chứng đắc được tuệ giác để phá tất cả những vô minh phiền não trần lao mà trở về sống với Chơn Tâm thường có và Thể Tánh thanh tịnh sáng suốt sẵn có trong tất cả chúng sinh. Kinh xác định rõ rằng còn phiền não khách trần là còn sống trong điên đảo khổ đau, lau sạch phiền não khách trần là sống với Chơn Tâm thường có và Thể Tánh thanh tịnh sáng suốt của mình tức là có được giải thoát giác ngộ.

Chẳng những kinh Lăng Nghiêm là bộ kinh hay nhất, quý nhất và là kim chỉ Nam cho kẻ tu hành, mà kinh còn là chướng ngại lớn nhất cho bọn tà đạo, ma vương. Trong kinh Pháp Diệt Tận xác định rõ ràng rằng : ”Vào thời mạt pháp kinh Thủ Lăng Nghiêm sẽ bị hoại diệt trước hết, sau đó, các kinh khác dần dần biến mất”.

Tại sao kinh Thủ Lăng Nghiêm bị hủy diệt trước nhất? Bởi vì kinh diễn tả rất chính xác, chẳng những đúng với chánh pháp mà lại rất phù hợp với đạo lý làm cho bọn tà giáo, ngoại đạo, yêu ma quỷ quái bị lộ nguyên hình ma quái, khó mà lừa gạt phỉnh phờ thế nhân. Chú Lăng Nghiêm có công

https://thuviensach.vn

năng phá tà hiển chánh giúp chúng sinh dũng mãnh tiến bước theo con đường quang minh chánh đại. Nhưng tại sao bọn ma quái lại sợ kinh Lăng Nghiêm? Bởi vì kinh đề cập đến Bốn điều răn dạy về sự thanh tịnh và năm mươi thứ ấm ma làm cho bọn ma quái lộ nguyên hình cũng như đem tấm kính chiếu yêu soi vào mặt họ. Kinh Lăng Nghiêm sẽ lột bày tất cả bản chất yêu quái, những điều sai trái của thiên ma ngoại đạo. Vì thế ngày nào kinh còn lưu hành thì ngày đó chánh pháp còn ở thế gian.

Cũng trong kinh Pháp Diệt Tận, Đức Phật dạy rằng : "Sau khi Như Lai nhập Niết bàn, khi giáo pháp bắt đầu suy yếu, trong đời ngũ trược ác thế, ma đạo sẽ rất thịnh hành, ma quỷ biến thành sa-môn, xuyên tạc phá hoại giáo pháp của ta. Đây chính là trùng trong thân sư tử lại ăn thịt sư tử. Chúng mặc y phục thế tục, ưa thích y phục đẹp đẽ, cà sa sặc sỡ; uống rượu, ăn thịt; giết hại sinh vật tham đắm mùi vị; không có lòng từ, thường mang sân hận, đố kỵ lẫn nhau".

Do đó muốn cho Phật pháp được mãi mãi lưu truyền, người đệ tử Phật có bổn phận xiển dương kinh Thủ Lăng Nghiêm bằng cách giới thiệu, truyền bá và tu học ngỏ hầu thể nghiệm được tinh hoa giáo nghĩa của kinh để sống với Chơn tâm thường trú và Thể Tánh tịnh minh của mình mà đạt đến cứu cánh tột đỉnh là giải thoát giác ngộ, đưa con người từ phàm phu đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

https://thuviensach.vn

Cuốn Một
Chương Thứ Nhất - Đề Mục Kinh

Khi Đức Thế Tôn giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm ở tịnh xá Kỳ Hoàn trong thành Thất-la-phiệt, Ngài nói ra năm loại đề mục kinh như sau :

1) Đại Phật Đảnh Tất Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Bảo Ấn Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn.
2) Cứu Hộ Thân Nhân Độ Thoát A Nan Cập Thử Hội Trung Tánh Tỳ Kheo Ni Đắc Bồ Đề Tâm Nhập Biến Trí Hải.
3) Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa.
4) Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Thập Phương Phật Mẫu Đà Ra Ni Chú.
5) Quán Đảnh Chương Cú Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Nhưng khi dịch từ Phạn ngữ sang Hán tự, Ngài Bát Lạt Mật Đế chỉ lấy 19 chữ trong các đề mục trên mà ghép thành đề mục kinh cho bản Hán tự. Đó là :

Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm, gọi tắt là Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Suramgama) tức là Kinh nói về Chơn tâm.

Đề mục kinh chỉ vỏn vẹn có 19 chữ, nhưng đã bao hàm

https://thuviensach.vn

toàn bộ chân lý để giúp người tu theo kinh nầy đạt được tuệ giác giải thoát. Tuy đề mục kinh (lời tựa) có tất cả 19 chữ, nhưng chung quy vẫn chú trọng ba chữ Thủ Lăng Nghiêm vì 16 chữ kia cũng nằm trong ý nghĩa của ba chữ nầy.

Kinh tiếng Phạn (Sanskrist) là Sũtra. Chữ kinh được dùng trong kinh điển Phật giáo có nghĩa là khế kinh. Khế nghĩa là trên thì khế hợp với đạo lý của chư Phật và dưới thì phù hợp với căn cơ và trình độ của mọi chúng sinh để giáo hóa họ trong mọi lúc, mọi thời. Một ý nghĩa khác của kinh là thường pháp tức là một chân lý không thay đổi. Quá khứ Phật nói Pháp thế nào, hiện tại Phật nói Pháp như vậy và tương lai Phật cũng nói Pháp như thế ấy. Thí dụ như Phật Thích Ca thuyết Tứ Diệu Đế thì Phật quá khứ Ca Diếp hay Phật tương lai Di Lặc cũng nói chân lý Tứ Diệu Đế không sai không khác. Một thí dụ khác về luật vô thường và lý vô ngã, Phật Thích Ca nói con người ai ai cũng phải nằm trong chu kỳ sanh lão bệnh tử, sự vật thì phải chịu sanh, trụ, dị, diệt và thế giới vũ trụ bao la vô cùng vô tận cũng không thoát khỏi thành, trụ, hoại, không. Vì đây là chân lý nên chư Phật ba đời đều thuyết giống nhau nên giáo pháp nầy gọi là thường pháp. Vì vậy kinh chính là con đường dẫn dắt chúng sinh chứng ngộ chân lý mà có được giải thoát giác ngộ. Đạo lý Khổng Mạnh có ngũ kinh là kinh Thi, kinh Dịch, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Xuân Thu và Lảo Tử cũng có Đạo Đức kinh. Tuy nhiên những kinh nầy chỉ chú trọng vào đạo lý làm căn bản cho cuộc sống của con

https://thuviensach.vn

người để có một xã hội thái bình, yên vui, trật tự. Ngược lại, khế kinh giúp chúng sinh thấu triệt thật tướng nhân sinh vũ trụ, chứng ngộ chân lý giải thoát giác ngộ mà đạt vào cảnh giới vô sanh vô diệt.

Đảnh là điểm cao nhất trên đầu và Đảnh đầu Phật có một u thịt màu hồng nhô lên, có thể phóng hào quang mà không ai thấy được nên gọi là ”vô kiến đảnh tướng”. Đó là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật. Do đó Đại Phật Đảnh là điểm nổi lên cao nhất trên đỉnh đầu của Đức Phật. Trước khi Đức Phật Thích Ca thuyết giảng kinh Lăng Nghiêm hay bất cứ bộ kinh Đại thừa nào thì từ đỉnh đầu Ngài phóng ra hào quang soi chiếu khắp mười phương thế giới tức là Ngài dùng trí tuệ siêu việt để xem xét khế cơ và khế lý của tất cả chúng sinh có khế hợp với giáo lý của kinh không? Nói cách khác Đức Phật dùng trí tuệ siêu việt của mình để soi chiếu mà thấy rằng nếu chúng sinh có đầy đủ tri kiến để lãnh hội giáo lý thì Ngài mới giảng kinh. Vì thế Đại Phật Đảnh chính là trí tuệ, từ bi và giải thoát siêu việt của tất cả chư Phật để soi chiếu mà cứu độ chúng sinh đưa họ từ bờ mê sinh tử đến bến bờ giác ngộ thanh tịnh Niết Bàn.

Do đó nếu chúng sinh có được tâm thanh tịnh, hào quang của Đức Phật sẽ chiếu đến và tỏa sáng trong tâm của họ cũng như ánh trăng soi chiếu trên mặt nước hồ thu yên tĩnh. Ngược lại, nếu tâm của chúng sinh còn ô nhiễm cũng ví như một vũng nước bùn đục ngầu, không có thứ ánh

https://thuviensach.vn

sáng nào chiếu soi qua được. Tâm định ví như bầu trời trong sáng không mây, là trạng thái vi diệu không thể diễn tả, nghĩ bàn cho nên người có tâm thanh tịnh thì sẽ có được sức mạnh của Thủ Lăng Nghiêm đại định vậy. Đó chính là :

Tâm thanh thủy hiện nguyệt
Ý tịnh thiên vô vân.

Nghĩa là :

Khi tâm thanh tịnh thì có ánh trăng soi chiếu trên mặt nước
Khi ý tĩnh lặng thì như bầu trời không gợn tí mây.
Như Lai là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Đó là:
Ứng cúng : Xứng đáng được hưởng sự cúng dường của người và trời.
Chánh biến tri : Hiểu biết chân chính bao trùm khắp.
Minh hạnh túc : Sự giác ngộ cũng như công hạnh trọn vẹn tròn đầy.
Thiện thệ thế gian giải : Vượt qua mọi kiến giải của thế gian một cách tự tại.
Vô thượng sĩ : Bậc không ai sánh bằng.
Điều ngự trượng phu : Bậc trượng phu khéo điều phục chính mình.
Thiên nhân sư : Thầy của trời và người.
Phật : là người hoàn toàn giác ngộ.
Thế Tôn : Đấng được khắp thế gian tôn trọng.

https://thuviensach.vn

“Như” là bản Thể của Phật pháp và Lai là dụng của Phật pháp.

“Như” là cảnh giới như như bất động của Phật và Lai là không đến từ đâu và cũng chẳng đi về đâu. Vì thế mới có câu : ”Như như bất động, lai nhi diệc lai, lai nhi bất lai” nghĩa là như như bất động, đến rồi lại đến, đến mà chẳng đến. Trong Kinh Kim Cang cũng có câu : ”Như Lai giả, vô sở tòng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai” nghĩa là Đức Phật chẳng đến với chúng sinh mà Đức Phật lại ở ngay với chúng sinh.
Phật pháp chẳng có gì là bí mật cả cho nên trong kinh này, chữ “mật” nghĩa là “thâm mật” tức là “sâu kín” đòi hỏi chúng sinh phải có trí tuệ viên mãn cao độ mới hiểu rõ được. Mật nhân là Bản Thể của định lực đã có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh, không ai thiếu sót cả, nhưng chẳng ai biết được điều ấy nên gọi là mật. Mật nhân này là định lực của Như Lai và cũng là Bản Thể định lực của tất cả chúng sinh, nhưng mật nhân của chúng sinh thì chưa được hiển bày nên vẫn còn ẩn mật. Do đó định của Thủ Lăng Nghiêm rất cao sâu huyền diệu không thể dùng trí của phàm phu mà hiểu được cho nên tất cả Như lai trong mười phương thế giới đều do thành tựu đại định Thủ Lăng Nghiêm mà có được Bồ-đề Niết Bàn.

Vì thế Như Lai Mật Nhân là những mật hạnh, tuệ giác viên thông thanh tịnh tự tánh, là những điều ẩn mật mà chư Phật đã giải ngộ được và một khi thành tựu định lực nầy tức là

https://thuviensach.vn

họ đã thể nhập Phật Tri Kiến, thấy được Pháp Tánh hay hội nhập Như Lai Viên Giác Diệu Tâm của mình. Chính mười phương chư Phật ba đời cũng đều y theo kinh Thủ Lăng Nghiêm này làm nhơn địa tu hành mà được thành Phật nên gọi là Như Lai Mật Nhân.

Liễu nghĩa là thấy thấu suốt sự chân thật của tâm nghĩa là bao gồm cả pháp tánh chân như. Thật vậy, liễu nghĩa chính là sự thật chứng một cách trọn vẹn, đầy đủ tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Khi đạt được Bản Thể của định lực nghĩa là tu chứng được liễu nghĩa tức là không còn pháp nào để tu và chẳng còn pháp nào để chứng thì đạt đến chỗ rốt ráo, chỗ cùng tận của nghĩa lý. Do đó tu chứng liễu nghĩa là người tu theo kinh Lăng Nghiêm nầy sẽ tự mình đạt được thật tướng chân như, giải thoát viên mãn và thành tựu đạo quả Bồ-đề. Đó là cảnh giới Phật, là quả vị Phật, ngang hàng với chư Phật ba đời chớ không phải tu để thành thần, thành thánh. Đây mới chính là lối tu chứng rốt ráo. Ngược lại bất liễu nghĩa là không thấy rõ hay thấy mập mờ chân như thật tánh. Như vậy tu chứng định Thủ Lăng Nghiêm là tu chứng đến Bảo sở (hoàn toàn, viên mãn), không giống như sự tu chứng tạm nghĩ ở Hóa thành của các vị Thanh Văn, Duyên Giác. Do đó kinh điển Đại thừa là kinh liễu nghĩa bởi vì kinh giúp chúng sinh thấy được Thể tánh chân như của mình mà có được giải thoát giác ngộ.

Nhưng muốn đạt đến cảnh giới của chư Phật, chúng sinh

https://thuviensach.vn

phải tiếp tục hành trì Bồ-tát đạo. Vậy thế nào là Chư Bồ-tát Vạn Hạnh?

Chư là hằng hà sa số bởi vì công hạnh của Bồ-tát vô biên vô lượng không thể nào đếm cho hết được, nhưng muốn đạt đến đạo quả Bồ-đề thì người phát tâm tu theo Bồ-tát đạo phải trải qua năm mươi lăm tiến trình từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa, Đẳng giác và sau cùng là Diệu giác tức là thành Phật. Trong Viên Giáo, Thập tín hoàn toàn không có địa vị bởi vì tâm của các vị Bồ-tát này có lúc tiến, lúc lùi. Khi đến Sơ địa thì Bồ-tát chứng được ba thứ bất thoái. Hàng Bồ-tát thuộc địa vị Thập hạnh tu lục độ vạn hạnh nhằm mục đích đào thải những tập khí của chính mình từ vô thỉ kiếp đến nay. Thí dụ như bố thí để đoạn sạch tập khí tham lam, keo kiệt. Thập hồi hướng là quay Phật sự hướng về Phật tâm bởi vì tâm Phật là tâm của chính mình. Sau khi viên mãn địa vị Tam Hiền (Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng) Bồ-tát mới vào Tứ gia hạnh và khi tu viên mãn liền đăng địa. Tứ gia hạnh là bốn phương pháp tu hành với mục đích nhằm diệt mất cả tâm lẫn Phật và diệt sạch cả số lượng khiến cho tâm đạt đến chỗ thanh tịnh. Bởi vì nếu trong tâm còn ý niệm Phật hay số lượng thì tâm vẫn chưa thanh tịnh. Do đó tâm thanh tịnh mới có thể đăng địa và khi đã đăng địa rồi thì Chân Như Phật Tánh sẽ hiển bày. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm Sanh Tướng vô minh cần phải phá sạch mới đạt đến địa vị Diệu Giác nghĩa là tự tánh hoàn toàn hiển lộ tức là thành Phật.

https://thuviensach.vn

Vạn hạnh là vô số phương pháp mà chư vị Bồ-tát tu tập. Vì chúng sinh có tám vạn bốn ngàn phiền não chướng nên Đức Phật mới chế ra tám vạn bốn ngàn pháp môn để tiêu trừ những khổ đau phiền nảo này. Nhưng trong phần lời tựa, kinh chỉ nói đến vạn hạnh mà Lục độ ba-la-mật chính là yếu chỉ cho Bồ-tát tu hành. Do đó muốn thành tựu đạo quả Bồ-đề, chư Bồ-tát phải trải thân ra cứu độ chúng sinh trong hằng hà vô lượng kiếp thì mới thực hành Lục độ Vạn hạnh được viên mãn. Chính Đức Phật Thích Ca cũng phải tu hành trải qua ba A tăng kỳ kiếp nghĩa là chính Ngài cũng phải thực hành Bồ-tát Vạn hạnh rốt ráo để cứu độ chúng sinh trải qua hằng hà vô số kiếp thì mới thành Phật. Vì thế Phật dạy rằng : ”Trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, không có nơi nào mà không có dấu chân ta và cũng không có chỗ nào mà không có xương ta để lại”.

Đây mới chính thật là cuộc hành trình vô cùng vô tận với tâm nguyện cứu độ tất cả chúng sinh còn lặn hụp trong biển đời sinh tử trầm luân của chư Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến khi đạt được đạo quả viên tròn. Thế mà bây giờ nếu chúng sinh nương theo tu tập kinh Thủ Lăng Nghiêm thì cũng đạt được Bồ-tát Vạn Hạnh ngay trong đời nầy cũng như chư Bồ-tát đã thành tựu trong hằng hà sa số kiếp. Đây mới chính là pháp môn thù thắng, vi diệu. Tại sao? Khi chúng sinh chứng được Thủ Lăng Nghiêm tam muội nghĩa là thành tựu định Thủ Lăng Nghiêm thì chính họ đã có đầy đủ Vạn Hạnh và chứng được thật tướng pháp thân. Nói cách khác, nếu chúng sinh thành tựu định Thủ Lăng

https://thuviensach.vn

Nghiêm cũng tức là thành tựu Vạn Hạnh của chư Bồ-tát bởi vì chư Bồ-tát có đạt được Lục độ Vạn Hạnh viên mãn trải qua hằng hà sa số kiếp mà cứu cánh vẫn là đạt được định Thủ Lăng Nghiêm. Vì vậy, các vị Bồ-tát tu pháp lục độ vạn hạnh đều y theo kinh này nên kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng còn gọi là "Chư Bồ-tát vạn hạnh". Sau cùng thế nào là Thủ Lăng Nghiêm?

Thủ Lăng Nghiêm dịch từ Hán tự là "Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố" nghĩa là sự bền chắc nhất trong tất cả mọi thứ tức là cứu cánh bậc nhất. Đức Phật dùng chữ Thủ Lăng Nghiêm để hình dung hết thảy sự rốt ráo kiên cố bởi vì tất cả vạn sự, vạn pháp cho dù là thế gian hay xuất thế gian đều có biến hóa, thay đổi, hư hoại ngay cả đến thế giới Tây Phương Cực lạc cũng không thoát khỏi định luật thành, trụ, hoại, không này. Chỉ có Bản Tánh Chân Tâm của chính mình là rốt ráo kiên cố bởi vì Tự Tánh là Năng Biến còn vạn pháp là Sở Biến. Mà Năng Biến là chân, Sở Biến là huyễn hóa. Nếu chúng sinh tu học theo định Thủ Lăng Nghiêm thì tất cả những hiện tượng vạn pháp sẽ không làm động tâm họ được.
Bởi vì định nầy rất kiên cố, vững chắc không lay động tâm hồn của chúng sinh khi phải đối diện với tất cả hiện tượng vạn pháp trong thế gian cho nên họ sẽ không còn vô minh, phiền não đau khổ quấy phá nữa. Do đó nếu chúng sinh hành trì kinh Thủ Lăng Nghiêm thì sẽ đạt được cứu cánh bậc nhất nghĩa là phương tiện thắng diệu để đưa họ tới chỗ giải thoát giác ngộ mà không có phương tiện nào sánh kịp.

https://thuviensach.vn

Một khi chúng sinh thành tựu định Thủ Lăng Nghiêm tức là đạt được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì người đó có thể viên thông tất cả các Tam Muội khác. Đó là Niệm Phật Tam Muội, Bát Nhã Tam Muội, Giải Thoát Tam Muội, Chân Như Tam Muội...Ý nghĩa của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thật là rộng lớn nên người tu chứng được Tam Muội nầy thì cũng như là họ đã tu chứng Niệm Phật Tam Muội, Bát Nhã Tam Muội…vì tất cả những Tam Muội đó đều nằm trong Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cả.

Thủ Lăng Nghiêm là cái định rốt ráo bền chắc, là tự tánh thanh tịnh bản nhiên, là bản lai diện mục, là Chơn tâm, là Phật tri kiến đã có sẵn trong tất cả chúng sinh. Cái định này không hề dời đổi, không hề có tán loạn và cũng không phải do công phu tu tập mà có. Vì chúng sinh có tâm phân biệt, duyên theo trần cảnh mà phiền não phát sinh rồi chuốc lấy quả báo luân hồi, sinh sinh diệt diệt. Do đó Thủ Lăng Nghiêm là Chơn tâm sẵn có của tất cả chúng sinh và chư Phật, nó bao la trùm khắp cả vũ trụ nên gọi là “Đại”. Cái tâm ấy thường tịch tịnh không vọng động nên gọi là “Định”. Cái tâm này không bị thời gian thay đổi, hay không gian chuyển dời, xưa sao nay vậy, bao giờ cũng vẫn thường như thế, ở nơi chư Phật không thêm và ở nơi chúng sinh cũng không bớt, như như bất động nên gọi là “Kiên cố”. Như vậy khi đạt đến Thủ Lăng Nghiêm Đại Định thì tất cả vũ trụ, nhân sinh, hết thảy muôn pháp, nhân quả trước sau đều hiện rõ trong tâm, bởi thế mới có câu:”khai trí tuệ là kinh Lăng Nghiêm”.

https://thuviensach.vn

Vậy kinh Thủ lăng Nghiêm giúp chúng sinh có được tuệ giác mà phá trừ tất cả những dục vọng, đánh tan phiền não khổ đau, tiêu trừ những vô minh đen tối và sau cùng đạt đến cứu cánh tối tượng là chứng đắc Diệu Giác Như Lai tức là thành Phật. Khác với các vị A La Hán là Niết bàn của họ chỉ là Hóa Thành tức là nơi tạm nghĩ nhưng họ phải tiếp tục tinh tấn tu hành theo Bồ-tát đạo mới viên thành Phật đạo. Ở đây Niết Bàn của Như Lai chính là Bảo Sở chân thật tức là sự thanh tịnh, tịch diệt hoàn toàn viên mãn của chư Phật.

Phật và chúng sinh thật ra vẫn đồng một thể tánh chơn tâm, nhưng chư Phật đã hoàn toàn giác ngộ được thể tánh ấy. Ngược lại, chúng sinh vì mê lầm thể tánh chơn tâm nên suốt đời sống trong điên đảo khổ đau và phải chịu trầm luân trong biển sanh tử luân hồi, nhưng chơn tâm không mất. Vì không mất nên khi ngộ được chơn tâm thì chúng sinh sẽ thành Phật. Do đó ngộ được chơn tâm như người thức giấc mộng, còn không ngộ được chơn tâm như người còn ngủ chiêm bao. Do đó nội dung của kinh Lăng Nghiêm là Đức Phật chỉ dạy cho chúng sinh ngộ được chơn tâm của chính mình. Chúng sinh vì không ngộ được chơn tâm nên phải trôi nổi trong biển sinh tử luân hồi, gánh chịu biết bao phiền não khổ đau, đời đời kiếp kiếp. Còn chư Phật có được thần thông tự tại, trí tuệ vô ngại, tự do giải thoát và vĩnh viễn thoát ly sinh tử luân hồi cũng vì các Ngài đã ngộ được chơn tâm.

https://thuviensach.vn

Đối với Phật giáo, vũ trụ được sanh ra như thế nào, con người bắt đầu từ đâu không có gì quan trọng vì tất cả chỉ là thế giới hiện tượng có sinh có diệt. Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Tỳ kheo Man Đồng Tử đặt ra những câu hỏi siêu hình để hỏi Thế Tôn rằng :

- Bạch Thế Tôn! Thế giới thường hằng hay không thường hằng, hữu hạn hay vô hạn, linh hồn với thân xác là một hay là khác. Chính Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết… Ông yêu cầu Phật trả lời cho thật rõ ràng tất cả 16 vấn đề mang tính siêu hình này. Nếu Thế Tôn thấy và biết thì nói thấy và biết. Nếu không, trả lời là không. Nếu các vấn đề này không được giải thích thỏa mãn, ông ta cảnh báo sẽ từ bỏ phạm hạnh này, sẽ không theo Phật nữa.

Đức Phật điềm nhiên im lặng. Sự im lặng của Đức Phật cũng giống như ông Duy Ma Cật im lặng khi được hỏi thế nào là nhập pháp môn không hai (Nguyên lý Bất Nhị). Đối với đạo Phật, chân lý không thể diễn bày bằng ngôn ngữ văn tự của con người và chỉ khi nào chúng sinh tự mình nghiệm chứng chân lý thì tự mình thấu biết. Còn đối với thế giới hiện tượng có sanh có diệt, cho dù ngày nay khoa học cố tìm tòi nghiên cứu để tìm định lý này hay định luật nọ thì cũng vẫn còn nằm trong vòng lẫn quẫn sinh diệt, chớ đâu phải là chân lý. Sự hiểu biết của Đức Phật hòa đồng với chân lý của vũ trụ bởi vì chân lý của vũ trụ và tâm

https://thuviensach.vn

thanh tịnh của Ngài đã hòa đồng trở thành một nên bao la vô cùng vô tận thì làm sao nói hết được.
Những gì Ngài thuyết cho chúng sinh chỉ là những lá cây nằm trong bàn tay để giúp con người có phương tiện cần thiết tu học để vượt qua phiền não trần lao, còn những gì Như Lai biết thì bao la như biển rộng, như biết bao chiếc lá trong rừng già. Nói cách khác vũ trụ vạn hữu bao la như thế nào thì Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na tức là trí tuệ của Phật cũng bao la như thế ấy. Tuy trí tuệ rộng như biển cả, nhưng Ngài không nói được vì có nói chúng sinh cũng chẳng hiểu nào, chỉ là vô ích. Thí dụ như vào thời nhà Nguyễn, ông Nguyễn Trường Tộ đi kinh sứ ở Pháp về trình lại với vua quan là ở bên Pháp bóng đèn treo ngược mà vẫn cháy sáng. Tuy ông có giải thích cách mấy thì chẳng có ai tin mà còn mang tội vọng ngữ, khi quân. Đó là tại sao tuy thuyết pháp độ sanh ròng suốt 49 năm mà sau cùng Ngài nói ta chưa hề nói một chữ cho nên nếu nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Như Lai vậy. Thật vậy, trí tuệ của Phật ví như nước trong bốn biển, bao la vô cùng vô tận. Còn những kinh điển Ngài nói rất giới hạn chẳng khác gì nước trong dấu chân trâu. Vì vậy nếu nói Phật thuyết thì chẳng khác gì nói rằng trí tuệ của Phật chỉ nhỏ hẹp như nước trong dấu chân trâu chớ không còn bao la như trong bốn biển. Nói thế nếu không phỉ báng Phật thì là gì.

Phật giáo đối với nhân sinh quan và vũ trụ quan tức là thế giới hữu vi có một giải thích rất rõ ràng vì tất cả chỉ là những hiện tượng trong pháp giới duyên khởi. Đứng về

https://thuviensach.vn

mặt hiện tượng vạn hữu thì duyên khởi là pháp tắc phổ biến về tính nhân quả. Tất cả mọi pháp tồn tại đều là duyên khởi chẳng hạn to lớn như trăng sao hoặc nhỏ như vi trần, một cành hoa, một cọng cỏ không có pháp nào không là pháp duyên khởi. Đó là "Cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh. Cái này không nên cái kia không và cái này diệt nên cái kia diệt". Tuy vậy thế giới vũ trụ vạn hữu từ vô thỉ vô chung vô cùng vô cực này cũng không ngoài Căn, Trần và Thức. Nếu đứng về phương diện "tục đế" mà nhìn thế gian hiện tượng vạn hữu qua cái thuyết "nhơn duyên sanh" thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng cho nền giáo lý Phật mà nó đúng với sự thật của cuộc đời, đúng với quy luật khách quan của tất cả hiện tượng vạn hữu. Tuy nhiên, nếu đứng về phương diện "chơn đế" mà quan sát để có thể thấy biết bằng tri kiến rộng rãi hơn, xuyên suốt bản thể của mọi hiện tượng vạn hữu thì "hiện tương nào cũng là hiện tượng của bản thể và không có bản thể nào ngoài hiện tượng cả". Cũng như sóng biển nhấp nhô là nước và thể tánh yên lặng êm đềm ở dưới lòng đại dương cũng là nước, bất khả phân ly.

Phật giáo phủ nhận có một đấng thiêng liêng nào ở ngoài có đủ tư cách sáng tạo, sắp xếp vấn đề nhân sinh vũ trụ. Trọng tâm của đạo Phật là diệt khổ để có an vui tự tại cho nên toàn bộ giáo lý của Đức Phật không ngoài mục đích hướng dẫn chúng sinh quay về sống với chơn tâm, Phật tánh của chính họ để có sự an lạc, thanh tịnh trong đời nầy. Đây mới chính là bản thể chân như của vạn pháp. Do đó khi nói về thế giới vô vi thanh tịnh, Đức Phật dạy rằng :

https://thuviensach.vn

”Phi nhơn duyên, phi tự nhiên, phi hòa, phi hợp, pháp nhĩ như thị” nghĩa là thật tánh vạn pháp chẳng do nhân duyên, cũng chẳng tự nhiên sanh, cái này hòa hợp với cái khác cũng không đúng mà thật ra vạn pháp sinh ra như thế nào thì phải thấy biết như thế ấy. Khác với khoa học là nghiên cứu tìm tòi ngoại cảnh, Phật giáo chỉ chủ trương quay về bên trong, trở về với “bản lai diện mục” tức là con người thật của chính mình. Nói cách khác, khoa học có thể được ví như một ngọn đèn chói tỏa khắp mọi nơi, trong khi đó ánh sáng huyền diệu của đạo Phật như một tia laser chuyên hội tụ vào một điểm mà thôi.

Thí dụ, khoa học ngày nay mới khám phá vũ trụ có được là do một vụ nổ lớn từ một vi tử (The Big Bang Theory) khoảng 13.7 tỷ năm về trước và từ đó những dãy Thiên Hà được tạo dựng. Trước năm 1913 vũ trụ đối với khoa học chỉ vỏn vẹn có dãy Ngân Hà (The Milky Way). Mãi sau khi Edwin Hubble đo được khoảng cách của dãy Thiên Hà Andromeda khoảng 900,000 năm ánh sáng thì vũ trụ mới được hiểu là do sự tạo thành của rất nhiều dãy Thiên Hà khác chớ không nhất thiết chỉ có dãy Ngân Hà mà thôi. Nhưng mãi đến năm 1965 tại phòng thí nghiệm của hảng điện thoại Bell, hai nhà khoa học Arno Penzias và Robert Dicke thuộc đại học Princeton vô tình khám phá những năng lượng rơi rớt lại trong không gian sau vụ nổ lớn 13.7 tỷ năm về trước và từ đó họ đưa ra thuyết “The Big Bang”. Hiện nay vũ trụ vẫn còn nằm trong thời kỳ nới rộng cho đến khi tất cả những hành tinh nóng như mặt trời…đốt

https://thuviensach.vn

cháy hoàn toàn những nhiên liệu như Hydrogen, Helium…và lúc đó vũ trụ sẽ chìm vào bóng tối, băng giá. Sau đó vũ trụ sẽ thu trở lại thành vi tử như lúc ban đầu. Hiện tượng này gọi là The Big Crunch. Vì có nước và không khí nên sinh vật phát triển trên trái đất và con người hiện diện khoảng một triệu năm. Dựa theo thuyết tương đối của Einstein, khi vũ trụ nới rộng nghĩa là không gian được dãn nở trong mọi chiều thì các dãy Thiên Hà sẽ nguội dần nếu nó càng ở xa. Nhưng trên thực tế, khoa học ngày nay xác định là tuy có hàng tỷ dãy Thiên Hà cách xa trái đất mà nhiệt độ của chúng vẫn như nhau, không nguội dần như thuyết tương đối của nhà bác học Einstein. Thế thì thuyết "The Big Bang" làm sao đúng được? Khoa học không thể giải thích hiện tượng này nên bị bế tắt trong khoảng một thời gian dài cho đến khi Alan Guth, hiện là giáo sư của đại học kỷ thuật nổi tiếng MIT ở Boston đưa ra thuyết "The Inflationary Universe" nghĩa là sự tăng trưởng theo lối lạm phát của vũ trụ.

Dựa theo thuyết này thì khi vũ trụ nổ tung từ một vi tử cực nhỏ với sự tăng trưởng rất nhanh với tỷ số cực lớn là 1050 . Đây được gọi là sự tăng trưởng lạm phát của vũ trụ. Sau đó quang năng, năng lượng và những vật thể nguội dần cho đến khi vũ trụ dãn nở đến mức tối đa. Đến thời điểm này, nhiệt độ của vũ trụ tự nhiên tăng lên và cuối cùng tất cả những dãy Thiên Hà cũng từ từ nguội dần dựa theo tiến trình nới rộng như ngày nay cho nên tất cả các dãy Thiên Hà có nhiệt độ gần giống như nhau. Mặc dầu Einstein đã khám phá thuyết lượng tử và thuyết tương đối lúc ông ta

https://thuviensach.vn

còn trẻ, nhưng suốt quảng đời còn lại ông hoạt động không ngừng mà vẫn không tìm ra một công thức vật lý cho vũ trụ được.

Ở đây chúng tôi mạn phép xin được giới thiệu đến quý vị một cách tóm gọn tiến trình khám phá mới nhất của khoa học về nhân sinh vũ trụ để thấy rằng tuy khoa học có tiến bộ cách mấy, có phát minh những máy móc rất tinh vi thì những khám phá của họ vẫn nằm trong vòng tương đối sinh diệt bởi vì tất cả những khám phá đó đều là "thuyết" chớ không phải là "chân lý". Mà đã là thuyết thì nay đúng mai sai, có gì bảo đảm. Thuyết là giả huyễn, sinh diệt, chân lý mới là sự thật vĩnh hằng, là Bản Thể tuyệt đối. Thí dụ, ngay cả nhà bác học nổi tiếng Einstein cũng tính sai, đoán lầm về vũ trụ. Ông ta cho rằng vũ trụ đang ở trạng thái quân bình, không tăng không giảm. Nhưng thật ra hiện giờ vũ trụ đang ở trong trạng thái nới rộng chớ đâu có quân bình. Ngược lại những gì mà Đức Phật chứng là chân lý chớ không phải luận thuyết. Chân lý là cái đúng ở mọi thời gian và không gian. Mà muốn nghiệm chứng được chân lý thì chỉ có một con đường duy nhất là tự mình tu chứng để nghiệm biết chớ không thể dùng ngôn ngữ văn tự của con người mà diễn giải ra được. Nói cách khác không có một phương trình vật lý hay một định lý toán học nào có thể diễn tả được chân lý cả.

Khác hẳn với những tôn giáo lớn khác trên thế giới đã cột chặt con người vào những giáo điều cứng ngắc để thọ lãnh

https://thuviensach.vn

những thưởng phạt bất công, đạo Phật luôn khuyến khích chúng sinh tự mình chứng ngộ chân lý, tự mình thể nghiệm Niết bàn, tự mình có được giải thoát giác ngộ mà đạo Phật chỉ là con đường, là phương tiện, là cỗ xe để giúp chúng sinh đạt đến những cứu cánh tối thượng này. Vũ trụ là thế giới sinh diệt, bản tâm mới chính là thế giới bất tử. Đó là tại sao Đức Phật lặng thinh khi Tỳ kheo Man Đồng Tử hỏi Ngài về thế giới siêu hình. Không phải là Ngài không biết, không thể trả lời, nhưng đó không phải là cứu cánh để có giải thoát giác ngộ mà chỉ làm tăng trưởng phiền não vô minh. Thay vì trả lời những câu hỏi siêu hình của tôn giả Man Đồng Tử, Đức Phật kể cho ông ta nghe câu chuyện một người bị mũi tên độc. Đối với Phật giáo khi thấy một người bị nhiễm tên độc thì vấn đề cấp thiết là giải phẫu để giải độc ngay mà cứu sống họ. Còn vấn đề tìm cho ra ngọn ngành mũi tên và người bắn mũi tên thì không quan trọng. Bởi vì nếu không lo cứu chữa, thì người trúng tên độc sẽ chết trước khi biết được tông tích của hung thủ. Do đó vấn đề cấp thiết của con người và cũng là trọng tâm của đạo Phật là nhổ mũi tên "khổ đau" chớ không phải đi tìm những câu trả lời cho các vấn đề siêu hình không thiết thực.

Vào thời Đức Phật còn tại thế có một ẩn sĩ Bà-la-môn khi gặp ngài Xá Lợi Phất liền hỏi :

- Niết bàn, Niết bàn, này ông bạn Xá Lợi Phất xin cho biết đó là cái gì vậy?

https://thuviensach.vn

Tôn giả Xá Lợi Phất bèn trả lời :

- Sự tiêu diệt lòng tham muốn, sự tiêu diệt lòng nóng giận hận thù, sự tiêu diệt lòng si mê sai lạc là cái mà con người gọi là Niết bàn.
Khi nói về Niết bàn, chính Đức Phật cũng dạy thêm rằng :

- Nếu chúng sinh nào đã từ bỏ thú vui và tham muốn, đã đầy đủ trí tuệ thì họ đã đạt đến sự giải thoát sinh tử, sự tịch tĩnh, đã đạt đến Niết bàn tức là nơi an dưỡng thường tồn, vĩnh cửu ngay ở trong cõi đời nầy.
Như vậy, Niết bàn không phải là một cõi, một cảnh, một tâm trạng và dĩ nhiên Niết bàn cũng không phải là cái hư vô. Rõ ràng Niết bàn không thể dùng văn tự ngôn ngữ của con người để diễn tả, vậy Niết bàn thật sự có hay không có?

Trong kinh Na Tiên Tỳ Kheo, Ngài Na Tiên đã trả lời câu hỏi tương tự như thế của vua Milinda rằng :

- Tâu Hoàng thượng, thật sự có Niết bàn và Niết bàn chỉ có thể lấy trí mà nhận biết. Nếu chúng sinh giữ được tâm thanh tịnh và chánh trực, thoát khỏi các nghiệp chướng và thoát khỏi được các tham muốn thấp hèn thì chính họ sẽ thấy được Niết bàn.

Nhà vua xin cho một thí dụ.

https://thuviensach.vn

Ngài Na Tiên lại tiếp :

- Hoàng thượng biết một cái gọi là gió, nhưng Hoàng thượng có biết gió màu sắc gì, hình dáng ra sao, nó dày hay mỏng, dài hay ngắn?

Nhà vua đáp :

- Gió thì vô hình vô sắc làm sao chỉ được. Tuy không chỉ được, nhưng nó vẫn có.

Bây giờ Tỳ Kheo Na Tiên mới kết luận :

- Cũng thế, tâu Hoàng thượng, Niết bàn là cái thật sự có mà không thể dùng văn tự ngôn ngữ để diễn tả cho con người thấy được hình sắc của nó.

Thế thì làm sao biết được Niết bàn, nhà vua lại hỏi.

- Nhờ sự thoát khỏi phiền não, nghiệp chướng, nhờ sự an ổn, an lạc thanh tịnh thì có được Niết bàn.

Rồi ngài Na Tiên lại tiếp :

- Như người té vào đống lửa ngùn ngụt, nếu họ cố gắng vượt ra khỏi và lên đực chỗ mát thì người ấy sẽ cảm thấy

https://thuviensach.vn

sung sướng vô cùng. Cũng thế, người thoát khỏi lửa của tham, sân, si sẽ hưởng cái sung sướng an tịch của Niết bàn. Cũng như người thoát ra khỏi những tâm niệm bất thiện, người ấy sẽ hưởng cái sung sướng Niết bàn. Và sau cùng những ai thoát khỏi cái lo sợ của sanh, lão, bệnh, tử người ấy sẽ hưởng cái sung sướng Niết bàn.

Vì sự huyền diệu của sự thật chứng và có trí tuệ sáng suốt mà Đức Phật có cốt cách siêu phàm, nhưng chính Ngài cũng xác định rằng : ”Ta không là Thượng đế, cũng không phải là thần linh, mà chỉ là một con người, nhưng con người đã chiến thắng thế gian”. Đức Phật đã chiến thắng thế gian, nhưng Ngài không cần ngai vàng để ngự trị và cũng không cần thần dân để được tôn vinh. Ngài sống rất đơn độc với ba mảnh y và một bình bát, nhưng chiến thắng được tâm mình để sống với chơn tánh mới là cái chiến thắng vĩ đại của bậc Đại giác, Đại hùng vậy. Ngược lại Thành Cát Tư Hãn, Tần Thủy Hoàng, Nã Phá Luân tuy có chiến thắng lẫy lừng trên chiến trường mà không chiến thắng nổi tâm mình, làm nô lệ cho vô minh điên đảo và cho đến chết tâm vẫn còn chất đầy tham vọng đau khổ, có ích lợi gì đâu.

Do đó đối với nhân sinh vũ trụ, Đức Phật dạy rằng tất cả hiện tượng đều là : ”Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận” nghĩa là sanh ra ngay từ nơi này và diệt mất cũng ngay nơi này. Vì thế, đối với Phật giáo, tâm thanh tịnh mới là cứu cánh vì khi có được tâm thanh tịnh, chúng sinh sẽ

https://thuviensach.vn

nghiệm chứng chân tướng của vạn pháp. Mà chân tướng là vô hình vô sắc thì làm sao mà giải thích được. Vì thế Vĩnh Gia đại sư trong Chứng Đạo Ca có câu :

Mộng lý minh minh hữu lạc thú
Giác hậu không không vô đại thiên

Tạm dịch :

Trong mộng, sáu đường vằng vặc có
Giác rồi, tam giới rỗng toang hoang.

Ngày xưa, trước khi quy y theo Phật, Mã Minh là một luận sư danh tiếng. Vì nghe tiếng của Hiếp Tôn giả nên tìm đến thách thức luận chiến và đánh cuộc bằng chính thủ cấp của mình. Mã Minh đưa ra đề tài tranh luận rằng:”Tất cả ngôn ngữ đều có thể bị phủ định” nghĩa là cái gì nói ra được thì có chỗ sai lầm. Nghe xong Hiếp Tôn giả im lặng. Mã Minh thấy Hiếp Tôn giả không trả lời được cho rằng mình thắng nên sinh tâm kiêu mạn mà cho rằng Hiếp Tôn giả chỉ là hư danh, không phá nổi luận điểm của mình. Một thời gian sau, Mã Minh nghiệm biết sự sai lầm của mình vì câu nói của Mã Minh tự nó đã bị phủ định rồi. Y như giao ước, Mã Minh tìm đến để giao thủ cấp cho Hiếp Tôn giả. Nhưng Hiếp Tôn giả bây giờ mới nói : ”Tôi không cần cắt thủ cấp của ông, mà chỉ cần cắt tóc của ông thôi”. Từ đó, Mã Minh tôn Hiếp Tôn giả làm thầy và về sau trở thành vị đại luận

https://thuviensach.vn

sư rất nổi tiếng của Đại thừa. Một lần nữa, văn tự ngôn ngữ không phải là chân lý vì chúng là tương đối, sinh diệt.

Thế thì kinh Thủ Lăng Nghiêm tức là kinh nói về chơn tâm mà đã là chơn tâm, Phật tánh thì làm sao nói hay diễn tả được, nhưng người tu theo kinh này sẽ có công năng hàng phục tất cả vô minh phiền não trần lao để trở về với thể tánh chơn tâm của chính mình. Đây là con đường giải thoát giác ngộ đưa chúng sinh từ phàm phu đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nói tóm lại, kinh Lăng Nghiêm chính là tâm của chúng ta. Bởi vì :

1) Trong tất cả chúng sinh đã có sẵn bản thể chơn tâm thanh tịnh và như như bất động tức là trong ta đã có Thủ Lăng Nghiêm rồi.

2) Chúng sinh y theo chơn tâm này mà khởi tu thì cũng có lục độ vạn hạnh như chư Bồ-tát đã thành tựu trong hằng hà sa số kiếp, nên gọi là Chư Bồ-tát vạn hạnh.
3) Chúng sinh y theo chơn tâm này mà tu và y theo chơn tâm này mà chứng thì sự tu chứng này mới rốt ráo, tột cùng. Đây chính là Tu chứng liễu nghĩa.

4) Sau cùng chúng sinh y theo chơn tâm này làm nhân địa tu hành thì sẽ thành Phật như chư Phật trong mười phương thế giới. Đây là cứu cánh tột đỉnh của giải thoát giác ngộ

https://thuviensach.vn

nên gọi là Như Lai mật nhân.
Vì sự huyền diệu của chơn tâm nên ngay cả Lục Tổ Huệ Năng cũng thốt luôn năm cái không ngờ. Ngài nói :

1) Không ngờ Tâm mình vốn tự thanh tịnh.
2) Không ngờ Tâm mình vốn không sinh diệt
3) Không ngờ Tâm mình vốn tự đầy đủ các pháp
4) Không ngờ Tâm mình vốn không giao động
5) Không ngờ Tâm mình hay sanh muôn pháp.

Chữ "Tâm mình" mà Lục Tổ nói ở đây chính là Chơn tâm, Phật tánh đã có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh. Phật và chúng sinh vốn đồng một thể tánh Chơn tâm. Nhưng cũng từ cái Chơn tâm thanh tịnh mà duyên khởi sinh ra muôn sinh vạn vật (muôn pháp) thì nhà Phật gọi là "Chơn không diệu hữu" nghĩa là từ cái chơn không vô cùng vô tận mà lại sinh ra tất cả một cách thần diệu không thể nghĩ bàn.

Sau cùng nội dung kinh Lăng Nghiêm là Đức Phật chỉ dạy chúng sinh ngộ được chơn tâm của chính mình và đây là phương pháp duy nhất mà mười phương chư Phật tu hành để thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là thành Phật.

Nhân Duyên Và Thời Điểm Phật Nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm

Nhân duyên vốn từ chúng sinh mà đến bởi vì nếu không có chúng sinh thì không có Phật, mà không có Phật thì cũng

https://thuviensach.vn

không có giáo pháp. Vì thế Phật có thuyết pháp cũng vì chúng sinh và nhân duyên là để khiến cho chúng sinh được liễu sinh thoát tử. Do đó trong kinh Pháp Hoa dạy rằng : ”Phật vi nhất đại sự nhân duyên, xuất hiện ư thế” nghĩa là Phật là một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Đại sự mà Phật muốn nói ở đây là gì? Phải chăng đó là sự sinh tử của mỗi chúng sinh. Chính trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có dạy rằng : Chư Phật chỉ do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở thế gian. Đó là muốn cho chúng sinh “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”. Nhưng khai thị Phật tri kiến là gì? Đó là trong tất cả mọi chúng sinh, ai ai cũng có đầy đủ tri kiến Phật, là trí tuệ bổn lai đều giống như Phật. Vậy Phật tri kiến mà Đức Phật muốn nói ở đây chính là chơn tâm, là Phật tánh thường có vĩnh hằng, nhưng vì bị vô minh che lấp nên con người không thấy biết nó. Cái bổn tánh này ví như mỏ vàng đang đợi khai phá, chưa được hiển lộ. Vì thế Đức Phật muốn chúng sinh khai mở tri kiến Phật để có sự thanh tịnh, an lạc ngay trong thế giới, cõi đời có tan có hợp này. Cũng ví như vàng ròng còn trộn lẫn với đất cát sỏi đá, Phật tánh và phiền não cũng vậy. Phiền não còn, Phật tánh biến mất cho nên nếu chúng sinh hóa giải được một phần phiền não thì có được một phần Bồ-đề. Mà có Bồ-đề là có giác ngộ.

Có tất cả sáu nhân duyên khiến cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết kinh Thủ Lăng Nghiêm :

1) Thị Đa Văn, Hốt Định Lực nghĩa là cậy vào đa văn mà

https://thuviensach.vn

xao lãng định lực : Tôn giả A Nan làm thị giả Đức Phật trên 25 năm và được nổi danh là đệ nhất đa văn vì sau mỗi pháp hội Ngài đều ghi nhớ những lời Như Lai một cách tự nhiên, sâu thẳm tuyệt vời. Tuy là người học rộng, biết nhiều, nhưng A Nan rất thờ ơ không xem trọng việc tu dưỡng định lực. Hằng ngay Ngài không dụng công tham thiền mà chỉ chuyên học kinh xem sách nên định lực rất kém. Học kinh xem sách chỉ là Văn tự Bát Nhã mà không tu tập Thực tướng Bát Nhã thì không bao giờ giác ngộ được. Vì thế khi đối diện với tà chú Saticala là Ngài bị nàng Ma đăng già hớp hồn ngay. Ngoài ra, Ngài có lòng ỷ lại rằng mình là anh em chú bác của Phật thì nhất định Phật sẽ giúp Ngài thành Phật, cho nên có tu hay không cũng không thành vấn đề. Vì ỷ nại như thế nên Ngài không ngồi thiền, mà không tham thiền, không dụng công thì không bao giờ có định lực.

2) Cảnh Cuồng Huệ, Hộ Tà Dư nghĩa là cảnh cáo những kẻ thông minh thiên phú, nhưng cậy vào trí óc khôn ngoan của mình để mưu điều bất chánh. Những người có tâm "cuồng huệ" thường làm những việc ngược ngạo, điên đảo, không chánh đáng, nhưng họ vẫn cố chấp cho rằng những việc làm của mình là đúng. Vì thế kinh Lăng Nghiêm sẽ là lời cảnh cáo giúp họ thức tỉnh, sửa đổi lỗi lầm, đi theo con đường chánh đạo, quay về sống với tư tưởng chân chính và loại bỏ những ý đồ gian ác xấu xa. Do đó, cổ nhân có dạy rằng :

https://thuviensach.vn

“Thiện dục nhân kiến, bất thị chân thiện” nghĩa là nếu con người tuy có làm việc thiện mà cứ đem rêu rao, muốn cho mọi người đều biết tới thì đó không phải là chân chánh làm việc thiện mà chỉ ham cái danh “thiện” mà thôi.

“Ác khủng nhân tri, tiện thị đại ác” nghĩa là đã làm việc ác mà cố tình che đậy, sợ mọi người biết được thì đó nhất định là việc đại ác.
Vì vậy nếu chúng sinh đừng chấp việc làm của mình, lìa xa hai bên, không thiện không ác, tâm trở về tự tánh thanh tịnh bản nhiên thì lúc đó sẽ được “như như bất động, liễu liễu thường minh”.

3) Chỉ Chân Tâm, Hiển Căn Tánh : Kinh Thủ Lăng Nghiêm là bộ kinh thuộc loại đốn giáo. Đó là trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. Bộ kinh này là nói về “tánh thấy” tức là “kiến tánh” để giúp chúng sinh quay về sống với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh của chính mình. Nói cách khác kinh Lăng Nghiêm là chỉ ra chơn tâm vốn có và làm hiển lộ căn tánh bổn nhiên của mỗi chúng sinh.

4) Thị Tánh Định, Khuyến Thực Chứng nghĩa là thị hiện tánh định và khuyến khích sự thực chứng. Pháp môn tu định có rất nhiều loại và dĩ nhiên không nhất thiết chỉ có Phật giáo mới dạy pháp môn này mà ngay cả ngoại đạo cũng dạy tu định. Nhưng sự khác biệt ở đây là đạo Phật chỉ

https://thuviensach.vn

dạy chúng sinh tu chánh định, chớ không tu tà định bởi vì đối với việc tu định thì hễ "sai một ly, đi một dặm". Trên bước đường tu hành, hành giả sẽ đối diện với biết bao ma chướng và nghiệp chướng. Trong kinh này, Đức Phật dạy tu "năm mươi loại ấm ma" để giúp cho hành giả tăng trưởng công phu, vun bồi định lực để khai tâm mở tánh mà có "hoát nhiên đại ngộ".

5) Tiêu Đảo Tưởng, Trừ Tế Hoặc : Đại định Thủ Lăng Nghiêm là pháp môn hy hữu, hiếm có nhất ở thế gian vì nó có thể tiêu diệt muôn ngàn ức kiếp những tư tưởng điên đảo, không chánh đáng làm tâm bất tịnh. Thật vậy, kinh này có công năng tiêu trừ những tư tưởng điên đảo từ vô thỉ đến nay của tất cả mọi chúng sinh mà không cần phải trải qua ba tăng kỳ trăm ngàn ức kiếp. Kinh còn tiêu trừ ngay cả những mối nghi vi tế mà mắt thường không thấy được, tai không nghe được và tâm không nghĩ ra được. Hễ chúng sinh khởi một niệm bất giác thì liền có ba loại tế hoặc nảy sinh. Dẹp bỏ những tư tưởng điên đảo và loại trừ các mối nghi hoặc vi tế là nhân duyên thứ năm của kinh vậy.

6) Minh Nhị Môn, Lợi Kim Hậu : Kinh Lăng Nghiêm giới thiệu Bình đẳng môn và Phương tiện môn. Bình đẳng là Thực pháp, là Nhất tâm vạn pháp nghĩa là vạn pháp thì bình đẳng nhất tướng, vốn không sai khác. Còn Phuong tiện môn là Quyền pháp nghĩa là quyền biến, không phải thật, là phương tiện để dẫn vào Thực pháp. Cho nên Quyền

https://thuviensach.vn

pháp là giáo pháp tạm thời trong khi Thực pháp mới là giáo lý vĩnh viễn không thay đổi.

Vì có sáu nhân duyên đó nên Đức Phật mới thuyết kinh Lăng Nghiêm, vậy thời điểm nào kinh được ra đời?

Tôi nghe như vầy : Lúc bấy giờ tại tịnh xá Kỳ Hoàn trong thành Thất La Phiệt, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại A La Hán đến tham dự. Chúng tỳ kheo đều là những vị đại A La Hán đạt đến vô lậu, vượt qua các cõi, theo Đức Phật chuyển pháp luân, giữ giới luật tinh nghiêm, làm mô phạm cho tam giới, ứng hiện vô số thân để hóa độ chúng sinh trong đời vị lai và cứu giúp họ vượt khỏi mọi ràng buộc của trần lao. Đứng đầu là tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả Câu Si Na, tôn giả Phú Lâu Na, tôn giả Di Đa La Ni Tử, tôn giả Tu Bồ Đề và tôn giả Ưu bà Ly. Ngoài ra còn có hàng Bích Chi Phật, Vô học và hàng sơ phát tâm đồng đến chỗ Phật.

Trong suốt bốn mươi chín năm hoằng pháp, Đức Phật chỉ dùng khẩu thuyết chớ không viết kinh cho nên trước khi Thế Tôn nhập diệt, ông A Nan có bạch với Phật rằng : ”Khi kết tập kinh điển, đầu kinh nên để câu gì?...” Phật dạy rằng : ”Tôi nghe như vầy, trong lúc ấy Phật ở nơi nào…có bao nhiêu thính chúng là bậc nào…” Vì thế kinh Thủ Lăng Nghiêm này ghi chép lại những lời Phật dạy ở tịnh xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt…và thính chúng có 1250 vị đại A La Hán…Do đó, bốn chữ “Tôi nghe như vầy” tức là

https://thuviensach.vn

“Như thị Ngả văn” của Hán tự ở đầu mỗi bộ kinh là lời của ông A Nan ghi theo di chúc của Phật để minh xác rằng kinh nầy là chính ông nghe Phật nói, chớ không phải ông tự ý đặt ra. Nhắc lại, trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất, khi tôn giả A Nan tụng thuật lại tất cả kinh điển thì trong hàng đại chúng có 500 vị đại A La Hán nghe qua. Nếu có câu nào không đồng ý thì đại chúng lên tiếng ngay, còn bằng lòng thì im lặng.

A La Hán là quả vị thứ tư của hàng Thanh Văn. Một khi diệt được mọi kiến hoặc, tư hoặc ngay cả vi tế hoặc tức là đã diệt được phiền não chướng để tâm được hoàn toàn thanh tịnh thì tự mình giải thoát ra khỏi sinh tử luân hồi và chứng được Niết Bàn. Nhưng đây chỉ là hóa thành tức là tiểu Niết Bàn nghĩa là nơi dừng nghĩ tạm thời chớ chưa phải là hoàn thành Phật đạo. Các vị A La Hán phải tiếp tục chuyển sang Đại thừa, tu theo Bồ-tát vạn hạnh thì Niết Bàn đó mới gọi là bảo sở nghĩa là đây mới là Niết Bàn hoàn toàn, chân thật. Các vị A La Hán có đủ những đức tính như sau :

- Ứng cúng : là đem trí tuệ và đạo lý đã chứng mà cung cấp, cúng dường cho tất cả chúng sinh. Đây là quả Khất sĩ.

- Sát tặc : là giết hết giặc phiền não. Đây là quả Phá Ác.

- Bố ma : là thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, ra khỏi nhà tam giới.

https://thuviensach.vn

Bích Chi Phật là quả vị độc giác dành cho những người sinh ra vào thời không có Phật nên tu quán theo pháp Thập Nhị Nhân Duyên mà chứng quả Duyên Giác. Giới luật của Phật giáo được chia làm hai loại :

1) Giới Tỳ Kheo là giới Tiểu thừa : Các vị Tỳ kheo phải thọ 250 giới căn bản và các vị Tỳ kheo ni phải thọ 348 giới.
2) Giới Bồ-tát là giới Đại thừa.

Giới Tiểu thừa của hàng Thanh văn là giữ "thân" không phạm tức là thân giới trong khi đó giới Đại thừa của Bồ-tát thì giữ "ý" không phạm tức là ý giới. Bây giờ hãy lấy giới tà dâm làm thí dụ : Khi có một cô gái trẻ đẹp đi ngang qua. Nếu dựa theo giới Tiểu thừa thì người Tỳ kheo chỉ phạm giới khi nào vị nầy đụng hay xâm phạm đến cô ta, ngược lại dựa theo Bồ-tát giới thì không nhất thiết vị tu hành đụng hay xâm phạm đến nữ phái mới gọi là phạm giới mà trong tâm tưởng của vị nầy không trong sạch, khởi ý niệm tà dâm thì vị nầy đã phạm giới rồi.

Một ngày nọ có một vị tu hành lên đò để sang sông. Ngặc nỗi cô lái đò lại rất trẻ đẹp nên vị sư nầy cứ lấm liếc nhìn cô ta. Khi sang bến, thay vì phải trả tiền đò như những người khác, cô lái đò đòi tiền vị tu sĩ gấp đôi. Ngạc nhiên, vị tu sĩ hỏi

https://thuviensach.vn

- Tại sao thí chủ lại tính tiền tôi nhiều gấp đôi vậy?

Cô lái đò đáp:

- Khách đi đò thì họ chỉ đi đò nên tôi tính tiền có một, còn Ngài thì vừa đi đò vừa ngắm nghía tôi nên tôi phải tình tiền gấp đôi.

Sau khi hoàn thành Phật sự vị tu sĩ phải trở lại bến đò để về chùa, nhưng lần nầy vị tu sĩ lấy nón che mặt lại khi sang sông. Khi đến bến thay vì chỉ trả một đồng tiền đò thì cô lái đò lại đòi đến bốn đồng. Quá đỗi ngạc nhiên, vị tu hành hỏi :

- Tại sao thí chủ lại đòi tiền tôi quá nhiều thế?

Cô lái đò đáp :

- Khi qua sông thì Ngài chỉ lấy mắt nhìn tôi nên tôi đòi tiền gấp đôi, bây giờ trở về Ngài không nhìn tôi bằng mắt mà Ngài nhìn tôi bằng tâm tưởng. Cái nhìn của mắt thì có giới hạn nên tôi chỉ đòi hai đồng còn tâm tưởng thì vô biên vô lượng, ai biết Ngài đang nghĩ gì hay muốn làm gì nên tôi phải đòi tiền gấp bốn lần là như vậy.

Lúc bấy giờ nhằm ngày mãn hạ và tự tứ của chúng tăng, vì thế Bồ-tát trong mười phương cũng đến xin Phật giải quyết mọi nghi hoặc trên đường tu tập. Đức Phật trải pháp tòa,

https://thuviensach.vn

ngồi khoan thai vì đại chúng trong hội khai thị pháp chưa từng có, nghĩa lý thâm sâu, diệu âm thuyết pháp như tiếng chim ca lăng tần già vang khắp mười phương thế giới. Đứng đầu chúng Bồ-tát là Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ-tát.

Mùa hè ở Ấn Độ thì rất nóng mà lại mưa nhiều nên phái nữ thường mặc quần áo đơn sơ, không kín đáo, trong khi đó các Tỳ kheo lại đi chân đất, dễ dẫm lên các loại côn trùng, sâu bọ nên đức Phật chế ra luật kiết hạ cấm túc tất cả Tỳ kheo phải kiết hạ 90 ngày, không được ra ngoài. Trong thời gian kiết hạ Phật tử đem vật thực lại tịnh xá cúng dường.

Mãn hạ tự tứ là quy tắc được chính đức Phật chế định cho nên trong ba tháng đó chư tăng lo tham thiền niệm Phật, tu học mà không gặp được Phật. Vì thế nhân ngày mãn hạ chư vị cùng nhau đến chỗ Phật. Nếu ai có lỗi lầm gì thì thỉnh cầu chư Tăng chỉ lỗi và Phật vì họ mà tác pháp sám hối. Pháp nầy gọi là yết ma. Đối với các chùa thì ba ngày cuối hạ tự tứ là những ngày chư Tăng kiểm điểm bản thân mình có phạm giới không? Nếu có người thấy biết hay nghi mình phạm giới thì phải sám cho hết những tội nghiệp đó.

Kinh điển Phật giáo có hai loại. Khi Đức Phật thuyết pháp do lời thỉnh cầu của đại chúng mới có vấn đáp thì gọi là kinh. Đó là những bộ như kinh Kim Cang, kinh Duy Ma Cật, kinh Pháp Hoa, kinh Thủ Lăng Nghiêm…Còn loại

https://thuviensach.vn

kinh thứ hai là do Phật tự ý nói ra thì đề tựa kinh phải có chữ "Phật thuyết". Đó là kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà… Tiếng thuyết pháp của Phật là diệu âm nghĩa là tiếng thuyết pháp vang khắp mười phương thế giới chớ không phải nhất thiết chỉ ở trong hội Lăng Nghiêm và Đức Phật vì đại chúng mà khai thị pháp chưa từng có, chưa từng nghe nên gọi là nghĩa lý thâm sâu.
Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày kỵ giỗ của phụ vương nên làm lễ trai tăng, sắm đủ các món ăn quý báu và đích thân đến thỉnh Phật cùng chư Đại Bồ-tát vào cung thọ trai. Trong thành còn các vị trưởng giả, cư sĩ khác cũng thiết lễ trai tăng, mong được thỉnh Phật đến cúng dường. Đức Phật bảo Ngài Văn Thù phân chia các vị Bồ-tát và A La Hán đến nhà trai chủ dự lễ cúng dường. Duy có ông A Nan đã được mời riêng, đi xa chưa về nên không kịp dự vào hàng tăng chúng.

Vua Ba Tư Nặc chẳng những là một vị vua rất anh minh, một đại cư sĩ mà Ngài còn là một vị hộ pháp rất thuần thành trong thời Đức Phật còn tại thế. Ngài cai trị nước Câu Tát La có kinh thành là Xá Vệ. Có một điều kỳ diệu là nhà vua sanh ra cùng một ngày với Đức Phật. Được sinh ra trong thời Đức Phật là một phước báu rất lớn mà được sinh ra cùng một ngày với Đức Phật thì phước đức to lớn biết bao nhiêu. Nhưng đây không phải là chuyện ngẫu nhiên mà có, bởi vì trong những đời quá khứ cách thời Đức Phật Thích Ca tại thế mười ngàn kiếp có Đức Phật hiệu là Long Vương Quang Như Lai. Lúc ấy có hai Tỳ kheo cùng tu

https://thuviensach.vn

theo Bồ-tát đạo. Một vị đắc được tứ địa Bồ-tát (tiền thân vua Ba Tư Nặc) và vị kia chứng được bát địa Bồ-tát (tiền thân Phật Thích Ca). Do đó khi Thái tử Tất Đạt Đa đắc thành Phật quả thì có rất nhiều Bồ-tát trong mười phương thế giới hóa thân hộ pháp.
Trong kinh nầy vị Bồ-tát tứ địa hóa thân làm vua Ba Tư Nặc để giúp đỡ Phật Thích Ca. Cũng trong thời Đức Phật Thích Ca cũng có cư sĩ Duy Ma Cật là vị đại Bồ-tát từ thế giới Diệu Hỉ hóa thân làm ông trưởng giả để hộ pháp cho Đức Thế Tôn. Đức Phật Thích Ca là tấm gương sáng cho tất cả mọi người đặc biệt là chúng xuất gia, còn ông Duy Ma Cật là tấm gương sáng cho chúng tại gia. Vì thế trong thế giới ngày nay, có rất nhiều Bồ-tát tùy duyên hóa thân làm cư sĩ, làm vua, làm bác sĩ, làm thợ, làm người nghèo khổ, làm người bệnh tật hay làm trăm ngàn nghề nghiệp khác nhau nhưng chỉ có một mục đích là cứu độ và giúp chúng sinh giữ gìn chánh pháp, tu theo chánh pháp và sống đúng với chánh pháp để có cuộc sống an vui tự tại và giải thoát giác ngộ. Ngay cả Đức Phật Thích Ca khi còn tu Bồ-tát trong thế giới của Ca Diếp Như Lai có danh xưng là Thiện Huệ Bồ-tát và khi Ngài còn ở cung trời Đạo Lợi trước khi nhập thai hóa thân thành Thái tử Tất Đạt Đa có danh xưng là Hộ Minh Bồ-tát.

Lúc ấy, A Nan đi một mình trên đường về chẳng có thượng tọa và A Xà Lê cùng đi và không có ai cúng dường nên trong tâm mong gặp vị trai chủ sau cùng. Khi trước, A Nan đã từng nghe đức Phật quở hai tôn giả Đại Ca Diếp và Tu

https://thuviensach.vn

Bồ-đề về pháp khất thực không bình đẳng. Ngài Đại Ca Diếp chuyên chọn khất thực nhà nghèo trong khi đó thì tôn giả Tu Bồ-đề chuyên chọn khất thực nhà giàu. A Nan quyết tuân theo pháp bình đẳng bất nhị của Như Lai. Đó là đối với trai chủ, không kể quý tộc hay hèn hạ, ngay cả thức ăn dơ sạch phải phát tâm từ bi để giúp chúng sinh thành tựu gieo trồng vô lượng công đức. A Nan nghĩ như vậy nên tay ôm bình bát, đi từng nhà dọc theo đường phố, oai nghi nghiêm chỉnh và đúng pháp mà khất thực.

Theo giới luật vị Tỳ kheo sau khi thọ giới mỗi năm kiết hạ thì được một tuổi hạ. Được 9 tuổi hạ thì gọi là Hạ tọa. Từ 10 đến 19 tuổi hạ thì gọi là Trung tọa. Từ 20 đến 29 tuổi hạ được gọi là Thượng tọa. Và sau cùng từ 30 tuổi hạ trở lên thì gọi là Trưởng lão. Nhưng Phật giáo Việt Nam không có Hạ tọa và Trung tọa mà cách xưng hô cũng khác hẳn. Vị Tăng thấp nhất thì gọi là Đại đức, trên nữa là Thượng tọa (40-60 tuổi đời) và cao nhất là Hòa thượng (trên 60 tuổi đời).

A Nan lúc đi khất thực, nhưng tâm lại khởi vọng niệm là phải khất thực đúng theo tinh thần bình đẳng. Tôn giả Đại Ca Diếp chỉ khất thực nhà nghèo mà không khất thực nhà giàu bởi vì Ngài quan niệm rằng mặc dù chúng sinh giàu nghèo sống trong thế gian đều đáng thương xót, nhưng những người nghèo thì đáng thương hơn. Theo Ngài thì người nghèo khổ cần nhiều an ủi hơn vì cuộc đời họ đã chuốc quá nhiều cay đắng. Biết bao người đầu tắt mặt tối

https://thuviensach.vn

mà cơm không đủ no, áo không đủ ấm. Như thế làm sao họ có điều kiện bố thí để thay đổi cuộc đời? Những người mà kiếp này được giàu sang phú quý là do phước đức mà họ đã rộng tâm bố thí từ tiền kiếp nên ngày nay họ thọ báo được sống trong nhung lụa hạnh phúc. Vì lòng thương xót và tâm từ bi khiến ông Đại Ca Diếp chỉ đến nhà nghèo tạo duyên lành cho họ bố thí để ngày sau có cuộc sống hạnh phúc hơn. Nhưng quan trọng hơn là giúp họ gieo duyên với Phật pháp, bồi dưỡng công đức để có cuộc sống an vui tự tại và sau cùng tiến về giải thoát giác ngộ.

Ngược lại với tôn giả Đại Ca Diếp, tôn giả Tu Bồ-đề chỉ đi khất thực nhà giàu mà không bao giờ đến nhà người nghèo. Tôn giả quan niệm rằng người nghèo khổ thì chính họ nuôi lấy bản thân hay gia đình rất là khó khăn, vất vả, lấy đâu có vật thực dư mà cúng dường đến các chư Tăng. Mặc dù lòng họ có dư muốn phát tâm cúng dường mà sức không đủ. Trong khi đó đối với người giàu có, một bữa cơm cúng cho chư Tăng thì không có gì đáng kể. Thêm nữa, người càng giàu thì càng bận rộn với việc kinh doanh buôn bán nên không có thì giờ nghe kinh học pháp, tu tâm dưỡng tánh. Tôn giả biết rằng phước đức thế gian như tên bắn trong không trung, lên cao rồi có lúc rơi xuống đất. Vì thế những người ngày nay giàu sang phú quý mà không gieo duyên lành, rộng tâm bố thí thì khi phước cạn đức tan chắc chắn đời sau phải thọ sanh vào cảnh bần cùng đói khổ. Do đó tôn giả thương xót cho người giàu và giúp họ có cơ hội phát tâm từ bi bố thí, bồi dưỡng phước đức cho ngày sau

https://thuviensach.vn

và sau cùng gieo duyên với Phật pháp mà có được giải thoát tự tại.

Như thế tuy hai tôn giả có hai quan niệm khác nhau, nhưng tựu trung vẫn nhắm vào một mục đích giúp chúng sinh tăng trưởng phước đức và sau cùng có cơ hội bồi dưỡng công đức để cùng hướng về cứu cánh tối thượng là giải thoát giác ngộ.

Tuy A Nan là thị giả của Phật và nổi tiếng là đệ nhất đa văn, nhưng ông chưa chứng được thánh quả nên vọng tưởng lúc nào cũng dấy khởi. Đối với bậc thánh, khi đi khất thực thì tâm thức của họ rất thanh tịnh, không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm phát khởi vọng niệm. Ngược lại, một người không có tâm thanh tịnh thì chắc chắn dễ bị ngoại trần quyến rũ.
Một bất trắc xảy đến không ngờ, lúc A Nan đang đi khất thực ngang nhà nàng Ma-Đăng-Già, một cô gái làng chơi, bị nàng dùng tà chú Phạm Thiên của đạo Satìcala bắt ông vào phòng riêng, diễn trò má tựa vai kề, nâng niu âu yếm, làm cho ông gần mất giới thể.

A Nan là anh em chú bác với Đức Phật. Ông là con của Bạch Phạn Vương (Amitodama) là em của vua Tịnh Phạn. Khi Đức Phật trở về cung thành Ca-tỳ-la-vệ thăm lại gia đình sau khi Ngài thành Phật thì vương tử A Nan vừa mới ngoài hai mươi. A Nan thấy Đức Phật phạm hạnh quá trang nghiêm và có hào quang tỏa sáng toàn thân nên cảm mến

https://thuviensach.vn

mà xuất gia. Như vậy rõ ràng ông A Nan xuất gia với tâm niệm không chân chánh bởi vì cứu cánh duy nhất của một người xuất gia chân chính là giải thoát giác ngộ, tự độ rồi độ tha chớ không phải xuất gia để có thân đẹp và có hào quang sáng chói. Trước khi xuất gia, vương tử A Nan rất đẹp trai nên đã làm siêu lòng biết bao công nương trong hoàng tộc. Biết bao công nương mơ ước có cơ hội được nâng khăn sửa áo cho Ngài. Sau khi xuất gia theo Phật, mặc dù bây giờ là một Tỳ kheo, A Nan vẫn còn dáng vẻ thanh tú và đẹp trai nên trong tăng đoàn có rất nhiều Ni cô đem lòng thầm yêu trộm nhớ. Ngay cả Đại Trí Văn Thù Bồ-tát cũng khen A Nan bằng bài kệ như sau :

Tướng như trăng thu đầy
Mắt biếc tợ sen xanh
Phật pháp rộng như bể
Đều rót vào tâm A Nan

Một hôm A Nan đang đi khất thực trong thành Xá Vệ đang độ mùa hè quá nóng nực, oi bức làm ông cảm thấy rất khát nước. Khi ông đi ngang qua một giếng nước, nơi đây có một cô gái đang dùng một sợi dây thừng để kéo nước từ dưới đáy giếng lên. Thấy cô gái ông nói :

- Thưa thí chủ! Xin thí chủ từ bi vui lòng cho tôi xin gáo nước.

Cô gái quay lại nhìn A Nan mà lòng sững sờ vui sướng vì

https://thuviensach.vn

nàng nhận ra Tỳ kheo A Nan chính là vương tử đẹp trai nhất thời bấy giờ. Nàng mắc cở, e thẹn, cúi đầu mà thưa với A Nan rằng :

- Kính bạch Đại Đức! Không phải con tiếc một gáo nước với Ngài, nhưng con thuộc dòng hạ tiện Thủ Đà La nên không có tư cách cúng dường gáo nước cho Ngài. Tỳ kheo A Nan nhìn cô gái với lòng thương xót mà nói rằng :

- Này thí chủ! Tôi không phải là vương tử mà chỉ là một người tu hành nên trong tôi không có ý niệm phân biệt sang hèn cao thấp. Vậy xin thí chủ vui lòng cúng dường cho tôi một bát nước.
Lời nói từ bi của A Nan đã làm cho cô gái tăng thêm sức mạnh mà quên đi thân phận thấp hèn của mình nên mạnh dạn đem bát nước đến cúng dường cho Đại Đức A Nan. A Nan uống xong, ban lời chúc lành và lặng lẻ bước đi.

Cô gái nhìn theo dáng anh tuấn và vẻ đẹp trai của A Nan mà lòng cô thiếu nữ dâng lên một ngọn sóng tình cao vút.

A Nan chẳng những có dáng dấp thanh tú mà lời nói lại hiền hòa trang nhã thì làm sao cô gái kia không đem lòng yêu mến. Cô gái mắc phải bệnh tương tư, dần dần bỏ ăn mất ngủ, hình dáng tiều tụy xanh xao, ngày đêm chỉ tưởng nhớ đến hình bóng của A Nan.

https://thuviensach.vn

Mẹ của thiếu nữ tra hỏi mới biết con gái mình thầm yêu trộm nhớ A Nan nên bà biến sắc thất kinh. Bởi vì trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ một người thuộc dòng Sát Đế Lợi (vua chúa) như A Nan không bao giờ chấp nhận cưới một nàng dâu thuộc dòng hạ tiện Thủ Đà La. Nhưng tấm lòng thương con vô bờ bến của người mẹ không thể nào đứng nhìn con mình chết dần chết mòn vì chứng bệnh tương tư. Bà bất chấp mọi nguy hiểm và đem tất cả tài sản của mình mua cho được tà chú Phạm Thiên của đạo Satìcala để giao lại cho con mà hoàn thành ước nguyện. Thời Ấn Độ lúc Đức Phật còn tại thế, có tới 96 đạo phái khác nhau mà trong số đó có rất nhiều đạo chuyên về tà thuật. Ngày nay tại Thái lan, Ấn Độ, Campuchia vẫn có rất nhiều vị thầy pháp chuyên bán những bùa mê, ngãi yêu, bùa kêu người thân trở về… Nhiều vị còn luyện cả thiên linh cái (đầu lâu của con nít chết trong bụng mẹ) để coi bói vì vị thầy pháp nầy có thể điều khiển vong linh vào nhà thân chủ xem xét và mách lại cho họ nên họ nói cái gì cũng trúng.

Khi có được tà chú trong tay, bà mẹ bèn giao lại cho con và dặn rằng :

- Này con! Khi nào thấy Đại Đức A Nan đi khất thực ngang qua nhà mình thì con dùng thần chú nầy để thu nhiếp thân tâm A Nan, rồi dẫn vào phòng để cho con được thỏa mãn lòng mơ ước.

https://thuviensach.vn

Vì duyên cớ nầy mà khi A Nan đến khất thực trước nhà liền bị nàng Ma-Đăng-Già dùng chú thuật bắt ông vào phòng, diễn trò má tựa vai kề, nâng niu âu yếm, làm cho ông gần mất giới thể.

A Nan lúc bấy giờ chưa chứng Thánh quả A La Hán nên không thể tiêu diệt hoàn toàn tất cả những ý niệm về sắc dục vì thế ông mới bị tà chú lôi cuốn vào con đường tội lỗi. Chỉ có các vị A La Hán tâm mới hoàn toàn thoát ly ra khỏi mọi ý niệm sắc dục, ngay cả ý niệm rất vi tế cũng không còn.

Ông A Nan gần mất giới thể cho thấy một khi vô minh ái dục chợt đến bất ngờ làm con người mất tự chủ cũng bởi vì tâm ông không định. Đến khi được Bồ-tát Văn Thù đem thần chú hóa giải thì vô minh biến mất, ái dục tiêu tan. Do đó thức tỉnh là giác còn vô minh là mê tức là giác sanh thì mê diệt nghĩa là ánh sáng trí tuệ đến thì màn đêm hắc ám vô minh sẽ tan biến.

Đức Phật biết ông A Nan đang mắc nạn Ma-Đăng-Già đến lúc nguy cấp nên khi vừa thọ trai xong, Ngài liền trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Sự kiện bất thường nầy làm cho vua, quan, trưởng giả và rất đông cư sĩ cùng theo Phật về tịnh xá với hy vọng sẽ được Phật dạy cho những pháp yếu mới lạ nào chăng.

https://thuviensach.vn

Bấy giờ, đảnh đầu của Thế Tôn phóng ra hào quang bách bửu vô úy. Trong hào quang ấy hiện ra hoa sen báu nghìn cánh, trên đó có hóa thân Phật đang ngồi kiết già, tuyên thuyết thần chú Thủ Lăng Nghiêm :

”Án A Na Lệ Tỳ Xá Đề, Bệ Ra Bạt Xà Ra Đà Rị. Bàn Đà Bàn Đà Nễ. Bạt Xà Ra, Bàn Ni Phấn, Hổ Hồng Độ Rô Ung Phấn, Tóa Bà Ha”.

Đức Phật dạy Ngài Văn Thù Sư Lợi đem thần chú đến cứu A Nan, khiến cho tà chú kia liền tiêu diệt, rồi dẫn A Nan và Ma-Đăng-Già về chỗ Phật.

Đối với người Phật tử thì ý nghĩa đoạn kinh nầy rất sâu sắc. Ông A Nan là đệ nhất đa văn, học rộng nhớ nhiều, biển pháp đều rót vào tai của Ngài thì tại sao không thoát ra khỏi nạn dâm nữ Ma-Đăng-Già mà phải đợi đến thần chú Lăng Nghiêm thì dâm hỏa mới tan, sông ái mới cạn mà giúp ông thoát nạn? Điều này chứng minh rằng, tuy một người có nắm trong tay tất cả bí mật vi diệu của Như Lai cũng không bằng một ngày tu vô lậu nghiệp. Thật vậy, cái kiến thức mà con người có thể nghe học được từ sách vở từ chương so với cái trí tuệ siêu tuyệt của người tu chứng vốn khác nhau rất xa. Cái trí thức của kẻ phàm phu và cái trí tuệ thực chứng của bậc thượng trí có thể ví như đom đóm mà so với trăng rằm vậy. Cho nên trong thế gian người hữu học (ngay cả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm và A Na Hàm là

https://thuviensach.vn

những vị đã vào vòng thánh quả nhưng vẫn còn chịu cảnh sinh tử luân hồi) có rất nhiều, nhưng người vô học (A La Hán, những vị đã thoát ra khỏi sinh tử luân hồi) thì rất khó kiếm, rất quý. Vì thế tuy tà pháp có gây sóng gió và tai ương trong nhất thời, nhưng rồi cũng sẽ bị diệt vong. Chánh luôn thắng tà cũng như ánh sáng đến thì màn đêm đen tối sẽ biến mất.

Nàng Ma-Đăng-Già là tượng trưng cho dục vọng, nặng luyến ái đam mê. Ngược lại Đại Trí Văn Thù biểu tượng cho ánh sáng trí tuệ cho nên Bồ-tát Văn Thù đem thần chú đến có nghĩa là chỉ có ánh sáng của lý trí mới có thể rọi vào mà hóa giải dục vọng đen tối của đam mê. Do đó ái dục là gốc của sinh tử và đại định là nhân để thành Phật. Cho nên chân vọng tuy hai đường mà Thể vốn chẳng hai tức là Bất nhị.

Con người có rơi vào sinh tử luân hồi, có ràng buộc trong ngục tù tam giới cũng bởi tại tâm dâm. Tâm dâm đưa con người vào hố sâu vực thẳm, không có lối thoát. Người có tâm dâm cho dù có thiền định cũng sẽ rơi vào đường ma. Vì thế Đức Phật đã khẳng định rằng : ”Nếu không đoạn tâm dâm mà tu thiền định thì chẳng khác nào nấu cát mà muốn thành cơm, không bao giờ đạt được”. Một người có tâm dâm tức là vọng tâm điên đảo luôn phát khởi nên tâm không an, không có định. Vì sao? Bởi vì khi hành giả bắt đầu tham thiền, tâm từ từ đi vào cõi định thì những hình ảnh về dâm từ từ xuất hiện từ vi tế đến thô khiến định biến

https://thuviensach.vn

mất. Do đó trong bốn món thanh tịnh (dâm, sát, đạo, vọng), Đức Phật dạy về dâm trước nhất. Tóm lại, chúng sinh còn tâm dâm thì khó mà tu thiền, cho dù nếu có tu thiền thì vẫn rơi vào tà đạo, làm quyến thuộc của ma và không bao giờ phát sinh trí tuệ để khai mở con mắt tâm mà giác ngộ chân lý.

PHẦN CHÁNH TÔNG

A Nan gặp Phật, đảnh lễ rơi lệ vì hối hận xưa nay chỉ ham học rộng nghe nhiều mà đạo lực không tự cứu được mình. Ông tha thiết cầu xin Phật dạy cho ông ba thứ thiền quán : Chỉ (xa ma tha), Quán (tam ma) và Thiền Na là phương tiện vi diệu đầu tiên của mười phương chư Phật đã tu tập mà thành tựu Bồ-đề, Niết Bàn. Khi ấy có hằng hà sa số Bồ-tát, các vị Đại A La Hán, Bích Chi Phật trong khắp mười phương đều mong mỏi được nghe, im lặng ngồi yên để lãnh thọ pháp yếu của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn giơ tay dịu dàng rờ đầu và nói với A Nan cùng đại chúng rằng :

- Có pháp Tam Ma Đề, gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, bao hàm vạn hạnh, là đường lối vi diệu trang nghiêm và cũng là pháp môn đưa đến giải thoát cuối cùng của mười phương chư Phật, nay ngươi hãy chú ý nghe.

Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi thỉnh Phật

https://thuviensach.vn

nói nhân địa pháp hạnh thanh tịnh bổn khởi của đức Như Lai nghĩa là Ngài Văn Thù xin Phật chỉ dạy phương pháp nào mà Như Lai trong khi tu nhân địa đã thực hành để thành tựu đạo quả Bồ-đề tức là thành Phật. Còn trong kinh này, ông A Nan cũng thỉnh Phật chỉ dạy phương pháp nào mà đức Phật đã tu chứng để thành Phật. Đó là pháp Tam Ma Đề. Đây chính là ba thứ thiền quán mà chư Phật mười phương tu thành chánh giác :

1) Tu pháp Xa ma tha tức là tu Chỉ hay cũng được gọi là tu Định.

Nếu chúng sinh biết buông bỏ hết vọng tưởng để tâm được an định thì đây là tu theo "Chỉ".

2) Tu pháp Tam ma bát đề tức là tu Quán tức là tu Trí Tuệ.

Nếu chúng sinh tu để thấy rõ thân, tâm và cảnh giới là giả, là huyễn hóa, là không chắc thật thì phương pháp nầy là tu theo "Quán".

3) Tu pháp Thiền Na tức là Chỉ-Quán đồng tu nghĩa là Định-Tuệ song tu. Thiền Na có nghĩa là Tịnh lự. Tịnh là Chỉ tức là Định và Lự là Quán tức là Trí tuệ.

Ba thứ định này là ba giai đoạn trong quá trình tu học. Nói cách khác, Xa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na là những giả đặt danh xưng do mức độ tâm thanh tịnh sai khác. Thí

https://thuviensach.vn

dụ, tâm thanh tịnh của chúng sinh bị nhiễm ô mười phần mà hóa giải được ba phần thì gọi là Xa ma tha, trừ được sáu bảy phần gọi là Tam ma bát đề và nếu trừ được tám chín phần gọi là Thiền na. Đến khi chúng sinh trừ sạch cả mười phần gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Tâm đạt được một phần thanh tịnh, chúng sinh có được một phần công đức, cho đến khi rốt ráo viên mãn thì chính là "Thủ Lăng Nghiêm rốt ráo kiên cố".

Bây giờ nếu chúng sinh mà bên trong buông xả tất cả vọng tưởng và bên ngoài không dính mắc ngoại trần thì đây là tu theo "Thiền Na" tức là trở về sống với Chơn tâm thường trú và Thể Tánh tịnh minh tức là Tánh Giác của mình. Như vậy pháp Tam ma đề chính là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm giúp chư Phật mười phương ba đời thành tựu đạo quả Bồ-đề. Đây là pháp môn vi diệu, thù thắng đưa đến giải thoát giác ngộ.

A Nan đảnh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Đức Phật bảo A Nan :

- Ông với Như Lai là anh em cùng một dòng họ, khi mới phát tâm tu tập trong giáo pháp của Như Lai, ông thấy điểm thù thắng nào mà từ bỏ ân ái sâu nặng thế gian để xuất gia?

A Nan bạch với Phật rằng :

https://thuviensach.vn

- Bạch Thế Tôn! Do con thấy ba mươi tướng tốt thù thắng vi diệu tuyệt đẹp của Như Lai, hình thể sáng chói trong suốt như ngọc lưu ly. Con thường luôn nghĩ những tướng tốt này không phải sanh ra do ái dục. Tại sao vậy? Bởi vì dục khí thì thô nặng và dơ bẩn. Từ sự uế tạp và thối tha ấy giao hợp với nhau tạo thành một thứ tinh thể hỗn tạp. Từ đó, không thể sinh ra một thân thể thù thắng, thanh tịnh, sáng rỡ vi diệu như khối vàng tía nầy. Do đó mà con đem lòng khát ngưỡng, theo Phật xuất gia.

Đức Phật nói :

- Lành thay! A Nan, các ông nên biết, tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, sinh tử liên tục, chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ, thể tánh vốn trong sạch sáng suốt, lại nương theo vọng tưởng mà vọng tưởng chẳng thật nên có luân hồi. Mười phương chư Phật cùng một đạo lìa khỏi sanh tử đều do trực tâm, vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng, như thế từ đầu đến cuối, cho đến các ngôi bậc, ở khoảng giữa chẳng có các tướng quanh co.

Cứu cánh vào đạo là yếu tố quan trọng nhất của người phát tâm Bồ-đề để đi đến giải thoát giác ngộ. Dựa theo Phật giáo, xuất gia có những trường hợp như sau :

1) Thân xuất gia, tâm xuất gia. Đây là những bậc xuất gia pháp khí, rất đáng kính trọng, là thầy của Trời, người, ba

https://thuviensach.vn

cõi. Tâm hằng thanh tịnh, trong sáng như pha lê, chiếu suốt mười phương thế giới. Họ là tấm gương sáng chói cho hàng xuất gia và chúng tại gia.

2) Thân xuất gia, tâm không xuất gia nghĩa là những vị tu hành tuy thân đã vào đạo mà tâm vẫn còn đắm nhiễm thế tục, thích việc hý luận thế gian vì thế nơi nào có danh văn lợi dưỡng là có mặt vị này. Vì thế những vị tu hành mà không tu theo Thiền na, nghĩa là họ không nhập định được thì tâm vọng động sẽ nổi lên mà nhà Phật gọi là "thối đọa" nghĩa là tu lâu mà không đạt được gì cả. Lúc đó họ sẽ sinh tâm ham danh lợi, thích tham gia hoạt động chính trị thay vì tu tâm cầu giải thoát. Tại sao? Bởi vì danh lợi, tài sắc lúc nào cũng núp ở trong tâm của con người, nó chỉ đợi có cơ hội để phát hiện cho nên nếu người không nhập vào đại định để có đủ trí tuệ mà tiêu diệt nó thì sự xuất hiện của tham-sân-si chỉ còn là vấn đề thời gian trước hay sau, mau hay chậm mà thôi. Định không thể diệt được tham-sân-si mà chỉ có thể đè nén nó xuống cũng như cục đá lớn đè lên cỏ làm cỏ không lớn được, nhưng cỏ đâu có chết. Nhưng khi tâm đã định thì trí tuệ lúc bấy giờ sẽ phát sinh làm hành giả trực nhận rất rõ ràng bản chất thật của tham-sân-si mà đối trị và tiêu diệt nó. Nói tóm lại, vị tu hành nào mà còn ham chính trị, còn chạy theo những tham vọng thế tục thì chắc chắn đây là tâm bất định, tâm bất giác, bất an.

3) Thân không xuất gia, tâm xuất gia tức là những người tâm đã thấu suốt pháp giới tánh, trực ngộ chân lý, nhưng

https://thuviensach.vn

muốn hòa mình với thế gian để tùy duyên mà hóa độ chúng sinh. Họ có gia đình, con cái, địa vị trong xã hội, làm ăn buôn bán nhưng không đắm nhiễm bụi trần, tâm hoàn toàn thanh tịnh. Ở Ấn Độ có cư sĩ Duy Ma Cật, ở Việt Nam có Tuệ Trung Thượng sĩ, ở Trung Hoa vào thời Mã Tổ có Bàng Uẩn…cũng nguyện làm thân cư sĩ để độ chúng sinh…

4) Thân không xuất gia, tâm không xuất gia là những người chìm đắm trong ái dục, chạy theo lục dục thất tình nên trôi nổi trầm luân trong lục đạo luân hồi, đời này tan, đời khác đến không tìm ra lối thoát. Họ đâu biết rằng nụ cười thì ít mà nước mắt thì nhiều cho nên Phật mới dạy rằng : ”Nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển”. Chúng sinh lặn hụp trong ba cõi, lên xuống trong sáu đường, sinh sinh diệt diệt cho nên Đức Phật cũng dạy rằng : ”Xương chúng sinh chất còn cao hơn núi Tu Di” là vậy.

Khi A Nan thỉnh Phật chỉ dạy về pháp tu Tam ma đề thì Phật không trả lời ngay mà Ngài quay lại gạn hỏi nguyên nhân nào khiến A Nan xuất gia. Phật là bậc y vương cho nên trước khi bốc thuốc cho con bệnh, phải xem xét căn bịnh phát xuất từ đâu bởi vì nếu không hiểu bịnh thì làm sao chữa được bịnh. Nhưng trước khi gạn hỏi A Nan, Phật muốn ông A Nan phải dùng trực tâm tức là tâm thành thật, ngay thẳng, không quanh co dối trá mà trả lời. A Nan vì thấy ba mươi hai tướng tốt của Như Lai, thù thắng vi diệu nên đem lòng khát ngưỡng mà phát tâm xuất gia. Rõ ràng

https://thuviensach.vn

A Nan phát nguyện xuất gia với tâm không chân chính vì thấy sắc tướng mà ái mộ và thương yêu thì đây chính là tâm vọng tưởng.

A Nan tuy thân xuất gia mà tâm chưa vào đạo vì tâm của A Nan còn ham học rộng thích nghe nhiều mà không chịu tu chứng thánh quả A La hán nên tâm A Nan không bao giờ trụ được trong Thiền Na. Tâm không định thì còn bị thế trần cám dỗ cho nên nạn Ma đăng già làm sao A Nan tránh khỏi. Đối với các vị A la hán, tâm hằng thanh tịnh, không còn sắc nhiễm vì các Ngài đã vượt qua dục giới, sắc giới và vô sắc giới nên tà chú Saticala hay sắc đẹp nàng Ma đăng già không thể nào lay chuyển định lực kiên cố của các Ngài. Cứu cánh của kẻ xuất gia là giải thoát giác ngộ, tự độ rồi độ tha chớ không phải chạy theo hình sắc. Vì thế trong kinh Kim Cang, Phật dạy rằng : ”Nhược dĩ sắc kiến ngã, Dĩ âm thanh cầu ngã, Thị nhơn hành tà đạo, Bất năng kiến Như Lai” nghĩa là : ”Nếu thấy ta bằng sắc tướng, nghe ta bằng âm thanh, người nầy đi đường tà, không thấy được Như Lai”. Ý Phật dạy rằng :

Nếu có người cho rằng thấy sắc thân của Phật có 32 tướng tốt, là thấy được Phật, thì ông Chuyển Luân Thánh Vương cũng có đủ 32 tướng tốt , hoặc ma nó hiện ra sắc thân Phật có đủ tướng tốt, vậy cũng là Phật hay sao? Hay nghe tiếng nói pháp thanh tao của Phật mà cho là nghe được tiếng Phật, thì tiếng chim Ca-lăng-tần-già, kêu rất thanh tao lảnh lót, vậy cũng là tiếng nói của Phật hay sao? Những người tin tưởng như vậy, là theo tà đạo, không bao giờ thấy được Phật tâm, Phật tánh của mình. Thí dụ như chúng sinh hằng

https://thuviensach.vn

ngày tụng kinh, niệm Phật tức là nương theo âm thanh sắc tướng của Phật để tu, nhưng âm thanh sắc tướng ngay cả của Phật đi chăng nữa cũng là sinh diệt cho nên nếu con người dựa vào thức tâm làm nhân địa tu hành thì làm sao thấy được chơn tâm, Phật tánh của chính mình tức là không thấy được Như Lai vậy.

Đức Thế Tôn muốn chúng sinh tư duy quán chiếu và thực hành lời Phật dạy để thanh lọc những ô nhiễm tham-sân-si mà có thể loại trừ những vẩn đục phiền não chướng và tri kiến chướng. Có hồi quang phản chiếu, có hồi đầu thị ngạn thì mới thấy được bản thể chân như của mình. Vì thế trong tịnh độ, khi chúng sinh niệm Phật đến chỗ "Lục tự Di Đà vô biệt niệm" thì mới có "Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh". Niệm Phật đến chỗ không còn biết mình niệm, tức là vô niệm vô biệt niệm thì âm thanh sắc tướng tan biến đâu còn và Phật tánh Di Đà mới hiện bày. Đó là chứng được Nhất tâm bất loạn hay thành A la hán rồi vậy. Đoạn kinh trên chứng minh rằng cho dù Phật thuyết trong kinh Kim Cang hay kinh A Di Đà thì cũng cùng một ý nghĩa, không sai khác.

Nói cách khác tu hành là dùng tâm chuyển vật nghĩa là chúng sinh điều khiển âm thanh sắc tướng mà có giải thoát giác ngộ. Ngược lại nếu vật chuyển tâm nghĩa là âm thanh sắc tướng điều khiển tâm mình thì suốt đời vẫn là phàm phu tức là thức tâm của mình không tịnh, luyến ái theo sắc pháp bên ngoài, thấy đẹp thì thương nghe hương thì thích, chạy theo lục dục thất tình. A Nan chỉ thấy sắc tướng sinh diệt của Phật nên đem lòng kính yêu mà xuất gia, nhưng

https://thuviensach.vn

thật ra cho dù Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp thì luật vô thường sanh lão bệnh tử có thương xót, bảo tồn những tướng tốt và vẻ đẹp của Ngài mãi mãi được đâu. Một ngày nào đó thì ứng thân của Phật cũng mỏi mòn, già yếu và chết. Chỉ có Pháp thân Phật mới vĩnh viễn trường tồn bất biến và một khi chúng sinh có được chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh thì Pháp thân nầy sẽ hiển hiện trong tất cả mọi chúng sinh chớ không phải chỉ dành riêng cho chư Phật. Ông A Nan vì sống với tâm vọng tưởng cho nên nếu ông đã kính yêu sắc tướng Như Lai được thì sẽ đam mê sắc tướng nàng Ma đăng già. Vì ông A Nan nhân địa phát tâm không ngay thẳng, không chân chính, theo Phật bằng tâm sinh tử nên mới vướng phải nạn Ma đăng già, rơi vào đường đọa lạc. Thật ra, A Nan chỉ là một thí dụ điển hình cho tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay luôn chạy theo tâm vọng tưởng mà sống trong điên đảo khổ đau.

Phật dạy tiếp :

- A Nan! nay tôi hỏi ông : “Ngay khi ông vừa mới phát tâm là do ông thích ba mươi hai tướng tốt của Như Lai. Vậy ông lấy gì để thấy và ông ưa thích cái gì?

A Nan bạch Phật rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn! Sự yêu thích như thế là do mắt và do

https://thuviensach.vn

tâm của con. Do mắt thấy tướng thù thắng của Như Lai nên tâm ưa thích và phát tâm nguyện xả bỏ sanh tử.

Phật bảo A Nan :

- Như ông nói, thật chỗ yêu thích là do tâm và con mắt, nếu ông không biết tâm và mắt ở đâu thì làm sao hàng phục được trần lao. Ví như quốc vương, khi có giặc đến xâm chiếm nước mình, muốn phát binh đi trừ dẹp thì cần phải biết giặc trú ngụ nơi nào. Lỗi lầm là ở tâm và mắt khiến ông bị luân hồi. Nay tôi hỏi ông, tâm và mắt của ông hiện đang ở đâu?

A Nan vì thấy Phật có 32 tướng tốt, hào quang sáng chói, trang nghiêm thanh tịnh nên đem lòng kính yêu mà xuất gia theo Phật. Cổ nhân có câu : ”Tâm sanh tướng” cho nên người có tâm thanh tịnh như các vị A la hán, chư Bồ-tát, chư Phật thì tướng mạo hiền hòa, phúc hậu, ai cũng kính yêu. Ngược lại, người hung ác, khó chịu thì tướng diện khô khan, cằn cỗi, đằng đằng sát khí. Vì mắt A Nan thấy vẻ đẹp nên tâm sanh yêu thích cho nên mắt và tâm chính là mấu chốt phát sinh vọng tưởng. Tư tưởng Tây phương cũng có câu : ”Ánh mắt là cửa sổ của tâm hồn” là cùng một lối nhìn và nhận thức về vọng tâm giống như ông A Nan. Vậy mắt là căn tiếp xúc với trần tức là ứng thân Phật rồi phát sinh ra vọng thức tức là vọng kiến tình thức trong tâm. Mà vọng kiến tình thức gồm có đủ : yêu, thương, ghét, giận, hờn, có, không và nó chính là nguyên nhân của sinh tử luân hồi.

https://thuviensach.vn

Thật ra, trong tất cả mọi chúng sinh đều có sẵn chơn tâm thường trú không sanh không diệt giống như chư Phật, nhưng chúng sinh từ vô thỉ đến nay luôn chạy theo phiền não vô minh làm che lấp chơn tâm mà sống với vọng thức điên đảo, tức là vọng tâm nên cuộc sống đầy hệ lụy khổ đau. Nếu con người còn thương, còn ghét, còn giận, còn hờn, còn ưa, còn thích, còn ham, còn muốn…thì họ còn đang sống với vọng tâm điên đảo. Nên biết rằng vọng tâm là khách trần, nó đến rồi đi. Còn chơn tâm thì luôn luôn thanh tịnh, luôn ở mãi với chúng sinh, không bao giờ mất, chỉ bị vô minh che lấp. Chơn tâm thì không bao giờ có hờn, giận, tham, muốn, thương, ghét, tốt, xấu mà lúc nào cũng thanh tịnh, không biến đổi theo thời gian và không gian.

Mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây tâm trí con người luôn thay đổi từ buồn giận, thương yêu, ham muốn…thì cái tâm cuồng loạn này luân chuyển theo thời gian và không gian nên gọi là vọng tâm. Những gì làm thỏa mãn bản ngã thì tâm chúng sinh vui, hạnh phúc. Còn những gì đi ngược lại bản ngã thì họ buồn, đau khổ. Cái tâm vui, tâm buồn là vọng tâm còn chơn tâm thì như như bất động, không thay đổi. Vì thế Khế Kinh mới có câu : ”Vô bất tùng thử pháp giới lưu, mạc bất hoàn qui thử pháp giới” nghĩa là không có pháp nào chẳng lưu xuất từ tâm và cũng chẳng có một pháp nào chẳng trở về tâm nầy. Thật vậy, có Phật, có Thánh hiền cũng phát xuất từ tâm, mà tạo ra địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng bởi từ tâm. Do đó, nếu biết dập tắt tâm si mê cuồng loạn thì có thanh tịnh Niết bàn tức là sống với

https://thuviensach.vn

chơn tâm thường trụ của mình. Còn chạy theo lục dục thất tình thì chơn tâm biến mất và vọng tâm sẽ dẫn dắt con người vào chốn trầm luân đau khổ.

Vậy vọng tâm phiền não là căn bản của sinh tử luân hồi và chơn tâm thanh tịnh là căn bản của Bồ-đề Niết bàn.

https://thuviensach.vn

Cuốn Một
Chương Thứ Hai - BẢY ĐOẠN PHẬT HỎI VỀ TÂM

Nói về con người, chúng ta có sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đây là sáu cánh cửa để giao tiếp với sáu trần bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà phát sinh ra sáu thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và sau cùng là ý thức. Trong sáu căn thì mắt và tai là hai căn sắc bén nhất vì nó tiếp xúc với ngoại trần nhiều hơn những căn khác. Tuy nhiên giữa tai và mắt thì tai nghe âm thanh vẫn là nhạy bén hơn. Thí dụ như chúng ta đang ở trong một căn phòng kín thì đâu có thấy gì bên ngoài, nhưng tai vẫn nghe âm thanh rồi từ đó phát sinh ra vọng tưởng. Vì thế muốn nghiêm trì sáu căn thì chúng sinh tùy theo căn cơ, sở nguyện mà chọn căn nào thích hợp với mình để tu chớ không thể tu một lần sáu căn được. Tuy có sáu căn, nhưng chúng sinh chỉ cần chọn một căn để tu là đủ bởi vì nếu một căn đã viên thông tức là có sự thanh tịnh thì năm căn còn lại cũng từ đó mà thông suốt tức là hoàn toàn thanh tịnh. Trong tâm của chúng sinh có tám mươi bốn ngàn phiền não chướng cho nên Đức Phật mới có tám mươi bốn ngàn pháp môn để giải trừ.

Tuy nhiên, trong kinh Lăng Nghiêm này, Đức Phật Thích Ca chỉ yêu cầu Ngài Văn Thù Sư Lợi chọn một pháp môn để giúp cho ông A Nan và đặc biệt là cho tất cả chúng sinh căn cơ còn yếu dựa theo đó mà tu hành. Chính Ngài Văn Thù đã chọn pháp môn nhĩ căn viên thông. Tại sao? Bởi vì nhĩ căn có tới một ngàn hai trăm công đức và thông đạt

https://thuviensach.vn

nhiều nhất so với năm căn còn lại. Do đó, nếu nhĩ căn trở về với thanh tịnh thì năm căn còn lại lập tức cũng trở về với thanh tịnh. Đây chính là nhất hạnh pháp môn tức là chỉ chọn một pháp môn duy nhất để tu. Vì thế nếu chúng sinh dựa theo nhĩ căn viên thông mà đạt được đại định tức là có được Thủ Lăng Nghiêm tam muội nghĩa là trở về với bản lai diện mục, với Phật tánh, với chơn tâm, với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của chính mình thì trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào họ cũng sống trong Pháp thân đó. Khác với định của Tiểu thừa là phải ngồi thiền nên còn lệ thuộc xuất, nhập và trụ, vì thế còn ngồi thiền tâm còn định nhưng khi xả thiền thì vọng tâm trở lại. Còn định của Đại thừa là thể hiện ngay trong cuộc sống hằng ngày, từng giây, từng phút. Đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng định. Do đó khi đã thấy được chơn tâm thường trú của mình thì người đó suốt cuộc đời luôn sống với đại định, với Phật tánh, với Pháp thân hằng thanh tịnh của chính mình.

Vậy tâm ở đâu?

Cái tâm của con người thật là quan trọng, nó là trung tâm của sự sống, của vũ trụ và chứa nhóm tất cả muôn pháp. Nó là hào lũy ẩn náu của mọi tật xấu, nhưng cũng là mảnh đất phì nhiêu nẩy sanh mầm giống giác ngộ. Vì thế, chính tâm tạo nên hạnh phúc và cũng chính tâm tạo biết bao nỗi khổ đau. Vậy cái tâm của nó nằm ở đâu?

Để trả lời câu hỏi nầy, Đức Phật lần thứ nhất đã gạn hỏi

https://thuviensach.vn

ông A Nan bảy lần về nơi thường trụ của tâm để có cái nhìn rõ ràng về sự khác nhau giữa vọng tâm sinh diệt thay đổi từng giây từng phút, từng cảnh giới, chạy theo lục dục thất tình, tham đắm sắc tài danh lợi và sự thanh tịnh không thay đổi, lúc nào cũng an vui tự tại và luôn ở trong ta, là chơn tâm. Trên con đường giải thoát Bồ-đề, văn hay chữ tốt không quan trọng, kiến thức thế gian không cần thiết mà một điều tối quan trọng là khả năng dập tắt mọi vô minh phiền não, pháp giới của trần gian để phát triển trí tuệ mà có được giải thoát giác ngộ. Do đó một người không liễu ngộ được bản tâm, cho dù có tu hành suốt kiếp cũng không ích lợi gì vì vẫn là phàm phu.

Còn nếu đã ngộ được bản tâm và dùng bản tâm này đi vào bản giác viên dung thì người này cho dù có tu một ngày còn hơn là tu một kiếp tức là họ đã chứng đạo. Ngày xưa, Lục Tổ Huệ Năng xuất thân là người quê mùa, dốt nát. Nhưng chỉ qua một thời gian ngắn tu tập với Tổ Hoằng Nhẫn đã liễu ngộ được chơn tâm của mình trong khi đó đệ tử của ngũ Tổ có biết bao người văn hay chữ tốt mà người nổi tiếng nhất là Thiền Sư Thần Tú mà vẫn không đạt được đạo. Càng học giỏi, càng thông minh, càng trí thức cao, càng hiểu biết nhiều thì càng dễ rơi vào thế trí biện thông nghĩa là có càng nhiều tự cao, ngã mạn để chôn họ vào nấm mồ sinh tử luân hồi.

1)A NAN CHO RẰNG TÂM Ở TRONG THÂN :

A Nan bạch Phật rằng :

https://thuviensach.vn

- Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sinh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt Thanh Liên Hoa (Hoa sen xanh) của Như Lai ở trên mặt Như Lai vậy.

Phật bảo :

- A Nan! Nay ông hiện ngồi trong giảng đường cùng Như Lai, ông xem thấy vườn cây Kỳ Đà đang ở chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn! Giảng đường thanh tịnh rộng rãi này trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà thì ở ngoài giảng đường.

Phật hỏi :

- A Nan! Bây giờ đang ngồi trong giảng đường, trước hết ông thấy gì?

- Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, sau thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây.

- A Nan! Khi ông thấy rừng cây là nhờ vào đâu mà thấy được?

https://thuviensach.vn

- Bạch Thế Tôn! Vì cửa sổ giảng đường này mở rộng nên con trông thấy suốt ra bên ngoài.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng đưa cánh tay sắc vàng xoa đầu A Nan, dạy ông và đại chúng rằng :

- Có pháp Tam-ma-đề tên là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, gồm đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai đều do một pháp môn là con đường diệu trang nghiêm ấy mà siêu xuất, nay ông hãy lắng nghe thật kỹ.
A Nan đảnh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Phật bảo A Nan :

- Như lời ông nói, thân ở trong giảng đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây; vậy có chúng sinh nào ở trong giảng đường lại không thấy Như Lai mà thấy được rừng cây bên ngoài chăng?
- Bạch Thế Tôn! Ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà lại thấy rừng cây bên ngoài thì chẳng đúng.

- A Nan! Ông cũng vậy. Tâm của ông tất cả sáng tỏ. Nếu tâm sáng tỏ hiện tiền của ông thật ở trong thân thì trước hết nó phải biết những gì trong thân ông. Vậy có chúng sinh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài chăng? Dù không thấy được tim, gan, tỳ, vị nhưng các chỗ : móng tay mọc, tóc dài ra, gân chuyển, mạch máu nhảy

https://thuviensach.vn

cũng phải thấy chứ, sao lại chẳng thấy? Nếu trong thân còn không thấy thì làm sao thấy vật bên ngoài? Thế cho nên ông nói Tâm Ở Trong Thân là không đúng lý.

Ông A Nan cho rằng không chỉ riêng mình ông mà tất cả mười loài chúng sinh trên thế gian đều chấp tâm nằm trong thân. Vậy thế nào là mười loài chúng sinh :

1) Noãn sanh : là những động vật sinh ra bởi trứng rồi nở ra con. Thí dụ như gà, vịt, chim, rùa, cá sấu, rắn…

2) Thai sanh : là những động vật sinh ra bằng tinh cha, huyết mẹ như con người, con heo, con bò, con sư tử, con dê…

3) Thấp sanh : loài này sinh ra do những vùng ẩm thấp như ao hồ, vũng nước…như con lăng quăng, hay những vi khuẩn trong ao hồ rất nhỏ.

4) Hóa sanh : như con nhộng ăn tằm rồi biến thành bươm bướm, hay rơm bị ẩm ướt lâu ngày biến thành con đom đóm…

5) Hữu sắc : Đây là những vị Trời ở trong cõi Dục giới, Sắc giới.

6) Vô sắc : Đây là những vị Trời không có hình dáng như

https://thuviensach.vn

con người mà chỉ có tư tưởng và sống trong cõi trời vô sắc giới.

7) Hữu tưởng : là những vị Trời sống trong cõi Sắc giới mà không có hình dáng mà chỉ có tư tưởng làm thân xác.

8) Vô tưởng : Đây là cõi Trời Vô tưởng thiên phần lớn do ngoại đạo tu thành và nó ở trên cõi Trời Sắc giới. Những ngoại đạo nhận thấy rằng tư tưởng làm cho con người đầy phiền não khổ đau nên họ cố tu để tiêu diệt hết tư tưởng trong tâm thức. Tuy không còn tư tưởng, nhưng nếu những vị trời này sống trong cõi thiên này trên năm trăm năm thì tư tưởng bắt đầu khởi dậy thì bị luân chuyển ngay vào lục đạo luân hồi.

9) Phi hữu sắc và phi vô sắc : những vị Trời ở trong những cảnh giới rất cao trong thế giới của vô sắc.

10) Phi hữu tưởng và phi vô tưởng : là những người đã tu hành đến chỗ không còn tư tưởng và cũng không còn cái tư tưởng để loại ngay cả đó là vi tế hay siêu vi tế. Đây là cảnh giới của phi phi tưởng xứ.

Tuy A Nan là đệ nhất đa văn, nhưng sau câu trả lời, Đức Phật biết rằng A Nan chưa nhìn thấu suốt muôn pháp cũng vì ông còn lấy những cảnh trần lao bên ngoài mà đưa vào trong tâm của ông. Một người muốn đạt được đạo thì phải hồi quang phản chiếu, quay vào bên trong để loại bỏ tất cả

https://thuviensach.vn

vọng thức thì tâm mới thanh tịnh. Thí dụ nếu nhìn thấy cảnh trái ý nghịch lòng thì tâm sân hận liền phát sinh, hoặc thấy người thống khổ làm tâm mình đau thương. Thử nghĩ nếu muốn tu hành để có tâm thanh tịnh mà ngoại cảnh làm khởi dậy tâm tham, sân, si, mạn, nghi thì tu biết đến bao giờ mới có tâm thanh tịnh. Vì thế mà cả đời ông A Nan tuy đi theo Phật mà không tu chứng được gì cũng bởi vì ông sống với tình cảm bên ngoài thay vì quay về sống với trí tuệ bên trong.

Chúng sinh vì có quá nhiều tập khí nên cuộc sống mới đau khổ. Tập khí là những thứ mình yêu thích và nó núp trong tâm để sai khiến con người. Thí dụ như không nghe tiếng ca nhạc hoặc tự mình không ca hát thì không vui. Quý bà quý cô nếu không trang điểm phấn son thì như chết cả cuộc đời. Còn quý ông nếu không uống rượu, cà phê hay thuốc lá thì cuộc sống chẳng còn hương vị…Tập khí là những thói quen tăng trưởng dần theo thời gian, nhưng con người bị lệ thuộc vào nó một cách máy móc nên nghĩ rằng nó là một thành phần của cuộc sống cho nên có người có thể bỏ gia đình, nhịn ăn, nhưng bỏ hút thuốc thì không được. Do đó con người nếu muốn có tâm thanh tịnh thì phải dần dần loại bỏ hết những tập khí. Càng bỏ nhiều tập khí thì tâm càng thanh tịnh.

Bây giờ Phật muốn giới thiệu cho A Nan và đại chúng về pháp môn Tam-ma-đề để tu. Tam-ma-đề nghĩa là tam muội tức là chánh định. Người có chánh định sẽ không còn xuất, nhập và trụ như thiền Tiểu thừa mà tâm hằng thanh tịnh,

https://thuviensach.vn

không bị ngoại trần làm ô nhiễm. Nếu nhập được vào tam muội tức là mình đã thấy và đang sống với Pháp thân, với chơn tâm nên thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng. Tại sao các vị A la hán có được thần thông? Khi các ngài nhập vào chánh định với tâm rỗng rang thanh tịnh thì định lực cực mạnh của tâm giúp các ngài thành tựu quán tưởng mà có được thần thông. Còn chúng sinh không có được thần thông vì tâm của chúng sinh bị dao động làm cho định lực bị yếu kém.

Chúng sinh muốn hướng về giải thoát giác ngộ nên xoay tâm của mình vào trong chớ đừng hướng ra ngoài. Biết bao ma chướng như thị phi, tham, sân, si, mạn, nghi làm tâm bất tịnh. Trên con đường tu đạo, gầy dựng, lượm lặt công đức rất khó, nhưng một vọng niệm của tham, sân, si, mạn, nghi dấy khởi sẽ giết chết những công đức này rất dễ dàng vì thế quay vào trong tâm là mình phải biết mình, luôn bồi dưỡng trí tuệ để phát triển định lực và ý chí sắc đá để phá trừ chướng ma và vào trong thiền định để loại bỏ những ma chướng này.

Vì thế kinh cũng có câu :

Lửa sân si tam độc, đốt hết rừng công đức

Muốn hạnh Bồ-tát đạo, giữ thân tâm thanh tịnh.

Vì A Nan chấp tâm ở trong thân nên Đức Phật mới dùng

https://thuviensach.vn

phương tiện mà phá cái chấp đó. Tại sao? Nếu nói rằng ông A Nan ngồi trong giảng đường thì trước hết ông phải thấy Như Lai, đại chúng rồi sau mới thấy những cảnh vật bên ngoài. Bây giờ Phật áp dụng lối lý luận nầy cho tâm của A Nan. Nếu tâm hay biết của A Nan thật sự ở trong thân thì trước hết tâm phải thấy những vật bên trong như tim, gan, phèo, phổi rồi sau đó mới thấy được những hình sắc ngoài thân. Nhưng tâm ông A Nan đâu có thấy được tim, gan của ông cho nên Phật kết luận tâm ở trong thân là vô lý.

2) A NAN CHO RẰNG TÂM Ở NGOÀI THÂN :

A Nan cúi đầu bạch Phật :

- Bạch đức Thế Tôn! Con nghe lời dạy của Như Lai nên nhận ra tâm con đúng ở ngoài thân. Tại sao? Ví như đèn thắp trong phòng thì trước phải chiếu sáng trong phòng, rồi sau mới từ cửa rọi ra ngoài sân. Tất cả chúng sinh chẳng thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn ở ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, nghĩa này rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, vậy so với nghĩa lý rốt ráo của Phật có đúng chăng?

Đức Phật bảo A Nan :

- Vừa rồi, các tỳ kheo theo ta khất thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Như Lai đã thọ trai xong, ông

https://thuviensach.vn

hãy xem coi trong chúng tỳ kheo, khi một người ăn thì những người khác có no không?

- Bạch Thế Tôn! Không thể. Tại sao? Các Tỳ kheo này tuy đã chứng quả A La Hán, nhưng thân thể khác nhau thì làm sao một người ăn mà tất cả đều no được.

- A Nan! Nếu tâm thấy nghe hay biết của ông thật ở ngoài thân thì thân tâm cách biệt nhau, tự nó không liên quan với nhau. Vậy điều gì tâm biết thì thân ắt không biết và những gì thân biết thì tâm không thể biết. Nay ta đưa cánh tay lên cho ông xem, trong lúc mắt ông thấy, tâm ông có biết được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Đức Phật bảo A Nan :

- A Nan! Nếu thân và tâm cùng biết một lượt thì tại sao ông nói tâm ở ngoài thân? Vậy nên biết rằng tâm ở ngoài thân là chẳng đúng.

Sau khi bị Phật bác vì A Nan cho rằng nếu tâm ở trong thân thì tâm phải thấy lục phủ ngũ tạng, nhưng đâu có tâm nào thấy được tim, gan của mình đâu. Ông A Nan bây giờ dựa vào cái thấy của tâm mà lý luận rằng nếu ngọn đèn ở bên ngoài thì không thể chiếu sáng bên trong cũng như chúng sinh chỉ nhìn thấy hình sắc ngoài thân chớ không thấy được

https://thuviensach.vn

lục phủ ngủ tạng bên trong nên ông A Nan kết luận là tâm ở ngoài thân. Đây là lối lý luận táo bạo lạ thường chứng tỏ sự hiểu biết của ông A Nan chưa được rốt ráo.

Trước khi Phật bác cái chấp tâm ở ngoài thân, Đức Phật muốn giải thích cho ông A Nan rằng : Nếu tâm thật sự ở ngoài thân thì thân và tâm là hai thực thể khác nhau cũng như Phật và chư Tăng là hai nhóm khác nhau. Tại sao? Nếu Phật và chư Tăng là một tức là trong ngoài như nhau thì khi Phật thọ trai, chư Tăng phải no. Nhưng ở đây, khi Phật thọ trai mà chư Tăng không no nghĩa là Phật và chư Tăng là hai thực thể khác nhau.

Thêm nữa, khi Phật đưa cánh tay lên, mắt A Nan vừa thấy thì tâm liền biết, chứng tỏ thân tâm không thể cách biệt nhau nghĩa là thân tâm là một khối, bất khả phân ly. Vì thế chấp tâm ở ngoài thân tức là thân tâm cách biệt là vô lý.

3) A NAN CHO RẰNG TÂM NÚP SAU CON MẮT :

A Nan bây giờ bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, vì chẳng thấy bên trong nên tâm con chẳng ở trong thân. Vì thân tâm đều biết nhau, chẳng hề rời nhau nên tâm con chẳng ở ngoài thân. Nay con nghĩ kỹ biết nó ở tại một chỗ.

- Nó ở nơi nào?

https://thuviensach.vn

A Nan thưa :

- Cái tâm hiểu biết đã không biết bên trong mà lại nhận biết rõ sự vật bên ngoài, theo con nghĩ là nó núp sau con mắt. Ví như người lấy chén thủy tinh úp vào hai con mắt, con mắt dù có vật úp vào, nhưng không làm ngăn ngại sự thấy. Và vì tâm núp sau con mắt nên khi mắt thấy thì tâm liền phân biệt. Sở dĩ tâm không biết tạng phủ trong thân, vì nó không ở trong thân, nhưng tâm lại nhận biết cảnh vật bên ngoài vì nó ở trên cái mặt.

Phật bảo A Nan :

- Như ông vừa nói, tâm núp sau con mắt, còn con mắt núp sau chén thủy tinh, nếu người kia sau khi úp chén thủy tinh lên mắt mà mắt vẫn nhìn thấy núi sông, vậy con mắt có thấy được chén thủy tinh không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Khi người ấy úp chén thủy tinh lên mắt, thật có thấy chén thủy tinh.

Phật bảo A Nan :

- A Nan! Con mắt núp sau chén thủy tinh thì thấy được chén thủy tinh. Còn tâm núp sau con mắt sao tâm chẳng thấy mắt? Dù cho là thấy mắt, mắt tức là cảnh thì cảnh làm

https://thuviensach.vn

sao thấy cảnh? Nếu chẳng thấy mắt thì ông nói tâm núp sau con mắt giống như con mắt núp sau chén thủy tinh là vô lý.

Ông A Nan nói tâm ở trong thân bị Phật bác, ông bèn nói tâm ở ngoài thân thì cũng bị Phật bác. Bây giờ ông nghĩ rằng sở dĩ tâm không thấy được lục phủ ngũ tạng là vì tâm không ở trong thân mà ở trên mặt. Nếu nói tâm ở trên đầu thì tâm không thấy biết những hình sắc bên ngoài cho nên ông A Nan mới nói tâm núp sau con mắt. Vì tâm núp sau con mắt nên mắt thấy vật gì thì tâm lập tức biết ngay. Đây là để đối lại với lời của Phật trong phần trước khi Ngài đưa cánh tay lên thì thân tâm cùng biết.

Đức Phật bây giờ mới từ bi mà giải thích cho A Nan. Giả sử nếu cho rằng tâm núp sau con mắt cho nên mỗi khi mắt thấy hình sắc nào bên ngoài thì tâm liền thấy biết. Cũng như có người úp chén thủy tinh lên mắt mà mắt vẫn nhìn thấy cảnh vật bên ngoài thì dĩ nhiên mắt phải thấy chén thủy tinh. Một thí dụ khác nếu chúng ta đeo cặp mắt kiếng thì mắt dĩ nhiên phải núp dưới đôi mắt kiếng. Do đó khi mắt thấy được cảnh vật bên ngoài thì tất nhiên mắt phải thấy được đôi mắt kiếng đang đeo vì đôi mắt kiếng là đối tượng để thấy tức là cảnh thấy và đang ở trước mắt chúng ta như những cảnh vật ở bên ngoài khác.

Nếu dựa theo lý luận của ông A Nan là tâm núp dưới con mắt cho nên khi tâm thấy được cảnh giới bên ngoài thì tâm phải thấy con mắt trước rồi sau đó tâm mới thấy cảnh vật

https://thuviensach.vn

bên ngoài. Như thế mắt bây giờ không còn là mắt mà là đối tượng để thấy. Nhưng trên thực tế, tâm đâu có thấy mắt hay thấy cảnh vật bên ngoài mà chỉ có mắt mới thấy được cảnh giới bên ngoài mà thôi. Vì thế, ông A Nan chấp tâm núp dưới con mắt là sai.

4) A NAN CHO RẰNG NHẮM MẮT THẤY TỐI LÀ TÂM THẤY TRONG THÂN :

A Nan bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn! Nay con lại thiết nghĩ rằng : thân thể của chúng sinh, tạng phủ ở trong, khiếu huyệt (ngũ căn) ở ngoài. Nơi tạng phủ thì tối, nơi khiếu huyệt thì sáng. Nay con ở trước mặt Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong. Nghĩa nầy đúng chăng?

Đức Phật bảo A Nan :

- Khi ông nhắm mắt thấy tối, cái cảnh tối ấy là đối với mắt hay không đối với mắt?

Nếu đối với mắt thì tối ở trước mắt, tức là ở ngoài thân, sao lại nói trong thân? Giả sử cho tối là trong thân thì lúc trong phòng tối chẳng có ánh sáng, những gì trong phòng tối đều là tạng phủ của ông sao?

Nếu chẳng đối với mắt thì làm sao được thấy? Nếu lìa sự

https://thuviensach.vn

thấy bên ngoài, thành lập sự thấy đối vào trong, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân; vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mặt?

Thêm nữa, nếu chẳng thấy mặt thì cái nghĩa"con mắt đối vào trong" chẳng thể được. Nếu thấy mặt thì tâm hay biết và nhãn căn đều tại hư không, làm sao nói ở trong?

Nếu ở ngoài hư không thì chẳng phải thân ông, tức hiện nay Như Lai thấy mặt ông cũng là thân ông sao? Vậy mắt ông thấy biết thì thân ông chẳng biết. Nếu ông cho thân và mắt cùng biết một lượt, thì phải có hai cái biết, tức một thân người phải thành hai Phật.

Vậy nên biết rằng : Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân là chẳng đúng.

Lần thứ nhất A Nan chấp tâm ở trong thân, bị Phật bác. Sau đó, A Nan chấp tâm ở ngoài thân, cũng bị Phật bác. Liền sau đó, A Nan chấp tâm núp sau con mắt, lý luận này cũng bị Phật bác. A Nan bèn nghĩ rằng tạng phủ ở trong thân nên mắt không thấy được và dĩ nhiên ngũ căn ở bên ngoài thì mắt dễ dàng thấy. Do đó ông mới kết luận rằng vì tạng phủ ở bên trong nên khi nhắm mắt, thấy tối thì cái tối tức là thấy bên trong tạng phủ. Còn khi mở mắt, thấy sáng thì cái sáng này sẽ thấy hình sắc bên ngoài.

https://thuviensach.vn

Bây giờ Phật mới giải thích cho A Nan rằng : Nếu ông A Nan nhắm mắt lại mà thấy cảnh tối thì :

1) Nếu ông nhắm mắt mà thấy cảnh tối thì mắt phải nhìn thấy cảnh tối bên ngoài tức là cảnh tối là đối tượng để thấy thì cảnh tối bắt buộc phải ở ngoài thân. Nếu cảnh tối ở trong thân thì làm sao mắt thấy được. Nếu ông A Nan lý luận cảnh tối ở trong thân thì cũng giống như cảnh tối của một căn phòng không có ánh sáng. Như thế thì đồ đạc vật dụng trong phòng kia là tim, gan, tỳ, tạng của ông A Nan?

2) Bây giờ nếu không có mắt để thấy thì làm sao thấy được đối tượng, cảnh vật. Mà nếu cho rằng con mắt ở trong thân cho nên khi nhắm mắt thì thấy cảnh tối vậy khi mở mắt sáng thì phải thấy cảnh vật bên ngoài. Nhưng ở đây khi mở mắt sáng mà chẳng thấy được mặt mày của mình thì con mắt đâu phải ở trong thân. Mà muốn thấy mặt thì mắt phải ở ngoài thân vì thế tâm và mắt phải nằm lơ lửng trong không gian.

Nếu mắt, tâm ở ngoài thân và nằm trong hư không thì rõ ràng mắt và tâm không thuộc thân. Cũng như Đức Phật đứng từ bên ngoài nhìn A Nan thì làm sao bảo Đức Phật là thân của A Nan được. Do đó nếu mắt biết thì thân không biết, còn nếu cho rằng mắt biết và thân cũng biết hóa ra trong thân có tới hai tánh biết nghĩa là một thân A Nan tu mà có tới hai A Nan thành Phật. Mỗi người sinh ra chỉ có

https://thuviensach.vn

một tánh biết, nếu tánh biết hiện ra ở mắt là thấy, hiện ra ở tai là nghe, hiện ra ở mũi là ngửi…cho nên nếu có hai tánh biết thì rõ ràng ông A Nan một thân mà có tới hai bản tâm hay sao?

Do đó ông A Nan chấp "nhắm mắt thấy tối là tâm thấy trong thân" là vô lý.

5) A NAN CHO RẰNG SỰ SUY NGHĨ LÀ TÂM :

A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Con thường nghe Phật dạy tứ chúng rằng: do tâm sanh nên các pháp mới sanh; do các pháp sanh cho nên tâm mới sanh. Nay con suy nghĩ, chính cái "suy nghĩ" ấy là tâm của con. Tùy sự hòa hiệp chỗ nào tâm theo đó mà có nên nó chẳng ở trong, ở ngoài và ở chính giữa.

Phật bảo A Nan :

- A Nan! Ông cho sự suy nghĩ là tâm, sự suy nghĩ hòa hợp chỗ nào tâm theo đó mà có. Như thế thì cái tâm của ông không có tự thể. Nếu tâm ông không có hình thể (tức là không có) thì lấy cái gì mà hòa hiệp, cũng giống như giới mười chín hòa hợp với trần thứ bảy, nghĩa ấy không đúng? Còn nó có hình thể, thì ông thử lấy tay mặt đánh qua tay trái, ông liền biết đau. Vậy cái tâm biết đau này, là từ trong thân chạy ra hay từ bên ngoài chạy vào?

https://thuviensach.vn

- Nếu ông nói : ”nó từ trong thân chạy ra” thì trước hết nó phải thấy gan ruột trong thân của ông. Còn nếu nó từ ngoài hư không chạy vào thì trước hết nó phải thấy cái mặt của ông.

A Nan thưa :

- Thấy là ở con mắt, còn tâm thì biết chớ không thấy như con mắt. Nói tâm thấy là không đúng nghĩa.

Phật dạy rằng :

- Nếu con mắt thấy thì những người chết, con mắt vẫn còn, sao họ không thấy vật?

- Nếu người chết, mà vẫn còn thấy vật, thì sao gọi là người chết?

Lại nữa, nếu cái tâm hiểu biết của ông có thật thể, thì có một thể hay nhiều thể, ở khắp cả thân ông, hay không khắp cả thân?

- Nếu tâm ông có một thể và ở khắp cả thân thì khi ông lấy tay đánh thử một chỗ trên thân ông, đáng lẽ, đều biết đau hết vì tâm ở khắp cả thân và đồng một thể.

https://thuviensach.vn

- Nếu cả thân biết đau thì cái đau đó lẽ ra không có ở nhất định chỗ nào.

- Nếu cái đau có chỗ nhất định thì ông nói : ”cái tâm một thể ở khắp cả thân” cũng không phải. Còn nói : ”tâm ông có nhiều thể” thì thành ra nhiều người; vậy cái nào là tâm của ông?

- Nếu tâm ông không ở khắp thân thể, vậy ông đồng thời vừa đụng trên đầu và cũng vừa đụng dưới chân; khi ấy, nếu đầu biết đau thì chân phải không biết. Còn chân biết đau thì đầu phải không biết.

Nhưng thực tế thì đầu và chân của ông cả hai đều biết đau.

Thế nên cho rằng “tùy hòa hiệp chỗ nào thì tâm tùy theo đó mà có” cũng không đúng.

Cho đến bây giờ, ông A Nan vẫn chưa biết chỗ viên thông của bản tâm nên mới đem cái thức suy nghĩ mà cho rằng đó là bản tâm. Ông A Nan thường nghe Phật giảng giải về câu : ”tâm sanh nên các pháp sanh; do pháp sanh nên tâm sanh”, nghĩa là con người có khởi tâm phân biệt là do các pháp trần sinh khởi nghĩa là căn tiếp xúc với trần thì thức phát sinh mà tạo ý niệm phân biệt. Thí dụ, quý vị ngồi trong nhà nhìn ra đường thấy chiếc xe thì thức cho biết đó là chiếc xe, nhưng thức phân biệt sau đó mới cho quý vị

https://thuviensach.vn

biết đó là xe gì, tốt hay xấu…Vì thế nếu pháp trần sinh thì tâm sinh tức là nếu có hiện tượng xảy ra thì tâm phát hiện để ghi lại. Đây chính là vọng tâm bản nguyên phan duyên ngoại cảnh nghĩa là vọng tâm hay những thức suy nghĩ có phát sinh cũng bởi tại phan duyên với những trần cảnh bên ngoài. Ông A Nan không rõ ý Phật muốn chỉ dạy về pháp tướng mà tâm phân biệt là cội nguồn sinh ra các tâm yêu, ghét, buồn, vui…nhưng lại chấp rằng tâm hòa hợp với chỗ nào thì liền có ở nơi ấy.

Không riêng gì ông A Nan cho rằng sự suy nghĩ là tâm mà tất cả chúng sinh trên thế gian này đều trả lời như thế nếu họ chưa thấu hiểu sâu xa về thật tướng của vạn pháp. Thí dụ, con người thường nói tâm nghĩ thiện, tâm nghĩ ác, tâm suy nghĩ việc này, việc nọ…thế thì cái suy nghĩ không là tâm thì là gì? Nhưng nếu tư duy quán chiếu thì thấy rằng trong tâm chúng ta không có một ý niệm nào thường trụ bất biến cả. Niệm trước vừa đến thì được thay thế bằng những niệm kế tiếp. Trong một cái chớp mắt mà có tới chín trăm ý niệm vi tế khởi lên trong tâm vì thế mà con người sống trong quay cuồng điên đảo với muôn vạn ý niệm trong tâm thức của mình.

Đức Phật dạy rằng nếu thật sự cái suy nghĩ là tâm, mà sự suy nghĩ là hư không, không hình sắc thì làm sao hòa hiệp. Bây giờ giả sử cho rằng sự suy nghĩ có hình sắc; nếu ông A Nan lấy tay mặt đánh qua tay trái thì tâm liền biết đau. Do đó nếu cho rằng tâm ở trong thân chạy ra cánh tay để biết

https://thuviensach.vn

cái đau thì tâm phải thấy tạng phủ của ông A Nan trước rồi mới chạy ra cánh tay, nhưng thật ra tâm đâu có thấy tim, gan của ông được. Còn nói rằng nếu tâm từ bên ngoài hư không chạy vào cánh tay để biết cái đau thì tâm phải thấy mặt của A Nan, nhưng tâm đâu có thấy được mặt của A Nan.

Lý do Đức Phật bác lời ông A Nan cho rằng "sự hòa hiệp chỗ nào thì tâm theo chỗ ấy mà có" là vì bản tâm không có tự thể, là vô hình, vô tướng nên không thể thấy và dĩ nhiên không thể nào hòa hiệp được. Tại sao? Vì tự thể là thể chất của vật chất cho nên nếu muốn hòa hợp nước, đường với chanh thì cần phải có nước, đường và trái chanh thì mới làm được nước chanh đường.

Ông A Nan vì chưa ngộ được thật tướng viên thông của bản tâm nên tâm còn chấp có, chấp không mà cãi gượng rằng nếu muốn thấy thì phải dùng mắt tức là nhãn căn, còn tâm thì biết tức là thức. Phật không thể nhận lầm thức là nhãn căn được. Lúc bấy giờ A Nan chưa chứng đắc thánh quả A La Hán nên đây là câu hỏi rất thông thường và rất hợp lý đối với phàm nhân.

Để trả lời, Phật lại dạy rằng nếu cho rằng phải có mắt mới thấy sự vật thì tại sao người mới chết hai mắt vẫn còn nguyên vẹn mà họ không thấy gì hết! Còn những người đã chết, mắt không còn dùng được mà vẫn thấy sự vật? Lời Phật muốn dạy A Nan rằng không nhất thiết có mắt mới

https://thuviensach.vn

thấy mà tâm cũng thấy được. Khi một người đã chết, thần thức thoát ra khỏi thân xác và lưu lại ở một thế giới trung gian từ một tới bảy tuần lễ để tùy theo nghiệp lực mà đi tái sinh thì gọi là thân trung ấm. Thân trung ấm là thân không có xác thịt mà chỉ là bóng dáng. Vì là bóng dáng nên thân trung ấm không có sáu căn : mắt, tai, mủi, lưỡi, thân và ý, nhưng họ có thể thấy, nghe, hay, biết một cách rõ ràng. Họ có thể ngửi mùi hương mà thân quyến đốt cho họ…Họ có thể thấy gia quyến thương tiếc khóc than cho họ. Do đó thân trung ấm vẫn thấy mọi hiện tượng mà không cần có mắt. Vậy cái thấy của thân trung ấm chính là do tâm mà có chớ đâu phải do mắt.

Ngày xưa tôn giả A Na Luật vì mỗi khi nghe Phật thuyết pháp thường hay ngủ gục liền bị Phật quở nên ông thề trong tâm không ngủ nữa. Vì giấc ngủ là thức ăn cho mắt cho nên sau bảy ngày không ngủ liên tiếp ông bị mù. Chính Đức Phật đã dạy ông pháp môn “Kim Cang Chiếu Minh Tam Muội” nên chẳng bao lâu A Na Luật chứng được thiên nhãn thông có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới rất rõ như thấy quả quít trên tay. Như thế cái thấy của ông A Na Luật đâu phải là do nhãn căn.

Bây giờ Phật mới phân tích cái tâm của A Nan mà hỏi rằng nếu cái tâm hiểu biết của ông là một thể và bao trùm khắp toàn thân nên khi đưa tay đánh một chỗ nào trên thân thì toàn thân phải cảm thấy đau như nhau. Nhưng trên thực tế điều nầy không đúng vì nếu lấy tay đánh trên đầu thì mình

https://thuviensach.vn

và tay chân đâu có đau. Vì thế cho rằng tâm là một thể và bao trùm khắp toàn thân là sai. Còn nếu cho rằng tâm ông có nhiều thể thì cũng không đúng vì mỗi người chỉ có một thể tánh mà thôi. Còn có nhiều thể tức là có nhiều người thành ra cái nào là tâm của A nan?

Sau cùng nếu cho rằng tâm hiểu biết của A Nan không bao trùm khắp toàn thân nên khi lấy tay đánh lên đầu và dưới chân một lượt thì chỉ có một chỗ biết đau, hoặc là đầu hoặc là chân bởi vì khi biết đau có nghĩa là trong thời điểm ấy hoặc là tâm chạy lên đầu hoặc là chạy xuống chân. Nhưng trên thực tế, cả đầu lẫn chân cùng đau chứng tỏ tâm vừa chạy lên đầu và cũng vừa chạy xuống chân.

Vậy cái thuyết ”hòa hiệp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó” không đúng sự thật.

6) A NAN CHO RẰNG TÂM Ở CHẶNG GIỮA :

A Nan bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn! Con được nghe Thế Tôn cùng với ngài Văn Thù Sư Lợi và các vị Pháp Vương Tử bàn về nghĩa thật tướng. Con nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Theo như con nghĩ : Nếu tâm ở trong thân sao lại không biết bên trong, còn nếu tâm ở bên ngoài sao thân tâm cùng biết. Tâm không biết bên trong nên không thể nói ở trong thân. Thân và tâm cùng biết nên không thể

https://thuviensach.vn

nói tâm ở ngoài thân. Nay vì thân tâm biết nhau và không thấy được vật bên trong nên con khẳng định tâm chắc chắn ở giữa.

Phật bảo :

- Này A Nan! Ông nói chặng giữa, chỗ ấy không phải tự nhiên mà có, hoặc không có vị trí nhất định. Theo sự suy nghĩ của ông thì chặng giữa là ở nơi nào? Ở nơi thân hay ở nơi cảnh? Nếu ở nơi thân mà ở một bên thì không phải ở giữa, còn nếu ở giữa thân thì cũng như ở trong thân rồi. Nếu cái giữa ở nơi cảnh thì có thể nêu ra được hay không thể nêu ra được? Không nêu ra được thì cũng như không có cái giữa, còn nêu ra được thì lại không nhất định ở giữa. Tại sao? Ví như có người cắm một cây nêu để làm điểm giữa. Nếu nhìn từ phương Đông thì cây nêu ở phía Tây. Còn nếu nhìn từ phương Nam thì thấy cây nêu ở phía Bắc. Cái giữa đã lẫn lộn như thế thì cái tâm ở chặng giữa cũng thành rối loạn, chẳng rõ ở đâu.

A Nan thưa :

- Con nói "chính giữa" chẳng phải là hai thứ này. Như Thế Tôn dạy : mắt gặp sắc trần, duyên sanh nhãn thức. Mắt thì có phân biệt, sắc trần vốn vô tri. Thức phát sinh trong khoảng giữa ấy chính là tâm con.
Đức Phật bảo :

https://thuviensach.vn

- Tâm ông nếu ở giữa căn và trần, vậy tâm thể ấy gồm cả hai bên hay không gồm cả hai bên? Nếu gồm cả hai bên thì ngoại vật và tâm thể lẫn lộn, trần thì không biết nhưng căn biết thành hai thứ đối lập nhau. Như thế chỗ nào gọi là điểm giữa? Nếu lìa biết (căn) và không biết (trần) thì chẳng có thể tánh, vậy lấy tướng nào làm chính giữa?

Thế nên biết rằng tâm ở chặng giữa là chẳng đúng.

Khi Phật và đại trí Văn Thù bàn về thật tướng nghĩa là các Ngài nói về tánh thường trụ của bản tâm tức là chơn tâm, là Phật tánh, là Tri kiến Phật, là tự tánh thanh tịnh bản nhiên có sẵn trong tất cả chúng sinh, nhưng ông A Nan lại hiểu lầm thật tướng thường trụ bất sinh bất diệt của chơn tâm với pháp tướng sinh diệt của vọng tâm. Vì thế mà ông mới lý luận rằng nếu tâm ở trong thân thì tâm phải thấy lục phủ ngũ tạng, nhưng tâm đâu có thấy được tim, gan của mình nên chắc chắn tâm không ở trong thân. Còn nếu cho rằng tâm ở ngoài thân, khi thân đau thì tâm không biết vì nó ở ngoài nên chắc chắn tâm cũng không ở ngoài thân. Nhưng ở đây khi Phật đưa cánh tay lên thì thân tâm cùng biết hoặc có người đánh vào tay ta thì thân tâm cũng cùng biết cho nên ông A Nan mới kết luận tâm không ở trong, tâm cũng chẳng ở ngoài mà tâm bây giờ ở ngay chặng giữa. Khi ông A Nan còn dùng thức tâm tức là tâm phân biệt còn ngăn cách bởi sự vật, còn chạy theo sắc trần bên ngoài, thì không cách nào ông hiểu được chơn tâm thường

https://thuviensach.vn

trú và thể tánh tịnh minh vốn trong sạch, thanh tịnh, thường hằng bất biến trong tâm của ông.

Bây giờ Phật từ bi mà giải thích rằng cái giữa mà ông A Nan muốn nói là ở đâu. Giữa ở nơi thân hay giữa ở nơi cảnh.

1) Nếu tâm ở giữa nơi thân thì rõ ràng tâm ở trong thân thì cũng giống như phần trên. Hoặc là cho tâm ở trong thân, nhưng ở một bên thì cái giữa đâu còn ý nghĩa.

2) Còn nếu cho rằng tâm giữa ở nơi cảnh thì cũng có hai trường hợp :

- Nếu không nói ra được chỗ nào là ở giữa thì cái giữa không có.

- Còn nếu có thể nói được thì nơi nào gọi là chỗ giữa. Phật bèn đưa ra thí dụ : Giả sử có người cắm một cây nêu để làm điểm giữa trong một cánh đồng trống. Nếu một người nhìn từ hướng Đông thì thấy cây nêu nằm về hướng Tây. Hoặc một người nhìn từ hướng Nam thì thấy cây nêu nằm về hướng Bắc. Vậy chỗ nào là chính giữa? Cái ý nghĩa của chính giữa đã không rõ biết thì làm sao nói tâm ở chính giữa là đúng được.

Vì A Nan còn mê nên nói sao cũng không đúng, nói cái gì cũng bị Phật bác nên ông dựa vào duy thức luận mà nói

https://thuviensach.vn

rằng : Nhãn căn là căn của mắt, sắc trần là những ngoại vật ở bên ngoài cho nên khi nhãn căn tiếp xúc với sắc trần liền phát sinh nhãn thức tức là sự phân biệt của sự thấy. Ông A Nan nói nhãn căn có sự phân biệt, sắc trần tự nó vô tri nên không có sự phân biệt, nhưng khi nhãn căn gặp sắc trần sanh ra nhãn thức ở giữa có sự phân biệt hay biết nên ông cho rằng tâm ở nơi nầy. Thí dụ như khi chúng ta nhìn thấy một chiếc xe đang đậu ngoài đường. Nhìn là mắt tức là nhãn căn, chiếc xe là sắc trần, nhưng nếu mắt nhìn chiếc xe mà chỉ biết đây là chiếc xe thì thức không có sự phân biệt. Bây giờ nếu mắt vừa nhìn thấy chiếc xe mà thức liền phân biệt cho rằng chiếc xe này là xe gì, đẹp hay xấu…thì ông A Nan nói cái thức phân biệt này chính là bản tâm của ông ta.

Phật lại dạy rằng nếu ông A Nan nói tâm nằm ở giữa căn và trần thì cái tâm ấy gồm hai bên (căn và trần) hay không gồm hai bên?

1) Nếu tâm gồm hai bên có nghĩa là nhãn thức vừa bao gồm cả nhãn căn và sắc trần mà trần thì không biết còn căn thì biết như thế biết và không biết hay tâm thức và sắc trần lẫn lộn vào nhau thì làm sao biết chỗ nào là tâm mà nói ở chặng giữa.

2) Nếu tâm không gồm hai bên nghĩa là nó không có biết và cũng không phải không biết nên tâm bây giờ không có thể tánh thì làm sao nói tâm ở chặng giữa được. Tuy bản tâm là vô hình vô tướng, nhưng nó có sự biết, sự thọ cảm

https://thuviensach.vn

nên nó có thể tánh, ngược lại nếu không có thể tánh thì không phải là tâm. Mà nếu không là tâm thì làm sao nói tâm ở chỗ này hay chỗ kia.

Vậy ông A Nan chấp tâm ở chặng giữa là không đúng.

7) A NAN CHO RẰNG TÂM LÀ CÁI KHÔNG DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU CẢ :

Ông A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Con nhớ trước đây có lần Phật chuyển pháp luân cùng bốn đại đệ tử : Mục Kiền Liên, Tu Bồ-đề, Phú Lâu Na và Xá Lợi Phất, khi đó Phật dạy : "Cái tâm tánh hiểu biết nó không ở trong, không ở ngoài, không có chặng giữa và không chỗ trụ, tất cả không dính dáng".

Bạch Thế Tôn! Nay con lấy cái không dính dáng ấy gọi là tâm có được chăng?

Phật bảo :

- A Nan! Ông nói cái tâm hiểu biết của ông không dính dáng, vậy tôi hỏi ông : Biển cả, đất liền, núi rừng, hoa, cỏ…nói chung mọi sự vật hiện tượng trên thế gian mà ông cho là không dính dáng, chúng có hay là không có? Nếu chúng là không thì không cần phải nói dính dáng hay không dính dáng. Bởi vì có ai dính với chuyện lông rùa,

https://thuviensach.vn

sừng thỏ bao giờ! Còn nếu có sự dính dáng thì không thể nói sự vật hiện tượng là không. Không tướng mới không, còn không phải không thì ắt phải có tướng. Mà đã có tướng thì có dính dáng chứ làm sao không dính dáng được?

Vậy nên biết rằng tâm là cái không dính dáng vào đâu cả cũng không hợp lý.

Một lần nữa kinh Lăng Nghiêm chứng minh rằng cái nghe thấy biết của ông A Nan và sự thấy biết của những bậc tu chứng khác nhau rất xa. Tại sao? Khi các bậc Thánh giả tu chứng đến chỗ các Ngài có thể phá được sắc, thọ, tưởng, hành của ngũ uẩn thì các Ngài đạt đến chỗ nhân không tức là họ đã phá được bản ngã nên tâm hoàn toàn tự tại cho nên cái thấy của họ không phải do mắt mà bằng trí tuệ nên không có dính dáng. Còn ông A Nan tuy theo chân Đức Phật suốt hai mươi bảy năm, nhưng với sở thích học rộng nghe nhiều mà không dùng thiền định để soi chiếu được cái thật tướng của bản tâm (chơn tâm) nên cái thấy của ông A Nan không khác gì cái thấy của phàm nhân tức là thấy bằng nhục nhãn chớ không phải bằng tuệ nhãn như các vị A la hán. Mà thấy bằng mắt thịt thì dĩ nhiên phải có dính dáng, có đối tượng mới thấy được.

Phật từ bi mà dạy rằng nếu ông A Nan cho rằng cái tâm hiểu biết của ông không dính dáng với tất cả những sự vật hiện tượng trên thế gian, ông hãy nhìn ra ngoài sẽ thấy nào

https://thuviensach.vn

là trời cao, biển rộng, núi rừng, hoa quả, chim bay, cá lặn…thì chúng có hay không?

1) Nếu ông nói không có thì không cần phải nói gì thêm.

2) Còn nếu ông nói chúng có hiện hữu thì làm sao ông nói là không dính dáng được? Tại sao? Bởi vì cái không dính dáng là cái không của hình sắc, của thế giới hữu vi tức là phải có hình tướng chớ không phải cái không của không tướng tức là chân không diệu tánh của thế giới vô vi. Mà thế gian, trời đất, núi cao, biển rộng, chim bay, cá lặn vẫn sờ sờ trước mắt thì làm sao nói không có? Do đó có thế giới hữu hình, có hình tướng thì phải có dính dáng.

Vậy ông A Nan chấp không dính dáng là tâm hay biết lại cũng không đúng.

Phần Tóm Lược

Con người có sống trong hệ lụy của phiền não khổ đau cũng vì để tâm chạy theo những trần cảnh bên ngoài. Mỗi cái chớp mắt có tới hàng trăm ý niệm thay nhau sinh khởi trong tâm. Ý niệm trước vừa dấy khởi liền được thay thế bằng ý niệm sau. Đó là tại sao chúng sinh có lúc vui, lúc buồn, lúc giận, lúc hờn, lúc thương, lúc ghét…Cái vui nhỏ thay thế cái vui lớn, cái tức giận mới thay thế cái tức giận cũ. Vài phút trước đang vui, nhưng vừa thoáng qua thì nước mắt đã chảy dài. Tất cả những thay đổi của tâm bởi

https://thuviensach.vn

những trần lao bên ngoài thì cái tâm này nhà Phật gọi là thức tâm hay vọng tâm tức là cái tâm sinh diệt, biến đổi theo hoàn cảnh và thời gian.

Trong chương này, Đức Phật trước khi chỉ bày phương pháp tu hành để loại trừ vọng tâm sinh diệt chính là cội nguồn của sinh tử khổ đau mà thấy được chơn tâm thường trú của chính mình, Ngài gạn hỏi ông A Nan bảy lần về bản tâm. Ông A Nan tuy theo chân Đức Phật suốt hai mươi bảy năm và được Phật khen ngợi là đệ nhất đa văn, nhưng ông chỉ thích học rộng nghe nhiều, cố thu góp kho tàng Phật pháp mà không chịu tu chứng. Vì chưa chứng đắc Thánh quả, ông A Nan chưa phá nổi nhân không nên ông vẫn còn chấp ngã, chấp tướng, tâm chưa được thanh tịnh, rỗng rang như các vị A la hán. Bởi tâm còn chấp nên Đức Phật sau bảy lần gạn hỏi bản tâm là cái gì và ở đâu, ông chỉ dùng trí thức phàm nhân mà trả lời. Thâm ý của Đức Phật là muốn hỏi về chơn tâm, Phật tánh trong khi ông A Nan lại dùng vọng tâm sinh diệt mà đáp lại.

Đức Phật đưa ra bảy chỗ gạn hỏi là có ý muốn đưa A Nan thẳng đến chỗ tự ngộ vì thế lời Phật giảng giải chẳng phải chân lý. Tại sao? Đức Phật chỉ dùng phương tiện tức là dùng thuốc giả để trị bịnh giả của A Nan bởi vì những kiến chấp của A Nan là không đúng và lời phá chấp của Phật cũng không phải là chân lý. Thí dụ như khi ông A Nan nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, tâm không dính dáng thì thật ra không phải có chỗ chẳng đúng hay chẳng sai. Do đó khi A Nan chấp tâm ở trong thân thì Phật bác không phải ở

https://thuviensach.vn

trong. A Nan bèn chấp tâm ở ngoài thân thì Phật lại bác không phải ở ngoài. Tuy phá chấp của A Nan, nhưng lời phá chấp của Phật cũng không phải là chân lý. Tại sao? Vì tự tánh, chơn tâm vốn là cùng khắp cho nên nếu Phật nói tâm không phải ở trong thân nghĩa là tự tánh không cùng khắp, hoặc nếu Phật cho rằng tâm không ở ngoài thân thì tự tánh cũng không cùng khắp. Nhưng vì A Nan chấp tâm phải nhất định ở một chỗ nên Phật mới bác. Nếu bệnh chấp chưa hết thì không những bảy chỗ mà A Nan có thể đưa ra vô số chỗ. Còn nếu bệnh chấp đã hết thì một chỗ cũng chẳng có, nói gì đến bảy chỗ.

Trong Nhiếp Đại Thừa luận có câu chuyện "Kẻ mù rờ voi". Người rờ nhằm cái chân thì nói con voi như cột nhà, người rờ nhằm lỗ tai thì nói con voi như cái quạt, còn người khác rờ nhằm cái đuôi thì nói con voi như cây chổi quét nhà…Do đó nếu những người mù kia không thấy được chân tướng của con voi, cho dù có rờ trúng, thì họ nói cách nào cũng sai cả.

Vậy nên biết nếu con người chưa ngộ được thể tánh chơn tâm thì cho dù nói cách nào cũng sai cả.

Cuốn Một
Chương Thứ Ba - Chỉ Rõ Tánh Thấy

https://thuviensach.vn

Lúc bấy giờ A Nan ở trong đại chúng, liền đứng dậy từ chỗ ngồi bày vai áo bên phải, gối bên phải qùy sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật :

- Con là em nhỏ nhất của Phật, nhờ Thế Tôn thương yêu, nay tuy con đã xuất gia, nhưng vẫn còn ỷ nại lòng thương yêu của Thế Tôn, do đó chỉ được đa văn chưa được quả vô lậu. Nên con bị chú thuật Satìcala lôi kéo và sa vào nhà dâm, tất cả chỉ vì không biết chỗ quy hướng của chơn tâm. Cúi mong đức Thế Tôn mở rộng lòng từ, thương xót chỉ dạy cho chúng con pháp tu thiền định Xa-ma-tha, khiến cho hàng nhất-xiển-đề và miệt-lệ-xa thoát khỏi tà kiến. Thỉnh cầu như vậy xong, rồi gieo năm vóc sát đất cùng toàn thể đại chúng kính cẩn lắng nghe lời Phật chỉ dạy.

Trong phần đầu của kinh, ông A Nan nêu lý do xuất gia là vì kính yêu sắc tướng trang nghiêm thanh tịnh của Phật chớ không phải là vì cứu cánh giải thoát giác ngộ cứu độ chúng sinh. Như thế rõ ràng ông A Nan xuất gia với tâm không chân chính nghĩa là thân tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo nên khi vào tăng đoàn, thay vì lo tu tập như các vị thánh tăng khác, ông chỉ lo học rộng nghe nhiều để thỏa mản nhu cầu trí thức và có tâm ỷ nại nơi Phật. Vì ông là em chú bác và cũng là thị giả của Phật nên theo ông nghĩ, Phật không bao giờ bỏ rơi ông. Ông tin chắc rằng trước khi Phật nhập Niết bàn thì thế nào Phật cũng ban cho ông quả vị Bồ-đề và khi Phật nhập vào Niết bàn thì cũng đem ông theo cũng như vai trò thị giả của ông bây giờ vậy. Đối với ông, Đức

https://thuviensach.vn

Phật là một bóng mát luôn che chở cho ông và cho cả tâm hồn của ông vì bất cứ nơi nào có bước chân của Phật là có bóng dáng của ông. Vì tin chắc như vậy nên tuy theo chân Phật suốt hai mươi bảy năm mà ông không chịu tu chứng đến lúc gặp nạn dâm nữ Ma đăng già mới làm ông thức tỉnh mà thỉnh cầu Phật chỉ cho pháp môn Xa-ma-tha để tu. Một trường hợp ỹ lại khác trong tăng đoàn là tôn giả La hầu La. Vì là con của Phật và cháu của vua nên khi mới vào tăng đoàn làm Sa di, La hầu La không chịu tu hành, ương ngạnh, nói dối, đến khi Ngài thức tỉnh, phá được bản ngã, tinh tấn tu hành mới chứng được Thánh quả.

Vậy tại sao ông A Nan lại thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy pháp môn Xa-ma-tha? Đây là một phương pháp tu Chỉ cũng được gọi là tu Định tức là tâm của người tu lúc nào cũng tỉnh giác, không bị các vọng tưởng chi phối làm tiêu trừ tất cả mọi phiền não khổ đau. Vì tâm có định nên người tu có thể tiến thẳng đến Niết bàn tịch tịnh.

Khi ấy từ chặng giữa chân mày của Thế Tôn phóng ra các đạo hào quang. Các hào quang ấy sáng chói như trăm ngàn mặt trời, trỗi lên sáu điệu làm chấn động khắp cõi nước Phật. Mười phương cõi nước như số vi trần đồng thời hiện ra. Nhờ oai thần của Phật khiến các thế giới vi trần ấy hợp thành một cõi. Trong các cõi nước ấy, các vị đại Bồ-tát ở nơi quốc độ của mình đều chắp tay lắng nghe lời Phật dạy.
Trước khi Đức Thế Tôn thuyết một bài kinh nào tối quan trọng, Ngài thường phóng hào quang sáng ngời làm chấn

https://thuviensach.vn

động mười phương thế giới. Lời thuyết pháp phát xuất từ những tuệ giác sâu xa của Đức Phật và cũng để chứng minh đây là chân ngữ từ trong tuệ giác của Ngài. Mặc dù ánh hào quang sáng chói như trăm ngàn ánh mặt trời, nhưng hào quang của Đức Phật phát xuất từ đại từ, đại bi tâm nên rất thanh tịnh và mát dịu không làm chói mắt chúng sinh. Trong thế gian có khi các loài ma cũng biến hóa thân Phật và phóng hào quang, nhưng thay vì ánh sáng hòa dịu, tươi mát như hào quang của chư Phật làm cho thân tâm thanh tịnh thì hào quang của loài ma chiếu vào làm cho thân tâm bực bội, nóng rát, khó chịu. Vì thế người tu thiền khi đi sâu vào thiền định có thể thấy biết hào quang nào là của chư Phật và hào quang nào là của loài ma đạo. Mặc dù thế giới nhiều như vi trần, nhưng tất cả các vị đại Bồ-tát trong các cõi cùng chắp tay lắng nghe lời Phật dạy. Như thế đủ biết giá trị và tầm quan trọng của kinh Thủ Lăng Nghiêm chẳng những mang lợi ích sâu xa cho chúng sinh trong thế giới Ta bà, mà còn cho tất cả chúng sinh trong muôn vàn thế giới nữa.

Đức Phật hỏi A Nan :

- Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, đủ các thứ điên đảo, mầm giống nghiệp tự nhóm lại như chùm quả ác xoa. Những người tu hành không thành được đạo vô thượng Bồ-đề, mà chỉ thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương và quyến thuộc của ma. Tất cả đều do không biết hai loại căn bản, tu tập lầm lộn,

https://thuviensach.vn

cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua số kiếp nhiều như cát bụi, rốt cùng chẳng được. Thế nào là hai món căn bản? Này A Nan! Một là căn bản sanh tử từ vô thỉ chính là tâm phan duyên mà hiện nay ông cũng như toàn thể chúng sinh nhận làm tự tánh. Hai là nguyên thể thanh tịnh Bồ-đề Niết bàn từ vô thỉ. Đó là cái chân tâm vốn sáng suốt hiện giờ của ông, hiện nay sinh khởi các duyên bị ông lãng quên. Do các chúng sinh bỏ quên tánh bản minh này tuy trọn ngày sử dụng nó mà chẳng tự biết nên bị trôi lăn oan uổng trong các cõi.

Con người từ muôn kiếp luôn lặn hụp, trôi nổi trong sinh tử luân hồi cũng vì nghiệp. Có gây nghiệp thì phải chịu thọ báo tái sinh trầm luân sinh tử, đời này tan đời khác đến vô cùng vô tận. Chúng sinh vì sống trong màn vô minh đen tối nên quên mất trong họ đã có sẵn tự tánh Bồ-đề, tự tánh thanh tịnh Niết bàn mà chạy theo ngoại trần làm tâm điên đảo. Càng chạy theo lục dục thất tình, con người càng tạo nghiệp và nghiệp thì chồng chất, kết nhóm chẳng khác nào như chùm cây độc "ác xoa" vì giống cây độc này mỗi khi mọc cây con thì kết ba cây làm một bụi, tăng trưởng rất nhanh và liên kết với nhau nên rất khó tiêu trừ. Chúng sinh bị nghiệp sai sử cũng vì không biết phân biệt hai món căn bản vọng, chân nên ngay cả những người tu hành cũng không thể đắc quả vị vô thượng Bồ-đề tức là quả vị Phật mà tối đa là chứng đắc những Thánh quả trong hàng Thanh Văn, Duyên giác. Hoặc họ có thể thành chư thiên, ngoại

https://thuviensach.vn

đạo mà tệ hại nhất là thành ma vương. Hai món căn bản đó là :

1) Chúng sinh vì lầm tưởng tâm phan duyên là tự tánh của chính mình, nhưng tâm phan duyên là cái tâm luôn duyên với trần cảnh bên ngoài mà phát sinh ra vọng thức. Con người có vui, có buồn, có hờn, có giận, có tham, có muốn nghĩa là tâm luôn thay đổi theo duyên cảnh bên ngoài. Ý niệm trước vừa phát sinh thì ý niệm sau liền sinh khởi làm cho con người vui đó, buồn đó…tâm chất đầy vọng tưởng, bất tịnh.

2) Thể tánh thanh tịnh Bồ-đề Niết bàn vốn có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh. Đó chính là chơn tâm thường trú, thể tánh tịnh minh không thay đổi, bất sinh bất diệt theo không gian, thời gian và lúc nào cũng trong sáng thanh tịnh.

Tuy con người đã có sẵn chơn tánh thanh tịnh trong họ, nhưng vì trần cảnh mê hoặc nên họ quên mất mà sống trong điên đảo khổ đau. Ví như một người có viên kim cương trong túi mà không biết, hằng ngày cứ lo buôn tảo bán tần, làm ăn cực khổ, thiếu thốn đủ điều. Bây giờ thức tỉnh thò tay vào túi lấy viên kim cương đem bán thì sẽ được giàu sang phú quý. Con người cũng thế, nếu biết thức tỉnh, biến mê thành giác, diệt hết vô minh phiền não thì Niết bàn tự bày, Bồ-đề hiển hiện.

Như thế diệt hết vọng tưởng thì chơn tâm bản giác tự hiện

https://thuviensach.vn

bày, nhưng tất cả đều nương vào năng lực của đại định mà pháp tu Chỉ Xa-ma-tha làm cho tâm người tu lúc nào cũng tỉnh giác nên không còn bị các vọng tưởng chi phối mà tiêu trừ tất cả mọi phiền não khổ đau.

Phật Gạn Hỏi Tâm Lần Thứ Hai

A Nan! Nay ông muốn biết con đường tu tập thiền định, ước nguyện được thoát ly sinh tử, nay ta hỏi ông :

Phật liền đưa cánh tay sắc vàng lên co lại năm ngón và hỏi A Nan rằng :

- Ông có thấy không?

A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Con thấy.

Đức Phật hỏi :

- Ông thấy cái gì?

A Nan đáp :

- Con thấy Như Lai đưa cánh tay lên và co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt của con.

https://thuviensach.vn

Đức Phật hỏi :

- Ông lấy cái gì để thấy?

A Nan thưa :

- Cả đại chúng và con đều thấy bằng mắt.

Đức Phật bảo A Nan :

- Như ông vừa trả lời, cho rằng Như Lai co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào mắt và tâm của ông. Mắt ông có thể thấy được, nhưng ông lấy gì làm tâm để cho nắm tay sáng chói chiếu vào?

A Nan Chấp Cái "Suy Nghĩ Phân Biệt" là Tâm

A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, con dùng tâm suy nghĩ để trả lời, thì rõ là cái suy nghĩ ấy là tâm của con vậy.

Phật quở :

https://thuviensach.vn

- Này A Nan! Sai rồi. Cái suy nghĩ ấy không phải là tâm của ông.

A Nan hoảng hốt, đứng dậy thưa Phật :

- Bạch Thế Tôn! Cái suy nghĩ, phân biệt không phải là tâm con, vậy nó là cái gì?

Phật bảo :

- A Nan! Đó là sự tưởng tượng những tướng tiền trần giả dối, nó làm mê mờ chân tánh của ông. Do từ vô thỉ đến nay, ông nhận giặc này làm con, bỏ mất tâm tánh bản lai thường trú nên phải chịu luân hồi.
Chúng sinh thường hay quan niệm rằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là năm căn vật chất căn bản tạo thành con người. Còn cái tác dụng của tư tưởng để có sự phân biệt suy nghĩ mà con người không nắm bắt được thì gọi là tâm mà nhà Phật gọi là ý thức. Sau bảy lần gạn hỏi về ý nghĩa của bản tâm và nó ở đâu, bảy lần bị Phật bác mà ông A Nan vẫn chưa ngộ nên tiếp tục cho rằng vì mắt thấy mà sinh ra sự phân biệt suy nghĩ. Và chính sự phân biệt suy nghĩ này là tâm của A Nan. Một lần nữa, ông A Nan đại diện cho chúng sinh, đóng vai trò một người có quan niệm nhận thức thông thường để cùng Phật luận bàn tìm hiểu cái tâm. Vì vẫn còn mê, ông A Nan lại chấp tâm vọng tưởng, tâm phan duyên sinh diệt biến đổi là chơn tâm. Sau khi bị Phật bác bảy lần

https://thuviensach.vn

mà ông A Nan không thông hiểu rằng tất cả những ý niệm phân biệt suy nghĩ luôn thay đổi mà kinh Phật thường dùng câu : ”tâm viên mã ý” đó sao; vì thế cái tâm quay cuồng, thay đổi chạy theo trần cảnh, sinh diệt lúc có lúc không thì cái tâm này đâu phải là chơn tâm! Cái mà ông A Nan lầm tưởng là chơn tâm thật ra chỉ là tâm phan duyên của lục thức mà thôi.

Chính cái thức tâm này làm mê mờ chân tánh khiến ông bị trầm luân trong sinh tử luân hồi chẳng khác nào nhận giặc làm con, vô cùng tai hại. Chẳng hạn như có kẻ nghèo, mắt thấy một người có rất nhiều vàng bạc, tâm tham liền khởi dậy thúc đẩy họ trở thành người trộm cướp. Do đó cái tâm tham này chính là vọng tâm điên đảo thay đổi tùy theo hoàn cảnh và thời gian chớ không thường trụ, bất biến và lúc nào cũng thanh tịnh như chơn tâm, Phật tánh. Khi mê thì thấy có chúng sinh, có Bồ-tát, có Phật đến khi giác ngộ thì tất cả đều là Phật. Tại sao? Chúng sinh vì tìm Phật bên ngoài tức là thấy Phật qua hình tướng sinh diệt chớ không thấy được bản tâm của chính mình, đến khi thức tỉnh giác ngộ biết lìa bỏ hình tướng sinh diệt bên ngoài mà quay về sống với thật tướng bất sinh bất diệt bên trong thì nghiệm biết tâm mình chính là tâm Phật. Khi tâm không duyên theo những ngoại trần (tiền trần) nên những ý niệm thương yêu, ghen ghét, tham lam, giận hờn, hơn thua, phải quấy…sẽ không còn dấy khởi.

Bây giờ thức tâm, tâm vọng động biến mất và chơn tâm thanh tịnh sẽ hiện bày. Nếu chúng sinh biết dựa theo chơn tâm tức là tâm vô phân biệt mà tu hành thì chắc chắn sẽ có

https://thuviensach.vn

giải thoát giác ngộ. Ngược lại nếu chúng sinh dựa theo tâm phan duyên mà tu hành thì những hạnh nghiệp sẽ dẫn dắt họ lưu chuyển trong sinh tử luân hồi. Ngày xưa vua Lương Võ Đế xây cất trên 480 ngôi chùa và độ cho rất nhiều Tăng, Ni, nhưng trên thực tế nhà vua chỉ dùng tâm phan duyên để làm phước chớ có quay về với chơn tâm thanh tịnh để tu hành đâu mà có công đức. Mà cho dù nhà vua có tạo phước đức to lớn như núi Tu di đi chăng nữa, cũng vẫn quay cuồng trong lục đạo như thường.

A Nan bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Con là em của Phật, vì tâm kính yêu Phật nên con xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai mà còn trải qua nhiều quốc độ như cát sông Hằng, phụng sự thiện tri thức; phát tâm đại dũng mãnh, làm tất cả những pháp sự khó làm, đều dùng cái tâm này. Giả sử con có hủy báng Phật pháp, rời bỏ thiện căn, bất tín tam bảo, cũng chính tâm này. Nay Đức Phật chỉ rõ cái ấy không phải là tâm thì chẳng lẽ con không có tâm, như gỗ như đá, vì ngoài cái suy nghĩ hay biết ấy ra, con chẳng còn gì khác nữa. Sao Như Lai lại bảo cái đó chẳng là tâm? Con thật kinh sợ và trong đại chúng ai cũng nghi hoặc điều đó. Cúi xin đức Từ Tôn rủ lòng từ bi chỉ dạy cho những người chưa được giác ngộ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn chỉ dạy A Nan và cả đại chúng, muốn cho họ được vô sanh pháp nhẫn.

https://thuviensach.vn

Từ nơi tòa sư tử, đức Phật xoa đầu A Nan và bảo :

- Như Lai thường nói các pháp sanh đều do tâm biểu hiện. Tâm là cái thể của tất cả thế giới vi trần, của mọi nguyên nhân và kết quả.

- A Nan! Như tất cả sự vật hiện hữu trong thế giới lớn như biển cả, núi cao, nhỏ như là cây, ngọn cỏ… khi gạn xét cội gốc của nó, mỗi thứ đều có thể tánh.
(start next track 7 but wrong??) Ngay cả đến hư không cũng còn có tên và dáng mạo. Huống gì bản tâm sáng suốt thanh tịnh nhiệm mầu và là bản chất của mọi tâm niệm mà tự nó lại không có thể tánh hay sao?

- Nếu ông quả quyết cho cái tánh hiểu biết, cái suy nghĩ phân biệt là tâm của ông thì tâm này khi rời khỏi sắc, thanh, hương, vị, xúc ra, nó phải còn tính độc lập riêng của nó tồn tại. Như hiện giờ ông đang nghe tôi nói pháp, đó là nhân âm thanh mà có phân biệt. Nếu không nghe tiếng thì sự phân biệt của ông không còn. Giả sử diệt hết cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết, chỉ nắm giữ cái u nhàn lặng lẽ bên trong, thì đó cũng là sự phân biệt bóng dáng pháp trần mà thôi.

- A Nan! Chẳng phải tôi bảo ông phủ nhận cái tính tư duy phân biệt ấy không phải là tâm, nhưng ông phải suy nghĩ chín chắn : Rời tiền trần mà vẫn còn cái biết thì đó mới thật

https://thuviensach.vn

là tâm của ông. Nếu tánh phân biệt này khi rời hẳn tiền trần mà không còn tự thể thì đó chỉ là bóng dáng phân biệt của tiền trần. Tiền trần không phải là thường trụ, khi thay đổi diệt mất đi rồi thì cái tâm nương theo tiền trần ấy khi cũng như lông rùa, sừng thỏ. Thế thì pháp thân của ông cũng thành đoạn diệt, còn gì mà tu chứng vô sanh pháp nhẫn!

Lúc ấy A Nan cùng toàn thể đại chúng chưa nhận rõ thế nào là chơn tâm thường trú nên lòng còn bối rối ngẩn ngơ. Đức Phật bảo A Nan :

- Trong thế gian những người tu học tuy đã được chín thứ thiền định, nhưng không diệt hết được mê lầm chỉ thành A la hán, đều do chấp nhầm vọng tưởng sanh tử này là chân thực. Thế nên, ông nay tuy học rộng nghe nhiều mà vẫn không thành chánh quả.

Ông A Nan lại chấp lầm tâm vọng tưởng phan duyên của thức thứ sáu tức là ý thức làm chân tâm. Đoạn kinh này rất hay nếu chúng sinh suy nghiệm thật kỹ, bởi vì con người có nhận biết được tất cả những hiện tượng bên ngoài cũng bởi do ý thức. Âm thanh sắc tướng làm tâm phân biệt mà tạo thành ý niệm. Nhưng ý niệm thì sinh sinh diệt diệt, ý niệm sau liền thay thế ý niệm trước làm cho con người suy nghĩ triền miên và đây chính là cội rễ của phiền não khổ đau. Khi nói sai, ông A Nan liền bị Phật quở trách nên sợ hãi ngơ ngác. Đức Thế Tôn thương xót bèn lấy tay xoa đầu an ủi và nói sơ về cái chơn tâm cho A Nan. Tuy đức Phật

https://thuviensach.vn

nói các pháp sanh ra đều do tâm biểu hiện cũng như tất cả nhân quả ý báo chánh báo của thế gian đều nhờ tâm mà có, nhưng tâm này là chơn tâm chớ đâu phải vọng tâm điên đảo như ông A Nan đã nói. Thật vậy, khi đã thấu triệt thật tướng vô tướng của vũ trụ thì tất cả vạn pháp trên thế gian này đều từ tâm biến hiện. Nếu một người có tâm ác thì đối với họ thế giới họ sống là một thế giới tội lỗi xấu xa, ghê rợn. Ngược lại, nếu một người có tâm thiện thì cũng thế giới này, đối với họ là một thiên đường, là cảnh thanh bình an vui tự tại.

Vì thế trong Kinh Duy Ma Cật cũng dạy rằng : ”Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh” nghĩa là một khi tâm chúng sinh được thanh tịnh thì thế giới họ đang sống là cõi thanh tịnh, cực lạc. Trong Kinh A Di Đà, Phật cũng dạy rằng nếu chúng sinh niệm Phật đến chỗ nhất tâm bất loạn nghĩa là niệm Phật cho đến khi tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến mất và chơn tâm, Phật tánh hiện bày thì người này sẽ được vãng sanh về cõi cực lạc. Vãng sanh về cõi cực lạc không có nghĩa là đợi đến lúc chết Phật A Di Đà đến tiếp dẫn về tây phương mà vãng sanh là người đó vẫn sống trong thế giới Ta bà này như trăm ngàn chúng sinh khác nhưng cuộc sống của họ đã thay đổi vì tâm họ hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt, không còn ô nhiễm và dĩ nhiên dưới ánh mắt họ, thế giới này chính là cõi cực lạc rồi, bởi vì cực lạc là không có phiền não khổ đau. Vì thế mới có câu : ”Lục tự Di Đà vô biệt niệm, hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh” nghĩa là niệm sáu chữ Di Đà đến chỗ không còn niệm thì lúc đó tâm mình biến thành tâm Phật và sẽ không

https://thuviensach.vn

còn tái sinh, sinh tử luân hồi nữa. Do đó thế giới cực lạc không ở ngoài tâm mà chính là do tâm biến hiện. Chính ngài Mã Tổ đại sư mỗi lần lên pháp tòa đều nói rằng : ”tức tâm tức Phật” nghĩa là Phật không ở ngoài tâm bởi vì tâm mình (chơn tâm) chính là Phật.

Tất cả mọi vật trên thế giới này dù to nhỏ tới đâu cũng đều có thể tánh, ngay cả hư không cũng có tên gọi là tướng mạo. Nếu chúng sinh dựa vào sự tướng mà quan sát tất cả mọi vật thể trên thế gian thì có hình tướng lớn nhỏ, nặng nhẹ, màu sắc, hương vị khác nhau, nhưng tất cả cũng đều chung một thể tánh bất sinh bất diệt. Vì thế cái tâm sáng suốt thanh tịnh mầu nhiệm là tánh của tất cả tâm thì phải có thể tánh. Lý do Phật quở là vì ông A Nan chấp vọng tưởng phân biệt làm chân tâm mà không biết rằng chơn tâm luôn có thể tánh.

Nếu ông A Nan cứ chấp chặt vọng tưởng phân biệt là chơn tâm thì nó phải có, phải hiện hữu cho dù lục căn không còn tiếp xúc với lục trần. Thí dụ, khi chúng ta không còn thấy biết âm thanh sắc tướng bên ngoài tức là trong ta không có ý thức, vọng niệm dấy khởi mà ông A Nan vẫn nghiệm biết được thì cái tâm hay biết này mới là chơn tâm. Cũng như Đức Phật đang thuyết pháp thì tai ông A Nan nghe nghĩa là cái nghe là do bởi lời thuyết pháp của Phật, bây giờ nếu Phật dừng lại không nói nữa tức là nếu từ miệng Phật không phát ra âm thanh thì tâm của A Nan cũng không còn ý niệm phát khởi. Rõ ràng đây chính là tâm phan duyên với

https://thuviensach.vn

ngoại trần, là tâm vọng tưởng phân biệt của thức thứ sáu chớ đâu phải chơn tâm. Bởi vì tâm vọng tưởng luôn chạy theo trần, trần có thì tâm có, trần mất thì tâm cũng diệt.

Tiếp theo Phật lại dạy rằng chẳng những ý thức tức là thức thứ sáu là giả dối, hư vọng mà ngay cả thức thứ bảy là Mạt-na-thức cũng chẳng phải thật. Ý Phật muốn dạy rằng không chỉ vọng tưởng phân biệt của thức thứ sáu là hư dối, mà dù ông A Nan có diệt hết mọi "thấy nghe hay biết" tức là sáu căn không hoạt động, nhưng sự yên lặng bên trong tức là vi tế tưởng (ý thức cực nhỏ) cũng là bóng dáng phân biệt của pháp trần. Đây chính là thức thứ bảy chấp có cái ta bên trong của mình và nó chính là nền tảng của ý thức. Mà ý thức là cội gốc của sinh tử thì làm sao là chơn cho được. Tà môn ngoại đạo cũng dùng thiền định để loại bỏ tất cả ý thức ngay cả vi tế tưởng trong tâm để chứng đắc Niết bàn. Nhưng có một điều họ không biết đó là cho dù có loại bỏ ngay cả vi tế tưởng để vào cảnh giới vô tưởng thì họ vẫn nằm trong vi tế của bản tâm tức là họ chưa ra khỏi tâm phan duyên. Mà chưa có chơn tâm thì làm sao có Niết bàn? Do đó cả đời tu mà chưa nghiệm được chơn tâm để có thanh tịnh Niết bàn cho dù có cố gắng thiền định cao cách mấy thì ngoại đạo cũng chỉ được sinh về các cõi trời để hưởng phước lạc chứ chưa thoát ra khỏi sinh tử luân hồi.

Tóm lại, nếu lìa trần cảnh mà có thể tánh thì mới là chơn tâm. Còn nếu lìa Trần mà không có Thể thì khi Trần diệt lẽ ra tâm cũng diệt theo thì làm sao đúng được. Lý luận như

https://thuviensach.vn

vậy chẳng khác nào cho rằng pháp thân là sinh diệt nên khi A Nan bị phá cái vọng tưởng không thật làm cho ông mất đi chỗ quay về nên im lặng ngơ ngác. Thí dụ như mắt nhìn thấy một chiếc xe đang chạy, tâm liền phân biệt để biết đó là chiếc xe. Bây giờ chiếc xe khác chạy đến làm tâm lại phân biệt. Tâm thay đổi, không thường trụ thì đây chính là tâm phan duyên, sinh sinh diệt diệt. Như thế, tánh phân biệt không có tự thể. Bởi vì nếu có tự thể thì tự nó phải thường có không cần phải duyên với trần cảnh bên ngoài.

Vì thế nếu dựa vào cái tâm phan duyên mà tu thì làm sao thấy được pháp thân và chứng đắc vô sanh pháp nhẫn để giải thoát ra khỏi sinh tử luân hồi. Chúng sinh tham thiền, niệm Phật là muốn diệt cái tâm vọng tưởng, tâm phan duyên để thấy được tự tánh thanh tịnh bản nhiên, pháp thân hay chơn tâm thường trú của chính mình mà có được giải thoát giác ngộ. Tuy những người tu đã thành tựu chín thứ thiền định nếu vẫn còn chấp vọng tưởng là chân thật thì tối đa chỉ thành A la hán. Bởi vì các vị A la hán chỉ diệt lục thức mà được ra khỏi tam giới, lìa xa sinh tử nhưng chưa thấu suốt được thật tướng, chơn tâm. Vì thế giáo lý Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên của hàng Thanh Văn, Duyên Giác được gọi là giáo lý phương tiện hay bất Liễu nghĩa. Chỉ có giáo lý Đại thừa mới là giáo lý Liễu nghĩa tức là giáo lý đưa chúng sinh chứng nghiệm được chơn tâm, thật tướng của chính mình. Đây chính là giáo lý tối thắng Đại thừa vậy.

Vậy thế nào là chín thứ thiền định?

https://thuviensach.vn

1) Sơ thiền : Khi hành giả phá được tất cả tham-sân-si và dập tắt lửa ái dục thì vào được cõi này.

2) Nhị thiền : Sau khi diệt tất cả ái dục thì tâm được vui, bây giờ hành giả phải vào sâu trong thiền định để phá cái vui này để chỉ còn cái vui vi tế mà thôi.

3) Tam thiền : Hành giả cố gắng vào sâu trong thiền định để loại luôn cá vui vi tế để tâm hoàn toàn an tịnh.

4) Tứ thiền : Khi niệm vừa dấy lên thì hành giả dùng thiền quán mà xả bỏ luôn.

Nếu chúng sinh thành tựu bốn cấp thiền ở trên, khi chết sẽ được sanh về cõi trời Sắc giới.

5) Không vô biên xứ : Từ trống không nhỏ đến trống không lớn và dần dần đến vô cùng vô tận.

6) Thức vô biên xứ : Thức phân biệt không có tướng mạo nên quán từ thức phân biệt thân đến phân biệt tâm và dần dần ra khắp hết vô cùng vô tận.

7) Vô sở hữu xứ : Tưởng thân tâm không có gì hết, rỗng tuếch không chỗ nơi thì chứng được.

https://thuviensach.vn

8)Phi tưởng phi phi tưởng xứ : Sau cùng đến chỗ không có ý tưởng mà không phải không có ý tưởng.

Nếu chúng sinh đạt được bốn cấp thiền tứkhông định này thì khi chết sẽ sanh lên cõi trời vô sắc giới.

9) Diệt tận định : Đây là cấp thiền định dành riêng cho hàng Thánh giả A la hán. Khi các vị A la hán sắp xả bỏ xác thân tứ đại thì các ngài nhập vào Diệt tận định trong một thời gian bảy ngày bảy đêm. Trong khoảng thời gian này, các ngài rất an vui tự tại và các ngài lần lượt đi sâu vào tứ thiền, tứ không định và sau cùng đi vào diệt tận định. Định này không những diệt hết các Tâm vương (tám thức) và Tâm sở (51 món) của 6 thức mà nó diệt luôn cả phần tạp nhiễm của Tâm vương, Tâm sở của thức thứ bảy, Mạt-na-thức.

Lý do Đức Phật đưa ra chín cấp thiền là muốn nhắn nhủ rằng, mặc dù ông A Nan là người học rộng nghe nhiều mà không hành trì pháp thiền na thì tâm tham-sân-si không tiêu diệt được. Tham-sân-si còn thì vọng tưởng còn, nếu lấy tâm vọng tưởng, tâm sinh diệt mà tu thì mãi mãi trôi nổi trong sinh tử luân hồi không bao giờ thành chánh quả cũng như xây nhà trên cát, nền móng không vững chắc, thì làm sao xây được căn nhà giải thoát giác ngộ.

https://thuviensach.vn

A Nan Cầu Phật Chỉ Dạy Phương Pháp Tu Hành Lần Thứ Ba.

A Nan nghe xong, đau xót khóc lóc, gieo năm móc sát đất, quỳ xuống chắp tay bạch Phật :

- Từ khi con phát tâm theo Phật xuất gia, thường ỷ lại lòng thương của Phật, tự nghĩ rằng rồi đây Như Lai sẽ ban cho tam muội, chia sớt đạo quả cho. Giờ đây mới biết : Thân tâm không ai có thể thay thế cho ai. Từ lâu con đã đánh mất bản tâm của con rồi. Thân tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo. Như đứa con hoang cùng khổ, bỏ cha bỏ nhà ra đi. Ngày nay mới biết, tuy được nghe Phật pháp nhiều mà không tu hành thì chẳng khác gì người không nghe. Như người chỉ nói đến thức ăn, rốt cuộc chẳng được no bụng. Kính bạch Thế Tôn! Nay chúng con bị trói buộc bởi hai thứ chướng ngại, do chẳng biết tâm tánh vốn thường hằng vắng lặng. Cúi mong Như Lai thương xót kẻ nghèo cùng rách rưới, phát minh cho cái tâm nhiệm mầu, sáng suốt và khai mở con mắt đạo cho chúng con.

Những lời nói chân tình của A Nan, một người đã theo chân Đức Phật suốt 27 năm ròng mà không đạt được đạo cũng vì ông sống bằng tâm ỷ lại, tâm phan duyên chớ không quay về với chơn tâm, thật tướng bên trong chính mình. Tuy thân tướng là người xuất gia mà tâm chưa vào đạo, chạy theo sắc tướng âm thanh, thị phi nhân ngã làm tâm bất tịnh. Tu là tu tâm chớ đâu phải tu cảnh. Không có

https://thuviensach.vn

một người nào trên thế gian, ngay cả Đức Phật có thể làm cho tất cả mọi người hài lòng, thỏa mãn được. Tại sao? Vì bản năng con người luôn chạy theo tham đắm lợi danh, làm nô lệ cho lục dục thất tình thì biết bao giờ cho đủ, biết bao nhiêu cho vừa, nên người tu hành chân chính chỉ biết giữ tâm mình thanh tịnh bằng cách tránh xa thị phi nhân ngã. Đừng đem những ô nhiễm bên ngoài đưa vào trong tâm, chuyện thế gian mà rốt cuộc mình lại là người đeo mang hệ lụy phiền não khổ đau.

Những lời thức tỉnh của ông A Nan hy vọng sẽ là tiếng chuông vang dội trong tâm cho những chúng sinh còn mê muội tin rằng Đức Phật là đấng thần linh sẽ ban bố ân sủng nếu họ cầu nguyện. Nên nhớ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ là một đạo sư, là một vị thầy cao cả đã soi đuốc trí tuệ để giúp chúng sinh tự mình vượt qua sông mê bể khổ. Chúng sinh phải tự mình hồi đầu thị ngạn chớ Phật không ra bể khơi để đưa họ vào bờ. Trong Phật giáo, ai tu người ấy chứng, không có ai tu thế cho người khác được. Nói cách khác, một người ăn thì người khác không thể no được. Nếu có giúp đỡ chăng thì chỉ làm tăng thượng duyên, mà nhân duyên phải là tự lực của chính mình.

Đây là lần thứ hai ông A Nan từ khi thoát nạn dâm nữ Ma đăng già nên đã thức tỉnh mà tự hối rằng sự tu hành không thể ỷ lại tha nhân, dù tha nhân đó là Đức Phật. Đạo Phật là con đường giúp chúng sinh tự mình giải thoát giác ngộ thì càng không có việc ban bố ân sủng hay phong thưởng trong tiến trình hướng về đạo quả Bồ-đề. Do đó, ai ăn

https://thuviensach.vn

người ấy no, ai tu người ấy chứng thì sự tu hành không có ai ban bố cho ai cái gì được vì đó là mâu thuẩn với quy luật nhân quả khách quan của nhân sinh vũ trụ. Vì thế học Phật cốt ở thực hành cho nên học mà không hành chẳng khác nào nói ăn mà không ăn, không bao giờ no được.

Ngày xưa trên hội Linh Sơn, Phật đưa ra cành hoa sen và đồng thời đưa mắt nhìn đại chúng. Lúc đó ai cũng phân vân nghĩ ngợi tức là chạy theo tâm phan duyên duy chỉ có một mình Tôn giả Đại Ca Diếp là chúm chím mỉm cười. Liền đó, Phật bảo : ”Ta có Chánh pháp Nhãn tạng, Niết bàn Diệu tâm….truyền cho Ca Diếp”. Đó là Phật truyền tâm ấn cho Ca Diếp. Vậy truyền tâm ấn là truyền cái gì? Khi một vị Tăng thọ cụ túc thì được nhận y, bát. Do đó có sư phụ trao và người đệ tử tiếp nhận y, bát thì gọi là truyền. Nhưng trong trường hợp của Ngài Ca Diếp, Phật nói truyền mà thật ra chẳng có cái gì để truyền cả. Tại sao? Trước hết chữ “ấn” có nghĩa là in. Thí dụ con dấu thế nào thì in ra như vậy, không sai khác. Khi Đức Phật đưa cành hoa sen lên cốt là để chỉ cho đại chúng cái “thấy biết” chân thật của mình chớ không phải vọng kiến, ý thức suy nghĩ. Tất cả đại chúng ngơ ngác vì tâm họ đang quay cuồng suy nghĩ, chỉ có Đại Ca Diếp là tự nhiên mỉm cười vì ông thấy sao biết vậy, không cần suy nghĩ vẩn vơ. Trong pháp hội lớn như vậy mà chỉ có hai thầy trò là tâm đầu ý hợp nghĩa là tâm của thầy và tâm của đệ tử thông cảm nhau không khác. Do đó hai người đồng quan niệm với nhau, tâm người này và

https://thuviensach.vn

tâm người kia giống nhau thì gọi là truyền giao tâm ấn chớ Phật đâu có truyền giao cho ông Ca Diếp cái gì.

Tổ Hoàng Bá dạy rằng : ”Nhiều người chỉ học biết để ngộ theo Giáo Pháp, mà không biết tới Tâm Pháp, nên dù đến vô số kiếp cũng không đạt được Phật đạo. Cho nên chỉ cần hiểu rõ Tâm này thì không cần phải đi tìm Pháp nào khác, vì Tâm tức Pháp”. Khi nói về Pháp, Tổ Lâm Tế giảng rằng : ”Pháp là tâm pháp. Tâm pháp không hình, thông suốt mười phương, hiện dụng trước mắt. Người tin không đến, bèn nhận danh, nhận cú, hướng vào danh tự tìm cầu, lấy ý để suy xét Phật pháp, thật cách xa như trời với đất”. Nghe thế có vị tăng hỏi : ”Thế nào là chân Phật, chân Pháp, chân Đạo?”. Tổ đáp : ”Phật là tâm thanh tịnh, Pháp là tâm sáng suốt, Đạo là mỗi chỗ không chướng ngại. Tuy ba mà một, đều là danh từ suông, không thật có”.

Ngày nay rất nhiều người bày vẽ như vào phòng kín truyền tâm ấn, gây mê tín dị đoan, làm những việc trái đạo lý.

Phật Chỉ Cái “Thấy” Thường Còn

Khi ấy từ chữ vạn trên ngực Như Lai phóng ra hào quang báu, ánh sáng rực rỡ với trăm ngàn màu sắc, chiếu sáng khắp mười phương thế giới chư Phật, nhiều như số vi trần. Hào quang ấy rót xuống trên đảnh Như Lai ở các cõi Phật trong khắp mười phương, xoay về soi đến A Nan và toàn thể đại chúng. Rồi đức Phật bảo A Nan :

https://thuviensach.vn

- Nay Như Lai vì ông dựng lập pháp tràng lớn khiến cho tất cả chúng sinh khắp mười phương đạt được tâm tánh trong sạch, sâu kín nhiệm mầu và đạo nhãn thanh tịnh.

- A Nan! Trước đây ông trả lời rằng thấy nắm tay chói vàng. Vậy nắm tay này nhân đâu mà có? Làm sao nắm tay trở nên sáng chói? Ông lấy cái gì để thấy?

A Nan thưa :

- Cái nắm tay là do bàn tay Phật co các ngón tay lại. Con thấy cái nắm tay là do con mắt của con.

Phật bảo A Nan :

- Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay. Nếu không có con mắt (bị mù) thì không có cái thấy. Hai sự việc đó có giống nhau chăng?

Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay; nếu không có con mắt thì không có cái thấy.
Phật bảo A Nan :

- Ông nói như vậy là không đúng. Tại sao? Không có bàn tay thì dĩ nhiên không có nắm tay, chứ không có con mắt (đui) không phải hoàn toàn không thấy. Ông ra đường thử

https://thuviensach.vn

hỏi những người mù mắt : ”Ông thấy gì không?” Các người ấy sẽ trả lời : ”Nay tôi chỉ thấy một màn đen trước mắt, ngoài ra không thấy gì khác”. Lấy nghĩa đó mà suy nghĩ thì người mù thấy màn đen tối phía trước, chớ cái thấy của họ đâu có thiếu mất.

A Nan thưa :

- Cái duy nhất mà người mù có thể thấy được trước mắt là màu tối đen, sao có thể gọi là tối được?

Ánh sáng rực rỡ với trăm ngàn màu sắc là biểu trưng cho trí tuệ. Chữ vạn trên ngực Đức Phật tượng trưng cho sự kiết tường, cho lòng từ bi và trí tuệ vô cùng vô lượng của Ngài. Sự xoay vần có nghĩa là Phật lực phát tỏa khắp mười phương và ánh sáng trí tuệ của Ngài tỏa khắp để giúp chúng sinh đánh tan mọi vô minh phiền não, giải thoát ra khỏi sinh tử triền miên. Ánh sáng soi khắp thế giới mười phương chư Phật và soi chiếu khắp đảnh chư Như Lai; sau đó xoay về chiếu lên đảnh ông A Nan cùng đại chúng. Ngài dùng trí tuệ giác mà khai thị cho đại chúng, ông A Nan và chúng sinh trong mười phương thế giới thấu triệt cái bản tâm bất sinh bất diệt và đạo nhãn thanh tịnh sâu kín nhiệm mầu.

Ông A Nan cho rằng không có bàn tay thì không có nắm tay cũng giống như người mù không có mắt thì không thể thấy được vật thể bên ngoài. Mới nghe qua thấy có lý,

https://thuviensach.vn

nhưng trên thực tế lý luận này là sai. Tại sao? Người mù tuy mắt không còn thấy được vật thể bên ngoài, nhưng tánh thấy của họ đâu có mất. Họ vẫn thấy được mầu đen chớ đâu phải không thấy biết cái gì. Nếu không có tánh thấy thì người mù sẽ trả lời tôi không còn thấy biết cái gì, nhưng tánh thấy đâu có mất nên người mù vẫn còn thấy màu đen. Không thấy hình thể là mắt bị hư chớ tánh thấy đâu có mất. Đó là căn bị mù không thể tiếp xúc với tiền trần chớ tánh thấy không bao giờ mất. Vì thế nếu thay mắt khác thì họ sẽ thấy ngay. Do đó sự lầm lẫn của ông A Nan về cái thấy là mắt hay là tâm?

Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Nhất

Đức Phật bảo A Nan :

- Có gì khác nhau giữa màu đen tối mà người mù thấy được và màu tối đen mà người sáng mắt nhìn thấy khi họ ở trong phòng tối?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Phật bảo :

- A Nan! Nếu người mù chỉ thấy được màu tối đen khi bỗng dưng được sáng mắt lại nên thấy được đủ loại sắc tướng. Ông gọi đó là do mắt thấy. Và khi người ở trong phòng tối kia, chỉ thấy phía trước hoàn toàn màu đen, bỗng

https://thuviensach.vn

dưng thấy được mọi vật nhờ có đèn sáng, lẽ ra nên gọi là đèn sáng đúng hơn. Nếu cái thấy do đèn thì đèn có được cái thấy, và nếu là đèn thấy thì quan hệ gì đến ông? Thế nên phải biết, đèn làm cho ta thấy rõ được mọi vật, còn cái thấy là do ở mắt, chớ không phải đèn. Khi mắt nhận rõ các vật thể thì "tánh thấy" đó chính là tâm, chớ không phải là mắt.

Sau khi Phật chỉ sự khác nhau giữa cái tánh thấy và sự thấy của mắt thì bây giờ ông A Nan lại lý luận rằng người mù thấy tối đen thì cái tối đen đâu phải cái thấy. Phật lại dạy tiếp nếu cho rằng người mù chỉ thấy tối đen không phải là cái thấy, còn người sáng mắt ngồi ở trong một căn phòng kín tối đen thì người sáng mắt cũng chỉ thấy một màu đen có khác gì người mù đâu. Vậy nếu người mù và người sáng mắt cùng ngồi trong căn phòng kín tối đen thì cái thấy của họ có khác gì nhau. Phật lại dạy tiếp rằng nếu người mù bỗng dưng được sáng thì ông A Nan gọi cái thấy đó là do mắt thấy. Nhưng nếu cùng lý luận như vậy thì người sáng sáng mắt ngồi trong căn phòng kín tối đen bỗng dưng có đèn sáng nên thấy được mọi vật thì cái thấy bây giờ là do đèn chớ đâu phải do mắt. Điều này là sai.

Vậy mắt thấy hay tâm thấy?

Nếu nói rằng mắt thấy thì sai lầm, thiển cận mà cho rằng không phải con mắt thấy lại càng sai. Còn nếu nói rằng tâm thấy thì tâm thấy là cái tâm nào? Kinh Phật dạy rằng :

https://thuviensach.vn

”Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc” nghĩa là tâm quá khứ đã diệt, tâm hiện tại quay cuồng, tâm tương lai chưa đến. Vậy lấy cái tâm nào để thấy?

Ngày xưa ngài Huệ Khả quỳ trước cửa chùa ba năm ròng rã để cầu pháp với Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Thấy Huệ Khả có lòng, Tổ hỏi :

- Ông đến đây cầu gì?

Huệ Khả đáp :

- Con cầu pháp để tâm được an.

Tổ hỏi :

- Ông đem tâm đến đây ta an cho.

Huệ Khả tìm kiếm mãi mà không thấy được tâm vì tâm biến hiện theo thời gian, không dừng trụ thì làm sao lấy ra được. Tâm là ý niệm, là vọng tưởng nên thay đổi không ngừng. Mỗi sát na có tới 900 ý niệm tức là 900 cái tâm thì biết cái tâm nào mà lấy. Khi chúng sinh dứt trừ hết vọng niệm thì chơn tâm hiện bày, Phật tánh biểu lộ thì tự họ sẽ có an vui tự tại. Ngược lại, nếu tâm mình chất đầy vọng tưởng, chạy theo tham đắm lợi danh mà về chùa nhờ các sư

https://thuviensach.vn

cầu an thì làm sao mà an cho được. Một người ăn mặn khát nước mà muốn người khác uống nước dùm thì làm sao hết khát được. Muốn tâm an thì chính mình phải diệt trừ bớt vọng niệm, lo tu tâm dưỡng tánh, biết sống tri túc thiểu dục thì tâm sẽ được an. Kinh Lăng Nghiêm giúp chúng sinh loại trừ mọi tà kiến để có cuộc sống thanh thản, an nhàn và tự tại.

Khi Phật nói tâm thấy là ý Ngài muốn dạy A Nan về bát thức tâm vương trong duy thức luận. Đó là tám thức có công năng thù thắng, cũng như ông vua có oai quyền thế lực, thống trị thiên hạ nên gọi là "tâm vương":

1) Nhãn thức : Cái biết của mắt, vì thức này nương Nhãn căn, khởi ra tác dụng phân biệt về sắc trần.

2) Nhĩ thức : Cái biết của lỗ tai, vì thức này nương Nhĩ căn khởi ra tác dụng phân biệt về thanh trần.

3) Tỷ thức : Cái biết của mũi, vì thức này nương tỷ căn khởi ra tác dụng về hương trần.

4) Thiệt thức : Cái biết của lưỡi, vì thức này nương tựa Thiệt căn khởi ra tác dụng phân biệt vị trần.

5) Thân thức : Cái biết của thân, vì thức này nương Thân căn khởi ra tác dụng phân biệt xúc trần. Trong tám thức tâm vương thì năm thức này ở bên ngoài và trước, nên cũng gọi là "Tiền ngũ thức".

https://thuviensach.vn

6) Ý thức : Cái biết của ý, nương tựa Ý căn khởi tác dụng phân biệt Pháp trần.Trong tám thức duy có thức thứ sáu này rất lanh lẹ và khôn ngoan hơn hết vì con người có suy nghĩ làm việc lành, thức này đứng đầu; còn tính toán tạo việc ác thì nó cũng hơn cả.

7) Mạt-na-thức : Thức này có công năng truyền các pháp hiện hành vào Tàng thức và tổng đưa các pháp chủng tử khởi ra hiện hành.

8) A-lại-da thức : Thức này có công năng chứa đựng chủng tử của các pháp

Dựa theo Duy Thức học, Tiền ngũ thức và nhãn thức tác động là một. Khi tiền ngũ thức tiếp xúc với ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) thì chỉ thông qua "hiện lượng". Hiện lượng là sự lượng biết còn trong đệ nhất sát na chớ chưa chuyển qua thành ý thức phân biệt. Sự tiếp thu tiền cảnh của tiền ngũ thức cũng giống như sự tiếp thu âm thanh và hình ảnh của một chiếc máy quay phim. Hình ảnh, cảnh giới, âm thanh bên ngoài thế nào thì chiếc máy ghi nhận y như vậy, không thêm không bớt. Cái thấu kính chỉ cho hình ảnh, âm thanh, màu sắc bên ngoài xuyên vào, nhưng muốn ghi lại những hiện tượng trên thì máy quay phim cần phải có phim, có memory stick để lưu giữ. Do đó khi nói mắt thấy thật ra mắt chỉ tiếp thu làm tỏ rõ các vật sắc cũng như cái thấu kính, mà thấy biết cần phải có ý thức tâm vương

https://thuviensach.vn

cộng vào. Vì thế ông A Nan cho rằng mắt thấy thì bị Phật quở là đúng rồi.

Một thí dụ khác là con mắt của con người ví như bóng đèn điện, còn cái thấy của họ giống như dòng điện. Khi bóng đèn hư ví như người mù thì đèn không cháy, chớ không phải dòng điện mất hay bị cúp điện. Đến khi thay bóng mới ví như người mù được sáng mắt thì đèn cháy trở lại. Dù bóng đèn hư hay mới thì dòng điện lúc nào cũng có trong dây điện. Tánh thấy cũng vậy, cho dù con người có mắt hay bị mù thì tánh thấy lúc nào cũng ở với họ. Chỉ khác là sáng mắt thì thấy màu sắc huy hoàng, còn mù thì chỉ thấy toàn màu đen.

Do đó cái thấy của mắt chỉ là hiện lượng cho nên con mắt là phương tiện tỏ rõ sự vật, mà "tánh thấy biết" mới là bản tâm của chính mình.

Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Hai

Mặc dù A Nan và đại chúng được nghe Như Lai chỉ dạy như thế, nhưng tâm chưa được khai ngộ nên vẫn im lặng, mong Như Lai thương xót chỉ dạy thêm, nên đồng đứng dậy chắp tay lắng lòng trong chờ đức Phật chỉ dạy.

Tuy Phật đã giải thích rõ ràng cái thấy và tánh thấy của mắt để giúp ông A Nan và đại chúng thấu biết mà quay về với bản tâm của chính họ, nhưng A Nan chưa phá

https://thuviensach.vn

được tâm vọng chấp đang bị kẹt cứng ở nơi sắc uẩn và thọ uẩn nên tâm vẫn còn mờ mịt không biết lối quay về. Ông không biết thỉnh cầu gì nữa, miệng thì im lặng mà tâm vẫn chưa tỏ ngộ nên chỉ biết đồng đứng dậy mong sự chỉ dạy của đức Thế Tôn.
Bấy giờ đức Thế Tôn giơ cánh tay mềm mại lên, bảo ông A Nan và đại chúng rằng:

- Sau khi thành đạo, lần đầu tiên ở vườn Lộc Uyển, Như Lai có dạy cho năm anh em tỳ kheo A Nhã Kiều Trần Như rằng tất cả chúng sinh không thành Vô Thượng Bồ-đề mà chỉ thành A la hán, do vì phiền não khách trần làm mê hoặc. Lúc đó các ông nhân đâu mà được khai ngộ, thành tựu quả vị thánh?
Ông Kiều Trần Như đứng dậy thưa :

- Bạch Thế Tôn! Nay hàng trưởng lão trong hàng đại chúng, chỉ riêng con được danh hiệu là Giải nghĩa là Hiểu. Nhờ ngộ được hai chữ khách trần mà thành tựu quả vị. Khách là người đi đường, khi cần họ vào quán trọ thuê phòng hoặc ở, hoặc ngủ, hoặc ăn. Ăn ngủ xong xếp hành lý lên đường, không ở luôn được. Còn người chủ thì vĩnh viễn không phải đi đâu nữa. Từ suy nghĩ đó, con hiểu rằng : Khách có đến, có đi; còn chủ thì ở luôn không đi đâu hết.

Về nghĩa chữ trần, thì lúc mặt trời mới lên, ánh sáng xuyên vào các kẽ hở, lỗ thủng của mái nhà. Nhìn theo

https://thuviensach.vn

làn ánh sáng trong khoảng hư không yên lặng ấy, con thấy vô số bụi trần li ti loạn động, cuồn cuộn tung bay; còn hư không thì đứng lặng. Thế nên con suy nghĩ, trong lặng gọi là hư không còn lay động là trần.

Nếu người Phật tử chịu tư duy quán chiếu tức là có thiền định thì sẽ hiểu rằng tại sao trong đại chúng rộng lớn mà Phật lại dùng pháp môn khách trần của ông Kiều Trần Như. Đức Phật đã dạy quá rõ ràng rằng cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái biết, cái xúc hay nói một cách tổng quát là những tác dụng nhận thức của sáu giác quan không phải là chơn tâm, nhưng chúng cũng không rời ngoài chơn tâm mà có. Chơn tâm thì thường hằng bất biến, lúc nào cũng có cũng như chủ khách sạn. Ngược lại vọng thức thì có đến có đi giống như khách vào quán trọ. Tiền trần luôn luôn thay đổi lúc có lúc không thì sự hồi tưởng lại cái tướng của tiền trần (thọ uẩn) cũng sinh sinh diệt diệt.
Vì vậy Đức Phật gọi sự hồi tưởng bóng dáng tiền trần vào trong ký ức phân biệt chỉ là vọng tâm, là những phiền não khách trần. Vì là khách cho nên có đến có đi và vì là trần nên không có giây phút nào yên lặng. Trong sự loạn động quay cuồng của trần, còn có hư không yên lặng không hề lay chuyển. Do đó sự nhận thức của sáu giác quan luôn luôn thay đổi từng sát na, từng giây, từng phút, nhưng bên trong sự thay đổi sinh diệt đó, con người còn có một cái thường trụ, bất sinh bất diệt là sự thanh tịnh thường hằng bất biến mà được

https://thuviensach.vn

gọi là chơn tâm. Vì thế nếu ngộ thì trong vọng tâm con người sẽ tìm thấy chơn tâm thường trú.
Ngược lại nếu còn mê thì chỉ có toàn vọng tưởng, bóng dáng của tiền trần. Thí dụ như bây giờ mắt chúng ta nhìn ra ngoài đường, thấy xe chạy, cảnh giới náo nhiệt nên tâm duyên theo mà có sự phân biệt ý niệm. Vài phút sau, điện thoại reo và tai bắt đầu nghe biết bao câu chuyện nhân tình thế thái khác. Tâm lại duyên theo âm thanh mà khởi thêm ý niệm phân biệt. Cái tâm thấy biết được thay thế bởi cái tâm nghe điện thoại và như thế vọng tâm liên tục đến đi, đi đến trong tâm của chúng ta. Do đó nếu là chơn tâm thì lúc nào cũng vậy, không lên bổng xuống trầm, không bị sống chết đổi thay cũng như hư không yên lặng mặc cho bụi trần tha hồ loạn động. Vì thế không chạy theo tiền trần mà quay về sống với chơn tâm thì con người có được thanh tịnh Niết bàn. Ngược lại, quên bỏ chơn tâm chạy theo lục dục thất tình thì cuộc sống sẽ đeo mang hệ lụy phiền não khổ đau.

Phật bảo : Đúng vậy.

Khi ấy Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay lại, co rồi lại mở, mở rồi lại co. Rồi hỏi A Nan :

- Nay ông thấy gì?

https://thuviensach.vn

- Con thấy bàn tây Phật, nắm lại rồi mở ra. A Nan đáp.
Đức Phật hỏi :

- Ông thấy tay tôi có nắm có mở hay cái thấy của ông có nắm có mở?

A Nan thưa :

- Tay Phật có nắm có mở, chớ cái thấy của con làm sao có nắm có mở được!

Phật lại hỏi :

- Cái nào động, cái nào tịnh?

A Nan thưa :

- Thưa, Bàn tay của Phật không yên, chớ cái thấy của con còn không có tịnh thì làm chi có động!
Phật bảo : Đúng vậy.

Đây là lần đầu tiên Phật khen A Nan nói đúng. Mặc dầu ông A Nan chưa hoàn toàn ngộ về bản tâm, nhưng đây là những bước căn bản vững chắc đưa ông ta đến chỗ ngộ.

https://thuviensach.vn

Bấy giờ từ trong lòng bàn tay, Như Lai phóng đạo hào quang báu chiếu đến vai bên phải của A Nan, A Nan liền quay đầu qua bên phải để nhìn. Đức Phật lại phóng một hào quang khác qua vai trái, A Nan liền quay sang bên trái để nhìn. Đức Phật bảo A Nan :

Nay đầu ông tại sao lại lay động?

A Nan thưa :

- Con thấy hào quang của Phật phóng ra bên phải và bên trái của con. Đầu con lay động bởi ngó theo hào quang của Phật.

Phật hỏi :

- Đầu ông lay động quay bên phải bên trái. Vậy cái đầu ông động mà cái thấy của ông có động chăng?
Bạch Thế Tôn! Đầu con tự lay động, chớ cái thấy còn không biết ở chỗ nào, thì lấy gì mà lay động!
Phật bảo : Đúng vậy.

Đức Phật dùng một thí dụ khác để trắc nghiệm về sự ngộ chơn tâm của A Nan. Nếu tánh thấy mà cố định, không dời đổi theo tiền trần thì cái tánh thấy này là chủ nhân ông, còn sự lay động của cái đầu chỉ là khách trần

https://thuviensach.vn

tức là vọng tưởng. Hai lần hỏi, A Nan nói đúng cả hai nên được Phật khen.

Bấy giờ, Phật bảo ông A Nan :

- Mọi người ai cũng có thể nhận biết : Không ở luôn là khách, chủ thì vĩnh viễn không đi đâu. Bụi trần thì lay động còn hư không tuyệt nhiên yên lặng. Có nắm có mở là tay, cái thấy thì không có nắm mở. Quay qua quay lại là đầu, tánh thấy thì không hề xoay chuyển.

Vậy mà các ông hiện nay lấy cái động làm thân, cái động làm tâm, lấy cái động là cảnh, bỏ mất đi tâm tánh chân thường, bất động, yên lặng nó thường ở luôn với mình. Hằng ngày làm những việc trái ngược, nhận vật làm thân, nhận vọng tưởng làm tâm, xoay vần trong đó nên bị trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi.
Sau khi Phật gạn hỏi A Nan nhiều lần cái gì thấy, mắt thấy hay là tâm thấy? Tâm thấy cách nào hoặc là tâm ở đâu? Phật đã đặt ra bao nhiêu câu hỏi cho đến chỗ lý cùng trí tận để giúp A Nan và đại chúng tỏ bày được chơn tâm. Đức Phật đã nhắc lại rằng khách và trần đều là động, một ở bên ngoài và một ở bên trong. Ngoại trần là do gió nghiệp tạo thành nên luôn luân chuyển, biến đổi. Vì tâm duyên theo cảnh bên ngoài nên phát sinh ra muôn vàng ý niệm. Những ý niệm này là khách vì chúng luôn biến đổi, không bao giờ ở một nơi nào cố định, vừa thấy đó đã biến mất. Vì thế nếu chúng sinh không sống với bản tâm thanh tịnh, với chơn

https://thuviensach.vn

tâm thường trú mà chạy theo khách trần động niệm làm cho tâm sinh ra thương yêu, giận hờn, đố kỵ, ghen ghét, tham muốn rồi tự gây ra bao nhiêu nghiệp chướng để phải chịu trôi nổi trong sinh tử luân hồi.

A Nan Cầu Phật Chỉ Dạy ở Nơi Thân Này cái Nào "Chơn", Cái Nào "Vọng"

Khi ấy A Nan và đại chúng nghe Phật chỉ dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thỉ đến nay quên mất bản tâm, nhận lầm sự phân biệt bong dáng duyên trần phân biệt làm tâm. Ngày nay được Phật khai ngộ, như trẻ thơ khát sữa bỗng gặp được mẹ hiền, đồng chắp tay lễ Phật, cầu xin chỉ cho chỗ chân vọng hư thực và phát minh tánh sinh diệt cùng không sinh diệt nơi thân tâm.

Bấy giờ vua Ba Tư Nặc đứng dậy thưa :

- Bạch Thế Tôn! Xưa khi chưa được Đức Phật chỉ dạy, con gặp bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không), Tỳ La Chi Tử (chấp mãn kiếp tự nhiên đắc đạo) đều nói rằng: Thân này chết rồi là mất hẳn, gọi đó là Niết bàn. Nay tuy được gặp Phật, nghe pháp, nhưng con vẫn còn hồ nghi. Làm sao để phát huy thực chứng tánh không sanh không diệt nơi tâm này? Hiện nay hàng hữu lậu trong đại chúng đều mong được nghe điều ấy.

Ông A Nan nghe Phật khai thị về khách trần ở đoạn trên để

https://thuviensach.vn

nói rõ thân cảnh động thì cũng là bất động, hay có sinh diệt cũng có nghĩa là không sinh diệt. Tuy đã lãnh hội nhưng ông A Nan vẫn còn nhận tâm phân biệt duyên trần (tâm phan duyên) làm chơn tâm nên chưa thấy được thể tánh bất sinh bất diệt. Vì thế ông cùng đại chúng ước mong đức Thế Tôn lúc bấy giờ chỉ bày thế nào là chân thật? thế nào là hư vọng? thế nào là sinh diệt? và cái gì là không sinh diệt? khiến cho hai thể "chân vọng" được thấu hiểu rõ ràng. Một lần nữa tâm nguyện của A Nan vẫn còn lờ mờ chưa sáng tỏ. Vì thế mà vua Ba-tư-nặc nhân đó mà thỉnh thị.

Trước khi gặp Đức Phật, vua Ba-tư-nặc tôn sùng ngoại đạo Ca-chiên-diên mà vị giáo chủ tên là Ca-la-cưu-đà. Giáo phái này chủ trương con người khi chết thì mất hết và sự mất hẳn này chính là Niết bàn. Họ nghĩ rằng :"Tu nhơn đức già đời cũng chết, hung hăng bạo ngược tận số cũng chẳng còn". Vì tin tưởng như thế mà luật nhân quả luân hồi đối với họ không còn ý nghĩa nên họ mặc tình làm điều tội lỗi. Đây là tư tưởng "đoạn kiến" vậy. Ngoài ra nhà vua còn nghe theo phái ngoại đạo khác tên là San-xà-dạ-tỳ-la-chi-tử. Phái này chấp các pháp là tự nhiên có nghĩa người chết sẽ sanh ra người, thánh nhân chết sẽ trở lại làm thành nhân, có tu hay không tu cũng như nhau. Họ không sợ tội ác nên chẳng cần làm thiện. Đây là tư tưởng "thường kiến".

Đối với tư tưởng đoạn kiến tức là chết rồi mất hẳn được phổ biến rất nhiều nơi ngoài Ấn độ. Họ quan niệm rằng khi người chết rồi thì khí trong bay lên trời, khí đục thì quay về

https://thuviensach.vn

đất, còn tánh linh thì trở về với hư không. Đây là tà kiến đoạn diệt bởi vì nếu tánh linh thật sự trở về với hư không thì làm sao có nhân quả? Mà nhân quả là chân lý khách quan của nhân sinh vũ trụ chớ đâu chỉ riêng cho Phật giáo. Vào thế kỷ thứ 18, thi hào Tố Như viết như sau:

"…Rằng: Những đấng tài hoa
Thác là thể phách, còn là tinh anh"

Phách là thân tứ đại thì mất, tan rã. Cái duy nhất còn lại của con người mà thi hào Tố Như gọi là tinh anh thì có thể hiểu là cái linh hồn, thần thức, giác linh hay linh tri…Nhưng sau khi chết thì cái đó sẽ ở đâu và sẽ đi về đâu? Con người từ vô thỉ đến nay đã tác tạo biết bao nghiệp, thiện cũng có mà ác cũng nhiều. Khi một ý tưởng, một lời nói hay một hành động vừa thực hiện thì đã được giữ lại trong Tạng thức (A lại da thức) của con người. Vì thế tất cả những chủng tử trong A lại da thức này sẽ được chuyển qua đời sau và nó sẽ là kết quả của tất cả những khổ vui của chúng sinh trong đời kế tiếp.

Tuy gặp Phật nhưng vua Ba-tư-nặc vẫn còn chấp theo tập quán cũ, chỉ biết sau khi chết rồi thì mất hẳn. Nay nghe được tánh không sanh không diệt của tâm mà vẫn còn hồ nghi cho nên mới thỉnh Phật chỉ dạy.
Tuy kinh Lăng Nghiêm nói về chơn tâm, nhưng trong Duy Thức học cũng phân tích rõ ràng về cái tâm để chúng sinh tư duy quán chiếu.

https://thuviensach.vn

Tâm pháp hay còn được gọi là tâm vương vì những món tâm này rất thù thắng, tự tại và tự chủ cũng như vị vua. Tâm vương gồm có tám món :

1) Nhãn thức : Cái biết của con mắt. Vì thức này nương theo sụ thấy biết của mắt mới khởi ra tác dụng sự phân biệt nên gọi là nhãn thức.

2) Nhĩ thức : Cái biết của lỗ tai. Vì thức này nương theo âm thanh mà tai nghe được mới khởi ra tác dụng phân biệt nên gọi là nhĩ thức.

3) Tỷ thức : Cái biết của mũi. Vì thức này dựa theo cái biết của hương vị do mũi tiếp nhận để khởi ra tác dụng sự phân biệt.

4)Thiệt thức: Cái biết của lưỡi. Vì thức này tùy thuộc vào mùi vị do lưỡi nếm được để khởi ra tác dụng sự phân biệt.
5) Thân thức : Cái biết của thân. Khi thân cảm thấy nóng lạnh hay tiếp xúc với cứng mềm để khởi ra tác dụng phân biệt nên gọi là than thức. Vì năm thức ở trên là nằm ở bên ngoài và trước nên gọi là "Tiền ngũ thức".

6) Ý thức : Thức này nương tựa ý căn mới khởi tác dụng phân biệt Pháp trần nên gọi là "Ý thức". Trong tám thức chỉ có thức thứ sáu này rất lạnh lẹ và khôn ngoan hơn hết. Bởi vì chúng sinh có suy nghĩ làm việc lành, việc tốt thì

https://thuviensach.vn

thức này đứng đầu. Còn nếu chúng sinh tính toán tạo tác việc ác thì nó cũng hơn cả. Vì thế mà trong Duy thức có câu : ”Công vi thủ, tội vi khôi” nghĩa là Nói về công thì thức này hơn hết, còn luận về tội thì nó cũng đứng đầu.

7) Mạt na thức : Thức này có công năng truyền các pháp hiện hành vào A lại da thức (Tàng thức) và tổng đưa các pháp chủng tử khởi ra hiện hành.

Lý Duy thức tiềm ẩn trong lời Phật rải rác ở các bộ kinh, về sau Bồ-tát Thế Thân dùng lý đó viết thành luận và được gọi là Thành Duy Thức. Thành Duy Thức cũng gọi là Tịnh Duy Thức bởi vì bộ luận này giảng giải rất rõ ràng rốt ráo đạo lý Duy Thức. Trong bài tụng thứ năm, Bồ-tát Thế Thân diễn tả về Mạt na thức như sau :

Thứ đệ nhị năng biến

Thị thức danh Mạt na

Y bỉ chuyển duyên bỉ

Tư lương vi tánh tướng

Dịch là:

Thức năng biến thứ hai

https://thuviensach.vn

Gọi là thức Mạt na

Nương kia chuyển duyên kia

Tư lương làm tánh tướng.

Thức năng biến thứ hai này chính là Mạt na thức có nghĩa là suy nghĩ, cân nhắc và so đo vì thức nầy có đặc tính là liên tục suy tư, hằng thẩm và tư lương. Thức này nương theo A lại da thức và lấy thức thứ tám này làm căn bản mà chuyển hiện. Cho nên có A lại da thức là có Mạt na thức và A lại da thức sinh về cõi nào thì Mạt na thức chuyển hiện theo cõi ấy. Mạt na thức theo A lại da thức như bóng theo hình, nhưng Mạt na luôn lấy cảnh sở duyên nơi A lại da mà suy xét và so đo, khiến cho tâm bị dấy động và ô nhiễm. Thí dụ A lại da thức là mảnh đất thì Mạt na thức là rễ cây luôn bám chặt vào đất A lại da. Còn ý thức và tiền ngũ thức là thân cây và những nhánh cây vươn lên từ mảnh đất A lại da. Một thí dụ khác là A lại da thức nếu ví như là nước trong những con sông thì Mạt na thức chính là gốc rễ của những cây lục bình trôi nổi trên mặt nước và ý thức và tiền ngũ thức bây giờ cũng như là thân và cánh là lục bình.

Mạt na thức sinh ra từ A lại da thức, nhưng nó lại lấy A lại da thức làm đối tượng sở duyên. Vì thế các chủng tử và hiện hành của A lại da thức luôn bị Mạt na thức lấy cảnh sở duyên mà duyên tức là các chủng tử nầy cứ bị soi chiếu,

https://thuviensach.vn

suy xét và đo lường. Chưa hết các cảnh sở duyên lại bị Mạt na thức duyên thêm một lần nữa nên bị biến đổi và sự biến đổi này lại được đưa vào A lại da làm tăng trưởng hay làm suy yếu thêm các chủng tử có sẳn nơi A lại da thức. Nếu sự tác động làm tăng trưởng các chủng tử có sẳn trong A lại da thức thì gọi là Thuận Tăng Thượng Duyên và nếu sự tác động làm suy yếu hay hủy diệt các chủng tử có sẵn trong A lại da thì gọi là Nghịch Tăng Thượng Duyên.

Thêm nữa bản chất của Mạt na là suy xét và đo lường cho nên Mạt na thức không bao giờ là không suy tính và so đo. Chính vì sự tư lương này mà tánh chất nhận thức nơi Mạt na thức không được khách quan trung thực, luôn bị bóp méo mà biến đổi khác đi mà Duy thức gọi là phi lượng. Vì thế Mạt na thức là chấp Ngã và Ngã Sở.

Bây giờ hãy nghiệm bài tụng thứ sáu :

Tứ phiền não thường câu

Vị : ngã si, ngã kiến

Tinh ngã mạn ngã ái

Cập dữ Xúc đẳng câu.

Dịch là:

https://thuviensach.vn

Tương ưng bốn phiền não

Là ngã si, ngã kiến

Cùng ngã mạn, ngã ái

Và tâm sở Xúc thấy.

Mạt na thức là hằng thẩm tư lương nên luôn chấp đó là mình, là của mình mà sinh ra tham đắm si mê. Vì còn phân biệt đối đải nên thấy có ta có người và dĩ nhiên là thấy cái ta và cái của ta là đúng, là đẹp, là hơn. Đây là những căn bản của phiền não khổ đau cũng bởi do chấp ngã mà ra. Vì thế mới gọi là Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn và Ngã Ái.

Ngã Si là vô minh, là mê muội vọng chấp mà tin rằng tất cả các pháp là ngã trong khi chính nó không có tự tánh thì làm sao có tự ngã được.

Ngã Kiến là luôn cho rằng những điều mình thấy, mình nghĩ, mình quan niệm, mình tin tưởng là đúng. Những gì khác với quan niệm của mình là sai cho dù đó là lời chân thật. Đây là cố chấp, ngoan cố không phục thiện.
Ngã Mạn là luôn coi mình là nhất, không coi ai ra gì, lấn lướt và khinh thường người khác.

https://thuviensach.vn

Ngã Ái là luôn luôn chấp ngã và sinh tâm mê thích ta và cái của ta. Chỉ biết nghĩ đến mình và những gì thuộc về mình.
Bốn thứ ngã này làm che đậy và làm vẫn đục nội thức tức là làm nhơ bẩn A lại da thức và phát sinh tiền lục thức khiến cho con người mãi trôi nổi trong sinh tử luân hồi.
Sau cùng hãy nghiệm bài tụng thứ bảy :

Hữu phú vô ký nhiếp

Tùy sở sanh sở hệ

A La Hán, Diệt định

Xuất thế đạo vô hữu

Dịch là:

Tánh hữu phú vô ký

Sanh theo A lại da

Chứng A La hán, Diệt định

Xuất thế đạo, không còn.

Với những phiền não chấp ngã và suy tư lo nghĩ, Mạt na

https://thuviensach.vn

thức luôn bám lấy A lại da thức mà chấp ngã, chấp là mình, là của mình tức là ngã và ngã sở. Tất cả những hành tướng này tạo nên Nghiệp Nhân và những nghiệp này cứ trùng trùng duyên khởi, tương tục tăng trưởng, sinh sinh diệt diệt cho đến khi đầy đủ nhân duyên thì thọ sanh vào một trong lục đạo và những quốc độ tương xứng với nghiệp quả của mình. Do đó nếu nghiệp báo A lại da thức chuyển biến khởi sanh vào cõi nào thì Mạt na thức sanh vào cõi đó. Vì thế khi nhân duyên đã đầy đủ chín mùi thì A lại da thức có thể chuyển biến và hiện hành thành một loài trong lục đạo, hay một loài trong những cõi trời Sắc giới hay Vô Sắc giới.

Khi các vị A la hán của hàng Thanh văn, các vị Bích chi Phật của hàng Duyên giác hay các bậc Bồ-tát Đệ Bát Địa của Đại thừa tu chứng để diệt các thọ và tưởng tức là nhập vào Diệt tận định thì các chấp ngã sẽ không còn sanh khởi trong Mạt na thức nghĩa là các vị đã đạt đến trạng thái vô ngã. Không còn sinh khởi không có nghĩa là Mạt na thức bị biến mất, không còn nữa. Nói tóm lại, khi chưa chuyển y thì Mạt na thức luôn luôn chấp ngã và chỉ duyên nơi A lại da thức. Đến khi đắc thành thánh quả, chuyển chấp ngã thành vô ngã thì Mạt na thức chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí tức là thức thứ bảy bây giờ chỉ còn duyên chân như cùng tất cả các pháp khác, thấy được mọi căn cơ và sai biệt nơi mỗi loài chúng sinh, tùy duyên hóa thân ứng hiện thuyết pháp độ sanh và A lại da thức chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí.

https://thuviensach.vn

8) A lại da thức : A lại da là âm của tiếng Phạn Alaya có nghĩa là cái kho mà danh từ Hán-Việt gọi là tàng. Tất cả mọi chủng tử không phân biệt thiện ác, tốt xấu, sanh tử và niết bàn, mê ngộ và khổ vui, ngay cả vô ký đều được chứa đựng trong tàng thức này. A lại da thức có khả năng tiếp nhận, duy trì và làm các hạt giống chủng tử tăng trưởng, chuyển biến cho đến khi đầy đủ nhân duyên thuần thục chín mùi thì mới được đi tái sanh vào những thế giới thích hợp với căn nghiệp của mình. Tùy theo nghiệp lực của mỗi chúng sinh mà được thọ sanh vào trong lục đạo hoặc sinh về những cõi trời trong những cõi Sắc giới và Vô sắc giới. Nếu nhân trong A lại da thức chứa nhiều chủng tử thiện thì khi đầy đủ nhân duyên chín mùi thì sẽ chuyển biến và hiện khởi ra quả báo là người hay là trời. Ngược lại nếu chứa nhiều chủng tử bất thiện thì sẽ hiện khởi ra quả báo trong ba đường ác là súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Vì các sự huân tập và chuyển biến trong A lại da thức thật tiềm ẩn và vi tế nên người chưa đắc đạo không thể biết được mình sẽ thọ thân làm loài gì và ở trong quốc độ nào.

Thức thứ tám này cũng còn được gọi là A-đà-na thức. Vậy cái tên này xuất xứ từ đâu?

Trong kinh Giải Thâm Mật có bài tụng rằng :

A-đà-na thức thậm thâm tế
Tập khí chủng tử như bộc lưu

https://thuviensach.vn

Ngã ư phàm ngu bất khai diễn
Khủng bỉ phân biệt chấp vi ngã
Dịch là:

Thức A-đà-na rất thậm thâm và tế nhị
Các tập khí chủng tử của nó sinh diệt như dòng nước thác
Ta (Phật) đối với chúng phàm phu và nhị thừa không nói thức này
Vì sợ chúng phân biệt chấp làm ngã.

Thức này là căn bản của chơn và vọng vì thế thánh phàm đều nương ở nơi đây. Do đó thức A-đà-na rất thâm sâu và tế nhị. Nó chứa nhóm các tập khí chủng tử từ vô thỉ đến nay. Nó làm chủ giữ gìn báo thân của hữu tình chúng sinh sống trong một thời kỳ. Cũng như dòng nước thác, ở xa thấy như điềm tịnh mà kỳ thật nó chảy rất mau. Chẳng những chúng phàm phu không biết mà ngay cả hàng Tiểu thừa Thanh văn cũng mê lầm thức này. Đức Phật đối với hai hạng này chẳng hề giảng nói đến thức A-đà-na vì sợ họ mê lầm chấp làm Ngã.

A-đà-na thức còn được tìm thấy trong Nhiếp Đại thừa luận, Hiển dương thánh giáo luận, Thành Duy Thức luận và Du Dà Sư Địa luận…

Trong Thành Duy Thức Luận quyển ba giải thích thức A-đà-na có ba công năng như sau :

https://thuviensach.vn

1) Giữ gìn (chấp trì) chủng tử của các pháp : Các pháp nói ở đây là chỉ cho tất cả các pháp hữu vi. Đó là "hữu lậu hữu vi" tức là các pháp tạp nhiễm thuộc về chúng sinh và "vô lậu hữu vi" tức là các pháp thanh tịnh thuộc về Thánh hiền. Tuy nhiên "chủng tử" chỉ có công năng tiềm tàng (ẩn núp) mà không khởi hiện. Nếu không có một cái gì để chứa giữ thì chủng tử của các pháp phải bị tản mất. Nếu chủng tử các pháp bị tản mất thì các pháp hiện hành ở thế gian và xuất thế gian cũng chẳng còn. Do đó phải có thức A-đà-na, tánh vô phú vô ký, nhất loại sinh diệt tương tục mới có thể duy trì chứa giữ chủng tử của các pháp.
2) Giữ chịu (chấp thọ) sắc căn và thế giới : Đây là muốn chỉ cho cái công năng giữ gìn báo thân của chúng sinh hữu tình được tương tục tồn tại trong một thời kỳ không tan hoại.

3) Giữ lấy (chấp thủ) việc kết nối đời sau tức là "kiết sanh tương tục" là do ba pháp : phiền não, nghiệp và sanh. Con người vì sống trong vô minh phiền não nên tạo ra nghiệp mà phải kết nối đời sau để thọ khổ. Chữ "kiết sanh" có nghĩa là thọ sanh tức là bắt đầu từ khi kết thai cho đến lúc sanh ra vậy. Tiến trình kết mối đời sau bắt đầu từ thân đang sống đến thân đang chết. Rồi từ thân đang chết đến thân trung ấm (thân mới chết chưa đầu thai). Và sau cùng từ thân trung ấm đến thân đời sau. Nếu các thân được tương tục không gián đoạn như thế ắt phải có một cái gì thường lưu hành và giữ gìn (chấp thủ). Cái đó chính là thức A-đà-

https://thuviensach.vn

na. Thật vậy, nếu không có thức thứ tám này để nắm giữ việc "kết nối đời sau" thì khi một người chết rồi phải mất luôn, không còn tái sanh được nữa. Như thế thành ra bị rơi vào thuyết Đoạn diệt của ngoại đạo rồi. Đây là câu trả lời cho vua Ba tư nặc về thuyết Đoạn diệt của bọn ngoại đạo Ca chiên Diên.

Thêm nữa tất cả những chủng tử tốt xấu đều được gieo vào mảnh đất A lại da trong trạng thái tiềm ẩn. Các chủng tử này được huân tập, chuyển biến, tương sanh, tương duyên, tương diệt liên tục. Tất cả những sự chuyển biến này xảy ra liên tục và tức thời, chớp nhoáng và liên tiếp. Cái này diệt thì cái kia sinh, tương tức tương tục liên miên bất tận nên được gọi là Sát Na Sinh Diệt. Sát Na Sinh Diệt có thể được ví như những khối nước liên tục chuyển động chảy trong dòng thác lũ. Khối nước trước đổ qua thì có khối nước khác đổ tới, tiếp nối liên tục không ngừng nghĩ và dĩ nhiên dòng nước cũ không thể chẩy trở lại nơi mà nó đã chảy qua. Sự sinh diệt triền miên đó cũng có thể ví như những đợt sóng dạt dào trên biển cả. Đợt sống này đẩy đợt sóng kia, đợt sóng mới đẩy đợt sóng cũ. Bởi có gió vọng tưởng thổi sóng dạt dào trên biển cả làm các ngọn sóng liên tiếp nhồi lên lặn xuống không ngừng nghĩ cho nên ngọn sóng này diệt thì ngọn sóng mới khởi sanh.

Khi chúng sinh biết tu tập làm cho tâm được thanh tịnh thì các chủng tử vô lậu được huân tập, tăng trưởng và phát sinh ra hiện hành. Các hiện hành này được huân tập trở vào

https://thuviensach.vn

thức A lại da thành các chủng tử vô lậu mới. Tùy theo tánh chất của các chủng tử vô lậu mới này mà chủng tử hữu lậu tiềm ẩn sẵn có trong tàng thức bị suy thoái và tiêu diệt hoặc các chủng tử vô lậu sẵn có ở trong đó được tăng trưởng và phát sinh thêm. Nếu chúng sinh trì công tu tập có nghĩa là tiếp tục huân tập các chủng tử vô lậu thanh tịnh đến khi tất cả các chủng tử và hiện hành hữu lậu hoàn toàn bị tiêu diệt thì lúc đó họ sẽ chứng đắc được quả vị A la hán trong hàng Thanh văn hay là bát địa Bồ-tát của Đại thừa. Đến đây thì tàng thức chỉ chứa toàn các chủng tử vô lậu. Các hạt giống hữu lậu của phiền não, nghiệp báo luân hồi sinh tử không còn nữa và A lại da thức bây giờ chuyển thành "Vô cấu thức". Vô cấu thức cũng còn cái tên khác là Yêm-ma-la thức, Bạch tịnh thức, Thanh tịnh thức, Chân như thức, Như Lai tạng thức hay thức thứ chín. Tuy có rất nhiều tên như thế nhưng chúng quy cũng chỉ có một ý nghĩa "thanh tịnh".

Khi chúng sinh đạt đến quả vị A la hán hay bát địa Bồ-tát thì các chủng tử hữu lậu làm chướng ngại chân tâm sẽ bị hủy diệt, nhưng thật ra vẫn còn những chủng tử hữu lậu vi tế nằm tiềm ẩn trong thức thứ tám này. Chỉ khi nào các vị A la hán hay bát địa Bồ-tát tiếp tục tiến tu pháp tối thắng vô phân biệt trí, được gọi là Thắng Pháp Không Quán, để vượt qua khỏi bậc Bồ-tát Thập địa mà đến bậc Đẳng Giác và khởi Kim Cang Dụ Định mà đạt tới Phật quả thì thức thứ tám này mới xóa tan hoàn toàn tất cả các vô lậu thậm thâm vi tế và chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí. Khi đó các chủng tử vô lậu, cấu nhiễm đã hết, thức này chuyển thành

https://thuviensach.vn

trí thanh tịnh chiếu khắp mười phương các cõi nhiều như vi trần nên gọi là Đại Viên Cảnh Trí. Đây chính là cái thể thanh tịnh của Chơn Tâm cũng như mặt gương sáng chiếu soi tất cả vạn pháp một cách chân thật mà nhà Phật gọi là "như thị bất khả tư nghì".

Chúng sinh vì có những nghiệp báo khác nhau nên khi đi thọ báo tái sinh họ sống trong những môi trường, những tin tưởng, những mục đích, những chọn lựa và những hành động khác nhau. Chính vì có sự khác biệt về sinh lý, tâm lý và vật lý mà Đức Thế Tôn phải tùy theo trình độ, căn cơ của mỗi hạng người mà phương tiện chỉ bày ra những pháp môn thích hợp ngỏ hầu giúp họ có thể hội nhập Phật tri kiến. Tuy con người căn nghiệp, tánh nết không đều cũng như tu có mau có chậm, nhưng khi giác ngộ được chân tánh thì đồng một thể chân như. Trong Truyền Tâm Pháp Yếu, tổ Hoàng Bá đã dạy rằng :

- Phật cùng chúng sinh một tâm không khác. Cũng giống như hư không, không tạp loạn, không hư hoại. Như ánh sáng mặt trời chiếu khắp thiên hạ. Khi mặt trời lên thì chiếu sáng khắp nơi mà hư không chưa từng sáng. Đến lúc mặt trời lặn, u tối khắp nơi mà hư không cũng chưa từng tối. Cảnh sáng tối tự tranh nhau, còn tánh của hư không thì rỗng rang không thay đổi. Tâm của Phật và tâm của chúng sinh cũng như vậy. Nếu quán Phật mà thấy cái tướng thanh tịnh, quang minh, giải thoát và nếu quán chúng sinh mà thấy cái tướng ô nhiễm, ám muội, sinh tử thì với kiến giải

https://thuviensach.vn

như thế, trải qua hằng hà vô số kiếp vẫn không chứng đạt được đạo quả Bồ-đề. Đó cũng vì còn chấp sắc tướng vậy. Tức tâm là Phật. Tâm đó là vô tâm nghĩa là biết xa rời mọi tướng để thấy biết rằng chúng sinh và Phật không hề khác nhau. Chỉ cần được vô tâm tức thì thành Đạo. Người học đạo nếu không có được cái vô tâm thì tu hành kiếp kiếp cũng không thành "Đạo" được. Tu hành có mau có chậm. Có kẻ mới nghe pháp liền được vô tâm. Có kẻ phải tu hành đến thập tín, thập trụ, thập trụ, thập hồi hướng mới được vô tâm. Lại có kẻ đến hàng thập địa mới được vô tâm. Tóm lại, dù mau dù chậm, hễ chúng sinh có được vô tâm là sẽ an trụ ở đó chứ chẳng còn gì để tu, để chứng nữa. Thật chẳng có gì sở đắc. Sự thật như vậy, quả không hư dối.

Sau cùng Chân Như tuyệt đối chỉ có đạt được bằng công năng tu trì và thiền quán nhằm loại bỏ các tập nhiễm từ thô đến tế có từ vô thỉ để đưa tâm thức trở về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên tức là bản lai diện mục. Chỉ khi ấy chúng sinh mới nhận chân ra cái cảnh giới như thị, không thể nghĩ bàn mà chư Phật trong tam thế mười phương đã chứng đắc.

Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Ba

Phật bảo :

- Này đại vương! Như đại vương đã biết ngay nơi thân ông đang tồn tại, nay Như Lai hỏi ông. Thân máu thịt này của ông có giống như thân kim cương bất hoại hay sẽ bị biến hoại?

https://thuviensach.vn

Bạch Thế Tôn! Thân con hiện nay, rốt cuộc rồi sẽ bị biến hoại.

Đức Phật bảo :

- Đại vương! Ông chưa từng diệt, làm sao biết mình sẽ biến diệt?

- Bạch Thế Tôn! Cái thân biến hoại vô thường của con hiện nay tuy chưa từng diệt, nhưng con thấy trước mắt, từng niệm dời đổi mãi không ngừng như lửa tàn thành tro, dần dần tiêu tan. Vì tàn hoại không dừng nên con biết chắc thân này sẽ bị diệt mất.

Đức Phật nói :

- Này Đại vương! Đúng như vậy.

Đại vương! Ông nay tuổi đã già yếu, dung mạo so với lúc trẻ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Khi xưa con còn bé, da dẻ tươi nhuận, đến tuổi trưởng thành, khí huyết sung mãn, nay tuổi già, thân thể cũng theo đó mà già yếu khô gầy, tinh thần không còn sáng suốt, tóc bạc mặt nhăn, sống chẳng còn bao lâu. Làm

https://thuviensach.vn

sao có thể so sánh với khi còn trẻ mạnh.
Phật bảo:

- Này đại vương! Thân thể của ông đâu phải già liền?

Vua Ba-tư-nặc thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nó âm thầm thay đổi, con thật chẳng biết, lạnh nóng đổi dời cho đến ngày nay. Vì sao? Lúc hai mươi tuổi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng sắc mặt đã già hơn lúc mười tuổi. Khi ba mươi thì già hơn lúc mới hai mươi. Nay con đã sáu mươi hai tuổi, so với lúc năm mươi tuổi, rõ ràng lúc năm mươi tuổi cường tráng hơn nhiều.

- Bạch Thế Tôn! Con thấy nó âm thầm dời đổi, tuy cái già nua nầy thay đổi trong vòng mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng một kỷ, hai kỷ mà thực ra nó thay đổi trong mỗi năm, chẳng những nó thay đổi trong từng năm, mà thực ra nó thay đổi trong từng tháng. Chẳng những nó thay đổi trong từng tháng, mà thật ra nó thay đổi trong từng ngày. Suy nghĩ thật sâu, quán sát thật kỹ, thấy nó thay đổi trong từng sát na, trong từng mỗi niệm, không hề dừng nghỉ. Thế nên con biết thân này cuối cùng phải chịu sự biến đổi và hoại diệt.

Đức Phật bảo :

- Này đại vương! Ông thấy sự biến hóa thay đổi không

https://thuviensach.vn

ngừng, nên biết thân mình hoại diệt. Vậy chính khi nó hoại diệt, ông có biết trong thân có cái gì không hoại diệt chăng?

Vua Ba-tư-nặc thưa :

- Thật con chẳng biết.

Đức Phật đã khai thị cho vua Ba-tư-nặc và đại chúng thấu rõ sắc thân tứ đại là một hiện tượng, một dạng vật lý cho nên phải bị chi phối bởi luật vô thường của tạo hóa. Sắc thân thay đổi không ngừng, biến hóa theo niên kỷ, tháng ngày dời chuyển, thay đổi từng giờ, từng phút, từng sát na.

Phật Chỉ Cái "Tánh Thấy" Không Sinh Diệt

Đức Phật bảo :

- Nay tôi sẽ chỉ cho ông tánh chẳng sinh diệt.

Đức Phật bảo :

- Này đại vương! Ông thấy nước sông Hằng lúc mấy tuổi?

Vua Ba-tu-nặc thưa :

https://thuviensach.vn

- Khi lên ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ bái Kỳ-đà-thiên, có đi qua con sông này. Con được thấy nước sông Hằng khi ấy. Đức Phật bảo :

- Này đại vương! Như ông vừa nói, khi ông hai mươi tuổi thấy mình già hơn khi mười tuổi, cho đến khi sáu mươi tuổi , ngày qua tháng lại, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ông thấy nước sông Hằng lúc ba tuổi so với cái thấy nước sông Hằng lúc mười ba tuổi như thế nào?

Nhà vua thưa :

- Cái thấy ấy không khác so với khi còn ba tuổi, cho đến nay con đã 62 tuổi, cái thấy ấy vẫn không khác.

Đức Phật bảo :

- Nay ông tự cảm thương tóc bạc mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy sông Hằng của ông hiện nay và cái thấy lúc còn nhỏ có già có trẻ chăng?

Vua Ba-tư-nặc thưa :

- Bạch Thế Tôn! Không vậy.

Đức Phật bảo :

https://thuviensach.vn

- Mặt ông tuy nhăn, nhưng tánh thấy này chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái không bị nhăn thì chẳng biến đổi.
Cái biến đổi thì phải bị hoại diệt, cái không biến đổi kia vốn chẳng sinh diệt, làm sao trong đó nó nhận chịu sự sinh tử của ông? Mà ông còn dẫn lời của ngoại đạo Mạt-già-lê rằng : ”Thân này sau khi chết là hoàn toàn mất hẳn”.

Vua nghe lời ấy, tin rằng thân này sau khi chết sẽ sinh thân khác, nên vua cùng đại chúng vui mừng hớn hở như được điều chưa từng có.

Theo tục lệ của người Ấn Độ vào thời Đức Phật thì người Ấn Độ phải đến sông Hằng để lấy nước sông mà xối từ đỉnh đầu xuống khắp châu thân để gội sạch tất cả những ô nhiễm, dơ bẩn giúp cho họ loại bỏ những vô minh mà có được trí tuệ sáng suốt. Vì thế mà vua Ba-tư-nặc cũng làm theo tục lệ này nên khi lên ba tuổi được mẹ dắt đến sông Hằng trước là lễ lạy thần sông Kỳ-bà-thiên và sau đó dùng nước thiêng của sông Hằng mà rửa sạch những uế trược, bẩn nhơ.

Ngày nay chúng ta sống ở những quốc gia Tây phương, tín đồ của những hệ phái tin lành, Thiên chúa giáo cũng dùng nước thánh (nước lạnh từ trong faucet) để rửa tội. Họ làm những cái bồn lớn như bồn tắm rồi nhận tín đồ vào đó cho ước toàn thân thì những tội lỗi do tổ tiên gây ra sẽ được

https://thuviensach.vn

xóa sạch. Đây là họ bắt chước theo câu chuyện ông thánh John đã rửa tội cho chúa Jesus trong dòng sông Jordan hai ngàn năm về trước. Thật ra người Phật tử không cần phải đến sông Hằng, hay qua tận trung Đông để ngâm mình trong dòng sông Jordan mà rửa tội. Vì có rửa cũng chẳng bao giờ sạch được. Nếu tội lỗi có thể dùng xà phòng, hay nước mà rửa được thì chúng ta tắm hằng ngày bao nhiêu tội ác cũng theo dòng nước trôi đi đâu còn nữa. Như vậy thế giới này sẽ biến thành thiên đường cực lạc rồi, nhưng tại sao con người vẫn còn tranh chấp giết hại lẫn nhau? Tội là do tâm tạo để biến thành nghiệp chướng. Nhưng tâm là tư tưởng mà dùng nước rửa bên ngoài thì làm sao xóa được những tư tưởng thiện ác trong tâm!

Tuy sắc thân tứ đại biến đổi, hư hoại, thoái hóa theo thời gian, không gian cũng như :

“Xuân đến trăm hoa nở

Xuân đi trăm hoa rụng

Sự vật đổi thay trông trước mắt

Già nua biểu hiện mái tóc sầu”.

Nhưng trong cái vô thường sinh diệt đó, còn có cái thường hằng bất sinh bất diệt. Đó là cái tánh thấy. Thật ra tánh thấy cũng là một hiện tượng, nhưng là hiện tượng của sự tùy

https://thuviensach.vn

duyên biểu hiện của bản thể chân như. Vì thế thân già mắt kém nhưng tánh thấy không già. Tóc tuy có điểm màu sương, lưng có còm, má có hóp nhưng tánh thấy vẫn sáng suốt như ngày nào, không tăng không giảm. Trong thế giới hữu vi sinh diệt, hễ có sắc, có tướng là có thay đổi rồi sẽ hoại diệt mất đi. Chỉ có bản thể chân thường là bất sinh bất diệt cũng như :

Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết

Trước sân, xuân nọ cành mai hãy còn.

Xuân đến thì mai nở, xuân đi thì mai rụng cũng như duyên đến thì thân sanh, duyên tan thì thân hoại. Xuân đến, xuân đi, mai nở, mai tàn, nhưng cây mai trước sân nhà đâu có mất. Cũng như sắc thân có sinh có diệt, nhưng bản thể chân như có mất bao giờ.

A Nan Cầu Phật Chỉ Cái "Điên Đảo".

A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay quỳ xuống bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn! Nếu cái thấy nghe này không sanh diệt, tại sao chúng con bỏ quên chân tánh, làm việc điên đảo? Nguyện xin Thế Tôn đem lòng thương xót rửa sạch trần cấu cho chúng con.

https://thuviensach.vn

Liền khi ấy, Đức Phật buông cánh tay sắc vàng, năm ngón tay chỉ xuống, bảo A Nan rằng :

- Nay ông thấy cánh tay tôi như thế này là xuôi hay ngược?

A Nan thưa :

- Chúng sinh trong thế gian đều cho đó là ngược, riêng con chẳng biết thế nào là xuôi hay ngược.

Đức Phật bảo A Nan :

- Nếu người thế gian cho là ngược, vậy họ cho thế nào là xuôi?

A Nan thưa :

- Khi Như Lai đưa cánh tay hướng lên trên không thì gọi là xuôi.

Bấy giờ Phật đưa cánh tay lên và bảo ông A Nan :

- Cái trái ngược của ông là ở chỗ đó, chỉ có một việc thay đổi lẫn nhau vậy mà người thế gian gán cho cái thấy một ý niệm Ngược, Xuôi. A Nan! Thân ông và thân Như Lai chẳng khác gì nhau, nhưng thân Như Lai là pháp thân thanh tịnh chánh biến tri giác, còn thân ông gọi là tánh điên

https://thuviensach.vn

đảo. Vậy ông hãy chín chắn suy nghĩ tìm xem sự trái ngược của thân ông và thân Phật khác ở chỗ nào?

Khi ấy A Nan cùng toàn thể chúng hội chăm chú nhìn Phật không chớp mắt, không biết nơi thân tâm mình chỗ nào là điên đảo?

Đức Phật khởi lòng từ bi, thương xót A Nan và cả đại chúng, nên phát ra lời nói bằng âm thanh như tiếng hải triều, bảo khắp đại chúng :

- Này các thiện nam tử! Như Lai thường nói sắc, tâm và tâm sở pháp đều duy tâm biến hiện. Thân tâm các ông chỉ là vật ở trong chơn tâm minh diệu. Tại sao các ông bỏ mất đi cái chơn tâm minh diệu quý báu mà nhận lấy cái mê trong ngộ?

Dựa vào câu hỏi thì đủ biết ông A Nan vẫn chưa thấy được chân tánh nên lấy vọng làm chân mà tâm sinh điên đảo. Đứng về mặt chơn đế, vạn pháp vốn không có tên tuổi, nhưng đứng về mặt tục đế, nhân sinh xã hội đặt cho sự vật vạn pháp một danh ngôn để xưng gọi mà con người sống phù hợp theo tánh hiện thực khách quan của nó. Nhưng tai hại của danh ngôn là do sanh lòng chấp mắc. Con người vì chấp vào hình tướng nên cho rằng hướng này đúng hướng kia sai, tay đưa lên là xuôi hay đưa xuống là nghịch. Xuôi đối với người này mà nghịch đối với người kia thì xuôi ngược nói sao chẳng được, lấy gì làm tiêu chuẩn mà nói

https://thuviensach.vn

đúng hay sai. Ông A Nan còn để tâm duyên theo tiền trần thì bị Phật quở là đúng rồi.
Khi cư sĩ Duy Ma Cật hỏi Bồ-tát Nhất Sanh Bổ Xứ Di Lặc trong Kinh Duy Ma Cật rằng : ”Thế Tôn thọ ký cho Ngài một đời nữa sẽ thành Phật. Đời quá khứ đã qua, đời hiện tại biến chuyển không ngừng, đời tương lai chưa đến. Vậy một đời là đời nào? Theo Phật giáo không có cái móc thời gian nên thời gian là giả huyển, không thật. Con người đặt ra để gọi thế thôi. Người Tàu gọi giờ thìn, giờ ngọ. Người Mỹ gọi năm giờ, bảy giờ…Cũng cùng một thời gian mà bên Mỹ là mùa đông giá rét, còn ở Úc là mùa hè nóng bức. Ở Việt nam là ban đêm trong khi đó ở Hoa kỳ lại là ban ngày. Thế thì thời gian nào là thật? Con người còn chạy theo hình sắc bên ngoài là chạy theo sinh diệt, còn biết quay về với thật tướng, chân tánh thì mới sống được với chơn tâm thanh tịnh thường hằng bất biến. Nhưng chân tánh là chân không thì làm sao thấy được mà so sánh xuôi hay ngược.

Bây giờ Phật hỏi tại sao thân Phật và thân ông A Nan giống nhau mà thân Phật gọi là pháp thân thanh tịnh Chánh biến tri, còn thân A Nan là thân điên đảo? Nếu nhìn từ hình sắc thì thân của Đức Phật và thân của A Nan đều là thân tứ đại, chịu sinh lão bệnh tử như nhau, không sai không khác. Nhưng ở đây Đức Phật dùng chữ “pháp thân thanh tịnh” cho nên thân mà Đức Phật muốn ám chỉ trong đoạn kinh này không phải là ứng thân sinh diệt mà chính là pháp thân, là chơn tâm thanh tịnh có sẵn trong tất cả mọi chúng

https://thuviensach.vn

sinh. Cái khác nhau ở đây là Đức Phật lúc nào cũng sống với chơn tâm. Đó là Ngài làm chủ bản thân, làm chủ vạn pháp và làm chủ tâm tánh mình. Đức Thế Tôn nhìn tất cả hiện tượng vạn pháp với cái "tri kiến vô kiến" nghĩa là thấy mà như không thấy nên tâm không còn dính mắc. Cái tâm này chính là pháp thân thanh tịnh Chánh biến tri. Ngược lại ông A Nan và đại chúng sống với tâm phan duyên, chạy theo ngoại trần mà quên bỏ tâm tánh của mình. Ông nhận thức vạn pháp theo "tri kiến lập tri" nghĩa là thấy sao biết vậy nên tâm chất đầy vọng tưởng, không thanh tịnh. Do đó Phật quở ông A Nan vì bỏ mất chơn tánh nên A Nan sống với tánh điên đảo là như vậy.

Dựa theo Duy thức luận, tâm gồm có tám thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt-na thức và a-lại-da thức) đều có quyền tự chủ, tự tại, cũng như vị vua nên được gọi là "tâm vương". Vị quốc vương thì phải có quần thần phụ tá, tâm vương thì cũng phải có bộ hạ tùy tùng giúp đở mới tác tạo ra nghiệp. Những bộ hạ này không được tự tại nên gọi là "tâm sở" hay "tâm sở pháp". Những thứ như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến…đều thuộc về tâm sở. Sắc thuộc về sắc pháp như hình sắc, màu sắc, nhưng sắc là tướng phát sinh bởi tâm vương và tâm sở. Do đó sắc, tâm và tâm sở pháp cũng đều do tâm biến hiện. Vì thế nếu sống với tánh thì có được chơn tâm, ngược lại chạy theo trần thì sống trong điên đảo khổ đau.

Phật lại dạy rằng :

https://thuviensach.vn

A Nan! Mê muội thành ra có hư không, trong hư không mê muội ấy, kết cái tối tăm thành sắc. Sắc xen tạp với vọng tưởng, nhận tướng vọng làm thân. Cảnh sắc bên ngoài phản ánh tư tưởng bên trong rồi cho cái tác dụng nghĩ ngợi lăng xăng là tâm tánh. Một khi đã lầm là tâm thì chắc chắn nhận lầm tâm ở trong thân. Chẳng biết rằng từ sắc thân cho đến núi sông hư không và thế giới đều là vật ở trong chơn tâm minh diệu. Thật chẳng khác trăm ngàn biển lớn sạch trong, chỉ nhận một cái bọt nước rồi cho đó là nước của toàn thể đại dương. Các ông là những người trong đám người mê, chỉ một cánh tay Như Lai mà nảy sanh quan niệm Ngược Xuôi, tranh biện. Như Lai gọi các ông là những người đáng thương xót.

Ông A Nan và đại chúng cũng vì nhận tâm phan duyên làm chơn tâm nên sống trong điên đảo mà tạo nghiệp để phải lưu chuyển trong sinh tử luân hồi. Vì còn mê nên con người chỉ tham đắm hình sắc ảo tưởng, giả dối sinh diệt bên ngoài mà quên quay về sống với cái chân thật, thanh tịnh, không sinh diệt, lúc nào cũng có bên trong là chơn tâm, là bản lai diện mục, là Phật tánh vĩnh hằng trong tất cả mọi chúng sinh. Hình sắc có khác biệt như núi cao rừng thẳm, chim bay cá lặn, trời xanh mây trắng và những hình ảnh đó tuy có đẹp đẽ, hấp dẫn hay quyến rũ đến đâu thì tất cả cũng đều do bản tâm biến hiện. Người mê thì lấy sắc, hư không làm tâm, chẳng khác nào như thấy một bọt biển nhỏ bé mà cho rằng đó là toàn thể nước của đại dương. Còn kẻ

https://thuviensach.vn

thức tỉnh thì sống với chơn tâm bao la vô cùng vô tận cũng như toàn thể nước của đại dương không còn ngăn ngại.

Tuy chơn tâm rộng lớn bao la vô cùng vô tận, nhưng còn người sống với tâm phan duyên, nhận các tướng sinh diệt của trần cảnh làm bản tâm nên chính họ đã đánh mất đi cái chân tánh trong sạch tức là chơn tâm minh diệu. Vì thế Đức Phật mới gọi đây là sự trái ngược cũng giống như cánh tay của Như Lai đang buông rũ xuống.

Chúng sinh vì chấp cái sắc thân tứ đại và thế giới giả dối sinh diệt bên ngoài mà đánh mất đi cái hiện hữu không sinh diệt đã sinh ra nó cho nên Đức Phật mới gọi đây là sự đảo lộn. Thí dụ khi chúng ta nhìn vào tấm gương thì thấy tất cả những hình tướng phản chiếu từ tấm gương. Nào là nhà xinh xe đẹp; nào là núi cao rừng thẳm; nào là trăng sáng mây bay; thiên hình vạn tướng…Con người thấy được những hình sắc đẹp đẻ trong gương nhưng họ quên mất những hình sắc đó là do sự soi chiếu từ bản gương. Cũng thế chơn tâm là cội nguồn sinh ra tất cả vạn pháp trên thế gian mà con người quên bỏ nó để chạy theo tâm phan duyên sinh diệt. Do đó người mê thì họ sống trong sắc tướng thế giới giả dối, còn người giác ngộ luôn sống trong chân tánh thanh tịnh của bản tâm. Dựa theo Pháp Giới Duyên Khởi thì "Bất biến Tùy duyên" có nghĩa là khi có đủ nhân duyên thì Bản Thể Chân Như duyên khởi thành vạn vật trong thế gian này.

https://thuviensach.vn

A Nan Đã Hiểu Được Chơn Tâm Nhưng Chưa Dám Nhận

Ông A Nan nghe lời dạy bảo thâm thiết của Phật, sung sướng rơi nước mắt, vòng tay mà bạch Phật rằng :

- Tuy con nghe được pháp âm vi diệu của Phật, ngộ được tâm vốn thanh tịnh sáng suốt viên mãn thường trú. Nhưng con ngộ được pháp âm thường trụ của Phật vừa dạy thì con cũng dùng tâm phan duyên để nhận biết điều mong ước. Con dù có được tâm này cũng chưa dám nhận là tâm tánh xưa nay hằng có. Cúi mong đức Phật thương xót, tuyên dạy viên âm, nhổ sạch gốc nghi ngờ trong con để con được quay về với đường vô thượng giác.

Ông A Nan đã dùng tâm phan duyên để nghe pháp cho nên tuy được Như Lai khai ngộ chơn tâm rộng lớn sáng suốt nhiệm mầu làm cho ông cảm động đến rơi nước mắt, nhưng đây chính là nhân nghe diệu âm của Phật để duyên vào tâm mà ngộ chớ không phải chính do A Nan thật chứng nên chính ông cũng chưa tin vào tâm mình để đạt đến chỗ không còn nghi mới là thật chứng. Bởi vì một phút nghi ngờ sinh ra biết bao mê muội cho nên ông A Nan mặc dù nghe pháp mà chỉ nghe bằng tâm phan duyên cho dù đó là pháp âm Phật thì chính ông cũng chưa lắng nghe được pháp tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp vốn đã có sẵn trong tâm của tất cả chúng sinh. Thí dụ như nghe có loại trà rất quý, nhưng phải tự mình uống qua thì mới biết trà ấy

https://thuviensach.vn

hương vị thơm ngon đến mức nào. Cũng như chúng sinh miệng thì nói ăn mà không ăn thì bao tử làm sao no được.

Đức Phật bảo A Nan :

- Các ông vẫn còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp thì pháp đó chỉ là pháp tướng vương víu tạm thời, chứ không phải là pháp tánh.

- Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, người trí nương ngón tay để tìm thấy trăng, nhưng nếu cho ngón tay là trăng thì không những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất luôn cả ngón tay nữa. Vì ngón tay mà đã tưởng là trăng thì cũng không biết thế nào là sáng, thế nào là tối. Nay ông lấy sự phân biệt pháp âm của tôi mà cho là tâm, thì lúc không có pháp âm, lẽ ra ông phải còn phân biệt. Ví như người khách trọ ngủ trong lữ quán, tạm nghĩ rồi đi, không dừng lại mãi, còn người chủ quán thì chẳng đi đâu, nên gọi là chủ.

Sự phân biệt về âm thanh đã vậy thì sự phân biệt của sắc, hương, vị, xúc cho đến các phi sắc, phi không của pháp trần cũng vậy. Rời đối tượng phân biệt ra mà cái phân biệt của ông phải thường còn thì đó mới thật là tâm tánh của ông. Trái lại, hễ đối tượng không có, phân biệt cũng không còn, thế thì tâm tánh của ông có chỗ trả về, như khách đến rồi đi, không còn là địa vị chủ quán trọ nữa.

https://thuviensach.vn

Nếu ông A Nan dùng tâm phân biệt mà tiếp nhận pháp âm Phật thì cái tâm đó chắc chắn không phải là chơn tâm. Vì sao? Bởi vì một khi pháp âm Phật không còn nữa thì cái tánh "thường trú' cũng tan biến theo. Tiền trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc lúc có lúc không, nhưng cái tâm "vô phân biệt" của chúng sinh lúc nào cũng thường trụ không chạy theo tiền trần. Con người nương theo ngón tay để thấy ánh sáng huyền diệu của mặt trăng, cũng như ông A Nan dùng nhĩ căn để nghe pháp âm Phật mà thấy được chơn tâm của mình. Nhưng ngón tay không bao giờ là mặt trăng và tuy pháp âm Phật có huyền diệu sâu xa thì pháp âm Phật vẫn không bao giờ là chơn tâm của A Nan được.

Nếu dùng tâm phan duyên để nghe pháp thì pháp này cũng thuộc về tâm sinh diệt sở duyên chớ không đạt được pháp thể ly ngôn. Nếu lấy phân biệt pháp âm làm tâm của A Nan thì tâm này lẽ ra khi lìa âm thanh thì phải có thể cũng như lữ khách vào quán trọ nghĩ ngơi rồi ra đi còn người chủ thì ở lại. Nếu sự phân biệt này đúng là chơn tâm của ông A Nan thì nó phải thường trụ. Cớ sao khi âm thanh mất thì nó cũng biến theo? Như thế chẳng những tâm ông A Nan là vô thể mà ngay cả sự phân biệt về tướng mạo của ông A Nan nếu lìa sắc tướng cũng là vô thể. Tiền trần tuy có muôn hình vạn tướng, có phát sinh thì sẽ có chỗ trả về, nhưng tánh thấy, tánh nghe, tánh biết, tánh ngửi, tánh nếm của con người sẽ không trả về đâu hết vì nó chính là của chúng ta. Tiền trần đối tượng có sinh có diệt, có đến có đi ví như người khách trọ trong lữ quán nên gọi là "khách trần". Bây

https://thuviensach.vn

giờ nếu tiền trần mất mà nhận thức chủ thể lúc nào cũng hiện hữu thì đó mới chính là chơn tâm thường trú vậy.

Mặc dù tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh biết, tánh nếm là hiện tượng biểu hiện của chơn tâm cũng ví như vành trăng chớ chưa phải là chơn tâm. Chỉ khi nào chúng sinh nhận thức và thể nhập vào bản thể bất biến của chơn tâm thì người ấy sẽ thấy được toàn vẹn mặt trăng. Từng, giây, từng phút, từng sát na trong tâm của chúng sinh hiện lên biết bao tâm niệm nào là vui, buồn, hờn, giận, thương yêu, ganh ghét, đố kỵ…, nhưng nếu chúng ta chịu tư duy quán chiếu một chút thì biết rằng tất cả những niệm thiện ác tốt xấu kia đến rồi lại đi. Vậy tất cả chúng nó đều là ý niệm phân biệt do tâm phan duyên với ngoại cảnh mà có. Còn cái tâm lẳng lặng thường trú lúc nào cũng ở với chúng ta không bị chi phối bởi sự thay đổi của thế giới bên ngoài thì đây mới là chơn tâm vĩnh hằng thanh tịnh có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh.

Ông A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Nếu tâm tánh con có chỗ trả về, vậy cái chơn tâm minh diệu Như Lai nói, vì sao lại không có chỗ trả về? Xin Phật thương xót vì chúng con dạy bảo.

Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Tư & Năm

Phật bảo A Nan :

https://thuviensach.vn

- Cái thấy mà ông thấy tôi, dù không phải là chơn tâm minh diệu, nhưng nó là là tánh thấy trong sáng chưa nhuốm trần lao. Nó như vành trăng thứ hai chứ không đến nỗi như bóng trăng đáy nước. Ông hãy chín chắn lắng nghe, nay tôi chỉ cho ông cái nghĩa không có chỗ trả về.

A Nan! Cửa giảng đường lớn này mở ở hướng Đông, khi mặt trời lên thì có ánh sáng, giữa đêm không trăng mây mù mờ mịt tối tăm. Chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, chỗ có tường ngăn thì thấy bít lấp. Chỗ có phân biệt được thấy cảnh sắc, chỗ trống trơn thấy hư không. Chỗ cát bụi tung lên thấy mịt mù, chỗ mưa tạnh mây tan thấy quang đãng.

A Nan! Ông đã thấy các tướng biến hóa như vậy, nay Như Lai trả các tướng ấy về nơi xuất phát của nó. A Nan! Cái sáng trả về cho mặt trời vì không có mặt trời thì không sáng. Tại sao? Vì nếu không có mặt trời thì không có sáng. Nguyên nhân cái sáng kia là do mặt trời nên trả nó về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng. Thông suốt trả về cho cửa mở. Ngăn bít trả về cho tường vách. Cảnh sắc trả về cho phân biệt. Hư không trả về cho khoảng trống. Mịt mù trả về cho cát bụi. Quang đãng trả về cho mưa tạnh mây tan. Sự vật thế gian tuy nhiều, nhưng không ngoài những thứ đó. Còn cái thấy mà ông thấy tám thứ đó, ông định trả nó về đâu? Nếu ông trả về cho sáng thì lúc không có sáng lẽ ra ông không thấy được tối. Nhưng trước

https://thuviensach.vn

mắt ông, sáng và tối có sai khác mà cái thấy của ông thì không sai khác.

Các thứ có thể trả về được, nhưng đương nhiên không phải là ông. Cái không trả về được, chẳng phải là ông thì là cái gì? Vậy nên biết tâm ông vốn nhiệm mầu, thanh tịnh sáng suốt mà ông tự mê muội, bỏ mất tánh bản nhiên, đành chịu luân hồi, mãi bị chìm đắm trong biển sinh tử. Thế nên Như Lai gọi các ông là những người đáng thương xót!

Tuy Phật đã giải thích rõ ràng về bản tâm minh diệu, nhưng ông A Nan vẫn còn mờ mịt chưa thật sự khai ngộ về bản tâm nên hỏi rằng nếu tâm tính của ông có chỗ trả về thì tại sao tâm tính của Như Lai dạy lại không có chỗ trả về? Một lần nữa, ông A Nan lại dùng tâm phan duyên mới thấy có sự phân biệt này. Ông A Nan nghĩ rằng thân tứ đại đất, nước, gió, lửa của ông và của Phật đâu có khác gì nhau. Cũng mắt, tai, mũi , lưỡi, thân. Cũng ăn uống nằm ngồi ngủ nghĩ giống nhau thì tại sao Như Lai lại nói tâm tính ông có chỗ trả về trong khi đó thì tâm Như Lai không có chỗ trả về. Đây là lối nhận thức của kẻ còn mê; tâm còn chấp ngã, chấp pháp và còn quay cuồng với sự tướng sinh diệt bên ngoài mà chưa thấy được bản thể thanh tịnh bất sinh bất diệt bên trong. Tuy sắc thân Phật và A Nan có giống nhau, nhưng A Nan sống với tâm phan duyên sinh diệt chạy theo vui buồn, hờn giận, hơn thua phải trái nên tâm bất tịnh.

https://thuviensach.vn

Ngược lại Đức Phật tuy ứng thân có giống sắc thân A Nan, nhưng tâm Phật là chơn tâm thanh tịnh lúc nào cũng thường trụ Niết bàn thì cái chơn tâm này làm sao có chỗ trả về? Còn cái vui cái buồn, cái thương cái ghét, cái tốt cái xấu thì có chỗ trả về vì vui đến rồi vui đi, đâu có ở mãi với chúng ta. Như thế cái có thể trả về thì chắc chắn không phải của ta, mà không phải của ta thì làm sao gọi nó là bản tâm thanh tịnh được. Hơn nữa, thế gian hiện tượng tuy nhiều, nhưng tựu trung cũng không ngoài tám cảnh duyên là sáng, tối, thông, bít, sắc, không, trong, đục. Tám duyên này đều có thể trả về chỗ sở nhơn phát sinh ra nó, nhưng tánh thấy sáng suốt mà ông A Nan thấy được về tám tướng kia không thể trả về đâu được. Do đó những thứ có thể trả về được thì chẳng phải là chơn tâm của ông, còn tánh thấy tám duyên kia không thể trả về thì nếu nó không phải là chơn tánh của ông A Nan thì là của ai? Chơn tánh ở trong ông A Nan vốn sáng suốt thanh tịnh, nhưng vì mê muội không ngộ nên đánh mất cái sẵn có mà phải chịu sinh tử luân hồi.

Vì chơn tâm là chơn không diệu tánh nên rất khó diễn tả. Do đó Phật mới mượn tánh thấy để diễn bày cái ở và cái đi tức là "thường trụ" và "khách trần". Nhưng tánh thấy kia còn lẫn lộn trong duyên trần mà tám thức của tâm vương lại không thuộc duyên trần nên nói tánh thấy vốn sáng suốt thanh tịnh là vậy. Tuy tánh thấy chưa phải là chơn, nhưng rất cận kề với chơn cũng như vành trăng không thể lìa mặt trăng được.

https://thuviensach.vn

Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Năm

Bấy giờ ông A Nan vẫn còn nghi ngờ nên bạch với Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Tuy con biết tánh thấy không thể trả về, nhưng làm sao biết được đó là chơn tánh của con?

Phật bảo :

- A Nan! Nay Như Lai hỏi ông. Hiện nay ông chưa chứng quả vô lậu thanh tịnh, nhưng do nương oai thần chư Phật mà thấy được cõi sơ thiền không ngăn ngại. Còn ông A Na Luật thì thấy cõi Diêm phù đề như thấy quả quít để trên bàn tay. Chư Bồ-tát thấy được cả trăm ngàn thế giới. Mười phương chư Phật đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như số vi trần không sót chỗ nào. Còn chúng sinh thì thấy chẳng được xa hơn gang tấc.

Này A Nan! Tôi cùng ông xem cung điện Tứ thiên vương và xem khắp các loài trong nước, trên đất, trong hư không, tuy có nhiều hình sắc tối sáng khác nhau, nhưng chúng đều là tiền trần đối tượng phân biệt. Những thứ mà ông thấy, ông nên ngay đó mà phân biệt, cái gì là mình, cái gì là vật. Nay Như Lai để cho ông lựa ra trong cái thấy, cái gì là tâm thể cái gì là vật thể.
A Nan! Cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng cũng là vật chớ chẳng phải là ông. Cho đến cả bảy ngọn

https://thuviensach.vn

núi bằng vàng, xem xét cùng khắp, dù có thấp cao lớn nhỏ và màu sắc không đồng nhưng cũng đều là vật chớ chẳng phải ông. Lần lần quan sát mây nổi chim bay, gió động, bụi tung, cây, rừng, sông, núi, cỏ, hoa, súc vật…cho đến con người đều là vật chớ chẳng phải ông.
A Nan! Tính chất của các vật xa gần tuy có khác, nhưng cũng đều nhờ tánh thấy thanh tịnh của ông nhìn được. Các vật loại kia có sai khác mà tánh thấy của ông thì không sai khác. Cái tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt này chính thật là tánh thấy của ông.

Qua đoạn kinh trên, mặc dầu Đức Phật đã khai thị rõ ràng về tánh thấy, nhưng trong tâm ông A Nan vẫn còn chấp chặt trong cái sở văn tri giác tức là thấy nghe hay biết và chấp chặt vào kiến giải đa văn nên rất khó thông hiểu lời Phật dạy. Không phải chỉ một mình A Nan là mắc phải bịnh kiến chấp mà tất cả chúng sinh nếu chưa chứng ngộ được bản tâm thanh tịnh của chính mình mà cứ chấp chặt vào kiến văn Phật pháp thì chẳng khác nào tự mình dấn thân vào chốn bão táp phong ba, xa dần bến bờ giác ngộ vì tất cả những kiến chấp đó đều là pháp sinh diệt, không giúp ích gì trong việc tìm về với bờ cũ bến xưa để trực nhận bản lai diện mục của chính mình. Đây là sự khác nhau giữa ông A Nan và tôn giả Đại Ca Diếp khi ông đối diện Phật trong hội Linh Sơn. Khi Phật đưa cành hoa sen lên tôn giả mỉm cười vì cái tánh thấy thì không thể nói được. Biết mà không nói được nên tôn giả chỉ mỉm cười. Ở đây ông A Nan thích học rộng nghe nhiều nên tâm chất đầy văn tự

https://thuviensach.vn

Phật pháp làm che lấp tánh thấy biết chân thật của ông. Nhiều người cho rằng phải học nhiều, biết nhiều, thông kinh hiểu nghĩa mới gọi là tu. Thật ra biết nhiều thì càng dễ bị chấp chặt vào kinh điển, vào văn tự, vào phương tiện mà khó đạt được cứu cánh giải thoát giác ngộ. Người càng buông xả, càng nhẹ nhàng thanh tịnh thì càng dễ dàng quay về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên mà chứng ngộ chơn tâm.

Dựa theo Duy thức luận thì nhãn thức là một trong tám thức tâm vương. Tánh thấy chính là tinh quang của tám thức soi vào năm trần mà rõ được cảnh. Nếu lúc nhãn căn mới chạm vào sắc trần thì gọi là "hiện lượng" tức là thể sáng suốt của tám thức. Khi niệm thứ hai khởi tâm phân biệt thì gọi là "tỷ lượng" tức là thuộc về ý thức phân biệt. Vì thế tánh thấy thanh tịnh, sáng suốt nhiệm mầu cho dù có tiếp thu trần cảnh, nhưng tánh thấy chỉ thu nhận "tánh cảnh" tức là thấy cảnh vật mà chưa có tâm phân biệt và "hiện lượng" cho nên tự tánh của cái thấy lúc nào cũng thanh tịnh vì thế tánh thấy chính là biểu hiện của chơn tâm. Vì chỉ là hiện lượng nên tánh thấy rất gần với bản chất thanh tịnh của chơn tâm hơn các hiện tượng khác cũng ví như vầng trăng chớ không điên đảo hư dối như bóng trăng soi trong đáy nước.

Các vị A la hán, chư Bồ-tát cũng như chư Phật và chúng sinh tuy có khác nhau về địa vị phàm thánh và công năng đối cảnh tuy rộng hẹp bất đồng, nhưng tất cả cũng đều đều

https://thuviensach.vn

thuộc về tánh thấy sáng suốt của hiện lượng trong tám thức. Tuy trời đất, vạn vật và hư không có nhiều hình sắc khác nhau, nhưng tánh thấy trước sau như một, không sai khác.

Ở đây chúng ta dùng tánh thấy để đơn cử công dụng phát thức của một căn. Nhưng thật ra, "tánh cảnh hiện lượng" cũng là đặc tính chung cho bốn căn còn lại là tai, mũi, lưỡi và thân. Khi một căn tác dụng thì bốn căn kia chỉ hoạt động trong một bối cảnh tùy duyên.

Phật Dạy Thêm Cái "Thấy" Là Tâm Chứ Không Phải Vật

Nếu tánh thấy là vật thì ông có thể thấy được tánh thấy của Như Lai. Nhưng sự thật thì không như vậy. Điều đó chứng minh rằng : tánh thấy không phải vật, mà là chủ thể phân biệt của chính ông. Sự thể quá rõ ràng, sao ông còn nghi ngờ cái chơn tánh của ông? Chơn tánh của ông, ông không tự nhận, vướng chấp pháp âm của Như Lai mà cầu thực chứng thì làm sao có được?

Phật trong đoạn kinh này đã giải thích rõ ràng rằng nếu vật thì bị thấy, còn tâm thì không bị thấy. Vì thế cái thấy là tâm nên không thể thấy tâm mình được. Thí dụ nếu chúng ta nhìn một trái cam để trên bàn thì trái cam là vật bị thấy mà mắt là căn để thấy. Tánh thấy chỉ tồn tại khi nào hiện lượng còn. Khi hiện lượng mất và tỷ lượng xuất hiện thì tánh thấy

https://thuviensach.vn

cũng tan biến theo có nghĩa là chơn tâm thanh tịnh không còn nữa mà được thay thế bằng tâm phân biệt chấp trước.

Con người có còn phiền não khổ đau cũng vì còn chấp tiền trần bên ngoài rồi sinh tâm phân biệt. Vì tâm phân biệt phát khởi nên có yêu, thương, giận, hờn, hơn, thua, phải quấy làm tâm họ chất đầy vọng tưởng. Con người vì đánh mất tâm thanh tịnh, tánh sáng suốt mà sống với tâm vọng tưởng mê lầm nên mãi quay cuồng lang thang lẫn thẫn trong sinh tử luân hồi. Ngược lại một người làm chủ bản tâm của mình tức là họ không chạy theo lục dục thất tình, không còn lệ thuộc vinh nhục khổ vui, khiến tâm không bị mê loạn sẽ có cuộc sống thanh thoát an vui tự tại. Bây giờ ông A Nan nghi "Cái Thấy" Có Lớn Nhỏ.

Ông A Nan bạch Phật :

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tánh thấy này nhất định là con chứ chẳng phải gì khác. Khi Như Lai và con xem cung điện Tứ thiên vương, mặt trời, mặt trăng, cái thấy này bao trùm cả cõi Ta bà. Khi quay về tịnh xá, con chỉ thấy khu đất già lam, đến trai đường chỉ còn thấy giới hạn của một căn phòng.

Thưa Thế Tôn! tánh thấy vốn khắp cùng một cõi, mà nay ở trong nhà chỉ thấy một gian phòng. Vậy tánh thấy lớn rút lại thành nhỏ hay do tường nhà ngăn chận làm cho đứt đoạn? Điều đó, con chưa hiểu, xin Phật từ bi chỉ dạy.

https://thuviensach.vn

Phật dạy : Trần Cảnh có Lớn Nhỏ, Tánh ”Thấy” không Lớn Nhỏ

Phật bảo A Nan!

- Tất cả các thứ trong ngoài, lớn nhỏ trên thế gian đều thuộc về tiền trần, ông không nên nói tánh thấy có giãn ra hay rút lại. Tánh thấy vốn trùm khắp ví như hư không. Nếu đặt cái đồ vuông thì dung tích hư không vuông, còn để vật tròn thì dung lượng khoảng hư không tròn. Nếu muốn hư không, không vuông, không tròn, chỉ cần bỏ đi những cái đồ khí mảnh ấy mà không cần có ý nghĩa phải loại bỏ tướng vuông tròn của hư không. Như lời ông hỏi : Khi vào phòng cái thấy bị rút lại, hay bị vách nhà ngăn đứt? Nghĩa đó không đúng. Nếu vào phòng nhỏ, cái thấy bị rút lại, vậy khi ông ngước xem mặt trời, phải chăng tánh thấy đã giãn ra để tiếp xúc với mặt trời? Nếu vào nhà bị vách cắt đứt, khi xoi một lỗ nhìn ra sao không thấy dấu nối?

A Nan! Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay lầm mình là vật, bỏ mất bổn tâm, bị vật xoay chuyển cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm tròn đầy sáng suốt, ngồi ở một chỗ mà đầu mảy lông có thể chứa trọn mười phương quốc độ.

Vật chất hay sự tướng trong thế gian có hình tướng lớn nhỏ khác nhau. Nào là dãy Hy mã lạp sơn, nào là tòa nhà cao

https://thuviensach.vn

nhất thế giới, nào là thành phố đông dân nhộn nhịp ở New york, ở Tokyo, ở Sài gòn, ở Bắc kinh. Ngày xưa máy bay nhỏ, bay gần; ngày nay máy bay Airbus 380 có thể chở trên năm sáu trăm người. Nói chung tuy thế giới hiện tượng thay đổi có hình tướng, kích thước, màu sắc không đồng cũng ví như hư không tùy theo đồ vật như ly, chén, chum, tách…mà biểu hiện theo hình thể vuông, tròn, dài, méo, sâu, cạn…nhưng thể tánh hư không thanh tịnh bản nhiên lan tỏa khắp thế giới chớ không bị hạn chế trong bất cứ một hình thức khuôn khổ nào. Vì tánh thấy là giác minh tức là cái tinh kiến nghĩa là tánh thấy lúc nào cũng ở trong phạm vi "hiện lượng" chớ không chuyển qua "tỷ lượng" và "phi lượng". Do đó không gian vật chất tuy có lớn có nhỏ, nhưng thể tánh vốn giống nhau, là chơn không diệu tánh lan rộng khắp mười phương thế giới.

Tánh thấy là bản chất thanh tịnh của chơn tâm nên thông suốt không ngăn ngại. Nhưng cảnh giới tiền trần bên ngoài làm cho tánh thấy bị ngăn ngại. Thật vậy thể tánh chơn tâm của chúng sinh lúc nào cũng thấu suốt khắp mười phương, nhưng sở dĩ chúng ta không thấu suốt cũng bởi vì tướng tiền trần làm khởi tâm phân biệt mà có sự ngăn ngại. Vì có sự ngăn ngại nên mới có to lớn, nhỏ bé và tướng trạng khác nhau. Con người vì còn bị vô minh che lấp, bị tướng tiền trần vọng tưởng làm ngăn ngại nên không sống được với chơn tâm, Phật tánh của mình nên tánh thấy cũng bị che lấp, ngăn ngại theo vì thế mà chúng sinh không thể thấy xa hay thấy về những kiếp đời quá khứ, hiện tại hay vị lai được. Trong khi đó các vị A la hán, chư Bồ-tát hay chư

https://thuviensach.vn

Phật vì luôn sống với chơn tâm thanh tịnh tức là tánh thấy được thông suốt, không ngăn ngại nên các ngài có thể thấy suốt được tam thiên đại thiên thế giới và tất cả những đời quá khứ, hiện tại và vị lai rất rõ ràng.

Từ nơi thể tánh chơn tâm, vì vô minh vọng động mới sinh ra có hư không thế giới, chúng sinh cùng các cảnh vật nên gọi là "mê mình là vật". Khi có cảnh vật rồi, con người cứ theo đó mà phân biệt tốt xấu, lớn nhỏ, mừng giận, thương ghét…nên nói "bị vật chuyển xoay". Đến khi hết vô minh vọng động, quay trở về với thể tánh chơn tâm thì các cảnh vật ấy không còn nữa cũng như người thức giấc chiêm bao thì cảnh chiêm bao kia hết, nên nói "xoay chuyển vật" là vậy. Trong sách vở Tây tạng có rất nhiều câu chuyện huyền thoại về những cao tăng đã dùng thần thông bay trên đỉnh núi tuyết hay có thể làm mưa, gọi gió…làm cho đại chúng rất khâm phục.

Thật ra trong Phật giáo những hiện tượng này rất thông dụng khắp mọi nơi chớ không nhất thiết chỉ có các vị tăng Tây tạng mới đạt được. Khi chúng sinh tu hành đến chỗ minh tâm kiến tánh hay niệm Phật đến chỗ Nhất tâm bất loạn thì tâm họ hoàn toàn sáng suốt, rất thanh tịnh và cái tâm này chính chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh. Khi tâm định thì trong họ tự nhiên thần thông ứng hiện cho nên họ có thể xoay chuyển vật rất dễ dàng. Khi cần, họ nhập vào đại định tức là tâm họ đã hòa trong càn khôn vũ trụ nên họ có thể chuyển mây thành mưa hay bay bổng trên không trung rất tự tại. Thật vậy, trong thế gian vũ trụ rộng

https://thuviensach.vn

bao la vô cùng vô tận cũng không ngoài cái chơn tâm của con người cho nên khi chuyển được vật tức là có thể nắm được càn khôn vũ trụ rồi. Tuy chúng ta ngồi đây, nhưng nó đã che phủ cả thập phương thế giới. Một ý niệm cứu nhân độ thế vừa phát khởi tức thì đã vang dội trong mười phương ngay. Vì thế chơn tâm là bản thể lan tỏa vô cùng vô tận và chính là cội nguồn sinh ra tất cả.

Nếu chúng sinh đoạn trừ vô minh phiền não, không còn chấp ngã chấp pháp quay về sống với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh, chuyển vật, làm chủ lấy mình và hòa nhập vào trong nhất nhân pháp giới. Tự nhiên họ sẽ thấy rằng vật, tâm bất nhị và chúng sinh, Phật cũng vốn không hai. Đó là tất cả là một và một là tất cả. Khi mê thì thấy có vật có tâm, có chúng sinh có Phật đến khi thức tỉnh giác ngộ thì vật tâm là một chẳng phải hai và tất cả chúng sinh đều là Phật. Khi thân tâm đã hoàn toàn sáng suốt thanh tịnh thì con người có được thần thông tự tại. Dựa theo Quảng hiệp tự tại vô ngại của Thập Huyền Duyên Khởi trong bộ Kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao và bộ Tham Huyền Ký của ngài Hiền Thủ thì một vật tuy nhỏ như đầu mảy lông có thể chứa cả càn khôn vũ trụ mà không chật hẹp. Nói một cách khác khi con người biết quay về sống với chơn tâm thì một sợi lông hay mười phương thế giới cũng đều là chơn tâm cả. Vì đã đồng chơn tâm, cùng một thể tánh thì sẽ không còn thấy thế giới lớn hơn sợi lông, hay sợi lông nhỏ hơn thế giới cho nên đức Phật mới dạy rằng:”Trên đầu một sợi lông, có thể chứa đựng mười phương thế giới” là vậy.

https://thuviensach.vn

Tánh Thấy Và Vật Bị Thấy Vốn Là Tâm Tánh Bồ Đề Nhiệm Mầu Sáng Suốt

Ông A Nan bạch Phật :

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu tánh thấy là tâm tánh mầu nhiệm của con thì diệu tánh đó phải ở ngay trước mắt (chấp sắc là ngã). Tánh thấy đó chắc thật là con, vậy thân tâm con hiện nay là vật gì? (chấp lìa sắc là ngã). Nhưng nay thân tâm con thật có sự phân biệt, còn tánh thấy kia không phân biệt được thân con (chấp ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã). Nếu thật là tâm con, khiến cho con nay thấy được, thì tánh thấy ấy thật là con, còn thân chẳng phải là con. Khác nào trước kia Như Lai hỏi : "vật có thể thấy được con chăng?" (chấp sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc). Cúi mong đấng đại bi chỉ bày cho kẻ chưa ngộ.

Đã bao lần Đức Phật khai thị rất rõ ràng mà ông A Nan vẫn còn mơ hồ trong nhận thức về cái tánh thấy nên mới đặt câu hỏi rằng tánh thấy là tâm tánh hay không là tâm tánh của ông. Sự mê mờ về tâm tánh cũng bởi vì A Nan nghe Phật khai thị, nếu có thể chuyển được vật, tức đồng với Như Lai, bèn phát nghi chấp vật là cái thấy. Vì nghĩ như vậy nên ông cho rằng tất cả vạn vật đều là tánh thấy sáng suốt của ông tức là vạn vật kia chính là ông rồi. Nếu cho rằng vạn vật là ông A Nan vậy thì thân tâm thật của A Nan là ai? có phải là của A Nan chăng?

https://thuviensach.vn

Đức Phật bảo A Nan!

- Nay ông nói cái thấy ở trước mặt ông, nghĩa ấy không đúng. Nếu tánh thấy thực sự ở trước mặt ông và ông nhận thấy được thì tánh thấy này đã có chỗ nơi, chẳng phải không chỉ ra được. Vậy nay Như Lai cùng ông ngồi trong rừng Kỳ đà, xem khắp rừng suối, nhà cửa, xa đến mặt trời mặt trăng, phía trước là sông Hằng. Nay ông đang ở trước tòa sư tử của Như Lai, hãy dùng tay chỉ rõ ra các tướng loại ấy. Chỗ mát là rừng cây, chỗ sáng là mặt trời, chỗ ngăn ngại là vách, chỗ thông suốt là hư không. Như thế cho đến cỏ cây, mảy lông lớn nhỏ tuy có sai khác, nhưng đã có hình tướng thì đều chỉ ra được. Nếu nhất định có cái thấy hiện ra trước mặt ông, thì ông phải dùng tay chỉ chính xác cái nào là cái thấy. A Nan! Ông nên biết, nếu hư không là cái thấy, mà đã thành cái thấy rồi thì cái gì là hư không? Nếu vật là cái thấy, đã thành cái thấy rồi thì cái gì là vật? Ông hãy chín chắn lựa chọn trong muôn vàn hiện tượng, tách tánh thấy nhiệm mầu thanh tịnh ấy ra và chỉ cho Như Lai xem cụ thể rõ ràng, như các vật mà không lầm lộn.

A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Nay con ở trong giảng đường nhìn ra xa thấy sông Hằng, trên thấy mặt trời mặt trăng. Cái mà tay chỉ ra được và mắt thấy được, đều là vật chớ không có cái nào là tánh thấy.

https://thuviensach.vn

Bạch Thế Tôn! Đúng như lời Ngài vừa dạy, chẳng những hàng Thanh văn, sơ học chúng tôi, cho dù hàng Bồ-tát cũng không thể nào trước các hiện tượng mà chỉ ra được cái thấy khi lìa tất cả vật mà có tự tánh riêng.

Phật bảo : Đúng thế! Đúng thế.

Tánh thấy là bản tâm thường trụ, không sinh diệt của mỗi chúng sinh và cái bản tâm này không thể trực nhận bằng nhục nhãn của con người. Nhục nhãn của chúng sinh thì thấy những sắc tướng hiện tượng bình thường, nhưng tánh thấy thì phải trực nhận bằng tâm hồn thanh tịnh, bằng trí tuệ sáng suốt và nó chỉ hiển bày khi tâm không còn lưu giữ bất cứ một trần cảnh phân biệt nào.

Tất cả những gì mà ông A Nan thấy được từ trong rừng Kỳ Đà cho tới rừng suối, nhà cửa, sông Hằng hay ngay cả hư không, mặt trời mặt trăng chỉ là ý thức sinh khởi phát xuất từ tâm phan duyên sinh diệt. Trong cuộc sống, tất cả những cảnh giới như thiên đường hạnh phúc, cõi cực lạc thanh tịnh thanh thoát an nhàn hay đau khổ đọa lạc như trong địa ngục đều do bản tâm của con người tác tạo. Chúng ta nghĩ thiện thì có cảnh thiên đường. Ngược lại chúng ta nghĩ ác, lợi mình hại người thì tâm bất an, sống trong lo âu sợ hải nên lúc nào cũng bị ám ảnh những hình ảnh kinh sợ nếu đây không là địa ngục thì còn là gì?

https://thuviensach.vn

Nói tóm lại, trong nhận thức của ông A Nan chỉ loanh quanh lẩn quẩn qua hình bóng của pháp trần và ý thức.
Tuy đã theo chân đức Phật rất nhiều năm và tất cả pháp đều rót vào tâm ông, nhưng ông chỉ nghe mà chưa có khái niệm vững vàng về thể tánh của kiến tinh minh giác nên mới phát sinh ra ý niệm nghi ngờ mà cho rằng:"tánh thấy là tâm tánh hay không là tâm tánh? và tánh thấy ở trước mắt hay không ở trước mắt?". Nếu ông A Nan cho rằng tánh thấy hiện ở trước mắt của ông mà ông thấy được thì tánh thấy đó chính là vật thể tức là nó có sắc tướng. Và nếu tánh thấy là vật thể thì lẽ ra ông A Nan phải chỉ được nó ở chỗ nào vì chỉ có vật thể mới thấy bằng mắt được. Nhưng tất cả những sự vật mà A Nan xem thì ông không thể chỉ ra được cái nào là tánh thấy. Do đó nếu nói rằng hư không thành ra tánh thấy thì còn cái gì mới là hư không. Thí dụ như dòng sông Hằng là tánh thấy thì còn cái gì mới là sông Hằng. Như thế tất cả những gì mà ông thấy được đều là vật chớ không có cái gì là tánh thấy cả.

Đến đây đức Phật mới đồng ý với ông mà cho rằng :

Không có vật nào là tánh thấy.

Đức Phật lại bảo A Nan :

- Như lời ông nói : Rời tất cả vật, tánh thấy không có. Trong tất cả vật chỉ ra được, không có cái nào là tánh thấy.

https://thuviensach.vn

Giờ đây ông cùng tôi ngồi trong rừng Kỳ đà này, ta hãy nhìn xem vườn rừng cho đến mặt trời, mặt trăng và vô vàn hình tượng, trong đó không có cái thấy để ông chỉ ra được. Vậy ông hãy phát minh trong các vật đó, cái nào không phải tánh thấy.

Ông A Nan bạch Phật rằng :

- Con xem khắp rừng Kỳ đà, tập trung tâm ý, quan sát tư duy, nhưng không tìm ra trong đó cái nào không phải tánh thấy. Vì sao? Nếu cây chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây. Còn nếu cây là cái thấy thì sao gọi là cây? Như thế cho đến nếu hư không chẳng phải là cái thấy thì sao gọi là hư không? Con nay suy nghĩ chín chắn và phát minh trong muôn vàn hiện tượng, không có cái nào là tánh thấy.
Phật bảo: Đúng thế! Đúng thế.

Một lần nữa để làm sáng tỏ tánh thấy thanh tịnh nhiệm mầu, Đức Phật lại dạy A Nan rằng ông hãy xem xét lại tất cả các sự vật, có cái gì ra ngoài cái thấy không? Sau khi xem xét kỹ lưỡng ông A Nan xác định là dù cho trăm ngàn sự vật, nhưng không có sự vật nào ra ngoài cái thấy vì nếu có sự vật nào ra ngoài cái thấy thì đã không thể thấy nó được. Phật lại đồng ý và kết luận rằng :
Không có một vật nào không phải là tánh thấy.

Phần trước Phật xác định là “không có vật nào là tánh

https://thuviensach.vn

thấy" nhưng phần này Phật lại nói là "không có một vật nào không phải là tánh thấy". Tại sao sự xác định của Đức Phật đối với ông A Nan lại mâu thuẫn lạ kỳ như vậy? Sự mâu thuẫn này chẳng những làm ông A Nan mà toàn đại chúng hoang mang dao động.

Trong thế giới của bản thể và hiện tượng thì chân lý "bất tức bất ly" nghĩa là bản thể tức là "không" và hiện tượng tức là "có" tuy không giống nhau nhưng không thể chia cắt, phân ly ra được. Nói thế có nghĩa là không có một hiện tượng nào trên thế gian này mà không ở trong bản thể và không có bản thể nào mà không biểu hiện qua hiện tượng. Đó chính là sắc tức là không và không tức là sắc bởi vì từ không mà duyên khởi thành sắc hay tất cả những cái có là từ cái không mà có. Thí dụ hiện tượng là sóng và bản thể thanh tịnh là nước yên lặng. Vì thế bản thể không rời hiện tượng tức là nước và sóng không thể tách rời nhau vì cùng là nước. Còn nếu nói hiện tượng không là bản thể tức là bỏ sóng tìm nước thì làm sao tìm thấy nước được. Tóm lại, nước không là sóng, nhưng nước không rời sóng cho nên nước và sóng là bất tức bất ly.

Nếu áp dụng chân lý "bất tức bất ly" vào trong trường hợp này thì tánh thấy tức là bản thể thanh tịnh còn tất cả những vật bị thấy như rừng kỳ đà, mặt trời mặt trăng, sông Hằng đều là hiện tượng. Nhưng tánh thấy và vật bị thấy không thể tánh rời nhau cũng như sóng không thể rời nước. Do đó nếu đứng về phương diện hiện tượng mà nói thì không có

https://thuviensach.vn

vật nào là tánh thấy vì chúng là sóng nước thay đổi sinh diệt. Còn nếu đứng về bản thể thanh tịnh mà nói thì không có vật nào là không có tánh thấy vì bây giờ chúng ta không còn nhìn sóng nước bên ngoài mà quay về nhìn thấu suốt thể tánh nước thanh tịnh bên trong. Đây là thế giới vô vi thanh tịnh nghĩa là thế giới của bản thể chân như thì tất cả đều là chơn không diệu tánh. Vì là chơn không diệu tánh nên tất cả sự vật đều có tánh thấy như nhau.

Không thông hiểu lời Phật không có nghĩa là Phật nói sai, nói dối vì Đức Phật lúc nào cũng thể hiện qua câu : ”Như Lai thị chơn ngữ giả, thật ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cuồng ngữ giả” nghĩa là lời nói của Phật là chân chính, là thành thật, không tráo trở và không bao giờ dối trá.

Bồ Tát Văn Thù Cầu Phật Thương Xót :

Phật Dạy : Tánh Thấy Không Có “Cái Thấy” Hay “Bị Thấy” (Thị, Phi Thị)

Bấy giờ trong đại chúng, những vị chưa chứng quả vô học, nghe Phật nói lời này, mờ mịt chưa hiểu thế nào, sanh lòng sợ hãi, không giữ được chánh niệm.

Trên bước đường tu học nếu người đệ tử Phật vừa mới nhập môn tu học cho đến các vị chứng được ba quả đầu tiên của hàng Thanh văn là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm và A Na Hàm thì được gọi là hàng hữu học. Hữu học có nghĩa là

https://thuviensach.vn

còn phải học giáo lý, học chánh pháp để có thể diệt trừ phiền não vô minh mà có giải thoát giác ngộ. Nói cách khác, hữu học có nghĩa là còn có vô minh, còn có phiền não. Chỉ có những vị đã chứng quả A La Hán thì mới được gọi là hàng vô học. Vô học có nghĩa là đã chứng được vô sanh pháp nhẫn tức là các vị đó tự mình nghiệm chứng được vạn pháp sanh không thật sanh và khi vạn pháp diệt thì cũng không thật diệt. Khác với chúng sinh là khi thấy vạn pháp sanh thì tin chắc là vạn pháp sanh và khi thấy vạn pháp diệt thì nghĩ rằng vạn pháp sẽ biến mất nên không diệt trừ hết ưu bi khổ não làm tâm bất tịnh.

Trong cuộc sống hằng ngày, nếu chúng sinh không thông hiểu lý duyên khởi bằng cách dùng trí tuệ sáng suốt của mình để quán chiếu sự sinh diệt của vạn pháp mà chỉ dùng nhãn quan của mình thì chắc chắn tâm mình sẽ thăng trầm theo sự biến dời của vạn pháp. Thí dụ thấy một người chết, lòng đau xót vì thấy cảnh sinh ly tử biệt. Nhưng thật ra đâu có ai thật chết đâu mà sợ. Chết là để đổi thân cũ lấy thân mới vì khi nhân duyên hết thì mọi liên hệ thế gian cũng chấm dứt. Anh em, cha mẹ, vợ chồng, con cái mỗi người đi mỗi ngã tùy theo nhân duyên và nghiệp quả của họ. Vì thế con người, vạn vật thế gian chẳng khác gì vầng mây tan hợp, đến rồi đi, chia biệt để tương phùng.

Như Lai biết đại chúng lo sợ, khởi lòng thương xót an ủi A Nan và đại chúng :

- Các thiện nam tử! Bậc vô thượng pháp vương, lời nói

https://thuviensach.vn

chân thật, đúng như tánh chơn như, không dối gạt và lừa đảo quanh quẩn như bốn thứ nghị luận bất tử của bọn Mạt Già Lê. Các ông hãy suy nghĩ chín chắn, chớ phụ lòng thương xót của Như Lai.

Nghị luận bất tử là lối lý luận chẳng đi về đâu, nói sao cũng được, miễn sao vừa lòng người nghe bất chấp lời nói đó đúng hay sai. Đây là lời nói ba phải, lừa dối quanh co, không chân thật. Ngược lại đức Phật là bậc vô thượng pháp vương vì lời nói của Ngài là chân lý, là chánh pháp.

Bấy giờ Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, thương xót hàng tứ chúng, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đảnh lễ Phật, chắp tay cung kính thưa rằng :

- Bạch Thế Tôn! Đại chúng đây không hiểu được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa "phải" và "không phải" của "tánh thấy" và "sắc không". Bạch Thế Tôn! Nếu những hiện tượng sắc không tiền cảnh là cái thấy thì lẽ ra có chỗ chỉ ra được. Nếu không là cái thấy thì lẽ ra không thể thấy. Nay đại chúng không hiểu nghĩa ấy do đâu, nên mới kinh sợ, chớ không phải vì thiện căn nhiều đời ít ỏi. Kính mong Như Lai thương xót phát minh chỉ rõ các vật tướng ấy và cái thấy vốn là thứ gì mà rời ngoài các ý nghĩa "phải" hay "không phải" như vậy?

Phật bảo Bồ-tát Văn Thù và đại chúng :

https://thuviensach.vn

- Thập phương Như Lai và các đại Bồ-tát tự trụ tam ma đề, thì cái "thấy" , cái "bị thấy" và các nhớ nghĩ, tưởng tượng đều như hoa đóm trong không chẳng có thật. Bản thể của chúng vốn là tâm tánh Bồ-đề nhiệm mầu, thanh tịnh sáng suốt, cho nên trong đó không có vấn đề "phải" hay "không phải"?

- Tự trụ tam-ma-đề là thiền cao nhất trong Phật giáo. Nó chính là Như Lai thanh tịnh thiền có nghĩa là tâm của Như Lai lúc nào cũng trụ vào trong đó để thấy rằng vạn pháp duyên sanh như huyễn nên tất cả những bất tịnh của thế gian như tài, sắc, danh, lợi không bao giờ lọt vào trong tâm tưởng của Như Lai. Trong Phật giáo nếu thiền giả ngồi đếm hơi thở hay là thiền quán bất tịnh thì đây là thiền đối trị tức là thiền để điều thân. Còn thiền Sam-ma-tha là thiền Chỉ dùng để ngăn chận vọng tưởng tức là điều tâm. Còn ở đây Như Lai đã qua khỏi điều thân và điều tâm nên thiền của Như Lai gọi là tự trụ tam-ma-đề nghĩa là thiền mà không cần phải ngồi, phải đi hay nằm gì cả mà lúc nào tâm cũng hằng thanh tịnh. Tại vì bất cứ bốn oai nghi của Ngài đều là thiền vì thiền đây chính là thiền trong tâm chớ không phải là thiền ở bên ngoài. Thiền có nghĩa là không còn tánh tham tật đố, không còn tâm sân hận, không còn lòng si mê, không cần tài sắc danh lợi làm vẫn đục thanh tâm của mình.

https://thuviensach.vn

Này Văn Thù! Nay tôi hỏi ông : Như ông là Văn Thù, có đúng là Văn Thù hay chẳng phải là Văn Thù?

- Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn. Chính con là Văn Thù thì không thể nói "thật Văn Thù" được. Vì nếu nói "thật Văn Thù" thì phải nói có ông Văn Thù giả (thứ hai). Song con đã là Văn Thù rồi thì không thể nói "thật" hay "không thật" được.

Đức Phật bảo :

- Tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt này cùng với hư không và tiền trần cũng lại như vậy. Vốn là chơn tâm viên mãn thanh tịnh vô thượng giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu, nhưng vọng làm ra sắc không và thấy nghe. Ví như mặt trăng thứ hai, thì cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải mặt trăng. Này Văn Thù, chỉ có một mặt trăng thật. Trong đó không có cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng. Thế nên nay ông hãy xem cái thấy và trần cảnh cùng các thứ phát minh ra được đều là vọng tưởng, trong ấy không thể chỉ ra nghĩa phải và chẳng phải. Bởi do tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu ấy, nên khiến ông vượt ra ngoài cái chỉ ra được và cái chẳng chỉ ra được vậy.

Có ba điều kiện để tạo thành "cái thấy".

1) Có mắt mà không có vật, màu sắc hay đối tượng thì không thành cái thấy.

https://thuviensach.vn

2) Có vật hay đối tượng mà không có mắt thì cũng không thành cái thấy.
3) Bây giờ có mắt, có vật mà không có tánh thấy thì cũng không thành cái thấy.

Do đó muốn có cái thấy thì phải có mắt, có đối tượng và điều quan trọng nhất là phải có tánh thấy thì cái thấy mới thành tựu được.

Trong kinh này "thị" nghĩa là cái thấy và "phi thị" nghĩa là sắc không tức là trần cảnh bên ngoài. Vì nó là trần cảnh bên ngoài nên "phi thị" là cái bị thấy. Vậy cái thấy là căn mắt của con người và cái bị thấy là tất cả những cảnh vật, hình tướng, màu sắc bên ngoài mà mắt có thể thấy được. Như thế "phi thị" là những thứ như nhà cửa, xe cộ, núi cao, rừng thẳm, mặt trời, mặt trăng…và con mắt là cái thấy những hiện tượng này nên con mắt là "thị". Vậy tất cả những hiện tượng trên thế giới hữu vi này không ra ngoài thị và phi thị.
Khi chư Phật mười phương và các chư đại Bồ-tát nhập vào tam-ma-địa nghĩa là các ngài nhập vào trong chánh định thì tất cả những ý niệm thiện ác, tốt xấu, hơn thua, phải quấy tan biến mà trở về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên nghĩa là họ đang sống với bản lai diện mục tức là chơn tâm, là Phật tánh. Khi đạt đến trình độ này thì căn của mắt hay trần cảnh bên ngoài tức là cái thấy và cái bị thấy cũng không còn làm tâm của họ bị dao động nữa. Dựa theo nguyên lý bất nhị hay vào pháp môn không hai thì phiền não tức Bồ-

https://thuviensach.vn

đề, sinh tử tức Niết bàn. Vì sao? Một khi chúng sinh biết hóa giải tất cả những hệ lụy của phiền não trần cấu thì Bồ-đề hiển hiện vì phiền não, Bồ-đề là song lập, cùng tồn tại bất khả phân ly chớ không phải phiền não ở trong tâm còn Bồ-đề ở một nơi khác.

Thêm nữa, trên con đường giải thoát giác ngộ, người đệ tử Phật cũng cần nhận thức cho rõ ràng rằng một khi chúng sinh đã đoạn trừ mọi phiền não để có tâm thanh tịnh, nhưng nếu chúng sinh vẫn còn chấp vào sự thanh tịnh này tức là chúng sinh vẫn còn chấp pháp. Nếu tâm vẫn còn chấp cho dù đó là chấp ngã hay chấp pháp thì tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh vì thế những vị A la hán tuy đã phá được chấp ngã nhưng chấp pháp vẫn còn nên Niết bàn mà họ có chỉ là hóa thành (tạm thời) chớ chưa phải là bảo sở (hoàn toàn) như chư Bồ-tát hay chư Phật.

Chơn tâm vốn không hai nên không còn thị và phi thị đối đãi cũng như ngài Văn Thù không thể nói "thật" hay "không thật" được vì chỉ có một Văn Thù còn nếu nói có hai Văn Thù thì chẳng lẽ một thân mà có tới hai Văn Thù hay sao? Tánh thấy thì lúc nào cũng sáng suốt thanh tịnh trong khi đó thị và phi thị là những tướng trạng nằm bên ngoài. Do đó con người chỉ có một tánh thấy cũng như chỉ có một Văn Thù.

Lúc đưa tay lên dụi mắt thì khi nhìn mặt trăng chúng ta thấy có tới hai mặt trăng, nhưng trong tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu không có chứa mặt trăng giả hay mặt trăng thật

https://thuviensach.vn

cũng như trong bản tánh chân như cũng không chứa cái thấy và cái bị thấy. Vì tất cả những hiện tượng của thế giới hữu hình mà mắt thấy làm tâm khởi niệm phân biệt chỉ là vọng tưởng phát khởi. Nhưng tất cả những vọng thức phân biệt cũng trở về với bản tâm thanh tịnh của chính mình cũng ví như ra biển chúng ta thấy những bọt nước lao xao trên những làn sóng, nhưng tựu trung những bọt biển này cũng chính là nước biển bởi vì bọt biển, sóng biển cũng từ nước biển mà ra. Con người vì chạy theo hình tướng, văn tự mà bị chấp chặt trong đó nên quên mất đi bản tâm trong sạch thanh tịnh vốn đã có sẳn trong họ vì chơn tâm vượt ra ngoài sự đối đãi và nói năng phân biệt nên không thể nói "phải" hay "không phải". Do đó nếu chúng sinh biết rời xa "thị" và "phi thị" tức là rời xa "cái thấy" và "cái bị thấy" thì họ sẽ quay về sống với chơn tâm, với bản lai diện mục của chính mình.

Hằng ngày con người sống dựa theo lục căn của mình, nhưng thật ra nếu dựa vào một khía cạnh là cái lục căn làm cho con người thấy, nghe, hay, biết, ngửi, nếm để biến hóa cuộc đời thêm nhức đầu, phiền não khổ đau thì còn một khía cạnh khác là cũng cái lục căn đó mà bây giờ lại giúp cho con người hưởng được những giây phút an vui thoải mái tự tại. Đây mới là mặt thật của lục căn và nó chính là bản lai diện mục có sẳn trong tất cả mọi người. Bản lai diện mục của chúng sinh vốn trong trắng hiền lành, an nhiên tự tại, chẳng vướng vô minh và cũng không còn phiền não. Vì thế khi tâm không còn phân biệt đối đãi,

https://thuviensach.vn

không còn thị và phi thị, không còn phải hay không phải thì tất cả những ý niệm của cái thấy và cái bị thấy sẽ hoàn toàn biến mất. Lúc ấy chơn tâm hiển bày, tự tánh biểu lộ vì con người đang sống với bản thể nhất chân tức là một là tất cả và tất cả tức là một vậy.

https://thuviensach.vn

Cuốn Một
Chương Thú Tư - A Nan Nghi "Chơn Tâm" Đồng Với Thuyết "Tự Nhiên" Của Ngoại Đạo

A Nan bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Đúng như lời pháp vương dạy : tâm tánh cùng khắp mười phương thế giới, yên lặng thường trụ, không có sinh diệt. Song nếu đem lời dạy này, so sánh với thuyết của Phạm Chí Sa Tỳ Ca La về "minh đế" và thuyết của bọn ngoại đạo Đầu Khôi về "chân ngã" khắp cùng, khác nhau chỗ nào?

Vào thời Đức Phật còn tại thế đã có trên 96 tôn giáo với rất nhiều giáo điều khác nhau. Vì thế không có gì ngạc nhiên trước khi thời Đức Phật đã có và ngay cả vào thời với Đức Phật cũng có rất nhiều dị phái triết gia đưa ra những chủ thuyết để giải thích nhân sinh và vũ trụ quan dựa theo sở kiến của họ. Chủ thuyết thì nhiều, nhưng đại để có những tư tưởng chính như sau :

1) Nhóm phạm chí Satìcala : Nhóm này chủ trương rằng có một minh đế tạo ra vạn vật trên thế gian này. Minh đế là một đấng thiêng liêng có công năng sáng tạo ra tất cả vạn vật mà con người không thể thấu biết được mà nhóm này gọi là đại ngã. Còn tất cả chúng sinh trong thế gian này là tiểu ngã. Do đó minh đế sinh ra tiểu ngã và sự tiến hóa cùng cực của tiểu ngã sẽ nhập vào đại ngã này. Chính Đức

https://thuviensach.vn

Phật không hề nói đến tiểu ngã hay đại ngã vì giáo lý Đức Phật dạy chúng sinh phá cho được ngã chấp và pháp chấp thì tâm sẽ được an trụ vĩnh viễn nơi tự tánh Niết bàn.

2) Nhóm thứ hai lại chủ trương thần ngã : Nhóm này có tên là "Đầu Khôi" và họ tin rằng từ thần ngã mới sinh ra vạn vật bao gồm cả con người.

3) Nhóm thứ ba đề xướng thuyết "Tự Nhiên" : Họ lý luận rằng vạn vật trên thế gian này tự nhiên sinh chớ không có nguyên nhân hay quả báo gì cả. Cùng thời với Đức Phật, ở Trung Hoa có Lão Tử cũng đề xướng thuyết "Tự Nhiên" như vậy. Thuyết này lý luận rằng con người, vạn vật, thế gian vũ trụ tự nhiên sinh, tự nhiên diệt, tự nhiên có mưa, tự nhiên có nắng. Thử hỏi nếu không ăn con người có tự nhiên được no không? Không đi làm tự nhiên tiền của có vào nhà mình không? Không học, không nghiên cứu tự nhiên có biết được không? Đức Phật phủ nhận hoàn toàn thuyết này mà đưa ra thuyết duyên khởi, nhân quả luân hồi. Đó là con người bây giờ là thọ báo của những tác nhân mà chính họ đã tạo ra từ những kiếp quá khứ chớ không phải tự nhiên mà có hay do trời đất nào tạo ra cả. Có trồng cây mới có trái, có ăn mới được no, làm ác thì phải thọ báo quả dữ còn làm lành thì được hưởng phước, thế thôi.

4) Nhóm thứ tư chủ trương tôn sùng Phạm thiên vì chỉ có Phạm thiên mới có đủ công năng sinh ra muôn loài vạn vật. Đó là những tôn giáo

https://thuviensach.vn

chủ trương "Thiên chủ tạo vật" có nghĩa là tất cả nhân sinh vạn vật đều do một đấng Thượng đế tạo ra. Ở Ấn Độ có đạo Bà la môn, ở trung Đông và thế giới Tây phương có đạo Thiên chúa giáo và đạo Tin lành.

Nếu đứng về mặt hiện tượng tức là thế giới hữu hình thì vạn pháp là do nhân duyên sanh. Phật giáo đối với nhân sinh quan và vũ trụ quan tức là thế giới hữu vi có một giải thích rất rõ ràng vì tất cả chỉ là những hiện tượng trong pháp giới duyên khởi. Duyên khởi là pháp tắc phổ biến về tính nhân quả. Tất cả mọi pháp tồn tại đều là duyên khởi chẳng hạn to lớn như trăng sao hoặc nhỏ như vi trần, một cành hoa, một cọng cỏ không có pháp nào không là pháp duyên khởi. Đó là "Cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh. Cái này không nên cái kia không và cái này diệt nên cái kia diệt".

Còn đứng bên mặt bản thể chơn như thì Phật giáo chỉ chú trọng vào "Pháp nhĩ như thị" nghĩa là vạn vật thế gian thế nào thì biết như thế đó thì tâm sẽ an tịnh mà không cần phải thêm ngã kiến hay tâm phân biệt vào. Bởi vì tất cả vạn pháp duyên danh như huyển nên chẳng có cái gì là thật cả vì tất cả sinh diệt thay đổi theo luật vô thường vô ngã. Đức Phật dạy rằng : "Phi nhơn duyên, phi tự nhiên, phi hòa, phi hợp, pháp nhĩ như thị" nghĩa là vạn pháp chẳng do nhân duyên, cũng chẳng tự nhiên sanh, cái này hòa hợp với cái khác cũng không đúng mà thật ra vạn pháp sinh ra như thế nào thì phải thấy biết như thế ấy.

https://thuviensach.vn

Lúc ở núi Lăng Già, Thế Tôn dạy cho ông Đại Huệ rằng : Bọn ngoại đạo thường nói "tự nhiên" còn Phật thì nói "nhân duyên". Con nay suy nghĩ cái tâm tánh vốn tự nhiên vì nó không phải sanh cũng không phải diệt. Nó xa rời tất cả điên đảo hư vọng. Con nghĩ cái tự nhiên này khác với thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo. Xin Thế Tôn khai thị cho chúng con để được tâm tánh sáng suốt, khỏi rơi vào tà kiến.

Nếu đã nói đến thuyết tự nhiên thì tất cả đều là tự nhiên đâu có lý do gì mà thuyết tự nhiên của ngoại đạo lại sai còn thuyết tự nhiên của Đức Phật lại đúng. Tại núi Lăng Già, Đức Phật đã bác bỏ thuyết tự nhiên của ngoại đạo vì trên thế gian này chẳng có cái gì tự nhiên mà có vì tất cả vạn pháp là do nhơn duyên sinh ra. Nhưng ông A Nan khi nghe Phật nói thuyết nhơn duyên cũng chưa phải là đệ nhất nghĩa tức là thế giới bản thể chơn như vì thuyết nhân duyên chỉ đúng đứng về mặt hiện tượng vạn hữu tức là của thế giới hữu vi. Còn đứng về mặt bản thể chơn như thì phi nhơn duyên, phi tự nhiên, phi hòa, phi hợp, pháp nhĩ như thị mới là chân lý. Vì sao? Nếu đứng về bên "Tục đế" mà quan sát hiện tượng vạn hữu qua cái lý "nhơn duyên sanh" thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng đối với Phật giáo mà nó còn đúng sự thật với cuộc đời, đúng với tất cả những quy luật khách quan của thế giới hiện tượng.
Tuy nhiên, nếu đứng bên "Chơn đế" mà nhìn nghĩa là tư duy quán chiếu rộng rãi hơn để quán triệt căn nguyên,

https://thuviensach.vn

xuyên suốt bản thể của tất cả hiện tượng vạn hữu thì hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể và bản thể nào cũng không ngoài hiện tượng. Cũng như sóng nào cũng là sóng của thể nước yên lặng, nhưng sóng và thể nước yên lặng cũng đều là nước, bất ly mà bất tức. Nói cách khác, tâm chỉ có một, nhưng khi tâm động thì từ bản tâm vô vi thanh tịnh biến thành thế giới hiện tượng, ngược lại nếu tâm tịnh thì thế giới hiện tượng biến mất mà được thay vào bằng sự thanh tịnh an lạc của Niết bàn. Ông A Nan một lần nữa lại hiểu lầm thế giới hiện tượng hữu hình và thế giới của bản thể chân như nên ông đem thuyết nhơn duyên của thế giới hữu vi mà so sánh với bản thể chơn tâm tức thế giới vô vi thanh tịnh. Như thế thì làm sao đúng được.

Phật dạy rằng :

- Nay Như Lai dùng phương tiện chỉ dạy như vậy mà ông còn chưa tỏ ngộ, lại lầm là "tự nhiên". Này A Nan! Nếu là tự nhiên thì ông thử chứng minh cái gì là tự thể của cái tự nhiên ấy? Ông hãy xét kỹ tánh thấy nhiệm mầu lấy cái gì làm tự thể? Lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể? Lấy rỗng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể?

A Nan! Nếu lấy sáng làm tự thể lẽ ra không thấy được tối. Nếu lấy rỗng làm tự thể lẽ ra không thấy được ngăn bít. Bởi vì nếu lấy sáng làm tự thể thì khi đến khi tối tánh thấy đã diệt mất đi rồi làm sao thấy được tối?

https://thuviensach.vn

Tự nhiên ở đây không có nghĩa là từ trên trời rơi xuống mà bất cứ cái tự nhiên nào cũng phải có cái tự thể tức là bản tánh chân thật nằm bên trong. Thí dụ một này nọ cả cha lẫn mẹ đều đi làm về trễ. Khi vừa mở cửa vào họ đã ngửi mùi thơm của nồi cơm cùng thức ăn dọn sẵn trên bàn. Quá ngạc nhiên họ hỏi đứa con gái mới lớn rằng ai dạy con nấu cơm ngon quá vậy? Đứa bé gái trả lời : ”Tự nhiên con làm chớ có ai dạy con đâu”. Vậy thế nào là tự nhiên? Tự nhiên dựa theo lời đứa bé gái là tuy không có người trực tiếp chỉ cách nấu nướng, nhưng đứa bé gái trong quá khứ đã bao lần học cách nấu nướng từ người mẹ bằng cách quan sát và để ý. Vậy cái khả năng để đứa bé gái có thể nấu, mà cháu gọi là tự nhiên thật ra chỉ là cái kinh nghiệm cháu đã có sẵn trong tâm thức của mình mà nhà Phật gọi là tự thể. Nếu không có những kinh nghiệm này chắc chắn đứa bé gái không thể nào “tự nhiên” mà nấu những món ăn ngon giống mẹ nó được.

Nếu lý luận như vậy thì tự thể của tự nhiên là gì? Thí dụ như tự thể của mặt trời là sáng tức là không bao giờ có tối. Khi có mặt trời là có ánh sáng và không có mặt trời thì bóng tối mới xuất hiện. Nhưng ở đây tánh thấy đâu có tự nhiên được. Tại sao? Bởi vì nếu tánh thấy cũng giống như tự nhiên thì khi sáng không thấy được tối hoặc khi trống rỗng không thể thấy ngăn bít. Nhưng tánh thấy có thể thấy ánh sáng mặt trời và cũng có thể thấy được bóng tối ban đêm. Hoặc tánh thấy có thể thấy được trống rỗng cũng như ngăn bít. Nếu nói tự thể của tánh thấy là xanh thì nó không

https://thuviensach.vn

thể thấy được màu đỏ hay màu hồng, nhưng tánh thấy thì thấy tất cả mọi sắc mọi màu. Do đó tánh thấy không thể gọi là tự nhiên được.
A Nan bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Tánh thấy nhiệm mầu này chắc không phải tự nhiên. Nay con phát minh tánh thấy do "nhân duyên" sanh. Xin Như Lai dạy cho, con phải hiểu thế nào cho hợp với tánh "nhân duyên" của Phật?

Phật dạy :

- Ông nói tánh thấy do nhân duyên. Vậy tôi hỏi ông : Tánh thấy đó, nhân sáng mà thấy hay nhân tối mà thấy? Nhân trống không mà thấy hay nhân ngăn bít mà thấy? Nếu nhân nơi sáng mà có thấy thì lẽ ra không thấy được tối. Nếu nhân nơi tối mà có thì đáng lẽ chẳng thấy được sáng. Như thế cho đến nhân nơi hư không, nơi ngăn bít cũng giống như sáng và tối. Lại nữa A Nan! Cái thấy này lại duyên nơi sáng mà có thấy hay duyên nơi tối mà có thấy? Duyên nơi hư không mà có thấy hay duyên nơi ngăn bít mà có thấy? A Nan! Nếu duyên nơi hư không mà có thấy, lẽ ra không thấy chỗ bít lấp; nếu duyên nơi bít lấp mà có, lẽ ra không thấy nơi hư không. Như thế cho đến duyên nơi sáng, duyên nơi tối cũng giống như hư không và bít lấp.

A Nan! Ông nên biết : tánh thấy nhiệm mầu, sáng suốt, không phải "nhân" không phải "duyên", không phải "tự

https://thuviensach.vn

nhiên" không phải "không tự nhiên"; không có cái "phải" hay "không phải". Nó rời tất cả tướng, nhưng nó không ngoài tất cả pháp. Ông đem các danh tướng hí luận thế gian mà nhận thức phân biệt chẳng khác lấy tay nắm bắt hư không chỉ thêm nhọc sức chớ hư không làm sao để ông bắt được.

Sau khi bị Phật bác bỏ thuyết tự nhiên, bây giờ ông A Nan quay sang thuyết nhân duyên để so sánh với tánh thấy. Thuyết nhân duyên là đứng về mặt hiện tượng vạn hữu nghĩa là thế giới hữu vi sinh diệt tức là sự tướng trong khi đó tánh thấy thuộc về mặt bản thể chơn như tức là thế giới thật tướng vô tướng thì làm sao so sánh được. Do đó nếu muốn biết được tánh thấy nhiệm mầu thì ông A Nan phải lìa sự tướng sinh diệt mà quay về với bản thể chơn như, phải lìa xa ngôn thuyết sắc tướng thì thức tâm không còn chỗ bám víu vào tâm phan duyên thì chơn tâm, Phật tánh mới có thể hiện bày.

Trong Nhiếp Đại Thừa luận có câu chuyện "Kẻ mù rờ voi". Người thứ nhất rờ nhằm cái chân thì nói con voi như cột nhà, người khác rờ nhằm lỗ tai thì nói con voi như cái quạt và người mù thứ ba rờ nhằm cái đuôi thì nói con voi như cây chổi quét nhà…Do đó, nếu những người mù kia không thấy được chân tướng của con voi, cho dù có rờ trúng, thì họ nói cách nào cũng sai cả.

Vậy nên biết nếu con người chưa ngộ được thể tánh chơn

https://thuviensach.vn

tâm thì cho dù nói cách nào cũng sai. Vì thế mà trong kinh Duy Ma Cật khi được hỏi về chứng nhập nguyên lý bất nhị, ông Duy Ma Cật chỉ biết lặng thinh. Sự im lặng của ông tức là ông không còn dựa vào hình tướng sinh diệt của thế gian mà diễn tả sự tịch diệt của thế giới vô vi thanh tịnh được. Biết mà không nói được thì đây mới là cái biết tột cùng rốt ráo vậy.

A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh giác nhiệm mầu này chẳng phải nhân chẳng phải duyên, tại sao Thế Tôn thường chỉ dạy các Tỳ kheo : tánh thấy thường đủ bốn thứ nhân duyên, nghĩa là nhân nơi hư không, nhân nơi sáng, nhân nơi tâm và nhân nơi mắt. Nghĩa ấy thế nào?

Phật bảo A Nan :

- Như Lai nói các tướng nhân duyên trong thế gian, chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Đức Phật dùng pháp thế gian để dạy chúng tỳ kheo bốn pháp nhân duyên để họ quán chiếu tu hành. Nhưng đây chỉ là phương tiện để dạy chúng đệ tử trong giai đoạn đầu vì giáo pháp này không giúp họ thấy được thật tướng vạn pháp nên Đức Phật mới nhấn mạnh đây không phải là đệ nhất nghĩa. Nhưng ông A Nan lại lấy giả làm chân nên áp dụng sai lầm cũng như thuốc tuy có hay mà không trị đúng

https://thuviensach.vn

bệnh thì chẳng những không có giá trị mà còn tai hại thêm. Sự huyền diệu của giáo lý Đức Phật là không cứng ngắc cố định, mà tùy duyên hóa độ chúng sinh. Đó là có khi Phật nói "khai" và cũng có khi Ngài nói "hợp". Khi căn cơ chúng sinh còn thấp thì Đức Phật dạy Tứ Diệu Đế nghĩa là có Khổ, Tập, Diệt, Đạo tức là khai. Khi chúng sinh đã thấu hiểu thế giới hữu vi sinh sinh diệt diệt thì bây giờ Đức Phật lại phủ định không có cái gì là Tứ Diệu Đế cả mà chỉ còn lại Tam Đế để chuyển tâm thức con người sang một hệ tư tưởng mới là tánh Không. Đó là Chân Đế, Tục Đế và Trung Đạo Đế nghĩa là Ngài chuyển từ khai đến hợp tức là gom lại. Sau đó Ngài lại nói bây giờ không còn Tam Đế mà chỉ là Nhị đế tức là Chân Đế và Tục Đế. Đến đây chúng sinh đã thấu hiểu giáo lý tối thượng thừa thì Đức Phật lại nói rằng không có cái gì là Nhị Đế cả mà chung quy chỉ có Đệ Nhất Nghĩa Đế mà thôi tức là trăm sông cùng đổ về biển lớn đó là Nhất thừa Phật đạo vậy.

A Nan! Các người thế gian khi họ nói : "tôi thấy". Vậy thế nào họ gọi là thấy, thế nào gọi là không thấy?

A Nan thưa :

- Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng hoặc đèn mà thấy các sắc tướng, họ gọi đó là thấy. Nếu không có các thứ ánh sáng đó, họ gọi là không thấy.
Phật bảo :

https://thuviensach.vn

- Nếu lúc không có ánh sáng mà gọi là không thấy thì lẽ ra lúc đó không thấy tối. Nếu đã thấy tối thì đó chỉ là không sáng, chớ không phải không thấy. Nếu lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy thì lúc sáng không thấy tối cũng nên gọi là không thấy. Vậy thì sáng tối cả hai đều là không thấy!

A Nan! Thực tế không phải vậy. Tối và sáng tự lấn át nhau, tánh thấy của ông chẳng có lúc tạm không. Như thế đủ biết trong cả hai trường hợp đều gọi là thấy. Sao gọi là không thấy?

Thế nên A Nan! Nay ông phải biết, khi thấy sáng thì cái thấy không phải là sáng, khi thấy tối thì cái thấy không phải là tối, khi thấy hư không thì cái thấy không phải là hư không, khi thấy ngăn bít thì cái thấy không phải là ngăn bít. A Nan! ông lại nên biết, khi ông thấy được tánh thấy thì tánh thấy không phải là cái bị thấy. Tánh thấy còn vượt xa cả cái thấy và cái thấy còn không thể bắt gặp được tánh thấy. Tại sao ông còn nói nhân duyên tự nhiên và tướng hòa hợp?

Các ông là hàng Thanh Văn, kiến thức hẹp hòi thiếu hiểu biết, không thông đạt được thật tướng thanh tịnh. Nay Như Lai chỉ dạy, ông khéo suy nghĩ, không được biếng trễ trên đường Bồ-đề!

Tánh thấy thì lúc nào cũng có. Có ánh sáng hay không có ánh sáng thì tánh thấy vẫn còn đó vì nếu không có ánh sáng thì bây giờ thấy bóng tối chớ đâu phải không thấy gì

https://thuviensach.vn

hết. Con người thế gian thường lầm lẫn là phải có sắc tướng mới gọi là thấy. Vì khi thấy sáng thì con người tin chắc là thấy còn ban đêm thì họ nghĩ rằng không thấy chi hết. Thật ra khi thấy sáng thì chúng sinh không thấy tối và ngược lại khi thấy bóng tối thì dĩ nhiên con người không thấy ánh sáng. Tuy ánh sáng và bóng tối thay đổi theo không gian và thời gian, nhưng tánh thấy lúc nào cũng còn ở đó, không thay đổi. Cũng như mặt trời lên, áng sáng ban mai dần dần lấn áp màn đêm đen hút nhưng tánh thấy trước sau như vậy, không thêm không bớt.

Tại vì nếu thấy sáng thì bóng tối không còn và khi màn đêm buông xuống làm ánh sáng tan biến thì bóng tối xuất hiện vậy thôi. Vì vậy ánh sáng, bóng tối, màu sắc, hình tướng ngay cả hư không đều là đối tượng tức là vật bị thấy. Chúng sinh cần phân biệt cho rõ ràng rằng tánh thấy không phải là cái thấy. Tại sao? Khi mắt của con người tức là nhãn căn tiếp xúc với tiền trần tức là vật bị thấy mà nhận ra cái thấy. Còn tánh thấy là khả năng nhận biết được đối tượng của mình lúc nào cũng ở đó, không thay đổi, là tánh duyên giác nên nó là vô hình vô tướng thì làm sao thấy được. Do đó nếu ông A Nan thấy được tánh thấy của ông thì tánh thấy ấy bây giờ biến thành vật bị thấy tức là tánh thấy trở thành ngoại cảnh, tiền trần. Điều này chắc chắn không đúng. Khi chúng sinh lìa xa tất cả mọi vọng thức trong tâm để có được pháp nhãn thanh tịnh thì mới thấy được tánh thấy. Ông A Nan và hàng đại chúng hữu học chưa chứng được thánh quả nên tâm chưa hoàn toàn thanh

https://thuviensach.vn

tịnh vì thế ông không thể nào thấy được tánh thấy của chính mình.

https://thuviensach.vn

Cuốn Một
Chương Thứ Năm - Do Nhận Thức Sai Lầm Khiến Cho Con Người Bỏ Mất Bản Tâm Thanh Tịnh Bản Giác Thường Trú Của Mình

Ông A Nan Bạch Phật :

- Như Thế Tôn vì chúng con giảng giải về nhân duyên, tự nhiên và các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp. Tâm chúng con vẫn còn chưa tỏ ngộ, mà nay nghe Phật dạy : Tánh thấy trong khi thấy, tánh thấy đó không phải tánh thấy bản thể làm chúng con càng thêm mờ mịt. Cúi xin Phật thương xót bố thí tuệ nhãn, khai thị cho chúng con về bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú.

Khi ấy Thế Tôn thương xót A nan cùng đại chúng, muốn chỉ dạy pháp đại tổng trì, con đường trụ tam ma đề vi diệu, bèn bảo A Nan rằng :

- Ông tuy nhớ giỏi, chỉ có ích cho việc học rộng, nhưng đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Chỉ (Xa-ma-tha) tâm ông còn chưa rõ. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ sẽ vì ông chỉ bày rõ ràng. Cũng là giúp cho hàng hữu lậu trong đời sau chứng được quả vị Bồ-đề.

Tuy A Nan là người học rộng nghe nhiều, nhưng về phương diện duy mật thiền quán ông không chịu tu chứng nên vọng thức luôn phát khởi làm tâm bất tịnh. Để có thể

https://thuviensach.vn

nhận biết được tánh thấy huyền diệu thì ông A Nan phải quay về thực hành những phương pháp chánh định tức là pháp tu tam ma đề. Một khi có chánh định thì tâm sẽ được thanh tịnh và nhờ đó mà ông A Nan có thể quán chiếu thấy rõ thật tướng của vạn pháp. Đây là cứu cánh của người tu Phật vì nếu tâm mình không định có nghĩa là chúng sinh không có được tâm thanh tịnh thì tất cả vạn pháp trên thế gian này dưới nhãn thức của họ đều là chắc thật nên mới bị sa vào chấp ngã, chấp pháp. Thật vậy nếu ông A Nan chịu tu chứng đạt được chánh định thì thần chú phạm thiên Sa tì ca la của nàng Ma đăng già làm gì lay chuyển được thanh tâm của ông ta. Nói cách khác là một khi tâm chúng sinh đã định thì tâm họ đã kiến tạo cho mình một thành lũy vững chắc kiên cố bảo vệ những ô nhiễm từ bên ngoài không cho xen tạp làm xao động mà biến tâm thành bất tịnh. Ngược lại nếu tâm không định thì những ảo tưởng về tham dục luyến ái của thần chú sẽ làm tâm say mê mà chạy theo nó.

Đức Phật thương xót A Nan nên muốn chỉ dạy phương pháp tam ma đề mà chính Ngài đã tu chứng để thành Phật. Đây chính là ba thứ thiền quán mà chư Phật mười phương tu thành chánh giác :

1) Tu pháp Xa ma tha tức là tu Chỉ hay cũng được gọi là tu Định.

https://thuviensach.vn

Nếu chúng sinh biết buông bỏ hết vọng tưởng để tâm được an định thì đây là tu theo "Chỉ".

2) Tu pháp Tam ma bát đề tức là tu Quán tức là tu Trí Tuệ.

Nếu chúng sinh tu để thấy rõ thân, tâm và cảnh giới là giả, là huyễn hóa, là không chắc thật thì phương pháp nầy là tu theo "Quán".

3) Tu pháp Thiền Na tức là Chỉ-Quán đồng tu nghĩa là Định-Tuệ song tu. Thiền Na có nghĩa là Tịnh lự. Tịnh là Chỉ tức là Định và Lự là Quán tức là Trí tuệ.

Ba thứ định này là ba giai đoạn trong quá trình tu học. Nói một cách khác Xa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na là những giả đặt danh xưng do mức độ tâm thanh tịnh sai khác. Thí dụ như tâm thanh tịnh của chúng sinh bị nhiễm ô mười phần mà hóa giải được ba phần thì gọi là Xa ma tha, trừ được sáu bảy phần gọi là Tam ma bát đề và nếu trừ được tám chín phần gọi là Thiền na. Đến khi chúng sinh trừ sạch cả mười phần gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Nếu tâm có được một phần thanh tịnh, chúng sinh có được một phần công đức, cho đến khi rốt ráo viên mãn thì chính là "Thủ Lăng Nghiêm rốt ráo kiên cố" tức là đại định Thủ Lăng Nghiêm vậy.

Phật dạy tiếp :

https://thuviensach.vn

A Nan! Tất cả chúng sinh luân hồi trong thế gian là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sinh do đó mà nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến? Một là biệt nghiệp vọng kiến của chúng sanh, hai là đồng phần vọng kiến của chúng sinh.

Con người sống trong thế gian này cũng vì mê chấp vọng tâm mà sinh ra hai vọng kiến sai lầm khiến họ chạy theo sự tướng sinh diệt và không hòa nhập được vào thể tánh chân như nên từ đó mới tạo tác tội nghiệp mà phải chịu quả báo luân hồi. Thức tâm dẫn dắt con người chạy theo lục dục thất tình, càng ngày càng xa dần chân tánh làm tâm bất tịnh và cột chặt con người vào vòng sinh tử trầm luân. Đó cũng vì chúng sinh có hai nhận thức sai lầm mà Đức Phật gọi là biệt nghiệp vọng kiến tức là nghiệp riêng của mỗi chúng sinh và đồng phần vọng kiến tức là nghiệp chung của tất cả mọi người.

Phật lại dạy rằng :

Thế nào là biệt nghiệp vọng kiến?

Này A Nan! Ví như người bệnh mắt hóa lòa, ban đêm trông ngọn đèn thấy có vầng tròn năm màu. Cái vầng tròn năm màu vốn không thật có đối với người không bị bệnh lòa. Nhưng nó không phải không có đối với người mắc bệnh. Vầng tròn ấy không phải màu sắc của cái thấy hay của đèn.

https://thuviensach.vn

Nó không tự sanh, cũng không phải do đèn hay do mắt đã sanh. Nguyên nhân của vầng tròn là do bệnh mắt hóa lòa. Cái vầng tròn và cái thấy vầng tròn đều là bệnh lòa. Nhận thấy được bệnh lòa thì tánh thấy đó không bệnh. Do đó, không nên nói cái vòng tròn năm màu là của đèn hay của cái thấy. Cũng không được nói : Rằng không phải của đèn hay không phải của cái thấy. Lại ví như vầng trăng thứ hai. Nó không phải trăng mà cũng không phải bóng. Vầng trăng đó vốn không có, nên không thể gán cho nó "phải" hay là "không phải" mặt trăng. Mặt trăng thứ hai có là do động tác của ngón tay nhấn mắt. Người trí không nên bảo : Đó là hình trăng hay không phải hình trăng. Đó là cái thấy hay ra ngoài cái thấy. Vầng tròn năm màu cũng vậy. Nó là do bệnh lòa mà có. Gọi nó là của đèn hay của cái thấy đều là sai. Nếu cố gắng nói rằng không phải của đèn hay không phải của cái thấy càng thêm hí luận.

Cái sai lầm đầu tiên là nghiệp riêng của mỗi chúng sinh. Để làm sáng tỏ, Đức Phật đã đưa ra thí dụ một người bị bệnh mắt lòa mà nhìn ngọn đèn ban đêm. Nếu một người bị bệnh mắt lòa, quáng gà lúc họ nhìn bóng đèn thì họ sẽ thấy chung quanh bóng đèn có một một cái vòng tròn ngũ sắc. Vì thế mà Đức Phật mới gạn gỏi ông A Nan rằng cái vòng ngũ sắc là do bóng đèn làm ra hay là do cái thấy làm ra?

1) Thứ nhất nếu trả lời rằng vòng tròn ngũ sắc là do bóng đèn làm ra thì tại sao cái vòng tròn ngũ sắc này chỉ có đối

https://thuviensach.vn

với người bị bệnh mắt lòa. Còn những người có thị nhãn bình thường thì không thấy. Như vậy lý luận vòng tròn ngũ sắc được tạo ra bởi bóng đèn là không đúng.

2) Giả thuyết thứ hai là nếu cái thấy tạo ra vòng tròn ngũ sắc chung quanh bóng đèn thì cái thấy bây giờ trở thành cái bị thấy tức là hình tướng, màu sắc. Như vậy thuyết này cũng không đúng.

3) Giả thuyết thứ ba là nếu cái vòng tròn ngũ sắc tự nó có chớ không phải do cái bóng đèn tạo ra nghĩa là khi nhìn vào bất cứ vật chất nào thì cái thấy sẽ phát sinh thêm cái vòng tròn ngũ sắc. Nhưng trên thực tế, khi nhìn cái nhà, chiếc xe thì chỉ thấy cái nhà và chiếc xe chớ đâu có thấy cái vòng ngũ sắc bao quanh cái nhà hay chiếc xe. Vì thế giả thuyết này cũng sai.

4) Giả thuyết cho rằng nếu cái vòng tròn ngũ sắc là chính mình nghĩa là mình là bóng tròn ngũ sắc thì làm sao mình thấy một cái vòng tròn ngũ sắc khác ngoài mình. Điều này cũng vô lý.

Bây giờ Đức Phật mới kết luận rằng ánh sáng là do từ bóng đèn tỏa ra còn cái vòng tròn ngũ sắc là do bệnh mắt lòa mà có chớ thật chất nó không có. Nhìn mặt trăng cũng thế. Nếu con người lấy tay dụi vào con mắt rồi nhìn lên trời thì sẽ thấy có tới hai mặt trăng và từ đó sinh ra lầm tưởng không biết mặt trăng nào thật, mặt trăng nào là giả. Đức

https://thuviensach.vn

Phật muốn dùng những hình ảnh, những thí dụ này để chúng sinh ứng dụng mà suy tư quán chiếu để tránh xa những ảo giác của cuộc đời. Vậy thâm ý của đức Phật trong đoạn kinh này như thế nào? Con người sống trong thế gian lúc nào cũng tin chắc vào cái thấy của mình, nhưng thật ra cái thấy không phải là cái thấy phát xuất từ thể tánh thanh tịnh mà cái thấy của vọng tưởng xen lẫn vào. Đối với đạo Phật, thế gian vũ trụ đều là giả huyễn, như bóng trăng dưới nước như hoa đóm trên không, là không chắc thật, nay có mai không, sinh sinh diệt nên mới có câu : ”Vạn pháp giai không, Duyên sanh như huyễn”.

Thế mà con người tin chắc thân mình là thật, anh em cha mẹ vợ chồng con cái là thật, nhà cửa xe cộ là thật và thế gian vũ trụ cũng là chắc thật nên bới bám víu, giữ gìn, tạo tác, chấp thủ mà tác tạo ra nghiệp để phải chịu quả khổ đời đời. Đến khi xuôi tay nhắm mắt, thân mình phải bỏ lại, tiền tài công danh cũng chẳng thể mang theo. Anh em, cha mẹ, vợ chồng, con cái mỗi người đi mỗi ngả thì cái gì là chắc thật? Thí dụ có một ông nhà giàu sụ sống trong thời phong kiến nhưng bị bệnh sắp chết nên có đôi lời trăn trối lại với bốn người vợ. Người vợ thứ tư nghẹn ngào nói rằng : ”Tôi tuy thương ông nhưng khi ông chết tôi chắc phải đi tái giá”. Người vợ thứ ba ngậm ngùi thốt lên rằng : ”Tôi không tái giá nhưng không theo ông được”. Người vợ thứ nhì bây giờ mới nức nở nói rằng : ”Một ngày cũng là tình chồng nghĩa vợ nên khi ông chết tôi sẽ tiễn đưa ông đến nơi an nghĩ cuối cùng”.

https://thuviensach.vn

Sau cùng bà vợ lớn khẳng định với chồng là : ”Tình nghĩa vợ chồng như keo son thắm thiết vì vậy khi chết ông đi đâu thì tôi theo với”. Người vợ thứ tư là nói đến tiền của, vàng bạc trên đời cho nên khi chết thì những thứ ấy sẽ vào tay người khác. Người vợ thứ ba là tượng trưng cho bất động sản, dinh thự đền đài cho nên khi chết thì của thế gian phải để lại hết cho thế gian. Người vợ thứ nhì ám chỉ cho tấm thân tứ đại của con người cho nên khi chết thì chỉ tới nơi an nghĩ tại nghĩa địa mà thôi. Còn bà vợ cả là tất cả những căn nghiệp của chúng sinh tạo tác vì thế nghiệp lực dẫn đi đâu thì thần thức phải đến đó để thọ quả báo vui hay khổ.

Vì thế nếu chúng sinh chưa thức tỉnh giác ngộ để nhận chân chân lý thì họ đều là những người bị bệnh mắt lòa cả. Ngày nào chúng sinh khi thấy mà còn thương còn ghét, còn giận còn hờn, còn đẹp còn xấu thì cái thấy này là cái thấy của người bị bệnh mắt lòa. Nói theo Duy Thức Luận thì đây là cái thấy của Tỷ Lượng và Phi lượng. Tỷ Lượng là cái so sánh để phát sinh ra sự phân biệt như màu xanh màu đỏ…và Phi lượng là một sự nhận biết không đúng với chân lý mà nghiêng về ngã kiến cá nhân. Thí dụ nhìn hai đóa hoa thì thích đóa hoa này hơn đóa hoa kia dựa theo ngã kiến cảm tình của mình. Ngược lại vô ký tánh mới là tánh thấy thật. Thật vậy, chúng sinh vì sống trong vô minh, vọng thức mê lầm nên chạy theo vọng tâm sinh diệt điên đảo mà quên mất đi chơn tâm thanh tịnh thường hằng bất biến lúc nào cũng sẵn có trong họ mà tác tạo nên biết bao

https://thuviensach.vn

tội nghiệp để phải chịu sinh tử trong lục đạo luân hồi. Đây chính là nghiệp riêng của mỗi chúng sinh vậy.

Phật dạy rằng :

Thế nào là đồng phần vọng kiến?

Này A Nan! Cõi Diêm-phù-đề này trừ nước biển bao la, trong đó đất bằng có 3000 châu. Châu lớn ở giữa, bao quát từ Đông sang Tây có đến 2300 nước. Ngoài ra các châu nhỏ nằm trong các biển, trong đó có châu gồm hai trăm, ba trăm nước, hoặc hai mươi, ba bốn mươi cho đến năm mươi nước. A Nan! lại nếu trong đó, một châu nhỏ chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước cùng chiêu cảm ác duyên thì tất cả chúng sinh trong nước đó đều nhìn thấy hết mọi cảnh không tốt. Hoặc thấy hai mặt trời, hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng như phướng, sao sa và chỉ có những người trong nước đó thấy, chúng sinh trong nước kế cận thì cũng không thấy và cũng không nghe.

A Nan! Nay Như Lai đem hai việc đó kết hợp so sánh làm thí dụ để chỉ cho ông.

Này A Nan! Cái nhận thức sai lầm biệt nghiệp của chúng sinh ví như người bệnh mắt, trông thấy ngọn đèn hiện ra vầng tròn năm màu, tưởng là cảnh thật trước mắt. Sự thật vầng tròn là do bệnh lòa của người đau mắt tạo thành. Lòa là bệnh của cái thấy, không phải sắc tướng tạo ra. Cái thấy,

https://thuviensach.vn

thấy được bệnh lòa thì cái thấy đó vốn không có bệnh. Cũng vậy, hiện nay ông dùng con mắt xem thấy núi sông cảnh giới và các chúng sinh đều do bệnh lòa vô thỉ tạo thành. Mắt nhặm thì cái thấy lao nhọc, không phải do màu sắc tạo ra.

Song người biết được mắt nhặm thì cái thấy của họ không bị lầm lỗi. Cái thấy và cảnh bị thấy, như thế có cảnh trước mắt, nguyên là tâm giác ngộ sáng suốt, do phân năng kiến sở kiến mà thành bệnh. Nhận rõ cái thấy sinh khởi từ bệnh nhặm. Chứ bản giác minh tâm rõ biết các duyên thì không bệnh. Vì có năng giác và sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đây mới thật là nhận ra tánh thấy. Sao còn gọi là thấy, nghe, hay, biết. Thế nên nay ông thấy Ta và ông, cùng mười loài chúng sinh trong thế gian đều do mắt nhặm, chớ không phải cái thấy mắt nhặm bị bệnh. Tánh thấy chân thật đó không bị nhặm, nên chẳng gọi là thấy.

Nhãn căn (con mắt) hòa hợp với tiền trần (lục trần) tạo ra cái thấy mà nhà Phật gọi là năng kiến và sở kiến. Năng kiến là cái thường thấy tức là con mắt, còn sở kiến là sự vật bên ngoài. Nhưng năng kiến và sở kiến đều phát xuất từ trong chơn tâm. Đó là bất biến mà tùy duyên. Ví dụ như khi nhìn những bọt biển trôi nổi trên mặt nước mà những bọt biển nầy chính là do nước biển sinh ra. Nếu không có nước biển thì làm gì có bọt biển. Chơn tâm cũng vậy, khi con người đang ở trạng thái tịnh thì tâm là chơn tâm. Nếu

https://thuviensach.vn

bây giờ tâm duyên theo trần thì tâm chuyển từ tịnh sang động.

Do đó chơn tâm biến mất và được thay thế bằng vọng tâm sinh diệt. Đức Phật dùng thí dụ người bị bệnh mắc lòa khi nhìn bóng đèn mà thấy cái vòng tròn ngũ sắc, nhưng lòa là bệnh của con mắt bị che mây tức là bệnh của cái thấy chớ không phải do sắc tướng tạo ra. Nói rộng ra thì những vật thể trong thế giới vũ trụ này tự nó thanh tịnh, không ô nhiễm, nhưng con người không nhìn nó bằng con mắt chân thật, khách quan mà nhìn nó bằng tầm mắt núp sau bởi tham sân si mạn nghi ác kiến từ bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp kết tụ lại cũng như người bị mắt nhặm nhìn bóng đèn mà chỉ thấy vòng tròn ngũ sắc vậy.

Cho dù năng kiến (cái thấy của mắt) hay sở kiến (sự vật bị thấy bên ngoài) có làm cho cái thấy sai lầm không chính xác, nhưng tánh thấy thì lúc nào cũng thanh tịnh sáng suốt, không sai lầm. Đây mới là pháp nhãn thanh tịnh để giúp người tu quán triệt chơn tâm và sống được với chơn tánh của mình. Đối với Phật giáo, hồi quang phản chiếu tức là quay về bên trong để thấy con người thật của mình để cảm nhận được tánh thấy, tánh nghe, tánh biết thường hằng bất biến thì sẽ có tâm thanh tịnh mà được minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh là thấy rõ tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mình chớ không phải thấy những cảnh thị phi, khổ não hay huyễn hóa của thế gian. Nếu chúng sinh liễu ngộ và biết sống trong tánh thấy, tánh hay, tánh biết này thì tất cả năng kiến, sở kiến của vọng tâm là thấy, nghe, hay, biết

https://thuviensach.vn

(kiến, văn, tri, giác) sẽ tan biến và sau cùng tất cả những vọng thức trong tâm cũng biến mất theo.

Phật hỏi A Nan :

A Nan! nếu so sánh đồng phần vọng kiến của chúng sinh với biệt nghiệp vọng kiến của một người.

Một người nhặm mắt cũng giống như người trong cả nước kia. Người thấy quầng sáng là do mắt nhặm mà có. Còn trong nước kia hiện ra những tướng không lành là do cộng nghiệp mà cùng thấy trong đó các điềm ác hiện ra. Cả hai đều do vọng kiến từ vô thủy phát sinh, giống như ba ngàn châu trong cõi Diêm phù đề, gồm bốn biển lớn và thế giới Ta bà, cho đến các nước và các chúng sinh hữu lậu trong mười phương, đều là tâm giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu. Kiến văn giác tri là bệnh duyên hư vọng, khiến hư dối hòa hợp sanh, hư dối hòa hợp mất.

Nếu có thể xa lìa các duyên hòa hợp và không hòa hợp thì diệt trừ được các nhân sanh tử. Đó chính là tánh giác ngộ tròn đầy không sinh không diệt, chính là chân tâm bản giác thường trụ.

Sống trong thế gian, con người thường có quan niệm là những gì thuộc về mình là chắc thật thì nhà Phật gọi là chấp ngã và tất cả vạn pháp chung quanh ta cũng chắc thật thì đây là chấp pháp. Khi một chúng sinh thấy thân mình là

https://thuviensach.vn

chắc thật và vạn vật cũng chắc thật như thế thì cái kiến chấp này gọi là biệt nghiệp vọng kiến. Còn nếu cả đại chúng trong một xã hội đều có chung kiến chấp này thì gọi là đồng phần vọng kiến. Vọng kiến là cái thấy biết sai lầm không đúng với chân lý. Đối với thế gian vũ trụ thì tất cả đều có, đều hiển hiện trước mắt của chúng ta. Điều này đức Phật cũng không phủ nhận, nhưng thật ra cái có mà con người tin chắc thật ra dựa theo giáo lý nhà Phật thì chỉ là giả có mà thôi. Bởi vì cái có đó chỉ là do duyên sanh kết hợp nên chính nó không có tự tánh, không có chủ thể nên nó không bền không chắc, phải chịu sự thoái hóa của luật vô thường là thành, trụ, hoại, không.

Đối với chư Bồ-tát và chư Phật thì các Ngài thấy tất cả chỉ là duyên sanh như huyễn nên không có cái gì bền chắc cả. Do đó, các Ngài không chấp thủ nên dễ dàng buông xả. Chấp ngã cũng không và chấp pháp cũng không nên tâm mới hằng tự tại Niết bàn. Tại sao? Bởi vì nếu không còn dính mắc tức là không còn chấp ngã chấp pháp thì tâm sẽ không sinh ra si mê. Không si mê thì không sinh ra tham ái, không tham ái nên không còn bị trói buộc vì thế cuộc sống mới được thanh thoát an nhàn. Còn phàm nhân vì chấp thân mình là thật, là bền chắc nên cưng chiều, bảo vệ tấm thân, tạo tác, tranh công đoạt chức và làm nô lệ cho thân mà tạo ra trăm điều phiền não nghiệp chướng để phải chịu quả khổ đời đời. Nhưng họ quên đi một điều là khi xuôi tay nhắm mắt, thân này phải bỏ lại, tiền tài công danh cũng chẳng thể mang theo. Ngay cả cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em cũng phải xa lìa. Như thế cái gì là chắc thật?

https://thuviensach.vn

Còn đối với con mắt trí tuệ của người đệ tử Phật, thì tất cả cái có đó chỉ là vọng kiến nghĩa là cái có cũng như bóng trăng dưới nước và hoa đóm trong hư không. Cái thấy này cũng giống như cái thấy của người bệnh lòa mắt khi nhìn bóng bèn ban đêm mà thấy vầng tròn ngũ sắc. Do đó chỉ có người bệnh lòa mắt mới thấy hiện tượng sai lầm này thì nhà Phật gọi là biệt nghiệp vọng kiến. Trong những năm gần đây có những hiện tượng như sao chổi mọc lên ở Trung Hoa rồi làm cho tin rằng đây là dấu hiệu của những điềm xấu sắp xảy ra. Những người Trung Hoa cùng thấy và tin như thế thì gọi là đồng phần vọng kiến.

Nhiều đệ tử Phật sau khi đọc tụng câu : ”Sắc tức là Không và Không tức là Sắc” trong Bát Nhã Tâm Kinh thì nghi vấn rằng thân xác của mình là thật, rờ thấy biết, đánh thấy đau, không ăn thì đói thế thì tại sao tâm kinh nói nó là không. Nếu một người quan niệm sai lầm như thế thì gọi là biệt nghiệp vọng kiến. Còn nếu cả đạo tràng mà suy nghĩ sai lầm như thế thì gọi là đồng phần vọng kiến. Nói tóm lại, biệt nghiệp chính là chánh báo của chúng sinh, là thân tâm ngũ uẩn của mỗi chúng sinh, là do nghiệp riêng của mỗi người tạo tác. Đồng phần là thế giới y báo của chúng sinh, là do nghiệp chung của nhiều người chiêu cảm. Nói tóm lại, biệt nghiệp chính là chánh báo của chúng sinh, là thân tâm ngũ uẩn của mỗi chúng sinh, là do nghiệp riêng của mỗi người tạo tác. Đồng phần là thế giới y báo của chúng sinh, là do nghiệp chung của nhiều người chiêu cảm.

https://thuviensach.vn

Nói chung cho dù là nghiệp chung hay nghiệp riêng thì chung quy đều là do nhận thức sai lầm từ vô thỉ đến nay. Khi chúng sinh sống được với tánh thấy chân thật của mình tức là họ có được Pháp nhãn thanh tịnh thì những vật chất trên thế gian này không làm ngăn cách được tánh thấy đó cho nên họ có thể thấy được tam thiên đại thiên thế giới như thấy quả quít trên bàn tay như ngày xưa tôn giả A Na Luật đã thấy vậy. Thâm ý của đoạn kinh này là nếu chúng sinh biết hồi đầu thị ngạn để quay thuyền trở lại bến xưa mà sống với chơn tâm, với bản tâm thanh tịnh thường trú của mình để thấy biết thấu suốt cũng như người hết bệnh lòa, khi nhìn bóng đèn thì thấy ánh sáng chớ không còn thấy vòng tròn ngũ sắc hoặc là khi nhìn lên trời thì chỉ thấy một mặt trăng mà không còn sống trong ảo giác mê mờ, vô minh vọng chấp.

Tánh Thấy Ngoài Hai Nghĩa : Hòa Hợp Và Không Hòa Hợp

Phật bảo A nan :

- Dù ông ngộ được tâm tánh bản giác nhiệm mầu sáng suốt, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên, nhưng ông còn chưa rõ tâm tánh sinh ra do hòa hợp hay không hòa hợp.

A Nan! Như Lai lại lấy tiền trần để hỏi ông. Nay ông còn

https://thuviensach.vn

lấy tất cả vọng tưởng hòa hợp với tánh nhân duyên trong thế gian mà tự nghĩ lầm rằng chứng được tâm Bồ-đề là do hòa hợp mà phát khởi. Vậy nay tánh thấy thanh tịnh nhiệm mầu của ông là cùng với sáng hòa hợp hay cùng với tối hòa hợp? Là cùng với thông hòa hợp hay cùng với bít hòa hợp? Nếu hòa hợp với sáng, hiện nay ông thấy sáng thì tánh thấy hòa chỗ nào? Tánh thấy và tướng sáng có thể nhận được, còn cái hình trạng "hòa" sẽ ra sao? Nếu tướng sáng ngoài tánh thấy, làm sao thấy được sáng? Nếu tướng sáng là tánh thấy, hóa ra thấy được tánh thấy, còn gì vô lý bằng? Với tướng tối, tướng thông, tướng bít cũng vậy.

Lại nữa, A Nan! Hiện nay tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt của ông, nó hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với bít? Nếu hợp với sáng, đến khi tối tướng sáng mất đi rồi, tánh thấy không còn hợp được với tối, làm sao thấy được tối? Nếu không hợp với tối mà thấy được tối, khi hợp với sáng lẽ ra không thấy được sáng. Đã không thấy được sáng, làm sao hợp với sáng và biết được sáng không phải là tối? Với tướng thông, tướng bít cũng vậy.

Đến đây ông A Nan và đại chúng cho dù có thấu hiểu bản tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu không phải là do nhân duyên, cũng không phải là do tự nhiên mà có, nhưng có phải nó được sinh ra do hòa hợp hay không hòa hợp chăng? Hòa hợp có nghĩa thuận hay nghiêng về một phía nào đó. Nếu hòa hợp phía trái thì không thể hòa hợp phía mặt được. Trong phần kinh này nếu hòa hợp với sáng thì

https://thuviensach.vn

không thể hòa hợp với tối hay ngược lại. Và nếu hòa hợp với tướng thông thì không thể hòa hợp với tướng bít được.

Trước hết, Đức Phật dùng cảnh vật bên ngoài tức là tiền trần để làm đối tượng. Do đó khi ông A Nan nhìn thấy cảnh vật bên ngoài làm phát khởi sự suy tưởng ở trong tâm. Bây giờ nếu ông A Nan dùng những tư tưởng sinh diệt ấy mà tu để mong chứng được đạo quả Bồ-đề thì đây là một quan niệm sai lầm to lớn vì chạy theo vọng thức là sống với thức tâm tức là sống với tâm vô minh phiền não thì làm gì có an lạc được. Vả lại, nếu tánh thấy hòa hợp được với tướng sáng nghĩa là tánh thấy chỉ thấy được ánh sáng ban ngày, như thế khi màn đêm buông xuống ánh sáng không còn lẽ ra không thấy gì cả nhưng tại sao tánh thấy lại thấy được bóng tối. Nếu tánh thấy vừa thấy được ánh sáng và cũng vừa thấy được bóng tối thì làm sao nói hòa hợp hay không hòa hợp cho được. Vậy tánh thấy chắc chắc vượt ra khỏi cái thấy bình thường của con người vì nó thanh tịnh thông suốt cả mười phương thế giới. Muốn thấy được tánh thấy này, chúng sinh phải buông bỏ tất cả những vọng tâm chấp trước, những cái thấy duyên với bên ngoài để tâm dần dần được thanh tịnh mà có được pháp nhãn thanh tịnh thì tánh thấy thường hằng sẽ hiện bày.

A Nan thưa :

-Bạch Thế Tôn! Nay tôi lại nghĩ : Tánh thấy nhiệm mầu

https://thuviensach.vn

đối với trần cảnh và các tưởng niệm nhớ nghĩ không hòa hợp chăng?

Phật dạy rằng :

-Nay ông lại nghĩ rằng tánh thấy không hòa hợp? Tánh thấy ông gọi là không hòa hợp, nó không hòa hợp với sáng hay không hòa hợp với tối? Không hòa hợp với thông hay không hòa hợp với bít? Nếu không hòa hợp với sáng thì giữa tướng sáng và tánh thấy phải có lằn ranh giới. Ông hãy xét kỹ : Chỗ nào là tướng sáng, chỗ nào là tánh thấy? Chỗ nào là ranh giới giữa hai thứ kia? A Nan! Nếu trong tướng sáng không có tánh thấy, tướng sáng và tánh thấy không đến với nhau, tất nhiên tánh thấy sẽ không thấy sáng, làm sao lập ra ranh giới? Đối với tướng tối, tướng thông, tướng bít cũng vậy. Lại nữa, tánh thấy nhiệm mầu không hòa hợp là chẳng hợp với tướng sáng, hay chẳng hợp với tướng tối, chẳng hợp với cái thông hay chẳng hợp với cái bít. Nếu chẳng hợp với tướng sáng thì tánh thấy và tướng sáng có tánh trái nghịch nhau. Ví như lỗ tai và tướng sáng, hoàn toàn không tiếp xúc được nhau. Tánh thấy còn chẳng biết tướng sáng ở đâu thì làm sao phân biệt được nghĩa hợp hay chẳng hợp. Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

Phần trên khi ông A Nan chấp tánh thấy có hòa hợp thì bị Phật bác, trong phần này ông liền chuyển qua không hòa hợp. Trần cảnh và các ý tưởng trong tâm thức đều là vọng

https://thuviensach.vn

thức sinh diệt còn tánh thấy thường hằng bất biến thì làm sao hòa hợp hay không hòa hợp được. Đức Phật lại đưa ra thí dụ rằng nếu tánh thấy và ánh sáng không hòa hợp được thì dĩ nhiên hai bên phải có ranh giới chia đôi nghĩa là tánh thấy và ánh sáng không thể pha trộn lẫn nhau. Nhưng tánh thấy là chân không, vô hình vô tướng thì làm sao phân chia ranh giới với tướng sáng cho được.

Trong những đoạn kinh trên, Đức Phật bác các thuyết nhân duyên, tự nhiên và hòa hợp chớ Ngài không bác lý Duyên khởi. Giáo lý Duyên khởi là đạo lý vi diệu thậm thâm của Phật giáo. Bởi vì tất cả mọi sự vật trên thế gian vũ trụ này đều là do hiện tượng trùng trùng duyên khởi mà có. Do duyên khởi mà sự vật có sinh ra (sinh) và cũng do duyên khởi sự vật tiếp tục phát triển tồn tại (trụ). Vì sự vật không có tự tánh nên do duyên khởi phải chịu sự thoái hóa của luật vô thường mà thay đổi (dị) và sau cùng đi đến tiêu diệt (diệt). Do đó khi nói đến sinh và diệt thì nói đến nhân duyên và khi nói đến trụ và dị thì nói đến hòa hợp. Mặc dù sinh, trụ, dị, diệt đều là duyên khởi, là huyển hóa không thật nên Phật mới bác đi các nghĩa nhân duyên, tự nhiên chớ Phật không bác bỏ đạo lý Duyên khởi. Tại sao? Bởi vì tất cả mọi sự vật duyên khởi như huyễn nên khi sinh không có gì thật sự là sinh nên mới gọi là không phải nhân duyên và sự vật duyên khởi không thật có, vì không có tự tánh, nên mới gọi là không phải tự nhiên. Nhưng cái tánh Duyên khởi như huyển, không có tự tánh này lại là chân tánh, là

https://thuviensach.vn

pháp giới tánh, là tánh chân như nhiệm mầu và là tâm tánh chân thật của tất cả mọi chúng sinh.

https://thuviensach.vn

Cuốn Một
Chương Thứ Sáu - Bốn Khoa Bảy Đại Vốn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng

A Nan! Ông còn chưa rõ tất cả các tướng huyển hóa nơi tiền trần, ngay đó sinh ra, ngay đó diệt mất, huyển vọng nên gọi là tướng, nhưng tánh chân thật vốn là thể giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu (Diệu giác minh thể). Như vậy cho đến ngũ uẩn, lục nhập, từ thập nhị xứ cho đến thập bát giới, khi nhân duyên hòa hợp thì hư vọng sinh ra, khi nhân duyên tách rời, hư vọng gọi là diệt. Sao ông không biết sinh diệt đến đi vốn là Như Lai tạng thường trú sáng suốt nhiệm mầu, là tánh chân như vi diệu tròn đầy, không lay động. Ở trong tánh chân thường ấy mà cầu những tướng đến đi, mê ngộ, sinh tử hoàn toàn không thể được.

Không phải ngày nay con người mới nhức đầu để cố tìm ra câu trả lời cho vấn đề là "hiện tượng vạn hữu do gì sanh" mà thật ra hễ có con người là có có câu hỏi này rồi. Từ đó mới phát sinh ra vô số tôn giáo và triết lý để giải thích dựa theo quan niệm và chủ kiến của họ. Có tôn giáo cho rằng tất cả nhân sinh vũ trụ này đều do bàn tay nhiệm mầu của thượng đế tạo dựng. Hễ bất kỳ cái gì không cắt nghĩa được thì họ dán cái nhãn hiệu thượng đế vào. Chúng ta đang sống trong thế kỷ thứ 21, thời kỳ mà khoa học gần như có thể giải thích phần lớn những hiện tượng của nhân sinh vũ trụ thì những giáo điều này có lẻ không còn thích hợp nữa.

https://thuviensach.vn

Tin tưởng mù quáng thật ra còn tệ hại hơn là không tin tưởng gì hết.

Còn nếu cho rằng thế gian vũ trụ tự nhiên có thì lý luận như vậy làm sao đứng vững được bởi vì không có cái gì trên thế gian mà tự nhiên có được. Không làm thì làm sao có ăn, không uống nước thì làm sao khỏi khát. Vậy phải chăng nhân sinh vũ trụ có được là dựa theo thuyết nhân duyên sinh của đạo Phật? Đó là cái này sinh cái kia sinh và cái này diệt thì cái kia cũng diệt. Nếu dựa theo thế giới của hiện tượng tức là thế giới hữu vi thì tất cả mọi vật thể tác dụng lẫn nhau, trùng trùng duyên khởi mà tác tạo. Thế mà chính Đức Phật đã khẳng định bác bỏ đây không phải là giáo lý tối thượng liễu nghĩa. Tại sao?

Vì tất cả sự tác dụng qua lại này chỉ là thế giới Hiện tượng tức là thế giới sinh diệt trong khi thế giới của Bản thể tức là thế giới vô vi thanh tịnh mới chính là cội nguồn phát sinh ra thế giới hiện tượng này. Đó là Bất biến Tùy duyên nghĩa là từ thế giới Bản thể một khi hội đủ nhân duyên thì tạo thành con người, thú vật, cây cỏ, núi sông, nhà cửa, xe cộ, mặt trăng, mặt trời…Nhưng khi duyên tan, duyên hết thì từ thế giới Hiện tượng trở lại với tự tánh bản thể ban đầu. Đó chính là Tùy duyên Bất biến. Bởi vậy con người này chết con người khác sinh, hành tinh này sinh có hành tinh khác diệt cho nên không có gì thật sinh hay thật diệt cả mà chỉ nằm trong chu kỳ sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận mà thôi.

Đây cũng là ý nghĩa của chữ Như Lai Tạng bởi vì Như là bất động, bất biến tức là thể tánh chơn như, Lai là tùy

https://thuviensach.vn

duyên mà biến hóa tạo tác, còn Tạng là cái kho chứa những chủng tử, hạt giống để duyên khởi ra bốn khoa vô cùng vô tận. Nói chung thì tất cả hiện tượng đều là hiện tượng của bản thể và không bản thể nào ngoài hiện tượng được tuy hai nhưng mà một tức là Bất nhị. Vì thế Như Lai Tạng còn được gọi Pháp giới nhất chân. Nhưng để tránh ngộ nhận về chữ nhất chân, bởi vì nếu có nhất thì phải có hai, có ba…, nên có một danh từ đặc biệt để gọi Pháp giới Nhất chân mà không còn phân biệt đối đãi là Pháp giới Bất nhị. Đứng về phương diện thời gian từ vô thỉ đến vô chung, nếu con người khái niệm tới đâu thì pháp giới có tới đó. Còn đứng về khía cạnh không gian thì Pháp giới Bất nhị bao trùm khắp cả mười phương thế giới vô cùng vô tận.

Như Lai Tạng (Tathagata garbha) còn gọi là Như Lai chủng tánh tức là pháp tánh, là chơn như, là Phật tánh…Tạng là cái kho để chứa tất cả những chủng tử (hạt giống) của vạn pháp và từ những chủng tử này mới sinh khởi ra bốn khoa (ngũ uẩn, lục nhập, mười hai xứ và mười tám giới) và cũng là cái bọc chứa để giấu kín, che phủ phiền não mê lầm và cũng giấu kín, che phủ Phật tánh là cái mầm giác ngộ vốn có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh. Tạng cũng là chất chứa cho nên Như Lai Tạng là chất chứa mọi công đức quyền năng của Như Lai, là tất cả pháp do Phật giảng giải kết hợp lại thành Như Lai Tạng. Vì thế mà Như Lai Tạng cũng là thức thứ tám tức là A lại da thức.

Đứng về mặt ô nhiễm, Như Lai Tạng là tượng trưng cho

https://thuviensach.vn

thế giới luân hồi sinh diệt. Còn dựa theo phía thanh tịnh, Như Lai Tạng là biểu hiện cho Niết bàn giải thoát. Trong Khởi Tín Luận, Như Lai Tạng được gọi là "pháp giới đại tổng tướng" nghĩa là nghiếp thâu các pháp của toàn bộ pháp giới gồm có nhiễm và tịnh. Tịnh là chơn như, nhiễm là vô minh, nhưng chân như và vô minh kết thành một khối bất khả phân ly trong tâm của chúng sinh. Do đó, nếu chúng sinh biết tháo gỡ tất cả những sở tri chướng và phiền não chướng thì sẽ có Niết bàn an lạc, ngược lại nếu chúng sinh chạy theo tham đắm dục tình thì dĩ nhiên phải chịu sinh tử trầm luân. Thêm nữa, đứng về mặt tuyệt đối, Như Lai Tạng là chơn như, là cái tâm bất sinh bất diệt, tâm ấy là tâm nhất thể và nhiếp thâu tất cả pháp thế gian cũng như xuất thế gian. Còn về mặt tương đối, Như Lai Tạng gồm có : Tự thể là tương đồng với bản thể : Tự tướng là cái tướng của tự thể và Tự dụng là công năng sinh ra nhân quả lành thế gian và xuất thế gian.

Khi nói tâm động thì đây chúng ta muốn nói đến tướng động tức là Như Lai Tạng động, nhưng tự thể của tâm thì không động. Thí dụ, vì có gió (phiền não, vô minh) làm cho nước biển (tánh giác) nổi sóng (tâm thức). Thế thì sóng và gió đều động và không rời nhau, nhưng tánh nước không động khi gió hết sóng lặn. Do đó nếu tướng của nước động nên mới có sóng lớn sóng nhỏ nhấp nhô, còn tướng của tâm tức là Như Lai Tạng thì cũng thế. Nếu tướng của tâm động thì sóng thức dấy khởi, đợt này tan đợt khác đến liên tiếp mãi không ngừng nên có tâm sinh diệt (tàng

https://thuviensach.vn

thức). Chính cái tàng thức (A lại da) thức này sinh ra sinh diệt tâm và cũng từ A lại da thức này hiển lộ Chân như tâm (Như Lai Tạng).

Tất cả vạn pháp trên thế gian này đều là các tướng huyển hóa nơi tiền trần. Thí dụ như nhà cửa, xe xộ, mặt trăng, mặt trời, con người, thú vật, hoa lá, biển rộng, sông hồ, ngay cả khoáng vật đều là tướng giả huyển. Tại sao? Bởi vì vạn pháp có được là do duyên sanh đến khi duyên hết thì nó phải bị tan hoại. Con người của chúng ta cũng thế, trước khi kết tinh thì lục đại (đất, nước, gió, lửa) không gian và thức mỗi pháp ở mỗi nơi. Sau khi pháp này dung thông với pháp kia để cùng nhau làm Duyên khởi mà tạo thành con người. Nhưng mỗi pháp không có tự tánh nên con người là vô ngã tức là Không. Mà đã là vô ngã thì con người phải bị hoại diệt của luật vô thường. Vì thế bất cứ vật thể nào có hình tướng thì phải chịu cảnh sinh diệt nay có mai không nên kinh mới gọi đó là tướng huyển hóa.
Vì thế trong kinh Kim Cang Phật đã dạy rằng:”Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng tức kiến Như Lai” nghĩa là bất cứ vật thể nào có hình tướng, màu sắc thì chúng là giả huyển sinh diệt. Chỉ khi nào chúng sinh thấy được thật tướng của vạn pháp thì mới thấy được Phật. Tuy vạn pháp bên ngoài đều là tướng giả huyển, nhưng thật chất bên trong chúng rất thanh tịnh, tự tại, không ô nhiễm tức là thể tánh giác ngộ nhiệm mầu.
Thí dụ như lục căn của con người là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì tự thể của chúng rất thanh tịnh, không ô

https://thuviensach.vn

nhiễm, nhưng tại sao cũng chính con người đó lại tạo ra bao nhiêu tội nghiệp để phải chịu quả báo luân hồi? Bởi vì con người còn chấp ngã, chấp pháp tức là còn sống trong vọng chấp của trần lao mà chạy theo tham đắm dục tình thì tâm thanh tịnh biến mất nên họ sống trong lo âu phiền não. Ngày xưa sau khi Đức Phật thành đạo thì Ngài cũng còn mắt tai mũi lưỡi thân và ý cũng như tất cả mọi chúng sinh khác, nhưng vì phá bỏ hoàn toàn chấp ngã, chấp pháp, chấp có chấp không nên Ngài có được vô thượng Niết bàn, vô thượng Bồ-đề.

Tuy nhiên mức độ thanh tịnh trong tâm cũng tùy thuộc vào khả năng diệt trừ vô minh phiền não của mỗi chúng sinh. Nếu có thể phá được chấp ngã, chấp pháp thì chúng sinh trở thành A la hán và nếu có thể phá hoàn toàn hết tất cả các chấp ngay cả chấp về vi tế thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là thành Phật. Một thí dụ khác là núi cao rừng thẳm, hay hoa thơm cỏ lạ đâu có cái nào là ô nhiễm, bất tịnh đâu. Nhưng khi con người ngắm nhìn nó thì vọng tâm phát khởi lòng tham muốn, nên mới có tham hoa đắm sắc. Vậy tâm tham đắm, ô nhiễm là do tâm vọng thức chấp trước phân biệt tạo thành. Vì thế nếu cho rằng lục căn là nguyên nhân của tội lỗi là không đúng và ngay cả trời trăng mây nước cỏ cây hoa lá là nguyên nhân của tội lỗi thì cũng là sai vì chính nó là thể tánh tịnh minh.

Do đó, nếu con người có làm điều ác, gây ra lắm nghiệp căn cũng bởi do kiến chấp sai lầm về chân lý khiến họ thấy biết sai, nói sai, làm sai và sống cuộc đời bất thiện chớ không phải hễ là con người là có tội lỗi. Đây là cái nhìn

https://thuviensach.vn

độc đáo, một triết lý thậm thâm mà chỉ đạo Phật mới có cho nên trong kinh Pháp Hoa Đức Phật mới xác định rằng tất cả chúng sinh đã thành Phật bởi vì tự thể con người đâu có tội lỗi gì tức là trong họ luôn có Phật tánh vậy. Nói chung tánh thanh tịnh của các loài vô tình như trời trong mây nước, cỏ cây hoa lá…thì gọi là Pháp tánh. Còn tánh thanh tịnh, không tội lỗi vốn có của con người thì gọi là Phật tánh. Phật tánh, Pháp tánh tuy nói là hai nhưng tụy trung vẫn là một tức là Bất Nhị bởi vì cả hai cùng là tự tánh thanh tịnh bản nhiên. Thí dụ như xăng có lượng Octane cao thì dùng chạy cho xe hơi thường, còn dầu cặn thì dùng chạy cho xe máy dầu (diesel). Tuy hai dạng khác nhau, nhưng công dụng đốt như nhau nên xăng thường hay dầu cặn thì cũng từ xăng mà ra tuy hai nhưng mà một.

Trong thế giới vũ trụ này hiện tượng vạn pháp duyên khởi và hình thành tất cả những tướng trạng khác nhau, nhưng cho dù vạn pháp có duyên khởi thành muôn hình vạn tướng thì tựu trung cũng không ngoài bốn khoa và bảy đại. Vậy bốn khoa là ngũ uẩn, sáu nhập, mười hai xứ và mười tám giới đều do nhân duyên giả dối hòa hợp mà sinh ra. Thân thể con người gồm có hai phần là thân xác và tâm linh. Phần thân xác có hình sắc nên gọi là sắc uẩn còn phần tâm linh vì không có hình sắc nên gọi là danh và gồm có : thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Ngũ uẩn là năm cái ngăn che làm cho con người không nhận biết được tâm tánh của chính mình.

Ngăn che do hình tướng tức là thân và cảnh thì gọi là sắc uẩn; ngăn che do cảm giác thì gọi là thọ uẩn; ngăn che do

https://thuviensach.vn

nhớ lại các việc đã xảy ra thì gọi là tưởng uẩn; ngăn che do tâm niệm thay đổi thì gọi là hành uẩn và ngăn che do những tập quán sai lầm chứa chấp trong tiềm thức sâu kín thì gọi là thức uẩn. Sáu nhập là lục căn thu nạp tiền cảnh. Đó là mắt thì thu nạp sắc trần, tai thì thu nạp thanh trần, mũi thì thu nạp hương trần, lưỡi thì thu nạp vị trần, thân thì thu nạp xúc trần và ý thì thu nạp pháp trần. Mười hai xứ hay là mười hai chỗ tức là sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) duyên với sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý).

Sau cùng mười tám giới là mười tám cái riêng biệt nghĩa là sáu giới của căn (Nhãn giới, Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới, Thân giới và Ý giới) duyên với sáu giới của trần (Sắc giới, Thanh giới, Hương giới, Vị giới, Xúc giới và Pháp giới) mà phát sinh sáu giới của thức (Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới và Ý thức giới). Thập bát giới nầy là bao trùm toàn thể thế giới nhân sinh vũ trụ tức là chính mười tám cảnh giới này chi phối toàn thể những gì mà con người thấy biết, nghe biết, ngửi biết, nếm biết, cảm xúc biết và do tâm ý biết. Còn bảy đại chính là đất đại, nước đại, gió đại, lửa đại, không đại, kiến đại và thức đại.

1) Địa đại : là đất tức là chỉ cho phần vật chất vì thế nếu nói về con người thì sắc uẩn là địa đại tức là phần cứng như thịt, xương, gân, tóc….

2) Thủy đại là nước. Nếu nói về con người thì thủy đại là

https://thuviensach.vn

nước miếng, máu, nước đờm, tinh dịch…Còn nói chung thủy đại là nước biển, nước mưa, nước sông, nước hồ…

3) Hỏa đại là lửa. Lửa thì ở khắp mười phương thế giới dưới dạng năng lượng. Ở ngoài thì lửa dưới dạng ánh sáng mặt trời, bếp nấu, nồi ga, lò nguyên tử...Còn trong thân là hơi nóng để tạo năng lực cho toàn thân. Vì thế khi người chết, hỏa đại tan rã nên thân mới lạnh ngắt.

4) Phong đại là không khí vận chuyển để nuôi sự sống. Nếu con người không hít thở để mang Oxygen vào phổi để lọc máu đen thành máu đỏ thì làm sao sống được. Cũng như nếu không khí không di động thì khi con người thở khí CO2 ra rồi lại hít khí này vào thì sẽ chết ngay.

5) Không đại là không gian bao trùm khắp. Đối với Phật giáo, thì "Không", không có nghĩa là không có. Trong thế giới vũ trụ bao la này tất cả những gì con người thấy biết được thì gọi là "Có" còn những gì không thấy biết thì gọi là không. Gọi là không vì mắt thường không thấy biết được chớ không phải là trống không rỗng tuếch hay không có gì hết như lông rùa, sừng thỏ. Thí dụ như trong không khí có hóa chất như Oxygen để cho con người thở, nhưng có ai thấy được nó đâu. Nếu không có Oxygen thì làm sao những loài động vật sống được. Vậy không sẽ thành có khi nhân duyên kết tụ. Đây chính là chân không diệu hữu nghĩa là khi duyên khởi thì từ cái không biến hóa một cách thần diệu thành ra tất cả.

https://thuviensach.vn

6) Kiến đại là phần thấy biết thuộc về bản năng sinh tồn chớ không có lý trí. Những loài thượng cầm hạ thú chỉ có sáu đại ở trên mà không có thức đại. Chỉ con người là có đủ 7 đại mà thôi.

7) Thức đại là phần phân biệt tốt-xấu, thiện-ác, tội-phước, đạo đức- trụy lạc, tình cảm-lý trí, xa-gần, lớn-nhỏ…Nếu con người biết tu luyện, bồi dưỡng thì thức sẽ trở thành trí tuệ. Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức và Thân thức biến thành Thành sở tác trí nghĩa là trí có năng lực nhận biết cùng khắp rất thần diệu. Ý thức biến thành Diệu quan sát trí tức là trí có năng lực quan sát thâm diệu. Mạt na thức trở thành Bình đẳng tánh trí nghĩa là trí năng phát huy tính bình đẳng, không phân biệt của vạn pháp. Sau cùng A lại da thức sẽ biến thành Đại viên cảnh trí tức là trí sáng như tấm gương lớn và tròn đầy như biển cả chân như.

Nói tóm lại, Như Lai Tạng chứa chất liệu của bốn khoa, bảy đại rồi từ chất liệu đó mới duyên khởi hình thành ra tất cả những hiện tượng như thế gian vũ trụ trong đó có hữu tình và vô tình chúng sinh. Nhân duyên hòa hợp vọng gọi là sanh, nghĩa là khi nhân duyên tương ứng với nhau thì bấy giờ từ trong bản thể Như Lai Tạng vọng được sinh ra. Nếu không phải là vọng thì nó phải tồn tại vĩnh viễn trong mọi không gian và thời gian, nhưng cái sinh này có tánh cách giai đoạn, nhất thời nên mới nói là vọng.

Thí dụ như khi hội đủ nhân duyên con người được kết tạo và sinh ra trên thế gian này, nhưng vì thân này là vọng, là

https://thuviensach.vn

giả huyển, là không thật, không bền chắc nên đâu có ai bảo đảm là khi nào mình sẽ chết. Có người 50 tuổi đã chết, có người may mắn hơn thì sống đến 70, hay 80. Nhưng cho dù con người có sống đến bao nhiêu tuổi đi chăng nữa thì cũng bởi do nhân duyên mà được. Nhân duyên hòa hợp thì sống, còn nhân duyên ly tán thì chết, chớ con người không làm chủ được nó. Vì thế nếu thế gian vũ trụ là thật thì con người đâu có chết, nhà cửa, xe cộ đâu có hư hại. Trước những hiện tượng sinh sinh diệt diệt, có tan có hợp này thật ra chỉ là sự biến dịch rất mầu nhiệm của Như Lai Tạng.
Nói một cách khác là không có một pháp nào trên thế gian này mà thật sinh hay thật diệt cả. Con người dù có chết đi thì cũng như "hiện tượng" trở về với "bản thể" và sau đó khi hội đủ nhân duyên thì từ bản thể phát sinh ra hiện tượng tức là có tái sinh. Thế thì có người nào thật chết đâu mà phải sợ cho nên vấn đề sinh tử, tử sinh là chuyện bình thường đối với người đệ tử Phật. Vì vậy sinh ra để rồi diệt, diệt để rồi lại sinh và cứ thế mà lang thang lẩn thẩn mãi trong sinh tử luân hồi. Do đó con người cũng như tất cả vạn vật trên thế gian này ví cũng như vầng mây tan hợp, đến rồi đi, chia biệt để có tương phùng vậy thôi.

Và sau cùng trong Như Lai Tạng tìm cho ra sinh tử mê ngộ đến đi cũng không thể được. Tại sao? Đối với tuệ nhãn của chư Phật thì trong thế gian vũ trụ này không tìm đâu ra cái sinh tử đến đi cả bởi vì sinh để rồi diệt và diệt rồi để lại sinh thì sinh diệt hay diệt sinh đâu có mất mát gì. Vì thế mà sinh thì cũng không vui và diệt thì cũng chẳng có gì đau

https://thuviensach.vn

xót. Con người có mê lầm vọng chấp cũng bởi do khách trần phiền não bên ngoài chớ không phải cái "thường có" bên trong cho nên cái mê lầm này không phải là thật mê.

Ngày nay người đệ tử Phật thường tâm niệm rằng tu học là để đoạn trừ phiền não thì đây chỉ là giáo lý phương tiện cho những người sơ cơ mới vào đạo bởi vì phiền não làm gì thật có để mà đoạn trừ. Mà không mê thì tìm đâu ra ngộ vì thế mà dưới tuệ nhãn cũa Như Lai không bao giờ có mê ngộ. Thí dụ như một người bị nhặm mắt thì nhìn lên trời thấy hoa đóm, nhưng trong hư không làm gì có hoa đóm. Một thí dụ khác là khi chưa chứng đạo thì người tu Phật mong chờ, hy vọng được chứng đạo vì nghĩ rằng đó là cái gì cao xa huyền diệu, nhiệm mầu. Nhưng khi hóa giải hết phiền não vô minh để chứng đạo rồi thì rốt cuộc chẳng có chứng đắc cái gì cả. Tại sao? Bởi vì con người khi biết thức tỉnh thì không làm những chuyện sai trái vì biết nó là sai trái, là nguyên nhân của đau khổ nên gọi là "ngộ" chớ thật "có ngộ" gì đâu.

Ngũ Uẩn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Như Lai Tạng

1) Thu Sắc uẩn :

Phật dạy rằng :

- A Nan! Tại sao ngũ uẩn chính là Như Lai tạng, là tánh chân như nhiệm mầu? A Nan! Ví như có người dùng mắt thanh tịnh để nhìn bầu trời quang đãng, chỉ thấy một khoảng không trong vắt. Người kia vô cớ nhìn sững chẳng

https://thuviensach.vn

nháy mắt, nhìn lâu hóa ra mỏi mệt, nên thấy hoa đóm loạn xạ trong hư không, lại là tất cả tướng giả dối không thật. Nên biết, ngũ uẩn cũng như vậy. A Nan! các hoa đóm lăng xăng ấy chẳng phải từ hư không mà đến, cũng chẳng phải từ mắt mà ra. Đúng vậy, A Nan! Nếu từ hư không đến, thì phải trở về với hư không. Nếu có ra có vào tức chẳng phải hư không.

Hư không nếu chẳng không thì chẳng được tướng hoa đóm sinh diệt kia. Như thân thể A Nan thì chẳng dung nạp thêm một A Nan nào nữa. Nếu hoa đóm từ mắt mà có thì phải trở về trong mắt. Nếu tánh của hoa đóm từ mắt mà có thì lẽ ra nó phải thấy được. Nếu nó thấy được thì khi làm ra hoa đóm giữa hư không, khi trở về nó phải thấy con mắt. Lại nữa, khi thấy hoa đóm, lẽ ra mắt không mờ. Tại sao khi thấy hư không trong lặng, mới gọi là con mắt trong sáng. Do vậy nên biết rằng sắc uẩn không thật, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Ngũ uẩn vốn là bản tánh nhiệm mầu của Chơn tâm, Phật tánh hay Như Lai Tạng, nhưng bởi sự vọng niệm đối đãi với cảnh vật bên ngoài mà ngũ uẩn biến thành năm thứ giặc làm ngăn che trí tuệ và sự thanh tịnh của bản tâm vì thế trong đoạn kinh này đức Phật muốn thu ngũ uẩn lại để chúng sinh có thể nhìn thấu suốt, không còn che đậy bởi những tướng giả dối đó để quay về sống với chơn tâm, với bản lai diện mục của chính mình mà có an vui, tự tại, thanh thoát an nhàn.

https://thuviensach.vn

Sắc uẩn là chỉ cho thân xác của con người hay nói rộng hơn là chỉ cho tất cả những vật thể trong thế gian vũ trụ này.

Khi nói bốn khoa và thất đại là một cách phân chia để dễ phân tích chớ thật ra trong ngũ uẩn đã bao trùm bốn khoa và thất đại rồi. Nói cách khác tất cả những hiện tượng duyên khởi trên thế gian này không ngoài bốn khoa, bảy đại tức là đều do ngũ uẩn duyên khởi mà ra. Khi nói về con người thì sắc là sắc thân thất đại, còn nói về vũ trụ vạn hữu thì sắc là núi sông, mây nước, cỏ cây, hoa lá, mặt trời, mặt trăng, chim bay, cá lặng…Đối với con người thì thọ, tưởng là tâm sở tức là các sở hữu của tâm vương. Tâm vương thì gồm có :

- Nhãn thức : cái biết của mắt.

- Nhĩ thức : cái biết của tai.

- Tỷ thức : cái biết của mũi.

- Thiệt thức : cái biết của lưỡi.

- Thân thức : cái biết của thân.

- Ý thức : cái biết của ý.

https://thuviensach.vn

- Mạt na thức.

- A lại da thức. (Xin quý độc giả quay về trang 96 để biết thêm chi tiết về Mạt na thức và A lại da thức).

Tâm vương là tự chủ, tự quyết định. Thí dụ, khi mắt thấy chiếc xe thì tâm liền phân biệt để biết rằng chiếc xe này tốt hay xấu. Nếu cái thấy cho rằng chiếc xe đó là tốt thì tâm tham phát khởi muốn chiếm lấy. Còn cái thấy của con mắt cho rằng chiếc xe xấu, không giá trị nên muốn bỏ đi. Vậy cái tánh thấy đó chính là phần chủ động để có sự phân biệt tốt xấu trong tâm thức cho nên nhãn thức này mới được gọi là nhãn thức tâm vương. Nhĩ thức cũng thế, vì có tâm phân biệt nên con người chỉ muốn nghe những câu vừa lòng mát dạ còn những chuyện trái ý nghịch lòng thì không muốn nghe. Do đó muốn nghe hay không là do nhĩ thức phân biệt của lỗ tai nên mới gọi nhĩ thức tâm vương là vậy. Cái mũi ngửi để phân biệt mùi hương, hương vị nào thơm thì thích còn mùi hôi thúi thì chê ghét xa lánh. Cái lưỡi thì thích nếm mùi vị thơm ngon còn mùi chua, vị đắng thì bỏ đi. Cái thân muốn tiếp xúc với cảm giác êm đềm, mềm mại và chán ghét đau đớn khi đụng phải chông gai. Sự biết, sự phân biệt của năm thức ở trên để có cái thích hay không thích thì gọi là ý thức tâm vương.

Sáu thức ở trên thì cả Tiểu thừa và Đại thừa cùng chấp nhận, nhưng dựa theo tư tưởng của Đại thừa thì tâm thức

https://thuviensach.vn

con người còn được thể hiện qua thức thứ bảy là Mạt na thức và thức thứ tám là A lại da thức.

- Mạt na thức là tánh chấp ngã của con người rất vi tế mà còn được gọi là phản xạ tự nhiên. Thí dụ như khi có ai đưa ngón tay vào mắt mình thì phản ứng tự nhiên để bảo vệ cho thân là mắt nhắm lại. Một thí dụ khác là nếu ai đánh ta thì phản ứng tự nhiên là mình đưa tay lên đỡ. Đỡ là để bảo vệ cho ta, cho bản ngã.

- A lại da thức tức là tàng thức. Tàng thức thì bao trùm khắp cả mười phương thế giới vô cùng vô tận, như khi nó tác động vào con người ví cũng như hư không vào trong cái ly, cái chum, cái ché vậy. Tuy hư không trong cái ly, cái chum rất nhỏ bé so với vũ trụ, nhưng tánh hư không thì không khác. Vì thế mà con người và vũ trụ tuy hình tướng, kích thước có khác nhau, nhưng thật tánh thì không khác nên cổ đức có câu : ”Nhân thân tiểu vũ trụ” nghĩa là thân này là một bầu vũ trụ thu nhỏ lại cho nên nếu bên ngoài thời tiết thay đổi mà thân mình chưa thay đổi theo thì thân mới sinh ra đau ốm là vậy. Thời tiết có bốn mùa : hè nóng nên thân muốn dùng vật lạnh, đông lạnh thì thân muốn tiêu thụ vật nóng… cho nên vũ trụ thế gian biến đổi thì thân cũng biến đổi theo. Nói tóm lại, sắc uẩn là cho mọi vật thể trên thế gian kể cả sắc thân tứ đại của con người.

Trong Duy thức luận thì tâm sở có 51 món và được chia làm 6 loại :

https://thuviensach.vn

- Biến hành (Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư).

- Biệt Cảnh (Dục, Thắng giải, Niệm, Định, Huệ).

- Thiện (Tín, Tàm, Quí, Vô tham, Vô sân, Vô si, Tinh tấn, Khinh an, Bất phóng dật, Hành xả, Bất hại).

- Căn bản phiền não (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến).
- Tùy phiền não (Phẩn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuồng, Siểm, Hại, Kiêu, Vô tàm, Vô quý, Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Thất niệm, Tán loạn, Bất chánh tri).

- Bất định (Hối, Miên, Tâm, Tư).

Nhìn chung trong 51 món tâm sở chỉ có 11 phần thuộc về thiện còn lại 40 phần thuộc về bất thiện cho nên khi đối diện với cuộc sống con người có nhiều khuynh hướng chạy theo tham đắm si mê là như vậy. Vì Thọ, Tưởng thuộc về Biến hành nên trong vũ trụ đã có sẵn những chủng tử hay những hạt nhân nghĩa là trong bản thể Như Lai Tàng đã có sẵn hạt giống Thọ, Tưởng rồi. Khi con người được sinh ra thì Thọ, Tưởng tác động vào thành Tâm sở của người ấy. Hành Uẩn và Thức Uẩn cũng thế, chúng đã có sẵn những chủng tử trong bản thể Như Lai Tàng (A lại da thức) trong hư không vô cùng vô tận để tác tạo thành Tâm vương.

https://thuviensach.vn

Do đó từ ngũ uẩn duyên khởi thành con người tức là loài hữu tình chúng sinh (thất đại) và những loài vô tình chúng sinh (ngũ đại) như cỏ cây, hoa lá, sông núi, trăng sao… Con người vì có đủ lục căn mới sinh ra lục nhập để thu nạp lục trần mà phát khởi những sự phân biệt thương ghét, tốt xấu… Sau cùng sáu giới của căn (Nhãn giới, Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới, Thân giới và Ý giới) duyên với sáu giới của trần (Sắc giới, Thanh giới, Hương giới, Vị giới, Xúc giới và Pháp giới) phát sinh sáu giới của thức (Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới và Ý thức giới) để tạo thành mười tám giới.

Trong đoạn kinh trên tại sao Phật lại nói ngũ uẩn là tánh chân như nhiệm màu của Như Lai Tạng? Đức Phật dạy rằng tất cả các tướng (ngũ uẩn) trong thế gian này đều là huyễn hóa, do phân biệt mà có và cũng theo phân biệt mà diệt. Nhưng thật tánh của các tướng huyễn hóa đó lại là thể tánh chân như cho nên tâm Phật và tâm của chúng sinh không hề sai khác, bình đẳng như nhau. Khi duyên đến, chính cái thể tánh chân như lại phát khởi, tác dụng mà tạo thành thế giới vũ trụ để có thiên hình vạn tướng tức là bất biến tùy duyên. Vì sự biến hóa kỳ ảo này nên mới gọi là thể tánh chân như nhiệm mầu tức là Như Lai Tạng vậy.

Bây giờ Phật mới đưa ra thí dụ sắc uẩn ví cũng như hoa đóm giữa hư không. Nếu một người có nhãn căn thanh tịnh, khi nhìn vào trong hư không thì không thấy gì cả,

https://thuviensach.vn

nghĩa là chỉ thấy tất cả đều là trong sáng. Nhưng nếu người đó cứ nhìn chăm chăm, không chớp mắt làm cho con mắt bị mỏi mệt thì cái nhìn bây giờ người đó lại thấy hoa đóm hiện ra giữa hư không. Thế thì hoa đóm thật sự không phải từ hư không mà đến và cũng không phải từ con mắt mà ra. Tại sao? Bởi vì nếu nó từ hư không mà đến thì rồi phải trở vào hư không, nhưng nếu hoa đóm có ra có vào thì hư không đâu còn là hư không nữa?
Còn nếu nó từ con mắt mà ra thì nó phải trở vào con mắt. Nếu hoa đóm từ con mắt mà ra thì khi trở về, nó phải thấy con mắt, nhưng có hoa đóm nào thấy được con mắt đâu! Thêm nữa, hoa đóm hiện ra giữa hư không làm mờ hư không vì hư không không còn trong sáng như trước cho nên nếu hoa đóm trở vào con mắt thì nó sẽ làm mờ con mắt, nhưng nếu hoa đóm đã trở vào con mắt nghĩa là hoa đóm không còn hiện ra giữa hư không nữa thì hư không bây giờ trở thành trong sáng tức là cái nhìn bây giờ là cái nhìn của người có nhãn căn thanh tịnh rồi. Vì vậy nếu thấy hư không trong suốt nghĩa là hoa đóm không làm mờ con mắt thì hoa đóm làm sao có thật được.

Do vậy, thì biết tất cả hình tướng sự vật đều do nhận thức sai lầm mà biến hiện ra. Chúng là giả dối, không thật, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên mà có. Tướng giả dối của con mắt là do nhìn mệt mỏi sinh ra, còn tướng giả dối của chúng sinh là do nghiệp lực sinh ra. Vì thế sắc uẩn là tướng giả dối mà chúng sinh chấp theo trần cảnh nên tin là thật làm che lấp tâm tánh chân như nhiệm

https://thuviensach.vn

mầu. Người mê thì chấp theo tướng trần cảnh nên chạy theo vui buồn, sầu khổ, tham đắm lợi danh; còn kẻ trí thì biết tướng trần cảnh là không thật cũng như bóng trong gương nên dễ dàng quay về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên thì có an lạc Niết bàn, không còn gì ngăn che cả.

2) Thu Thọ uẩn :

A Nan! Ví như người tứ chi yên ổn, cơ thể điều hòa, không bị vui buồn tác động, tịch tĩnh như quên mình. Bỗng nhiên người kia đưa hai tay lên không xoa nhau, sanh cảm xúc : nóng, lạnh, trơn, rít…Thọ uẩn cũng như vậy.

A Nan! Những cảm xúc hư vọng kia, không phải từ hư không đến. Không phải từ bàn tay ra. Nếu từ hư không đến sinh cảm giác từ bàn tay, sao không sanh cảm xúc nơi thân thể? Không lẽ hư không biết lựa chỗ để danh cảm xúc?

Nếu từ bàn tay ra, thì khi bàn tay hợp lại, biết có cảm xúc; đến khi bàn tay rời ra thì cảm xúc phải chạy vào xương tủy cánh tay. Lẽ ra phải biết đường vào của cảm xúc, rồi lại phải có tâm hay biết, biết ra biết vào và phải có một vật đi lại trong thân chớ cần chi phải đợi hai bàn tay hợp lại xoa nhau mới gọi là cảm xúc. Vậy nên biết rằng thọ uẩn là hư vọng không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Thọ uẩn là sự cảm nhận những cái vui, cái buồn mỗi khi lục căn tiếp xúc với lục trần. Khi có người cho tiền thì con

https://thuviensach.vn

người cảm nhận cái vui, nhưng nếu số tiền này bị ăn trộm lấy mất thì bây giờ niềm vui biến mất mà cảm thọ nổi buồn. Còn thấy tiền mà không tham, không ham muốn thì không cảm thọ gì hết tức là vô ký thọ. Đối với Phật giáo thì con đường duy nhất để đạt đến tâm thanh tịnh Niết bàn là vô ký thọ. Khi con người bên ngoài không bị lục trần quyến rũ, bên trong không bị kích động bởi tham lam, giận hờn và si mê thì không còn cảm thọ tức có tâm thanh tịnh Niết bàn.

Khi nói về thọ uẩn Phật đưa ra thí dụ rằng nếu có người lấy hai bàn tay xoa vào nhau thì phát sinh ra những cảm giác như nóng, lạnh, trơn, rít… Như khi vào mùa đông lạnh buốt, chúng ta thường xoa hai bàn tay lại với nhau khoảng vài phút thì sự cọ sát làm nóng hai bàn tay. Khi hai bàn tay nóng thì chúng ta cảm thọ sự ấm cúng làm cho toàn thân dễ chịu đôi phần. Nếu chúng sinh dùng thức tâm để phân biệt thì chắc chắn sẽ nói rằng nhờ hai bàn tay xoa vào nhau mới sinh ra những cảm xúc nóng lạnh. Nhưng Đức Phật khẳng định rằng những cảm giác tức là thọ uẩn nầy không phải từ hư không đến mà cũng chẳng từ bàn tay mà ra. Tại sao?

1) Nếu cho rằng những cảm giác lạnh, nóng, trơn, rít mà từ hư không đến thì hư không bao trùm toàn thân chớ đâu có nhất định một chỗ bàn tay. Vì thế nếu luồng cảm giác này thật sự từ hư không đến thì toàn thân cảm nhận được. Nhưng cảm giác này chỉ nhận biết được ở bàn tay thế thì lý luận này không đúng.

https://thuviensach.vn

2) Còn nếu cảm giác đến từ bàn tay mà ra thì không cần hai bàn tay cọ sát với nhau mới tạo nên cảm giác mà mỗi bàn tay tự nó phát ra những cảm xúc này rồi. Nhưng trên thực tế nếu không có sự cọ sát của hai bàn tay với nhau thì không thể có nóng, lạnh được. Vì những cảm giác nóng lạnh có được là do sự cọ sát chớ tự nó không có được nên thọ uẩn là tướng giả dối, không thật. Cũng như khi mê chúng sinh thấy có địa ngục a tỳ vì đây là những tướng giả dối từ thức tâm sinh diệt hiện ra. Nhưng khi thức tỉnh, con người quay về với chơn tâm thanh tịnh thường trú của mình thì thức tâm biến mất, cảnh địa ngục a tỳ cũng tan biến theo.

3) Thu Tưởng uẩn :

Bây giờ Phật dạy rằng :

-A Nan! Ví như có người nghe nói đến me chua thì nước bọt trong miệng chảy ra. Nghĩ đến cảnh khi đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn, nên biết tưởng uẩn cũng như vậy.

A Nan! Nếu từ me sinh ra thì me tự biết nói, đâu cần đợi người nói. Nếu từ miệng mà vào thì tự nhiên đã nghe tiếng, đâu cần đến tai nghe. Nếu riêng lỗ tai nghe, sao nước bọt không chảy lỗ tai lại tuôn ra miệng? Việc nghĩ tưởng mình đứng trên dốc cao cũng giống như vậy.

https://thuviensach.vn

Vậy nên biết rằng tưởng uẩn là hư vọng, không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Tưởng là nhớ lại hình bóng vui khổ của thân và tâm. Có lúc con người liên tưởng sự khoái lạc của những món ăn ngon. Cũng đôi khi chúng sinh liên tưởng những cảnh bực bội đau khổ khi người khác mắng chửi mình. Do đó, sau khi lục căn tiếp xúc với lục trần để lãnh thọ các cảnh khổ vui và sau đó sanh ra tưởng nhớ.

Phật đưa ra hai thí dụ ở trên để cho chúng ta nhận thấy rằng tác động của những danh tướng đối với tâm rất quan trọng. Thí dụ thứ nhất khi lỗ tai chỉ vừa mới nghe nói đến me chua thì tâm đã tưởng tượng như miệng đang ăn me chua nên nước bọt trong miệng mới chảy ra. Nếu cho rằng vì nhân duyên mà có nghĩa là nước bọt có là do me sinh ra tức là cái biết là do me nói chớ không phải do người nói. Nhưng ở đây đâu thật có me và dĩ nhiên me làm gì biết nói nên do nhân duyên sinh là không đúng. Còn nếu nói tự nhiên thì nếu me mà được đưa vào miệng thì tự nhiên đã nghe tiếng chớ đâu cần phải đến tai nghe. Bởi vì nếu lỗ tai nghe thì đáng lẽ ra lỗ tai phải chảy nước bọt chớ đâu phải miệng. Khi nghĩ đến cảnh đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn, bắt đầu nổi tóc gáy vì sợ mình sắp rơi xuống vực thẳm.
Đây chỉ là do sự tưởng tượng mà ra vì thật sự mình đâu có đứng trên dốc cao. Vậy tưởng uẩn không phải là nhân

https://thuviensach.vn

duyên và cũng chẳng là tự nhiên. Con người thường đặt tên cho các sự vật trong thế gian này để phân biệt mà gọi, nhưng rồi lại nương theo những tên gọi mà tưởng tượng ra sự vật và từ đó mới phát sinh ra lòng tham đắm si mê cũng vì những danh tướng giả dối, không thật mà tạo ra lắm điều tội ác để phải chịu quả khổ đời đời. Chính ngũ uẫn là những đám mây đen hắc ám che đậy ánh sáng huyền diệu của bản tâm thanh tịnh làm con người sống xa dần với chân tánh của họ.
Có một câu chuyện trong kinh Na Tiên Tỳ Kheo như sau :

Vua Di Lan Đà ngự đến chùa San khế đa (Sankheyya), chỗ đại đức Na Tiên bây giờ đang tạm trú với tám chục tỳ kheo, ông tiến đến trước mặt đại đức và cung kính vái chào. Đại đức đáp lễ. Sau lễ tương kiến, nhà vua cung kính ngồi né một bên. Bây giờ, vua khởi chuyện hỏi rằng :

- Kính bạch Đại Đức, trẩm muốn hỏi ngài ít câu có được không?

- Xin Đại Vương cứ phán hỏi, bần tăng xin nghe.

Nhà vua khởi chuyện hỏi rằng :

- Bạch Đại Đức, quý danh là gì?

- Người ta gọi bần tăng là Na Tiên. Các pháp hữu của bần

https://thuviensach.vn

tăng cũng gọi bần tăng bằng tên ấy. Nhưng dù cho cha mẹ của bần tăng cũng gọi bần tăng bằng tên ấy hay cho dù cha mẹ bần tăng có đặt cho bần tăng tên Na Tiên (Nagasena) hay một tên nào khác, chẳng hạn như Duy Tiên (Viranasena), Thủ La Tiên (Surasena) hoặc Duy Ca Tiên (Sihasena)…, thì chẳng qua cũng chỉ là những tên suông, đặt ra để phân biệt người nọ với người kia mà thôi. Trong những cái tên đó không hề có cái "ta" hay cái "của ta" như tà kiến và ngã chấp thường lầm nhận.

Ngày hôm sau, nhà vua lại cho mời Tỳ kheo Na Tiên vào cung để đàm đạo, dọc đường có quan đại thần A Năng Ta Ca Da đi hộ vệ cạnh Na Tiên để lân la hỏi đạo, bèn bạch rằng :

- Bạch Đại Đức, hôm qua ngài có nói với đức vua rằng ngài tên là là Na Tiên; sau đó ngài phủ quyết lại rằng không có Na Tiên. Vậy chớ ai là Na Tiên? Cái gì là Na Tiên?

- Theo ông nghĩ cái gì là Na Tiên?

- Theo tôi nghĩ, hơi thở tức mạng khí có vô có ra, chính đó là Na Tiên. Vì nhờ hơi thở đó mà sanh mạng được duy trì.

- Nếu hơi thở kia có ra mà không có vô thì người có hơi thở ấy có sống không?

https://thuviensach.vn

- Người ấy chắc chắn phải chết.

- Hơi thở của người thổi kèn, thổi sáo, hay thổi ống bễ thợ rèn, hơi thở đó ra rồi có trở vô không?

- Thưa không.

- Thế thì những người ấy sống hay chết?

A Năng Ta Ca Da sững sờ ngơ ngác không biết nói sao. Giây lâu mới bạch lại rằng :

- Bạch Đại Đức, trí tuệ của Đại Đức thật là siêu việt. Tôi không đủ thông minh để hiểu thấu. Xin Đại Đức khai thị giúp cho.

- Này Đại quan, hơi thở chẳng qua cũng chỉ là một phần việc trong nhiều phần việc của thân thể mà thôi. Cũng như phần việc của cái lưỡi là nói ra những điều gì mình suy nghĩ, mình cảm hay phần việc của cái ý là suy tư những điều gì xúc… Mỗi bộ phận trong cơ thể đều có phần việc của nó. Đó là điều được mệnh danh là "thân hành" hằng trú trong năm uẩn, nhất là trong Sắc uẩn. Phân tích các hành tướng của thân hành thì thấy toàn là trống không, vì vậy mà nói rằng : Không có Na Tiên.

https://thuviensach.vn

Tên là do cha mẹ đặt cho con khi mới sinh ra, ngay cả pháp danh cũng do quý thầy cô đặt cho khi mới thọ quy y học Phật pháp, nhưng tên là văn tự tức là tướng giả dối, không thật mà con người cứ tin chắc nó là mình, là của mình,clà cái ngã bền chắc nhất làm nền tảng cho cuộc sống. Vì nghĩ rằng cái ngã này của riêng mình cho nên sống giữ chết đem theo, bám chặt lấy nó, nhưng thật ra con người làm gì có cái ngã. Cái bản ngã giả dối mà con người tin là thật thì thật ra nó chỉ là sự biến dịch của Mạt na thức để phát triển lòng tham đắm si mê.

Ngay cả linh hồn thì Phật giáo cũng phủ nhận vì nó không có bởi vì cái mà con người nghĩ rằng đó là linh hồn thì nó chỉ là những chuỗi thức nằm trong Tàng thức biến hiện dựa theo nghiệp lực chớ đâu có cố định cứng ngắc. Vì thế, người biết tu tâm dưỡng tánh thì họ có thể biến những chủng tử bất thiện thành những chủng tử thiện và khi tu hành đến chỗ minh tâm kiến tánh thì tất cả những chủng tử thiện ác cũng biến mất mà thay bằng chủng tử vô ký. Đây là chứng được vô sanh pháp nhẫn, viễn ly sinh tử vậy.

4) Thu Hành uẩn :

Phật lại dạy rằng :

A Nan! Ví như dòng nước dốc cuồn cuộn tương tục tuôn chảy. Dòng nước không nhân hư không mà sinh, không nhân nước mà có. Nó không phải tánh nước nhưng không

https://thuviensach.vn

ngoài hư không và nước. A Nan! Nếu nhân hư không mà sinh thì mười phương hư không vô cùng tận, nước vô tận, thế gian này chìm đắm cả rồi sao? Nếu nhân nước mà có thì dòng nước dốc không là nước nữa. Bởi vì, ai cũng có thể chỉ tướng của nước và dòng nước khác nhau. Nếu dòng nước dốc là tánh nước thì khi nước đứng lại, lẽ ra không phải là nước nữa. Nếu ra ngoài hư không và nước thì không có cái gì ở ngoài hư không và ở ngoài nước ra không thể có dòng nước.

Vậy nên biết rằng hành uẩn là hư vọng, không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Hành là sự biến chuyển thay đổi của tâm niệm. Con người lúc nào cũng suy nghĩ về quá khứ, hiện tại và vị lai. Suy nghĩ về mình, về người, về giàu, về nghèo khó, về công danh, về sự nghiệp, về sắc diện, về tinh thần, về vật chất…Ý niệm sau thay thế ý niệm trước và cứ thế mà sanh khởi liên tục trong tâm của con người cho nên cổ đức mới có câu : ”Tâm viên mã ý” là vậy. Tưởng uẩn và hành uẩn là nguyên nhân phát sinh ra ý niệm làm che lấp chơn tâm, Phật tánh của chúng sinh vì thế, nếu tu theo Tiểu thừa một khi diệt được tưởng, thọ thì tâm được thanh tịnh và vào hàng Thánh giả A la hán. Còn tu theo Đại thừa thì thành Thất địa Bồ-tát.

Ở đây Phật ví hành uẩn như một dòng nước dốc, lớp nước sau nối tiếp lớp nước trước liên tục không ngừng nghỉ.

https://thuviensach.vn

Luồng tâm niệm của con người cũng thế, ý niệm sau thay thế ý niệm trước và cứ như thế mà lưu chuyển trong A lại da thức làm cho con người luôn suy nghĩ, tưởng nhớ và chạy theo tiền trần tức là chạy theo sắc tài danh lợi làm cho tâm bất tịnh. Đối với người tu Phật thì hành uẩn là quan trọng nhất vì nếu phá được hành uẩn tức là chúng sinh đã phá được nguồn gốc của tất cả những niệm khởi thì lúc đó chơn tâm, Phật tánh mới hiện bày.

Dòng nước không phải nhân hư không mà sinh nghĩa là dòng nước không phải tự nhiên mà có. Tại sao? Bởi vì nếu hư không mà sinh ra nước thì thế gian vũ trụ này sẽ trở thành cái biển lớn và sẽ không còn là hư không nữa Lý luận này không đúng. Khi thấy nước chảy thì gọi là dòng nước nghĩa là trạng thái sinh diệt, trạng thái động của nước; còn nước không chảy thì gọi là nước yên nghĩa là trạng thái tĩnh, trạng thái yên lặng của nước. Vì thế Đức Phật cho rằng tướng hành uẩn là tướng giả dối, nó không phải là tánh của nhân duyên và cũng không phải là tánh của tự nhiên hợp thành. Đức Phật muốn chúng sinh thấy rằng hành uẩn chỉ là tướng giả dối do duyên với ngoại cảnh mới có.

Vì thế hành tướng tâm niệm thì sinh sinh diệt diệt, không phải do thể tánh chân như thường trụ bất diệt sinh ra và cũng không phải là bản tánh của tự tâm, nhưng chúng cũng không ra ngoài tự tâm và thể tánh chân như được. Tuy tâm niệm là giả dối nên sinh thì không thật sinh và diệt thì cũng không thật diệt, nhưng thật chất của nó vốn là tâm tánh chân như nhiệm mầu.

https://thuviensach.vn

5) Thu Thức uẩn :

A Nan! Ví như người lấy cái độc bình tần già, bịt cả hai lỗ, trong có đựng đầy hư không, đi xa ngoài nghìn dặm, tặng cho một nước khác. Hư không đó, chẳng phải đến từ bên nước kia, cũng không phải đưa vào nước bên này. Vì, nước được tặng, hư không chẳng được thêm ra. Nước đem cho không vì vậy, hư không vơi bớt. Vậy nên biết rằng thức uẩn là hư vọng, không phải nhân duyên cũng không phải tự nhiên.

Thức là sự hiểu biết phân biệt. Mỗi khi lục căn tiếp xúc với lục trần thì tạo thành sáu thức nghĩa là sáu cái biết phân biệt ở trong tâm của chúng sinh. Nếu lúc nhãn căn mới chạm vào sắc trần thì gọi là "hiện lượng" tức là thể sáng suốt của tám thức. Khi niệm thứ hai khởi tâm phân biệt thì gọi là "tỷ lượng" tức là thuộc về ý thức phân biệt. Do đó con người vì tính nhạy bén phân biệt nên cái ý niệm thấy ban đầu (hiện lượng) tức là tánh thấy sáng suốt biến mất mà được thay bằng ý thức phân biệt tốt xấu (tỷ lượng)… nên trong tâm chất đầy phiền não khổ đau, bất toại ý.

Bây giờ Phật ví dụ thức ấm như người lấy một cái độc bình, hình dáng như con chim, bịt kín cả hai lỗ, trong đựng đầy hư không và đem đi xa ngàn dặm mà tặng cho nước khác. Vậy đoạn kinh này Phật muốn nói gì? Cái độc bình mà Phật ví dụ ở đây là ám chỉ cho tấm thân thất đại của

https://thuviensach.vn

chúng sinh. Còn hư không là muốn nói đến thức tâm, bản Ngã tức là Tàng thức của họ. Và đem đi ngàn dặm mà tặng cho nước khác là ý nói Tàng thức chuyển từ thân cũ sang thân mới, sinh sinh diệt diệt. Trên con đường tái sinh, thức tâm luôn cho nó là một Bản Ngã, là một chủ thể cao thượng hơn tất cả những sự vật khác trong thế gian vũ trụ này. Cái Bản Ngã giả dối hay chủ thể không thật này đem theo tất cả những tập quán, những kinh nghiệm của những kiếp sống quá khứ mà tái sinh vào trong đời sống mới.
Thí dụ như một ông Bác sĩ khi tái sinh vào một thân xác mới thì ông ta đã có sẵn kinh nghiệm và kiến thức y khoa cho nên ông có rất nhiều cơ hội để trở thành bác sĩ hơn những người bình thường khác. Một thí dụ khác là Lục tổ Huệ Năng khi thành lục tổ thì Ngài rất trẻ chỉ ngoài hai mươi tuổi, không biết chữ nghĩa, chưa bao giờ học kinh điển và lại là cư sĩ. Nhưng khi nghe những câu trong kinh Kim Cang thì trí tuệ bát nhã của Ngài bừng sáng mà ngộ được chân lý trong khi cả ngàn đệ tử của Ngài Hoàng Nhẫn thì ngồi thiền, tụng niệm không biết bao nhiêu biến và không biết bao nhiêu năm mà có ai ngộ được đâu. Thế thì trong tiền kiếp chính Huệ Năng đã trì công tu hành đến chỗ ngộ hay sắp ngộ nên qua đến kiếp nầy chỉ cần có thiện duyên thì Ngài giác ngộ ngay. Cũng nên nói thêm, trên con đường tái sinh, thức tâm luôn cho nó là một Bản Ngã, là một chủ thể cao thượng hơn tất cả những sự vật khác trong thế gian vũ trụ này.

Khi đến nước được tặng, mở bình ra thì nước đó hư không

https://thuviensach.vn

cũng chẳng thêm ra, còn nước đem tặng cũng vậy, hư không cũng chẳng thiếu chẳng thừa. Khi mê thì chấp có ta, có Bản Ngã nên mới tạo nghiệp để phải chịu sinh tử triền miên. Nhưng khi thức tỉnh giác ngộ, thức tâm vọng niệm biến mất, Bản Ngã không còn thì chơn tâm, Phật tánh hiện bày. Con người nghĩ rằng trong họ phải có cái ta nên trong tâm thức lúc nào cũng cho rằng cái ta này phải khác với mọi sự vật và cho đến chết họ cũng bo bo giữ chặt cái ta đến cùng để chuyển từ thân này sang thân khác. Nhưng tâm thức thì cùng khắp mười phương thế giới, không hề đi đâu. Còn cái ta chỉ là ảo danh, không hề thật có mà con người bám vào kiến chấp mê lầm nên mãi trôi nổi trong sinh tử luân hồi. Hãy nghe câu chuyện trong kinh Tỳ kheo Na Tiên như sau :

Vua Di Lan Đà bây giờ hỏi Tỳ kheo Na Tiên rằng :

- Bạch Đại đức! Con người sau khi chết rồi, cái gì sanh trở lại?

Tỳ kheo Na Tiên liền đáp :

- Tâu Đại vương! Đó là Danh (thọ,
tưởng, hành, thức) và Sắc (thân tức là đất, nước, gió, lửa…).

- Phải chăng đó là Danh và Sắc-thân của người cũ sanh trở lại?

https://thuviensach.vn

- Thưa không phải Danh cũ, cũng không phải Sắc-thân cũ sanh trở lại. Cái Danh Sắc-thân của đời này làm các việc thiện ác, do nghiệp thiện ác ấy mà chuyển sanh sang một Danh Sắc-thân khác để thọ lãnh phước báo hay tội báo đã gây ra.

- Như vậy là không phải cái Danh Sắc-thân cũ sanh trở lại. Thế thì đời này là điều ác, đời sau đâu có chịu quả báo được? Và nếu không sanh trở lại nữa thì tức là đã thoát khỏi luân hồi?

- Không phải như vậy! Nếu sống ở đời mà chỉ toàn làm điều thiện thì sau khi chết có thể không sanh trở lại. Nhưng thông thường thì làm điều thiện cũng có mà gây điều ác cũng nhiều, việc lành, việc dữ tiếp nối xen nhau không ngừng, cho nên phải sanh trở lại mà thọ báo. Làm sao thoát khỏi luân hồi được.

- Xin cho thí dụ về sự liên hệ giữa Danh Sắc-thân cũ với Danh Sắc-thân mới :

- Ví như người hái trộm xoài của kẻ khác. Chủ vườn xoài bắt được quả tang đem đến đầu cáo với Đại vương, yêu cầu Đại vương xử trị. Trước mặt Đại vương bị cáo cãi rằng : ”Tôi không hái xoài của anh ấy. Cây xoài của anh ấy trồng hồi trước là cây mầm tí xíu. Còn những trái xoài mà tôi hái bây giờ nằm trên một cành cây to lớn sum sê. Thế thì tôi

https://thuviensach.vn

đâu có ăn trộm". Trước những lý lẽ viện ra như thế, Đại vương có cho rằng anh ta vô tội và xử cho anh ta được thắng kiện không?

- Không! Vua Di Lan Đà đáp. Anh ta có tội. Trẩm sẽ xử cho người trồng xoài được thắng kiện. Vì trước kia nhờ người này ra công trồng trọt bón xới cây mầm, cho nên ngày nay mới có cây xoài to lớn đơm hoa kết trái.

- Tâu Đại vương! Con người tái sanh trở lại cũng giống như thế. Với cái Danh Sắc-thân này, người ta sống trên đời mà làm các việc thiện ác. Nghiệp thiện ác nối tiếp không ngừng, chuyển biến hình thành để sanh ra một Danh Sắc-thân mới. Cũng như do công phu đào lỗ bỏ hột và vun bón cây mầm nên về sau mới có cây xoài sum sê cành lá với trái chín trĩu cây. Làm việc thiện ác trong đời này tức là gieo hột giống xuống đất và bón xới cây mầm. Đời sau không sao không thọ báo được.

Vua lại hỏi :

- Bạch Đại đức! trong con người cái gì làm chủ? Phải chăng đó là linh hồn thường tại?

- Tâu Đại vương! Cái linh hồn thường tại ấy như thế nào?

- Nó thường ở trong ta, dùng mắt mà nhìn hình sắc, dùng tai mà nghe âm thanh, dùng mũi mà ngửi mùi, dùng lưỡi

https://thuviensach.vn

mà nếm vị, dùng thân mà sờ mó nhám trơn, dùng ý mà hiểu biết và nhờ nghĩ. Nó cũng như Đại đức và trẩm hiện đang ở trong cung điện này nhưng vì bốn mặt đều có cửa sổ, nên ngang qua cửa sổ ấy chúng ta mới thấy được phong cảnh bên ngoài.

- Như vậy, ý Đại vương là muốn ví các giác quan nơi con người với các cửa sổ của cung điện này chăng? Ngang qua bất cứ cửa sổ nào, ta cũng thấy được cảnh vật bên ngoài. Thế thì ngang qua bất cứ giác quan nào, linh hồn thường tại cũng phãi thấy được ngoại cảnh giống như thế chứ gì? Vậy linh hồn thường tại có thấy được hình sắc bằng tai, mũi, lưỡi, thân và ý chăng?

- Thưa không.

- Linh hồn thường tại có nghe được âm thanh, có ngửi được mùi, có sờ biết nhám trơn, có suy nghĩ bằng mắt, mũi, lưỡi, thân và ý chăng?

- Thưa không.

- Như vậy thì lời lẽ của Đại vương trước sau không xứng hợp với nhau. Lại nữa, trong khi Đại vương và bần tăng cùng ngồi trong cung điện này, nếu phá bỏ hết tất cả các cửa sổ ở bốn phía thì tầm mắt của chúng ta rộng xa thêm ra không?

https://thuviensach.vn

- Thưa có.

- Vậy, phá bỏ một cái cửa nơi thân ta là cặp mắt chẳng hạn thì linh hồn thường tại có thấy rộng xa thêm không?

- Thưa không.

- Và nếu phá bỏ thêm mấy cái cửa khác nơi thân ta là tai, mũi. Lưỡi, thân, ý thì linh hồn thường tại có nhờ đó mà nghe rộng thêm, ngửi nhiều thêm, nếm tăng lên, sờ nhiều ra và suy nghĩ rộng hơn không?

- Thưa không.

- Như vậy lời lẽ của Đại vương trước sau lại không xứng hợp nhau.

Na Tiên bèn giải thích rằng :

- Con mắt và hình sắc gặp nhau khiến tâm thần kích động. Tâm thần kích động thì liền sanh cảm thọ khổ vui. Với lỗ tai và âm thanh, hoặc với mũi và hương, lưỡi và vị, thân và nhám trơn, ý và điều nhớ nghĩ cũng như thế. Tâm thần kích động thì liền sanh cảm thọ khổ vui. Do cảm thọ khổ vui liền sanh ý niệm. Do ý niệm biến chuyển thành tựu cho

https://thuviensach.vn

nhau mà tạo nên một ông chủ vô thường là cái giả Ngã. Cái gọi là linh hồn thường tại đâu có dính dáng gì ở đây.

Dựa vào câu chuyện trên thì một người hiện tại đang sống tức là hiện giờ họ đang có đủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Con người vì bị vô minh che lấp, lấy giả làm chơn nên nghĩ rằng trong họ phải có một cái Ngã thường hằng bất biến mà họ gọi là linh hồn để làm chủ lấy đời họ và khi chết cái linh hồn này sẽ chuyển sang thân khác ở đời sau. Vậy hãy nghiệm xem thật sự con người có cái linh hồn thường hằng bất biến chăng? Con người là sự kết hợp của ngũ uẩn tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức nghĩa là con người là do nhân duyên hòa hợp tạo thành, chớ tự chúng không thể có được vì thế, ngũ uẩn không có tự tánh, chủ thể nên nó là vô ngã tức là Không. Cái biết phân biệt của lục thức khi lục căn duyên với lục trần chỉ là những ý niệm thay đổi không ngừng trong tâm thức của con người trong khi đó linh hồn thì cố định đâu có thay đổi. Con người vừa mới kết tinh rồi sinh ra thì đã có sẳn một cái linh hồn.
Đến khi lớn lên và cho đến lúc chết thì cái linh hồn này vẫn như thế, không tăng không giảm, cố định. Nhưng thật ra một người càng hiểu biết chuyện đời thì tâm thức càng nới rộng chớ đâu có cố định. Một ông bác sĩ, một vị kỹ sư, một nhà bác học thì chắc chắn sự hiểu biết của họ hiện giờ khác rất xa với lúc họ chưa thành đạt. Thêm nữa, cũng chính cái ngũ uẩn này tạo tác thiện ác, tốt xấu cũng bởi do Mạt na thức. Bởi vì Mạt na thức có tính hằng thẩm tư lương nên luôn chấp đó là mình, là của mình mà sinh ra

https://thuviensach.vn

tham đắm si mê. Vì còn phân biệt đối đãi nên thấy có ta có người và dĩ nhiên là thấy cái ta và cái của ta là đúng, là đẹp, là hơn. Đây là những căn bản của phiền não khổ đau cũng bởi do chấp ngã mà ra. Vì thế mới gọi là Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn và Ngã Ái. Sau cùng tất cả những chủng tử thiện ác được cất giữ trong A lại da thức để chuyển sang đời sau. Nhưng tiến trình này như thế nào?

Con người vì sống trong vô minh phiền não nên tạo ra nghiệp mà phải kết nối đời sau để thọ khổ. Chữ "kiết sanh" có nghĩa là thọ sanh tức là bắt đầu từ khi kết thai cho đến lúc sanh ra vậy. Tiến trình kết nối đời sau bắt đầu từ thân đang sống đến thân đang chết. Rồi từ thân đang chết đến thân trung ấm (thân mới chết chưa đầu thai). Và sau cùng từ thân trung ấm đến thân đời sau. Nếu các thân được tương tục không gián đoạn như thế ắt phải có một cái gì thường lưu hành và giữ gìn (chấp thủ). Cái thường lưu hành và giữ gìn đó chính là thức thứ tám, là A lại da thức hay là A-đà-na thức. Thật vậy, nếu không có thức thứ tám này để nắm giữ việc "kết nối đời sau" thì khi một người chết rồi phải mất luôn, không còn tái sanh được nữa.
Do đó Phật giáo phủ nhận cái linh hồn thường hằng bất biến trong con người, bởi vì linh hồn thì không thay đổi nhưng con người mỗi giây mỗi phút luôn thay đổi theo thời gian và không gian. Tất cả những chủng tử thiện ác mà con người kết tập sẽ được cất giữ trong A lại da thức (A đà na thức) và sẽ chuyển qua thân khác khi nhân duyên hội đủ. Nên nhớ rằng thân xác là do kết hợp của thất đại (địa đại,

https://thuviensach.vn

thủy đại, phong đại, hỏa đại, kiến đại, không đại và thức đại) vì thế khi con người chết, thất đại tan rã thì đất trở lại với đất, nước trở về với nước, lửa trở lại với lửa… A lại da thức (A đà na thức) sẽ trở về với không đại trong không gian vô cùng vô tận này. A đà na thức hiện hữu trong hư không (không đại) không có nghĩa là nó không có. Nó lúc nào cũng có nhưng mắt thường không thấy được nên nhà Phật mới gọi nó là không. Ví cũng như gió, có ai thấy được gió đâu, nhưng gió lúc nào cũng có trong không gian địa cầu này. Không khí cũng thế, chỗ nào mà không có không khí, nhưng không khí không có mùi vị, hình sắc nên ngũ quan con người không nhận biết được. Một thí dụ khác là khí đốt. Khí đốt thì không có mùi vị, màu sắc mà lại rất độc cho nên khi dùng công tu hơi đốt mới cộng thêm mùi thúi vào để dễ nhận biết.

Vì vậy khi hội đủ nhân duyên thì những chủng tử trong A đà na thức duyên khởi mà tác tạo ra con người mới tức là có tái sinh. Một người mới chết, tuy thất đại từ từ tan rã, tay chân lạnh ngắt, tim ngừng đập, nhưng Tàng thức (A đà na thức) hay (A lại da thức) vẫn còn lưu lại trong thân xác người chết. Dựa theo Phật giáo thì khoảng 8 tiếng đồng hồ sau khi tim ngừng đập thì Tàng thức mới thoát ra khỏi thân xác. Tất cả hơi nóng trong người (hỏa đại) đi theo Tàng thức ra ngoài nên toàn thân người chết lúc đó mới thật sự lạnh ngắt. Khi con người mới thụ tinh thì nghiệp lực khiến Tàng thức nhập vào Noãn bào của người mẹ trước khi thất đại được thành hình. Nhưng đến lúc lâm chung, tất cả thất đại tan rã trước rồi Tàng thức mới thoát ra sau.

https://thuviensach.vn

Vậy có ai chết rồi mà không sanh trở lại không? Nếu chúng sinh còn nặng nợ tham dục ái ân, kẻ đó còn sanh trở lại đời sau. Còn những ai đã thoát khỏi vòng tham đắm dục tình thì người đó sẽ không còn tái sanh trở lại. Nói cách khác còn tạo nghiệp là còn sinh tử, hết tạo nghiệp là thoát ly sinh tử, chứng nhập Niết bàn.

Sáu Nhập Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng

1) Thu Nhãn nhập :

Lại nữa A Nan! Vì sao bản tánh của sáu nhập vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tạng?

A Nan! Con mắt khi ngó chăm chú sinh ra mỏi mệt. Tánh thấy và sự mỏi mệt đều là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ-đề trong sáng. Nhơn hai thứ vọng trần sáng và tối phát sinh tánh thấy bên trong, thu nhập các trần tướng gọi đó là tánh thấy. Tánh thấy rời hai trần sáng và tối không có tự thể. A Nan! ông nên biết, tánh thấy không phải từ sáng hay tối mà đến, không phải từ mắt ra, không phải từ hư không sanh. Nếu từ sáng đến thì lúc tối nó đã theo sáng diệt mất đi rồi, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ tối đến, lúc sáng nó đã theo tối diệt mất đi rồi, lẽ ra không thấy sáng. Nếu do mắt sanh, không cần có sáng tối thì mắt chẳng thấy được gì, đồng như không có thấy. Nếu do hư không ra thì lúc ngó ra thấy các trần tường, khi xoay vào ắt phải thấy mắt và mặt. Và nếu thật vậy, thì hư không tự thấy nào có tương

https://thuviensach.vn

quan gì với sự thu nạp của ông? Vì vậy, biết rằng nhãn nhập là hư vọng, không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Sáu nhập là lục căn thu nạp tiền cảnh. Đó là mắt thì thu nạp sắc trần, tai thì thu nạp thanh trần, mũi thì thu nạp hương trần, lưỡi thì thu nạp vị trần, thân thì thu nạp xúc trần và ý thì thu nạp pháp trần. Thí dụ như mắt (nhãn căn) vừa thấy một chiếc bánh (sắc trần) thì tâm liền phân biệt để thu nhập cái biết đó là cái bánh gì, ngon hay dở (nhãn thức). Chính lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) vốn là bản tánh thanh tịnh nhiệm mầu của Chơn tâm, Phật tánh hay Như Lai Tàng bởi vì tự thể lục căn không có tội lỗi ô nhiễm chi cả. Nhưng những sự vọng niệm đối đãi với cảnh vật bên ngoài làm che đậy bản tâm thanh tịnh nhiệm mầu. Thí dụ như tự thể con mắt thì rất thanh tịnh, không tội lỗi, nhưng khi mắt thấy nhà sang, xe đẹp, tiền nhiều thì mắt liền khởi sự phân biệt mà chạy theo tham đắm dục tình. Vì thế thu sáu nhập là đức Phật muốn chúng sinh có thể nhìn thấu suốt, không còn che đậy bởi những tướng giả dối đó để quay về sống với chơn tâm, thật tánh, với bản lai diện mục của chính mình.

Để cho đại chúng dễ thấu hiểu, bây giờ Đức Phật đưa ra thí dụ như sau : Nếu con mắt của một người mà cứ nhìn chăm chăm vào trong hư không thì con mắt sẽ sinh ra mỏi mệt mà thấy có hoa đóm giữa hư không. Nhưng trong hư không làm gì có hoa đóm cho nên sự mỏi mệt, hoa đóm chính là

https://thuviensach.vn

huyển hóa, là vọng niệm của căn mắt. Bây giờ nếu chúng sinh bỏ đi vọng niệm mỏi mệt của con mắt thì họ sẽ thấy sự mỏi mệt và tánh thấy đều là tâm tánh Bồ-đề. Cũng như con người lầm lẫn rằng vì có cảnh sáng tối bên ngoài nên mới phát sinh ra tánh thấy bên trong để thu nhập các trần cảnh đó. Thí dụ như thấy nhà cửa, xe cộ, mặt trời, mặt trăng thì con người cho rằng nhờ có nhà cửa thì con mắt mới thu nhập cái hình ảnh nhà cửa để đưa vào con mắt mà tạo thành tánh thấy.

Đây không phải là tánh thấy mà chỉ là sự đối đãi của tướng tiền trần tức là những cảnh vật bên ngoài bị căn mắt thu nhập vào. Nhưng tánh thấy là thường hằng, lúc nào cũng có sẵn cho dù cảnh vật bên ngoài có hay không. Nếu không có tánh thấy này thì cho dù bên ngoài có muôn hình vạn tướng, xanh đỏ tím vàng và mắt còn đó mà vẫn không thấy gì cả.

Thí dụ con mắt như bóng đèn điện và tánh thấy như dòng điện. Tánh thấy của con người thì cũng như dòng điện lúc nào cũng có trong dây điện. Khi mở thì bóng đèn sáng, nếu đóng thì bóng đèn tối. Nếu căn mắt bị hư thành người mù cũng như bóng đèn hư, nhưng tánh thấy đâu có mất bởi vì người mù thấy màu đen chớ đâu phải không thấy gì hết. Nếu thay bóng đèn khác thì có ánh sáng hay thay con mắt khác thì người mù sẽ thấy được ngay vì tánh thấy lúc nào cũng có trong họ. Vì thế cái thấy phải hội đủ ba điều kiện là phải có căn mắt, tánh thấy và đối tượng để nhận thấy. Thiếu một thì không thành cái thấy.

https://thuviensach.vn

Như thế thì tánh thấy không phải do sáng, tối, hay ngoại cảnh tạo nên mà nó là tánh thường hằng luôn sẵn có trong ta. Còn căn mắt thì không có tự tánh, không có tự thể vì nó do những cảnh bên ngoài duyên mà tạo thành những tướng huyển hóa vốn không do nhân duyên hay tự nhiên tạo nên. Do đó nếu lìa bỏ đi những cảnh giả dối, huyển hóa kia thì chúng sinh sẽ trực nhận được bản tánh thấy của chính mình tức là được minh tâm kiến tánh rồi vậy.

2) Thu Nhĩ nhập :

A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai. Do tai mỏi mệt hóa ra có nghe. Tánh nghe và sự mỏi mệt đều là hiện tượng phát sinh từ thể tánh Bồ-đề trong sáng. Nhân nơi động tĩnh phát ra cái nghe từ trong hai thứ vọng trần, thu nạp trần tướng này gọi là tánh nghe. Tánh nghe rời hai trần động và tĩnh không có tự thể. A Nan! Ông nên biết, tánh nghe đó không phải từ động tĩnh đến, không phải từ tai ra, cũng không phải do hư không có. Vì vậy biết rằng nhĩ nhập là hư vọng, không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.
Nhĩ nhập là thu nạp các âm thanh. Nếu có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai làm tai mệt mỏi thì cũng nghe tiếng ù ù. Vì có sự đối đãi của thanh trần động (tiếng nói, âm thanh) và thanh trần tĩnh (yên lặng không có âm thanh) nên mới tạo thành cái nghe chớ tự nó không có tự thể. Thí dụ như đêm hôm thanh vắng, rất yên tịnh thì tai chỉ nghe sự yên lặng của cảnh vật chung quanh (thanh trần tĩnh),

https://thuviensach.vn

nhưng trong lúc yên lặng đó chợt có tiếng chó sủa (thanh trần động) làm đánh thức mọi người. Do đó, lỗ tai (nhĩ căn) phải nương vào âm thanh (thanh trần) thì mới có cái nghe được chớ tự lỗ tai không thể nghe được. Nhưng tánh nghe thì không phải vậy. Có âm thanh hay không thì cũng có tánh nghe, lỗ tai có nghe tốt hay không thì tánh nghe vẫn còn đó, không tăng không giảm.

Thí dụ người trẻ tuổi, nghe rất tốt thì tánh nghe cũng thế; còn người già nghe không rõ thì tánh nghe cũng vậy, không già, không giảm sút tí nào. Con người vì sự cố chấp sai lầm nên mới cho rằng tánh nghe là do âm thanh, hay từ lỗ tai hoặc từ hư không mà có. Vì thế tướng nghe mà thu nạp thanh trần (động và tĩnh) thì nó phát sinh ra những tướng giả dối làm con người bám víu, say mê nó để phải chịu quả khổ về sau. Thí dụ như khi nghe một bản nhạc hay, làm cho tâm dao động vì con người đã đem những ảo giác êm đềm du dương của bản nhạc vào trong tâm của họ.

Nghe người nói ngọt ngào thì thích, nghe người chửi thì giận vì tin những lời thị phi bên ngoài là chân thật nên mới đem nó vào tâm để tạo ra buồn khổ, vui sướng hay hờn giận. Có buồn, có vui là còn khổ. Vì thế nếu con người chạy theo âm thanh quyến rũ bên ngoài làm họ quên mất tánh nghe chân thật không biến đổi luôn có sẵn trong họ thì cuộc sống chắc chắn sẽ điên đảo khổ đau. Nói cách khác, nếu chúng sinh lìa được những âm thanh giả dối, không chấp vào lời nói đầu môi chót lưỡi, không chạy theo tiếng nhạc êm đềm, giọng đàn quyến rũ thì họ sẽ sống với tánh nghe bất sinh bất diệt sáng suốt của mình.

https://thuviensach.vn

Nếu nói rằng sống mà không nghe, không biết thì sống để làm gì? Chân lý ở đây không phải là không được nghe mà đừng chấp vào cái nghe. Phàm nhân thì nghe rồi lụy vào cái nghe vì chấp cái nghe là thật làm thay đổi cuộc sống của họ. Ngược lại thánh nhân thì cái gì họ cũng nghe, nhưng thật ra họ không nghe cái gì cả vì họ không chấp tức là họ không đem cái nghe giả dối bên ngoài vào trong tâm của họ. Thí dụ khi nghe một câu chuyện buồn sầu thảm thê nào đó, con người bỗng rơi nước mắt. Rơi nước mắt là tại vì con người đặt mình vào trong câu chuyện đó. Họ đem những chuyện tang tóc đau thương vào trong tâm của mình nên mới sinh ra sầu khổ. Bây giờ biết câu chuyện đó chỉ là huyễn hóa, là phim nên nghe là nghe vậy thôi thì làm gì có sầu khổ, rơi nước mắt.

Nên nhớ rằng nơi miệng lưỡi của con người có một sức mạnh sống chết. Một lời động viên khích lệ cho một người đang bế tắc, có thể vực người ấy dậy và giúp anh ta vượt qua khó khăn. Nhưng cũng lời nói có thể giết chết một người trong cơn tuyệt vọng. Vì sự lợi hại của lời nói cho nên Phật dạy chúng sinh đừng chấp vào lời nói kia, đừng đem nó vào lòng mà chuốc lấy buồn khổ đau thương. Tuy nhiên, con người cũng nên cẩn thận với những gì chúng ta nói. Bất kỳ người nào cũng có thể nói những lời hủy diệt để cướp đi tinh thần của những người đang ở trong hoàn cảnh khốn khó. Nhưng cũng quý báu thay những ai dành thì giờ để nói lời khích lệ, an ủi kẻ khác.

https://thuviensach.vn

3) Thu Tỷ nhập :

A Nan! Nếu bịt hai lỗ mũi, bịt lâu thành mỏi mệt, trong lỗ mũi có cái xúc lành lạnh. Nhân xúc đó phân biệt được thông và nghẹt, rỗng đặc cho đến các mùi thơm thúi…Tánh ngửi và sự mỏi mệt đều là hiện tượng phát sinh từ thể tánh Bồ-đề trong sáng. Nhân hai vọng trần, thông và nghẹt phát ra tánh ngửi ở trong, thu nạp các trần tướng gọi đó là tánh ngửi. Tánh ngửi rời hai trần thông và nghẹt không tự thể. Tánh ngửi không phải từ thông và nghẹt mà đến, không phải từ lỗ mũi ra cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng tỷ nhập là hư vọng, vốn không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Căn mũi giao cảm với hương trần bên ngoài để thâu nhận những mùi hương khiến con người say đắm. Tánh ngửi thì vốn thường hằng nhưng do nơi hương trần mà sinh ra tướng ngửi từ đó con người mới cảm nhận được mùi thơm tho hay thối tha. Nhưng thật chất của tướng giao cảm giữa mùi hương bên ngoài và tướng mũi chỉ là sự phát sinh của huyễn hóa vọng chấp mà thôi. Do đó nếu con người chạy theo hương vị tức là chạy theo những ảo giác sinh diệt thì dĩ nhiên cuộc sống sẽ trở thành điên đảo. Thí dụ khi vào một công viên có hàng trăm loài hoa khác nhau. Nếu con người chấp vào mùi hương thì khi ngửi đóa hoa hồng khiến lòng ngây ngất liền phát tâm tham mà ngắt đóa hoa. Rủi thay, lúc đó có viên cảnh sát thấy được nên bị phạt, vừa tốn

https://thuviensach.vn

tiền vừa xấu hổ. Hằng ngày việc ăn uống cũng thế, nếu chấp vào hương vị thì khen món này, chê món nọ làm cho gia đình thiếu hạnh phúc.

Bây giờ ngửi thì mùi gì cũng biết, nhưng không chấp vào hương vị vì nó là giả huyễn, đến rồi đi, mùi thơm ăn nhiều, mùi không thơm ăn ít, không phàn nàn là có an lạc. Nên nhớ hương trần hay căn mũi tự nó là thanh tịnh bản nhiên, không tội lỗi chi cả vốn là tính chân như nhiệm mầu, nhưng khi mũi giao cảm với hương tạo thành cái tâm phân biệt thơm thúi thì lúc đó mới là căn nguyên của tội lỗi, phiền não khổ đâu. Tánh ngửi là tánh vô phân biệt cũng như bóng rọi trong gương lúc nào cũng sẵn có trong mọi chúng sinh cho dù có ngửi hay không. Vậy tất cả các mùi thơm, thúi… của hương trần và cái ngửi được hương thơm thúi đều do nhận thức mê lầm cố chấp mà hóa thành sự thật. Do đó, cái tánh biết ngửi chỉ là sự đối đãi giả dối, không phải do hương trần sinh ra, không phải do căn mũi sinh ra và dĩ nhiên cũng không phải do hư không sinh ra.

Ngày xưa vào thời đức Phật, có vị Tỳ kheo đi ngang qua một hồ sen đang mùa rực nở. Lúc đó có một luồng gió thổi từ hồ sen về phía vị Tỳ kheo mang theo hương thơm nồng thắm làm cho ông ta sảng khoái nên hít một hơi làn hương thơm vào trong lồng ngực. Bỗng nhiên vị thần giữ hồ sen hiện lên trách rằng : ”Ông là người tu hành giữ đúng phạm hạnh cớ sao lại đi ăn cắp hương sen của tôi”. Như thế thì hương vị tuy không có hình dáng và màu sắc nhưng sự tác hại của nó vào đời sống con người đâu kém những vật hữu hình khác.

https://thuviensach.vn

4) Thu Thiệt nhập :

A Nan! Ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sinh mỏi mệt, nếu người đó có bệnh thì có vị đắng, người không bệnh thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt đắng, mà bày tỏ tánh nếm, khi không động thường có tánh nhạt. Tánh nếm và sự mỏi mệt đều là hiện tượng phát sinh từ thể tánh Bồ-đề trong sáng. Nhưng hai thứ vọng trần nhạt và ngọt phát sinh tánh nếm ở trong, thu nạp các trần tướng gọi đó là tánh biết nếm. Tánh biết nếm rời những thứ trần : nhạt ngọt, đắng cay…Không có tự thể. A Nan! Sự biết ngọt biết nhạt không phải từ ngọt nhạt đến, không phải từ lưỡi ra cũng không phải do hư không sanh. Vì cớ sao?
Nếu từ các vị ngọt đắng mà đến, thì khi nhạt, cái biết nếm đã diệt rồi, làm sao biết được nhạt. Nếu từ cái nhạt mà ra thì khi ngọt, cái nếm đã mất rồi, làm sao biết được vị ngọt, đắng. Nếu do cái lưỡi sinh ra, hẳn không có những vị ngọt, đắng và nhạt, thì cái biết nếm ấy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì hư không tự nếm, lại hư không tự biết, nào có dính gì đến chỗ thu nạp của ông. Vì vậy biết rằng thiệt nhập là hư vọng vốn không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Thâu thiệt nhập là thu những mùi vị, tính biết nếm của tướng lưỡi để trả tướng lưỡi này về với bản tánh trong sạch có từ vô thỉ của nó. Để làm sáng tỏ thể tánh Bồ-đề trong sáng, đức Phật ví rằng nếu có người dùng lưỡi liếm mép.

https://thuviensach.vn

Nếu người này liếm lâu thì cái lưỡi sẽ sinh mỏi mệt cũng như nếu nhìn thật lâu vào trong hư không làm mắt mỏi mệt thì sẽ thấy hoa đóm giữa hư không. Vì sự va chạm của lưỡi vào mép nên phát sinh mùi vị cho nên nếu người có bệnh thì cảm nhận vị đắng, còn người không bệnh thì có được vị ngọt.

Nhưng đối với một người bình thường không liếm mép thì trong nước miếng không có vị đắng, không có vị ngọt mà chỉ có nhạt. Như vậy những cảm xúc đắng và ngọt tạo thành cái biết nếm của lưỡi chớ tự cái lưỡi không có mùi vị đắng ngọt. Khi căn lưỡi tiếp xúc với vị trần thì lúc đó thiệt thức tức là cái nếm biết của lưỡi mới xuất hiện làm con người có tánh phân biệt đắng, ngọt, chua, cay. Như thế thì cái mép vốn không có vị, nhưng liếm mãi cũng thành có vị cho nên xét cho tận cùng thì tất cả các vị và cái nếm biết đều do nhận thức sai lầm cố chấp mà phát hiện ra. Tuy căn lưỡi tiếp xúc với vị trần để phát sinh ra những vị ngọt, đắng, chua, cay, nhưng tướng ngọt, đắng, chua, cay cũng chỉ là tướng huyễn hóa chỉ có khi có sự xúc tác giữa lưỡi và vị trần bên ngoài chớ lưỡi không có tự thể nghĩa là tự nó không có mùi vị. Nói cách khác, nếu lưỡi có tự thể thì chính nó đã phát sinh ra vị ngọt, đắng, chua, cay mà không cần phải xúc tác với vị trần bên ngoài.

Do đó, cái biết nếm của lưỡi là giả dối, không thật, bởi vì nếu lưỡi không tiếp xúc với vị trần thì không bao giờ có cái biết nếm mặn, ngọt, chua, cay được. Vì có sự tiếp xúc với vị trần tức là có sự hòa hợp sinh diệt nên cái biết nếm của lưỡi không phải là tướng chân thật của lưỡi. Vậy thế nào là

https://thuviensach.vn

tướng chân thật của lưỡi? Tướng chân thật của lưỡi là cái tướng trở về với bản tánh thanh tịnh ban đầu khi nó không còn tiếp xúc với vị trần bên ngoài và đây chính là tánh nếm của lưỡi vậy. Con người có quay về với tánh niếm thanh tịnh thì mới không bị ràng buộc bởi mùi vị giả dối, sinh diệt làm khởi dậy lòng tham đắm si mê thế tục. Thí dụ tự thể cái lưỡi là không có mùi vị, nhưng khi lưỡi nếm thức ăn thì thiệt thức làm con người khởi dậy sự phân biệt ngon dở mà chạy theo món ngon và chê bai món dở.
Ăn uống chỉ là chuyện bình thường, nhưng xét cho kỹ, nó chính là căn nguyên cội rễ của biết bao sự tranh chấp, đố kỵ và sát hại của nhân loại từ cổ đến nay. Vì thế, cổ nhân mới có câu : ” Miếng ăn là miếng tồi tàn, mất đi một miếng lộn gan lên đầu” là vậy. Trong đoạn kinh này, đức Phật phân tích rất rõ ràng để chúng sinh biết rằng mùi vị thơm ngon hay đắng cay cũng chỉ là tướng giả dối, sinh diệt nên đừng chấp vào nó mà nên quay về sống với tánh nếm thanh tịnh chân thật của minh. Sự huyền diệu ở đây không phải là không biết mùi vị mặn, ngọt, chua, cay mà đừng nên chấp thủ say đắm vào mùi vị đó. Món ngon ăn nhiều, món dở ăn ít thì có an lạc, còn chạy theo món ngon và chê bai món dở là còn phiền não khổ đau.

5) Thu Thân nhập :

A Nan! Ví như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng. Nếu lực bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng trở thành lạnh. Nếu lực bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh hóa ra nóng.

https://thuviensach.vn

Do sự cảm nhận trong lúc hợp mà nhận biết lúc rời ra. Giữa thế tương quan đó, phát ra mệt mỏi và cảm xúc. Tánh cảm xúc và mệt mỏi đều là hiện tượng phát sinh từ thể tánh Bồ-đề trong sáng. Nhưng hai vọng trần hợp và ly phát ra sự hiểu biết ở trong, thu nạp các trần tướng. Đó là tánh biết xúc. Tánh biết xúc rời hai trần ly và hợp, trái và thuận không có tự thể.

A Nan! Tánh biết xúc không phải từ hợp ly đến, không phải từ trái thuận ra cũng không phải do hư không sanh. Vì cớ sao? Nếu từ cái hợp mà đến thì khi ly, tánh biết đã mất rồi, làm sao biết được cái ly; đối với hai tướng trái và thuận cũng như vậy. Nếu từ thân thể mà ra, hẳn không có những tướng ly, hợp, trái, thuận, thì tánh biết cảm xúc của ông vốn không tự tánh. Nếu từ hư không mà ra thì hư không tự hay biết, nào có dính dáng gì chỗ thu nạp của ông. Vì vậy biết rằng thân nhập vốn hư vọng, không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Thân của con người là do sự kết hợp của tứ đại đất, nước, gió, lửa. Nếu tứ đại hòa điệu với nhau thì con người sống rất khỏe mạnh, an lành. Ngược lại nếu một trong tứ đại này bất ổn, không điều hòa thì con người sinh ra biến chứng bệnh hoạn, tâm thể bất an. Thân nhập là cái biết cảm xúc bởi sự thu nạp những cảm xúc nóng, lạnh, cứng, mềm…khi thân căn tiếp xúc với xúc trần. Trong đoạn kinh này Phật ví như có người lấy một bàn tay lạnh chạm vào bàn tay nóng. Nếu lực bên lạnh nhiều hơn thì sức lạnh sẽ truyền qua bên tay lạnh làm cho nó trở thành lạnh. Ngược lại nếu lực bên nóng nhiều hơn thì bàn tay kia sẽ hóa ra nóng.

https://thuviensach.vn

Nhưng cái nóng, lạnh này tự nó không có mà phải do sự cọ sát của hai bàn tay mới có. Vì thế thân có cái biết nóng, lạnh bởi vì thân có sự tiếp xúc với xúc trần chớ thân tự nó không có cái biết nóng, lạnh, cứng, mềm. Nói cách khác, thân giao hợp với xúc tác thì thân thức mới được tạo thành. Đây là sự nhận biết của xúc cảm và là tướng giả dối, hư huyển, vì nó vẫn còn nằm trong tướng tạo tác, sinh diệt. Vì dùng hai bàn tay nóng, lạnh xoa vào nhau lâu dần nên mới phát sinh tướng tay mỏi mệt mà sinh ra cảm xúc của sự nhận biết. Thân căn tự nó không có tự thể nên tự nó không có cảm xúc nóng, lạnh, mềm, cứng được mà nó cần phải xúc tác với xúc trần thì những cảm giác nóng, lạnh kia mới có.

Do đó, cái tánh biết cảm xúc và sự mỏi mệt của hai bàn tay lạnh, nóng cọ xát vào nhau không phải là một thể tánh chân thật, nhưng nó phát xuất từ thể tánh Bồ-đề trong sáng vậy. Tại sao? Bởi vì thân căn tự nó là thể tánh trong sạch, không ô nhiễm, nhưng khi thân tiếp xúc với xúc trần bên ngoài thì thân thức mới phát sinh và từ đó biết bao vọng tưởng, tạp niệm khởi dậy trong tâm thức làm cho con người chạy theo tham đắm dục tình mà gây ra tội nghiệp để phải chịu sinh tử triền miên.

Ý của đoạn kinh này là Đức Phật thu lại những cái xúc cảm giả huyển do thân duyên với xúc trần bên ngoài để trả về cái thân căn trong sạch, là thể tánh Bồ-đề trong sáng vốn đã có sẵn trong mọi chúng sinh. Thí dụ bình thường thì thân căn đâu có tội lỗi xấu xa gì, nhưng khi người nam nắm tay người nữ thì trong tâm phát sinh bao ý niệm tham

https://thuviensach.vn

dục bất tịnh. Nhưng xét cho cùng thì những ý niệm tham dục kia đâu có thật, chỉ do vọng tâm sinh khởi mà thôi. Nếu thu lại những cảm xúc giả dối đó đi nên bây giờ tuy họ có bắt tay nhưng chỉ là cái bắt tay bình thường thì tà niệm không phát khởi làm tâm được thanh tịnh.

6) Thu Ý nhập :

A Nan! Ví có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ chán thì thức dậy. Nhận biết trần cảnh, thì nhớ, lúc hết nhớ gọi là quên. Các món sinh, trụ, dị, diệt, trái ngược đó, thói quen thu nạp đưa vào trong, không lẫn lộn nhau, gọi là ý căn. Ý căn và sự mỏi mệt đều là hiện tượng phát sinh từ thể tánh Bồ-đề trong sáng. Nhưng hai thứ vọng trần sinh diệt, nhóm tánh biết ở trong, thu nạp pháp trần, dòng thấy nghe chảy ngược mà không chỗ đến, gọi đó là sự hiểu biết. Tánh hiểu biết này rời hai trần tướng : Thức, ngủ, sanh diệt nó không có tự thể.

A Nan! Ý căn hay sự hiểu biết đó, không phải từ thức, ngủ đến, không do sanh diệt có, không phải từ ý căn phát ra cũng không phải do hư không sanh. Nếu từ thức đến, lúc ngủ nó đã diệt theo thức mất đi rồi còn lấy gì làm ngủ. Nếu cho rằng khi sanh mới có hiểu biết, thì lúc diệt nó đã không còn, làm sao biết được diệt. Nếu do diệt có, lúc sanh không còn diệt thì lấy gì mà biết là sanh. Nếu do hư không sanh thì hư không tự biết nào có dính dáng gì chỗ thu nạp của ông? Vì vậy, biết rằng ý nhập là hư vọng vốn không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

https://thuviensach.vn

Ngày xưa Lục Tổ Huệ Năng thường ví sắc thân của người đời cũng như một hoàng thành. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là năm cửa thành để chống lại ngoại xâm. Ý là vị Tướng điều khiển năm cửa thành kia, còn Tánh (Tánh giác) là vua trong cung điện. Hằng ngày con người mở năm cửa thành ra để đón giặc (ngũ căn tiếp xúc với tiền trần) và kết quả tâu lên vị tướng (ngũ thức chuyển thành ý thức). Cuộc đời thăng trầm, có lúc được lúc mất sinh sinh diệt diệt nên cả đời con người chỉ biết chạy theo những vọng niệm sinh diệt phát khởi từ ý thức mà ra. Họ quên rằng bên trên vị tướng giữ thành còn có vị vua có uy quyền tuyệt đối. Vị vua đó chính là tánh giác thanh tịnh thường hằng vốn có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh mà con người bỏ quên nó để sống với ý thức vọng niệm. Trong đoạn kinh này, đức Phật muốn thu ý nhập nghĩa là Ngài thu tất cả những niệm tưởng sinh diệt của ý để trả ý căn về bản tánh thanh tịnh Bồ-đề của nó. Bởi vì tự thể của ý căn thì luôn thanh tịnh, không ô nhiễm, nhưng khi ý căn tiếp xúc với pháp trần thì lúc đó ý thức sinh diệt mới phát khởi.

Để giải thích thu ý nhập, đức Phật mới đưa ra thí dụ là nếu có một người làm việc hết sức mỏi mệt thì người này khi về nhà chỉ muốn đi ngủ. Khi ngủ đủ giấc nghĩa là thân xác và tinh thần được phục hồi thì người đó tự động thức dậy mà không cần người báo thức. Khi ý căn duyên với pháp trần thì những niệm tưởng được phát sinh. Thí dụ, hồi chiều ra phố, mắt (nhãn căn) trông thấy một người (sắc

https://thuviensach.vn

trần) dáng có vẻ quen quen. Đến khi về nhà cứ suy nghĩ (ý căn) không biết người đó (pháp trần) có phải là người bạn cùng học với mình hai chục năm về trước không?
Thế thì sự suy nghĩ làm ý niệm phát khởi, nhưng thật ra khi những ý niệm này phát khởi đến một mức độ nào đó thì nó dừng lại, không muốn nghĩ đến vấn đề đó nữa. Thời điểm này tâm tức là ý niệm chỉ muốn yên lặng, không còn niệm tưởng mà kinh này gọi đó là quên. Cùng một thí dụ trên nếu ý căn cố tìm biết bao kỷ niệm trong ký ức (Tàng thức) để xác định là có quen với người đó hay không. Sau vài phút ý căn quá mệt mỏi nên không còn tha thiết hoạt động nữa, thành ra ý niệm bỗng nhiên chợt tắt để trở về với tánh thanh tịnh của nó.

Bất cứ một ý niệm nào phát khởi trong tâm thức cũng phải trải qua bốn giai đoạn : khi ý căn tác tạo với pháp trần thì ý niệm phát sinh (sinh), ý niệm sau đó được lưu lại trong một khoảng thời gian nào đó trong tâm (trụ), nhưng sau đó những ý niệm này dần dần bắt đầu phai mờ (dị), và sau cùng ý niệm này tan biến (diệt) để nhường chỗ cho những ý niệm tiếp sau. Vậy trong từng sát na, con người sinh khởi biết bao ý niệm trong tâm thức của mình bởi vì ý căn còn tác tạo với pháp trần, nhưng cho dù có bao nhiêu ý niệm đi chăng nữa thì mỗi ý niệm vẫn nằm trong chu kỳ sinh, trụ, dị, diệt của luật vô thường tức là hễ có sinh tất có diệt. Nếu sắc thân con người làm việc suốt ngày thì nó sẽ mỏi mệt.
Tâm thức cũng thế, nếu ý căn tác tạo liên tục thì nó sẽ mỏi mệt và cách phục hồi tốt nhất để nó có thể hoạt động trở lại

https://thuviensach.vn

là đi ngủ bởi vì khi đi ngủ thì ý thức không phát khởi (ngoại trừ lúc chiêm bao). Pháp trần là những ý nghĩ để hồi tưởng lại những hiện tượng đã xảy ra trong quá khứ, nhưng trên thực tế con người đâu có tự chủ được những ý nghĩ của mình cho nên mới có nghĩ gần, nghĩ xa, nghĩ thiện, nghĩ ác, nghĩ lợi, nghĩ hại, nghĩ mình, nghĩ người hoặc nghĩ mông lung không đâu vào đâu cả. Ngày xưa vào thời Đông Châu ở Trung Quốc, Ngũ Tử Tư vì ôm lòng oán hận vua Sở Bình Vương đã sát hại cha anh của mình nên tìm cách trốn Sở sang nước Ngô để mưu chí phục thù, ngặt nỗi không qua được cửa ải Chiêu quan vì cửa quan có treo một chân dung của Ngũ Viên rất lớn cùng tờ chỉ dụ tìm bắt của vua Sở. Chỉ một đêm không ngủ, lòng Ngũ Viên như dao cắt khiến ông suy nghĩ triền miên để tìm kế qua thành nên đến sáng thì râu tóc đã bạc phơ. Nhờ hình tướng giống như một cụ già nên ông qua được ải quan.

Nghĩ nhiều như vậy thì dĩ nhiên tâm thức bị căng thẳng tột độ làm ảnh hưởng hệ thần kinh khiến cho con người mau già, chóng chết. Thêm nữa, ý căn không duyên thẳng với ngoại cảnh mà chỉ duyên với với các danh tướng đã biết được từ trước tức là đã xảy ra trong quá khứ, không có trước mắt, do trong tiềm thức đưa ra. Trong lúc ý căn duyên với pháp trần thì cái thấy, cái nghe xoay vào bên trong mà thu nạp những điều đã ghi nhớ từ trước. Do đó ý căn không hoàn toàn duyên được với tất cả những điều đã thu nhận cho nên nếu tiềm thức đưa ra được những ký ức này thì gọi là nhớ, còn ngược lại thì gọi là quên. Đó là lý do tại sao con người đôi khi ngồi suy nghĩ mãi một vấn đề

https://thuviensach.vn

nào đó mà vẫn không nghĩ ra được, biết là có ở đó mà không biết nó ở chỗ nào trong tiềm thức nên tìm mãi vẫn không ra.

Nói tóm lại, ý căn xúc tác với pháp trần mà phát sinh ra ý niệm. Càng có nhiều ý niệm thì sẽ sinh ra tướng mỏi mệt, nhưng tướng mỏi mệt chung quy cũng từ thể tánh Bồ-đề trong sáng tức là bản tâm thanh tịnh mà ra. Tại sao? Bởi vì thể tánh Bồ-đề thì lúc nào cũng trong sáng thanh tịnh, không ô nhiễm, nhưng tâm thanh tịnh này khởi niệm xúc tác với pháp trần bên ngoài mới sinh ra niệm khởi mà có tướng mỏi mệt. Nếu ý căn rời pháp trần nghĩa là ý căn bây giờ rời khỏi thức, ngủ, sinh, diệt thì chính ý căn không có tự thể.

Nói cách khác bản tánh của ý căn rất thanh tịnh, trong sáng, không ô nhiễm. Do đó ý nhập chỉ là tướng huyễn hóa của ý căn do sự xúc tác với pháp trần mà có. Vì thế bây giờ nếu thu ý nhập thì tất cả vọng niệm biến mất để trả tâm về với trạng thái yên lặng thanh tịnh ban đầu. Tóm lại, nếu chúng sinh không biết làm chủ tâm mình thì khách trần bên ngoài sẽ làm nhiễm ô tâm tánh thanh tịnh bản nhiên bởi vì họ chạy theo những cảnh giả huyễn, tham đắm dục tình nên mới có phiền não khổ đau. Ngược lại, nếu con người giữ được vai trò chủ nhân ông của mình nghĩa là đừng cho sáu căn chạy theo sáu trần thì bản tâm luôn thanh tịnh, không ô nhiễm bởi vì khách trần tuy có đến nhưng rồi nó lại đi cũng như áng mây bay hay luồng gió thoảng qua không dính mắc.

https://thuviensach.vn

Con người khi gặp thuận cảnh thì vui mừng cực độ, không kềm chế làm mất trạng thái thăng bằng của tâm. Còn những lúc đối diện với nghịch cảnh thì sinh ra buồn rầu, ủ rũ không còn ý chí sống nên cũng không giữ được trạng thái thăng bằng của tâm. Vì thế ngày nào còn chạy theo buồn vui, thương ghét, phải quấy, hơn thua, tốt xấu thì con người còn khổ, dễ mang phải chứng bệnh căng thẳng và dễ xúc động làm mất bình tĩnh khi đối diện với thực tại. Nếu kéo dài có thể mang phải những chứng bệnh căng thẳng thần kinh, cao huyết áp và mất ngủ.

Ngược lại, khi biết rằng "vạn pháp giai không, duyên sanh như huyễn" nghĩa là thế gian vũ trụ chả có cái gì là thật cả, cái có rồi thành cái không, cái không một ngày nào đó biến thành cái có. Do vậy con người cho dù có gặp vận may thì cũng vậy, vẫn sống bình thường, không mừng, không xao xuyến vì cái may này trước sau cũng thay đổi, biến mất, không ở mãi với ta. Ngược lại, lúc gặp nghịch cảnh thì cũng bình thản vui tươi vì cái rủi, trước sau cũng sẽ biến đi nên không đau buồn, than khóc. Giữ tâm hằng thanh tịnh, không chạy theo ngoại trần thì đây mới là hạnh phúc thật sự, cao quý nhất.

Mười Hai Xứ là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng

Tuy thế giới hiện tượng có muôn hình vạn tướng, lớn nhỏ, rộng hẹp, cao thấp… mà ngôn ngữ con người đôi khi cũng

https://thuviensach.vn

khó mà diễn đạt cho đầy đủ, nhưng tất cả cũng bắt đầu từ nội căn và ngoại trần. Nội căn thì có mắt, tai, mủi, lưỡi, thân và ý và ngoại trần thì có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì sáu căn tiếp xúc với sáu trần mới phát sinh ra sáu thức cho nên sáu căn và sáu trần chính là sinh xứ của sáu thức và của các tâm niệm. Do đó sáu căn, sáu trần chính là mười hai xứ.

Trong phần này, Đức Phật muốn thu 12 xứ là mắt, tai, mủi, lưỡi, thân và ý cùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để khai thị cho chúng sinh thấy biết rằng 12 xứ đều là bản tánh nhiệm mầu phát xuất từ trong Như Lai Tạng của tất cả mọi người. Thông thường khi nói về sáu căn thì kinh thường ám chỉ phù trần căn có nghĩa là sáu căn thịt của con người. Thí dụ như mắt thịt, lỗ tai thịt…
Đôi khi trong kinh điển Phật giáo cũng đề cập đến một loại sáu căn khác. Đó là tịnh sắc căn nghĩa là những căn này không phải là do xác thịt mà do bốn đại vi tế tạo thành. Vì là đại vi tế nên không thể nhìn thấy được, nhưng nó vẫn có tác dụng rõ ràng như luồng điện. Nếu nói theo danh từ khoa học ngày nay thì đại vi tế này chính là những luồng thần kinh theo thần kinh hệ đi vào các căn. Tịnh sắc căn cũng còn gọi là "Thắng nghĩa căn" là cơ quan có công năng phát sinh nhận thức, làm chỗ nương tựa cho thức.

1) Thu Hai Xứ Sắc Trần Và Nhãn căn.

https://thuviensach.vn

A Nan! Vì sao 12 xứ là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai Tạng?

A Nan! Ông hãy xem rừng cây Kỳ Đà và các suối ao khe cây cảnh đó, ý ông nghĩ thế nào? Như thế là sắc trần sinh ra tánh thấy, hay tánh thấy sinh ra sắc tướng?

A Nan! Nếu tánh thấy sanh ra sắc tướng thì lúc trông thấy hư không, không có sắc tướng lẽ ra tánh thấy sinh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi. Mà đã tiêu mất thì tỏ ra tất cả đều không, sắc tướng đã không thì lấy gì để biết được hư không và sắc tướng? Đối với hư không thì cũng như vậy.

Lại nếu sắc trần sinh ra tánh thấy thì khi thấy hư không, không có sắc, tánh thấy liền tiêu mất đi, tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì biết được hư không và sắc tướng?

Vậy nên biết rằng tánh thấy cùng sắc, không đều không có xứ sở, tức sắc trần và tánh thấy, hai cái đó đều luống dối, vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Khi Đức Phật bảo ông A Nan nhìn vào rừng cây Kỳ Đà và những suối ao trong đó, ông A Nan liền thấy những cảnh vật như thế. Vậy những cảnh vật trong rừng Kỳ Đà tạo ra tánh thấy cho ông A Nan hay là tánh thấy phát sinh ra rừng Kỳ Đà?

https://thuviensach.vn

1) Nếu cho rằng tánh thấy của ông A Nan tạo ra cảnh giới của rừng Kỳ Đà thì khi mắt trông vào hư không (không có sắc tướng : hình ảnh, màu sắc…) thì tánh thấy mất đi đâu còn nữa. Nhưng nếu mất đi tánh thấy thì làm sao ông A Nan biết được đó là hư không. Do đó, tuy mắt có nhìn vào hư không hay vào sắc tướng thì tánh thấy trước sau như một, không thay đổi.

2) Bây giờ nếu cho rằng sắc trần sinh ra tánh thấy nghĩa là nhờ có rừng Kỳ Đà mà tánh thấy của ông A Nan mới phát hiện. Vậy thì khi ông A Nan nhìn vào hư không tức là không có sắc trần thì chắc chắn tánh thấy của ông A Nan biến mất. Nhưng nếu A Nan không có tánh thấy để thấy hư không thì làm sao biết được đó là hư không? Vậy tánh thấy đâu có biến mất, nó lúc nào cũng thường hằng với tất cả mọi chúng sinh cho dù con người có dùng con mắt để thấy hay không.

Để đi đến kết luận, Đức Phật dạy rằng sáu căn tiếp xúc với sáu trần để phát sinh ra sáu thức phân biệt tạo ra vọng tưởng phiền não trong tâm của con người, nhưng thật chất sáu căn và sáu trần hay trong trường hợp này "con mắt" và "sắc tướng" để sinh nhãn thức chỉ đối đãi với nhau mà phát hiện đều là những tướng giả dối, không chân thật bởi vì con mắt và sắc tướng tự nó không thể sanh ra nhãn thức mà phải cần có sự duyên khởi tạo thành. Mà một khi có sự duyên khởi nghĩa là không có tự thể tức là tướng sinh diệt.

https://thuviensach.vn

Theo sự giải thích của khoa học về sự thấy là con mắt phải có sự chiếu và phản chiếu của ánh sáng thì mới thấy được sắc tướng. Thí dụ như trong căn phòng tối đen, tuy có đặt một cái bàn, nhưng nếu không có ánh sáng thì không thấy cái bàn. Khi đốt đèn lên thì ánh sáng bây giờ loan tỏa khắp căn phòng nghĩa là ánh sáng chiếu vào cái bàn và phản chiếu ngược vào mắt làm cho hệ thần kinh cảm biết đó là cái bàn.
Vậy thì cái bàn (sắc tướng) hay con mắt (nhãn căn) tự nó không thể thấy, tức là không có tự thể mà phải cần duyên khởi nghĩa là cái này tác động với cái kia thì cái thấy mới xuất hiện. Xét như vậy thì con mắt, sắc tướng, hư không là pháp giới duyên khởi, không có tự tánh vốn không phải tánh nhân duyên và cũng không phải tánh tự nhiên. Bởi vì nếu tánh tự nhiên thì đâu cần con mắt mà tự nhiên vẫn thấy, nhưng thật ra nếu không có mắt, sắc trần và tánh thấy thì không bao giờ thấy được.

Đoạn kinh nầy Đức Phật muốn chúng sinh thấu hiểu rằng tuy mắt duyên với sắc trần để tạo ra nhãn thức, nhưng cái nhãn thức này cũng là giả dối không thật vì cái thấy là cái thấy của huyễn, chớ không phải cái thấy chân thật. Muốn có sự thấy biết chân thật thì con người phải lìa căn và sắc trần thì tánh thấy thường hằng thanh tịnh mới hiển hiện được.

Ý Phật muốn dạy chúng sinh trong phần này là những hình

https://thuviensach.vn

ảnh, màu sắc mà con mắt của chúng ta thâu nhận đều là giả dối không thật. Nếu con người tin chắc tất cả những hình tướng trong thế giới hiện tượng là thật thì lòng tham đắm si mê sẽ phát khởi để tạo tác, giữ gìn. Vì thế mà phiền não khổ đau không bao giờ chấm dứt được. Ngược lại nếu chúng sinh nghe lời Phật dạy để thấy biết rằng tuy có thấy nhà cửa, xe cộ, tiền bạc…nhưng tất cả đều không bền không chắc, nay có mai không vì cái thấy này không chân thật, do duyên khởi tạo thành nên dễ kềm chế lòng tham mà có tâm thanh tịnh. Đây chính là thấy mà như không thấy gì hết. Vì thế Phật mới dạy rằng : ”Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, Phi tướng tức kiến Như Lai” nghĩa là bất cứ vật gì mà có hình sắc là giả dối, hư hoại, không thật. Chỉ khi nào chúng sinh thấy được thật tướng vô tướng thì thấy được Chân lý, Chơn tâm.

2) Thu Hai Xứ Thanh Trần Và Nhĩ căn (Thanh trần và Tánh nghe)

A Nan! Ông lại nghe trong trai đường ở rừng Kỳ Đà này, khi dọn đồ ăn xong thì đánh trống, lúc họp chúng lại thì đánh chuông; tiếng chuông, tiếng trống trước sau nối nhau. A Nan! Ý ông nghĩ thế nào? Tiếng đến chỗ nghe hay tánh nghe đến chỗ tiếng?

A Nan! Nếu tiếng đến chỗ tánh nghe, vậy khi tiếng đến chỗ ông A Nan, khiến cho ông A Nan được nghe thì ông Mục Kiền Liên, ông Đại Ca Diếp… lẽ ra không thể đồng nghe

https://thuviensach.vn

cùng một lúc. Ví như khi tôi khất thực ở thành Thất La Phiệt thì ở rừng Kỳ Đà này có cả 1250 vị sa môn, khi nghe tiếng chuông, đồng đến thọ trai một lượt. Nếu như tánh nghe của ông đến bên tiếng thì lúc ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi thì khi tiếng chuông cũng phát ra, lẽ ra ông không thể nghe cả hai bên. Cũng như khi tôi đã về rừng Kỳ Đà thì không thể có mặt ở thành Thất La Phiệt nữa. Sự thật, không những ông không nghe tiếng trống tiếng chuông mà ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều tiếng khác cùng một lúc. Còn nếu trống và tánh nghe không đến nhau thì không có gì để gọi là nghe cả. Vậy nên biết rằng tánh nghe và cái tiếng cả hai đều là hư vọng vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Âm thanh được kết tạo bởi những âm hưởng có rất nhiều tần số (frequency) khác nhau di động trong không gian làm rung động cái màng nhĩ. Hằng ngày chúng ta mở những băng tần AM hay FM để nghe nhạc, tin tức hay thể thao vì mỗi băng tần phát ra với một tần số đặc biệt không xen lẫn với những tần số khác. Vận tốc của âm thanh thì chậm hơn vận tốc của ánh sang, do đó, khi có sấm chớp thì thấy ánh sáng trước khi nghe tiếng sấm nổ mặc dù hai hiện tượng này xảy ra cùng một lúc.

Trong trai đường của rừng Kỳ Đà, khi đại chúng dọn đồ ăn để thết đãi chư Tăng Ni thì họ đánh trống và khi đồ ăn sẵn sàng thì họ đánh chuông để mọi người cùng thọ thực. Do

https://thuviensach.vn

đó, tiếng trống tiếng chuông tiếp nối nhau vang dội. Bây giờ Đức Phật mới hỏi ông A Nan rằng :

1) Nếu tiếng trống (thanh trần) đi đến nơi lỗ tai (nhĩ căn), thì chỉ có một tiếng trống cho nên nếu một người nghe được tiếng trống này thì người khác không thể nghe được. Nhưng trên thực tế thì tất cả đại chúng đều nghe được tiếng trống một lượt chớ không phải người này nghe xong mới đến người khác nghe.

2) Nếu lỗ tai (nhĩ căn) tìm đến tiếng trống (thanh trần) thì vào thời điểm này lỗ tai (nhĩ căn) không thể nào đi đến tiếng chuông được vì chỉ có một lỗ tai. Nhưng trên thực tế chẳng những lỗ tai vừa nghe cả tiếng trống mà còn nghe tất cả những âm thanh khác như tiếng chuông, tiếng ngựa hí, tiếng trâu gặm cỏ, tiếng dê kêu be he…

3) Nếu tiếng trống và âm thanh không hòa điệu tức là lá nhĩ không tiếp nhận được những rung động của âm thanh thì dĩ nhiên là không thể nghe gì hết.

Bây giờ Phật mới kết luận rằng âm thanh mà lỗ tai tiếp nhận được, tự nó không có tự thể mà là do duyên khởi tạo thành nghĩa là âm thanh tự nó không biết được mà cần phải có lá nhĩ để tiếp nhận. Vì thế âm thanh là giả dối, là biến đổi. Cũng như trong không gian có biết bao tần số của radio, của điện thoại, của TV, nhưng chúng ta đâu có biết sự hiện hữu của nó. Do đó, từ đây mỗi khi nói điện thoại,

https://thuviensach.vn

xem TV hay nghe radio thì chúng ta biết rằng tất cả đều là duyên khởi mà thành nên chúng không có tánh nhân duyên và cũng không có tánh tự nhiên.

Trong cuộc sống, âm thanh đóng một vai trò rất quan trọng. Con người vì chạy theo tiếng thị phi nên ham chuộng lời khen, tiếng tốt. Ngược lại, nếu bị chỉ trích thì đâm ra buồn phiền đau khổ. Đoạn kinh này nhắc nhở chúng sinh thấu hiểu rằng lời nói âm thanh là giả dối, không thật vì chúng là do sự tạo tác từ bên ngoài. Nên nhớ rằng trên thế gian này, không có ai hiểu ta bằng chính ta. Khi ta làm một việc thiện, ta biết. Khi ta nói lời bất thiện, chính ta cũng biết. Cái biết chân thật, đứng đắn, khách quan, không thiên vị có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh tức là tánh biết, là hình bóng của chơn tâm, Phật tánh của mọi người.
Nếu hằng ngày chúng sinh nghe theo tiếng nói của lòng mình, tiếng nói chân thật, đạo đức, khách quan, tiếng nói của chơn tâm thì làm gì còn phiền não, làm gì có khổ đau. Đây chính là hồi quang phản chiếu tức là xoay vào bên trong để nghe tiếng nói thật của tâm thay vì tiếng nói giả dối, nịnh bợ, ích kỷ, thiếu sáng suốt phát xuất từ lòng tham-sân-si từ bên ngoài. Chính tánh nghe chân thật không bị ảnh hưởng của ngoại trần giúp chúng sinh dần dần sống gần với chơn tánh để có giải thoát giác ngộ, có an vui tự tại, có Niết bàn trong trần thế này vậy.

3) Thu Hai Xứ Hương Trần Và Tỷ căn.

https://thuviensach.vn

A Nan! Ông hãy ngửi hương chiên đàn trong lư này, hương này nếu đốt một lạng thì cả thành Thất La Phiệt trong 40 dặm đều ngửi được mùi thơm. Ý ông nghĩ thế nào? Mùi thơm ấy sinh ra, do cây chiên đàn, do nơi lỗ mũi của ông hay do nơi hư không? Nếu do lỗ mũi sinh ra thì nó từ lỗ mũi ra, nhưng lỗ mũi không phải chiên đàn thì làm sao có được mùi thơm chiên đàn? Nếu từ hư không sanh, thì tánh hư không thường còn, mùi thơm cũng phải thường có, cần gì phải đốt cây khô chiên đàn trong lư rồi mới có mùi hương. Nếu mùi thơm sinh ra từ cây chiên đàn, cần gì phải đợi đốt thành khói mới có chất thơm lan tỏa trong thành?

Vậy nên biết rằng hương trần và tánh ngửi đều không có xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Chủ đích của kinh Thủ Lăng Nghiêm là giúp chúng sinh lìa huyễn, lánh xa sự giả dối, sinh diệt mà thâm nhập vào tự tánh Như Lai Tạng để chứng nhập Thủ Lăng Nghiêm tam muội.

Trong đoạn kinh này, Đức Phật muốn thu lại Hương trần (mùi thơm, thúi) ở bên ngoài mà lỗ mũi (Tỷ căn) tiếp nhận được để chứng minh rằng Hương trần và Tỷ căn chỉ là những duyên huyễn hóa, chớ không có chi là sự thật cả. Vì sao? Bởi vì nếu chúng sinh còn say đắm theo hương trần nghĩa là thích ngửi hoa thơm, thích xức nước hoa quyến rũ,

https://thuviensach.vn

thích ngửi đồ ăn thơm ngon hoặc chán ghét mùi hôi thúi, chê bai người tanh hôi dơ dáy…thì những người này sẽ lụy về thế gian, chìm đắm theo thế gian, xa dần với tự tánh thanh tịnh của chính mình và dĩ nhiên sinh tử luân hồi chắc phải đeo mang.

Trong thời Đức Phật, người Ấn Độ dùng bột của cây chiên đàn để chế ra nhang hay trầm hương vì nó tỏa ra mùi thơm rất tinh khiết. Đức Phật bảo ông A Nan hãy ngửi mùi thơm phát ra từ trong lư hương. Thay vì đốt một cây, nếu Đức Phật đốt một lạng thì mùi hương chẳng những lan tỏa khắp trong tịnh xá Kỳ Đà mà còn lan rộng khắp cả thành Thất La Phiệt.
Bây giờ Đức Phật mới hỏi ông A Nan rằng :

1) Nếu mùi hương thơm sanh ra từ lỗ mũi thì nó phải từ lỗ mũi ra, nhưng lỗ mũi không phải là chiên đàn thì làm sao có được mùi thơm chiên đàn?

2) Nếu mùi thơm từ hư không thì tánh của hư không thường còn, không thay đổi nên lúc nào cũng thơm cần chi phải đốt chiên đàn mới có mùi thơm?

3) Còn nếu hương thơm từ cây chiên đàn thì tự nó đã thơm khắp mọi nơi rồi chớ đâu cần phải đốt thì mọi người trong thành Thất La Phiệt mới ngửi được mùi hương?

Do vậy, Tỷ căn và Hương trần đều là duyên khởi, giả dối,

https://thuviensach.vn

không tự tánh cho nên Đức Phật thu lại Tỷ căn và Hương trần để chúng sinh quay về với tự tánh của mình vốn là bản tánh thanh tịnh. Thân tứ đại của chúng sinh là huyển hóa, sinh sinh diệt diệt thì những căn cũng thế, không bền không chắc vì thế con người đừng tham đắm chạy theo căn, trần mà tạo nghiệp để phải chịu quả khổ đời đời. Chạy theo tham đắm hương thơm là chạy theo phiền não. Thí dụ nếu ngửi đồ ăn thấy thơm ngon thì lòng tham dấy khởi nên muốn ăn cho nhiều, ngược lại nếu ngửi cơm hẩm cá thiu thì lòng sân nổi dậy muốn đánh đổ nó đi mà tạo nghiệp. Bây giờ nếu quay về sống đúng với tánh ngửi thì đồ ăn nào cũng được, không có phân biệt đối đãi. Cơm thơm thì ăn nhiều, cơm thiu thì ăn ít, không phiền não là có an lạc.

4) Thu Hai Xứ Vị trần và Thiệt căn.

A Nan! Thường thì ông trì bát khất thực ngày hai lần. Có khi được tô, lạc, đề hồ, là những vị ngon. Ý ông nghĩ thế nào? Vị đó sinh ra, do nơi hư không, do nơi cái lưỡi hay do nơi đồ ăn?

A Nan! Nếu vị ấy do nơi cái lưỡi của ông sanh, mà trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi làm sao biết được các vị : ngọt, chua, và đắng? Nếu do đồ ăn sanh, đồ ăn thì vô tri giác làm sao biết được vị? Nếu vị từ hư không sanh, vậy ông hãy nếm xem hư không có vị gì?

Vậy nên biết rằng các vị và cái lưỡi biết nếm đều không có

https://thuviensach.vn

xứ sở, tức cái biết nếm cùng với các vị, cả hai đều là hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên và cũng không phải tánh tự nhiên.

Vị trần trong đoạn kinh này là những mùi vị như chua, cay, ngọt, béo, đắng, chát…và được nhận biết bởi cái lưỡi (thiệt căn). Ở đây Đức Phật muốn thu lại tất cả những mùi vị của đồ ăn, thức uống và thu đi tướng lưỡi của mình để đưa bản tánh của tướng lưỡi trở về với bản tánh thanh tịnh của Như Lai Tạng trước khi nó bị các duyên ngoại trần làm cho say đắm. Tướng lưỡi (thiệt căn) tự nó là một bản tánh vô sinh thanh tịnh, nhưng do vọng niệm mê lầm làm phát sinh vọng chấp. Để chứng minh điều này, Đức Phật mới hỏi A Nan rằng: Hằng ngày ông A Nan đi khất thực, có khi thọ nhận món chua, món mặn, món béo, món ngọt. Vậy thì những mùi vị đó là do cái lưỡi sinh ra? do đồ ăn sinh ra? hoặc do hư không sinh ra?

1) Nếu các mùi vị trong thức ăn đó do cái lưỡi sinh ra thì khi ông A Nan không ăn món nào thì cái lưỡi đâu có phát sinh ra mùi chua hay ngọt? Hoặc là cái lưỡi thì chỉ có một thì đúng ra chỉ sinh ra được một mùi vị chớ làm sao lại sinh ra vô số mùi vị như thế?

2) Nếu các mùi vị là do đồ ăn sinh ra, mà đồ ăn là vô tri vô giác thì làm sao lại tự biết mình là ngọt hay đắng? Cũng như khi ăn chanh thì có vị chua, ăn chè thì có vị ngọt, ăn

https://thuviensach.vn

cơm thì có vị nhạt cho nên nếu các mùi vị là do đồ ăn sinh ra thì làm sao đồ ăn lại tự biết thay đổi mùi vị của mình?

3) Còn nếu các mùi vị là do hư không mà sinh thì hư không là thường còn, không thay đổi cho nên nếu vị hư không là vị chua thì cái lưỡi chỉ có một vị chua chớ đâu có được những vị khác? Vậy vị trần và thiệt căn vốn là giả dối, không tự tánh và được phát khởi do vọng niệm của bản tâm sinh ra. Do đó nếu bây giờ chúng sinh thu vị trần và thiệt căn thì bản tánh vô sinh sẽ được hiển bày.

Hằng ngày con người có làm việc đầu tắt mặt tối, có tranh dành chiếm đoạt, có vui có buồn, có sướng có khổ cũng là cho miếng ăn. Nói xa một chút thì con người có giết hại lẫn nhau cũng chỉ vì miếng cơm manh áo. Nhưng "ăn để sống hay là sống để ăn?". Phàm nhân ăn thì chê ngon chê dở, chạy theo mùi vị thơm ngon để tạo khổ cho mình và cho người. Ăn thì muốn mâm cao cỗ đầy vì thế phiền não lúc nào cũng đeo mang. Ngày xưa các vua nhà Nguyễn ngày thì ăn ba bữa và mỗi bữa phải có trên bốn mươi món do đó làm vua mà đầu óc chỉ lo ăn uống thì làm sao dân giàu nước mạnh được? Vì thế Đức Phật muốn chúng sinh thấu hiểu rằng cái lưỡi tự nó không có tội lỗi xấu xa gì, ngay cả vật thực cũng bình đẳng thanh tịnh vì cho dù đồ ăn có trăm ngàn món mà mục đích vẫn là làm cho người được no, nhưng khi lưỡi tiếp xúc với vật thực thì bây giờ vọng tưởng mới phát sinh.

https://thuviensach.vn

Còn Tánh nếm thì mùi vị gì nó cũng biết, nhưng nó không có sự phân biệt đối đãi để khen món này hoặc chê món kia. Do đó nếu hằng ngày con người thay vì chạy theo sự phân biệt đối đãi của cái lưỡi (thiệt thức) nghĩa là chạy theo món ngon vật lạ mà chê bai món dở, khó ăn thì dĩ nhiên phiền não đau khổ chắc chắn sẽ đeo mang. Ngược lại ăn để sống thì món gì ăn cũng được và khi no bụng thì sẽ không còn dục vọng để đòi hỏi phải có món này vật nọ nữa. Được như vậy thì có an lạc, có Niết bàn. Ngày xưa khi Đức Phật và các đại đệ tử khi đi khất thực, các Ngài trộn chung tất cả món ăn lại với nhau rồi mới ăn để không còn phân biệt món này ngon, món kia dở vì thế các Ngài mới có an lạc thanh tịnh Niết bàn là vậy bởi vì các Ngài đang sống với tánh giác của mình.

5) Thu Hai Xứ Xúc trần và Thân căn.

A Nan! Ông thường lấy tay xoa đầu buổi sớm mai. Ông Nghĩ thế nào? Trong sự nhận biết xoa đầu, lấy cái gì làm biết cảm xúc? Cái biết ở nơi tay hay ở nơi đầu? Nếu nó ở nơi tay, mà cái đầu không biết thì làm sao thành cái cảm xúc ấy. Còn nếu ở nơi đầu, mà cái tay vô dụng thì làm sao gọi là cảm xúc được. Nếu cả cái đầu và cái tay, mỗi cái đều có biết thì một mình ông A Nan mà có hai cái biết cảm xúc. Thế thì trong ông cũng có hai con người? Vả lại, nếu đầu và tay đồng một cảm xúc, thế thì cả hai cùng một tự thể. Nếu một tự thể thì không sở, không năng, cái nghĩa cãm xúc không thành lập được. Nếu là hai thể thì cảm xúc ở

https://thuviensach.vn

phía nào? Ở bên năng thì không ở bên sở. Ở bên sở không có bên năng. Không lẽ hư không tạo thành cảm xúc cho ông?

Vậy nên biết rằng cảm xúc và thân căn đều không có xứ sở, cảm xúc biết cùng xúc trần đều là hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Thân căn là chỉ cho thân tứ đại cho nên khi vào mùa hè oi bức thì thân cảm thấy nóng, mùa đông thì thân cảm thấy lạnh. Bị đánh thì thân cảm thấy đau, được xoa bóp thì thân cảm thấy êm dịu. Khi đưa tay rờ vào miếng lụa thì cảm thấy êm đềm, hoặc bị gai đâm thì cảm thấy đau đớn. Đây là những cảm xúc của thân căn khi tiếp xúc với xúc trần.

Khi xuất gia, đầu cạo nên mỗi buổi sáng ông A Nan thường lấy tay xoa đầu, lau sạch bụi bặm vì thế mà Đức Phật mới lấy đây làm thí dụ để hỏi ông A Nan rằng khi tay xoa vào đầu thì lấy cái gì làm biết cảm xúc?

1) Nếu như cái biết cảm xúc ở nơi tay thì lẽ ra cái đầu không biết được có cái tay xoa nó. Ngược lại, nếu cái biết cảm xúc ở nơi đầu thì cái tay lẽ ra không biết được nó đã xoa cái đầu?

2) Nếu cả hai tay và đầu đều biết thì lẽ đâu một người mà lại có hai thân căn, hay một người mà lại có hai tâm? Thế thì thân căn nào là thật của mình? Còn nếu cho rằng cả đầu

https://thuviensach.vn

và tay đều chỉ có một thân căn thì đầu và tay như nhau, không khác. Thế thì căn đối với căn chớ không còn căn đối với trần nữa thì làm sao cảm xúc phát sinh được?

Bây giờ Đức Phật mới kết luận rằng tất cả những cảm xúc thọ nơi thân thật ra không có xứ sở. Đây chỉ là những tướng đối đãi do vọng niệm phát khởi. Mặc dù nó là vọng niệm phát khởi, nhưng nó vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng (Bất biến tùy duyên). Nói cách khác tuy cảm giác ở tay hay đầu là do vọng niệm hư ảo mà có, nhưng những cảm giác hư vọng này cũng từ bản giác thanh tịnh (Như Lai Tạng) mà tạo tác. Vì thế nếu chúng sinh biết lìa những vọng niệm sinh diệt, hư ảo thì chính họ tức thì sẽ trở lại với tự tánh Bồ-Đề thanh tịnh ngay.

6) Thu Hai Xứ Pháp trần và Ý căn.

A Nan! Ông thường trong ý duyên với ba tánh: thiện, ác và vô ký mà sinh ra pháp trần. Pháp trần đó tức tâm sanh hay ly tâm sanh?

A Nan! Nếu do tâm sanh pháp trần thì pháp trần không còn là trần nữa. Vì nó không phải là pháp sở duyên của tự tâm, làm sao thành một xứ được?

Nếu bảo rằng rời cái tâm, riêng có chỗ khác thì bản tánh của pháp trần là có biết hay không có biết? Nếu có biết, thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải trần cảnh thì cũng như cái tâm của người khác. Còn nếu nó tức

https://thuviensach.vn

là ông và cũng tức là tâm thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được? Lại nếu như không có biết, cái pháp trần đó đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không. Vậy thì pháp trần ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không, không thể chỉ nó ra được; không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không? Nếu không có đối tượng sở duyên thì ý căn do đâu thành lập xứ? Vì vậy nên biết rằng pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở, cả hai đều hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Con người thường suy nghĩ về tất cả những việc thiện, ác trong thế gian này. Thấy người nghèo khổ, hoạn nạn nên muốn giúp đỡ thì lúc đó đang nghĩ thiện. Nhưng nếu để tâm muốn hại người thì đang nghĩ ác. Thấy người ăn xin sẵn trong túi có vài đồng nên lấy ra cho mà chẳng quan tâm để ý là nghĩ vô ký. Do đó tất cả những suy nghĩ trong thế gian, thiện có, ác có, không thiện không ác cũng có thì gọi là pháp trần. Vậy pháp trần là do tâm sinh ra hay là không do tâm sinh ra? Trước khi trả lời, Đức Phật đặt câu hỏi với ông A Nan rằng :

1) Nếu pháp trần là do tâm sinh ra thì rõ ràng pháp trần chính là tâm. Mà đã là tâm thì pháp trần thuộc về năng tức là bên trong chớ không thuộc về sở tức bên ngoài. Nhưng nếu là năng thì làm sao gọi là pháp trần cho được bởi vì trần cảnh thì phải ở bên ngoài?

https://thuviensach.vn

2) Nếu pháp trần không do tâm sinh ra và có phần riêng biệt thì bây giờ bản tính của pháp trần là có biết hay không có biết?

- Nếu pháp trần có biết thì pháp trần tức là tâm chứ không phải trần cảnh. Tuy là tâm, nhưng pháp trần không thuộc A Nan thì cái tâm này là của người khác rồi? Còn nếu pháp trần là tâm và là của A Nan thì làm sao cái tâm của A Nan lại biến thành hai được?

- Còn nếu pháp trần không có biết, ngoài năm trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc và hư không ra thì còn cái gì mới gọi là pháp trần? Đã không chỉ gọi được thì làm sao thành trần cảnh được? Sau cùng Đức Phật mới kết luận rằng pháp trần và ý căn đều là duyên khởi giả dối, không thật, không có tự tánh và vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng.

Cuộc sống hằng ngày, con người suy nghĩ nhiều quá. Suy nghĩ thiện, suy nghĩ ác, suy nghĩ cho mình, suy nghĩ cho người làm phát sinh bao vọng niệm khiến tâm bất tịnh. Nhưng bản chất của tâm thể là lặng lẽ tràn đầy trong sáng và nó ẩn tàng trong tất cả mọi chúng sinh nên được gọi là bản nguyên hay tự tánh. Hằng ngày vì vọng tưởng dấy khởi liên miên nên chúng sinh chỉ thấy được vọng tưởng mà không thấy được tâm thể của mình. Cũng như mặt biển lặng lẽ êm ái, nhưng một ngọn gió mạnh thổi qua làm giết

https://thuviensach.vn

chết sự yên lặng trầm tĩnh mà tạo thành những lượn sóng nhấp nhô gào thét thay thế sự yên lặng trong sáng ban đầu. Suy nghĩ, tư tưởng chính là nguồn gốc của sự mê hoặc làm cho tâm thức của con người càng thêm mê muội và vọng tưởng chính là sản phẩm của nó. Chính vì thấy sự nguy hại của vọng niệm mà Lục Tổ Huệ Năng có dạy rằng : ”Khi không nghĩ thiện, không nghĩ ác thì chơn tâm, Phật tánh mới hiện bày”.

Mười Tám Giới Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng.

Khi mắt thấy được những vật có hình dáng và màu sắc trong một phạm vi giới hạn chỉ dành riêng cho mắt thì gọi là “giới”. Vì thế cái giới của mắt thì gọi là “nhãn giới”nghĩa là cảnh giới của cơ quan thấy. Nếu mắt có thấy thì phải có vật và đối tượng để thấy rồi sau đó mới phát sinh ra cái biết của sự thấy. Cái biết này là “Nhãn thức”. Sau đó tất cả những cái biết về loại thấy này hợp lại thành một thế giới của những cái biết bằng mắt mà nhà Phật gọi là “Nhãn thức giới”.

Nói tóm lại đối với “cái thấy” có được ba giới, đó là :

1) Một thuộc về căn tức là Nhãn giới.

2) Một thuộc về trần tức là Sắc giới.

https://thuviensach.vn

3) Một thuộc về thức tức là Nhãn thức giới.
Để dễ dàng thấu hiểu, có tất cả 18 giới của căn, trần và thức mà thường được gọi là "thập bát giới" hay "mười tám giới".

6 giới của căn : Nhãn giới, Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới, Thân giới và Ý giới.

6 giới của trần : Sắc giới, Thanh giới, Hương giới, Vị giới, Xúc giới và Pháp giới.

6 giới của thức : Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới và Ý thức giới.

Bây giờ nếu cộng 6 giới của căn, 6 giới của trần và 6 giới của thức thì có tất cả 18 giới hay "thập bát giới".

Tuy thế gian có muôn hình vạn tướng, lớn nhỏ, thấp bé khác nhau, nhưng nói cho cùng cái vũ trụ vạn hữu vô thỉ vô chung vô cùng vô cực này cũng không ngoài thập bát giới. Nếu chúng sinh có tâm niệm lành, nghĩ việc thiện làm việc tốt thì thập bát giới sẽ biến thành 18 cõi trời đầy phước lạc. Ngược lại nếu chúng sinh có tâm niệm ác, làm những việc bất thiện lợi mình hại người và nói lời độc ác thì cuộc sống hiện tiền cũng ví như đang sống trong 18 tầng địa ngục vậy. Ngày xưa Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy rằng : "Mỗi niệm là một cảnh giới" nghĩa là khi tâm chúng

https://thuviensach.vn

sinh có một niệm lành thì lúc đó họ đang sống trong cảnh giới thần tiên, an nhàn, tự tại. Ngược lại nếu chúng sinh phát sinh một niệm ác thì ngay lúc đó họ đang sống trong cảnh giới đau khổ của súc sanh, địa ngục A tỳ.

1) Thu Nhãn (giới), Sắc (giới) Và Nhãn Thức Giới.

Lại nữa A Nan! Vì sao 18 giới là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai Tạng?

A Nan! Như ông đã biết : Nhãn căn và sắc trần làm duyên sanh nhãn thức. Nhãn thức lại là nhân nhãn căn sinh ra, lấy nhãn căn làm giới hay nhân sắc trần sinh ra lấy sắc trần làm giới?

A Nan! Nếu bảo rằng nhân nhãn căn sinh ra mà không có sắc có không thì không thể phân biệt dầu cho có cái thức của ông thì đem ra dùng về việc gì? Cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh, vàng, trắng, đỏ thì không thể biểu hiện được. Vậy do đâu mà lập thành ra giới? Nếu nhân sắc trần sinh ra thì khi chỉ có hư không, không có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt, làm sao còn biết được là hư không? Nếu khi sắc tướng biến đổi thành hư không, ông cũng biết rằng sắc tướng biến đổi. Thế thì do đâu mà lập sắc trần làm giới? Nếu theo sắc trần mà biến đổi thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu không biến đổi thì là thường hằng, cái thức đó do sắc trần sinh ra lẽ ra không thể biết hư không ở đâu?

https://thuviensach.vn

Nếu gom hai thứ nhãn căn và sắc trần chung cùng sinh ra, vậy như hợp lại thì ở giữa phải ly. Còn như ly ra thì hai bên lại hợp. Thể tính xen lộn, làm sao thành giới được?

Vậy nên biết rằng nhãn căn sắc trần làm duyên (điều kiện) sanh nhãn thức, cả ba chỗ đều không và ba giới nhãn căn sắc trần và nhãn thức vốn không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Khi mắt (nhãn căn) thấy một cái nhà (sắc trần) thì tâm mới phát sinh cái biết của mắt (nhãn thức). Vì thế thông thường muốn có cái biết của mắt thì phải có căn (mắt) và đối tượng để thấy (trần) tức là cái nhà trong trường hợp này. Để làm cho vấn đề được sáng tỏ, Đức Phật mới hỏi ông A Nan rằng: Nhãn căn (con mắt) và sắc trần (hình sắc) làm duyên sinh ra nhãn thức (cái biết của mắt). Vậy thì, nếu cái biết của mắt (nhãn thức) là do mắt (nhãn căn) sinh ra hay là do đối tượng bên ngoài (sắc trần) sinh ra?

1) Nếu nhãn thức là do nhãn căn sinh ra thì không thể thành được vì thiếu đối tượng để thấy tức là sắc trần. Thí dụ, có mắt mà không có cái gì để thấy thì tâm lấy cái gì biết để có sự phân biệt.

2) Nếu nhãn thức là do sắc trần sinh ra thì cũng không thể thành được vì thiếu một yếu tố chính là căn mắt để thấy.

https://thuviensach.vn

Thí dụ, thế giới bên ngoài màu sắc rực rỡ huy hoàng mà người mù đâu có thấy biết gì.

3) Bây giờ nếu có đủ nhãn căn và sắc trần làm duyên để sinh ra nhãn thức cũng như ly với hợp.

- Nếu nhãn căn biết mà sắc trần không biết thì cũng không sinh được nhãn thức. Thí dụ, có mắt mà nhìn vào hư không thì chắc chắn sẽ không có cái biết của mắt được. Nói cách khác, là mắt chẳng thấy biết cái gì.

- Nếu nhãn căn không biết mà sắc trần biết thì cũng không sinh được nhãn thức. Ngày nay khi nhìn những ngôi sao trên trời có khi cách xa mấy ngàn năm ánh sáng. Con mắt biết vì mắt thấy được ngôi sao, nhưng ngôi sao lại không thật vì vào thời điểm mắt nhìn thấy nó thì nó đã đi thật xa rồi. Vậy cái biết của mắt là không thật nên không gọi là nhãn thức được.
Vì thế ly, hợp lẫn lộn nên không thành nhãn thức giới.

Bây giờ Đức Phật mới kết luận rằng nhãn căn duyên với sắc trần sinh ra nhãn thức, nhưng tất cả nhãn căn sắc trần và nhãn thức đều là những niệm huyễn hóa, không có tự tánh và được phát khởi từ bản tánh Bồ-đề (Như Lai Tạng) vốn không phải là tánh nhân duyên và tánh tự nhiên. Vậy 18 giới đều là những vọng niệm phát khởi từ tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng.

https://thuviensach.vn

Đoạn kinh trên Đức Phật muốn nhắn nhủ với chúng sinh rằng tất cả những gì mà mắt thấy được từ bên ngoài đều là vọng niệm, là huyễn hóa. Cái thấy biết đó thật ra chỉ là cái thấy biết của sự vô thường, sinh diệt cho nên con người "thấy thật" mà thật ra không phải là "thật thấy". Thấy thật thì cái gì cũng thấy mà thấy biết sai lầm vì trong cái thấy biết đó đã ngầm chứa phẩm chất tham-sân-si của bản ngã nên cho dù thế gian là sinh diệt, biến hoại mà con người luôn tin chắc vào cái thấy thật đó. Ngược lại, nếu biết rằng vạn pháp giai không thì trên thế gian này đâu có cái gì là bền chắc, là bất tử cho nên con người tuy cũng thấy tất cả nhưng trong tâm họ thật ra không thấy cái gì hết. Tâm không dính mắc, lòng ung dung tự tại thì đây mới chính thật là "thật thấy" vậy. Có lìa huyễn, lìa vọng thức thì chúng sinh mới có thể chuyển tâm về với tự tánh thanh tịnh Bồ-đề của mình được.

2) Thu Nhĩ Căn, Thanh Trần Và Nhĩ Thức Giới.

A Nan! Như ông đã biết : Nhĩ căn và thanh trần làm duyên sanh nhĩ thức. Nhĩ thức nhơn nhĩ căn sanh ra lấy nhĩ căn làm giới hay lấy thanh trần sinh ra, lấy thanh trần làm giới? A Nan! Nếu nhân nhĩ căn sinh ra mà không có hai tướng động tĩnh hiện tiền thì cái biết của nhĩ căn không thành. Bởi vì chẳng có gì để biết. Cái biết đã không thì cái gọi là "nhĩ thức" hình mạo ra sao? Nếu bảo : Nhĩ thức nhơn thanh trần sanh. Vậy thì nhĩ thức vốn nhơn thanh trần mà

https://thuviensach.vn

có, nó chẳng tương quan gì với tánh nghe của lỗ tai. Đã không nghe thì cũng không biết gì là thanh trần và thanh trần ở đâu. Vì vậy, biết rằng : Nhĩ căn thanh trần làm duyên sanh nhĩ thức giới , ba chỗ đều không. Không phải tánh nhơn duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Trong đoạn kinh này, Đức Phật dạy rằng nhĩ căn (lỗ tai) duyên với thanh trần (âm thanh) sẽ phát sinh ra nhĩ thức (cái biết của tai). Thí dụ như khi tai (nhĩ căn) nghe một bản nhạc (thanh trần) làm cho tai biết đó là bản nhạc gì. Vậy cái giới biết của tai là do nhĩ căn sinh ra hay do thanh trần sinh ra?

1) Nếu nhĩ thức là do nhĩ căn sinh ra thì cũng không được bởi vì nhĩ căn tự nó không có tự tánh mà cần phải duyên với thanh trần mới tạo thành cái biết.

2) Nếu nhĩ thức là do thanh trần sinh ra thì cũng không được bởi vì thanh trần tự nó không có tự tánh mà cần phải duyên với nhĩ căn mới tạo thành cái biết. Thí dụ, trong không gian, âm thanh vang ra khắp mọi chiều, nhưng đối với người điếc thì căn tai không tiếp nhận được những tầng rung động nên không nghe biết gì hết.

3) Nếu nhĩ thức là do nhĩ căn duyên với thanh trần, nhưng nhĩ căn và thanh trần chỉ đối đãi với nhau mà có, chớ tự chúng không có.

https://thuviensach.vn

Vì thế, nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức đều là những tướng giả dối, huyễn hóa. Chúng không có tự tánh mà chỉ có khi duyên khởi với nhau. Do đó nếu chúng sinh biết thu những tướng giả dối, sinh diệt này thì con người sẽ trở về với bản tánh chân thật trong sáng của Như Lai Tạng. Nhĩ căn duyên với thanh trần bên ngoài để tạo sự phân biệt của cái nghe, nhưng ở đây Đức Phật muốn chúng sinh thông hiểu sáng suốt rằng cho dù có thanh trần hay không nghĩa là bên ngoài có âm thanh hay không thì tánh nghe lúc nào vẫn có với chúng sinh.

Thí dụ nếu đánh một tiếng chuông thì tai nghe âm ba vang dội, nhưng khi không đánh chuông nữa thì tai không còn nghe tiếng chuông nhưng tánh nghe vẫn còn đó tức là tai lúc bấy giờ không nghe tiếng chuông nhưng nghe sự yên lặng của không gian chớ không phải không nghe cái gì hết. Một thí dụ khác là khi nghe lời nói dịu ngọt làm tâm lưu luyến. Khi nghe một bản nhạc hay, lời hát thanh thoát, những lời chỉ trích cay đắng, những lời chửi mắng làm tâm bất động mà phát sinh vô số vọng tưởng. Do đó, nếu con người biết thu nhiếp những âm thanh bên ngoài nghĩa là nghe mà như không nghe gì hết thì vọng tưởng sẽ lắng xuống làm tâm an tịnh mà trở về sống với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mình.

Trong sáu căn của con người, căn tai là một căn sắc bén nhất. Chính sự sắc bén tinh túy này đã làm con người chạy theo ngoại trần mà ôm vào lòng biết bao phiền não khổ

https://thuviensach.vn

đau. Thói thường, con người thích nghe lời dịu ngọt, chạy theo tiếng thị phi. Nghe ai khen thì thích, nghe lời chỉ trích thì buồn phiền. Bây giờ Phật khai thị cho chúng sinh thấy rằng lời nói âm thanh là giả dối, không thật. Nói hay cách mấy cũng sai chân lý. Vì thế muốn tâm mình được thanh tịnh thì đừng bao giờ chấp vào lời nói đầu môi chót lưỡi cả. Nói tốt cũng nghe, chê bai cũng nghe nhưng nghe xong rồi bỏ, đừng đem nó vào lòng mà tự mình chuốc lấy phiền não khổ đau. Trên thế gian này không ai biết mình bằng mình vì thế những lời tốt xấu thị phi không phải là của mình thì quan tâm đến nó để làm gì? Lục Tổ cũng nói rằng : ”Nếu là người tu đạo chân chính thì không thấy lỗi của người mà chỉ nhìn lại lỗi của mình”. Do đó mình thì không thị phi để gây ra khẩu nghiệp còn người thị phi thì mặc kệ họ, đừng chấp. Đây chính là sống với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mình thì sẽ có an vui, tự tại, thanh tịnh Niết bàn.

3) Thu Tỷ Căn, Hương Trần Và Tỷ Thức Giới.

A Nan! Như ông đã biết : Tỷ căn và hương trần làm duyên sinh tỷ thức. Tỷ thức nhơn tỷ căn sanh, lấy tỷ căn làm giới hay nhơn hương trần sanh lấy hương trần làm giới?

A Nan! Ông nghĩ thế nào về tỷ căn? Ông lấy cái mũi thịt hình tướng như hai ngón tay dũi xuống hay lấy sự biết ngửi làm tỷ căn? Nếu lấy hình tướng cái mũi thịt thì chất thịt là thân căn là cái biết cảm xúc. Đã gọi là thân căn thì không phải là tỷ căn, đã gọi rằng cảm xúc thì đó là xúc trần đối

https://thuviensach.vn

với thân căn. Vậy, còn không có gì đáng gọi là tỷ căn, do đâu mà lập thành giới?

Nếu lấy cái ngửi biết làm tỷ căn thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái có ngửi biết? Nếu lấy lỗ mũi thịt thì cái biết của chất thịt là xúc trần chớ không phải như tỷ căn. Nếu lấy cái hư không làm cái có ngửi biết thì hư không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết. Như thế, thì lẽ ra hư không là ông, thân của ông mà không có biết thì ông A Nan hiện nay lẽ cũng không còn đâu nữa.

Nếu lấy cái hương làm cái có ngửi biết thì cái biết thuộc về hương trần, nào dính gì đến ông?

Nếu các mùi hương, thối sinh ra do tỷ căn của ông thì hai mùi thơm, thối kia không sinh ra do cây y lan và cây chiên đàn. Hai vật đó không tới, ông tự ngửi lỗ mũi là thơm hay là thối. Nếu cả hai mùi thơm, thối đều ngửi được cả thì một người ông phải có hai tỷ căn và đứng trước tôi hỏi đạo phải có hai ông A Nan thì ông nào mới là tự thể của ông. Còn nếu tỷ căn là một, thì thơm, thối không hai. Thối đã thành thơm, thơm đã thành thối, hai tính đó đã không có thì lấy gì lập được thành giới?

Lại nếu nhân hương trần mà có thì tỷ thức đã nhân hương trần mà có cũng như nhân con mắt có thấy, không thể thấy được con mắt. Tỷ thức nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần thì không

https://thuviensach.vn

phải do hương trần sinh ra. Nếu không biết được hương trần thì không phải là tỷ thức.

Hương trần mà không ngửi biết là có thì cái giới hương trần không thành. Tỷ thức mà không biết hương trần thì cái giới của nó không phải do hương trần mà lập. Đã không có cái thức trung gian thì nội căn, ngoại trần cũng không thành và tất cả những điều ngửi biết kia rốt ráo đều luống dối.

Vậy, nên biết rằng tỷ căn, hương trần làm duyên sinh ra tỷ thức. Cả ba chỗ đều không và ba giới tỷ căn, hương trần và tỷ thức vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Khi mũi ngửi mùi hương làm phát sinh sự biết của mũi nghĩa là sự phân biệt của mũi đối với mùi hương. Thí dụ, khi vào vườn hoa thì mũi cảm nhận biết bao mùi hương từ những loài hoa khác nhau. Nào là hoa hồng, hoa huệ, hoa dạ lý…Khi vào bếp mũi đón nhận bao nhiêu mùi thơm của thức ăn làm cho thân cảm thấy đói bụng. Hương thơm làm con người mê ly khoan khoái, ngược lại mùi tanh hôi, thối tha làm con người bực bội, khó chịu.

Phật mới hỏi A Nan rằng thế nào là căn mũi? Phải chăng căn mũi là một chất thịt tức là phù trần căn để nhận biết hương vị thơm, thối mà tạo thành sự phân biệt của tỷ thức.

https://thuviensach.vn

Nếu căn mũi là chất thịt thì toàn thân cũng là chất thịt mà lại không biết mùi thơm thối?

Còn nếu nói rằng tỷ thức là do cái ngửi biết mà phát sinh thì nhìn lại trong cái mũi, cái gì là cái ngửi biết được?

1) Nếu cho rằng chất thịt ngửi biết được thì phải có cái gì đụng chạm vào thịt thì mới có sự ngửi biết. Nhưng nếu có cái gì đụng chạm thì đây đâu còn là hương trần mà trở thành xúc trần rồi.

2) Nếu cho rằng cái ngửi biết là do hư không mà có thì cái mũi là chất thịt đâu phải hư không cho nên ông A Nan bây giờ không còn là chất thịt mà là hư không. Điều này không đúng.

3) Nếu cho rằng hương trần là cái ngửi biết thì cái biết thuộc về hương trần nào chớ có dính dấp gì tới ông A Nan đâu.

4) Còn nếu cho rằng hai mùi thơm thối là do tỷ căn sinh ra thì khi không đem hai cây ỷ lan và cây chiên đàn đến lỗ mũi thì làm sao lỗ mũi biết được mùi thơm? Hoặc nếu cho rằng mũi ngửi được mùi thơm từ cây ỷ lan và cây chiên đàn thì lẽ ra mũi phải có hai tỷ căn để ngửi được hai mùi. Nếu chỉ có một lỗ mũi thì mùi thơm, thối lẫn lộn, làm sao phân biệt được?

https://thuviensach.vn

Tất cả những lý luận trên là Đức Phật muốn khai thị cho ông A Nan đừng chấp vào hương trần và ngay cả tỷ căn của mình vì chúng là huyển hóa, không thật, không có tự thể. Một lần nữa Phật muốn nhắn nhủ với chúng sinh là văn tự lời nói là không thật nên nói sao cũng được. Lời nói chỉ là phương tiện để tiến về cứu cánh giác ngộ. Lời Phật nói ở đây cũng không thật vì ai cũng biết lỗ mũi có những tuyến để tiếp nhận những hương vị bên ngoài mà mũi ngửi được. Sau đó những tuyến nầy chuyển tất cả những cảm xúc vào hệ thần kinh và được chuyển vào hệ thống não bộ để cho con người có sự phân biệt thơm, thối…Do đó muốn có tỷ thức thì bắt buộc phải có tỷ căn duyên với hương trần, nhưng tỷ căn, hương trần tự nó là giả dối, không có tự thể. Vì thế hương trần mà không duyên với tỷ căn thì lỗ mũi cũng không bao giờ biết được mùi hương.

Sau cùng Đức Phật mới dạy rằng nếu chúng sinh đừng chấp vào hương vị bên ngoài nghĩa là ngửi mà không có sự phân biệt tức là ngửi thì cái gì cũng ngửi mà như không ngửi cái gì hết thì vọng tưởng không dấy khởi và tâm sẽ được thanh tịnh. Cái si mê say đắm cuộc đời thì đa hình đa dạng, nhưng thật ra hương vị đã làm cho con người sống trong điên đảo. Ngày nay kỷ nghệ biến chế nước hoa rất thành công trên thế giới lên đến hàng tỷ mỹ kim cho cả hai phái nam, nữ. Vì sao? Con người vì còn chạy theo hương trần quyến rũ làm tăng trưởng lòng tham dục khiến tâm phát sinh vô số vọng tưởng mà sống trong điên đảo khổ

https://thuviensach.vn

đau. Cái hương vị là ở bên ngoài thì nó sẽ tàn phai và lúc bấy giờ con người thật của mình hiện ra thì những giây phút hạnh phúc tạm bợ đó có còn nằm trong tay của mình nữa không?
Người Tây Phương ưa chuộng hình thức bên ngoài nên con số ly dị ở Hoa kỳ lên đến trên 50%. Nếu con người đừng chấp vào hình tướng sinh diệt bên ngoài mà quay về với nội tâm trong sáng, với tánh đạo đức thuần lương thì cuộc sống sẽ vô cùng tự tại. Một thí dụ khác, có người tặng hoa hồng thơm thì thích còn hoa cúc thì không vui. Ngửi đồ ăn có thơm ngon mới ăn còn không thì gây gổ đánh đập vợ con gây ra lắm điều phiền não khổ đau. Bây giờ biết thức tỉnh, nghe lời Phật dạy không chạy theo những hương vị bên ngoài thì con người sẽ quay trở về sống gần với chân tánh thanh tịnh của mình thì chắc chắn phiền não tan biến, khổ đau tiêu trừ và dĩ nhiên sẽ có an lạc, thanh tịnh Niết bàn.

4) Thu Thiệt, Vị Và Thiệt Thức Giới.

A Nan! Như ông đã biết : Thiệt căn và vị trần làm duyên sanh thiệt thức. Thiệt thức nhơn thiệt căn sanh, lấy thiệt căn làm giới hay nhơn vị trần sanh. Lấy vị trần làm giới?

A Nan! Nếu nhân thiệt căn sinh ra thì như trong thế gian những loại mía ngọt, me chua, hoàng liên đắng, muối mặn, tế tân, gừng quế cay đều không có vị, ông tự nếm cái lưỡi là ngọt hay là đắng. Nếu cái lưỡi là đắng thì lấy cái gì mà

https://thuviensach.vn

nếm cái lưỡi. Cái lưỡi đã không thể tự nếm được thì lấy gì mà có hay biết . Còn nếu cái lưỡi không đắng thì tự nhiên vị trần không sinh ra, làm sao mà lập được thành giới?

Nếu nhân vị trần sinh ra, vậy thiệt thức đã là vị rồi thì cũng đồng như thiệt căn, không thể tự nếm được, làm sao còn biết được là có vị hay không có vị? Lại tất cả các vị không phải do một vật sinh ra. Các vị đã do nhiều vật sinh ra thì cái thiệt thức do vị trần sinh ra cũng phải có nhiều tự thể. Nếu tự thể của thiệt thức là một và tự thể đó thật do vị trần sinh ra thì các vị mặn, nhạt, chua, cay và nhiều vị khác nhau, do các thứ đó hòa hợp cùng sinh ra đều chỉ là một vị, lẽ ra không có phân biệt. Mà đã không có phân biệt thì không thể gọi là thức, làm sao còn gọi là giới thiệt thức? Không lẽ hư không lại sinh được cái thức của ông?
Nếu thiệt căn, vị trần, hòa hợp mà sinh ra cái thức ở giữa, vốn không tự tánh, làm sao mà lập được thành giới? Vậy, nên biết rằng thiệt căn, vị trần làm duyên, sinh ra thiệt thức, cả ba chỗ đều không và ba giới thiệt căn, vị trần và thiệt thức vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên. Ở đây cái lưỡi cũng cần phải duyên với mùi vị thì mới có sự phân biệt chua cay, mặn ngọt được.

1) Nếu bảo rằng cái lưỡi tự nó có mùi vị thì những chất cay đắng, bùi ngọt là có sẵn trong cái lưỡi chớ không phải do những vật chất bên ngoài đưa vào. Như thế tự cái lưỡi là mùi vị đắng cay chua ngọt thì làm sao cái lưỡi có thể nếm được những mùi vị bên ngoài? Còn nếu cái lưỡi tự nó

https://thuviensach.vn

không có mùi vị thì mùi vị không lẽ tự nhiên trên trời bay vào?

2) Nếu sự phân biệt của lưỡi là do mùi vị ở bên ngoài thì sự phân biệt chính là cái lưỡi mà cái lưỡi tự nó không thể nếm được thì làm sao biết được mùi vị. Thêm nữa, mùi vị cay đắng mặn ngọt là do rất nhiều vật chất cho nên thiệt thức (sự phân biệt của lưỡi) có tự thể nghĩa là thiệt thức chỉ có thể nếm được một vị thì làm sao có sự phân biệt khác nhau giữa mùi vị này mùi vị kia?

Như vậy thiệt căn duyên với vị trần sinh ra thiệt thức, nhưng chính thiệt căn, vị trần và thiệt thức là giả dối, không có tự tính, sinh sinh diệt diệt vốn là bản tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng.

Trong thế gian có biết bao vật chất có những mùi vị khác nhau như mặn, ngọt, chua, cay…, nhưng chính cái lưỡi tự nó không có mùi vị. Khoa học ngày nay giải thích rằng bên dưới cái lưỡi có rất nhiều tuyến có khả năng thu nhận những mùi vị. Thí dụ bên ngoài của lưỡi tiếp nhận mùi ngọt, bên trong mùi đắng, hai bên là mùi chua cay…Khi có sự tiếp xúc những tuyến này liền chuyển tất cả những tín hiệu nhận được qua hệ thống thần kinh để vào trung ương não bộ. Từ đó thần kinh não bộ sẽ cho con người biết đó là mùi vị gì. Tuy nói dài dòng nhưng thực ra hiện tượng này xảy ra rất nhanh, có lẽ vài nano seconds (vài phần trăm ngàn của một giây).

https://thuviensach.vn

Đoạn kinh này Đức Phật muốn nhắn nhủ với chúng sinh rằng hiện tượng bên ngoài là sinh diệt, mùi vị cay đắng, mặn ngọt cũng là sinh diệt. Nếu chúng sinh còn đem những hiện tượng sinh diệt này vào trong tâm thì vọng tưởng chắc chắn sẽ phát sinh để thỏa mãn những dục vọng đòi hỏi bởi thiệt thức. Còn sống thì dĩ nhiên ai cũng biết mùi này mùi nọ vì đây là tánh nếm không có sự phân biệt và dĩ nhiên không có tai hại tức là tánh nếm còn trong trạng thái hiện lượng. Nhưng nếu để tâm chuyển từ tánh nếm sang thiệt thức thì bây giờ tánh nếm chân thật biến mất mà thay vào đó bằng biết bao vọng thức (tỷ lượng) làm tâm bất tịnh mà chạy theo sinh tử luân hồi.

5) Thu Thân, Xúc và Thân Giới Thức.

A Nan! Như ông đã biết : Thân căn và xúc trần làm duyên sanh thân thức. Thân thức nhơn thân căn sanh, lấy thân căn làm giới hay nhơn xúc trần sanh, lấy xúc trần làm giới?

A Nan! Nếu nhân thân căn sinh ra, không có cái duyên của hai cảm xúc hợp và ly, thì thân căn còn biết gì. Nếu nhân xúc trần sinh ra mà không có thân căn của ông thì có ai không có thân căn mà biết hợp, biết ly được.

A Nan! Vật thì không xúc không biết. Thân có biết có xúc. Biết thân là do có xúc. Biết xúc do có thân. Đã là xúc thì không phải là thân. Đã là thân thì không phải là xúc. Thân căn và xúc trần không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp nhất với

https://thuviensach.vn

thân căn thì hóa thành tự thể của thân căn rồi. Nếu xúc trần tách rời thân căn thì chẳng khác hư không và các tướng, không quan hệ gì nhau. Nội căn ngoại trần đã không thành thì làm sao lập được cái thức ở giữa. Thức đã không lập được thì nội căn ngoại trần bản tánh rỗng không. Ông sẽ dựa vào đâu để mà thành lập thân thức giới? Vì vậy, nên biết rằng : Thân căn xúc trần làm duyên sanh thân thức ba chỗ đều không. Và ba giới thân căn, xúc trần và thân thức vốn không phải tánh nhân duyên cũng không phải tánh tự nhiên.

Thân căn duyên với xúc trần phát sinh ra thân thức. Thí dụ khi đưa tay ra sờ một cục nước đá thì bàn tay cảm thấy lạnh lẽo, giá buốt. Mình mặc chiếc áo lông thì cảm thấy êm ái. Vì vậy cảm xúc là do ngoại trần chạm với thân thể mà có, nhưng ngoại vật là vô tri, vô giác, tự nhiên không biết thế nào là cảm xúc. Con người có biết được cảm xúc là do thân căn và có biết được thân căn là bởi do cảm xúc. Nhưng thân căn không phải là cảm xúc và cảm xúc cũng không phải là thân căn.

1) Nếu cảm xúc là thân căn thì căn và trần phải là một, đâu có cái ở ngoài hay cái ở trong được.

2) Nếu cảm xúc riêng ở ngoài thân căn thì cảm xúc bây giờ trở thành hư không. Mà hư không thì làm gì có cảm xúc?
3) Nếu nội căn và ngoại trần đã không thể thành lập thì thân thức ở giữa cũng không thể thành lập được. Vậy thân

https://thuviensach.vn

căn, xúc trần và thân thức là bản thể thanh tịnh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng, nhưng khi duyên khởi liền biến thành hiện tượng sinh diệt.

Như thế sắc, thanh, hương, vị, xúc tự tánh là thanh tịnh, đâu có nhiễm ô nên được gọi là pháp tánh nghĩa là tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp trong vũ trụ. Nói cách khác, vạn pháp trong vũ trụ này không có gì là trần (tội lỗi, nhớp nhơ) cả mà chỉ vì chúng sinh không làm chủ được tâm tánh thanh tịnh bản nhiên của mình nghĩa là con người vì không giữ nổi vai trò chủ nhân ông của mình mà để cho khách trần phiền não (có đến rồi lại đi) sai khiến làm tâm bất tịnh mà sống trong điên đảo khổ đau. Do đó người tu Phật tức là người "vô tâm" nghĩa là thế gian vũ trụ cái gì cũng thấy, cũng biết, cũng nếm, cũng ngửi nhưng không để tâm dính mắc vào bất cứ cái gì nghĩa là "gió theo lối gió mây đường mây" thì sẽ có tâm thanh tịnh, cuộc sống sẽ vô cùng an vui, tự tại.

6) Thu Ý, Pháp và Ý Thức Giới.

A Nan! Như ông đã biết : Ý căn và pháp trần làm duyên sanh ý thức. Ý thức nhơn ý căn sanh, lấy ý căn làm giới hay nhơn pháp trần sanh, lấy pháp trần làm giới?

A Nan! Nếu bảo rằng ý căn sanh thì trước hết ông phải có suy nghĩ, từ đó mới phát minh được cái ý của ông. Dù ý ông đã có, nhưng nếu không có đối tượng pháp trần thì ý

https://thuviensach.vn

căn của ông cũng không thể sanh được. Rời các pháp trần không thể nương vào đâu nhận thức hình mạo ý căn thì cái ý thức còn đem dùng vào việc gì?

Lại nữa, ý thức của ông cùng với các thứ tư duy, nghĩ ngợi là đồng hay khác? Nếu đồng với ý căn thì thức là ý căn, duyên cớ gì phải có ý căn để rồi mới sinh ra ý thức? Nếu khác với ý căn, lẽ ra nó sẽ không còn biết được gì. Nếu không được gì, sao lại bảo nó do ý căn sanh ra? Nếu có biết thì cần chi phải gọi ý thức và ý căn cho thêm chuyện? Chỉ có hai tánh đồng hay khác mà còn không ổn định thì làm sao thành lập "giới" của ý thức cho được?

Nếu bảo rằng nhơn nơi pháp trần sanh, thì các pháp trong thế gian không ngoài năm trần. Ông hãy xét các pháp : Sắc, thanh, hương, vị, xúc có tướng rõ ràng chúng là những đối tượng của năm căn, những pháp đó không thuộc phần tiếp thu của ý căn. Nếu bảo rằng ý thức của ông, nương pháp trần. Vậy ông xét kỹ xem cái tướng của pháp trần hình mạo như thế nào? Nên biết : Rời hẳn các tướng : Sắc, không, động, tĩnh, thông, bít, hợp, ly, sanh, diệt, rốt ráo không thành một pháp nào được cả. Các nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sanh ra còn có dáng mạo gì. Dáng mạo còn không có, làm sao mà lập được cái giới của ý thức? Vậy nên biết rằng : Ý căn, pháp trần làm duyên sanh ý thức , cả ba đều không. Và ba giới ý căn, pháp trần và ý thức vốn không phải tánh nhân nhiên cũng không phải tánh tự nhiên.

https://thuviensach.vn

Sắc, thanh, hương, vị, xúc là những ngoại trần nên dễ phân biệt, ngược lại pháp trần thuộc về tư tưởng nên tương đối khó nhận diện. Như kinh đã nói, ý căn duyên với pháp trần sinh ra ý thức. Vậy thức nầy từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới hay từ pháp trần ra lấy pháp trần làm giới?

Lục Tổ ngày xưa dạy rằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là năm cửa thành và vị tướng quân trấn giữ tất cả năm cửa thành là ý. Trong thành có vua cai quản toàn dân, chính là pháp tánh thanh tịnh của tất cả chúng sinh. Ý là tư tưởng, là sự suy nghĩ của tâm. Vì không tự chủ được những ý nghĩ của mình nên con người để cho nó nghĩ gần, nghĩ xa, nghĩ lợi, nghĩ hại, nghĩ tốt, nghĩ xấu…Còn pháp trần là những tư tưởng, ý nghĩ phát xuất từ trong tâm. Có khi chúng sinh hồi tưởng suy nghĩ về chuyện quá khứ đã xảy ra, có lúc suy nghĩ những chuyện xảy ra trong hiện tại và đôi khi cũng còn suy nghĩ cho những chuyện sẽ xảy ra cho tương lai. Có ý nghĩ đem lại sự thanh thoát an nhàn, cũng có những ý nghĩ đem đến phiền não khổ đau. Nói chung pháp trần là những ý tưởng có tính cách làm nhiễm ô tâm tánh con người.

Vậy ý căn mà không duyên được với ý trần thì ý thức không thể sinh được. Thí dụ chúng ta cố suy nghĩ mà không biết suy nghĩ về vấn đề gì thì không bao giờ ý thức thành lập được. Suy nghĩ mông lung không đầu không đuôi thì chỉ phí thì giờ là vậy. Hoặc :

https://thuviensach.vn

1) Nếu sự suy nghĩ và ý thức là ý căn thì ý thức bây giờ là ý căn thì tại lại nói cần có ý căn mới sinh ra ý thức?

2) Nếu sự suy nghĩ và ý thức khác với ý căn nghĩa là ý căn có biết thì ý thức phải không biết. Nếu đã không biết làm sao phân biệt được tất cả các sự vật? Mà nếu ý thức không biết thì chắc chắn không thể do ý căn sinh ra. Còn nếu như ý thức có biết thì tại sao lại phân chia ra ý thức và ý căn?

Chỉ như thế đã thấy lộn xộn, không thể giải quyết thì làm sao mà lập được thành giới?

Bây giờ nếu cho rằng ý thức là do pháp trần sinh ra thì ngòai sắc, thanh, hương, vị, xúc ra thì cái gì gọi là pháp trần. Còn nếu nói các sắc trần như sắc, thanh, hương, vị, xúc sinh thì gọi là sinh và các sắc trần sắc, thanh, hương, vị, xúc diệt thì gọi là diệt. Như vậy chính pháp trần đã không có tự thể thì cái ý thức do pháp trần sinh ra làm sao có hình tướng cho được?

Vậy ý căn, pháp trần và ý thức cả ba đều là duyên khởi, không có tự tánh nên chúng là giả dối, huyễn hóa. Tuy là không thật nhưng chúng phát xuất từ tự tánh thanh tịnh bản nhiên tức là Như Lai Tạng bản thể vậy.

Trọng tâm của Lục Tổ Huệ Năng dạy trong kinh Pháp Bảo

https://thuviensach.vn

Đàn là chúng sinh muốn có tâm thanh tịnh thì phải áp dụng ba cái Vô :

1) Vô niệm vi tong : Phàm là con người thì lục căn lúc nào cũng có thể tiếp xúc với sáu trần, nhưng nếu muốn tâm đừng phát sinh vọng tưởng thì cho dù mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương vị, lưỡi nếm mùi vị, thân cảm xúc nóng lạnh hay ý có suy nghĩ gì mà tâm không khởi vọng niệm chạy theo. Nói cách khác thấy thì cái gì cũng thấy mà không thấy cái gì hết, nghe thì nghe tất cả mà như không nghe gì cả…Cảnh vật, âm thanh…cũng như gió thoảng, mây bay có đến rồi lại đi, đừng chấp thủ, giữ lại trong lòng. Con người làm chủ tâm mình thì có an lạc, thanh tịnh Niết bàn, ngược lại nếu tâm làm chủ thì con người làm nô lệ cho vô minh phiền não, thế thôi.

2) Vô tướng vi thể : Tất cả vạn pháp trong thế gian này là từ nhân duyên kết hợp nên chúng không có tự thể nghĩa là vô ngã tức là Không. Khi đã thấu hiểu vạn pháp là giả dối, không thật, nay có mai không thì con người đừng chạy theo sắc trần một các mù quáng làm tâm bất tịnh. Chỉ khi nào chúng sinh quán tưởng để thấy biết bằng trí thật tướng của vạn pháp thì cái thấy biết này mới là chân lý.

3) Vô trụ vi bổn : Vô trụ là không dính mắc. Vậy không dính mắc cái gì? Sáu trần là những cục nam châm có sức hút rất mãnh liệt làm cho sáu căn mê muội khiến tâm phát sinh vọng tưởng sai lầm làm cho con người sống trong điên

https://thuviensach.vn

đảo khổ đau. Đây chính là "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" trong kinh Kim Cang vậy. Vậy muốn có cuộc sống tự tại an nhàn thì từng giây, từng phút, từng giờ, từng hơi thở con người nên giữ chánh niệm, đừng để tâm buông lung chạy theo tham đắm dục tình.

Ngày xưa Đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, vào núi tuyết tu sáu năm khổ hạnh tức là Ngài tu sáu căn vậy. Do đó có thành người, thành thánh, thành Bồ-tát, thành Phật cũng do sáu căn. Mà có thành ma, thành ngạ quỷ súc sanh hay bị đọa vào đia ngục A tỳ cũng bởi do sáu căn. Người đời thường vui thích theo ái dục, ưa dong ruổi lục trần, tự lao mình trong lưới buộc như nhện giăng tơ, tuy họ có hướng cầu an lạc, nhưng vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân. Chỉ có những ai dứt được sự ràng buộc, sáu căn thường sáng tỏ, thì sẽ xa mọi thống khổ để ngao du tự tại.

Tóm lại, thế gian vũ trụ không có cái gì là phiền não khổ đau cả, chỉ vì tâm chúng sinh duyên với ngoại trần khiến vọng tưởng phát sinh làm tâm bất tịnh. Ngay cả sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tự chúng không bao giờ có nhiễm ô, bất tịnh cả vì tất cả vạn hửu đều có pháp tánh. Mà ô nhiễm, tham đắm là do con người chạy theo tham dục chớ không phải do ngoại trần. Nói về mặt chân đế thì cái tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp thì gọi là pháp tánh và tánh thanh tịnh bản nhiên của con người thì gọi là Phật tánh.

https://thuviensach.vn

Thí dụ có một đóa hoa rất thơm, hương sắc tuyệt vời thì tự thể của đóa hoa đâu có tội lỗi, ô nhiễm chi đâu. Nhưng khi mắt thấy sắc hoa, mũi ngửi hương thơm thì tâm liền phân biệt khiến vọng tưởng phát sinh làm lòng tham nổi dậy mà muốn cắt đóa hoa đem về chưng trong nhà. Ngược lại đối với Đức Phật thì mắt cũng thấy, mũi vẫn ngửi nhưng tâm "vô động" thì thấy cũng như không thấy, ngửi cũng như không ngửi vì thế lòng tham không nổi dậy nên Ngài mới có vô thượng Niết bàn. Vậy thế gian vũ trụ này thật ra không có cái gì là trần cả mà có trần chỉ khi nào chúng sinh không làm chủ được vai trò chủ nhân ông nghĩa là không làm chủ tâm tánh của mình mà để cho khách trần phiền não có đến có đi, có sinh có diệt chi phối. Do đó muốn có cuộc sống an vui tự tại thì mắt thấy sắc đừng bị sắc trói cột, đừng dính với sắc.

Tai nghe tiếng đừng để tiếng lôi cuốn, đừng dính nhiễm với tiếng. Mũi ngửi mùi đừng bị mùi trói cột, đừng dính mắc với mùi. Lưỡi nếm đừng bị vị trói buộc, đừng dính mắc với vị. Thân xúc chạm dù cho êm ái nhẹ nhàng vui thích hay thô nhám bực bội cũng không bị dính cột trói, đừng dính mắc với xúc. Ý duyên với pháp trần không bị pháp trần quyến rũ, không dính mắc với pháp trần. Vì thế nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không dính mắc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì phiền não tan biến, Niết bàn hiển lộ, chân tánh hiện bày. Đây chính là thực hành rốt ráo câu : "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" vậy. Nên nhớ sự an lạc, tự tại là ở trong nội tâm chớ không phải do ngoại cảnh mà có vì thế người không có sự an lạc bên trong mới chạy đi tìm

https://thuviensach.vn

những sự hạnh phúc giả tạm, hạnh phúc có điều kiện bên ngoài. Nhưng càng tìm kiếm thì họ càng chuốc thêm cho mình những phiền não khổ đau cũng như rượu càng uống, càng say, càng khổ chẳng ích gì.

Một hôm, sau khi khất thực và thọ trai xong trở về tịnh xá Kỳ Viên, Đức Thế Tôn được báo cáo có một vị tân tỳ kheo (tỳ kheo mới thọ giới) lâu nay bỗng đâm ra thẫn thờ, biếng nhác không chịu đi khất thực, không tọa thiền, không thiết tha ăn uống. Khi Đức Phật đến am thất của vị tỳ kheo ấy thì thấy vị đại đức râu tóc mọc dài, mặt mày tiều tụy hốc hác. Phật biết ngay đây là tình trạng của một người đã bị một con hổ cái hớp hồn. Vị đệ tử sa nước mắt thú thật với Phật rằng :

-Bạch Thế Tôn! Mong Thế Tôn cứu vớt con, thực sự con bị nữ sắc lôi cuốn. Con cố chống cự mà dường như vô hiệu quả, hình ảnh nàng mãi ám ảnh tâm tư con, làm cho con đau khổ. Con thật không xứng đáng là tỳ kheo. Con muốn chết.

Đức Phật mĩm cười an ủi :

- Ông hãy bình tĩnh lại. M

- Bạch Thế Tôn! Làm sao con vượt qua được, khi hình ảnh mỹ miều khả ái của nàng cứ ám ảnh con hoài?

https://thuviensach.vn

- Đó là vì ông mới nhìn qua một lần mà không nhiếp tâm quan sát. Ông chỉ thấy một cái đẹp mà chưa thấy những cái xấu, cái nguy hiểm của nữ sắc. Nếu ông thấy được toàn diện như thế thì ông sẽ thoát ra khỏi sự đam mê. Đối với nữ sắc, cần phải quán ba điều : vị ngọt, nguy hiểm và sự thoát ly khỏi sắc.

Bảy Đại Là Hiện Tượng Biểu Hiện Của Như Lai Tạng

Ông A Nan thưa Phật :

- Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói về nhơn duyên hòa hợp rằng : "Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân bốn món đại hòa hợp mà phát sinh. Thế sao Như Lai ở đây lại bác bỏ cả hai nghĩa "nhơn duyên" và "tự nhiên". Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ dạy cho chúng sinh pháp liễu nghĩa trung đạo, không còn các điều hý-luận.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo ông A Nan rằng :
-Trước đây ông nhàm chán các pháp tiểu thừa của Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm cầu vô thượng Bồ-đề, nên bây giờ tôi hướng dẫn ông về "đệ nhất nghĩa đế", sao ông còn đem những thuyết nhơn duyên hý luận thế gian mà ràng buộc lấy mình! Ông dù nghe được nhiều pháp, nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, đến khi gặp thuốc thật ở trước mắt thì lại không phân biệt được. Như Lai gọi ông là hạng

https://thuviensach.vn

người đáng thương xót. Nay ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông phân tích chỉ bày và cũng để cho những người tu đại thừa sau này thông suốt được thật tướng.

Ông A Nan yên lặng kính vâng thánh y của Phật. Phật dạy :

- A Nan! Như ông đã nói "Bốn đại hòa hợp phát sinh các thứ biến hóa trong thế gian". A Nan! Nếu tánh của các món đại không hòa hợp thì không thể hòa hợp với các đại khác. Như hư không, không thể hòa hợp với sắc tướng. Nếu tánh của các món đại vốn hòa hợp thì nó hòa đồng với các tướng biến hóa. Thủy chung thành tựu cho nhau, sanh diệt nối nhau, diệt sinh, sinh diệt, diệt diệt, sinh sinh như vòng lửa xoay; như nước thành băng, băng lại thành nước, không có đầu mối cũng không có cuối cùng.

Nếu đứng về mặt "tục đế" mà nói thì tất cả những hiện tượng vạn pháp được hình thành và tồn tại trong cái thế "duyên sanh" nghĩa là cái lý "nhơn duyên sanh" là hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng cho nền giáo lý Phật mà nó còn đúng sự thật của cuộc đời và đúng với quy luật khách quan của hiện tượng vạn pháp.
Phật giáo phủ nhận hoàn toàn thuyết "tự nhiên" vì tất cả vạn hữu trong thế gian này không vật gì có tự thể nên chúng không thể "tự nhiên" mà sinh khởi hay sinh tồn được. Thuyết tự nhiên là do Lão Tử đề xướng. Ngày nay khoa học đã chứng minh rất rõ ràng rằng thuyết tự nhiên của Lão Tử là hoàn toàn sai. Thí dụ, ông nói tự nhiên trời

https://thuviensach.vn

mưa, trời có tuyết…Thật ra, khi có sấm nổ nghĩa là các luồng điện từ trường trong không gian va chạm vào nhau tác dụng với mây (mây là do nước kết tụ) khiến những nguyên tố nước từ thể hơi chuyển thành thể lỏng rồi rơi xuống đất mà con người gọi là mưa. Đây là do duyên khởi tác tạo chớ không có cái gì tự nhiên cả. Vì thế đối với nhân sinh vũ trụ thì nhà Phật gọi nó là do sự kết hợp của trùng trùng duyên khởi.

Bây giờ nếu đứng về mặt "chơn đế" mà thấy, cái thấy biết bằng tri kiến rộng rãi để quán triệt căn nguyên và xuyên suốt bản thể của tất cả hiện tượng vạn pháp thì "bất cứ hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể và không có bản thể nào rời hiện tượng cả" vì hiện tượng và bản thể là bất khả bất ly. Vì thế trong thế giới bản thể chơn như thì không có nhơn duyên, chẳng có tự nhiên mà chỉ là "pháp nhĩ như thị" thanh tịnh vô vi. Thí dụ vì có gió tạo thành những làn sóng nhấp nhô, nhưng sóng nước tức là "dụng" của nước là do nước, nhưng "thể" nước thanh tịnh êm đềm nằm sâu dưới lòng đại dương cũng là nước. Do đó sóng hay thể yên lặng cũng đều do nước mà ra. Khi động gió tạo thành sóng, nhưng khi tịnh gió tan sóng biến thì nước trở về với thể tánh yên tịnh ban đầu.

Thế gian vũ trụ tuy rộng lớn bao la vô cùng vô tận nhưng tựu trung cũng chỉ nằm trong sự biến hóa của bốn khoa và bảy đại. Từ con người đến thế gian vũ trụ cũng bắt nguồn từ ngũ uẩn. Ngũ uẩn lập ra 8 pháp tâm vương (6 thức +

https://thuviensach.vn

Mạt na thức và A dại da thức) và triển khai ra 51 thứ tâm sở (trong đó chỉ có 11 món thiện và 40 món bất thiện). Cũng từ ngũ uẩn thiết lập 95 pháp hữu vi và 6 pháp vô vi. Tuy Ngũ uẩn có hình thành ngần ấy pháp, nhưng tựu trung tất cả cũng đều là hiện tượng của Như Lai Tạng nghĩa là tất cả cũng từ các chủng tử trong Như Lai Tạng duyên khởi biểu hiện ra.

Vậy thế nào là Như Lai Tạng?
Như có nghĩa là bất biến.
Lai có nghĩa là tùy duyên.

Tạng có nghĩa là cái kho chứa tất cả các chủng tử thiện ác, vô ký.

Như Lai Tạng ví như cái kho hàm chứa tất cả những chủng tử thiện ác và không thiện không ác của tất cả hiện tượng vạn hữu. Những chủng tử được chứa trong cái kho này tùy duyên sinh ra rồi cũng tùy duyên hoại diệt. Nhưng diệt mà không mất hẳn vì diệt để rồi lại sinh. Mà sinh thì cũng không trường sinh vì sinh rồi để lại diệt. Chu kỳ sinh sinh, diệt diệt, sinh diệt, diệt sinh tiếp nối diễn ra vô cùng vô tận, vô thỉ vô chung. Như thế con người và vạn hữu trong thế gian vũ trụ này chỉ là tiến trình hoạt động của hiện tượng duyên khởi từ vô thỉ đến vô chung, nối tiếp và tràn lan vô cùng vô tận như những đợt sóng của đại dương mà nhà Phật gọi là "Tùy duyên bất biến" và "Bất biến tùy duyên". Khi hội đủ nhân duyên thì từ bản thể chân như (Như Lại

https://thuviensach.vn

Tạng) tạo thành muôn sinh vạn vật nào là con người, nhà cửa, xe cộ, núi sông, mặt trăng mặt trời…Tiến trình này là "Bất biến tuỳ duyên". Đến khi duyên hết thì cũng từ cái thế giới hiện tượng sinh diệt này lại trở về với thể tánh yên lặng thanh tịnh ban đầu. Đây là "Tùy duyên bất biến".

Sau khi chứng ngộ chân lý dưới cội Bồ-đề, Đức Phật đến vườn Nai để truyền dạy Tứ Diệu Đế nghĩa là có Khổ, Tập, Diệt, Đạo tức là khai cho năm vị đệ tử đầu tiên. Khi người đệ tử Phật đã thấu hiểu thế giới hữu vi sinh sinh diệt diệt thì bây giờ Đức Phật lại phủ định không có cái gì là Tứ Diệu Đế cả mà chỉ còn lại Tam Đế để chuyển tâm thức con người sang một hệ tư tưởng mới là tánh Không, là thế giới của bản thể chân như. Đó là Chân Đế, Tục Đế và Trung Đạo Đế nghĩa là Ngài chuyển từ khai đến hợp tức là gom lại. Sau đó Ngài lại nói bây giờ không còn Tam Đế mà chỉ là Nhị đế tức là Chân Đế và Tục Đế. Đến đây chúng sinh đã thấu hiểu giáo lý tối thượng thừa thì Đức Phật lại nói rằng không có cái gì là Nhị Đế cả mà chung quy chỉ có Đệ Nhất Nghĩa Đế mà thôi, tức là trăm sông cùng đổ về biển lớn đó là Nhất thừa Phật đạo vậy.

Tuy Đức Phật thuyết cho ông A Nan về "đệ nhất nghĩa đế", nhưng ông vẫn còn mờ mịt nên lầm lẫn hiện tượng với bản thể. Vì thế Phật ví sự hiểu biết của ông A Nan cũng như người biết rất nhiều tên thuốc, nhưng khi có người đưa thuốc thật đến tận mắt thì không thể phân biệt đó là thuốc gì. Tiến trình tu học Phật pháp là "văn, tư, tu" nghĩa là

https://thuviensach.vn

trước hết người đệ tử Phật phải thấu hiểu giáo lý (văn) rồi đem những giáo lý này ra suy nghĩ, phân tích trong tâm thức (tư) để nghiệm thấy lẽ thật của nó. Sau cùng đem nó ra ứng dụng vào trong cuộc sống của mình (tu) để kiểm nghiệm sự lợi ích của Phật pháp chớ không phải nghe chỉ để nghe suông nên khi đối diện với những thử thách của cuộc đời thì tâm dễ cuốn theo lục dục thất tình mà tự chuốc cho mình bao nỗi hệ lụy phiền não khổ đau. Cũng như có người cả đời cứ nói ăn mà bụng vẫn đói.

Phật bảo ông A Nan rằng nếu bốn đại (đất, nước, gió, lửa) có thể hòa hợp để phát sinh tất cả mọi sự vật trong thế gian này thì chắc chắn bản tính của bốn đại phải hòa hợp với nhau. Mà đã là hòa hợp thì có khác gì tánh duyên khởi của vạn hữu trong thế gian. Đó là duyên hợp thì có, thì còn; duyên tan thì mất, thì tan rã. Nếu vậy thì chúng đâu có thật thể. Vậy phải hiểu rằng duyên khởi là sinh diệt nghĩa là cái này sinh là cái khác diệt; cái này diệt là cái khác sinh; sinh sinh diệt diệt, sinh diệt, diệt sinh nối nhau, không bao giờ ngừng nghỉ cũng như khi trời lạnh, nước thành băng và khi trời nóng, băng trở thành nước, không cùng không tận. Nhưng tiềm ẩn bên trong sự biến đổi sinh diệt đó, còn có cái bất sinh bất diệt là bản thể chân như (pháp giới tánh hay Như Lai Tạng) và nó chính là cội nguồn để phát sinh ra mọi sự vật trong thế gian vũ trụ này. Nói cách khác, duyên khởi là "tùy duyên" còn bản thể chân như là "bất biến".

https://thuviensach.vn

1) Địa đại hoàn nguyên.

A Nan! Ông hãy xét cái tánh của địa đại, lớn là đất liền, nhỏ là vi trần, thật vi tế là lân hư trần; do chẻ sắc chất cực vi làm bảy phần mà thành. Nếu đem lân hư trần chẻ một lần nữa là thành hư không. A Nan! Nếu lân hư trần chẻ ra thành hư không thì hư không cũng có thể sanh sắc tướng? Nay ông hỏi rằng do hòa hợp mà sinh ra các tướng biến hóa trong thế gian thì ông hãy xét một hạt lân hư trần phải dùng bao nhiêu hư không hòa hợp lại mới có? Không lẽ lân hư trần hòa hợp thành lân hư trần! Lại nữa, lân hư trần chẻ ra thành hư không. Vậy dùng bao nhiêu sắc tướng hòa hợp lại mới thành cả bầu hư không vô cùng cực này? Nhưng nếu sắc tướng hợp thì hợp sắc tướng chứ không thể thành hư không. Còn hư không hợp thì hợp hư không, không thể thành sắc tướng. Sắc tướng còn có thể chẻ được, chứ hư không thì làm sao mà hợp được?

Ông vốn không biết thể tánh của các pháp trong Như Lai Tạng. Tánh sắc là chơn không. Tánh không là chơn sắc. Nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhơn duyên, hoặc cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa. Địa thường được hiểu là đất, nhưng nếu nói một cách rộng rãi hơn thì địa là ám chỉ cho tất cả những vật

https://thuviensach.vn

chất trên thế gian này. Con người, cây cối, mặt trời, mặt trăng, chim bay cá lặn…, đều là địa cả.
Khi nói về đất, lớn thì gọi là núi cao rừng thẳm còn cực nhỏ thì gọi là vi trần. Thí dụ vào buổi sáng bình minh, ánh sáng mặt trời chiếu vào trong nhà làm chúng ta thấy được những hạt bụi rất nhỏ bay trong không gian mà nhà Phật gọi là vi trần. Tuy vi trần rất nhỏ, nhưng mắt thường vẫn có thể thấy được. Bây giờ nếu chẻ cái vi trần làm 7 phần thì được 7 cái lân-hư-trần. Lân-hư-trần là vật chất rất cực nhỏ gần như hư không. Nếu có thể chẻ lân-hư-trần thêm một lần nữa thì sẽ thành hư không. Vậy hư không là những vật thể rất vi tế mà mắt thường con người không thể thấy được. Cái hư không mà Phật diễn tả ở đây không phải là cái trống không, cái không có gì hết mà là sự kết tập của rất nhiều vi tế mà mắt thịt không thể thấy được.

Chúng ta thường hiểu là sắc là có tướng, không là không có tướng, và sắc và không đối đãi với nhau mà thành. Không ở đây là cái rỗng không, từ vô thỉ nó không có và mãi mãi về sau nó cũng chẳng có cái gì. Không này hoàn toàn khác với "tánh không" của hiện tượng duyên khởi hay "chơn không" của thể tánh vô vi. Mọi vật thể hữu hình trên thế gian này tự nó không thể phát triển hay tồn tại được mà phải nhờ vào nhân duyên tác tạo vì thế chúng không có tự thể nên chúng là vô ngã tức là "không". Không ở đây là tánh không nghĩa là một ngày nào đó vạn hữu sẽ bị tan biến hủy diệt để trở về với tự tánh thanh tịnh ban đầu (Như Lai Tạng bản thể). Hiện tượng này là tùy duyên bất biến.

https://thuviensach.vn

Thí dụ như con người phải cần ăn uống, hít thở mới sống được cho nên con người là không (không tự tánh) vì thế một ngày nào đó con người cũng phải chết. Còn chơn không là thế giới vô vi vô cùng vô tận, là cội nguồn phát sinh ra vạn pháp (bất biến tùy duyên).
Bây giờ nếu sắc có thể chẻ ra thành không thì không dĩ nhiên cũng có thể hợp lại thành sắc. Nhưng nếu là hư không thì nó không có sắc tướng, mà không có tướng thì làm sao hợp lại thành cái có tướng được? Vì vậy cho dù có hợp hàng vạn, hàng tỷ cái hư không thì cũng không bao giờ trở thành sắc tướng. Còn nếu cho rằng hư không cũng có sắc tướng thì phải gọi là sắc chớ đâu có thể gọi là hư không. Nói cách khác, sắc tướng hòa hợp với với sắc tướng thì sẽ thành sắc tướng chớ không bao giờ thành hư không và hư không hòa hợp với hư không sẽ thành hư không chớ không bao giờ thành sắc tướng được. Tuy vật chất có nhỏ cực nhỏ cách mấy và mắt thường không thể thấy biết được, nhưng ngày nay với những dụng cụ siêu hiển vi thì cũng thấy được. Nguyên tử là cấu trúc cực nhỏ cực của vật chất, ngay cả máy siêu hiển vi cũng không thấy được, nhưng con người cũng tìm ra được nó. Vì vậy, nếu thấy biết được thì không phải là hư không mà là vật chất tức là có sắc tướng rồi.

Nếu đứng về mặt tục đế mà nói thì sắc và không đều là duyên khởi nên chúng không có tự tánh tức là giả huyễn, sinh diệt bởi vì sắc và không đối đãi với nhau mà có. Vì thế "tánh sắc chơn không" nghĩa là tánh tức là bản thể của sắc

https://thuviensach.vn

là không và "tánh không chơn sắc" nghĩa là bản thể của không là thật sắc. Nhưng tự tánh của sắc và không vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sinh mà tạo thành nghiệp và sau cùng nương theo nghiệp đó mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Nói cách khác, địa đại là do vọng niệm của chúng sinh dựa theo nghiệp mà biến chuyển hiện hành chớ không phải do nhân duyên hay tự nhiên mà có.

Đó là bất biến tùy duyên nghĩa là tất cả cũng từ trong Như Lai Tạng thanh tịnh mà biến chuyển tạo thành trời đất, muôn sinh vạn vật. Thí dụ, trong lòng đất có biết bao mỏ vàng, bạc, kim cương…nhưng nếu con người tuy tìm nó mà người nào có duyên nghiệp thì sẽ đào trúng. Cũng như đất thì có khắp năm châu bốn bể, nhưng vì chúng sinh tạo những cộng nghiệp bất thiện nên đôi khi có những vụ đất bùn, những trận động đất lớn hay sụp đất làm cuốn trôi hay giết hại biết bao nhiêu người. Nhưng tánh của đất, vàng, bạc, kim cương là thanh tịnh, không ô nhiễm và không bao giờ làm hại ai cả mà chỉ tác tạo khi nào duyên nghiệp phát hiện mà thôi. Một thí dụ khác là sắc thân con người được cấu tạo bởi địa đại, nhưng tùy theo duyên nghiệp mà mỗi người có hình dáng diện mạo khác nhau, mạnh khỏe hay bệnh tật cũng khác nhau và ngay cả cái chết tức là địa đại tan rã thì cũng khác nhau. Nhưng con người không thấu hiểu những hiện tượng đó nên cho là do nhân duyên hay tự nhiên tác tạo hình thành.

https://thuviensach.vn

2) Thủy đại hoàn nguyên.

A Nan! Tánh nước không cố định, khi tuôn chảy khi đứng lặng không chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Tiên Ca Tỳ La và các nhà đại huyễn thuật Bát đầu na, Ha tất đa…muốn có thứ nước Thái Âm tinh để hòa làm thuốc huyễn thuật. Họ lựa ngày trăng tròn sáng lộng như ban ngày, tay cầm hạt châu Phương Chư hứng lấy nước dưới trăng vàng. Vậy nước ấy từ trong hạt châu mà ra, do hư không mà có hay từ mặt trăng mà đến?

A Nan! Nếu nước từ mặt trăng mà đến thì ở phương xa còn có thể làm cho hạt châu chảy ra nước, những rừng cây ánh sáng mặt trăng đi qua, lẽ ra đều phải phun nước, thì sao lại phải đợi có hạt châu Phương Chư mới chảy nước được? Còn nếu không phun nước thì rõ ràng nước đó không phải từ mặt trăng mà xuống. Nếu từ hạt châu mà ra thì trong hạt châu ấy thường phải chảy nước, sao còn phải đợi ánh sáng mặt trăng trong lúc nữa đêm? Nếu do hư không mà sinh thì hư không vô cùng vô cực, nước cũng không giới hạn. Vậy sao cả loài người chưa bị đắm chìm để cùng chết ngộp? Làm sao lại còn có thủy, lục, không, hành?

Ông nên nghĩ kỷ : Mặt trăng từ trên không đi qua. Hạt châu do tay người cầm. Cái chén bạc hứng nước do con người tạo. Vậy nước kia từ phương nào đến? Mặt trăng và hạt

https://thuviensach.vn

châu xa nhau không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ nước kia không do đâu mà tự có ra?

A Nan! Ông còn không biết trong Như Lai Tạng : Tánh thủy là chơn không. Tánh không là chơn thủy, thanh tịnh bản nhiên, cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp mà phát hiện. Một chỗ cầm hạt châu thì một chỗ nước chảy ra. Khắp pháp giới cầm hạt châu thì đầy pháp giới nước sinh ra. Thủy đại sinh khắp thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhơn duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

Thủy đại cùng khắp mọi nơi, nhưng theo sự hiểu biết thông thường thì chất nước là thủy đại. Nhưng trên thực tế thì tất cả vật chất ở thể lỏng thì được gọi là thủy đại. Thí dụ như máu me, nước đờm, chất thủy ngân, xăng nhớt, dầu cặn, dầu mè, dầu đậu phộng, dầu Olive…đều là thủy đại cả.

Tánh nước thì không cố định, có lúc chảy, có lúc ngừng, có lúc đóng băng…nên nước là sinh diệt. Ở Ấn Độ vào thời Đức Phật, có những vị tu tiên khi muốn cầu Thái Âm Tinh để luyện thuốc trường sinh bất tử nên vào ngày rằm trăng sáng, họ cầm hạt ngọc Phương Chư đưa ra trước ánh trăng thì từ trong bề mặt của hạt châu có những giọt nước từ từ chảy ra. Họ gọi nước ấy là tinh thái âm và dùng nó để hòa

https://thuviensach.vn

chung với những thứ thuốc huyễn thuật khác mà chế thành linh đơn trường sinh bất tử.

Vậy nước này từ hạt châu ra, từ hư không ra hay từ mặt trăng đến?

1) Nếu nước từ mặt trăng ra nghĩa là ánh sáng từ mặt trăng chiếu tới đâu thì nước chảy tới đó, chiếu vào rừng cây thì rừng cây phun nước thế thì đâu cần phải chiếu vào hạt châu mới phun nước được.

2) Nếu nước từ hạt châu ra thì trong hạt châu phải thường chảy nước chớ đâu cần phải đợi ánh trăng trong lúc nửa đêm mới có?

3) Nếu nước từ hư không ra mà hư không là vô bờ vô bến, không giới hạn thì thế giới vũ trụ này đã bị chết chìm hết rồi, đâu còn ai sống sót. Thế thì làm gì còn có loài trên bờ, trên không hay dưới nước? Xét cho kỹ, mặt trăng từ trên không, hạt châu do tay người cầm, chén bạc do người tạo, vậy nước từ đâu mà chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau nên chẳng thể hòa hay hợp, không lẽ nước tự nhiên mà có?

Sau cùng Đức Phật dạy rằng trong Như Lai Tạng, tánh thủy chơn không nghĩa là bản thể của nước là thật không, là tự tánh thanh tịnh bản nhiên; tánh không chơn thủy nghĩa là bản thể của không là thật nước, nhưng tự tánh của

https://thuviensach.vn

chúng vốn thanh tịnh, có mặt khắp mười phương pháp giới nghĩa là nơi nào cũng có nước mà nước đâu có giết hại ai, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sinh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp đó mà biến hiện các cảnh giới hữu hình. Nói cách khác nước là do vọng niệm phát khởi từ tâm của chúng sinh dựa theo nghiệp mà biến chuyển hiện hành chớ không phải do nhân duyên hay tự nhiên tạo tác.

Vậy một chỗ cầm hạt châu thì chỉ một chỗ có nước, khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới chảy nước. Tuy tánh nước cùng khắp thế gian, nhưng không có chỗ nhất định, mà chỉ theo nghiệp thức của mỗi loài chúng sinh mà biến hiện. Thí dụ nghiệp loài người thấy nước là nước, nhưng nghiệp loài cá thấy nước cũng như nghiệp loài người thấy hư không. Vì thế nước theo từng nghiệp mà phát hiện, chẳng có gì là chân thật cả.

3) Hỏa đại hoàn nguyên.

A Nan! Hỏa đại không có tự thể. Nó nương gởi ở các duyên. Ông hãy xem, những nhà trong thành phố, khi người ta muốn nhóm bếp thì tay cầm kính hiển vi đưa trước ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

A Nan! Phàm gọi là hòa hợp thì như tôi với ông và 1250 vị tỳ kheo hiện nay hợp thành một chúng. Chúng thì có một, song gạn xét về cội gốc thì mỗi người đều có thân thể, đều có danh tự họ hàng của mình. Như ông Xá Lợi Phất thì

https://thuviensach.vn

dòng Bà la môn. Ông Ưu Lâu Tần Loa thì dòng Ca Diếp. Còn như A Nan ông thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

A Nan! Nếu lửa đó nhơn hòa hợp mà có, vậy khi người cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó do kính mà ra? Do hư không mà có? Hay từ mặt trời mà đến? A Nan! Nếu lửa từ mặt trời đến, lửa đã đốt được bùi nhùi trong tay của ông thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi ngang qua lẽ ra đều bị cháy cả. Nếu từ kính ra đốt cháy bùi nhùi, sao cái kính không bị chảy? Đến như cái tay ông cầm kính còn không thấy nóng thì làm sao kính chảy được? Còn bảo rằng do bùi nhùi sanh thì cần gì phải có ánh sáng mặt trời và kính trực chiếu vào nhau rồi sau đó lửa mới bén cháy bùi nhùi?

A Nan! Ông hãy suy nghĩ cho kỹ : Kính do tay cầm. Mặt trời thì ở trên không trung. Bùi nhùi do con người tạo. Vậy lửa từ phương nào mà xuất hiện đến? Mặt trời và kính xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ lửa kia không do từ đâu mà tự có ra?

Ông còn chưa biết thể tánh của các pháp trong Như Lai Tạng : tánh Hỏa là chơn không. Tánh không là chơn hỏa, nó thanh tịnh bản nhiên, cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp mà phát hiện. Một người cầm kính, một chỗ có lửa sinh ra. Khắp pháp giới mọi người cầm kính, lửa sẽ phát ra theo yêu cầu của mọi người. Lửa vốn không có chỗ ở, theo

https://thuviensach.vn

nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng là nhơn duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn ngữ luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

Hỏa là chỉ cho lửa hay nói rộng hơn là nhiệt lực, là năng lượng trong thế gian này. Thí dụ, con người nếu không có nhiệt lượng thì không thể sống được và thức ăn thức uống là những nguyên liệu giúp cho cơ thể tạo thành năng lượng. Trong Thái dương hệ thì mặt trời là hành tinh duy nhất cung cấp ánh sáng và năng lượng cho cuộc sống ở thế gian. Vì thế vào mùa Đông, khi trái đất xa dần mặt trời nên rất lạnh và khi mùa Xuân đến thì trái đất gần mặt trời hơn làm không khí ấm áp trở lại.

Nhưng tánh của hỏa (lửa) lại không có tự thể, chỉ nhờ các trợ duyên mà phát sinh. Để chứng minh điều này, Đức Phật dùng thí dụ rằng khi muốn nhúm lửa nấu cơm, con người phải cầm cái kiếng lúp đưa dưới ánh sáng mặt trời thì lửa mới phát sinh làm cháy cái bùi nhùi. Nếu lửa có tự thể thì đâu cần cái kiếng lúp, đâu cần phải đưa dưới ánh sáng mặt trời.

Nếu cho rằng tánh lửa này là do hòa hợp mà có, thì khi người cầm cái kiếng lúp lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa này từ trong kiếng lúp ra, từ bùi nhùi ra hay từ mặt trời ra?

1) Nếu lửa từ ánh sáng mặt trời ra mà nơi nào trên trái đất

https://thuviensach.vn

lại không có ánh sáng mặt trời chiếu qua thì không lẽ tất cả rừng cây, nhà cửa, vật dụng, con người, thú vật đều bị ánh sáng mặt trời đốt cháy hết hay sao?

2) Nếu lửa từ trong cái kiếng lúp ra để đốt cháy bùi nhùi thì nó phải đốt cái kiếng lúp trước chứ, nhưng kiếng lại không chảy mà chỉ đốt bùi nhùi. Ngay cả cái tay của người cầm kiếng cũng không thấy nóng thì làm sao kiếng lại chảy được?

3) Nếu lửa do bùi nhùi ra thì cần gì phải có ánh sáng mặt trời tiếp xúc với kiếng rồi mới có lửa?

Xét cho kỹ, kiếng lúp là do tay cầm, mặt trời thì ở trên không, còn bùi nhùi thì từ đất sinh ta. Vậy lửa kia do đâu mà có?

Bây giờ Đức Phật mới kết luận rằng trong Như Lai Tạng, "tánh hỏa chơn không" có nghĩa là bản thể của lửa là chơn tâm thanh tịnh trùm khắp; "tánh không chơn hỏa" nghĩa là bản thể của không là thật lửa, nhưng tự tánh của chúng vốn thanh tịnh, hiện hữu khắp mười phương pháp giới tức là nơi nào cũng có lửa mà lửa không làm cháy một ai, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sinh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp đó mà biến hiện các cảnh giới trong thế gian vũ trụ này.
Do đó hỏa đại là do vọng niệm của chúng sinh dựa theo nghiệp mà biến chuyển hiện hành chớ không phải được tạo

https://thuviensach.vn

thành bởi nhân duyên hay tự nhiên. Vì thế nếu một người cầm kiếng lúp đưa ra thì có một chỗ có lửa, nếu khắp pháp giới đều cầm kiếng lúp đưa ra dưới ánh sáng mặt trời thì khắp pháp giới bừng cháy. Vậy lửa tự nó không có, mà chỉ biến hiện tùy theo nghiệp thức của chúng sinh. Thí dụ như bật một cái que diêm thì có lửa, nhưng cũng quẹt cái que diêm này trong hư không (không có Oxygen) thì làm gì có lửa. Do đó không khí chứa những nguyên tố cháy như Oxygen thì ở đâu cũng có nếu con người cần nó. Nói cách khác lửa là do vọng niệm phát sinh từ tâm của chúng sinh mà ra chớ tự nó không có được.

4)Phong đại hoàn nguyên.

A Nan! Phong đại không có tự thể, khi động khi tĩnh bất thường. Lúc vào trong đại chúng, ông thường sửa áo, vạt áo Tăng già lê của ông động đến người ngồi bên cạnh thì có chút gió phất qua làm cho người kia cảm nghe mát mặt. Gió từ vạt áo cà sa ra? Do hư không phát khởi? Hay từ mặt người kia mà sanh?

A Nan! Nếu gió phát ra từ vạt áo cà sa thì ông đã mặc cả gió trong người, lẽ ra cái áo phải tung ra khỏi thân ông. Còn tôi, tôi đang thuyết pháp trong hội này và tôi rũ áo. Vậy ông xem cái áo tôi, gió nó núp ở chỗ nào? Không lẽ trong áo tôi lại có chỗ chứa gió?

Nếu bảo rằng gió đó từ hư không sinh ra thì tại sao lúc áo

https://thuviensach.vn

ông không động, không có gió phát ra? Vả lại, tánh hư không thường còn, lẽ ra gió phải luôn có không lúc nào gián đoạn. Và nếu khi nào hết gió thì hư không phải tiêu diệt? Gió diệt có thể biết được, chứ hư không diệt thì hình trạng như thế nào? Và nếu có diệt có sanh thì không được gọi là hư không và đã gọi là hư không thì làm sao lại phát ra gió được? Còn nếu bảo rằng gió sanh do cái mặt của người bị phất thì lẽ ra gió phải phất lại mặt ông. Cớ sao ông sửa áo mà lại phất vào mặt người kia như vậy?

Ông hãy chín chắn mà tư duy: Sửa áo là do ông. Cái mặt thuộc của người kia. Hư không thì vắng lặng. Vậy gió từ phương nào luồn đến? Gió khác, hư không khác, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ gió không do gì mà tự có?

Ông còn biết thể tánh của các pháp trong Như Lai Tạng: Tánh phong là tánh chơn không, tánh không là chơn phong. Nó thanh tịnh bản nhiên cùng khắp pháp giới, tùy tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết. A Nan! Một mình ông động áo thì có một ít gió phát ra. Khắp pháp giới nhiều người cùng cầm quạt mà quạt thì khắp pháp giới sanh ra phong đại. Phong đại cùng khắp nhưng không có chỗ ở nhất định, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhân duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

https://thuviensach.vn

Phong đại là tính dao động cùng khắp mọi nơi và thường được hiểu là gió. Gió thì vô hình, không màu sắc, không mùi vị, nhưng lại rất mãnh liệt. Những trận bão, những cơn gió lốc tàn phá nhà cửa xe cộ và giết hại biết bao chúng sinh. Máu có lưu chuyển để nuôi thân cũng phải có gió và sự sống tức là năng lượng trong cơ thể có còn hoạt động hay tồn tại cũng cần có gió. Gió thì đa dạng, nhưng tánh của gió lại không có tự thể nên động tịnh không chừng.

Đức Phật mượn chiếc áo Tăng già lê của ông A Nan làm thí dụ. Khi vào trong đại chúng, ông A Nan thường sửa vạt áo Cà Sa, vì chiếc áo động nên tạo thành gió phất làm cho người đứng bên cạnh cảm nghe mát mặt. Vậy gió này từ chiếc áo Cà Sa ra, từ hư không ra hay từ mặt người kia ra?

1) Nếu gió từ chiếc áo Cà Sa ra thì ông A Nan đã mặc luôn cả gió. Nếu vậy thì cái áo phải tung bay ra, rời khỏi thân A Nan. Nhưng tại sao trong lúc bình thường cái áo của ông A Nan không hề lay động, không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió?

2) Nếu gió từ hư không ra thì hư không thường còn, gió cũng phải thường còn nhưng tại sao cần ông A Nan phải sửa áo trước rồi mới có gió phất qua mặt ngời bên kia? Lại nữa, nếu không có gió thì tất nhiên không có hư không, nhưng hư không thì lúc nào cũng là hư không, vậy nói không có hư không thì không hợp lý.

https://thuviensach.vn

3) Nếu gió từ mặt người bị phất sinh ra thì đúng ra gió đó phải phất qua ông A Nan chớ tại sao lại phất ngược về mặt người kia? Vậy hãy suy nghiệm cho kỹ rằng ông A Nan là người sửa áo Cà Sa, cái mặt thì thuộc người kia, hư không thì vắng lặng chẳng lay động. Như thế thì gió từ phương nào dong ruổi đến đây? Tánh gió và tánh hư không khác nhau, không hòa không hợp, không lẽ gió tự nhiên mà có?

Đức Phật dạy rằng tánh gió chơn không nghĩa là tánh tức là bản thể của gió là thật không, tánh không chơn gió tức là bản thể của không, không phải là không mà là thật gió, nhưng tự tánh của chúng luôn thanh tịnh, có khắp mọi nơi trong thế giới vũ trụ nghĩa là chỗ nào cũng có gió mà gió không bao giờ làm hại ai cả, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sinh mà tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện những cảnh giới trong thế gian vũ trụ này. Nói cách khác gió thì ở cùng khắp mọi nơi, nơi nào cũng có gió, nhưng nó chỉ phát khởi là do vọng niệm của chúng sinh dựa theo nghiệp của họ. Ngày xưa khi Khổng Minh lập đàn chuẩn tế để cầu gió Nam thổi ngược hướng Bắc mà thiêu đốt hàng vạn chiến thuyền của Tào Tháo trên sông Trường giang trong trận Xích Bích.

Đủ biết tâm lượng con người vô biên vô lượng, nếu tu luyện đến cao độ họ có thể di sơn đảo hải, chuyển mây kết gió rất dễ dàng. Tại sao có thể làm được? Khi tâm của chúng sinh thật là rỗng rang, trong suốt nghĩa là người đó đã thâm nhập vào Như Lai Tạng thanh tịnh sáng suốt

https://thuviensach.vn

nhiệm mầu tức là đối với họ sắc tức là không, không tức là sắc dung thông tự tại, không dính mắc nên họ có thể biến những cảnh giới của thế gian tức là giả cảnh của Như Lai Tạng tùy theo ý muốn rất dễ dàng. Phật giáo gọi hiện tượng này là những phép thần thông mà các vị A La Hán đã thực hành ngày xưa mà đệ nhất thần thông chính là Ngài Mục Kiền Kiên.

Đức Phật kết luận rằng nếu một mình A Nan động cái áo thì có chút gió ra, khắp pháp giới đều phất thì khắp pháp giới đều ra gió. Như thế tánh gió đầy khắp thế gian, đâu có xứ sở nhất định, nhưng chỉ dựa theo nghiệp thức của chúng sinh mà biến hiện. Con người vì mê lầm nên cho gió là do tánh nhân duyên và tự nhiên. Đó là những so đo phân biệt của ý thức và toàn là những danh từ trống rỗng, không có chi là chân thật cả.

Thâm ý của Đức Phật trong những đoạn kinh này là Ngài muốn chúng sinh quay trở về sống với Như Lai Tạng, với bản tâm thanh tịnh của chính mình thay vì sống với vọng tâm điên đảo biến hiện từ Như Lai Tạng mà con người vì mê chấp thế trần nên không thấy biết thấu suốt.

5) Không đại hoàn nguyên.

A Nan! Hư không không có hình mạo, nhơn sắc mà hiển bày. Như trong thành Thất la phiệt, chỗ cách con sông, những người dòng Sát lỵ, dòng Bà la môn, dòng Tỳ xá,

https://thuviensach.vn

dòng Thủ đà hay dòng Phả la đọa, dòng Chiên đà la…khi dựng nhà mới thì đào giếng mà lấy nước. Đào được một thước khối đất thì có một thước khối khoảng hư không. Nếu đào sâu 20 thước thì có khoảng trống hư không 20 thước. Hư không cạn hay sâu tùy đào đất ra nhiều hay ít. Hư không đó nhân đất mà ra? Do đào mà có? Hay không nhân gì mà tự sanh?

A Nan! Nếu hư không, không nhân duyên gì mà tự sanh, tại sao khi chưa đào đất, nó không có hư không mà chỉ thấy đất liền? Còn nếu bảo rằng : Nhơn đất ra thì lẽ ra đất được đào phải thấy từng mảng hư không văng ra và nếu vậy là đào hư không chứ sao gọi là đào đất? Đã là hư không cần chi phải nói đến chuyện đào? Bảo rằng : Hư không do đào mà có thì đào phải ra hư không, cớ sao lại đào ra đất? Nếu hư không, không phải do đào mà có thì đào lẽ ra chỉ có đất, cớ sao đào rồi lại thấy hư không?

Ông nên chín chắn mà tư duy. Đào là do tay người, tùy phương mà vận chuyển. Đất thì từ đất liền mà dời đi. Hư không đó do đâu mà có? Đào là cụ thể do sức tác động của con người. Hư không thì rỗng rang không hình mạo, hai yếu tố không tương quan tác dụng gì nhau, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ hư không, không do đâu mà tự sanh như thế?

Hư không thể tánh tròn đầy, bất động. Hiện tiền hư không và địa, thủy, hỏa, phong, gọi chung là năm đại thể tánh

https://thuviensach.vn

viên dung, vốn không sanh diệt. Các đại đó đều là diệu dụng của Như Lai Tạng biểu hiện.

A Nan! Ông còn mê muội không biết được thể tánh của các pháp trong Như Lai Tạng. Tánh giác là chơn không, tánh không là chơn giác. Nó thanh tịnh bản nhiên cùng khắp pháp giới, tùy chúng sinh tâm, đáp ứng với lượng hay biết. A Nan! Như một giếng trống không thì hư không sinh trong một giếng. Mười phương trống không, hư không khắp cả mười phương. Không đại khắp cùng theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhơn duyên, hoặc cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

Hư không thì vô hình, nhưng nhờ đối đãi với sắc tướng mà phát hiện. Trong đoạn kinh này, Đức Phật ví như có người đào giếng để lấy nước. Đào được một thước thì được một thước hư không, đào được một trượng thì có được một trượng hư không. Do đó hư không sâu hay cạn là tùy theo đào đất nhiều hay ít. Vậy hư không này từ đào đất ra, do đào mà có hay tự nhiên mà sinh?

1) Nếu hư không, không có nguyên nhân mà tự sanh thì khi chưa đào đất tại sao không thấy hư không, trống rỗng mà chỉ thấy đất liền?

2) Nếu từ đào đất ra thì khi đào đất phải thấy những tảng

https://thuviensach.vn

hư không văng ra. Thế thì bây giờ thành ra đào hư không chớ đâu phải đào đất nữa? Còn nếu hư không không khác gì đất thì khi đào ra đất sao hư không lại không cùng ra mà hư không lại vào?

Xét cho kỹ, đào là do tay người vận động, đất theo sự đào mà dời chỗ thế thì hư không từ đâu mà ra? Đào là có thật chất, hư không thì trống rỗng, hai thứ không tương quan tác dụng gì nhau. Chúng không phải hòa, không phải hợp, chẳng lẽ hư không, không do đâu mà tự sanh như thế?

Bây giờ Đức Phật mới kết luận rằng tánh hư không cùng khắp pháp giới, không có chỗ nhất định. Chỗ nào không thấy có tướng thì gọi là hư không. Hiện tiền tứ đại là đất, nước, gió, lửa (địa, thủy, phong, hỏa) cùng với hư không (không đại) gọi là ngũ đại, có tánh chất viên dung, đều là Như Lai Tạng vốn chẳng sinh diệt. Tóm lại đất, nước, gió, lửa và hư không thuộc về phần vật chất, đại diện cho các cảnh vật. Còn kiến đại và thức đại là thuộc về tinh thần, đại diện cho các thức.

Vì chúng sinh tâm còn mê muội nên không biết rằng ngũ đại vốn là Như Lai Tạng, là chơn tâm, là bản thể thanh tịnh nhiệm mầu. Nhưng trong Như Lai Tạng (chơn tâm) thì tánh giác chơn không nghĩa là bản thể của tâm tri giác là thật không, tánh không chơn giác tức là bản thể của không chính là cái thấy biết chân thật. Tuy thế mà tự tánh của chúng vốn thanh tịnh, cùng khắp pháp giới và chỉ theo

https://thuviensach.vn

nghiệp mà phát hiện. Cũng như đào một giếng thì có một giếng hư không và mười phương trống không thì hư không khắp cả mười phương. Do đó không đại không có xứ sở nhất định, chỉ theo nghiệp thức của chúng sinh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Đó đều là do tâm thức phân biệt đối đãi của con người bởi vì hễ nói được, viết được đều chẳng phải là nghĩa thật.

Các vị A la hán ngày xưa đều có thần túc thông nghĩa là họ có khả năng biến hóa để có thể bay trên trời, xuyên tường xuyên vách hay độn thổ…vì họ đã tu chứng để thấy biết rằng tánh giác là hư không và đều phát xuất từ Như Lai Tạng nên họ từ trong tánh giác mà biến hiện chuyển hình tùy theo ý muốn. Tạm thí dụ là khi nhìn đất nhưng tâm họ quán đất là nước nên họ lặn hụp lên xuống và trồi lên bờ bên kia mà con người gọi là độn thổ. Họ có thể quán thân tứ đại là hư không nên có thể bay bổng rất nhẹ nhàng. Tất cả cũng vì tâm họ là chơn tâm, là Như Lai Tạng tức là bản thể thanh tịnh nên có thể hòa đồng vào hư không mà không bị ngăn ngại, không chút bợn nhơ nên có thể chuyển toàn năng lực để thực hiện việc họ muốn làm được hoàn mãn. Ngược lại, tâm chúng sinh bất tịnh nên năng lực rất yếu kém cũng như ngọn đèn đứng trước gió thì ánh sáng bị lu mờ nên không có thần thông là vậy.
Nên biết rằng không nhất thiết các vị A la hán của Phật giáo mới có thần thông, các đạo sĩ tu tiên cũng đạt được năm phép thần thông. Dựa theo kinh Huỳnh Định thì sở dĩ

https://thuviensach.vn

con người sống được là nhờ có đủ ba món : Tinh, Khí và Thần. Tinh, khí là cho xác thân và thần là cho mạng sống. Do đó, những người muốn luyện thành tiên phải trừ dục tính để dưỡng tinh và luyện khí cho thần được cởi mở và phát hiện. Họ chuyên tâm trì chí tập trung tư tưởng để luyện "tinh' hóa "khí" và sau đó luyện "khí" hóa "thần" thì họ cũng đạt được năm phép thần thông. Người tu tiên cố luyện cho "âm khí" tiêu tan và chỉ còn cái "khí thuần dương" đi lên đỉnh đầu vì âm khí làm cho nặng nề, tối tăm, ưa thích điều dâm dục và làm hao tổn tinh thần. Hễ tinh thần bị hao tổn thì "thần" bị bế tắc. Do đó các đạo sĩ cũng lánh xa dâm dục và tham thiền nhập định giống như Phật giáo. Họ tìm đến những nơi thật thanh tịnh để ngồi thiền và tập các phép như Tạo công, Giao thiên trụ, Thiết giải thấu yết. Vì thế mà tư tưởng Lão Tử cũng giống như Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều :

"Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trên đời".

Cái khác biệt giữa tiên trên đời và Phật giáo là họ tu luyện để được sống lâu, ngao du sơn thủy, nhưng tâm vẫn còn tham, không thanh tịnh. Mà tâm còn tham, bất tịnh thì có ngày tiên sẽ bị đọa.

Thêm nữa, không nhất thiết chỉ có con người mà loài thú

https://thuviensach.vn

như rắn, chồn…cũng biết tu. Thí dụ Mãng Xà vương khi tu thì nó cũng xa lánh phái nữ, không còn sát hại cầm thú để ăn mà chỉ chuyên ăn rễ cây. Có những con rắn tu trên ngàn năm, trên đầu có ngọc sáng ngời. Đây là sự kết tinh của tinh khí bởi năng lực nội công thâm hậu và là biểu tượng sự thành tựu của công phu thanh tịnh tu hành mà con người gọi là xá lợi. Viên ngọc xá lợi này đập không bể, đánh không tan và phát ra ánh sáng chớ không phải như thời mạt pháp ngày nay người chết để lại vài nắm xương khô mà dám gọi là xá lợi.

6) Kiến đại hoàn nguyên.

A Nan! Kiến đại có giác quan mà không có phân biệt. Nó nhân các thứ : Sắc, không mà có. Như hiện nay ông ở trong rừng Kỳ Đà, sớm mai thì sáng, ban đêm thì tối, đến lúc nửa đêm trăng tròn thì sáng, vắng trăng thì tối. Những tướng sáng tối ấy do cái thấy mà phân biệt nhận ra. Vậy cái tánh thấy cùng với sáng tối và hư không là đồng một thể hay khác thể?

A Nan! Nếu tánh thấy cùng với sáng tối và hư không đồng một thể thì cái sáng tối luôn luôn tiêu diệt lẫn nhau : Có sáng thì không tối; có tối thì không sáng. Nếu tánh thấy đồng một thể với tối thì lúc sáng tánh thấy bị tiêu diệt. Ngược lại, nếu tánh thấy đồng một thể với sáng thì khi tối đến tánh thấy cũng bị tiêu diệt. Vậy thì tánh thấy làm sao mà thấy được tối sáng? Bảo rằng : Sáng và tối khác nhau

https://thuviensach.vn

còn tánh thấy không sanh, không diệt. Nếu vậy thì không nên nói là đồng một thể vì nó đã khác đi rồi. Và nếu tánh thấy đã khác với tối sáng, khác với hư không, vậy ông phân biệt xem tánh thấy hình tướng ra sao? Ông nên biết : Rời tối sáng và hư không, tánh thấy như lông rùa sừng thỏ, không sao tìm có.

Ông hãy chín chắn mà tư duy : Sáng, do mặt trời. Tối, bởi đêm không trăng. Thông suốt là hư không. Ngăn bít thuộc đất liền. Còn tánh thấy như vậy, nhơn đâu mà có? Tánh thấy có giác quan, hư không thì bất động, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ cái tánh thấy không do gì mà tự phát sanh ra? Nên biết : Thể tánh của kiến đại cùng khắp bất động, vô biên hư không cũng cùng khắp bất động. Địa, thủy, hỏa, phong, gọi chung là "lục đại" thể tánh viên dung cùng khắp bất động, không diệt không sanh. Tất cả đều là diệu dụng của Như Lai Tạng biểu hiện.

A Nan! Ông còn mê mờ không nhận thức được những sự thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là tánh Như Lai Tạng. Ông hãy xét những thấy, nghe, hay, biết đó là sinh hay diệt là đồng hay khác. Là không phải sinh, không phải diệt hay không phải đồng, không phải khác. Ông chưa từng biết trong Như Lai Tạng, cái thấy nơi tâm tánh là cái tánh minh của bản giác. Cái tánh minh của bản giác biểu lộ ra nơi cái thấy. Giác minh tinh kiến (tánh thấy vốn thanh tịnh, hiện lượng và trực giác). Nó thanh tịnh bản nhiên, cùng khắp pháp giới, tùy tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết.

https://thuviensach.vn

Kiến đại thấy khắp pháp giới, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết cũng cùng khắp pháp giới nhiệm mầu. Nên biết : Tánh của các đại không có nhất định, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhân duyên hoặc cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

Kiến đại thật ra là căn đại, nhưng nó là thắng nghĩa căn năng giác tức là những cảm nhận cái biết của căn mắt ở bên trong đối với các trần cảnh sở giác tức là cái nhận biết do mắt từ bên ngoài. Nếu căn đại ở nơi nhãn căn thì gọi là kiến đại. Kiến đại chỉ nương theo giác quan để biết sắc trần mà không có sự phân biệt. Thí dụ khi mắt thấy màu sắc : xanh, đỏ, tím, vàng thì tâm biết xanh, đỏ, tím, vàng mà không thấy biết sự khác nhau giữa xanh, đỏ, tím, vàng. Một thí dụ khác là mắt thấy vòng tròn hay hình vuông thì tâm biết là hình tròn hay hình vuông mà không phân biệt hình tròn khác với hình vuông. Nói cách khác cái biết này là do trực giác nghĩa thấy sao biết vậy, không thêm không bớt.

Kiến đại không có tự thể mà đối với cảnh vật và hư không mà có. Như ông A Nan ở vườn Kỳ Đà hôm nay, ngày sáng đêm tối, nếu nửa đêm có trăng thì sáng còn không trăng thì tối. Vì có tối có sáng nên ông A Nan mới thấy có phân biệt. Vậy cái thấy này với tướng sáng, tối và hư không là một

https://thuviensach.vn

thể hay chẳng phải một thể? Hoặc đồng, chẳng đồng? Hoặc khác, chẳng khác?

1) Nếu cái thấy này cùng với sáng, tối, hư không vốn là một thể thì dĩ nhiên sáng và tối là hai tướng đối nghịch nhau. Đó là khi sáng chẳng tối, có tối chẳng sáng.

- Nếu cái thấy cùng một thể với sáng thì khi tối cái thấy phải bị diệt, lấy gì để thấy tối?

- Nếu cái thấy cùng một thể với tối thì khi sáng cái thấy cũng biến mất, lấy gì để thấy sáng?

- Nếu sáng tối khác nhau mà cái thấy lại không sanh diệt như thế thì làm sao nói đồng một thể được?

2) Nếu nói cái thấy cùng với tối, sáng và hư không chẳng phải một thể nghĩa là khi lìa sáng, tối và hư không thì làm gì còn cái thấy vì mất đi đối tượng?

Sáng, tối, hư không ba thứ đều khác biệt thì cái thấy từ đâu mà có? Còn nói sáng, tối đối nghịch nhau thì làm sao nói đồng (giống nhau) được? Rời sáng, tối và hư không ra, không có cái thấy thì làm sao nói khác được? Nếu không thể phân chia đây là hư không, đó là cái thấy thì làm sao lại nói "không đồng". Thêm nữa, cái thấy, thấy cả sáng, thấy cả tối thì tại sao lại nói "không phải khác"?

https://thuviensach.vn

Vậy hãy suy nghĩ cho kỹ : sáng do mặt trời, tối do đêm không trăng, chỗ trống thuộc về hư không, nơi bít là thuộc về đất, cái thấy có biết còn hư không thì không biết, chẳng hòa chẳng hợp. Vậy cái thấy từ nơi đâu mà sinh, không lẽ tự nhiên có?

Nên biết rằng Kiến, Văn, Giác, Tri (thấy, nghe, hay, biết) thì thể tánh viên mãn cùng khắp mọi nơi, vốn không lay động, ngay cả với hư không vô biên cũng chẳng động. Nói chung, lục đại : đất, nước, gió, lửa, hư không và kiến (thấy) đều là Như Lai Tạng, vốn không sinh diệt.

Phật dạy rằng, vì ông A Nan đánh mất tự tánh của chính mình nên không thấu biết được kiến, văn, giác, tri của ông vốn là Như Lai Tạng nhiệm mầu. Vì thế Phật mới hỏi thêm rằng cái thấy, nghe, hay, biết đó là sinh hay diệt, là đồng hay dị, là chẳng sinh diệt hay chẳng đồng dị?

Sau cùng Đức Phật giải thích rằng trong Như Lai Tạng (chơn tâm), tánh thấy kia vốn sáng suốt nhiệm mầu xưa nay trùm khắp pháp giới, chỉ tùy theo mức độ nhận thức từ tâm chúng sanh và ứng theo nghiệp cảm mà hiện ra các cảnh giới đó thôi. Nói cách khác, tánh thấy vốn thanh tịnh, hiện lượng (thấy mà không có sự phân biệt) và trực giác (thấy sao biết vậy), vốn thanh tịnh khắp cả mười phương pháp giới, tùy tâm của chúng sinh phân biệt như thế nào thì hiện ra theo sự hiểu biết của chúng sinh như thế ấy.

https://thuviensach.vn

Cũng như tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có phương hướng xứ sở nhất định, tùy theo nghiệp của chúng sinh mà hiện ra.

Đoạn kinh nầy khai thị cho chúng sinh biết rằng cái thấy vốn là tánh thanh tịnh của Như Lai Tạng trong khắp mười phương thế giới, nhưng khi vọng niệm khởi lên thì cái thấy biến thành "kiến chấp" tức là cái thấy có sự cố chấp cộng vào. Cái thấy chân thật là cái thấy tự bản tâm, từ Như Lai Tạng bản thể phát hiện chớ không phải cái thấy từ nhãn căn (con mắt) bởi vì bất cứ cái gì có hình dáng, bóng sắc đều là giả dối, không thật. Kinh Kim Cang nói rằng : "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng" là vậy.
Ngay cả cảnh giới A Di Đà cũng đều từ trong tâm của chúng sinh hiễn hiện khi con người niệm Phật đến chỗ Nhất tâm bất loạn. Nếu thấy trên trời có những cụm mây kết lại giống như hình Đức Phật hay Bồ-tát thì đây chỉ là cụm mây chớ không có Phật hay Bồ-tát nào thật sự xuất hiện cả. Con người không thông hiểu kiến đại nên tin tưởng mù quáng vào cái thấy của mắt mà sống trong điên đảo khổ đau cũng vì lấy giả làm chân. Nói cách khác chúng sinh thấy thật mà không thật thấy. Thấy thật là mắt thịt thấy những hiện tượng sinh diệt, còn thật thấy là mắt trí tuệ thấy được thật tướng trong Như Lai Tạng bản thể.

Thí dụ dòng điện là Như Lai Tạng vì không có ai thấy

https://thuviensach.vn

được nó tuy nó hiện hữu khắp mọi nơi. Nếu gắn dòng điện vào bóng đèn thì đèn cháy, nếu gắn dòng điện vào TV thì TV có hình…Do đó dòng điện đâu có phương hướng xứ sở gì mà khi tùy duyên nghĩa là nếu con người biết dùng nó thì thấy sự phát hiện, ứng dụng của nó. Tâm của chúng sinh cũng thế vẫn là một, nhưng nếu đến với mắt thì thấy, đến với tai thì nghe, đến với mũi thì ngửi…tùy duyên phát hiện.

7) Thức đại hoàn nguyên.

A Nan! Thức đại không có nguồn gốc, nhân sáu thức căn trần giả tạm mà phát sinh. Nay ông hãy dùng mắt ngó lướt qua khắp hết thánh chúng trong hội này xem. Cái tánh thấy của ông như tấm gương, tiếp thu tất cả hình dáng in vào mà không có mảy may phân biệt (hiện lượng tiếp thu tánh cảnh). Rồi ông hãy dùng cái thức của ông theo thứ lớp mà chỉ ra. Đây là ông Văn Thù, đây là ông Phú Lâu Na, đây là ông Mục Kiền Liên, đây là ông Tu Bồ-đề, đây là Xá Lợi Phất…Cái thức phân biệt của ông sanh từ mắt? Hay sanh bởi các tướng? Do hư không? Hay không do gì mà thức bỗng nhiên sinh ra?

A Nan! Nếu bảo rằng : Thức do mắt sanh. Phỏng sử không có các tướng sắc, không tối, sáng thì cái tánh thấy của ông còn có cơ sở để tồn tại được không? Cái thấy còn không thể có thì còn dựa vào đâu để có được cái thức phân biệt của ông? Nếu bảo rằng : Thức sanh do các tướng chứ

https://thuviensach.vn

không phải do cái thấy. Thế thì ông lấy gì để thấy được sáng tối? Sáng tối đã không thấy thì cũng không biết được các sắc tướng không? Các tướng còn không có thì "cái thức" do đâu tồn tại? Nếu cho rằng : Thức sanh do hư không, nó ngoài cả các tướng và tánh thấy. Nếu quả thật vậy, thì ông không còn biện biệt được gì vì chẳng có gì cho ông phân biệt.

Nếu bảo rằng : cái thức không nhân gì bỗng nhiên mà phát sanh, làm sao lại không phân biệt mặt trăng sáng, trong lúc mặt trời đứng bóng?

Ông hãy chín chắn mà tư duy : Cái tánh thấy gá vào mắt của ông. Các tướng thuộc tiền trần. Có cái hình tướng là có. Cái không dáng mạo là không. Còn cái thức như vậy nhân đâu mà ra? Cái thức thì năng động. Cái tánh thấy thì lặng lẽ, không phải hòa, không phải hợp. Nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức cũng vậy. Thế thì không lẽ cái thức phân biệt không do đâu mà tự có?

A Nan! Ông nên biết : Nếu cái thức đó không do đâu thì nên biết cái thức đại nhận biết và cái căn đại thấy, nghe, hay, biết vẳng lặng cùng khắp. Bản tính không nương đâu mà có, kiến đại và thức đại cùng với địa, thủy, hỏa, phong, không, gọi chung là bảy đại, thể tánh viên dung, không sanh không diệt. Tất cả đều là diệu dụng của Như Lai Tạng biểu hiện.

https://thuviensach.vn

A Nan! Tâm ông nông nổi, không nhận biết được các điều kiến văn, giác, tri vốn là tánh Như Lai Tạng. Ông hãy xét sáu cái thức là đồng hay là khác, là không hay là có, là không phải đồng, không phải khác, hay không phải không, không phải có. Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, cái thức nơi tâm linh là cái tác dụng nhận biết của tính minh bản giác. Và tánh minh bản giác thật là chân tánh của thất đại. Bản giác diệu minh yên lặng cùng khắp pháp giới, ẩn hiện thập phương hư không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhơn duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

Thức là sự phân biệt do sáu căn duyên với sáu trần mà phát sinh. Thí dụ mắt thấy cái nhà mà tâm không biết vật đó là cái gì, nhưng nhờ có thức đại nên tâm liền phân biệt để cho biết đó là cái nhà. Vậy thức đại là sự phân biệt nương theo nhãn căn thì gọi là nhãn thức, nương theo ý căn thì gọi là ý thức, nương theo tỷ căn thì gọi là tỷ thức, nương theo thiệt căn thì gọi là thiệt thức, nương theo thân căn thì gọi là thân thức. Vì thế thức đại lúc nào cũng nương theo sự đối đãi giữa căn và trần mà phát khởi. Cái thấy thuộc về giác quan tức là trực giác nên không có phân biệt đối đãi cũng như cái kính chiếu cảnh, cảnh vật thế nào thì nó phản chiếu như thế ấy, không thêm không bớt.

https://thuviensach.vn

Ngược lại thức thì có phân biệt tốt xấu, cao thấp, trong ngoài, buồn vui…Thí dụ nếu mắt nhìn một vật gì thì tâm biết đó là sự vật, nhưng tâm không thể cho biết sự vật đó là gì nếu không có thức. Thức chính là sự phân biệt đối đãi dựa vào những ý niệm đã có sẵn trong Tàng thức. Thí dụ, mắt nhìn cái ly thì tâm biết ngay đó là cái ly. Nhưng tại sao biết là cái ly mà không phải cái chén hay cái tô? Bởi vì trong quá khứ, con người đã biết vật đó là cái ly nên khi mắt vừa thấy vật đó, tâm liền phân biệt, so sánh những hình ảnh đã có trong Tàng thức và sau cùng kết luận vật đó có hình dáng giống như cái ly. Tuy nói dài dòng, nhưng những hiện tượng này xảy ra rất nhanh như luồng điện nên con người thường không nhận biết được sự phân biệt của tâm. Ngược lại nếu con người chưa bao giờ thấy vật đó thì tâm không bao giờ có sự phân biệt để cho biết vật đó là gì.
Vì thế nhìn thì mắt vẫn nhìn, nhưng tâm cứ mơ mơ màng màng, không biết đó là vật gì. Ngày xưa khi còn ở Việt Nam, chúng ta đâu có biết "Hot dog hay Hamburger" của Mỹ. Nếu bây giờ về Việt Nam mà nói về hot dog hay hamburger thì làm sao người Việt Nam bên đó hình dung hay hiểu được bạn muốn nói gì. Ngày nay khoa học cũng áp dụng lối phân biệt so sánh trong phần nhớ của những máy vi tính giống như thức đại của nhà Phật. Một thí dụ rất thông dụng là các bảng hiệu cho biết nhiệt độ và thời giờ ở ngoài xa lộ. Nhiệt độ được phân chia theo từng độ từ cực lạnh đến thật nóng. Khi hàn thử biểu ghi nhận bất cứ nhiệt độ nào ở bên ngoài thì phần so sánh liền chạy vào trong tấm phân độ để so sánh. Khi so sánh đúng với bất cứ nhiệt

https://thuviensach.vn

độ nào thì nó sẽ gởi tín hiệu trên màn TV để cho biết hiện giờ là bao nhiêu độ hay mấy giờ. Dựa theo Duy thức luận thì thức là chỉ cho thức thứ sáu tức là ý thức, còn cái thấy là chỉ về năm thức trước (tiền ngũ thức) là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức. Lục trần có hai phần :

1) Những pháp buồn vui như sắc, thanh, hương, vị, xúc là tiền trần bởi vì khi ngũ căn tiếp xúc với tiền trần thì hiện tượng này chỉ xảy ra trong hiện tại và căn, trần phải tiếp xúc được với nhau. Thí dụ mắt thì phải thấy cảnh như núi cao, rừng thẳm, xe cộ, nhà cửa…Tai phải nghe âm thanh, mũi phải ngửi mùi hương, lưỡi phải nếm mùi vị và thân phải cảm giác nóng lạnh êm đềm…

2) Ngược lại, Pháp trần là những việc ở xa mà ngũ quan không thể tiếp xúc với tiền trần, chỉ do ý căn tưởng nhớ được. Thí dụ như một người ở Cali mà đang nói về cảnh nhộn nhịp ở Sàigòn thì hình ảnh Sàigòn chỉ có trong tư tưởng nên gọi là pháp trần. Vì người đó ngày xưa đã ở Sàigòn nên những cảnh giới hiện trở lại trong tâm thức mặc dù họ đang ở Cali. Ý căn duyên với pháp trần nghĩa là ý căn nhớ lại những chuyện xảy ra ngày xưa mà giống y như họ đang thấy cảnh đó xuất hiện ở ngay trước mắt chớ mắt, tai, mũi…không thể thấy, nghe, ngửi những việc đang xảy ra ở Sàigòn. Cái thấy biết này là không thật bởi vì những gì đã lưu lại trong ký ức của họ thì đã xảy ra quá lâu trong quá khứ chớ đâu phải đang xảy ra. Thí dụ vào ban đêm, khi mắt nhìn thấy ánh sáng của một vì sao. Vì khoảng

https://thuviensach.vn

cách giữa địa cầu và hành tinh đó rất xa, có thể xa đến vài ngàn năm ánh sáng (hàng tỷ cây số) nên khi ánh sáng đó chiếu vào mắt thì lúc bấy giờ tuy mắt đang thấy hành tinh đó, nhưng cái thấy của mắt là thấy ánh sáng mà hành tinh đó đã chiếu ra vài ngàn năm ánh sáng về trước.
Nói cách khác, tuy mắt đang thấy ánh sáng từ hành tinh đó phát ra, nhưng ánh sáng đó đã phát ra cách nay mấy trăm năm hoặc mấy ngàn năm về trước chớ không phải ngay bây giờ. Một thí dụ khác nếu con người chưa bao giờ đặt chân lên Hỏa tinh thì làm sao giải thích trên Hỏa tinh có những thứ gì? Hay một người cả đời chưa bao giờ đến Paris thì không biết gì về Paris để diễn tả. Vì thế những tư tưởng có trong Tạng thức mà ý căn duyên khởi phải là những kinh nghiệm mà con người đã thấy, biết, nghe, nếm, ngửi hay cảm xúc được.

Như khi con người vừa mở mắt ra trông các sự vật thì chỉ trông thấy như bóng hiện trong gương nghĩa là cái thấy của "hiện lượng" tức là thu tiếp tánh cảnh mà chưa có sự phân biệt. Cái chưa phân biệt được vật đó là vật gì thì đó là căn đại. Nhưng trong khoảng khắc sau trong căn đại, thức đại phát sinh để phân biệt người này người nọ, vật này vật kia…Cái thấy lúc bấy giờ biến từ hiện lượng (trực giác) sang "tỷ lượng" (phân biệt) làm tâm phát sinh vọng tưởng tức là thức tâm.

Trong đoạn kinh này, Đức Phật bảo ông A Nan dùng mắt ngó quanh thật nhanh trong đại chúng thì cái thấy này là

https://thuviensach.vn

hiện lượng, chưa có sự phân biệt. Nhưng sau đó ông A Nan nhìn kỹ nghĩa là có sự phân biệt của ý thức nên ông mới thấy nào có ông Văn Thù, ông Xá Lợi Phất…Vậy vọng thức phân biệt từ đâu mà ra? Là do mắt sanh ra, do các tướng sanh ra, do hư không sanh ra hay không do gì mà thức tự có?

1) Nếu thức tâm là do mắt sinh ra mà không có tướng, không có đối tượng thì không có duyên khởi thì làm sao có được kiến, văn, giác, tri để có sự phân biệt?

2) Nếu thức tâm là do tướng sanh ra chớ không phải do cái thấy thì đâu có mắt để thấy sáng tối. Tướng ở bên ngoài thì làm sao vào trong tâm để có sự phân biệt được nếu không có mắt?

3) Nếu do hư không sanh thì chẳng có tướng cũng chẳng có thấy. Mà không có cái thấy thì lấy gì để phân biệt?

4) Còn nếu thức tâm không có nhân, đột nhiên mà có thì đâu cần phải có mắt hay đối tượng. Không đối tượng thì làm gì có sự phân biệt.

Như thế địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến và thức đều là thất đại tánh viên dung tròn khắp, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt. Phật bây giờ mới kết luận rằng trong Như Lai Tạng, tánh của thức là sáng suốt, tánh giác ngộ là chơn thức. Bản giác luôn trong sáng nhiệm mầu,

https://thuviensach.vn

vắng lặng cùng khắp pháp giới, bao hàm tỏa khắp mười phương hư không và biến hiện tùy theo nghiệp. Chúng sinh không thể biết được nếu tâm vẫn còn vọng tưởng chấp trước.

Nói tóm lại thất đại : địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến và thức chính là chủ tể vận hành trong càn khôn vũ trụ này. Không có nơi nào và vật gì trên thế gian vũ trụ này mà ngoài thất đại cả. Vì tầm quan trọng đó mà Đức Phật mới thu thất đại để trả mọi vật trở về với tánh thanh tịnh, bất sinh bất diệt, như như bất động của Như Lai Tạng. Tuy vật chất rộng lớn bao la, nhưng tất cả cũng quy về "sắc tức là không và không tức là sắc" nghĩa là động là sắc còn tĩnh thì tất cả là không. Vì thế khi tĩnh có nghĩa là tâm không còn khởi vọng niệm, không còn sự phân biệt đối đãi thì cái tâm này sẽ biến thành chơn tâm, Phật tánh, Như Lai Tạng vậy.

Giác Ngộ Và Phát Nguyện

Sau khi được Phật chỉ bảo tận tường để thu bốn khoa và bảy đại vào Như Lai Tạng bản thể thì ông A Nan và đại chúng cùng trực ngộ tâm tánh, không còn hoài nghi, dính mắc. Ban đầu ông A Nan và đại chúng chấp cái thân giả tạm này cho là tâm ở trong thân. Ông A Nan nhờ Phật chỉ dạy bằng phương tiện dẫn dụ, lời lẽ khéo léo nhiệm mầu nên cả thính chúng thân tâm bây giờ thanh thoát rỗng rang. Xưa cho hư không là rộng lớn, nay ngộ được tâm nhiệm

https://thuviensach.vn

mầu mới là bao la quảng đại, vô cùng vô tận nên chỉ xem mười phương hư không như chiếc lá cầm trong tay thôi. Tất cả sự vật hiện tượng trên thế gian đều là diệu dụng của tâm Bồ-đề nhiệm mầu, sáng suốt của mình biểu hiện. Tâm này biến khắp và bao trùm cả mười phương. Từ chơn tâm, bản thể thanh tịnh đó mà sinh ra con người, núi cao rừng thẳm, chim bay cá lặn, mặt trời mặt trăng…ngay cả vũ trụ bao la vô cùng vô tận cho đến những sự vật bé nhỏ như vi trần, không có vật gì ngoài chơn tâm cả.

Xưa chỉ nhận thân do cha mẹ sinh ra là thật rồi sinh tâm yêu mến, nay nhìn ngược lại thân này chẳng khác chi một hạt bụi trong mười phương hư không, như những bong bóng giữa đại dương nổi chìm có ly có hợp, chẳng biết sinh từ đâu. Xưa mê lầm chơn tâm nên chỉ chấp vọng tưởng sinh diệt làm tâm. Nay nhờ ngộ rồi nên biết được chơn tâm mới là tâm tánh nhiệm mầu thường trụ bất diệt và mới thật là tâm tánh bản lai thường trụ của chính mình.

Ở trước Phật, ông A Nan thay lời đại chúng, xin được nói lên một bài kệ tán dương Đức Phật, cùng phát nguyện và trình lên những điều tâm đắc của tận đáy lòng :

Diệu trạm tổng trì bất động Tôn
Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng
Bất lịch tăng kỳ hoạch Pháp thân.
Nguyện kim đắc quả thành bảo vương.

https://thuviensach.vn

Hoàn độ sa thị hằng sa chúng.
Tương thử thâm tâm phụng trần sát.
Thị tắc danh vi báo Phật ân.
Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh
Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập
Như nhất chúng sinh vị thành Phật.
Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.
Đại hùng đại lực đại từ bi
Hi cánh thẩm trừ vi tế hoặc
Linh ngã tảo đăng vô thượng giác
Ư thập phương giới tọa đạo tràng.
Thuấn-nhã-đa tánh khả tiêu vong
Thước-ca-la tâm vô động chuyển.

Dịch là :

Cao quý hay! Thủ Lăng Nghiêm Vương ít có
Là pháp diệu trạm, bất động tổng trì

Đây là những lời tán thán Pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu, vắng lặng ứng hiện đến khắp tất cả nên gọi là Diệu trạm. Tuy nói Pháp thân mà vẫn trọn vẹn ba thân. Vì Pháp thân là thể của các pháp và có đầy đủ ba đức nên gọi là Tổng trì. Thân Phật biến khắp pháp giới, ứng hiện đến với tất cả quần sanh và tùy duyên cảm ứng khắp mọi nơi mà luôn an trú ở cội Bồ-đề nên gọi là bất động. Trọn câu này là muốn chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

https://thuviensach.vn

Ông A Nan vì thấy Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp nên sanh tâm yêu thích mới phát tâm xuất gia nên Đức Phật mới chỉ cho ông thấy tuy thân Phật rực rỡ huy hoàng, nhưng cũng chỉ là ứng thân sinh diệt cho nên sự phát tâm xuất gia như vậy là hư vọng, không chính đáng. Nay nhờ ơn Phật khai thị nên diệu ngộ được tâm mình mà thấy được Pháp thân Phật. Ban đầu, A Nan thỉnh Phật khai thị con đường tu tập thiền định thì Phật dạy rằng : ”Có pháp tam-ma-đề gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương” sẽ giúp ông phá vọng hiển chơn để thấu tột nguồn nhất chân mà chứng nhập chân lý. Vì đã ngộ được thể của định nên ông khen ngợi pháp này là hiếm có.

Trừ hết tướng điên đảo ức kiếp của con
Không trải A Tăng Kỳ mà được pháp thân

Xưa ông A Nan chấp vọng tưởng điên đảo mà cho là chân thật, nay nhờ liễu ngộ nên phiền não biến mất, điên đảo tiêu trừ. Xưa chỉ biết thân tâm huyển vọng, nay cũng thân ngũ uẩn mà ngộ được pháp thân mà không cần trải qua A Tăng Kỳ kiếp. Đây là thiền đốn ngộ, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật.

Tôi nguyện từ nay cho đến khi thành Phật
Độ chúng sinh như số cát sông Hằng
Đem thân tâm phụng sự vi trần quốc
Thế mới đủ đáp đền thâm ân Phật.

https://thuviensach.vn

Phật giáo Đại Thừa luôn khuyến khích người đệ tử Phật vì chúng sinh hoằng pháp độ sinh. Tâm niệm rằng : ”Thượng cầu thành Phật, hạ hóa chúng sinh” là cách đền ơn Phật thực tiễn nhất.

Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho :
Đời ác trược tôi thề vào trước
Còn một chúng sinh chưa thành Phật
Thì tôi không nhận hưởng Niết Bàn

Đời ác trược ngũ thế mà tôn giả A Nan nguyện vào để cứu chúng sinh còn trầm luân trong chốn bụi trần, thống khổ chớ không lo an lạc thanh tịnh Niết bàn cho riêng mình. Ngài nguyện độ tất cả chúng sinh rồi mới thành Phật. Đây là lời thề nguyện rộng lớn mà có lẽ chưa có vị A la hán nào trong hàng Thanh Văn phát nguyện như vậy. Ngài Địa Tạng Bồ-tát cũng phát nguyện rằng : ”Khi nào còn chúng sinh trong chốn u minh thì Ngài nguyện sẽ không thành Phật”.

Bạch đấng Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi
Tôi hy vọng xét trừ vi tế hoặc
Để sớm lên Vô Thượng Bồ-đề
Tôi sẽ làm Phật sự khắp mười phương

Tôn giả A Nan tuy ngộ được Pháp thân, nhưng đây mới chỉ là kiến đạo chớ chưa phải là chứng đạo. Vì thế trong A Nan

https://thuviensach.vn

vẫn còn vô minh vi tế ẩn núp thâm sâu rất khó tiêu trừ cần phải dùng oai lực dũng mãnh của thiền định mới có thể phá được. Một khi những kiến hoặc đã tiêu tan thì con đường để viên thành Phật quả sẽ không còn xa. Khi thành Phật thì Ngài sẽ độ chúng sinh mười phương thế giới bao la vô cùng vô tận.

Hư không dù hết, nguyện tôi không cùng.

Thuấn-nhã-đa là hư không. Thước-ca-la là kiên cố. Đây là lời thệ nguyện để nói lên tâm bất thối kiên cố. Tuy hư không, vô hình vô tướng, bao la vô cùng vô tận mà còn có thể tiêu tan, còn tâm kiên cố và nguyện lực của Ngài A Nan không bao giờ lay chuyển.

https://thuviensach.vn

Cuốn Một

Chương Thứ Bảy PHẬT THUYẾT MINH TÁNH CỦA CÁC ĐẠI VỐN KHÔNG NGĂN NGẠI GÌ NHAU, NHẰM KHI THỊ CHƠN LÝ : SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC

Bấy giờ Ngài Phú Lâu Na Di La Ni Tử ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối chắp tay cung kính bạch Phật rằng :

- Thế Tôn khéo vì chúng sinh mà diễn bày đệ nhất nghĩa đế. Từ lâu Thế Tôn thường khen con là thuyết pháp đệ nhất trong hàng người thuyết pháp. Vậy mà nay con nghe pháp âm nhiệm mầu Như Lai vừa dạy chẳng khác nào người điếc cách xa trăm bước lắng nghe tiếng muỗi mòng. Muỗi mòng còn không thấy còn nói gì đến chuyện nghe. Dù Phật dạy rõ ràng, nhưng chưa hiểu rốt ráo làm tâm con nghi hồ mơ hoặc. Như các Ngài A Nan, vì họ tuy đã khai ngộ nhưng tập lậu chưa trừ. Còn chúng con là những người đã được vị vô lậu trong chúng hội, mọi tập lậu đã sạch, nhưng khi nghe Như Lai thuyết pháp này, sao chúng con vẫn còn bối rối , nghi ngờ hối hận?

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các thứ : 5 ấm, 12 xứ, 18 giới và 7 đại trong thế gian đều là hiện tượng biểu hiện xuất phát từ tánh thanh tịnh bản nhiên của Như Lai Tạng, vậy thì tại sao Như Lai Tạng bỗng nhiên lại sanh các tướng hữu vi vô

https://thuviensach.vn

thường vận động thay đổi trước sau, vô cùng vô cực như thế?

Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng đã từng nói : Địa, thủy, hỏa, phong bốn đại bản tánh viên dung, khắp cùng khắp giới, vắng lặng thường trú. Bạch Thế Tôn! Nếu địa đại cùng khắp thì làm sao dung được thủy đại?

Nếu thủy đại cùng khắp thì làm sao hỏa đại có điều kiện phát sinh? Làm sao có thể hiểu biết được rằng : Thủy đại và hỏa đại đều cùng khắp pháp giới mà không đối kháng hủy diệt nhau? Bạch Thế Tôn! Tánh địa đại thì ngăn ngại, tánh hư không là rỗng suốt, làm sao có sự kiện hai đại đồng khắp cùng trong một bầu pháp giới? Con không biết nghĩa ấy là thế nào. Xin Phật rủ long từ, vén mây mê lầm cho con và đại chúng. Nói lời ấy rồi, tôn giả Phú Lâu Na năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của Đức Như Lai.

Sau khi Đức Phật đã thu ngũ uẩn, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới và thất đại về Như Lai Tạng bản thể tức là tánh thanh tịnh bản nhiên thì các vị có căn cơ Đại thừa đều nhận rõ tâm tính viên mãn sáng suốt. Duy chỉ có các vị trong hàng Thanh văn tuy đã phá được chấp ngã, nhưng vẫn còn chấp pháp nên không thấu rõ cái chơn đối với cái vọng mà chưa lãnh hội được. Vì thế Ngài Phú Lâu Na đại diện các vị định tánh A la hán mà hỏi Phật hai điều như sau :

https://thuviensach.vn

1) Tại sao trong Như Lai Tạng tánh vốn thanh tịnh bản nhiên bỗng dưng lại chuyển biến sinh ra những hiện tượng hữu vi như như núi, sông, đất, liền…?

Sự thật, tất cả hiện tượng vạn pháp đều cùng chung một bản thể : Như Lai Tạng. Từ trong Như Lai Tạng bản thể vận động, biến chuyển duyên khởi những chủng tử mà tạo tác, hình thành các loài hữu tình và vô tình chúng sinh. Hiện tượng này còn được gọi là bất biến tùy duyên của pháp giới duyên khởi.

2) Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến và thức thì trong bảy đại này tánh chất có đối kháng nhau. Thí dụ nước kỵ lửa kỵ, gió kỵ đất…Nếu thế, tại sao chúng có thể dung hợp được với nhau trong Như Lai Tạng mà không tương tàn, tương diệt?

Phật dạy rằng : ”Tánh sắc chơn không” nghĩa là tánh của sắc là không mà hư không thì bao trùm bao la vô cùng vô tận. ”Tánh không chơn sắc” nghĩa là trong hư không đã có đủ tất cả tánh chất của sắc hay nói chung của địa, thủy, hỏa, phong…, nhưng từ cái thể tánh thanh tịnh của hư không khi hội tụ đủ nhân duyên sẽ biến hiện thành ra sắc.

Tuy thủy đại đầy khắp hư không pháp giới tức là nơi nào trong không gian vô tận cũng đều chứa nước mà nước đâu có dập tắt lửa (hỏa đại) và nước cũng không làm ngập chìm

https://thuviensach.vn

cả thế gian nên Phật nói rằng : ”Tánh thủy chơn không”. Trong hư không tức là pháp giới không đại, vốn không phải nước (thủy đại) vậy mà trong không đại khắp đầy thủy đại. Do đó Phật mới dạy rằng : ”Tánh không chơn thủy”.

Hỏa đại cũng thế, lửa thì đầy khắp hư không mà không làm cháy nhà cửa, xe cộ, núi rừng hay vạn hữu thế gian. Vì vậy Phật mới nói : ”Tánh hỏa chơn không”. Trong hư không vốn không có lửa, nhưng khi chúng sinh cần thì lửa sẽ có trong hư không, cho nên Phật dạy rằng : ”Tánh không chơn hỏa”.

Nói tóm lại, tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau vì thế tuy trong hư không có đầy đủ các đại mà chúng không tương tàn, tương diệt vì các đại cùng chung một thể tánh. Đó là chơn không (bất biến).
Thế nào là định tánh A la hán?

Khi đã đọan trừ hết kiến hoặc, tư hoặc và vi tế hoặc thì chứng được quả vị A la hán. Các vị A la hán tuy đã trừ được phiền não chướng, nhưng tri kiến chướng tức là vô minh thì chưa phá nổi. Niết bàn mà chư vị A la hán có chỉ là hóa thánh nghĩa là đây chỉ là tiểu Niết bàn chứ chưa phải là bảo sở Niết bàn tức là sự thanh tịnh, tịch diệt rốt ráo, hoàn toàn của các vị Bồ-tát, chư Phật. Nếu các vị A la hán muốn tiến tu để phát huy trí tuệ Đại thừa mà hoàn thành Phật đạo thì gọi là Tuệ tánh A la hán. Còn nếu họ thỏa chí với quả vị A la hán mà không chịu tiến tu thì họ là Định

https://thuviensach.vn

tánh A la hán. Vì không chịu tiến tu và phát tâm Bồ-đề mà chỉ muốn an hưởng Niết bàn cho riêng mình nên Đức Phật đã từng quở trách và gọi họ là mầm thối và hạt giống bị đốt cháy, không lợi ích cho chúng sinh.

Tôn giả Phú Lâu Na không biết nguyên nhân sanh khởi ra nhân sinh vũ trụ và không ngộ được chơn tánh viên dung nên không biết được sự diệu dụng của thế giới bản thể và hiện tượng. Chỉ có Đức Thế Tôn là người đã đạt được Nhất Thiết Chủng Trí mới có thể thấu hiểu tận nguyên nhân sinh khởi của nó.

Tới đoạn kinh này, Đức Phật muốn khai thị một giáo lý thậm thâm vi diệu của nhà Phật. Đó là "sắc tức là không và không tức là sắc" nằm trong Bát nhã tâm kinh. Trong Phật giáo, danh từ sắc và không rất phổ thông khi nói về thế giới hiện tượng và bản thể. Vậy thế nào là không?

Có ba thứ không, người đệ tử Phật cần nên để ý :

1) Cái "không" thứ nhất là rỗng không nghĩa là cái không này từ vô thỉ nó không có mà mãi về sau nó cũng chẳng có gì. Cái không rỗng toét này thì nhà Phật gọi là "ngoan không" và nó không dính dáng gì với cái không của nhà Phật.

2) Đương thể tức không : Khi con người hành thâm Bát nhã ba-la-mật-đa thời thì họ thấy rằng tất cả vạn pháp trong

https://thuviensach.vn

thế gian là giả tạm, không bền, không chắc, có đó rồi mất đó. Vì thế cho dù thế gian vũ trụ vẫn sờ sờ trước mắt, nhưng dưới mắt của họ tất cả đều là không. Tại sao là không? Bởi vì vạn pháp là do nhân duyên tác tạo hình thành nên đến khi duyên tan thì nó sẽ hoại diệt. Vì thế sinh sinh diệt diệt, không có gì là trường cửu cả. Đó là tại sao ngày xưa Đức Phật tuy vẫn sống trong thế gian này, nhưng đối với Ngài thì tất cả đều là không nên Ngài mới có vô thượng Niết bàn và vô thượng Bồ-đề.

3) Cái không mà được dùng rộng rãi trong Bát nhã tâm kinh : ”Sắc tức là không và không tức là sắc” thì nhà Phật gọi là “chơn không” mà diệu hữu. Tất cả vạn pháp trong thế giới hữu vi như trời, trăng, mây, nước, chim bay, cá lặn mà con người nhận biết được thì gọi là có. Nhưng cũng trong cái thế giới vũ trụ bao la vô cùng vô tận này, cái mà con người không nhận thấy, biết được thì gọi là không. Mặc dù con người gọi nó là không, nhưng chính bên trong nó diệu hữu nghĩa là nó có tất cả những dữ kiện, những nguyên nhân, những chủng tử để khi hội đủ duyên thì nó sẽ biến thành cái có.

Nói cách khác cái có là cái mà mắt thấy được như núi, sông, trời, trăng, mây, nước. Còn cái không là cái mà mắt không thấy được. Nhưng thật sự trong cái không đó có chứa đầy đủ các chủng tử của vạn pháp, những yếu tố, những dữ kiện để khi hội đủ nhân duyên thì nó sẽ tổng hợp mà hình thành ra vạn pháp. Do đó cái không này chính là chơn không mà diệu hữu tức là bất biến tùy duyên nghĩa là

https://thuviensach.vn

khi tỉnh thì tất cả là không còn khi động thì mọi vật đều là có. Sự biến chuyển hình thành một cách huyền diệu này chỉ có thể dùng trí mà biết chớ không thể dùng mắt thường mà biết được.
Thí dụ không khí là vô hình vô sắc nên mắt thường không thấy được nên gọi nó là không. Nhưng khoa học ngày nay phân tích và xác định rằng trong không khí có chứa biết bao hóa chất như dưỡng khí oxygen, khí nitrogen, hơi nước và biết bao hóa chất khác. Nếu không có dưỡng khí oxygen thì làm sao con người và sinh vật sống được, nhưng đâu có ai thấy biết Oxygen ở chỗ nào? Cũng dựa trong thí dụ trên là trong không khí thì nơi nào cũng chứa rất nhiều hơi nước, nhưng mắt thường không thấy biết được hơi nước nên chúng ta một lần nữa gọi không khí là không. Nhưng bây giờ nếu nhiệt độ không khí giảm xuống và có tiếng sấm tức là luồng điện tạo ra phản ứng hóa học thì hơi nước sẽ chuyển thành mưa. Hơi nước là không mà khi hội đủ nhân duyên thì từ hơi nước (không) biến thành mưa tức là có. Vậy trong cái không có chứa tất cả những dự kiện như địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức. Nói cách khác trong không gian vũ trụ này thì chỗ nào cũng có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, kiến đại (nhận thức trực giác) và thức đại (nhận thức tư duy, phân biệt).

Vì trong không gian vô cùng vô tận có chứa đầy đủ địa đại. thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, kiến đại và thức đại nên từ đó con người, sinh vật và vạn pháp mới được cấu tạo, hình thành một cách mầu nhiệm. Thí dụ như nước

https://thuviensach.vn

Việt Nam năm 1975 dân số chỉ có khoảng 20 triệu người, nhưng đến năm 2010 thì có gần 100 triệu. Nước Trung Hoa thì tăng từ bốn, năm trăm triệu đến ngoài 1.3 tỷ người. Ở Hoa Kỳ cũng thế, năm 1975 dân số chỉ có khoảng 200 triệu mà ngày nay sau 35 năm đã tăng lên trên 350 triệu. Nói chung khắp nơi trên thế giới, nước nào dân số cũng tăng vọt. Nếu lý luận theo tư tưởng thường kiến là khi một người chết thì linh hồn vẫn tồn tại để nhập vào và tái sinh thành một con người mới, vậy nếu có một triệu người chết mà lại sinh ra thêm 100 triệu người mới thì tư tưởng thường kiến giải thích hiện tượng này như thế nào? Linh hồn mới ở đâu mà nhập vào để tăng vọt dân số nhanh như vậy? Phật giáo hoàn toàn phủ nhận tư tưởng thường kiến vì không có một linh hồn nào tồn tại sau khi chết cả, hay nói cách khác trong Phật giáo không có cái gì gọi là linh hồn.

Cái mà con người lầm lẫn gọi là linh hồn thì thật ra chỉ là những chuỗi thức kết nối liên tục trong cuộc sống. Chuỗi thức cuối cùng trước khi chết sẽ kết nối với thức đầu tiên của đời sống mới và cứ như vậy mà tiếp diễn không ngừng từ đời này sang đời khác. Nhưng trong không gian, kiến đại và thức đại lúc nào và ở nơi nào cũng có, trùm khắp pháp giới, vì thế khi nhân duyên hội tụ đầy đủ dựa theo nghiệp lực của họ thì thất đại hòa nhập mà kiến tạo nên con người. Nói cách khác nếu có bao nhiêu con người sinh ra thì kiến đại, thức đại tác động vào mà kiến tạo để cho con người có đầy đủ kiến, văn, giác, tri. Kiến, văn, giác, tri là cánh cửa của lục căn (nhãn, nhỉ, tỷ, thiệt, thân, ý) của con người tức là mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân

https://thuviensach.vn

xúc, ý biết Lục căn chia làm 4 bộ : Kiến thuộc về mắt, văn thuộc về tai, giác thuộc về mũi, nếm thuộc về thân, tri thuộc về ý.

Trong Bát Nhã tâm kinh đã giải thích rõ ràng rằng : "sắc tức là không, không tức là sắc…thức tức là không, không tức là thức" vì thế thân xác (sắc) khi sống (tức) là không vì tự nó không có tự thể và khi chết thì cũng từ cái không ấy lại tác tạo để hình thành cái thân xác (sắc) khác. Thức cũng vậy khi sống thì thức (tức) là không vì thức là huyển hóa, không thật, nhưng khi chết rồi thì thức (không) trong không gian lại tác động vào thân xác mới để có đủ những đức tính thấy, nghe, hay, biết (thức) của một con người. Chỉ có tư tưởng thâm sâu trong kinh Lăng Nghiêm mới giúp chúng sinh thấu hiểu rõ ràng việc kiến tạo hình thành chẳng những cho con người mà còn áp dụng cho tất cả nhân sinh vũ trụ.

PHẬT CHỈ NGUỒN GỐC VỌNG TƯỞNG CỦA HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo ông Phú Lâu Na và các đại A la hán rằng :

- Nay Như Lai vì đại chúng chỉ bày tánh chơn thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến cho hàng định tánh Thanh văn chưa được nhơn không và pháp không, hướng về Đại Thừa. Các ông hãy lắng nghe cho kỹ, tôi sẽ vì đại chúng mà nói. Phật dạy :

https://thuviensach.vn

- Phú Lâu Na! Như ông vừa nói : Đã là bản nhiên thanh tịnh tại sao bỗng nhiên lại sinh ra ấm, nhập, xứ, giới núi sông đất liền sum la vạn tượng? Ông có nghe Như Lai đã từng dạy : ”Tánh giác là diệu minh, bản giác là minh diệu hay không?

- Bạch Thế Tôn! Con đã nghe, Phú Lâu Na thưa.

- Ý ông hiểu thế nào? Tánh giác tự minh mà gọi là giác hay tánh giác không minh phải dùng tánh minh để minh tánh giác?
Ngài Phú Lâu Na bạch với Phật :

- Bạch Thế Tôn! Tánh giác tự minh nên gọi là tánh giác diệu minh. Nếu tánh giác không minh thì còn lấy gì để gọi là minh tánh giác.
Phật dạy rằng :

- Đúng vậy. Phú Lâu Na! Nếu tánh giác không tự minh thì không lấy cái gì để minh tánh giác. Và nếu tánh giác là cái sở minh thì không còn gọi là tánh giác nữa. Vậy ông nên hiểu : Tánh giác vốn minh mà chúng sinh lầm tưởng phải nhờ cái minh để minh tánh giác. Sự thật tánh giác vốn không phải là cái sở minh. Nhân vì lầm tưởng mà tánh giác trở thành ra sở. Cái vọng về sở đã thành, tất cái vọng năng của ông. Nguồn gốc của vọng tưởng phát nguyên là như vậy.

https://thuviensach.vn

Đức Phật muốn xiển dương một chân lý mới mà các vị A la hán chưa thấu suốt. Thắng nghĩa còn được hiểu là liễu nghĩa. Dựa theo Thành Duy Thức luận, tất cả lời Phật dạy đều là thắng nghĩa, tuy nhiên trong các thắng nghĩa cũng có cao có thấp và được chia ra làm bốn loại :

1) Thế gian thắng nghĩa là phân tích ra 5 uẩn, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, 7 đại…

2) Đạo lý thắng nghĩa dạy về Tứ Diệu Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo).

3) Chứng đắc thắng nghĩa dạy về Nhị Không Chân Như nghĩa là phá trừ chấp ngã chấp pháp mà chứng được chân như.

4) Thắng nghĩa thắng nghĩa dạy về Nhất chân pháp giới tức là Đệ nhất nghĩa đế mà Đức Phật đang chỉ dạy trong đoạn kinh này.

Cũng trong Duy thức luận, có năm lớp quán, từ địa vị tư lương là :

Nải chí vị khởi thức
Cầu trụ duy thức cảnh

https://thuviensach.vn

Ư nhị thủ tùy miên
Du vị năng phục diệt

Nghĩa là từ khi chúng sinh chưa biết tu hành đến khi tu theo duy thức mà vẫn còn hai món thủ trong tâm trí, chưa hóa giải hết được là năng thủ tức là chấp ngã đối với mình và sở thủ tức là quan niệm chấp pháp đối với vạn vật thì người tu như vậy gọi là tu "Du vị".

Bài quán cho địa vị gia hành kế tiếp :

Hiện tiền lập thiểu vật
Vị thị duy thức tánh
Dĩ hữu sở đắc cố
Phi thật trụ duy thức

Nếu người tu theo duy thức mà còn thấy có mục tiêu để mong đạt đến để viên thành Phật tánh của duy thức thì không bao giờ tu thành duy thức được vì lòng còn mong mỏi tức là tâm vẫn còn tham.

Bài quán thứ ba là :

Nhược thời ư sở duyên
Trí đô vô sở đắc
Nhỉ thời trụ duy thức
Ly nhị thủ tướng cố.

https://thuviensach.vn

Nghĩa là khi nào chúng sinh nhìn sự vật hiện tượng vạn pháp (sở duyên) tức là đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì thấy, nghe, ngửi, biết tất cả mà như là không thấy biết gì hết thì mới tu thành tựu theo duy thức được bởi vì chính họ đã xa lìa được hai chấp: chấp ngã và chấp pháp.

Bái quán thứ thư là :
Vô đắc bất tư nghì
Thị xuất thế gian trí
Xả nhị thô trọng cố
Tiện chứng đắc chuyển y.

Nghĩa là bất cứ chúng sinh nào mà tu hành đến chỗ không còn thấy mình chứng đắc gì hết thì người đó mới đạt được cái trí xuất thế gian. Nhưng thế nào là vô đắc? Trên phương diện tu hành, người đệ tử Phật làm tất cả điều thiện, lìa xa tất cả những điều ác mà thấy mình chả có chứng đắc, công đức, phước đức gì hết. Trên phương diện độ sanh, người đệ tử Phật độ cho tất cả chúng sinh mà thấy chẳng có chúng sinh nào được mình độ nghĩa là thi ân bất cầu báo vậy. Trong Bát nhã tâm kinh cũng xác định rằng : "Dĩ vô sở đắc cố" nghĩa là không có cái gì gọi là chứng đắc cả. Cái thanh tịnh Niết bàn và trí tuệ Bồ-đề vốn đã có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh, nhưng vì bị vô minh che lấp nên con người không thấy biết vậy thôi. Nay nếu chúng sinh biết hồi đầu thị ngạn, quay thuyền trở lại bến xưa thì

https://thuviensach.vn

Niết bàn hiển lộ, Bồ-đề phát hiện chứ đâu có chứng đắc cái gì mà cầu với mong.

Hai câu sau nghĩa là nếu chúng sinh có thể lìa được hai chướng là phiền não chướng và tri kiến chướng (thô trọng) thì có Niết bàn, có Bồ-đề. Nói cách là chúng sinh chuyển phiền não thành Niết bàn, chuyển vô minh, sinh tử thành trí tuệ Bồ-đề.

Bài quán thứ năm là :

Thử tức vô lậu giới
Bất tư nghì thiện tường
An lạc giải thoát thân

Đại mâu ni thanh pháp.

Và bài kệ sau cùng là :

Thử chư pháp thắng nghĩa

Diệc tức thị chân như

Thường như kỳ tánh cố

Tức duy thức thật tánh.

Sau cùng người đệ tử Phật hiểu thấu suốt được như vậy thì

https://thuviensach.vn

mới hiểu được thắng nghĩa tức là chân lý tột cùng của vạn pháp. Hiểu được như vậy cũng có nghĩa là hiểu được lý chân như, tánh thường như của vạn pháp và thật tánh của duy thức. Thật vậy, trong Đệ nhất nghĩa đế thì tất cả các pháp, dù thánh hay phàm, đều là bình đẳng bởi vì hiện tượng vạn pháp cùng chung một bản thể Như Lai Tạng.

Người đệ tử Phật nếu có niệm viễn ly để buông xả thì chính họ có được an vui, thanh thoảng và tự tại. Mà muốn đạt đến trình độ này thì họ phải phá chấp ngã và chấp pháp để có được nhơn không và pháp không. Nhơn không có nghĩa là thấy mình không thật nên không tham ái mà khổ vì thân. Còn pháp không là nhận biết thế gian vũ trụ cũng là không thật, có đó rồi mất đó nên tâm không dính mắc. Khi chúng sinh đã có được nhân không và pháp không rồi thì bây giờ chỉ có một con đường duy nhất để hoàng thành Phật đạo là nhất thừa Phật giáo cũng như trăm sông cùng đổ về biển lớn như Phật đã thuyết trong kinh Pháp Hoa.

Vậy thế nào là tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu?

Tất cả chúng sinh từ loài hữu tình đến vô tình đều có chung tự tánh thanh tịnh bản nhiên mà nhà Phật gọi là tánh giác. Tánh giác mà tác động vào con người thì gọi là Phật tánh, còn tác động vào các loài vô tình như cỏ cây, hoa lá thì gọi là Pháp tánh. Thế thì từ con người cho đến đất, nước, cây, cỏ, núi cao, rừng thẳm đều cùng có tự tánh thanh tịnh như nhau, không có cái gì gọi là tội lỗi, phiền não, khổ đau cả.

https://thuviensach.vn

Nguyên nhân mà có phiền não là do cái nhìn, thấy, biết chứa đầy vọng niệm mà nhìn với tâm phân biệt. Nói cách khác con mắt của mình là năng phân biệt để nhìn đối tượng là sở phân biệt. Đây chính là do vọng mà sinh ra năng và sở. Thí dụ như tất cả con người ai ai cũng đều là do thất đại hội tụ lại mà thành nghĩa là bất cứ con người nào cũng đều có địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức (thất đại) giống như nhau cho nên không có con người nào có tội lỗi hay phiền não chi cả.

Còn vạn pháp trong thế gian thì cũng được kết thành bởi địa, thủy, hỏa, phong, không (ngũ đại) thì đâu có cái gì tự nó có phiền não hay tội lỗi chi. Nhưng khi mắt thấy hoa đẹp, nhà sang, xe tốt làm tâm phân biệt mà có sự lấy hay bỏ, thích hay không thích, thương hay ghét. Đây là do vọng niệm phân biệt phát khởi và là nguyên nhân gây ra mọi phiền não, khổ đau của con người. Cái mà con người cho rằng tội lỗi xấu xa là do cái nhìn có vô minh, tham đắm của mình mà ra. Khi vọng niệm phát khởi phân biệt thì nhìn cái gì cũng mê, cũng thích, cũng muốn chiếm lấy thì đây chính là vẫn đục đeo trước con mắt khiến con người nhìn thế gian là bất toàn, khổ não. Nhưng nếu bây giờ lấy cái vẫn đục kia đi và cũng nhìn cái thế gian đó với tâm trong sáng, thanh tịnh thì cái tội lỗi khổ đau kia biến mất và thế giới biến thành an vui, cực lac. Vậy ai cột trói mình? Chính mình tự cột trói lấy mình, tự mình chuốc lấy bao hệ lụy của phiền não khổ. Bỏ vọng chấp thì có cuộc sống an vui tự tại nghĩa là tự mình không trói mình thì cần gì phải cởi trói.

https://thuviensach.vn

Tánh giác vốn minh chớ không cần phải nhờ cái minh bên ngoài tức là sở minh để minh (nhận biết các sự vật của) tánh giác nghĩa là tánh giác vốn trong sáng thanh tịnh, thường diệu, thường minh nên gọi là tánh giác diệu minh. Nhưng khi con người lầm lẫn chạy theo vọng chấp nghĩa là sở minh bên ngoài để chuyển năng minh bên trong của mình mà có sự phân biệt để tạo nghiệp và tự trói mình trong sinh tử khổ đau. Khi chúng sinh biết hồi đầu thị ngạn, quay thuyền trở lại bến xưa thì tánh giác bây giờ trở thành bản giác nghĩa là giác tánh bản lai sẵn có của mình. Bản giác ấy thường minh và thường diệu, nhưng trong bản giác, minh và diệu luôn luôn hợp với nhau chớ không tách rời như trong lúc phát khởi vọng thức mê lầm ở trên. Vì thế mới gọi là bản giác minh diệu. Nói cách khác, Phật tánh có ba, đó là chánh nhân, duyên nhân và liễu nhân. Trong mỗi chúng sinh, tánh mầu nhiệm sẵn có vốn tự viên thành, không nhờ vào công phu tu tập nên gọi là chánh nhân. Bây giờ, nếu chúng sinh phải nhờ minh sư, hay thiện tri thức khai phát thì Phật tánh mới hiện bày, đây là nhờ duyên khởi nên gọi là duyên nhân. Sau cùng nhờ công phu tu tập rồi mới ngộ nên gọi là liễu nhân. Do đó tánh giác diệu minh chính là Chánh Nhân Phật tánh. Còn bản giác minh diệu là Liễu Nhân Phật tánh vậy.

Đã là tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu thế nhưng tại sao con người có thể bị mất đi cái đó để rồi phải chuốc lấy phiền não khổ đau mà chìm đắm trong sinh tử luân hồi?

https://thuviensach.vn

Phật dạy rằng tánh giác tất minh, vọng vi minh giác nghĩa là do vọng tưởng phát khởi mà sinh ra phân biệt rồi chấp mắc hiện tượng vạn hữu. Cái phân biệt của con người trở thành năng minh để chống lại cái tánh giác diệu minh của hiện tượng vạn pháp và chấp thủ sai lầm về cái bản giác minh diệu của chính mình. Do vọng tưởng sai lầm đó mà dẫn đến những nhận thức sai lầm để có mừng, giận, thương, yêu, sợ, ghét…Đây là những khách trần phiền não, có đến có đi, nhưng con người lại mở toan sáu căn (năng minh) mà đón mời nó vào để nó luôn chiếm ngự ở mãi lòng ta. Nói cách khác, vạn pháp vốn thanh tịnh, lục trần vốn thanh tịnh, lục căn vốn thanh tịnh, nhưng con người lấy lục căn phân biệt lục trần cho nên lục trần bây giờ trở thành đối tượng bị phân biệt tức là sở minh và lục căn biến thành năng minh. Mà đã có năng có sở nghĩa là có sự phân biệt đối đãi và đó là nguyên nhân của phiền não khổ đau.

Tánh giác nhất định phải là diệu minh chớ không cần nhờ vào Minh để làm sáng tỏ. Còn Vọng là minh giác nghĩa là vừa dấy động một niệm sở minh thì chính mình đã đánh mất tánh giác diệu minh rồi. Tánh giác thì bao trùm khắp pháp giới vốn không có năng minh, không có sở minh, không có năng giác, không có sở giác, nhưng vì do vọng chấp mê lầm mà mình cho rằng mình có năng giác còn đối tượng bên ngoài có sở giác. Khi có sự thiết lập của năng và sở tức là trong và ngoài thì sự phân biệt đối đãi hình thành và dĩ nhiên vọng niệm cũng phát khởi từ đây. Thí dụ như

https://thuviensach.vn

khi quán chiếu thấy tượng Phật bên ngoài tức là sở minh thì chúng ta dùng hình ảnh Đức Phật bên ngoài mà xoay lại để thấy được Phật tánh bên trong của mình tức là năng minh. Còn nếu chạy theo hình tượng Phật bên ngoài mà quên đi Phật tâm, Phật tánh thanh tịnh, bất sinh bất diệt của chính mình thì chúng ta chạy theo sở minh mà quên bỏ năng minh vậy.

Đây là nguyên nhân của phiền não khổ đau. Vì thế tánh giác vốn tự minh tự diệu, không có gì đáng gọi là sở minh. Nhưng do vọ mà giả dối lập ra sở minh và đối đãi phân biệt sinh ra cái năng minh của chúng sinh.

PHẬT KHAI THỊ NGUỒN GỐC DUYÊN KHỞI CỦA HIỆN TƯỢNG VẬT CHẤT

Phật dạy rằng :

A Nan! Bản thể của hiện tượng vốn chung cùng, do nhơn duyên mà biến hiện. Trong thể tánh không đồng không dị, phân giải sinh ra thành dị. Khác với các dị hóa hợp lại thành đồng. Tánh đồng dị đã phát minh, hai lực hấp dẫn và đề kháng cũng tự thành năng lực. Giữa sự nhiễu loạn mâu thuẫn bên trong của vật lý tâm lý và tánh hư không; những tánh chất năng động hợp thành thế giới, tánh thể bất động là hư không. Hư không là đồng, thế giới là dị. Đồng dị hay không đồng dị, tất cả đều gọi là pháp hữu vi.

Bản thể của hiện tượng là Như Lai Tạng thì bao trùm khắp

https://thuviensach.vn

mười phương pháp giới, khắp không gian và khắp cả thời gian. Nó chính là chơn không mà diệu hữu nghĩa là từ cái không trùm khắp mà biến hóa duyên khởi một cách thần diệu, nhiệm mầu để hình thành ra muôn sinh vạn vật của thế giới hữu vi. Nhưng khi duyên hết thì tất cả các đại sẽ thu về với tự tánh ban đầu chớ không có cái gì thật mất. Vì thế không có vật gì là thật sinh hay thật mất mà chỉ là hiện tượng duyên khởi của thế gian vũ trụ trong tiến trình bất biến tùy duyên và tùy duyên bất biến. Nói cách khác, bản thể là chung cùng, nhưng tùy theo nhân duyên mà biến hiện thành ra thế giới hữu vi.

Trong chân tâm thường trụ của pháp giới nhất chân vốn không có tướng đồng tướng dị, nhưng vì một niệm vọng động mà biến chân như chuyển theo duyên mà có sinh có diệt, tạo nên A lại da thức. Thí dụ như trong không khí thì tất cả đều giống nhau tức là không đồng không dị, nhưng nếu đem phân tích thì không khí có chứa nào là dưỡng khí, nào là khí Nitrogen, nào là hơi nước, nào là những thứ khí ô nhiễm khác...tức là có đồng có dị rồi. Nên nhớ ngày nay con người dựa theo khoa học mà phân tích những thành phần trong không khí, nhưng 2500 trước Đức Phật cũng đã nhìn thấu suốt như vậy thì đủ biết trí tuệ thâm sâu của bậc Đại Giác Ngộ quả thật là bất khả tư nghì.

Tánh đồng dị nghĩa là âm dương đối chọi. Có ba trường hợp về tánh đồng và dị :

1) Đồng năng tương bội nghĩa là tất cả các đồng cùng trợ

https://thuviensach.vn

lực cho nhau thì sẽ tăng thêm sức mạnh. Thí dụ một người không thể kéo một khúc cây to được, nhưng nếu cộng thêm năm mười người nữa thì việc kéo rất dễ dàng.

Dị năng tương để nghĩa là ngược lại của đồng năng tương bội. Mười người đang kéo khúc cây dễ dàng như vậy, bỗng nhiên bốn năm người vì có việc phải đi nên chỉ còn lại 5 người kéo thành thử kéo khúc cây bây giờ rất khó khăn.

2) Đồng tánh tương cự nghĩa là cùng giống thì khắc nhau và Dị tánh tương hấp nghĩa là khác giống thì hạp nhau. Thí dụ hai người đàn ông nói chuyện vài phút đã thấy chán sinh ra cãi vã, trong khi một cặp nam nữ nói chuyện suốt ngày. Cũng như cực âm và dương của một cục nam châm. Để hai cực dương hay cực âm gần với nhau thì nó sẽ đẩy ra, nhưng nếu để cực âm gần với cực dương thì nó sẽ hút lại.

3) Đồng chủng tương ứng, Dị chủng tương xích nghĩa là cùng loại thì phụ cho nhau nhau và khác loại thì bị khai trừ. Thí dụ cọp chỉ sống với cọp còn bỏ dê hay thỏ vào là bị cọp ăn sống ngay.

Vì thế trong Như Lai Tạng, chủng tử cơ bản của vạn pháp có thể kết hợp thành từng nhóm quyện chặt với nhau để tạo thành một chỉnh thể hiện tượng vạn hữu. Ngược lại những chủng tử cũng có thể phân giải hoàn toàn hoặc chuyển hóa

https://thuviensach.vn

dần dần từ lượng dẫn đến chuyển hóa hoàn toàn về chất để rồi sự vật củ mất đi để hình thành sự vật mới nối tiếp.

Tất cả sự vật dù là đồng tánh hay dị tánh, đồng chủng hay dị chủng, đồng năng hay dị năng duyên khởi mà tạo ra muôn loài hữu tình và vô tình chúng sinh. Mà đã là vạn vật hữu hình thì tất cả đều là pháp hữu vi. Tại sao lại là pháp hữu vi? Bởi vì các pháp đó là do duyên khởi, duyên sanh hội hợp lại mà thành, chớ không có gì chắc thật cả. Vì thế mà kinh Kim Cang có câu : "Nhất thiết hữu vi pháp; Như mộng, huyễn, bào, ảnh; Như lộ diệc như điện; Ưng tác như thị quán" nghĩa là tất cả các pháp hữu vi đều như mộng, như huyển, như bọt nước, như bóng, như sương, như điện chớp, có đó rồi mất đó.

PHẬT DẠY RÕ VỀ 3 TƯỚNG TƯƠNG TỤC

1) THẾ GIỚI TƯƠNG TỤC :

Phật bảo rằng :

-Phú Lâu Na! Tánh giác thì sáng suốt; hư không thì bất động vô tri. Hai thứ tác động thành tác năng dao động. Do đó, trong thế giới có hiện tượng lay động phát sinh (gió: phong đại). Trong tánh năng dao động, những thứ đồng chủng hòa hợp với nhau kết thành tánh chất ngại. Đây là hiện tượng kim luân được hình thành để bảo trì quốc độ (kim luân là dị dạng của địa đại, nhiếp thuộc về địa đại).

https://thuviensach.vn

Kim luân cọ sát với không khí trong hư không biến ra năng lượng. Hiện tượng hỏa đại phát huy từ đó. Kim luân sanh nước. Tánh nước chảy xuống. Tánh lửa bốc lên. Thủy đại chảy xuống, hỏa đại bốc lên, địa đại bảo trì. Từ đó hiện tượng vật chất đủ điều kiện hoàn thành viên mãn. Chỗ sâu có là nước biển, chỗ cạn là cồn bãi, lục địa. Do nguyên nhân đó, trong biển lửa thường sanh khởi. Cồn, bãi, lục địa, sông lạch thường tuôn chảy không ngừng. Chỗ thế nước kém thế lửa kết tụ thành núi cao cho nên đánh đá thì lửa nhoáng ra. Chỗ thế đất kém thế nước hay sinh cây cỏ. Vì vậy, rừng cháy thành đất, vắt ép gỗ chảy ra nước.
Sự vật hiện tượng trong thế giới tương quan làm nhân quả cho nhau mà sanh. Xoay vần làm nhân duyên cho nhau không dứt, vì vậy thế giới duy trì tương tục vô cùng. Phần trên Đức Phật đã chỉ rõ nguyên nhân của các pháp hữu vi là do không giác ngộ chơn tánh khiến vọng tưởng phân biệt phát sinh mà thành. Vì sự mê lầm ấy mà phát sinh ra thế giới, chúng sinh và nghiệp quả.

Phong đại là gió, tượng trưng cho sức lay động vô hình. Mà vô hình là hư không vốn không có tri giác nghĩa là hư không, không hề biết thế nào là lay động hay thế nào là không lay động. Nhưng vì tâm mê mờ chơn tánh nên có năng có sở đối đãi phân biệt tạo thành vọng tưởng. Vọng tưởng này kích động tâm thể, chứa đầy hư vọng rồi biến thành tập khí đầy ắp trong hư không mà biến thành gió. Tất cả cảnh giới ở thế gian đều nương vào vọng tâm vô minh

https://thuviensach.vn

mà tồn tại, cho nên có phong đại (gió) nắm giữ trong thế giới là vậy.

Địa đại cũng là loài vô tri vô giác, không tự mình biết là loài hữu tình hay vô tình, là lỏng hay cứng, là to hay vi tế. Nhưng vì giác tánh phân biệt, nương theo nghiệp mà phát minh ra tính cứng, lập ra sự ngăn ngại cho nên trong thế gian mới có đất, đá, sỏi, cát khắp mọi nơi. Vì địa đại có tánh ngăn ngại nên tất cả những gì mà choáng một phần không gian to lớn như núi cao rừng thẳm và cực nhỏ như những vi tử trong nước hay trong không khí đều là địa đại cả. Quả địa cầu cũng như tất cả những hành tinh khác trong thế gian vũ trụ này đều kết cấu giống như nhau. Đó là bên ngoài được kết tập bằng những lớp đất đá rất cứng, nhưng bên trong là những nham thạch rất nóng ở thể lỏng, xoay động dựa theo tiến trình di động của trái đất mà nhà Phật gọi là Kim luân tức là cái nền móng căn bản để kiến tạo vật thể trên thế gian.

Gió thì lay động gặp đất ngăn cản nên có sự ma xát mà sinh ra lửa (hỏa đại). Hỏa đại không nhất thiết phải là lửa, mà có thể là tất cả sự nóng lạnh. Khi độ nóng tăng cao thì những chất cứng sẽ chảy thành nước. Nước là thể lỏng nên chảy từ cao xuống thấp trong khi lửa cháy thành khí nên bốc lên cao. Vậy tánh lửa bốc lên, tánh nước chảy xuống và tánh đất thì ngăn ngại và từ đó hiện tượng vật chất có đủ điều kiện hình thành viên mãn mà tạo ra hình dáng của thế giới.

https://thuviensach.vn

Thời gian trôi qua khiến vật chất thay hình đổi dạng. Chỗ sâu nước dồn xuống thì gọi là biển, chỗ cạn là cồn, bãi. Chỗ đất cao nổi lên thì gọi là đồi. Vì sự sinh biến mà trong biển lửa thường sinh khởi. Thí dụ ngày nay chúng ta thấy có rất nhiều vụ núi lửa nổ tung tận đáy biển sâu khoảng 4,000 ft ở Thái Bình Dương. Lửa cháy ở đáy biển cũng giống y như lửa cháy ở trên mặt đất vậy. Gần đây nhất, có vụ núi lửa nổ tung tận dưới lòng nước ở xứ Iceland mà ngọn lửa bốc lên cao hơn mặt nước biển. Khoa học ngày nay cũng mới khám phá một loại nham thạch trong các rặng san hô mà chỉ cháy trong nước.

1) Chỗ nào thế lửa (hỏa đại) bốc lên mạnh hơn thế nước (thủy đại) thì đất nổi lên thành núi cao. Vì thế, nếu lấy hai viên đá đập vào nhau sẽ phát ra tia lửa hoặc nấu các cục đá kia thì nó sẽ chảy thành nước.

2) Chỗ nào thế đất (địa đại) yếu hơn thế nước (thủy đại) thì đất hóa ra mềm làm sinh ra cây cỏ. Nhưng nếu đem những cây đó đốt đi thì nó sẽ cháy thành tro (đất, địa đại) hoặc nếu đem ép những cây gỗ thì có nước chảy ra (thủy đại). Xét như vậy thì đâu đâu cũng đều có đất, nước, gió, lửa tùy theo nhân duyên mà phát sinh những hiện tượng khác nhau. Sự vật hiện tượng trong thế giới làm nhân làm duyên cho nhau, khi thành, khi trụ, khi hoại, khi không, không ngừng, không dứt. Vì vậy thế giới được duy trì tương tục vô cùng vô tận.

https://thuviensach.vn

Vậy "Tánh giác diệu minh" làm mê mờ chân lý vũ trụ quan khiến vọng tưởng phát sinh mà tạo thành vạn pháp trong vũ trụ. Nói cách khác vạn pháp trong thế giới này là do tâm niệm của chúng sinh phát khởi mà thành. Vì thế nếu thế gian có được mưa thuận gió hòa cũng bởi con người có tâm niệm lành, biết thương yêu đồng loại, biết xóa bỏ tranh chấp đố kỵ. Ngược lại nếu con người vì tư lợi, tranh chấp, giết hại lẫn nhau thì dĩ nhiên vọng tưởng phát sinh liên tục khiến cho đất, nước, gió, lửa bất hòa mà tạo thành cuồng phong, bảo tố. Ngày nào con người còn tranh chấp, còn ý nghĩ tiêu diệt lẫn nhau thì ngày ấy còn động đất lớn, còn có những lượn sóng thần, còn bảo tố, còn núi lửa để cảnh giác con người. Do đó muốn sống hạnh phúc thanh nhàn thì do con người mà gánh chịu cảnh tang tóc đau thương thì cũng do con người chớ trời Phật không can dự vào.

2) CHÚNG SINH TƯƠNG TỤC :

Lại nữa, Phú Lâu Na! "Vọng minh" không phải là cái khác lạ. Do vì chúng sinh dùng cái kiến minh tri để minh tánh giác mà có sự lỗi lầm. Từ đó có cái sở minh. Sở minh đã có thì cái năng minh bị lệ thuộc vào. Vì vậy, tánh nghe không ngoài âm thanh, tánh thấy không ngoài màu sắc; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu vọng trần đã hình thành làm đối tượng cho "vọng năng". Những cái thấy, nghe, ngửi, nếm, biết sanh khởi. Hễ đồng nghiệp thì hấp dẫn lúc hợp lúc ly, khi tình khi tưởng. Tánh thấy "năng minh" có

https://thuviensach.vn

thì đương nhiên có sắc sở minh hiển hiện. Chủ thế đối tượng tác động vào nhau, từ cảm tính chuyển sang lý tính, từ lý tính nảy sinh khái niệm, từ khái niệm dẫn đến tư duy. Do tư duy có sự tưởng tượng nhận thức : Hễ ý kiến bị phủ nhận, sanh tâm lý ghen ghét. Tư tưởng được đồng tình, sanh tâm lý yêu thương. Dòng nước yêu thương kết thành chủng tử, thu nạp tưởng tượng hấp dẫn nghiệp đồng, tác hợp với "yết la lam" thành trạng thái của phôi trong thời gian gọi là "ngưng hoạt" (tinh trùng và noãn sào mới hợp nhau trong ba bốn tuần đầu). Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh, tuỳ nghiệp đồng và thích ứng của mỗi loài mà cảm ứng. Thai nhơn tình mà có. Noãn do tưởng mà sinh. Thấp bởi hợp mà cảm. Hóa vì ly mà ứng. Tình, tưởng, hợp, ly luôn luôn vận động đổi thay theo nghiệp sở hành mà cảm thọ : Khi đi lên, lúc đi xuống xoay vần trong sáu nẻo. Đó là nguồn gốc làm chúng sinh tương tục không dừng.

Trong pháp giới thanh tịnh vốn không có chúng sinh, nhưng vì do vọng niệm từ vô thỉ mà thành vô minh rồi dần dần biến thành căn nguyên sinh ra chúng sinh. Do vậy vọng minh chính là vô minh và cũng từ cái vô minh này mà dần theo thời gian hình thành sở tướng của tứ đại và hấp thụ tứ đại để làm thân. Vọng tưởng sai lầm đã biến con người thành "vọng năng" và dĩ nhiên chấp nhận có "sở năng" bên ngoài. Một khi chấp có "năng sở" nghĩa là chấp có chủ thể và đối tượng tức là chấp có sự đối đãi phân biệt. Năng minh là lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) ở bên

https://thuviensach.vn

trong của con người và sở minh chính là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là ngoại trần. Vì thế tuy thế giới vạn pháp có bao la vô cùng vô tận, nhưng cũng không ra ngoài căn, trần cả.

Thật vậy, khi lục căn tiếp xúc với lục trần nghĩa là năng minh hòa nhập với sở minh thì ý thức vọng niệm được phát khởi. Vì nhân duyên đó mà con người chỉ nghe khi có tiếng, có âm thanh và chỉ thấy khi có sắc tướng chớ không thể thấy, nghe xa được. Nói cách khác lúc ấy kiến, văn, giác, tri nghĩa là thấy, nghe, hay, biết được hình thành. Tuy thế giới thay đổi tùy theo sở minh, nhưng tựu trung tất cả cũng nằm trong quy luật thành, trụ, hoại, không nghĩa là có đó rồi mất đó. Khi năng minh, sở minh hòa hợp thì tư tưởng phát sinh. Nếu chúng sinh đồng một tư tưởng thì thương yêu nhau, ngược lại, nếu ý bất đồng thì ghét nhau. Dòng nước ân ái yêu thương kết thành tập khí chủng tử. Ba món "Căn, Trần, Thức" hòa hợp làm nhân tạo nghiệp cho nên quả khổ tứ sinh cũng bám theo. Nếu đồng nghiệp ràng buộc nhau thì hình thành vào thai sinh hay noãn sinh. Còn ly nghiệp thì hình thành vào loài thấp sinh hay hóa sinh.

Thí dụ thai sinh là con người sinh ra con người hay con bò cũng sinh ra con bò…Noãn sinh là con vật được sinh ra bằng trứng. Chẳng hạn như con gà, con vịt, con chim, con cá sấu đẻ trứng rồi trứng mới nở thành con gà..Thấp sinh là do những cơ cảm, biến đổi của thiên nhiên tạo thành. Thí dụ như con đom đóm là do hợp với khí ẩm ướt của những cây rơm, cây lúa và mưa. Do đó con đom đóm là loài thấp sinh. Còn hóa sinh là hóa hiện để sinh về một cõi tốt lành

https://thuviensach.vn

hơn mà không cần đầu thai vào người mẹ. Thí dụ, ngày xưa trưởng giả Cấp Cô Độc Tu Đạt Đa đã cúng dường tịnh xá Kỳ Viên cho Phật và chư đệ tử nên khi chết được hóa thân vào cung trời Đầu Suất (Tushita) để hưởng phước lợi.

Nhưng nguyên nhân của sự đầu thai như thế nào?
Thật ra chúng sinh trong loài tứ sinh cũng đều do một niệm vô minh mà hình thành. Chúng sinh vì tạo vọng nghiệp nên sau khi chết đi vào thân trung ấm, sắc thân không còn mà chỉ còn ngũ thông nên mắt nhìn thấy rất xa. Do tập khí ái nhiễm nên thần thức nhất định phải tìm một cảnh để yêu, cho dù xa xôi ngàn dặm, nhưng do chiêu cảm nên thấy rất gần cho nên thấy sáng thì sắc phát hiện. Khi chiêu cảm cảnh ái ân, thần thức liền chạy đến chỗ đó và "tưởng" bắt đầu hình thành.
Ngay trong lúc nam nữ đang giao cấu thì "tưởng" trong thân trung ấm phát hiện. Nếu thân trung ấm là nam thì ghét cha thương mẹ, nếu thân trung ấm là nữ thì ghét mẹ thương cha. Đó là "dị kiến thành ghét, đồng tưởng thành yêu" và thân trung ấm hấp thụ dòng ái đó mà lưu vào thai mẹ rồi thành chủng tử thọ hình. Bây giờ "tưởng" bám vào tinh cha huyết mẹ mà lập thành chấp ngã. Do "nghiệp ái làm nhân, cảnh ái làm duyên" mà ở trong thai bảy ngày nên gọi là yết-ma-lam. Được hai tuần thì bào thai gọi là Át-bồ-đàm. Ba tuần thì gọi là Tế-thi. Kiện nam là bốn tuần và Bát-la-xa là hình thể khoảng 35 ngày. Sau 35 ngày thì lục căn mới đầy đủ.

https://thuviensach.vn

Nói tóm lại, tùy theo nghiệp đã tạo mà cảm ứng sinh vào một trong bốn loài : thai, noãn, thấp và hóa. Đó là theo nghiệp mà lưu chuyển và do dòng nước ái ân yêu thương kết thành tập khí chủng tử. Nếu hấp dẫn đồng nghiệp thì tác hợp với phôi. Phôi lớn thành thai rồi dần theo thời gian mà lục nhập, xúc, thọ, ái…được phát triển. Vì vậy thai sinh là do nhân tình mà có. Noãn sinh là do tưởng (niệm) mà sinh nghĩa là loài thú không có lòng yêu thương như con người mà chỉ có tưởng niệm về dục vọng. Thấp sinh nhờ hợp mà thành và Hóa sinh bởi phân ly mà ứng hiện. Tưởng thì nhẹ nhàng còn tình thì nặng nề. Bởi nhân duyên đó mà chúng sinh tương tục.

3) NGHIỆP QUẢ TƯƠNG TỤC :

Phật bảo :

- Phú Lâu Na! Tưởng và ái gắn bó ràng buộc lẫn nhau. Ái mãi không rời kết thành nghiệp nhân tương tục : Cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu tương tục sanh lên sanh xuống không có thời kỳ chấm dứt. Hạng chúng sinh này do “dục tham” làm gốc. Tham và ái đắm đuối nặng nề, tham ái mãi không thôi. Nghiệp nhơn này khiến cho các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Hạng chúng sinh này do “sát tham” làm gốc.

Phú lâu Na! Do những bất thiện nghiệp như vậy, người này

https://thuviensach.vn

mắc nợ thân mạng người kia. Người kia trả nợ cũ cho người này. Người này thương cái lòng tốt của người kia. Người kia yêu cái sắc đẹp của người này. Do nhơn duyên đó trải trăm nghìn kiếp ở mãi trong ràng buộc sinh tử khổ đau. Ba món Sát, Đạo, Dâm là những yếu tố căn bản tạo thành nghiệp quả tương tục.

Phú Lâu Na! Sở dĩ có ba thứ tương tục điên đảo là do nhận thức sai lầm : Rằng phải nhờ lấy cái minh để minh tánh giác; Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu, đại địa san hà vũ trụ vạn hữu là hiện tượng hữu vi, có sinh có diệt là do kiến chấp vọng tưởng của con người. Sự thật, thể tánh của các hiện tượng vốn thanh tịnh bản nhiên là diệu dụng của Như Lai Tạng biểu hiện. Khi tư tưởng yêu thương ràng buộc lẫn nhau thì con người trôi nổi trong sinh tử trầm luân. Lúc thì tái sinh làm cha, làm mẹ. Khi thì đầu thai làm con làm cháu, lên xuống không cùng không tận. Tưởng ái đồng kết lại thì lòng yêu thương không thể rời cho nên cha mẹ, con cái, vợ chồng, anh em…sanh nhau trong thế gian không bao giờ dứt. Cái khổ quả sinh tử này chung quy cũng tại vì lòng tham dục.
Tham và ái hổ tương cho nhau thì lòng tham không bao giờ ngừng dứt. Con người vì bị vô minh che lấp nên chạy theo ái dục mà phải chịu luân hồi. Thí dụ, bà vì quá thương cháu mà tái sinh làm con của cháu mình. Vì thế mà thế giới này mới là dục giới. Một khi tâm dục nghĩa là lòng mình muốn chiếm hữu hay đoạt lấy vật gì thì lòng tham bắt đầu phát khởi. Một khi lòng tham phát khởi thì tất cả các loài

https://thuviensach.vn

như thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hóa sinh tùy theo sức mạnh của nó mà ăn nuốt những loài khác để tạo thành sát nghiệp. Thí dụ, con cọp ăn thịt con nai yếu đuối. Loài người săn bắn giết hại vô số súc vật. Ở biển cả sông ngòi, cá lớn nuốt cá bé…Bởi cũng vì sát nghiệp mà loài người, loài vật thay nhau tái sinh để chịu quả báo luân hồi. Thí dụ con người đi săn giết hại con nai. Con nai chết tức tưởi nên một kiếp nào đó nó tái sinh làm người và cũng đi săn để giết chết con nai khác chính là người thợ săn quả báo làm nai.

Nói cách khác vì nghiệp sát sinh mà bốn loài sát hại giết chết nhau, ăn nuốt nhau và sau cùng phải thọ báo để bị thảm hại, ăn nuốt trở lại. Đời này qua, đời khác đến vô cùng vô tận biết đến chừng nào mới chấm dứt. Do đó tư tưởng Phật giáo khuyên chúng sinh nên phát triển lòng từ bi để thương yêu tất cả mọi loài và chấm dứt nghiệp sát hại thì quả báo luân hồi mới có thể chấm dứt được. Con người vì sống với lòng tham dục nên phải chạy theo sinh tử luân hồi. Cũng vì tham dục mà con người giết hại, ăn nuốt lẫn nhau. Chủ nhân, phú hộ muốn giàu thêm nên chèn ép người nghèo khó, thế cô. Kiếp này mình ỷ thế chèn ép người tức là cướp không của người, là nợ người vì thế sang đến đời sau phải đầu thai trả nợ cho người.

Nói chung con người có chìm đắm trong sinh tử khổ đau cũng chỉ vì chạy theo tham, sân, si. Từ đó Sát, Dâm, Đạo hình thành, sai sử khiến con người càng ngày càng lún sâu trong vòng tội nghiệp. Trong Phật giáo nghiệp sát hại là đại

https://thuviensach.vn

nghiệp vì thế người Phật tử vì lòng từ bi thương xót chúng sinh, thương người như thương mình và thấy nỗi đau của chúng sinh chính là nỗi đau của mình nên không giết hại. Con người ăn thịt chúng sinh thì ngày sau chúng sinh đổi kiếp ăn thịt con người trở lại. Nếu cưỡng giết mạng chúng sinh để lấy thịt ăn thì gọi là Đạo. Mà có nợ thân mạng thì cũng là do sát tham mà ra. Do đó, nếu đền nợ cũ cho người thì gọi là đạo tham vậy. Ngày xưa tôn giả Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông, có tài thiên biến vạn hóa, thế mà trong tiền kiếp làm nghề chài lưới giết hại quá nhiều chúng sinh nên vào thời Đức Phật tuy đã tu thành Thánh mà những chúng sinh đã bị Ngài sát hại bây giờ tái sinh làm bọn ngoại đạo để sát hại Ngài.

Do đó, ngày nay ta sát hại chúng sinh thì ngày mai chúng sinh quay trở lại sát hại lại chúng ta. Vì thế nếu muốn tiêu diệt nghiệp sát sinh thì ngay bây giờ phải chấm dứt sát hại làm đau thương đến muôn loài và bồi dưỡng cũng như phát huy tình thương, lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh. Tuy không còn tâm sát hại, nhưng nếu vẫn còn tâm dâm thì con người vẫn bị tái sinh luân hồi vì thần thức trong thân trung ấm còn cảm nhận dục tình khi thấy cảnh ái ân của nam nữ mà lưu vào thai mẹ để trở thành chủng tử thọ hình. Muốn thoát khỏi luân hồi thì tâm dâm phải dứt cho nên thần thức lúc nào cũng như như bất động cho dù đứng trước cảnh dục tình. Lấy của người làm người đau khổ tức là nợ của người đó rồi nên kiếp sau phải đầu thai để trả cho hết những mối nợ này. Vì thế không tham, không dâm, không

https://thuviensach.vn

sát hại, không đạo thì sẽ không còn sinh tử và dĩ nhiên chặt đứt dây luân hồi.

GIÁC KHÔNG SINH MÊ THẤT ĐẠI DUNG ĐƯỢC NHAU MÀ KHÔNG CÓ GÌ TRỞ NGẠI

GIÁC KHÔNG SINH MÊ

Ông Phú Lâu Na thưa :

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh giác vốn nhiệm mầu trong sáng cùng với tâm Như Lai không kém không hơn. Thế mà vô cớ bỗng nhiên lại sinh núi sông, đất liền các hiện tượng hữu vi sinh diệt. Vậy hiện nay Như Lai đã chứng nhập bản thể giác minh (tánh giác diệu minh, bản giác diệu minh ấy) ví phỏng chừng nào Như Lai sinh lại vọng tưởng phân biệt đối với các pháp hiện tượng hữu vi? Và chừng nào hoặc lậu của Như Lai sinh trở lại?

Phật bảo :

- Phú Lâu Na! Ví như có người do mê mà lầm cho phương Nam là phương Bắc, cái mê như vậy, không nhân mê mà có, vì mê vốn không có gốc rễ, không có hình dáng kích thước, cũng không phải màu sắc, càng không phải nhân ngộ, vì ngộ là tỉnh, là sáng suốt, ngộ không sinh mê. Người mê đang lúc mê bỗng có người ngộ giải thích chỉ bày cho được ngộ; người mê hóa giải, dứt được cái mê thì phương

https://thuviensach.vn

hướng Bắc Nam không còn lầm lẫn nữa. Mười phương Như Lai cũng vậy. Mê vốn không gốc rễ, tánh của nó là không. Xưa vốn không có mê, tựa hồ như có mê, có giác. Giác được mê thì mê diệt, giác vốn không sanh ra mê. Lại cũng như người nhặm mắt, thấy hoa đóm đầy khắp hư không. Nếu trị dứt bịnh nhặm mắt thì hoa đóm trong không tự hết. Nếu ao đó mong chờ cho hư không sanh hoa trở lại là kẻ quá ngu si, với hạng người như vậy, không thể nói : Rằng họ là người ngu hay trí.

- Lại nữa! Phú Lâu Na! Ví như quặng vàng lẫn lộn với vàng rồng. Khi vàng đã nấu lọc tinh rồi thì vàng không là quặng nữa. Lại cũng như gỗ đã đốt thành tro, tro không thể hoàn nguyên thành gỗ được.

- Phú Lâu Na! Vấn đề Niết bàn của mười phương Như Lai cũng như vậy. Như Lai không bao giờ sanh lại vọng tưởng phân biệt để chấp mắc các hiện tượng hữu vi. Và cũng không có việc Như Lai sanh lậu hoặc trở lại.

Ngài Phú Lâu Na là đại đệ tử đã chứng Thánh quả nên chính Ngài đã thừa hiểu rằng một khi chúng sinh đạt được "Chơn tâm thường trú, Thể tánh tịnh minh" thì cái thường, cái thật, cái có sẵn là của chính mình. Còn cái bất giác (chưa giác ngộ), cái mê, cái tham, sân, si, mạn, nghi…là những cái vọng thành. Chúng chỉ là những "khách trần" phiền não có đến rồi đi. Vì thế câu hỏi của Phú Lâu Na là

https://thuviensach.vn

để giúp cho những người hữu học có một cái nhận định chắc chắn trên con đường tu học.

Tất cả chúng sinh từ loài hữu tình đến vô tình đều có chung tự tánh thanh tịnh bản nhiên mà được gọi là "tánh giác". Đối với con người thì cái tánh giác này là Phật tánh. Phật tánh hay tánh giác thì lúc nào cũng thanh tịnh, trong sáng, thường diệu, thường minh nên gọi là "tánh giác diệu minh" mà không cần cái minh bên ngoài tức là sở minh để có minh. Nhưng con người vì lầm lẫn chạy theo vọng chấp tham-sân-si nên mới tạo nghiệp và tự cột họ vào trong sinh tử luân hồi. Bây giờ biết hồi đầu thị ngạn, tự quay thuyền trở lại bến xưa thì tánh giác sẽ trở thành bản giác tức là cái giác tính bản lai sẳn có của mình. Cái bản giác này thường minh và thường diệu nên gọi là bản giác minh diệu. Phật tánh thì lúc nào cũng sẵn có trong tất cả mọi chúng sinh, vì thế, Phật tánh hay tánh giác diệu minh là Chánh Nhân Phật tánh nghĩa là tánh mầu nhiệm vốn sẵn có. Còn bản giác minh diệu là Liễu Nhân Phật tánh nghĩa là Phật tánh nhờ công phu tu tập rồi mới ngộ.

Như thế cái bản thể giác minh mà ông Phú Lâu Na hỏi Đức Phật chính là Liễu Nhân Phật tánh tức là bản giác minh diệu của Ngài. Khi Chư Phật đã loại bỏ tất cả phiền não chướng, tri kiến chướng để trở thành Liễu Nhân Phật tánh thì cái bản giác minh diệu này là thường hằng, là cái thật có, là cái minh cái diệu lúc nào cũng sẵn có trong Như Lai.

https://thuviensach.vn

Thí dụ, chúng ta ở Hoa Kỳ lái xe bên tay mặt, nhưng người Anh Quốc lại lái xe bên tay trái nên khi đi du lịch qua bên đó, chúng ta lái xe lộn bên, lầm lẫn dễ gây ra tai nạn, may có người chỉ cho thì bây giờ chúng ta đâu còn lái xe bên tay mặt nữa. Do đó một khi đã chứng ngộ, đạt được minh tâm kiến tánh hay nhất tâm bất loạn thì không bao giờ trở lại làm phàm phu.

Trong kinh Duy Ma Cật, khi nói về chứng đắc tôn giả Xá Lợi Phất đã hỏi vị Thiên nữ rằng :

- Chừng nào người được Vô thượng Bồ-đề, thưa Thiên nữ?

- Chừng nào ngài Xá Lợi Phất trở lại làm phàm phu thì tôi mới thành Vô thượng Bồ-đề.

- Tôi không bao giờ trở lại làm phàm phu.

- Thì tôi cũng không bao gờ được quả Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề "vô sở trụ". Thế nên Bồ-đề không có cái "được".

Bồ-đề, Phật tánh đối với chúng sinh cũng ví như vàng còn lẫn lộn trong mỏ với đất cát sỏi đá. Nay nếu đem về rửa sạch đất cát cũng như con người loại bỏ tất cả tham-sân-si mạn nghi thì sẽ thấy vàng nguyên chất cũng như Phật tánh

https://thuviensach.vn

sẽ hiện bày. Một khi đã có vàng nguyên chất thì làm gì còn đất cát sỏi đá cũng như chúng sinh đã liễu ngộ thì không bao giờ trở lại làm phàm nhân lầm lẫn.

Cũng như có bịnh lòa thì thấy có hoa đóm giữa hư không. Nhưng hoa đóm là do bệnh lòa mà có chớ không phải thật có. Đến khi chữa trị hết bệnh lòa thì hoa đóm cũng không còn. Vì vậy tất cả các pháp hữu vi đều do cái bệnh bất giác (mê) biến thành chớ không phải thật có. Do đó khi thức tỉnh giác ngộ thì cái hữu vi cũng chẳng có và tướng hữu vi cũng chẳng còn.

Lại như cây đã đốt thành tro thì không thể đâm chồi mọc lá được. Vì thế, Chư Phật đã giác ngộ hoàn toàn, diệt trừ tận gốc tất cả những mê lầm sinh diệt thì làm sao còn sinh được các pháp hữu vi?

Như thế tuy chúng sinh có đồng tánh giác diệu minh như Chư Phật, không thêm không bớt, nhưng vì sống trong điên đảo nên không nhận được giác tính thường diệu thường minh nên phải trôi nổi trong sinh tử luân hồi. Ngược lại, Chư Phật hoàn toàn thức tỉnh nên các Ngài đã trừ hết cội gốc của mê lầm, nên tuy cùng giác tính đó mà các Ngài đã thực chứng giác tính, diệu dụng của mình tức là đã có bản giác minh diệu nên sẽ không bao giờ còn mê lầm được nữa. Nói cách khác, khi đã giác ngộ thì sẽ không bao giờ còn mê lầm nghĩa là khi đã thành Phật sẽ không bao giờ trở lại làm chúng sinh.

https://thuviensach.vn

Chỉ Các Đại Có Thể Dung Nhau

Phật bảo :

- Này Phú Lâu Na! Ông còn nghi ngờ. Vì sao thất đại : Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức lại có thể dung nhau? Trong thực tế ông thấy chúng thường tự xâm đoạt hủy diệt nhau.

- Phú Lâu Na! Ví như hư không, không thể của nó vốn không phải hình tướng, nhưng nó không chống đối các tướng phát huy trong nó. Phú Lâu Na! Bầu hư không vô cực kia, hễ mặt trời soi thì sáng, mây ùn thì tối, gió lay thì động, trời tạnh thì trong, hơi đọng thì đục, bụi nổi thì mù, nước lặng thì lóng lánh. Phú Lâu Na! Ông hiểu thế nào? Các tướng hữu vi sai khác dường ấy. Vậy nó nhân những cái đã có kia mà tự sinh hay nhân hư không mà có? Phú Lâu Na! Nếu bảo rằng do những cái kia tự sanh, vậy khi mặt trời soi, mặt trời sáng thì mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không lại còn thấy mặt trời tròn? Nếu bảo rằng hư không sáng thì hư không tự soi lấy, cớ sao giữa lúc đêm mây mù không có ánh sáng soi? Vậy nên biết rằng : Cái sáng không phải mặt trời, không phải hư không, nhưng không ngoài hư không và mặt trời.

- Phú Lâu Na! Ông nên biết rằng : Đứng bên hiện tượng

https://thuviensach.vn

mà nhìn thì hiện tượng vốn vọng, cho nên không làm sao chỉ bày chính xác và đích thực được. Nhưng đứng trên bản thể mà tư duy, ta sẽ thấy bản thể là chơn : "Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu", cho nên "địa" vốn không là "địa". "Không" vốn chẳng là "không". Thủy, hỏa, phong…cũng vậy thì làm chi có việc trở ngại không dung nhau được.

Trong bản tánh minh diệu của Như Lai Tạng, ông cần phát minh hư không thì có hư không hiện ra. Ví như một dòng nước in bóng mặt trăng. Hai người cùng trông thấy bóng mặt trăng in đáy nước. Rồi người đi về Đông, người đi về Tây cả hai đều thấy có mặt trăng theo mình mà không có chuẩn đích cho mặt trăng cố định. Trước sự kiện đó không nên gạn hỏi : Mặt trăng là một, sao có thể đi theo hai hướng khác nhau? Cũng không được hỏi : Mặt trăng đã thành hai, sao trước kia hiện ra có một?

Phú Lâu Na! "Duyên sanh như huyển" là vậy đó. Vì vậy mà Như Lai dạy : "Tánh sắc chơn không". Và cũng vì vậy, Như Lai nói: "Tánh không chơn sắc…" Không có pháp nào có tự thể độc lập cố định của chính mình.

Tôn giả Phú Lâu Na đã dùng ý thức của tâm phân biệt mà nghi rằng bản tính của tứ đại vốn trái ngược và tiêu diệt lẫn nhau như nước kỵ lửa hay gió kỵ đất thì làm sao các đại có thể nương tựa, dung nạp với nhau? Đối với Phật giáo, khi chúng sinh còn chấp vào ý thức phân biệt thì họ còn chấp

https://thuviensach.vn

chặc vào sự tướng sinh diệt biến đổi nên không thể nhìn thấu thật tướng của vạn pháp bằng trí tuệ Bát nhã được. Các đại có thể dung nhau là vì tánh chất duyên sanh của nó. Vì thế hiện tượng vạn pháp là do nhân duyên sanh cho nên không có pháp nào có tự thể độc lập hay cố định đích thực cho riêng mình.

Tất cả vạn pháp trong thế gian hay tứ đại nói riêng đều là pháp giới tánh, đều là bản tánh chân như trong Như Lai Tạng. Mà đã là pháp giới tánh thì bao trùm khắp cả thì làm sao lại không dung được nhau.

Bởi vậy Phật mới dạy rằng :

Tánh sắc chơn không, tánh không chơn sắc…
Tánh thủy chơn không, tánh không chơn thủy…
Tánh hỏa chơn không, tánh không chơn hỏa…
Tánh phong chơn không, tánh không chơn phong…

Tất cả đều thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới, nhưng tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng mà tuần nghiệp phát hiện.

Thật tánh của tất cả sắc, thủy, hỏa, phong là không nên trong chơn không các đại dung nạp nhau rất tự tại. Nhưng một khi nhân duyên xuất hiện thì từ trong chơn không mà diệu hữu một cách nhiệm mầu để biến thành sắc, thủy, hỏa, phong. Chơn không, pháp giới tánh thì lúc nào cũng bản

https://thuviensach.vn

nhiên thanh tịnh, nhưng pháp giới tánh duyên khởi trùng trùng vô cùng vô tận. Mỗi khi có tâm niệm thì pháp giới tánh cũng duyên theo tâm niệm ấy mà thay đổi. Nếu chúng sinh tâm niệm nước thì pháp giới tánh duyên ra thành nước.

Nếu bây giờ chúng sinh tâm niệm về gió thì pháp giới tánh duyên ra thành gió. Nếu tâm niệm tất cả thì pháp giới tánh duyên ra tất cả đầy đủ đất, nước, gió, lửa. Trong hư không thì không thấy gì cả, mà thật ra cũng chính cái hư không này ngầm chứa đầy đủ các đại. Tại sao? Bởi vì trong hư không, không hề có tướng cho nên nó không ngăn ngại các tướng phát huy trong đó. Thí dụ như trong cái bầu trời này, nơi nào cũng có lửa, nơi nào cũng có gió, nơi nào cũng có nước, nơi nào cũng có sắc. Chúng dung nạp, nương tựa vào nhau và chỉ xuất hiện khi nào chúng sinh có tâm niệm cần đến nó mà thôi. Hiện tượng này là bất biến tùy duyên. Vì vậy hư không chỉ xuất hiện là do tướng sở minh từ tánh giác diệu minh vọng tưởng mà sinh ra. Nói cách khác, nếu tâm mình vọng tưởng hư không thì hư không mới xuất hiện.

Các đại cũng thế, nếu chúng sinh vọng tưởng gió thì sẽ có gió. Vọng tưởng đất, nước, lửa thì các đại này sẽ dần dần xuất hiện. Nói tóm lại, nếu chúng sinh không còn vọng tưởng thì tất cả các tướng hữu vi sinh diệt sẽ bị tiêu diệt và dĩ nhiên tâm sẽ biến thành bản giác diệu minh nên lúc nào cũng có thanh tịnh, an vui và tự tại. Cũng như khi còn trong chiêm bao, tất cả những cảnh tướng hiện ra rất rõ ràng, nhưng khi thức giấc (giác ngộ) thì cảnh tan, tướng

https://thuviensach.vn

mất, đâu còn. Vì thế nếu chúng sinh quay về soi thấu tự tâm của chính minh để sống với tánh giác diệu minh, với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh thì tất cả những hình tướng hữu vi trong thế giới này sẽ hoàn toàn biến mất trong tâm của họ. Khi ấy vọng tưởng không còn và chúng sinh sẽ sống trong cảnh giới thanh tịnh, an lạc mà nhà Phật gọi là chơn như tịch tịnh Niết bàn.

Thí dụ, có hai người đứng gần nhau trên một hồ nước. Cả hai cùng thấy có một mặt trăng soi chiếu dưới hồ. Bây giờ nếu một người đi về hướng Tây thì thấy ánh trăng cũng đi theo người đó về hướng Tây. Đến khi người khác đi về hướng Đông thì ánh trăng cũng theo người kia về hướng Đông. Thế thì mỗi người đi mỗi hướng mà mỗi người đều thấy ánh trăng đi theo mình. Vì là huyễn, nên ánh trăng tuy chỉ có một mà có thể theo hai hướng khác nhau và cũng là huyễn, nên ánh trăng trước là một mà nay lại biến thành hai. Bởi vậy, sự vật duyên khởi như huyễn như hóa tùy theo tâm niệm, nhưng tự tánh vẫn là pháp giới tánh, Như Lai Tạng thanh tịnh nhiệm mầu.

CHỈ TÁNH DIỆU MINH HỢP VỀ NHƯ LAI TẠNG, RỜI CẢ HAI NGHĨA "PHI" (KHÔNG LÀ) VÀ "TỨC" (TỨC LÀ)

CHỈ VỀ TRÁI VỚI GIÁC TÁNH, HỢP VỚI TRẦN TƯỚNG

https://thuviensach.vn

Phật bảo :

- Phú Lâu Na! Do nhận thức đánh giá của ông về Sắc Không của Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng theo cái nhận thức của ông mà có Sắc Không khắp cùng pháp giới. Vậy nên ông thấy gió thì động, hư không thì tịnh, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối. Ông và tất cả chúng sinh mê lầm, sống trái với giác tánh mình mà hợp với trần tướng cho nên sanh khởi cái nhận thức trần lao. Do đó có các tướng thế gian đối tượng.

Đoạn kinh này chỉ về cái tướng trái với giác tánh và hợp với trần tướng. Giác tánh chính là bản tâm thanh tịnh của chúng sinh và trần tướng là những tướng trần lao bên ngoài như nhà cửa, xe cộ….Như lai Tạng là chơn tâm thường trú nên rất tịch tịnh, vắng lặng, nhiệm mầu. Nhưng nếu chúng sinh vọng tưởng thì Như Lai Tạng sẽ tùy theo vọng tưởng Sắc hay Không Sắc đó mà hiển bày. Thí dụ như chúng sinh vọng tưởng về gió thì gió sẽ lay động, vọng tưởng về nước thì sẽ có nước chảy…Tại sao? Vì những hiện tượng này phát khởi từ trong tâm thức của con người.
Đó cũng tại vì chúng sinh mê chấp nên từ bản tánh thanh tịnh sinh lầm ra vọng tưởng, trái với giác tánh chân thật. Và một khi vọng tưởng được thiết lập thì nó sẽ duyên theo cảnh giới bên ngoài nên mới gọi là hợp với trần tướng. Con người thường nhận thức, đánh giá và đặt tên cho những sự vật trên thế gian tùy theo tri kiến chủ quan của mình vì thế

https://thuviensach.vn

mới có chủ thể và đối tượng tức là có năng và có sở. Vì có năng có sở nên vọng thức phân biệt sinh khởi làm bản tánh thanh tịnh biến mất. Ngược lại, Đức Phật không nhận thức đánh giá sai lầm những sự vật hiện tượng trong thế gian theo tri kiến điên đảo chủ quan, mà Đức Phật sống đúng, sống hợp với tánh giác diệu minh, với chơn tâm thường trú, với Như Lai Tạng tịnh tịch và tánh duyên sanh của tất cả hiện tượng vạn hữu nên Ngài mới có Vô thượng Bồ-đề và Vô thượng Niết bàn là vậy. Thí dụ, mắt thấy cảnh đẹp làm tâm thích, tâm chạy theo si mê cảnh giới này.

Cảnh giới bên ngoài là trần tướng mà con người đem chặt vào tâm nên vọng tưởng si mê phát sinh. Không có cảnh đẹp là lòng không vui, như thiếu vắng cái gì. Niệm ưa thích phát khởi rồi con người sinh ra ái nhiễm, say đắm vào nó. Do đó khi vọng tưởng phát sinh ra hợp với trần tướng rồi thì các tướng hữu vi trần lao thay nhau sinh khởi trong tâm. Vì vậy muốn trở về với bản tâm thanh tịnh, con người phải diệt hết vọng niệm. Chính Lục Tổ ngày xưa đã dạy trong Pháp Bảo Đàn kinh rằng muốn trở về với bản lai diện mục thanh tịnh của mình, chúng sinh đừng để tâm trụ vào sự tướng bên ngoài (vô sở trụ) nghĩa là thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe…thì tâm mới được tự tại. Và vô niệm là tâm đừng vọng tưởng, hướng ngoài mà phải quay vào bên trong. Khi tâm không còn niệm thiện, niệm ác, niệm tốt, niệm xấu nghĩa là tâm không còn phân biệt chấp trước thì lúc ấy tâm sẽ trở về với thể tánh thanh tịnh tịch tĩnh của nó. Đó chính là chơn tâm, Phật tánh, bản lai diện mục, tánh giác diệu minh của tất cả mọi chúng sinh.

https://thuviensach.vn

CHỈ TÁNH DIỆU MINH HỢP VỚI NHƯ LAI TẠNG

- Phú Lâu Na! Như Lai sử dụng tánh giác diệu minh không sai lầm nhận thức, không đánh giá điên đảo. Như Lai Tạng là tánh giác diệu minh khắp trùm pháp giới. Vậy nên đối với Như Lai : Một là tất cả, tất cả là một. Trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, ngồi tại đạo tràng bất động mà như ở khắp mười phương. Một thân mà trùm cả hư không vô tận, đầu một mảy lông mà hiển hiện ra vô vàn cõi Phật. Ngồi trong vi trần bé bỏng mà vận chuyển đại pháp luân, diệt hết nhận thức sai lầm trần tướng, sống hợp với giác tánh cho nên Như Lai nhìn đâu cũng là tánh chơn như sáng suốt nhiệm mầu.

Tánh giác vốn trong sáng thanh tịnh, thường diệu, thường minh nên được gọi là tánh giác diệu minh. Tánh giác luôn bao trùm khắp pháp giới, là bản thể chân không nên không có trọng lượng, kích thước, không tùy thuộc vào sự biến dịch của thời gian hay sự thay đổi của không gian. Trong tánh diệu chân như ấy, tất cả đều bình đẳng, không có lớn, không có nhỏ, không có một hay không có nhiều mà tất cả đều là bất nhị, không hai không khác. Vì Như Lai Tạng chính là tánh giác diệu minh chiếu soi khắp pháp giới cho nên mới có khả năng bao bọc cho nhau, lớn nhỏ dung nhiếp vào nhau. Do vậy mà trên đầu một sợi lông có thể hiện ra tam thiên đại thiên thế giới, hiện ra các cõi nước Phật và trong mây bụi trần mà Đức Phật chuyển bánh xe

https://thuviensach.vn

pháp. Nếu chúng sinh diệt trần để quay về với tánh giác thì sẽ phát khởi chân như diệu giác minh tánh. Chính Đức Phật đã chứng nhập pháp giới tánh và Ngài đã diệu dụng pháp giới tánh đến chỗ tột cùng nên có thể biến hiện tất cả hoàn toàn tự tại vô ngại.

CHỈ NHƯ LAI TẠNG LÀ "PHI" (KHÔNG LÀ) TẤT CẢ

Như Lai Tạng vốn là bản thể nhiệm mầu viên mãn. Tuy nhiên, nó không phải là tâm, không phải là không, không phải địa, không phải thủy, không phải hỏa, không phải phong. Nó không phải nhãn, không phải nhĩ, không phải tỷ, không phải thiệt, không phải thân, không phải ý. Nó không phải là sắc, không phải thanh, không phải hương, không phải vị, không phải xúc, không phải pháp. Nó không phải nhãn thức giới cho đến không phải ý thức giới. Nó không phải minh, không phải vô minh, không phải hết vô minh cho đến không phải lão tử, không phải hết lão tử. Nó không phải khổ, không phải tập, không phải diệt, không phải đạo. Nó không phải trí cũng không phải đắc. Nó không phải bố thí, không phải trì giới, không phải nhẫn nhục, không phải tinh tấn, không phải thiền định, không phải trí tuệ. Nó không phải là Như Lai, là ứng cúng, chánh biến tri. Nó không phải đại niết bàn, không phải thường, lạc, ngã, tịnh vì Như Lai Tạng không phải là pháp thế gian mà cũng không phải là pháp xuất thế gian.

Đoạn kinh trên cũng chính là Bát Nhã Tâm kinh. Đó là khi

https://thuviensach.vn

Quán Tự Tại Bồ Tát đã hành thâm Bát Nhã đến chỗ rốt ráo tột cùng thì Ngài thấy tất cả là không. Có thể nói rằng Bát Nhã Tâm kinh đã được trích ra từ trong đoạn "Như Lại Tạng là "không là" tất cả" của kinh Lăng Nghiêm cho nên Thủ Lăng Nghiêm mới được xiển dương là kinh khai mở trí tuệ, giúp chúng sinh tiến sâu vào Bát Nhã, thông hiểu tường tận tánh không mà nhập vào đại định để có giải thoát giác ngộ.

Cũng như Ngài Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã ba-la-mật-đa trong Tâm Kinh, ở đây Như Lai Tạng bản thể cũng không có chứa bất cứ tướng nào cả, cho dù đó là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian. Cái mà con người gọi là trí tuệ để đạt, Niết bàn để chứng đắc, thành tựu Như Lai, Ưng cúng, Chánh biến tri, ngay cả lục căn, lục trần, mười tám pháp giới…đều là tướng của thế gian, chớ không phải là tướng của Như Lai Tạng bởi vì Như Lai Tạng là bản thể chơn như của hiện tượng vạn pháp. Vì thế khi hành giả đi sâu vào đại định Thủ Lăng nghiêm thì tất cả các niệm ngay cả vi tế niệm cũng không còn. Nếu tâm chúng sinh còn một chút vọng niệm về thực chứng hay mong cầu mong đạt được đại định cho dù đó là vi tế thì đại định biến mất. Nói cách khác khi chúng sinh ly được tất cả các pháp của thế gian ngay cả xuất thế gian (chứng đắc) thì mới có thể hòa nhập vào trong Như Lai Tạng bản tánh thanh tịnh hoàn toàn mà được gọi là Thủ Lăng Nghiêm đại định.

CHỈ NHƯ LAI TẠNG "TỨC" (LÀ) TẤT CẢ

https://thuviensach.vn

Nhưng cái bản thể nhiệm mầu viên mãn Như Lai Tạng lại cũng tức là tâm, là không, là địa, là thủy, là hỏa, là phong. Cũng tức là nhãn, là nhĩ, là tỷ, là thiệt, là thân, là ý. Cũng tức là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp. Cũng tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Cũng tức là minh, là vô minh cho đến là lão tử, là hết lão tử. Cũng tức là khổ, là tập, là diệt, là đạo. Cũng tức là trí, là đắc. Cũng tức là bố thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, là trí tuệ cho đến cũng tức là Như Lai, là ứng cúng, là chánh biến tri. Cũng tức là đại niết bàn, là thường, là lạc, là ngã, là tịnh. Vì vậy, Như Lai Tạng biểu hiện qua tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

Đoạn kinh trên, Đức Phật dạy rằng trong Như Lai Tạng bản thể chơn như thì tất cả đều là không. Không có các pháp thế gian ngay cả đến các pháp xuất thế gian như chứng đắc, trí tuệ, Niết bàn…cũng là không. Nhưng đến đoạn kinh này, Đức Phật lại dạy rằng trong bản thể nhiệm mầu Như Lai Tạng thì tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian là có, là thật. Tại sao lại có sự mâu thuẫn như vậy? Trong Như Lai Tạng bản thể chân như thì không có tướng trạng nên tất cả đều hòa đồng, dung nhiếp nên gọi là không. Nhưng trong cái chơn không lại duyên khởi một cách mầu nhiệm để phát sinh ra mọi vật mà tạo thành cái thế giới hữu vi sinh diệt này. Trong pháp giới duyên khởi gọi hiện tượng này là bất biến tùy duyên nghĩa là từ cái chơn không mà diệu hữu ra tất cả nên mới có pháp thế gian

https://thuviensach.vn

và ngay cả pháp xuất thế gian là vậy. Nói cách khác hai đoạn kinh giúp chúng sinh thấu hiểu tường tận ý nghĩa sắc tức là không và không tức là sắc để phá bỏ cái chấp phải là "toàn sắc" hay "toàn không".

DÙNG PHẬT NHÃN NHÌN HIỆN TƯỢNG VẠN PHÁP, KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ "LÀ) HAY "KHÔNG LÀ" TRONG NHƯ LAI TẠNG BẢN THỂ CHÂN NHƯ NHIỆM MẦU

Này Phú Lâu Na! Như Lai Tạng vốn nhiệm mầu trong sáng, vượt ngoài sự phê phán đánh giá "là" hay "không là". Vậy nên, chúng sinh trong ba cõi và hàng Thanh văn, Duyên giác dùng cái tri thức cạn cợt thì làm sao mà đo lường Bồ-đề vô thượng của Như Lai. Đem ngôn ngữ hạn hẹp của thế gian mà diễn đạt cái tri kiến Phật thậm thâm sao cho đến được. Ví như những cây đàn cầm, sắt, không hầu, tỳ bà, tuy có tiếng hay, nhưng nếu không có ngón tay thì rốt cuộc cũng không phát ra những tiếng hay. Ông và chúng sinh cũng vậy. Chơn tâm giác minh mọi người đều đầy đủ. Thế mà Như Lai ấn ngón tay thì rực rỡ hào quang, còn các ông vừa móng tâm thì trần lao đã nổi dậy. Đó là do các ông không siêng năng cầu vô thượng giác mà ham ưa pháp tiểu thừa, được chút ít cho là đủ.

Khi ra biển ngắm những làn sóng lặn hụp lên xuống thì "sóng "là" nước hay sóng "không là" nước? Nếu nói sóng và nước thì chắc chắn sóng và nước là hai tức là sóng

https://thuviensach.vn

“không là” nước. Còn nếu nói rằng nếu sóng mà không có nước thì làm gì có sóng do đó sóng “là” nước và nước “là” sóng. Như vậy sóng là hiện tượng của nước và nước là bản thể của sóng, tuy hai nhưng mà một bất khả phân ly. Khi động (có gió) thì nước nổi thành sóng, nhưng khi tịnh (gió tan) thì sóng trở về với thể tánh yên tịnh của nước vậy thôi. Như Lai Tạng cũng vậy, là bất tức bất ly bởi vì Tạng là tổng thể trùm chứa tất cả mọi nguyên nhân và kết quả của sự vật hiện tượng. Còn Như Lai là thường hằng bất biến, nhưng trong cái thường hằng bất biến này lại tùy duyên mà phát sinh ra muôn sinh vạn vật. Đó là bất biến mà tùy duyên. Thí dụ, trong thế gian này nơi nào cũng đều có đất tức là dạng của địa đại, nhưng cũng từ đất này mà tùy duyên tạo thành nhà cửa, chén đĩa, lâu đài, thành quách….nhưng một ngày nào đó thì những sự tướng kia cũng theo thời gian mà biến đổi và cuối cùng cũng trở về lại với đất. Đây là tùy duyên mà bất biến vậy.

Như Lai Tạng bây giờ nếu tùy duyên tác động vào tâm chúng sinh, con người sẽ phát sinh ra những cảm giác vui buồn, hờn giận, thương ghét, tốt xấu, hơn thua, phải quấy…nhưng nếu chúng sinh biết xoay về bản thể chân thật của mình thì vui buồn tan biến, thương ghét không còn và tâm sẽ trở về với tự tánh thanh tịnh bất biến của nó. Nói cách khác, Như là bất biến còn Lai là tùy duyên. Vì thế Như Lai là bất biến tùy duyên và cũng tùy duyên bất biến. Có tùy duyên bất biến nên chúng sinh mới có thể hóa giải

https://thuviensach.vn

vô minh phiền não để trở về sống với chơn tâm, tánh giác diệu minh của chính mình.

Như Lai Tạng là bản thể chơn như của tất cả hiện tượng vạn pháp, vốn thanh tịnh bản nhiên nên lìa tất cả các pháp. Vì thế trong Như Lai Tạng bản thể, không có gì gọi là chứng đắc, không có gì gọi là đạt được (bất khả đắc). Như Lai Tạng tuy rời tất cả tướng thế gian, nhưng nó không phải là cảnh giới xa xôi nào khác vì Như Lai Tạng chính là tất cả các pháp tức là Như Lai Tạng "là" và "không là". Con người vì sống trong vô minh điên đảo nên chỉ biết hiện tượng vạn pháp mà không hề nghĩ đến bản thể Như Lai Tạng mầu nhiệm này.

Nhưng nếu suy nghĩ kỷ lại thì tất cả những thứ buồn vui, thương ghét, tánh tham, tật đố…đều phát xuất từ bản tâm hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng của tất cả mọi người. Vì thế thanh tịnh thì do ta mà phiền não thì cũng do ta do đó mà trong kinh Duy Ma Cật mới có câu : " Tùy kỳ tâm kinh, tắc Phật độ tịnh" là vậy. Cái thể tánh tuyệt đối Như Lai Tạng không thể dùng ngôn ngữ hạn hẹp của con người để chứng nhập nó được. Thật ra cái thể tánh tuyệt đối đó con người vốn có sẳn như Chư Phật, nhưng chúng sinh phải quay về thể nghiệm mà trực nhận thể tánh ấy thẳng nơi tự tâm của mình (thực chứng Bát nhã) chớ không thể chỉ biết nghiên cứu qua lời Phật dạy (văn tự Bát nhã) mà quên đi tâm tánh của chính mình.

Ở đây, Phật ví Như Lai Tạng như người có cây đàn tốt mà không biết đàn thì rốt cuộc cũng không phát ra những âm thanh hay được. Bây giờ cây đàn tốt gặp người chơi đàn

https://thuviensach.vn

giỏi thì sẽ phát ra những âm thanh huyền diệu tuyệt vời. Như Lai Tạng cũng thế, tuy chúng sinh vốn đã có sẵn tâm tánh nhiệm mầu, nhưng con người cần phải có trí tuệ sáng suốt để phát khởi diệu dụng, quay về sống với chơn tâm thường trú, tánh giác diệu minh của chính mình thì mới thoát khỏi trần lao phiền não và phá trừ chấp ngã, chấp pháp mà có được giải thoát giác ngộ.
Đức Phật vì tâm hoàn toàn thanh tịnh nên chơn tâm hiển bày, Pháp thân hiển lộ nên Ngài có hào quang sáng chói, rực rỡ huy hoàng. Ngược lại chúng sinh vì tâm còn chất đầy vọng tưởng nên trần lao nổi dậy mà sống trong điên đảo khổ đau. Đối với các vị trong hàng Thanh văn, Duyên giác tuy mới chứng đắc lục căn thanh tịnh mà cho là đầy đủ nên không cầu đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác vì thế các vị trong hàng Nhị thừa chưa thấy được Pháp thân thanh tịnh Như Lai, chưa vào được trong Như Lai Tạng bản tánh chơn như. Không chứng được Pháp thân thanh tịnh viên mãn thì làm sao thành Phật được?

Nói tóm lại, trong tất cả mọi chúng sinh ai ai cũng đều có Phật tánh, chơn tâm là bản tánh thanh tịnh Bồ-đề, nhưng con người vì chạy theo dục vọng, làm nô nệ cho vô minh phiền não mà quên bỏ đi cái trí tuệ Bồ-đề sẵn có của mình nên sống trong trần lao, khổ ải và phải chịu sinh tử khổ đau. Bản tánh Bồ-đề vốn thanh tịnh, nhưng vì một niệm vô minh mà sinh ra muôn vàn cảnh giới để phải chịu sinh tử luân hồi.

https://thuviensach.vn

MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NGUYÊN NHÂN. HẾT MÊ TỨC LÀ BỒ ĐỀ (GIÁC)

Ông Phú Lâu Na thưa :

- Bạch Thế Tôn! Chơn tâm thanh tịnh giác ngộ viên mãn của tôi và của Như Lai không hai; vậy mà tôi thì bị vọng tưởng vô thỉ sai sử cho nên ở trong luân hồi lâu xa nhiều kiếp. Nay dù được thánh quả mà còn chưa rốt ráo. Thế Tôn thì các vọng tưởng được gạn lọc sạch trong, còn thuần một tâm tánh chơn thường mầu nhiệm. Tôi xin hỏi Như Lai : Tất cả chúng sinh do nguyên nhân nào mà có vọng để rồi tự che mất tâm tánh sáng suốt nhiệm mầu của mình, phải chịu luân hồi trôi nổi khổ đau?

Câu hỏi này của Ngài Phú Lâu Na rất thực dụng cho hoàn cảnh của tất cả chúng sinh vì Đức Phật dạy rằng trong tất cả mọi người ai ai cũng đều có Phật tánh, chơn tâm thế mà tại sao chỉ có Như Lai mới sống được trong tự tánh thanh tịnh nhiệm mầu này, còn chúng sinh do nguyên nhân nào mà chạy theo khách trần phiền não trần lao để phải chịu trôi mình trong sinh tử trầm luân? Vậy Như Lai có chứng đắc gì chăng? Cái mà con người gọi là chứng đắc chẳng qua là trở về với bản tánh cố hữu tức là bản lai diện mục của mình vậy thôi.
Quả vị Phật mà Như Lai chứng đắc là vô thực mà vô hư. Tại sao? Bởi vì quả vị Phật mà Như Lai thành tựu thì

https://thuviensach.vn

không có hình tướng, không có màu sắc, không có văn tự diễn tả nên cái chứng đắc này là không thật có, không tìm đâu ra. Nhưng nếu không thật thì quả vị Phật phải là hư? Thế mà cái chứng đắc trên lại là vô hư. Tại sao? Mặc dù không ai thấy được hình tướng của sự chứng đắc, nhưng chính Đức Phật có được bảo sở thanh tịnh Niết bàn, có được vô thượng Bồ-đề nên Ngài không bao giờ còn bị vô minh phiền não quấy phá. Thế thì cái chứng đắc chính là vô hư tức là có thật.

Phật dạy rằng :

Phú Lâu Na! Ông dù trừ được tâm nghi, nhưng tư tưởng mê lầm chưa dứt. Ông há không nghe trong thành Thất La Phiệt có chàng Diễn Nhã Đạt Đa vào một buổi sáng mai, đứng trước gương soi mặt, bỗng dưng ham thích cái đầu trong gương, còn cái đầu của mình tự bấy lâu nay anh ta cho là đồ yêu quái vì anh chẳng thấy được mày, mắt, mặt, mũi, đẹp đẽ như cái mặt trong gương. Rồi chàng ta kinh hãi phát điên ôm đầu chạy hoảng.

Phú Lâu Na! Ông nghĩ thế nào! Diễn Nhã Đạt Đa do nguyên nhân gì bỗng dưng phát điên ôm đầu chạy hoảng?

- Bạch Thế Tôn! Tâm người ấy điên chớ không duyên cớ gì khác.

- Phú Lâu Na! Tánh giác thì tròn đầy sáng suốt nhiệm mầu

https://thuviensach.vn

từ xa xưa đến nay vẫn không lúc nào tạm vắng ở trong ông. Còn cái vọng? Đã gọi là vọng thì làm sao có nguyên nhân! Nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng được? Vọng tưởng tự xoay vần làm nhân cho nhau, từ cái mê này thêm cái mê khác tích lũy qua số kiếp như vi trần cho nên dù Phật chỉ rõ mà ông hãy còn chưa biết trở về. Cái nhân của mê do mê mà tự có. Biết được cái mê không có nguyên nhân thì cái vọng không có chỗ gá sanh. Thế thì cái sinh còn không có, còn đem cái gì để làm cái diệt? Giả sử có cái diệt thì diệt để diệt cái gì?

Phú Lâu Na! Người được đạo Bồ-đề ví như người tỉnh giấc, kể chuyện trong chiêm bao. Tâm ghi nhớ rõ ràng nhưng không sao lấy vật trong chiêm bao ra được. Huống chi cái mê vốn không, không nhân, không gì cả thì tìm sao cho nó có cội nguồn? Như cái điên của chàng Diễn Nhã đâu có nguyên nhân, tự sợ đầu mình mà bỏ chạy. Khi hết điên thì cái đầu cũng vẫn là cái đầu của anh vốn có. Lúc điên loạn, cũng không vì vậy mà anh tạm mất cái đầu.

Phú Lâu Na! Tánh của cái vọng là như vậy, làm sao tìm có nguyên nhân? Ông chỉ cần đi ngược dòng tương tục của ba thứ : Thế gian, nghiệp quả và chúng sinh. Ba duyên đã chặt đứt thì ba nhân chẳng có cơ sở để sanh. Bấy giờ cái tánh điên cuồng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm ông tự hết. Hết tức là Bồ-đề. Cái chơn tâm trong sáng khắp cùng pháp giới xưa nay, không do ai cho mà tự được, chẳng cần tu chứng nhọc nhằn vất vả lôi thôi. Ví như người có hạt như ý châu

https://thuviensach.vn

trong vạt áo mà không biết không hay, gần suốt cuộc đời tha phương cầu thực cùng khổ lang thang bỗng có người thiện hữu phát hiện, chỉ hạt châu cho, bấy giờ người cùng khổ trở thành giàu có nhất đời. Ngồi gẫm lại nửa đời lưu lạc tự hận cho số kiếp dại khờ :
Thì ra viên như ý châu không phải từ ngoài, ai đem đến.
Trước khi trả lời ông Phú Lâu Na về nguyên nhân nào mà có vọng để che mất tâm tánh sáng suốt nhiệm mầu của mình, Đức Phật dùng phương tiện lấy một người điên trong thành Thất La Phiệt mà làm thí dụ để diệt trừ mối nghi hoặc trong tâm ông Phú Lâu Na. Anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa một buổi sáng mai, lấy gương soi mặt, thấy cái đầu trong gương mặt mày, mắt, mũi đẹp đẽ mà nghĩ rằng cái đầu mình biến mất nên bổng phát điên, rồi sợ hãi bỏ chạy.

Vậy nguyên nhân nào khiến anh chàng này phát điên mà ôm đầu bỏ chạy? Thật ra chả có nguyên nhân nào cả, chỉ vì anh ta sống trong mộng tưởng điên đảo, lấy giả làm chân rồi đâm ra sợ hãi bỏ chạy.

Bát Nhã Tâm kinh dạy rằng : ”Y Bát Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết bàn” nghĩa là Bồ-tát y theo Bát Nhã ba-la-mật-đa nên tâm không còn ngăn ngại. Vì không ngăn ngại, nên không còn sợ hãi, xa lìa điên đảo, mộng tưởng và đạt đến cứu cánh Niết bàn. Vậy anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa nếu không phải sống trong mộng tưởng điên đảo chớ là gì?

https://thuviensach.vn

Nếu đã là mộng tưởng thì làm gì có thật. Tưởng là những sự phân biệt thương ghét, vui buồn, hờn giận hằng ngày. Còn mộng cũng là những sự phân biệt vui buồn, thương ghét nhưng ở trong chiêm bao vì thế mộng, tưởng đều là vọng thức, là giả huyển, là không thật. Cho nên Bồ-tát nếu lìa xa những vọng thức giả huyển này thì tâm mới được thanh tịnh mà có được Niết bàn. Vậy vọng thì làm gì có nguyên nhân.

Tại vì con người còn chấp ngã, chấp pháp nên sinh ra vọng. Nhưng tâm tánh của con người luôn luôn sáng suốt nhiệm mầu, lúc nào cũng ở trong tâm của chúng sinh, chớ không bao giờ mất cả. Con người vì nhận thức chủ quan sai lầm thiếu sáng suốt nên vọng thức mới sanh. Cái vọng này sang cái vọng khác, xoay vần mãi mãi trong vô lượng kiếp ngay đến khi được Phật chỉ dạy rõ ràng mà vẫn không chịu giác ngộ tâm tánh của mình. Có hồi đầu thị ngạn, quay về với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh của mình thì vọng tan, chơn hiện mà sống trong thanh tịnh, an lạc của Niết bàn.

Vọng là do mê, là tánh mê, tánh bất giác chớ không có nguyên nhân gì khác. Vì thế trong Bát Nhã, không có cái gì gọi là diệt. Không có vô minh cũng không có cái hết vô minh. Không có tuổi già sự chết và cũng không có cái hết tuổi già sự chết. Không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí tuệ cũng không có chứng đắc chi cả. Vì là phàm nhân nên còn thấy có vô minh phiền não cần phải diệt. Còn thấy có

https://thuviensach.vn

khổ, tập, diệt, đạo nên cần tu chứng để có trí tuệ và chứng đắc.
Nhưng trong trí tuệ Bát Nhã thì vạn pháp duyên sanh như huyễn nên không có cái gì là thật cả. Đã là không thật thì lấy gì để diệt, để trừ, để chứng, để đắc, vô minh hay hết vô minh. Đối với phàm nhân thì họ nhìn thế gian là thật, đau khổ là thật, vô minh là thật, phiền não là thật nên cả đời lo tìm cách hóa giải, diệt trừ. Trừ phiền não này chưa xong, phiền não khác lại đến. Vô minh này chưa hết thì vô minh khác lại hiện ra nên cả đời sống trong điên đảo khổ đau. Ngược lại, Bồ-tát cũng nhìn cái thế gian này mà đối với họ tất cả đều là huyển nên tâm không bao giờ dính mắc. Phàm nhân thấy cái gì cũng thật nên mới ham, mới thích khiến tham-sân-si dấy khởi mà tạo nghiệp để phải chịu quả khổ đời đời.

Người mê ví như người còn ngủ trong giấc chiêm bao, thấy cảnh tượng cho là thật nên mới có khổ vui, thương ghét, hờn giận đến khi thức tỉnh thì cảnh hãi hùng tan biến, cơn ác mộng bay đi vì tất cả chỉ là giả huyển. Cũng như anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa khi điên thì ôm đầu chạy, nhưng cái đầu đâu có mất bao giờ. Con người cũng thế. Tuy chúng sinh sống trong vô minh phiền não, nhưng tánh giác diệu minh, chơn tâm vĩnh hằng của mình không hề bị mất. Khi thức tỉnh giác ngộ thì chơn tâm tự hiển bày, vô minh phiền não biến mất. Trong đạo Phật không hề có chứng đắc.

https://thuviensach.vn

Tại sao? Bởi vì một khi chúng sinh biết hồi đầu thị ngạn, biết quay thuyền trở lại bến xưa để sống đúng với chơn tánh, với tánh giác trong sáng của mình thì người đời gọi là chứng đắc chớ thật ra cái tánh giác trong sáng kia đã có sẳn trong tất cả mọi chúng sinh rồi vì thế tu hành trong nhà Phật thì gọi là hồi đầu thị ngạn thế thôi. Cũng như người trong túi đã có sẵn viên ngọc bích mà không biết nên cả đời sống trong lầm than đau khổ. Nay có người thương tình chỉ cho nên đem viên ngọc bán đi thì cái nghèo biến mất, đâu còn. Nhưng nghĩ lại viên ngọc bích lúc nào cũng có chớ đâu phải làm ăn khổ cực gì để tạo ra hay do ai cho?

Vậy đoạn kinh này dạy chúng sinh phải tin vào khả năng thành Phật của mình mà khi thành đạo, chính Đức Phật đã khẳng định rằng : ”Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh, giai kham tác Phật” nghĩa là trong tất cả mọi chúng sinh, ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật. Chúng sinh phải tin vào khả năng hóa giải tất cả mọi vô minh phiền não bằng chính khả năng và nghị lực của chính mình. Người đệ tử Phật không thể cầu khẩn nơi thần thánh, tha nhân nào đó hay gởi gắm tâm hồn nơi vô định để có được an vui hạnh phúc, Bồ-đề hay Niết bàn là một sự tin tưởng sai lầm đáng thương xót.

Con người vì chạy theo trần cảnh làm nhiễm ô tâm tánh của mình mà phát sinh ra ngã chấp và pháp chấp. Ngày xưa Đức Phật chỉ có tam y nhất bát, ngày ngày đi khất thực thính chúng, đêm ngủ dưới gốc cây không quá ba ngày

https://thuviensach.vn

cũng là một hình thức đối trị để phá bỏ hoàn toàn ngã chấp. Hễ có chấp ngã như địa vị, chức tước, quyền hành…thì sẽ có ngã sở hữu như danh vọng, tiền tài, nhà cửa, xe cộ…Con người có làm những điều tàn ác, giết hại lẫn nhau cũng chỉ vì muốn bảo vệ bản ngã và ngã sở hữu của mình mà cội nguồn của nó vẫn là vô minh, si mê tăm tối. Bao cuộc chiến tranh trên thế giới từ xưa đến nay cũng không ngoài mục đích thỏa mãn bản ngã và ngã sở hữu của mình.

LẠI RƠI VÀO NHẬN THỨC ĐỐI ĐÃI CỦA THUYẾT NHƠN DUYÊN VÀ TỰ NHIÊN

Bấy giờ ông A Nan đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch rằng :

- Đức Thế Tôn nói về các nghiệp sát, đạo, dâm và ba duyên đoạn rồi thì ba nhân không sanh, tánh Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết. Hết tức Bồ-đề, không do ai đem đến.

- Bạch Thế Tôn! Như thế rõ là nhân duyên rồi, tại sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chẳng riêng gì tôi mà một số Thanh Văn trong hội này : Mục Kiền Liên, ông Xá Lợi Phất, ông Tu Bồ-đề…đều do nghe lý nhân duyên của Phật mà phát tâm tỏ ngộ, được thành quả lậu.

Nay Phật dạy Bồ-đề không do nhân duyên, vậy thì các thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xa Ly, thành Vương Xá lại là đệ nhất nghĩa rồi sao? Xin Phật rũ lòng đại bi chỉ giáo cho kẻ chưa hết mê mờ.

https://thuviensach.vn

Diệu tánh bản nhiên vốn tự viên thành chớ không do người khác đưa tới và cũng không phải nhờ khổ công tu tập. Trong đoạn kinh trên, Đức Thế Tôn bất đắc dĩ tạm mượn chuyện anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa mê cái đầu để chứng minh điều đó nhằm khai thị cho chúng sinh biết nguồn vọng vốn không nhân. Bởi diệu giác minh tâm xưa nay không hư vọng, mà đã là vọng thì đâu có nhân gì bởi vì có nhân thì không gọi là vọng được. Ba duyên tức là sát, đạo, dâm đã dứt thì ba nhân tức là thế giới, chúng sinh và nghiệp quả cũng không thể phát sinh được. Thế thì diệu giác minh tâm xưa nay vốn không mê, không phải có được do bên ngoài cũng giống như tâm điên của Diễn Nhã Đạt Đa nếu hết thì anh chàng này sẽ biết rằng cái đầu kia không phải do bên ngoài mà được.

Tuy A Nan nghe Phật nói diệu tâm đốn chứng chớ không phải nhờ sự tu hành, nhưng tôn giả vẫn cho rằng đó là do nhân duyên bởi vì A Nan nghĩ rằng Phật tánh nhờ nhân duyên mà hiển bày. Mà Phật tánh là thứ sẵn có chớ không cần tu mà được thì rõ ràng Phật tánh chính là tự nhiên rồi. Thêm nữa, ông A Nan lại còn dẫn chứng nhiều vị đệ tử Phật và ngay cả ông nữa, cũng do nhân duyên mà được giác ngộ. Vì thế nếu giác ngộ không do nhân duyên, thì không lẽ giác ngộ lại do tự nhiên và đã là tự nhiên thì giáo pháp của Như Lai có khác gì những thuyết tự nhiên của ngoại đạo? Trên thế gian này tất cả hiện tượng vạn hữu không có sự vật nào tự nhiên mà có. Muốn no thì phải ăn chớ không tự nhiên mà no được.

https://thuviensach.vn

Ngay cả trong thiên nhiên như mưa, nắng, bão tố cũng không có cái gì là tự nhiên cả. Hằng năm vào mùa hè, những tiểu bang miền trung Tây Hoa Kỳ và dọc theo vịnh Mễ Tây Cơ thường có những cơn bão và gió lốc tàn phá nhà cửa và giết hại chúng sinh. Thật ra khi khí nóng từ miền Nam gặp khí lạnh từ miền Bắc tạo thành những vòng xoáy với vận tốc rất lớn mà con người gọi là gió lốc. Nếu không có những dòng khí nầy thì làm gì tự nhiên mà có gió lốc được? Lý luận của A Nan chứng tỏ ông chưa thật viên ngộ chơn tâm, Như Lai tạng tánh, diệu giác minh tâm, bản thể chơn như của hiện tượng vạn pháp bởi vì nhân duyên chỉ đúng trong thế giới tương đối còn trong thế giới bản thể tuyệt đối, đệ nhất nghĩa đế thì làm gì có nhân duyên hay tự nhiên. Mà chưa viên ngộ thì không thể viên tu được cũng bởi vì ông A Nan học rộng nhớ nhiều mà không chịu tu chứng nên còn thấy biết lầm lẫn. Có rời văn tự, ly ngôn thuyết mới nhận chứng được Bản thể chơn như.

Bây giờ Phật mới bảo rằng :

- A Nan! Theo ý ông thì chàng Diễn Nhã Đạt Đa kia, nếu diệt trừ hết "nhân duyên điên" thì tánh "tự nhiên không điên" hiện ra. Lý nhân duyên tự nhiên theo hiểu biết của ông, luận đến cùng là như vậy?
Này! A Nan! Cái đầu chàng Diễn Nhã Đạt Đa vốn là "tự nhiên". Nếu nó đã "tự nhiên", vậy do "nhân duyên" gì mà sợ cái đầu phát điên ôm chạy? Đầu vốn" tự nhiên" vì "nhân duyên" gì mà điên? Tại sao không vì "nhân Duyên" gì mất

https://thuviensach.vn

đi để khỏi điên? Cái đầu không mất, cũng chẳng thay đổi chút nào. Còn cái điên là do mê vọng mà có, không bởi, cũng chẳng tại "nhân duyên" mà có ra. Nếu tánh điên vốn "tự nhiên", tự nhiên sẵn có tánh hoảng sợ, vậy lúc chưa điên, cái điên ẩn trú chỗ nào? Tánh hoảng sợ nương náu ở đâu? Nếu tánh không điên là tự nhiên thì trong đầu chẳng có việc gì, cớ sao lại phải phát điên ôm đầu chạy? Nếu hiểu kỹ rằng : Cái đầu là đầu của mình sẵn có rồi. Biết chắc rằng : vì điên mà ôm đầu chạy hoảng thì cái thuyết "nhân duyên" "tự nhiên" đều là hý luận. Thế nên Như Lai nói :

Ba duyên đoạn rồi là Bồ-đề tự hiện. Nếu bảo rằng: Đoạn ba duyên rồi thì Bồ-đề tâm sanh, vì tâm sanh diệt đã diệt thì đó cũng chỉ là "sanh", "diệt" trong vòng đối đãi. Diệt và sanh đều xóa hết, mới đến chỗ "vô công dụng". Ông A Nan xưa nay luôn chấp vào quan niệm nhân duyên, tự nhiên cũng là việc thường tình vì ông chưa thâm nhập vào bản thể chân như, vào chơn tâm tuyệt đối. Giáo lý của Đức Phật có thể chia làm hai mặt : Nếu đứng về phương diện không gian thì đạo Phật chủ trương rằng vạn pháp là do nhân duyên hòa hợp mà thành. Còn đứng về phương diện thời gian thì vạn pháp là do nhân và quả mà thành tựu.

Thí dụ vì do nhân duyên như gạch, ngói, cây, gỗ nên cái nhà được xây dựng. Trong khi đó, nếu ngày nay chuyên cần học tập thì năm mười năm sau chúng ta sẽ có nghề nghiệp vững chắc. Nhưng đây chỉ là chân lý tục đế tức là chân lý tương đối, có sinh có diệt. Còn đệ nhất nghĩa đế là chân lý tuyệt đối, bất sinh bất diệt, vô cùng vô tận thì làm gì có nhân duyên hay tự nhiên. Vì thế Đức Phật mới mượn

https://thuviensach.vn

câu chuyện anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa để khai thị cho A Nan. Nếu nói rằng Diễn Nhã Đạt Đa tự nhiên điên thì không đúng. Bởi vì trước khi chưa điên thì "cái tự nhiên điên" nó ở đâu?
Còn nếu cho rằng Diễn Nhã Đạt Đa tự nhiên điên thì lúc nào anh chàng này cũng điên chớ đâu phải đợi đến lúc soi mặt mình trong gương thì mới phát điên ôm đầu chạy. Vậy thuyết "tự nhiên" dĩ nhiên là không đúng cho nên Phật mới bác bỏ. Nếu tự nhiên không đúng thì nhân duyên như thế nào? Nếu cho rằng vì do nhân duyên mà anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa bị điên, ôm đầu chạy như thế khi cơn điên hết thì nhân điên và duyên điên ở đâu, cái nhân duyên điên đó phát xuất từ chỗ nào? Nếu đã là tự nhiên không điên thì nhân duyên gì phát điên ôm đầu chạy hoảng? Nhân đã không tìm thấy thì duyên làm sao có được. Vì thế thuyết tự nhiên sinh, tự nhiên có không phải là của Phật giáo, không đúng chân lý mà là triết lý của Lão Tử trong Đạo Đức kinh. Còn nói về nhân duyên là nói về tục đế tức là giáo lý tương đối nhưng trong đệ nhất nghĩa đế không hề có nhân duyên và cũng chẳng có tự nhiên.

Phật lại dạy rằng :

A Nan! Bồ-đề Niết bàn còn xa, nếu ông không siêng năng tu tập, dù ông có nhớ diệu nghĩa 12 bộ kinh của thập phương Như Lai cũng chỉ thêm nhiều hý luận. Dù ông có huân tập đa văn, ông cũng không tự hóa giải nạn Ma Đăng Già, dù nhiều kiếp nhớ ghi diệu pháp của Phật, cũng không

https://thuviensach.vn

bằng một ngày chuyên tu vô lậu nghiệp. Xa lìa hai khổ thương ghét thế gian. Ma Đăng Già trước kia là dâm nữ, do được nghe Thủ Lăng Nghiêm mà diệt được lòng ưa muốn. Nay trong Phật pháp nàng có tên Tánh tỳ kheo ni, cùng với mẹ La Hầu La là Da Du Đà La, đồng ngộ nhân trước, biết đã trải qua nhiều đời, nhân vì tham ái mà khổ, một niệm huân tu pháp vô lậu thiện, thì người đã ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, làm sao, ông còn tự dối mình, mắc míu mãi trong vòng nghe thấy.

A Nan là một điển hình cho chúng sinh tập khí giỏi văn chương, giàu ngôn từ, nhưng không chịu tham thiền, nhập định nên không bao giờ thấy được Pháp thân thanh tịnh của mình. Tuy Phật pháp cao siêu mầu nhiệm và được dung chứa trong 12 bộ kinh, nhưng Đức Phật giáo hóa chúng sinh dựa theo 8 phương thức (tám khoa) khác nhau :

1) Tạng giáo : là các pháp môn tu học có dạy chung trong tam tạng kinh (Kinh tạng, Luận tạng và Luật tạng).

2) Thông giáo : là giáo pháp dạy chung cho tất cả ba hạng căn cơ : Thượng, Hạ, Trung và ba thừa : Tiểu, Trung và Đại.

3) Biệt giáo : là giáo pháp dạy riêng cho mỗi căn cơ hoặc Thượng, hoặc Trung, hoặc Hạ, hoặc riêng cho Tiểu thừa, hoặc riêng cho Trung thừa, Duyên giác, hoặc riêng cho Đại thừa Bồ-tát.

https://thuviensach.vn

4) Viên giáo : là giáo pháp viên tròn, đầy đủ cũng còn gọi là "liễu nghĩa". Thí dụ như kinh Hoa Nghiêm chỉ chuyên dạy cho các hàng Bồ-tát Đại sĩ Pháp thân (từ Thập trụ đến Thập Địa Bồ-tát).

5) Đốn giáo : là giáo pháp đốn ngộ tức là giác ngộ nhanh chóng. Đây là pháp môn trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật hay là "Trực chỉ Thiền" của Tổ Bồ-đề Đạt Ma hay Lục Tổ Huệ Năng.

6) Tiệm giáo : là giáo pháp dạy tu chứng dần dần, từ bậc thấp lên đến bậc cao. Thiền thì có Ngài Thần Tú và cũng là Tịnh độ pháp môn.

7) Bí mật giáo : là dạy về cách bắt ấn, trì chú, tam mật tương ưng tức thân thành Phật. Nói cách khác thân, khẩu, ý của mình tương ứng với thân, khẩu, ý của Phật. Đây là Mật tông.

8) Bất định giáo : là giáo pháp mà Đức Phật tùy theo cơ nghi thuyết dạy chớ không nhất định là phải thuộc riêng về một căn cơ nào cả.
Khi Phật giáo du nhập vào Trung Hoa vào thế kỷ thứ 7, ở phương Bắc có Ngài Thần Tú trong khi đó ở phương Nam có Lục Tổ Huệ Năng. Chính Lục Tổ đã dạy chúng sinh "Trực chỉ thiền" mà về sau được chia ra làm năm nhánh. Đó là Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy Ngưỡng và

https://thuviensach.vn

Lâm Tế. Tất cả hiện tượng vạn pháp đều phát nguyên từ bản thể chơn như mầu nhiệm, nhưng con người phải lìa văn tự, ly ngữ ngôn, hồi quang phản chiếu để thấy được bản tâm thanh tịnh thì Bồ-đề, Niết bàn mới hiển lộ.

Tuy nhiên, người đệ tử Phật khi tu hành để muốn được chứng đắc nên dùng tâm muốn lấy, muốn kiến, muốn đắc thì họ lại lọt vào vọng rồi. Thí dụ, tham thiền để muốn được kiến tánh tức là kiến tánh thành Phật hay niệm Phật để muốn được nhất tâm thì tâm này là vọng tâm. Tại sao? Bởi vì Phật của mình đã thành sẵn rồi chớ không phải khi kiến tánh mới đắc được, do vậy mà chư Tổ đã dạy rằng : ”Vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ” là vậy. Nếu còn hy vọng chứng đắc là vọng. Vì thế Đức Thế Tôn mới thương xót khuyên A Nan cố gắng tu hành. Bồ-đề, Niết bàn vẫn còn xa lắm nếu A Nan không siêng năng trải qua nhiều kiếp tu hành thì không thể chứng nghiệm chân lý.

Cho dù A Nan có ghi nhớ toàn bộ 12 bộ kinh thì cũng chẳng ích lợi gì. Đa văn là do nhiều kiếp huân tập mà có, nhưng vẫn không tránh khỏi nạn Ma Đăng Già mà phải nhờ thần chú Thủ Lăng Nghiêm mới giải cứu ông ta được. Vì thế tuy A Nan trải qua nhiều kiếp học rộng, biết nhiều nhưng vẫn không bằng một ngày tu vô lậu nghiệp. Đến như dâm nữ Ma Đăng Già và công chúa Da Du Đà La chỉ cần một niệm huân tu vô lậu thiện mà một người đã thoát ly phiền trược trở thành A la hán, một người được Phật thọ ký về sau sẽ thành Phật (kinh Pháp Hoa).

Còn A Nan là một nam tử đại trượng phu cớ sao không dũng mãnh huân tu mà còn mắc kẹt trong vòng nghe thấy

https://thuviensach.vn

(kiến, văn, giác, tri). Người đệ tử Phật phải tin rằng mình đã sẵn có diệu tâm sáng tỏ, không phải do tu mới thành, do chứng mới đắc. Tất cả kinh điển của Phật chỉ là phương tiện dùng để phá tư tưởng chấp thật của mình. Vì thế, khi thức tỉnh thì mới biết mình có tất cả. Tự tán h Bồ-đề, tự tánh Niết bàn thì lúc nào cũng sẵn có trong tất cả mọi chúng sinh cũng như mây tan thì trời sáng hay đào ao có nước thì ánh trăng sẽ hiện mà không cần phải trông chờ mong đợi gì hết.

PHẬT CHỈ HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

ÔNG A NAN TRẦN THUẬT CHỖ THÂM NGỘ VÀ THỈNH VẤN PHÁP TU GIẢI PHÁP

Ông A Nan và đại chúng nghe Phật dạy, những mối nghi hoặc được trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an được cái vui từng có. Người người cảm kích sung sướng đến rơi nước mắt.

Bấy giờ ông A Nan đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật và thưa rằng :

- Bạch Thế Tôn! Đức đại bi vô thượng thanh tịnh bảo vương, khéo dùng phương tiện : Nhơn duyên, thí dụ, lời lẽ mở mang tâm trí, hướng dẫn chúng tôi ra khỏi biển khổ tối tăm.

https://thuviensach.vn

- Bạch Thế Tôn! Nay tôi dù được nghe pháp âm như vậy, tôi nhận biết Như Lai Tạng bản thể, là chơn tâm vốn giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu, nó trùm chứa tất cả cõi nước thanh tịnh bảo nghiêm của mười phương chư Phật. Dù vậy, tâm trạng tôi vẫn còn là tâm trạng của kẻ lữ hành phiêu bạt, bỗng gặp thiên vương cho ngôi nhà tráng lệ nguy nga. Tuy được nhà lớn, song điều cốt yếu là phải biết cửa để vào. Cúi xin Như Lai đem lòng đại bi vô hạn, chỉ dạy cho những kẻ tối tăm trong hội này rời bỏ Tiểu thừa, được vô dư Niết bàn Như Lai vô thượng và cũng khiến cho hàng hữu học Biết cách uốn dẹp tâm vướng víu lâu đời để được pháp tổng trì, chứng nhập tri kiến Phật.

Ông A Nan thưa thỉnh rồi lễ Phật, cùng đại chúng chăn lòng chờ nghe Phật dạy.

Đức Thế Tôn thương xót đại chúng, ôn tồn khuyên bảo :

- Nếu các ông quyết định phát tâm Bồ-đề đối với pháp Tam ma đề (Thủ Lăng Nghiêm đại định) không sanh tâm mỏi mệt thì trước hết hãy nhận thức rõ ràng về hai nghĩa quyết định sau đây :

Ông A Nan và đại chúng sau khi nghe lời Phật dạy thì không còn nghi hoặc, ngộ được thật tướng vô tướng chân không diệu tánh. Nhưng đây chỉ là lý tức là phần văn tự, còn đối với "sự" tức là phương thức thực hành thì A Nan

https://thuviensach.vn

vẫn còn mờ mịt vì thế ông mới ví mình như một người được cho một cái nhà lớn nhưng không biết cửa để vào. Ông xin Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để diệt trừ những vọng tưởng điên đảo và chứng nhập được tri kiến của Phật. Tuy Đức Thế Tôn đã nhiều lần chỉ dạy về đường lối viên ngộ, viên tu, viên chứng để cho ông A Nan chẳng những có được cái nhà to, nhà tốt mà còn biết cửa để vào. Nhưng ông A Nan chỉ có thể lãnh hội được một phần, nên bây giờ Phật mới dùng phương tiện chỉ thêm đường lối cho A Nan giúp ông tìm ra được cánh cửa để vào căn nhà giác ngộ.

Đức Phật trong suốt 49 năm ròng thuyết pháp độ sanh, Ngài đã tùy theo đối tượng mà nói vì thế giáo pháp của Phật có lúc Ngài nói khế cơ mà có lúc Ngài thuyết khế lý. Khế cơ là tùy theo hoàn cảnh căn cơ của chúng sinh mà thuyết. Thí dụ, một người vừa mới quy y theo Phật, chưa am hiểu Phật pháp thượng thừa nên đối với họ tụng kinh niệm Phật là tốt. Đây là khế cơ. Nhưng dựa theo khế lý (chân lý) thì chúng sinh tuy có tụng kinh niệm Phật mà tánh tham không bỏ, tật đố không chừa, lòng còn giận còn hờn thì đây chỉ là tu hành theo hình thức bề ngoài, không có kết quả. Chỉ khi nào chúng sinh thật sự quay về hóa giải hết tham-sân-si thì phiền não tan biến, Bồ-đề, Niết bàn hiển lộ. Đây mới là chân lý tối thượng. Vì vậy khế cơ và khế lý luôn chống đối nhau cho nên nếu nói theo khế cơ thì không đúng với khế lý và ngược lại.

NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ NHẤT :

https://thuviensach.vn

PHẬT DẠY RÕ VỀ SỰ TÁC DỤNG CỦA SẮC TÂM VÔ THỈ

- A Nan! Nếu các ông muốn rời bỏ Tiểu thừa thẳng vào "tri kiến Phật", nên xét kỹ nguyên nhân phát tâm và quả sở chứng mà các ông mong đạt đến. Nếu đem tâm sinh diệt, tham cầu phước báu…mà mong được quả Vô thượng Bồ-đề thì không thể có.

- Ông hãy tư duy quán xét thân ông! Chất cứng là địa, tánh ướt là thủy, hơi ấm là hỏa, khí động là phong, gọi chung đó là tứ đại. Do tứ đại kết tụ thành thân ông. Rồi cái thể tánh giác minh nhiệm mầu cố hữu nó tác dụng vào. Từ đó, thể tánh giác minh bị phân hóa thành ra cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc và cái biết. Và cũng từ đó, con người và môi trường sống của con người trở thành năm lớp ô trược.

- A Nan! Ví như nước trong vốn là thanh khiết bản nhiên. Còn bụi, đất, than, tro là những thứ chướng ngại cho những gì trong sáng và thanh khiết ấy. Bỗng dưng có người lấy bụi, đất, than, tro làm rơi vào ly nước sạch thì nước sạch hóa ra vẩn đục. Sự vẩn đục đó gọi là ô trược. Năm lớp ô trược của ông cũng vậy.

Trong phần đầu của nghĩa quyết định thứ nhất, Đức Phật khuyên ông A Nan và tất cả đại chúng phải xét kỹ chỗ phát

https://thuviensach.vn

tâm trong lúc tu nhân và chỗ giác ngộ trong lúc chứng quả. Toàn bộ kinh điển Phật giáo không ngoài tư tưởng nhân quả. Thật vậy, nhân nào thì quả nấy, nếu chúng sinh đem cái tâm sinh diệt, tâm tham cầu thế tục tham đắm dục tình mà mong chứng đạo Bồ-đề thì không thể được. Trên con đường giải thoát giác ngộ, Ngộ tức là không mê đã là khó. Mà "giải ngộ" là một bước tiến khó hơn. Nếu chúng sinh có một quá trình tư duy quán chiếu thật sâu sắc thì đây là "thâm ngộ".

Cho đến khi nào khai tâm mở tánh hoàn toàn thì mới gọi là "chứng ngộ". Đối với A Nan là người thâm hiểu giáo nghĩa nên ông chỉ đạt được thâm ngộ mà chưa đạt đến trình độ chứng ngộ để nghiệm chứng chơn tâm minh diệu, bản thể Như Lai Tạng của chính mình. Trong Phật giáo, người phát tâm tu hành như thế nào thì quả sở chứng chỉ tương ứng như thế ấy chớ không thể tăng thêm được. Thí dụ một người phát tâm thọ ngũ giới thì quả sở chứng tối đa chỉ là nhân thừa. Nếu họ giữ đúng năm giới thì chính họ có được hạnh phúc, gia đình hòa thuận và cuộc sống sẽ an vui tự tại. Đây là Niết bàn của nhân thừa. Còn người phát tâm tu thập thiện theo thiên thừa thì họ sẽ hưởng được sự an lạc hạnh phúc phước báu như các vị trời.

Nếu một vị phát tâm tu theo tiểu thừa thì chắc chắn quả sở chứng cao nhất là A la hán, nghĩa là nếu chúng sinh hóa giải hết kiến hoặc, tư hoặc và vi tế hoặc thì họ sẽ trở thành bậc thánh và dĩ nhiên sẽ vĩnh viễn thoát ly sinh tử luân hồi. Do đó nếu muốn quả sở chứng là vô thượng chánh đẳng chánh giác thì phải phát tâm đại thừa, tu theo Bồ-tát đạo

https://thuviensach.vn

viên mãn. Vì thế thanh tịnh Bồ-đề, Niết bàn là tùy thuộc vào nhân địa phát tâm tu hành của mỗi chúng sinh. Do đó, chúng sinh chỉ cần dựa theo nhân tu thì biết chắc chắn sở chứng của mình sẽ được. Nói cách khác dựa vào luật nhân quả của Phật giáo thì không có việc nhân tu chỉ có một mà muốn hưởng quả sở chứng đến mười.

Tuy nhiên, quả vị trong Phật giáo là vô thực mà vô hư. Bởi vì những quả vị như A La Hán hay ngay cả quả vị Phật mà Như Lai thành tựu thì không có hình tướng, không có màu sắc, không có văn tự ngôn ngữ diễn tả cho nên cái chứng đắc này là không thật có, không tìm đâu ra. Thế mà cái chứng đắc kia lại là thật bởi vì người chứng đắc thì lúc nào cũng có tâm thanh tịnh Niết bàn, không còn vô minh phiền não quấy phá. Vì thế nếu chúng sinh biết sống đúng và hợp với chân lý của vạn pháp thì họ trở về với Bảo Sở Chân Như cho nên tâm họ đều là vô ngã, vị tha và bình đẳng. Ngược lại nếu chúng sinh đem cái tâm nhân ngã, vì danh, vì lợi, vì quyền lợi riêng cho mình, vì địa vị, vì thần thông mà làm nhân địa tu hành thì không bao giờ thành đạt được cũng không khác gì người nấu cát mà muốn thành cơm.

Con người vì bị mê lầm, đi ngược lại với tánh giác diệu minh nên mới nhận tứ đại làm thân của mình rồi nương theo thân đó mà tiếp xúc với ngoại trần và phát sinh ra cảm giác. Cái thể tánh giác minh nhiệm mầu bị phân hóa thành ra cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái biết và cái cảm xúc. Chính những điều nghe, thấy, ngửi…tạo ra sự phân biệt đối đãi làm che lấp tâm tánh và hình thành năm thứ ô

https://thuviensach.vn

trược, gọi là ngũ trược. Trược là vẩn đục. Cũng ví như nước trong kia vốn thanh khiết, nhưng đem tro, cát bụi, đất ném vào nước thì nó trở nên vẩn đục.

KHAI THỊ VỀ NĂM THỨ Ô TRƯỢC

Con người trong thế gian này không phải là nguyên do của tội lỗi xấu xa bởi vì trong tất cả mọi chúng sinh ai ai cũng đều có tri kiến Phật (kinh Pháp Hoa), Phật tánh (kinh Đại Niết bàn), Như Lai viên giác diệu tâm (kinh Viên Giác), chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh (kinh Lăng Nghiêm). Vì thế Phật mới dạy rằng : ”Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh, giai kham tác Phật” nghĩa là trong tất cả chúng sinh, ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật. Cũng ví như ly nước vốn tinh khiết trong sạch, nhưng vì bị bụi bặm làm nước vẫn đục. Ngũ trược nơi tự tâm cũng vậy. Tánh giác diệu minh vốn thanh tịnh, thường trụ, không thay đổi. Ngược lại, vọng tưởng bản chất là giả dối, sinh diệt, thay đổi. Nhưng chúng sinh vì không giác ngộ được bản tâm của chính mình mà chạy theo vọng tưởng để cho vọng tưởng chiếm mất tâm mình nên mới sinh ra ngũ trược mà làm nhơ, vẩn đục tâm tánh của con người.

Vậy năm thứ vẩn đục đó ảnh hưởng con người như thế nào?

1) Kiếp trược :

https://thuviensach.vn

- A Nan! Như ông thấy đó. Hư không (không đại) khắp cùng mười phương thế giới. Cái không và tánh thấy (kiến đại) không thể tách rời. Cái không, không thực thể, tánh thấy, không có giác tri. Hai thứ tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ nhất gọi là "Kiếp trược".

Tâm thể của chúng sinh tức là tánh giác diệu minh vốn trong sáng và hòa nhập vào hư không mười phương thế giới. Nhưng trong cái diệu minh đó lại phát sinh ra sự phân biệt để nhận biết tất cả các tướng ở bên ngoài hư không tức là năng minh. Sự thâu nhập các cảnh giới bên ngoài thì gọi là sở minh. Nói cách khác, khi con người lầm lẫn chạy theo những vọng niệm bên ngoài tức là sở minh để chuyển năng minh bên trong của mình mà có sự phân biệt để tạo nghiệp và tự trói mình trong sinh tử khổ đau. Một khi tâm thể khởi sự phân biệt thì nó không còn thanh tịnh, diệu minh như lúc ban đầu vì thế vọng khởi tâm phân biệt chính là kiếp trược.

2) Kiến trược :

- Thân ông kết tụ tứ đại làm tự thể. Chính tự thể của ông làm trở ngại, hạn chế tánh thấy, nghe, hiểu, biết khiến cho tánh thấy, nghe, hiểu, biết tác dụng vào tứ đại của thân ông, vọng thành lớp thứ hai gọi là "Kiến trược".

Kiến đại thì bao la trùm khắp pháp giới, nơi nào cũng có

https://thuviensach.vn

thể thấy được. Nếu kiến đại tác động vào mắt thì có tánh thấy, vào tai thì có tánh nghe, vào mũi thì có tánh ngửi, vào lưỡi thì có tánh nếm, vào thân thì có tánh cảm xúc. Xét cho cùng kiến đại là bao la vô cùng vô tận, nhưng khi nó tác động vào thân tứ đại của con người liền bị hạn chế, không còn thấy vô cùng vô tận được nữa. Vì thế tánh thấy lẽ ra phải thanh tịnh bản nhiên trùm khắp mười phương thế giới, nhưng khi nó tác động vào thân tứ đại liền bị chia sẻ làm giới hạn tánh thấy thì đây gọi là "kiến trược". Do đó tánh thấy của con người rất bị hạn chế trong kiến, tri tức là thấy, biết mà cảm thấy hiểu biết. Vì thế khi chúng sinh đạt được tâm thanh tịnh để quay trở về sống với tự tánh thanh tịnh bản nhiên thì tánh thấy bây giờ sẽ trở thành vô cùng vô tận, không còn bị tướng ngũ uẩn ngăn ngại.

3) Phiền não trược :

- Tâm ông có công dụng nhớ nghĩ suy tư thuộc về phần tri kiến. Tri kiến được biểu hiện qua lục trần, rời trần không có tướng, rời tri giác không có tánh. Tri giác và lục trần tác dụng vào nhau, vọng thành lớp thứ ba gọi là "Phiền não trược".

Tri kiến của chúng sinh là tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết được biểu hiện qua lục trần tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thí dụ tự thể của con mắt đâu có tội lỗi xấu xa gì, nhưng khi mắt thấy nhà đẹp, xe sang, tiền nhiều thì tâm phát sinh lòng tham dục

https://thuviensach.vn

muốn chiếm lấy. Năm căn còn lại thì cũng thế. Tai nghe lời ngọt dịu thì mê, nghe ai chửi thì buồn, thì giận. Mũi ngửi hương thơm thì thích, say đắm còn ngửi mùi hôi thúi thì buồn phiền, chửi rủa. Lưỡi nếm mùi vị ngon thì tham đắm muốn ăn thêm còn nếm mùi cay đắng thì đâm ra chán ghét. Nói chung con người khi tiếp xúc với lục trần thì hễ cái gì bằng lòng thì an vui, tham đắm. Còn cái không bằng lòng, bất toại ý thì đâm ra bất mãn.

Do đó tri giác (sáu căn) và lục trần tác dụng vào nhau mà phát sinh ra "phiền não trược". Đây là nói trên phương diện tục đế sinh diệt của thế gian, nhưng đối với các bậc thánh như các vị A la hán và Đức Phật thì mắt, tai, mủi, lưỡi, thân và ý của các Ngài vẫn còn đó như tất cả chúng sinh. Nhưng tri giác của các Ngài không còn tác động vào sáu trần nên phiền não không còn quấy phá được vì thế các Ngài mới có thanh tịnh Niết bàn, thần thông tự tại là vậy. Nói cách khác khi chúng sinh đã trở về sống với chơn tâm thường trú, thể tánh tịnh minh, tri kiến Phật hay Như Lai viên giác diệu tâm của chính mình rồi thì sáu căn, sáu trần không còn là nguyên nhân để gây ra phiền não khổ đau.

4) Chúng sinh trược :

- Thân tâm ông thì ngày đêm sanh diệt không ngừng. Cái tri kiến thì muốn lưu mãi ở thế gian, nhưng sức nghiệp của ông thì vọng động đổi dời từ quốc độ này sang thế giới khác. Hai sự kiện mâu thuẫn nhau nhưng lại tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ tư gọi là "Chúng sanh trược".

https://thuviensach.vn

Vì phải chịu theo sự tiến hóa của thế gian nên thân tâm con người lúc nào cũng thay đổi. Thân thì ảnh hưởng bởi luật vô thường: sinh, trụ, dị, diệt tức là sinh, lão, bệnh, tử. Còn tâm thì chuyển biến theo lý vô ngã. Vì thế mà thân tâm con người luôn sinh diệt từng giây từng phút. Nhưng con người lại không đồng ý như vậy mà tri kiến của họ lúc nào cũng muốn sống lâu, sống thọ. Tuy con người gắn bó với cái thân tứ đại sinh diệt, với cái ý thức hay biết của mình và trong mong sống mãi như thế, nhưng con người hễ có sinh tất phải có diệt nên họ phải nương theo quả báo mà thọ sinh vào những đời sau.
Sống thì phải chết, nhưng con người chết mà vẫn luyến tiếc mãi cái sống nên hết thân này lại tái sinh thân khác theo nghiệp báo mà xoay vần mãi mãi trong lục đạo luân hồi. Nói cách khác khi tâm chúng sinh đã khởi sự phân biệt thì nó liền đắm say cảnh sắc bên ngoài nên tâm muốn gồm thâu cả thế giới này về cho nó. Từ đó lòng tham-sân-si phát khởi và dĩ nhiên những hạnh nghiệp cũng vì thế mà tác tạo. Lòng tham càng to thì tội nghiệp càng lớn và càng bị ràng buột trong sinh tử triền miên.

5) Mạng trược :

- Lại này! A Nan! Tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc và biết vốn không sai khác. Do lục trần cản trở vô cớ lại sanh khác nhau. Vì vậy, trong thể thì đồng mà dụng lại khác. Đồng và

https://thuviensach.vn

khác mất chuẩn đích. Hai sự kiện tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ năm gọi là "Mạng trược".

Một khi tâm phân biệt đã xuất hiện thì nó sẽ bị những trần cấu bên ngoài chi phối. Thấy đẹp thì yêu, thấy xấu thì ghét nên muốn cái đẹp, ghét cái xấu, cứ như thế mà yêu ghét nổi dậy cả ngày. Trong một thoáng, một chớp mắt đã sinh ra những mê lầm nên cái thấy không còn đúng nữa. Vì thế mà con người thích nghe lời nói hay, âm thanh ngọt dịu và chán ghét khi nghe tiếng chỉ trích, chửi mắng. Mắt thích nhà cao, xe tốt, áo lụa, quần là. Mũi thích ngửi hương vị thơm tho và buồn phiền khi ngửi mùi hôi tanh, ô uế. Lưỡi thích nếm đồ ăn ngon, miệng thích ăn cao lương mỹ vị và khổ đau khi ăn cơm hẩm cá thiu. Nói chung sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã chi phối tâm tánh của con người làm cho họ quên đi bản tánh thanh tịnh diệu minh đã có sẵn trong họ. Một khi mắt, tai, mủi, lưỡi, thân và ý vốn thanh tịnh nhưng bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp quyến rũ làm hạn chế sự thấy, nghe, hay, biết của nó mà bỏ đi tâm tánh Bồ-đề vốn thường thanh tịnh và trong sáng. Những vẫn đục làm lu mờ tâm tánh con người này Đức Phật gọi là Mạng trược.

Thế giới mà con người đang sống mà kinh điển Phật giáo thường gọi là thời kỳ ngũ trược ác thế nghĩa là đời có năm thứ ác làm cho tâm hồn không còn trong sáng, bị vẫn đục do phiền não vô minh làm cho kiếp sống chúng sinh không được an vui, hạnh phúc. Bây giờ nếu chúng sinh biết hồi

https://thuviensach.vn

đầu thị ngạn, quay về với bản lai diện mục, với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh của chính mình bằng cách tư duy, thiền định thì những vẫn đục kia sẽ được lắng xuống làm cho cuộc sống trở thành thanh tịnh, an lạc và tự tại.

Và sau cùng Niết bàn, Bồ-đề sẽ hiển hiện. Cũng ví như tất cả những cặn bả trong ly nước lắng xuống thì nước bây giờ trở thành tinh khiết, thơm ngon. Ly nước mặc dầu đã được lắng trong, nhưng những hạt bụi cực nhỏ vẫn còn mà mắt thường không thấy biết được. Các vị A la hán và Bồ-tát thì cũng thế. Tuy các Ngài đã loại hết kiến hoặc, tư hoặc, nhưng những vi tế vô minh vẫn còn cho đến khi đạt đến Vô thượng Bồ-đề như Phật thì tất cả vô minh, phiền não tan biến hết ngay cả những vi tế cũng không còn. Vì thế Đức Phật Thích Ca cho dù có ở đâu, ngồi đâu thì tâm Ngài vẫn an trụ Niết bàn. Cái Niết bàn này chính là vô trụ xứ Niết bàn vậy.

DỰA VÀO NHƠN TU MÀ SUY BIẾT QUẢ SƠ CHỨNG

- A Nan! Nay ông muốn cho tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của ông hợp với bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai thì trước hết phải lựa bỏ những gì là gốc rễ sanh tử để tùy thuận tánh sáng suốt tràn đầy không sanh không diệt và chuyển hóa những tánh hư vọng sanh diệt trở về với bản giác tịnh minh. Dựa trên bản giác tịnh minh làm nhơn địa tu hành thì quả địa chứng đắc mới viên mãn vô thượng. Ví như việc làm của người lắng nước. Nước đục

https://thuviensach.vn

đựng trong lu hồ, để yên và yên mãi không chao động, cát tro bụi đất chìm lắng xuống thì nước trong hiện ra. Đây là giai đoạn uốn dẹp khách trần phiền não cũa hành giả cũng y như vậy. Sau đó, gạn bỏ sạch, hết cặn cáu tro bụi…chỉ còn thuần nước trong. Bấy giờ mới gọi là người dứt hẳn căn bản vô minh. Chỉ còn tướng sáng suốt thuần tịnh thì những biểu hiện của ba nghiệp không còn là bất thiện nữa. Bấy giờ, nhất cử, nhất động hợp với các đức tánh nhiệm mầu: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết bàn Phật.

Đoạn kinh trên, Đức Phật đã giải thích rõ ràng những nguyên nhân gây ra năm thứ vẫn đục đã làm lu mờ tâm tánh thanh tịnh, trong sáng vốn có của tất cả chúng sinh. Đó là bản tâm vốn thanh tịnh nhiệm mầu, nhưng bởi do tâm phan duyên với những trần cấu bên ngoài mà phát sinh ra ngũ trược và con người nương theo vọng tâm thấy, nghe, hay, biết nên xa rời bốn đức tính thanh tịnh của Niết bàn là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Trong bản thể chân như thì không hề có đau khổ, không hề có ô nhiễm, không hề có bất tịnh tại vì: Bản thể chân như thì không sinh không diệt nên gọi là Thường. Luôn luôn an nhiên tự tại nên gọi là Lạc. Nhưng chính từ bản thể chân như lại chủ sinh ra muôn pháp nên gọi là Ngã và cái chơn thể của bản tâm thì không hề bị cấu nhiễm nên gọi là Tịnh. Vậy làm thế nào để quay về với bản tâm thanh tịnh của chính mình? Con người vì lầm lẫn chạy theo tâm sinh diệt nên cuộc sống mới lăn lộn trong sinh tử luân hồi.

https://thuviensach.vn

Bây giờ chúng sinh phải thức tỉnh để biết cái gì là tâm sinh diệt. Tâm sinh diệt là vọng tâm bởi vì những ý niệm vừa khởi lên thì biến mất. Tư tưởng vừa mới xuất hiện mà chỉ vài sát na sau thì nó đã trở thành quá khứ. Đây là hiện tượng có sinh có diệt của vọng tâm. Chúng sinh chỉ có thể nương theo cái tâm thường trụ, bất biến, không sinh diệt để làm nhân địa tu hành thì mới thấy được chơn tâm, Phật tánh của chính mình. Cũng như nước đục đựng trong ly. Nếu để ly nước yên lặng một thời gian thì từ từ những cát bụi đất bùn sẽ chìm lắng xuống đáy ly và bây giờ ly nước trở thành tinh khiết, thơm ngon. Việc tu hành thì cũng thế. Chúng sinh phải trì công gạn lọc vô minh phiền não mỗi ngày một tí cho đến khi tất cả phiền não được thanh lọc thì bản lai diện mục mới hiện tiền. Nên nhớ rằng lắng nước, gạn bùn là cốt để thấy nước trong. Đến khi thấy được nước trong thì mới biết rằng nước đó vốn trong chớ không phải khi thanh lọc mới được trong. Chơn tâm, Phật tánh thì cũng thế. Con người lúc nào cũng có sẵn chơn tâm, Phật tánh, nhưng vọng tưởng chấp trước che lấp tâm tánh khiến chơn tâm lu mờ, Phật tánh biến mất.

Do đó tu hành là để khôi phục lại cái mà mình đã có sẵn chớ không phải cái mà mình chưa bao giờ có. Nói tóm lại, người đệ tử Phật phát tâm tu hành thì ai ai cũng hy vọng có ngày công viên quả mãn. Hy vọng là niềm tin để gia tăng công lực mà tiến tới mà không cần phải cầu khẩn van xin ai. Con người có thể dựa vào sự phát tâm và nhân tu mà đoán biết cái quả sơ chứng của mình. Nếu tu nhân hữu lậu

https://thuviensach.vn

phát xuất từ những tư tưởng hẹp hòi ích kỷ tiêu cực thì không bao giờ thành tựu quả vị vô lậu được.
Ngược lại, nếu dựa trên Thể Tánh Tịnh Minh mà tu nghĩa là chúng sinh sống đúng, sống hợp với chơn tánh thì khỏi cần cầu xin van vái mà Bồ-đề, Niết bàn vẫn hiển hiện như thường. Cũng như nước trong, trăng hiện hay mây tan thì trời sáng vậy thôi. Tuy cổ nhân có dạy rằng : ”Tri nhân, tri diện bất tri tâm”, nhưng trên thực tế cái tâm của con người có thể được biểu hiện qua thân, khẩu, ý của họ. Đó là nhìn qua cái nhân dụng của nó thì có thể đoán biết được cái tâm của họ như thế nào. Bởi thế mà cổ nhân cũng đối lại:”Dĩ sự nghiệm tri, nhân dụng khả biện” là vậy. Vì thế dựa theo đạo Phật thì con người chỉ cần nhìn lại mức độ tham-sân-si của mình có tăng, giảm; còn, mất bao nhiêu, lời nói thành thật được bao nhiêu hay hành động tốt được bao nhiêu thì khả năng chứng đắc của mình chỉ được ngần ấy mà thôi. Nói cách khác mình đầu tư bao nhiêu thì chỉ gặt hái thành quả được bấy nhiêu. Có muốn nhiều hơn cũng không được nào.
Vua Thuận Tông nhà Đường hỏi Tổ Phật Quang Mãn rằng :

- Phật từ đâu mà đến, tịch diệt hướng về đâu mà lui? Đã nói thường trụ thế thì nay Phật ở chốn nào?

Tổ đáp :

- Phật từ cái Vô Vi đi lại, tịch diệt hướng về cái Vô Vi lui

https://thuviensach.vn

về. Pháp than đồng như hư không, thường trụ nôi Vô Tâm. Có niệm cũng là Vô Niệm, có trụ cũng là Vô Trụ. Đến, vì chúng sinh mà đến. Đi, vì chúng sinh mà đi. Biển Chân Như thanh tịnh, thể thường trụ vắng lặng như nhiên. Kẻ trí khéo tư duy, chớ sanh lòng lo nghĩ!

Vua lại hỏi :

- Phật hướng về cung vua mà sanh, diệt hướng về rừng Song Thọ mà tịch, trụ thế 49 năm, lại nói chẳng có pháp nào để thuyết. Núi, sông cùng biển lớn, trời đất cho đến mặt trăng đến thời kỳ đều diệt tận, ai nói được là không sống chết?

Tổ đáp :

- Thể Phật vốn Vô Vi, nhưng chúng sinh vì mê tình vọng phân biệt. Pháp thân đồng hư không, chưa từng có sanh diệt. Có duyên, ấy là Phật xuất thế. Không duyên, ấy là Phật nhập diệt. Chốn chốn giáo hóa chúng sinh, cũng như trăng dưới nước. Chẳng phải Thường, chẳng phải Đoạn, chẳng phải Sanh cũng chẳng phải Diệt. Sanh cũng chẳng từng Sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Rõ thấy chỗ Vô Tâm, tự nhiên không có pháp nào để nói.

Vua Thuận Tông dựa vào Ứng thân Phật mà hỏi nên mới nói có sanh, có tịch, có trời có đất…Vì ứng thân là thân thị hiện nên phải chịu sanh, lão, bệnh, tử như tất cả vạn hữu

https://thuviensach.vn

trong thế gian vũ trụ này. Ngược lại, Tổ Phật Quang Mãn giải thích dựa theo Pháp thân thanh tịnh, thường trụ, bất sinh bất diệt hòa đồng trong Chân Như bởi vì Như Lai thì chẳng đến từ đâu và cũng chẳng đi về đâu cả. Khi chúng sinh có được Vô Tâm nghĩa là tâm không còn dính mắc chấp thủ thế trần thì tâm này chính là chơn tâm, Phật tánh vĩnh hằng trong họ. Đến đây thì không còn pháp gì để nói là vậy.

NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ HAI :

TRẮC NGHIỆM SỰ ĐIÊN ĐẢO Ở CĂN HAY Ở TRẦN ĐỂ TÌM MỐI MANH MỞ GÚT.

- A Nan! Ông quyết phát tâm Bồ-đề thì đối với Bồ Tát thừa hãy sanh tâm đại dũng mãnh. Ông hãy xét rõ cội rễ phiền não biểu hiện qua ba nghiệp của ông. Phiền não đó ở đâu đến? Ai làm? Và ai chịu?

- A Nan! Người tu đạo Bồ-đề, nếu không quán xét cội rễ phiền não thì không biết căn, trần hư vọng điên đảo ở chỗ nào. Chỗ còn không biết thì làm sao chế phục để chứng đắc quả vị Như Lai!

- A Nan! Ông hãy xem, thường thế gian mở gút, nếu không biết chỗ thắt thì làm sao mở được? Mắt, tai, mủi, lưỡi, thân và tâm ý của ông tự làm mai mối cho giặc, cướp hết của báu trong nhà ông. Cũng vì vậy mà thế giới chúng sinh từ

https://thuviensach.vn

vô thỉ, tự ràng buộc lấy mình, cho nên cái tri kiến của ông không ra ngoài sự vật thế gian.

Khi chúng sinh đã thấu biết phiền não là cội nguồn làm tâm bất tịnh. Vậy làm thế nào để hàng phục khách trần vọng tâm? Khách trần là những tư tưởng, vọng niệm có đến rồi lại đi chớ không phải của ta. Thí dụ như khi vừa khởi niệm thì cũng như chúng ta mời một người khách vào nhà. Khởi hai niệm thì mời hai người khách vào nhà. Do đó tu hành là phải hàng phục hết những khách trần phiền não này. Con người sống trong thế gian có những phiền não khác nhau tùy theo hoàn cảnh, sở thích và cuộc sống của chính mình. Vì thế trong đoạn kinh này, Đức Phật dạy con người phải suy tìm cái gốc rễ của phiền não, nguyên nhân khiến sự mê lầm để hàng phục nó.
Cũng như có người bị trói hai chân, nếu muốn cởi trói thì phải biết cái gút ở chỗ nào. Một viên dũng tướng cho dù có nắm trong tay vạn quân mà không biết kẻ địch ở đâu thì làm sao giết giặc được. Phật dạy, khi tư duy quán chiếu thì chúng sinh sẽ thấy rất rõ ràng được sự điên đảo hư vọng của "căn" và "trần". Ngoại trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp có vào được trong tâm cũng bởi do trung gian sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Vì thế nếu sáu căn không mời thì sáu trần làm sao vào nhà được để tước đoạt hết gia tài công đức của chúng ta.

Con người phải dựa vào ba nghiệp: thân, khẩu, ý để suy tìm cái gì là gốc của phiền não. Nói cách khác phiền não

https://thuviensach.vn

phát xuất từ nghiệp nào và ảnh hưởng tác hại của nó như thế nào? Đối với giáo lý liễu nghĩa đại thừa, Đức Phật một lần nữa muốn xác định rằng trong ta không hề có xấu xa tội lỗi chi cả. Thí dụ mắt, tai, mủi, lưỡi thân và ý đều là bản nhiên thanh tịnh, không phải là nguyên nhân gây ra đau thương tội lỗi đau thương. Còn lục trần bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng có đầy đủ bản nhiên thanh tịnh và không phải là nguyên nhân sinh ra các phiền não khổ đau.

Vậy cái gì là nguyên nhân của vô minh phiền não nếu không phải là lục căn hay lục trần?

Nguyên nhân mà con người có phiền não khổ đau là vì họ không làm chủ được sáu căn của mình để cho nó tha hồ duyên với sáu trần làm cho tham-sân-si phát khởi khiến cuộc sống trở thành điên đảo, khổ đau. Nói cách khác con người sống trái với chơn tánh của mình mà chạy theo đối đãi khách trần tức là "có năng" "có sở" mà phát sinh ra những phiền não mê lầm. Do đó người không phát tâm nhân địa tu hành, không để tâm tư duy quán chiếu thì mỗi căn chẳng khác gì một cái gút.
Phiền não vô minh ngày ngày cứ cột thắt mãi vào. Mà càng thắt thì cái gút càng to thêm làm cho tâm trí đau khổ ngày thêm chồng chất. Vì thế con người phải tìm cái gút lỏng để mở trước. Nếu một gút đã được mở thì những gút còn lại sẽ được giải thoát hết. Lục căn con người thì cũng thế. Lục căn chính là sáu cái gút. Hằng ngày con người thường cột

https://thuviensach.vn

thắt mãi cho nên cuộc sống có nhiều phiền não khổ đau, bất toại ý. Thế nên nếu tự mình không cột, không thắt thì dĩ nhiên không cần tháo gở, chẳng cầu giải thoát mà vẫn có an nhiên tự tại.

Ngày xưa Ngài Đạo Tín lúc ấy vừa mới 14 tuổi, một hôm đến đảnh lễ và thưa với Tổ Tăng Xán rằng :

- Bạch Hòa Thượng! Xin Ngài dạy cho con pháp môn giải thoát!

Tổ Tăng Xán nhìn thẳng vào mặt Đạo Tín hỏi :

- Ai trói buộc ngươi?

- Thưa! Không ai trói buộc con cả.

- Đã không trói buộc thì cầu giải thoát để làm gì!

Ngay đó Ngài Đạo Tín liền ngộ đạo.

Nên nhớ sáu căn của con người vốn thanh tịnh, không tội lỗi xấu xa gì. Sáu căn cũng ví như chiếc xe đến ngã tư đường. Thiện, ác, phiền não hay Niết bàn trong đời là do con người quyết định muốn lái chiếc xe đi hướng nào. Muốn trái thì do ta mà muốn quẹo mặt thì cũng do ta chớ chiếc xe chỉ biết chạy mà thôi. Bằng chứng là ngày xưa các

https://thuviensach.vn

vị Đại A la hán và ngay cả Đức Phật cũng có lục căn đầy đủ như tất cả chúng sinh, nhưng các Ngài biết xuất ly tam giới, không chạy theo tham đắm dục tình, không làm nô lệ cho phiền não vô minh nên các Ngài có Bồ-đề và Niết bàn là vậy.

Tri kiến của chúng sinh vốn thanh tịnh, bao la trùm khắp mười phương thế giới cho nên Phật mới dạy:"Tánh giác chơn không, tánh không chơn giác, thanh tịnh bản nhiên châu biến pháp giới", nhưng chính sáu căn của con người duyên với sáu trần bên ngoài nên tri kiến bây giờ bị hạn chế, không còn rộng lớn bao la mà chỉ nằm giới hạn trong kiến, văn, giác, tri tức là thấy, nghe, hay, biết tầm thường mà thôi. Thí dụ có vật thì mắt mới thấy, có âm thanh thì tai mới nghe…Ngược lai, các bậc giác ngộ tuy thấy sắc mà không đam mê theo sắc. Nghe âm thanh mà không hề bị âm thanh quyến rũ. Vì thế tri kiến của họ trở lại vô cùng vô tận cùng khắp mười phương thế giới là vậy.

CHỈ RÕ SỰ RÀNG BUỘC VÀ SIÊU THOÁT CỦA THẾ GIỚI CHÚNG SINH

A Nan! Thế nào gọi là thế giới chúng sinh? Thế có nghĩa là thời gian là quá trình sinh diệt, diệt sinh của hiện tượng vạn hữu. Giới là không gian, biểu hiện qua mặt bằng rộng hẹp, kích thước ngắn dài, qui mô cao thấp và phương hướng tả hữu, trước sau. Phương hướng mà người thế nhân nhận rõ

https://thuviensach.vn

là: Đông, Tây, Nam, Bắc bốn phương. Thời gian có ba là: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Lấy không gian và thời gian nhân cho nhau: Bốn nhân ba hay ba nhân bốn thành con số 12. Nhân lên ba lần thì có con số 1.200 để chỉ cho công đức của sáu căn con người tương quan trong thế giới. Tuy nhiên xét chỗ hơn kém thì công đức của sáu căn không nhất thiết đồng nhau.

Xét về nhãn căn thì mắt chỉ thấy phía trước và một phần của hai bên. Cho nên luận về mắt chỉ được 800 công đức.

Xét về nhĩ căn, lỗ tai có ba đức ưu việt. Viên, Thông và Thường. Luận về nhĩ căn thì có 1200 công đức.

Xét về tỷ căn, lỗ mũi tương tục chỉ có thở ra và hít vào. Điểm giao tiếp giữa hít và thở gián đoạn. Luận về tỷ căn có được 800 công đức.

Xét về thiệt căn thì lưỡi có thể phô diễn cùng tột trí thế gian và xuất thế gian. Ngữ ngôn tuy hữu hạn mà diệu lý diễn đạt vô cùng. Luận về thiệt căn thì có được 1200 công đức.

Xét về thân căn, thân thì biết xúc. Có thể xúc thuận xúc nghịch, nhưng khi hợp thì biết, lúc ly thì không. Luận về thân căn chỉ có 800 công đức.

Xét về ý căn, ý căn thầm lặng mà dung nạp tất cả pháp thế

https://thuviensach.vn

gian và xuất thế gian mười phương ba đời, thành phàm không pháp nào không bao dung cùng tột. Luận về ý căn có đủ 1200 công đức.

A Nan! Ông muốn ngược dòng sinh tử hãy xét sáu căn ông hiện thọ dụng. Cái nào hợp, cái nào ly, căn nào sâu, căn nào cạn, căn nào viên thông, căn nào không viên thông. Nếu khai ngộ được một căn viên thông thì đảo ngược tất cả dòng nghiệp vô thỉ. Đối với hiệu quả tu hành, bấy giờ một ngày bằng một kiếp.

Tôi nay đã chỉ rõ cho ông: Sáu căn, căn nào cũng trong sáng và đều có số lượng công năng. Tùy ông chọn lựa. Thích hợp căn nào tôi sẽ hướng dẫn cho ông để ngày thêm tăng tiến.
Mười phương Như Lai, căn, trần, thức, 18 giới đều là công cụ để viên mãn Vô thượng Bồ-Đề. Căn cơ trí tuệ còn non nớt, ông cần đi sâu tu tập một căn. Một căn thanh tịnh thì sáu căn đồng thời được tháo mở hoàn toàn thanh thoát.

Thế giới tức là vũ trụ bao gồm hai mặt không gian và thời gian. Thế là nói về thời gian cũng có nghĩa là nói về luật nhân quả báo ứng, sinh sinh diệt của hiện tượng vạn hữu. Còn giới là nói về không gian cũng còn có nghĩa là lý nhân duyên tức là tất cả mọi cấu tạo hình thành của vạn hữu trên thế gian này là do nhân duyên hòa hợp mà có. Khi nói về phương hướng, thông thường con người chỉ đề cập đến Đông, Tây, Nam, Bắc. Nhưng thật ra có tất cả 10 mười

https://thuviensach.vn

trong thế gian này. Đó là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên, phương dưới.
Còn thời gian thì có ba đời là quá khứ, hiện tại và tương lai. Bây giờ lấy không gian và thời gian nhân cho nhau tức là 4x3=12. Vì có 10 phương hướng trong khi số lưu chuyển của thời gian là 3 nên nhân lên ba lần là 4x3=12 rồi 12x10=120 và sau cùng 120x10=1200. Số 1200 là con số tượng trưng biểu hiện cho công đức của sáu căn tương quan trong thế giới. Tuy nhiên, nếu xét riêng thì công năng của mỗi căn cao thấp khác nhau, chẳng đồng. Vì thế, người đệ tử Phật trên con đường tu tập diệt trừ phiền não nên chọn căn nào thích hợp nhất cho mình, căn nào có công năng cao nhất thì sự thành công sẽ mau chóng hơn là chọn những căn yếu công năng.
Vậy công năng của sáu căn như thế nào?

1) Nhãn căn thì chỉ có được 800 công đức bởi vì mắt chỉ thấy phía trước và một phần của hai bên, nhưng phía sau và phần sau của hai bên mắt không thể thấy được. Do đó nhãn căn chỉ có được 2/3 công đức so với những căn khác. 800 công đức là cái thấy dựa theo pháp tướng hữu vi sinh diệt. Còn cái thấy mà sáng cũng thấy mà tối cũng thấy là cái tánh thấy tức là dựa theo pháp tánh vô vi thanh tịnh.

2) Nhĩ căn thì có đủ 1200 công đức bởi vì cái nghe thì không ngăn ngại bởi vật chất nên trong cũng nghe, ngoài cũng nghe, bên trên cũng nghe, ở dưới cũng nghe. Nói

https://thuviensach.vn

chung tai có thể nghe được âm thanh bất cứ từ nơi nào. Hễ có âm thanh là tai nghe được. Vì thế mà Đức Quán Thế Âm có thể nghe được mười phương thế giới tiếng kêu cầu cứu đau khổ của chúng sinh. Đó là đức tính "Viên" tức là viên mãn nghĩa là ở đâu mà có âm thanh thì tai có thể nghe được. Đức tính thứ hai của tai là "Thông" tức là không bị ngăn bít.

Thí dụ một người đang nói chuyện ở phòng kế bên mà ở phòng bên này chúng ta có thể nghe câu chuyện rất rõ ràng. Đức tính thứ ba là "Thường" tức là lúc nào cũng nghe. Thí dụ như có âm thanh thì nghe tiếng tức là nghe động. Còn không có âm thanh thì tai nghe tĩnh. Vì thế khi tham thiền nhập định, tuy rất yên lặng, không có tiếng động, nhưng các vị thiền sư có thể nghe rất xa và rất rõ những âm thanh huyền diệu mà được gọi là diệu âm. Đó là lý do tại sao về sau Đức Phật chọn pháp môn nhĩ căn viên thông của Đức Quán Thế Âm Bồ-tát để chỉ dạy cho A Nan và đại chúng tu. Đây là một pháp môn thù thắng vi diệu cho tất cả mọi người.

Nhưng tại sao cái nghe lại vi diệu hơn cái thấy?

Thí dụ ban đêm chúng ta ngồi tỉnh tọa trong một căn phòng tối rất yên tịnh. Vì phòng tối nên mắt không thấy gì hết, nhưng tai thì có thể nghe tất cả. Nếu trong tâm chúng ta khởi niệm lành thì cũng như y như nghe trong tai có ai nói lời thiện. Ngược lại nếu tâm khởi niệm ác thì cũng y như nghe trong tai có người nói lời ác vậy. Còn nếu chúng sinh

https://thuviensach.vn

biết chánh niệm tư duy thì cũng như trong tai nghe được những lời dạy của Phật.

3) Tỷ căn thì có được 800 công đức bởi vì lỗ mũi chỉ có hai công năng là thở ra và hít vào.

4) Thiệt căn lại có đủ 1200 công đức. Tại sao? Bởi vì lưỡi tức là lời nói có công năng diễn đạt
trí tuệ tột cùng của các pháp thế gian và xuất thế gian. Ngày xưa chính Đức Phật đã thuyết pháp trong 49 năm ròng thì công đức quả thật là bất khả tư nghì.

5) Thân căn chỉ có 800 công đức vì khi đụng chạm tức là "hợp" thì thân mới có cảm xúc. Còn nếu không có đụng chạm tức là "ly" thì thân không có cảm xúc. Con mắt thì ngược lại, nếu để đối tượng tiếp xúc với mắt thì mắt không thấy mà mắt thấy rõ khi nào đối tượng phải cách xa mắt.

6) Ý căn thì có đủ 1200 công đức. Tất cả những tư tưởng phân biệt đều do ý căn mà ra cho nên trong sáu căn thì ý căn là quan trọng nhất. Ý căn tích lủy tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian mười phương ba đời, thánh phàm đầy đủ. Nếu phát tâm làm việc thiện thì ý căn có được 1200 công đức. Ngược lại nếu làm việc ác thì ý căn cũng có 1200 thứ tội ác. Đối tượng của ý căn là pháp trần tức là hình bóng của những tư tưởng phát xuất từ sắc, thanh, hương, vị, xúc xảy ra trong quá khứ mà được tâm diễn lại y như đang xảy ra trước mắt vậy. Thí dụ những sự vui buồn

https://thuviensach.vn

từ mấy tháng trước mà được diễn lại y như mới vừa xảy ra. Vì tầm quan trọng của nó mà rất ít người có thể tu theo ý căn. Ngài Trí Giả Đại Sư, Tổ phái Thiên Thai bên Trung Hoa đã phát huy ra môn Tam Chỉ Tam Quán mà cốt tủy của pháp môn này là dùng "ý thức" để tu tâm và sau cùng đạt đến tam muội.

Nói chung trong thế giới vũ trụ bao la này cũng không ngoài sáu căn, sáu trần và sáu thức mà được gọi chung là thập bát giới. Giới tức là một thế giới riêng biệt cho căn, trần và sắc. Thí dụ nói về cái thấy chúng ta có ba giới là: một thuộc về căn là Nhãn giới, một thuộc về trần là Sắc giới và một thuộc về thức là Nhãn thức giới. Nói cách khác nhãn giới là căn mắt, sắc giới là vật đối tượng như nhà cửa, xe cộ…và nhãn thức giới là cái biết của sự thấy. Vậy 6 giới của căn: Nhãn giới, Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới, Thân giới, Ý giới. 6 giới của trần: Sắc giới, Thanh giới, Hương giới, Vị giới, Xúc giới, Pháp giới. 6 giới của thức: Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới và Ý thức giới. Bây giờ nếu cộng 6 giới của căn, 6 giới của trần và 6 giới của thức thì có 18 giới mà thường được gọi là thập bát giới.

Nếu nhìn bằng con mắt thế gian, con mắt tục đế thì 18 giới có thể là nguyên nhân để sinh ra tội lỗi khổ đau, nhưng dựa theo bản thể thanh tịnh mà nói thì sáu căn, sáu trần, sáu thức chính là công cụ để đưa chúng sinh chứng đạo quả Bồ-đề. Tại sao?

https://thuviensach.vn

Bởi vì bản tánh của sáu căn, sáu trần và sáu thức là thanh tịnh bản nhiên chớ không phải là nguyên nhân của tội lỗi khổ đau. Mà thật ra nguyên nhân khiến con người có phiền não khổ đau là vì họ không làm chủ được sáu căn của mình để cho nó tha hồ chạy theo sức quyến rũ của sáu trần làm cho tham-sân-si đua nhau phát khởi khiến tâm mê muội mà biến cuộc sống thành điên đảo khổ đau, sa hầm sụp hố. Thí dụ cũng chai rượu đó, nếu con người biết làm chủ sự tham muốn nên không uống thành ra không say. Còn người khác thấy rượu là nhào vô, chén tạc chén thù nên say sưa, ói mửa, mất cả nhân tính, làm khổ cho mình và cho người. Nói thế thì căn thấy (con mắt) đâu có tội lỗi gì, ngay cả rượu cũng chẳng có tội lỗi xấu xa gì, nhưng nếu con người không làm chủ được căn thấy để cho sự quyến rũ của rượu mê hoặc tâm nên không còn làm chủ được tâm mình thì kết quả mới tai hại. Vì thế mà Đức Phật mới dạy rằng :

"Dù chiến thắng vạn quân ở chiến trường không bằng chiến thắng chính mình vì đó là chiến thắng cao thượng nhất".

Ở Hoa Kỳ không ai lạ gì với anh chàng Tiger Wood, một tay vô địch đánh golf trong những thập niên qua. Cuộc sống đang thuận buồm xuôi gió, thì đùng một cái sóng gió ba đào, nổi trận cuồng phong cũng chỉ vì anh hùng lụy về nạn thuyền uyên. Chính cuộc sống tình dục thiếu đạo đức của anh ta đã giết chết cuộc đời đánh golf mà tệ hại hơn nữa là giết chết tình cảm và niềm tin vợ chồng làm cho gia

https://thuviensach.vn

đình thiếu hạnh phúc, dễ tan vở. Tổng thống Bill Clinton lúc còn làm tổng thống đã dan díu với cô Monica Lewinski trong văn phòng tòa bầu dục làm cho tên tuổi bị chôn vùi. Ngay cả tổng thống George W Bush có thói quen nhâm nhi rượu làm thay đổi nhân cách bởi vì rượu vô thì lời ra, không ai chịu đời nổi ngay cả bà vợ Laura hăm di dị mới thức tỉnh bỏ rượu.

Ngày xưa, Đức Lão Tử có dạy rằng :

“Ngô hữu đại loạn, vị ngô hữu thân,
Ngô nhược vô thân, hà hoạn chi hữu?
Dịch là :

Ta có nhiều cái khổ, vì ta có thân
Nếu ta không có thân thì đâu có khổ gì?

Dựa theo lời dạy của Lão Tử thì hễ có thân là có khổ, nhưng nghĩ kỹ lại, cũng trong thế giới này, Đức Phật và các đệ tử của Ngài cũng mang thân tứ đại như tất cả chúng sinh mà tại sao các Ngài lại có Bồ-đề, Niết bàn? Các Ngài cũng có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý như tất cả mọi chúng sinh nhưng tại sao tâm các Ngài lúc nào cũng an lạc và thường trụ Niết bàn? Cái khác nhau giữa Phật và chúng sinh là Phật luôn làm chủ sáu căn của mình, không bao giờ để cho nó chạy theo khách trần phiền não tức là tham đắm dục tình nên tâm hoàn toàn thanh tịnh, không dính mắc. Ngược lại chúng sinh thấy sắc thì mê, nghe âm thanh thì

https://thuviensach.vn

thích, ngửi hương thì yêu cho nên cuộc đời mới khổ. Khổ là vì con người mời khách trần vào tâm hay ta không làm chủ được sáu căn của mình chớ cái khổ không bao giờ tự nó tìm đến hay có được. Do đó nếu nói hễ là con người có thân thì có khổ như Lão Tử là không đúng với chân lý.

Nếu đứng về mặt công năng mà nói thì sáu căn có khác nhau, nhưng nếu dựa theo bản tánh thanh tịnh thì sáu căn vẫn không có gì khác biệt. Do đó nếu ở nơi một căn bây giờ xoay nó về tánh không sinh diệt thì liền chứng được bản tánh thông suốt viên mãn của căn ấy và công hiệu của nó cho dù tu một ngày mà kết quả bằng một kiếp. Vì thế chúng sinh chỉ nên chọn lựa cho mình căn nào dễ thâm nhập, công dụng dễ thành mà đi sâu vào để phá trừ mê chấp và đạt được tánh viên thông. Nếu một căn không còn vọng thì sáu căn kia đồng thời đều được thanh tịnh.

CHỈ RÕ CHỖ HƯ VỌNG CỦA SÁU CĂN

Bạch Thế Tôn! Ông A Nan thưa. Vì sao đi sâu vào một căn lại có thể khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh?

Phật dạy rằng:

-A Nan! Ông được quả Tu Đà Hoàn, song tập khí vô thỉ còn thiếu, chưa thể một lúc tháo gở những lớp vô minh: sinh, trụ, dị, diệt.

https://thuviensach.vn

-Ông hãy xét kỹ, sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? Nếu bảo là một thì lỗ tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói? Còn nếu quyết định cho là sáu thì hiện tôi đang dạy cho ông pháp môn tu hành, vậy trong sáu căn của ông, căn nào tiếp thu, căn nào lãnh thọ?

Ông A Nan thưa:

-Tôi dùng lỗ tai nghe lời Phật dạy.

Phật bảo:

-Ông dùng lỗ tai nghe, vậy thì lỗ tai ông tự nghe nào dính dáng gì đến thân và miệng. Mà miệng ông thì hỏi nghĩa, thân ông thì đứng dậy tỏ vẻ kính vâng? Lấy đó mà suy nghĩ thì căn không phải một cũng không phải sáu. Mà cũng một cũng sáu. Tại vì sự chấp mê điên đảo vô thỉ cho nên cái thể viên minh kia lại sanh ra một, sanh ra sáu. Ví như hư không không tham hợp với các vật. Lu, bình, lọ, cốc do hình trạng đồ vật khác nhau mà hư không thành ra sai khác. Trừ bỏ đồ vật ấy đi thì người ta gọi hư không là một. Sự thật, hư không kia không vì ông mà thành đồng hay khác; huống nữa lại gọi là một hay không phải là một.

-Sáu căn hay biết của ông cũng vậy. Do hai thứ sáng và tối hiển bày lẫn nhau, cái tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào

https://thuviensach.vn

bản thể trạm nhiên, phát ra cái gọi là thấy. Cái thấy phản ánh ra gọi là sắc. Cơ quan tiếp thu sắc được gọi là nhãn căn. Nhãn căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình dáng trông như trái nho.

-Do hai thứ động và tĩnh đối chọi nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là nghe. Cái nghe phản ánh ra gọi là tiếng (thanh trần). Cơ quan tiếp thu tiếng được gọi là nhĩ căn. Nhĩ căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình dáng trông như cái lá sen non.

-Do hai thứ thông và bít phát hiện lẫn nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên, phát ra cái gọi là ngửi. Cái ngửi phản ánh ra gọi là hương. Cơ quan thu nạp hương được gọi là tỷ căn. Tỷ căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành hình dáng trông như hai ngón tay duỗi xuống.

- Do hai thứ lạt và vị xâm lấn lẫn nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là nếm. Cái nếm phản ánh ra gọi là vị. Cơ quan nhận thức vị được gọi là thiệt căn. Thiệt căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành hình dáng trông như nửa vành trăng.

- Do hai thứ hợp và ly cọ xát nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là biết. Cái biết phản ánh ra gọi là xúc. Cơ quan nhận biết xúc được gọi là thân căn. Thân căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình thể trong như cái trống cơm.

https://thuviensach.vn

Do hai thứ sinh và diệt tiếp nối nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng với bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là biết. Cái biết phản ánh ra gọi là pháp. Cơ quan tiếp thụ pháp được gọi là ý căn. Ý căn vốn là tứ đại thanh tịnh, biểu hiện qua khái niệm và tư duy, tựa hồ như chất đậu hủ non (bộ óc).

Ông A Nan vẫn còn thắc mắc vì sao chỉ tháo gở một căn mà sáu căn đồng thời được thanh tịnh. Ở đây, ông A Nan chỉ chứng được quả Tu Đà Hoàn nghĩa là ông đã đoạn được hết thân kiến, biện kiến, kiến thủ, giới thủ và tà kiến. Nếu có thể đoạn hết tham, sân, si, mạn, nghi thì chứng quả A la hán. Tuy các vị trong hàng Thanh Văn, Nhị thừa đã phá được phiền não chướng tức là các Ngài đã loại được phần chấp ngã, nhưng về phần sở tri chướng tức là chấp pháp thì các Ngài chưa phá được.

Sở tri chướng là nói về vô minh mà vô minh là sự mê mờ tâm thức chẳng khác nào màn mây đen hút che đây ánh sáng mặt trời để dẫn đắt con người từ chỗ mê lầm này đến sự đam mê khác. Vô minh có hai loại là “diệt tướng vô minh” tức là cái vô minh thô và “trụ tướng vô minh” tức là vi tế vô minh. Thí dụ hai người vì bất đồng ý kiến nên cải cọ và sau cùng sinh ra ẩu đả, đánh đấm nhau. Đây là vô minh thô tức là diệt tướng vô minh nghĩa là cái vô minh dễ phát hiện. Ngược lại một người tuy bị chửi, tuy không ẩu đả, la hét ồn áo, nhưng tâm rất bực bội, đau khổ vì còn chấp vào lời chửi mắng kia thì cái chấp pháp đó là trụ

https://thuviensach.vn

tướng vô minh tức là cái vô minh vi tế chỉ có mình biết chớ không bạo động như vô minh thô.
Khi phát tâm tu theo đại thừa viên mãn thì mới phá được sở tri chướng để trở về hoàn toàn với tánh giác diệu minh của mình. Vì thế mà các vị Bồ-tát cũng nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa như phàm nhân, nhưng vì các Ngài không còn chấp pháp nên nghe những lời mắng nhiếc kia cũng như gió thoảng, mây bay, không dính dấp gì tâm họ nên họ mới có ung dung tự tại là vậy. Chẳng những thế, khi cần thì Bồ-tát vẫn giúp những người hung ác đó cải tà quy chánh, quay về sống đúng với chánh đạo. Đó là diệt được sanh tướng vô minh để hướng về đạo quả vô thượng Bồ-đề.

Con người có thói quen là hễ nói gì là tin chắc như vậy mà không chịu tư duy quán chiếu để truy tìm xem lời nói đó là phương tiện hay cứu cánh. Trong Phật giáo, kinh điển dạy trong ta có sáu căn, nhưng thật ra có sáu căn như thế không? Để giải thích, Đức Phật dạy rằng: sáu căn vốn không phải sáu mà nói sáu. Lẽ ra phải nói là một, nhưng một không phải một theo nghĩa thông thường nên Thế Tôn mới tùy thuận chúng sinh mà nói sáu vậy thôi. Thí dụ nếu sáu là sáu thì tại sao khi mắt nhìn thấy đồ ăn thì tay liền gắp và miệng chảy nước miếng? Còn nói là một thì tại sao tai nghe nhạc, miệng hát và tay chân nhảy múa theo hoặc nói là một thì tại sao con mắt không nghe, lỗ tai không thấy?

https://thuviensach.vn

Vậy căn không phải một cũng không phải sáu mà cũng chính là một và sáu. Đấy tức là sắc tức là không và sắc chẳng khác không nghĩa là bất tức bất ly vậy. Để giải thích Phật lấy thí dụ rằng tâm tánh con người cũng như hư không, bao la vô cùng vô tận, không có gì là một hay là sáu, nhưng khi hư không chứa trong các bình, lu, cốc, lọ khác nhau mà hư không thành ra sai khác. Nếu bây giờ lấy bỏ hết các đồ dụng kia đi thì hư không vẫn là một. Do đó, hư không là một mà cũng là nhiều vô tận. Tâm tánh nương theo sáu căn cũng như hư không ở trong các đồ dùng vuông, tròn, cao, thấp vốn không có gì là sáu hay là một.

Sáu căn vốn là chơn tâm viên minh thanh tịnh nhiệm mầu, nhưng cũng bởi do không giác ngộ được cái tâm tánh nhiệm mầu này mà nhận cái minh làm giác nên từ đó mới "có minh" "có sở". Một khi năng sở được thành hình thì sự phân biệt đối đãi làm sở minh ảnh hưởng đến năng minh và năng minh bị giới hạn trong phạm vi sở minh.

Một khi có hai thứ sáng và tối hiển bày lẫn nhau thì cái tánh giác diệu minh tác dụng vào bản thể tâm tánh nhiệm mầu để tạo ra cái thấy (năng minh). Cái thấy phải có đối tượng để thấy tức là sắc (sở minh) và sau cùng cơ quan tiếp thu những hình tướng, màu sắc, cảnh giới bên ngoài thì gọi là nhãn căn. Nhãn căn là do tứ đại thanh tịnh hợp thành vì thế nhãn căn không phải là nguyên nhân gây ra tội lỗi, phiền não, khổ đau. Bằng chứng là Đức Phật, các vị trong hàng Thanh Văn, Duyên Giác mặc dù đã tu chứng mà nhãn

https://thuviensach.vn

căn của họ vẫn giống y như tất cả chúng sinh, không thay đổi.
Cái khác nhau duy nhất giữa họ và chúng sinh là họ luôn làm chủ nhãn căn của mình, không để cho nó tha hồ chạy theo sắc trần làm tâm bị mê hoặc mà làm nô lệ cho vô minh phiền não. Nhãn căn là dùng văn tự đối đãi của con người để nói vậy thôi, chớ đúng ra chả có cái gì là thật nhãn căn cả bởi vì nhãn căn là do sự cấu thành của những tế bào, là thịt. Mà đã là thịt thì tại sao chỉ có thịt mắt mới thấy còn thịt đùi, thịt cổ tay lại không thấy? Vì thế Phật tạm gọi nó hình dáng tròn tròn giống như trái nho.

Năm căn còn lại thì cũng thế. Đối với hai thứ động tĩnh tức là thanh trần thì có nhĩ căn. Đối với hai thứ thông và bít tức là hương trần thì có tỷ căn. Đối với hai thứ lạt và vị tức là vị trần thì có thiệt căn. Đối với hai thứ hợp và ly tức là xúc trần thì có thân căn và sau cùng đối với hai thứ sinh và diệt tức là pháp trần thì có ý căn.

Nói tóm lại hình dáng nhãn căn thì tròn giống như trái nho, hình dáng nhĩ căn giống như lá sen non, hình dáng của tỷ căn trông giống như hai ngón tay duỗi xuống, hình dáng thiệt căn trông như nữa vành trăng, hình dáng thân căn giống như cái trống cơm và hình dáng ý căn gống như chất đậu hủ non. Vì lục căn là do tứ đại thanh tịnh hợp thành nên chúng không phải là nguyên nhân của ưu bi, tội lỗi, phiền não, đau thương.

https://thuviensach.vn

Một ngày kia, có một thiền sư đang tọa thiền trên một tảng đá lớn, thình lình có một người nhảy tới, túm lấy vai sư nói lớn :

- Thầy xem tôi có xấu không? Tôi rất khổ vì người đời nói tôi xấu?

Đây là một người đàn ông chân tay khẳng khiu, da nhăn nheo tóc thô, mắt to mắt nhỏ, tai nhọn như tai dơi, răng khặp khểnh chìa ra ngoài, môi thâm và trề ra giống như quỷ Dạ Xoa. Nghe hỏi vậy, thiền sư hiền từ đáp:

- Có những người xấu gấp ngàn vạn lần ông. Ông chẳng có chi gọi là xấu cả.

Nghe nói thế ông xấu kia vặn hỏi:

- Thầy thử nói xem những người kia xấu như thế nào?

Sư chậm rãi đáp :

-Những kẻ có tiền của nhưng không phụng dưỡng cha mẹ. Những kẻ tham tài phụ khó. Những kẻ giàu có tiền rừng bạc biển nhưng không hề bỏ một xu cứu giúp người nghèo khó. Những kẻ khích bác người đạo hạnh, khinh chê Tam Bảo, đố kỵ người xả thân cứu đời, vô tài nhưng có máu

https://thuviensach.vn

ghen tị. Những kẻ hay đâm thọc, ngồi lê đôi mách, thêu dệt, bịa đặt tin để gây chia rẽ. Những kẻ chuyên loan truyền tin xấu chê bai dè bỉu thành quả của người khác. Những kẻ ăn chơi đàng điếm, trụy lạc làm băng hoại xã hội, buôn bán, chuyển vận xì ke ma túy làm tiêu ma thế hệ trẻ. Những kẻ lười biếng an bám xã hội, sống trên mồ hôi nước mắt của kẻ khác. Tất cả những người này mới xấu, chứ ông có gì gọi là xấu đâu!

Nghe nói như vậy ông xấu đó lạy tạ sư rồi lui ra. Khi bóng ông vừa khuất thì một người hung hăng bước vào. Ông này ai nhìn diện mạo đều khiếp vía. Bởi vì ông ta cao lớn dềnh dàng, mặt sơn trắng sơn đen vằn vện như những tay đâm thuê chém mướn. Tóc ông ta dựng đứng và tua tủa như những chiếc đinh nhọn. Hai tai ông ta đeo lủng lẳng hai chiếc còng sắt số tám. Lỗ mũi ông ta móc một chiếc nanh heo rừng. Mắt ông ta đeo một miếng da màu đen giống như những tên cướp biển chột mắt. Cổ ông ta xâm hình con cú. Hai vai ông ta quàng chéo hai vòng đạn đại liên như những tên cướp hung bạo.
Ông ta cởi trần, ngực xâm những con thủy quái gớm nhiếc. Chưa hết, hai cánh tay ông còn xâm hình hai con rắn hổ mang mà hai bàn tay là hai cái miệng của con rắn cho nên khi ông đưa tay ra giống như hai con rắn muốn mổ người ta. Ông ta không mặc quần mà quấn một chiếc khố bằng da beo. Hai bên đùi xâm hình hai cô gái lõa thể trông giống như yêu tinh, thần nữ. Tay trái ông cầm một chiếc móc sắc, tay phải cầm một quả lựu đạn đã mở chốt sẵn. Giọng ông

https://thuviensach.vn

khàn khàn giống như giọng Ngưu Ma Vương khiến đàn bà, con nít gặp ông ngã ra bất tỉnh. Ông bước tới trước mặt sư, chìa cái móc sắt và quả lựu đạn ra rồi hỏi:

- Thầy có thấy tôi đáng sợ không?

Nghe ông hỏi, sư vẫn điềm nhiên đáp:

- Ông chẳng có chi đáng sợ cả. Có ngàn vạn người khác còn đáng sợ hơn ông.

Quá đổi ngạc nhiên, ông vặn hỏi :

- Những người đó có gì mà đáng sợ hơn tôi? Thầy thử nói xem.

Thiền sư vẫn ung dung đáp lại :

- Những kẻ mặt mũi đẹp đẽ, ăn mặt sang trọng, nói năng ngọt ngào nhưng trong lòng chứa đầy âm mưu thủ đoạn lường gạt hại người, kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ hành tà đạo, tôn thờ thần linh, ma quỷ nhưng nói ra toàn chuyện đạo đức giả hình, biến người nghe thành những con cừu non khờ dại, kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ quản trị những công ty lớn, miệng nói trung thành, tín nhiệm nhưng gian tham, lường gạt khách hàng khiến cả trăm ngàn người tán gia bại sản, kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ âm mưu thống trị

https://thuviensach.vn

nhân loại nhưng nói ra toàn chuyện nhân nghĩa, đạo đức để lừa mị, kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ đứng sau lưng những thế lực đen tối, buôn bán nô lệ, đàn bà, trẻ em, đứng đầu những tổ chức trùm ma túy kết thành bè đảng Mafia, không chuyện tàn ác nào mà không dám làm, những kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ dùng ngòi bút, diễn đàn như gươm súng để đàn áp người cô thế, đầu độc dư luận, bóp méo sự thật, phỉ báng, vu oan giá họa người lương thiện như thế mới đáng sợ. Còn như ông thì chẳng có gì đáng sợ cả.

Ông đáng sợ sau khi nghe nhà sư nói như thế chán nản lui ra. Nhưng khi ông vừa bước xuống thềm đá thì một cô gái tiến lên, tới trước mặt sư, kiêu hãnh hỏi:

Tôi là Hoa Hậu Thế Giới, Sư có thấy tôi đẹp không?

Sư chậm rãi đáp :

- Cô chẳng có chi là đẹp cả. Có cả ngàn vạn người còn đẹp hơn cô rất nhiều.
Cô gái nghe nói, bực bội, mở tròn đôi mắt hỏi lại sư:

- Hoa hậu thế giới là người đẹp nhất của thế giới mà thầy nói còn rất nhiều người đẹp hơn tôi, vậy những người đẹp đó hơn tôi ở chỗ nào?
Sư hiền từ đáp :

- Giữ gìn trang nghiêm "giới hạnh" là "thân đẹp". Ăn ở

https://thuviensach.vn

hiền hòa, thủy chung là "nết đẹp". Thấy người ta ngã mà nâng lên, đó là "cử chỉ đẹp". Phụng dưỡng cha mẹ già, chu cấp người cô quả cô độc, tôn quý các bậc hiền thánh, cúng dường chư tăng ni đó là "tâm hồn đẹp". Thấy người ta lâm nguy, sợ hãi mà nói lời an ủi giúp đở, đó là "ngôn ngữ đẹp". Không một tà niệm nảy sinh, đó là "ý đẹp". Thấy người ta u tối, không hiểu biết mà khai mở trí tuệ, cho học hành chữ nghĩa, đó là "trí tuệ đẹp". Phá vỡ màn vô minh, hướng dẫn chúng sinh vào con đường an vui giải thoát, đó là cái đẹp mà trời Đế Thích phải trải hoa tán thán. Còn cái đẹp của cô là cái đẹp của sự ham muốn, chiếm đoạt, xoay vần trong vòng sinh tử luân hồi, ngầm chứa khổ đau, sớm nở tối tàn không có chi đáng tán dương cả.

CHỈ RA HƯ VỌNG KHÔNG THẬT. PHÁT MINH CHÂN TÁNH THÌ VIÊN THOÁT

A Nan! Sáu căn của ông bị hạn chế là bởi "tánh giác minh" bị trở thành "minh giác". Do vậy, tánh giác minh mất phẩm chất trong sáng bản nhiên, tác dụng với các vọng mà phát ra hay biết. Hiện nay ông rời tối, rời sáng thì không có cái thấy. Rời động và rời tĩnh thì không có tánh nghe. Rời thông và bít thì không có tánh ngửi. Không vị không nhạt thì không có cái nếm. Không hợp, không ly thì không có tánh xúc. Không diệt không sanh thì cái nhận thức không có điều kiện sanh.

Động, tĩnh, hợp, ly, nhạt, vị, thông, bít, sanh, diệt, tối, sáng

https://thuviensach.vn

đó là 12 tướng hữu vi. Ông đừng chạy theo sự chi phối, lôi cuốn của chúng. Tùy nghị lực của ông, nhận xét tìm ưu thế của một căn, chặt nhổ gốc rễ vô minh phiền não, xoay tánh giác minh trở về vị trí bản nguyên minh diệu của nó. Phát huy thế mạnh trừ khử mê mờ, làm chủ được một căn thì năm căn còn lại sẽ được thanh tịnh giải thoát hết.

Đến lúc không cần có tiền trần mà tri kiến vẫn phát khởi, bấy giờ tri kiến giác minh không lệ thuộc nơi căn, chỉ gá vào căn mà phát ra nhận thức trong sáng. Do đó sáu căn bấy giờ có thể dùng thay lẫn nhau mà không có gì trở ngại.

A Nan! Ông có biết chăng! Trong hội này ông A Na Luật Đà không có mắt mà vẫn thấy. Thần nữ Căn Già không có mũi mà nhận biết hương. Ông Kiều Phạm Ba Đề lưỡi dị tướng (lưỡi trâu) mà biết vị.
A Nan! Nếu các căn của ông đều được giải thoát thì tánh giác tự phát ra. Chừng đó, phù trần căn và hiện tượng vạn hữu thế gian đối với ông cũng như băng giá gặp nước sôi. Sự nhận thức của ông bấy giờ trở thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác.

Thế nào là tánh giác minh trở thành minh giác?

Tánh giác minh là tánh thanh tịnh bản nhiên, châu biến khắp mười phương thế giới, là tánh khách quan, không phải của riêng người nào. Nhưng cái tánh giác minh này trở nên bị hạn chế, giới hạn công năng của nó khi nó tác

https://thuviensach.vn

động vào con người mà trở thành ra minh giác. Do đó minh giác là cái riêng của mình, của ta. Vì thế khi tánh giác minh tác dụng vào ông A Nan thì nó trở thành cái riêng của ông A Nan tức là minh giác. Một khi trở thành ra cái riêng của ông A Nan thì A Nan bây giờ trở thành năng phân biệt tức là năng minh và vạn pháp trở thành đối tượng sở phân biệt tức là sở minh. Thí dụ nhãn căn là năng phân biệt và nhà cửa, xe cộ là sở phân biệt. Nhĩ căn là năng phân biệt và tiếng nói, giọng cười, âm thanh là sở phân biệt.

Cái lưỡi là năng phân biệt còn mặn, nhạt, chua, cay là sở phân biệt. Nói cách khác bản tâm vốn thanh tịnh, thường hằng và không sinh không diệt, nhưng lục căn duyên theo trần cảnh bên ngoài mà phát sinh ra vọng tưởng hay, biết. Một khi vọng tưởng phát khởi thì tham-sân-si nương theo vọng tưởng mà phát sinh mạnh. Từ đó tâm con người chạy theo lục dục thất tình nên cố bám giữ những thứ mình yêu mình thích và chán ghét những thứ mình không ưa, không muốn. Cũng vì chạy theo chấp ngã, chấp pháp nên con người tạo nên hạnh nghiệp để cột chặt họ vào sinh tử trầm luân đau khổ. Cái tuyệt vời ở đây là Đức Phật nhìn vạn hữu qua tánh bình đẳng khách quan tức là Ngài chỉ có tánh giác minh nên tất cả vạn pháp trong thế gian này như thế nào thì Đức Phật nhìn thấu suốt như thế đó, không thêm không bớt. Đó chính là pháp nhĩ như thị vậy. Ngược lại chúng sinh thì nhìn vạn pháp xuyên qua thấu kinh chủ quan nên "tánh giác minh" biến mất mà thay bằng "minh giác" nên thấy biết lầm lẫn, không thật.

https://thuviensach.vn

Vì thế Phật mới dạy rằng :
“Tri kiến lập tri tức vô minh bổn,
Tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn”.

Là người đệ tử Phật chúng sinh nên thấu hiểu rằng: Hiểu biết mà chồng lên hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết rồi xóa đi hiểu biết mới tìm thấy Niết bàn. Nói cách khác người đệ tử Phật phải biết cái gì là gút để phải vướng mắt mãi mãi trong sinh tử luân hồi hoặc làm sao mở gút để không còn ràng buộc trói trăn mà bước đi thong dong tự tại.

Khi tánh giác minh trở thành minh giác thì sáu căn của con người bị hạn chế, không còn bao la vô cùng vô tận trong pháp giới bởi vì tánh giác minh bây giờ đã mất hết tánh chất trong sáng bản nhiên nên bị giới hạn trong cái hay, biết tầm thường. Vì thế sáu căn bây giờ tùy thuộc hoàn toàn vào sáu trần cho nên nếu không có sáng tối thì không có cái thấy, không có động và tĩnh thì không có tánh nghe, không mặn, không nhạt thì không có tánh nếm, không ly không hợp thì không có tánh xúc, không sinh không diệt thì không có tánh biết. Ngược lại người tu chứng thì họ không tùy thuộc vào ngoại trần, không cần sáng tối mà vẫn thấy, không cần động tĩnh mà vẫn nghe…Họ không cần sự phân biệt đối đãi của căn và trần (năng, sở) mà vẫn có tri kiến giác minh sáng suốt thanh tịnh. Khi đã làm chủ được sáu căn nghĩa là đóng bít sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

https://thuviensach.vn

thì tri kiến bây giờ trở về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên tức là sống với cái bản lai diện mục của mình. Hằng ngày con người sống với vọng tâm, sống xa dần với chơn tánh của mình nên mới nếm mùi phiền não khổ đau. Nếu bây giờ biết hồi đầu thị ngạn, biết tránh xa những nhận thức mê lầm thì cái thế giới mình đang sống này sẽ trở thành thiên đường cực lạc. Vì thế mà kinh Duy Ma Cật có dạy rằng:"Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh" là vậy.

Một lần nữa kinh Lăng Nghiêm xác định rằng một khi con người làm chủ được sáu căn của mình thì tuy hiện tượng vạn hữu trong thế gian này vẫn sờ sờ ra đó, nhưng đối với họ tuy có mà vẫn như không. Nói cách khác mặc dù thế gian vẫn có trước mắt, nhưng chúng sinh đừng chấp cái có của nó, đừng để tâm tham mê luyến ái nó thì tuy là có nhưng nó vẫn như không. Đó chính là thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe. Lục căn đối với người giác ngộ thì tuy có mà vẫn như không. Các Ngài cũng có đầy đủ sáu căn như tất cả chúng sinh, nhưng sáu căn không còn tác động, chạy theo sáu trần. Họ nhìn vạn pháp một cách thấu triệt tận gốc của nó rằng : "Vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn" nên tâm không hề lưu luyến, tham ái. Đây chính là cái nhìn hiện tượng vạn pháp qua thấu kính "tri kiến vô kiến" vậy.

Khi nói sáu căn chớ thật sự không phải là sáu mà chỉ nói sáu vậy thôi. Nhưng nếu không nói là sáu thì phải chăng nó là một? Cũng không được gọi là một mà chính là một. Nói

https://thuviensach.vn

cách khác công dụng của sáu căn là một và một cũng là sáu. Vì sao? Bởi vì sáu căn phát xuất từ tánh giác minh thanh tịnh bản nhiên mà tác dụng vào sáu căn nên có công dụng khác nhau mà có tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết. Nói cách khác sáu tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, nếm, xúc, biết đều phát xuất từ một tánh giác minh nên nói một tức là sáu, nhưng nếu con người bây giờ biết làm chủ sáu căn của mình để quay về với tự tánh thanh tịnh của mình thì sáu trở thành một nghĩa là sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau mà không có gì ngăn ngại cả. Phù trần căn là những căn thô, hiển lộ ra hình tướng chẳng hạn như con mắt thì tròn giống như trái nho, lỗ tai thì hình dáng giống như cái là sen non…Còn những căn rất vi tế bên trong gọi là tịnh sắc căn. Tuy rất vi tế, nhưng nó vẫn là vật chất, như luồng điện. Con người thường nghĩ rằng ý căn thuộc về tư tưởng nên nó không phải là vật chất, nhưng ở đây Phật chỉ rõ rằng ý căn thuộc về tâm nên không có hình tướng. Tuy ý căn là vô hình, nhưng vì phát xuất từ tứ đại thanh tịnh nên nó cũng có phù trần căn và tịnh sắc căn như tất cả các căn khác. Phù trần căn là khối thần kinh dùng để lưu chuyển những tín hiệu (dòng điện) từ các căn khác về hệ thần kinh trung ương.

Trong đoạn kinh trên Đức Phật dạy ông A Nan và đại chúng nếu muốn trở về với bản tâm thanh tịnh để có giải thoát giác ngộ, an vui tự tại thì chỉ cần hàng phục "một trong sáu căn" để cho nó không còn dính mắc nơi trần cảnh nghĩa là tận diệt tận gốc rễ tất cả vô minh phiền não và

https://thuviensach.vn

xoay tánh giác minh trở về với trạng thái sáng suốt, minh diệu như thủa ban đầu. Một khi trí sáng suốt hiển hiện thì chấp ngã, chấp pháp dần theo thời gian mà tan biến và sau cùng chơn tâm hiện bày, Phật tánh hiển lộ và chúng sinh sẽ có an lạc, thanh tịnh và tự tại.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật có dạy rằng :

“Tất cả chúng sinh đều có đầy đủ trí tuệ của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước che lấp nên không nhận ra. Nếu con người có thể lìa được vọng tưởng thì Nhất thiết trí, Tự nhiên trí, Vô ngại trí hiển bày”.

Nói tóm lại, chúng sinh do căn-trần đối đãi mà có năng-sở phân biệt cho nên khi không có căn-trần thì mờ mịt, lầm lẫn. Đến khi chứng được tánh sáng suốt nghĩa là xoay cái minh giác trở thành tánh giác minh thì sáu căn trở thành tự tại và trở về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên nên sáu căn có thể hòa nhập, không còn ngăn ngại. Đó là tại sao các vị A la hán, Duyên giác hay Bồ-tát một khi đã hoàn toàn sống với tánh giác minh của họ thì người nào cũng có thần thông tự tại, biến hóa khôn lường. Sáu căn không còn ngăn ngại nên mặc dầu nhắm mắt mà họ vẫn thấy, bịt tai mà vẫn nghe. Bằng chứng là tôn giả A Na Luật tuy mắt bị mù, nhưng nhờ có được thiên nhãn thông mà có thể thấy được tam thiên đại thiên thế giới như thấy quả quít trong bàn tay. Thần nữ Căn Già tuy không có mũi mà vẫn biết mùi hương. Ông Kiều Phạm Ba Đề đời trước chê bai những vị

https://thuviensach.vn

tăng tiếng tụng kinh như tiếng chó sủa nên sang đến đời này cái lưỡi rất to và cong lại như lưỡi trâu. Tuy thế ông vẫn biết đủ mùi vị.

PHẬT BẢO ĐÁNH CHUÔNG ĐỂ CHỨNG NGHIỆM TÁNH NGHE CỦA NHĨ CĂN LÀ THƯỜNG CÒN

ÔNG A NAN NGHI NGỜ RẰNG KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI KHÔNG CÓ TỰ THỂ.

Bạch Thế Tôn! Ông A Nan thưa. Theo lời Thế Tôn dạy chỗ phát tâm cầu được thường trụ trong lúc tu nhân, cốt yếu cần phải cân xứng với những đức tính trong lúc chứng quả. Bạch Thế Tôn! Như trong quả vị, nào là Bồ-đề, Chân như, Phật tánh, Am ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại viên cảnh trí. Bảy thứ danh hiệu tuy có khác nhau, nhưng thế tánh đều thanh tịnh viên mãn, vững chắc như Kim cương vương, thường trụ như hư không bất hoại.

Bạch Thế Tôn! Cái tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết rời các tướng tối, sáng, động, tĩnh, thông, bít, nhạt, mặn, hợp, ly cho đến như tâm niệm tư duy rời tiền trần không có cái nào còn tự thể. Vậy thì lấy cái gì làm nhân tu hành để cầu Vô Thượng Giác rắn chắc như Kim cương vương, thường trú bất hoại như hư không ấy?

Xin Phật rũ lòng đại từ khai thị chỗ mê chấp cho tôi!

https://thuviensach.vn

Trong đoạn nghĩa quyết định thứ nhất Phật dạy rằng:" Chúng sinh chỉ có thể nương theo cái tâm thường trụ, bất biến, không sinh diệt để làm nhân địa tu hành thì mới thấy được chơn tâm, Phật tánh của chính mình". Trong đoạn nghĩa quyết định thứ hai Phật lại dạy: "Tánh thanh tịnh nhiệm mầu bị dính nơi sáu căn, cần phải mở cái nút ấy ra mới được giác ngộ". Nói cách khác không thể đem sáu căn còn bị dính mắc, mê lầm mà tu chứng thành quả vô lậu được. Và sau cùng đoạn kinh trên Phật dạy ông A Nan và đại chúng nên chọn một trong sáu căn làm nhân địa tu hành vì một căn dễ tận diệt tận gốc rễ tất cả vô minh phiền não mà thấy được chơn tâm, Phật tánh của mình. Nói cách khác chúng sinh chỉ cần chọn cho mình một căn dễ thâm nhập, công dụng dễ thành mà tiến tu để phá trừ chấp ngã, chấp pháp và đạt được tánh viên thông vô ngại thì những căn còn lại đồng thời đều được thanh tịnh.

Đến đây ông A Nan đã thấu hiểu rằng tuy các quả sở chứng có nhiều, nào là Chơn như, nào là Bồ-đề, nào là Am ma la thức, nào là Không Như Lai Tạng…nhưng tất cả đều có chung thể tánh thanh tịnh viên mãn. Thế nhưng ông lại nghi rằng nếu mà tiền trần tự nó diệt mất thì những tâm niệm của ông cũng bị diệt theo. Do vậy mà tâm ngã và tâm sở cũng không còn tức là tướng của bản ngã và tướng của hình trạng vạn hữu bên ngoài cũng tan biến. Như thế thì lấy cái gì làm nhân căn bản để tu hành mà thành giác ngộ?

https://thuviensach.vn

KHAI THỊ TÁNH NGHE LÀ THƯỜNG CÒN

Phật bảo :
- A Nan! Nay tôi đem việc thông thường trước mắt, phương tiện tháo gở mối nghi của ông. Bấy giờ Phật bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng;

- A Nan ! Ông có nghe không?
- Có nghe. Ông A Nan và đại chúng đồng thưa.

Chuông hết kêu, không còn tiếng, Phật lại hỏi rằng:

- Nay ông có nghe chăng?

- Không nghe. Bạch Thế Tôn.

La Hầu La lại đánh một tiếng chuông nữa, Phật lại hỏi rằng:

- Ông có nghe chăng A Nan?

- Có nghe. Bạch Thế Tôn.

Phật hỏi :

https://thuviensach.vn

- Thế nào thì ông có nghe? Còn thế nào thì ông không nghe?

Ông A Nan và đại chúng đồng bạch Phật rằng :

- Có tiếng chuông kêu thì chúng tôi được nghe, hồi lâu tiếng dứt, âm vang không còn thì không còn nghe nữa. Đức Phật lại bảo ông La Hầu La đánh chuông rồi hỏi tiếp:

- Theo ông hiện nay có tiếng không?

- Có tiếng. Bạch Thế Tôn!

Hồi lâu, tiếng chuông dứt bặt, Phật lại hỏi:

- Hiện giờ có tiếng không?

- Không tiếng, Bạch Thế Tôn!

Phật bảo :

- Thế nào ông gọi là có tiếng. Còn thế nào thì ông gọi là không tiếng?

Ông A Nan và đại chúng đồng thưa :

https://thuviensach.vn

- Có đánh chuông, tiếng chuông ngân vang thì gọi là có tiếng, giây lâu tiếng hết, âm vang không còn thì gọi là không tiếng.
Phật bảo :

- Ông A Nan và đại chúng rằng: Sao hôm nay các ông nói lộn xộn điên đảo như thế?
Đại chúng và A Nan bạch Phật :

- Vì đâu Phật bảo chúng tôi lộn xộn và điên đảo?

Bây giờ Phật mới dạy rằng:

- Tôi hỏi về cái nghe thì các ông nói là nghe! Tôi hỏi về tiếng thì các ông cũng nói là tiếng! Chỉ có cái nghe và tiếng mà các ông trả lời không nhất định, còn không phải lộn xộn điên đảo là gì?

- A Nan! Biết có, biết không là do có tiếng hay không có tiếng. Có tiếng thì nghe động, không tiếng là nghe tĩnh, chứ không phải không tiếng, tánh nghe không còn. Nếu tánh nghe không còn thì lấy cái gì để biết là không tiếng?

- A Nan! Cái tiếng đối với tánh nghe tự có sinh có diệt, nhưng không phải vì sự sinh hay diệt của tiếng mà tánh nghe của ông tùy có tùy không. Ông còn lộn lạo lầm cái

https://thuviensach.vn

tiếng mà cho là cái nghe, thảo nào chẳng mê mờ cái viên thường mà cho là đoạn diệt. Ông không nên lầm tưởng rời các thứ động, tĩnh, tối, sáng, thông, bít, …là cái nghe…không còn. Ông nên hiểu rằng: Tánh nghe không những "thường hằng" trong khi thức mà nó "thường hằng" cả trong lúc ông ngủ say sưa!

- Chúng sinh từ vô thỉ đến nay, theo sự lôi cuốn của sắc, thanh theo vọng niệm mà lưu chuyển, không hồi quang phản chiếu cái bản tánh thanh tịnh diệu thường, bỏ sót mất tánh thường chỉ buông xuôi theo dòng sinh diệt. Do vậy đời đời sống trong tạp nhiễm mà phải luân chuyển khổ đau. Nếu biết rời bỏ những cái sinh diệt, giữ lại tánh chân thường sáng suốt nhiệm mầu thì lục căn, lục trần, lục thức tiêu vong tại chỗ. Bởi vì trần là cái tướng của vọng tưởng và cấu là vọng tình phân biệt của con người. Xa lìa hai thứ trần cấu thì pháp nhãn của ông tức thì trong sáng. Cái nhận thức của ông bấy giờ là nhận thức của con người Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác đồng với chư Phật mười phương ba đời vậy.

Tuy A Nan đã biết các sự mê lầm dựa theo lời Phật dạy, nhưng chính ông chưa trực nhận được cái mê lầm nầy. Để giải mối nghi ngờ của ông A Nan, bây giờ Phật bảo tôn giả La Hầu La đánh chuông. Khi Phật hỏi có nghe, không nghe thì ông A Nan cũng đáp có nghe, không nghe. Đến khi Phật hỏi có tiếng, không tiếng thì ông A Nan cũng đáp có tiếng, không tiếng. Chính ông A Nan và đại chúng đã lầm lẫn cái

https://thuviensach.vn

nghe với cái tiếng tức là không phân biệt rõ ràng cái gì là "căn tánh" và cái gì là "trần cảnh". Dựa theo A Nan là khi không nghe tiếng thì gọi là không nghe, nhưng nếu suy nghĩ kỷ lại thì nếu thật không nghe thì làm sao biết được tiếng chuông đã dứt. Còn nếu tánh nghe đã diệt, không còn thì khi tiếng chuông đánh lại, làm sao còn nghe được? Nói cách khác tiếng không, không phải tánh nghe không có. Hoặc tiếng có, không phải tánh nghe mới sinh.

Do vậy nghe có tiếng, hay nghe không có tiếng là do thanh trần khi có, khi không chớ không phải tánh nghe vì thanh trần mà hóa có, hóa không. Vì vậy phải biết rằng tánh nghe thì lúc nào cũng có cho dù có tiếng hay không nên mới gọi là thường còn. Nói cách khác có tiếng thì nghe động, không tiếng thì nghe tĩnh, chớ không phải không tiếng thì tánh nghe không còn. Đây là đức tính "thường", một trong ba tính "thường, viên, thông" của nhĩ căn. Bằng chứng là trong khi ngủ, con người cũng có thể nghe được tiếng mặc dù ý thức không khởi. Trong chương kế tiếp, Đức Phật giới thiệu Đức Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông để khai thị rằng trong nhĩ căn của con người có một tánh nghe, thường hằng, không sinh diệt cho dù có tiếng hay không có tiếng. Nếu chúng sinh có thể đi vào được bản tánh nghe của mình thì tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước dần dần sẽ tan biến. Từ đó chơn tâm hiển bày, Phật tánh biểu lộ.

Tiếng nghe là tướng của âm thanh tức là khi có tiếng là âm thanh sinh và không còn tiếng là âm thanh diệt. Vì thế âm thanh là tướng sinh diệt. Vì thế nếu chúng sinh dựa vào âm

https://thuviensach.vn

thanh sắc tướng mà tu tức là tu theo bản tánh sinh diệt của các tướng thì không bao giờ đạt được chơn như thanh tịnh bởi vì những gì có tướng sinh diệt đều là huyễn ảo, giả dối, không thật. Do đó nếu chúng sinh nương theo những huyễn ảo này mà tu thì họ sẽ sống với cái vọng duyên, huyễn cảnh. Cho nên trong kinh Kim Cang, Phật có dạy rằng:

"Nếu thấy ta bằng sắc tướng
Nghe ta bằng âm thanh
Người này đi đường tà
Không thấy được Như Lai".

Nghĩa là nếu chúng sinh còn dựa theo âm thanh sắc tướng của Phật mà tu tức là chưa phá được vọng chấp, vô minh phiền não thì không bao giờ thấy được Phật tâm, Phật tánh tức là không thấy được Như Lai.

Mũi, lưỡi, thân và ý thì cũng vậy. Khi có mùi thơm thì mũi ngửi biết mùi thơm, khi có mùi xú uế thì ngửi biết mùi hôi tanh. Còn nếu không có mùi thì mũi trở về với tánh vô ký tức là tánh ngửi vẫn còn, nhưng không có mùi vị để tiếp nhận. Khi có vị mặn, nhạt thì lưỡi nếm được những vị này, nhưng nếu không có mùi vị gì thì lưỡi trở lại với tánh vô ký của nó, chớ không phải là không còn tánh nếm. Nói tóm lại ngoài những cái phân biệt thương ghét, vui mừng, buồn giận, phải quấy, hơn thua, tốt xấu của thế gian hay cái tánh thấy nghe, ngửi, nếm, xúc, biết thì vẫn còn một cái lúc nào cũng thường còn trong tất cả mọi chúng sinh. Đó chính là

https://thuviensach.vn

chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh chớ không phải mất hết như ông A Nan hoài nghi.

Từ vô thỉ, con người có thói quen chạy theo âm thanh sắc tướng tức là chạy theo cái sinh diệt mà bỏ mất tánh viên thường nên xoay vần mãi trong ô nhiễm chấp trước mà tạo hạnh nghiệp để phải chịu sinh tử khổ đau. Nay nếu biết thoát ly trần cảnh, bỏ cái phân biệt, phát huy tánh chân thường yên lặng sáng suốt thì những vọng tưởng, phân biệt mê chấp biến mất và tâm tánh thường trụ sáng suốt hiện ra để làm nhân địa tu hành đi đến đạo quả thường trụ của Phật.

XEM TIẾP CHƯƠNG 8 QUYỂN HAI...

https://thuviensach.vn

Cuốn Hai

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu
Phần Giới Thiệu
Chương Thứ Nhất
Đề Mục Kinh
Nhân Duyên Và Thời Điểm Phật Nói
Kinh Thủ Lăng Nghiêm
Phần Chánh Tông
Chương Thứ Hai
Bảy Đoạn Phật Hỏi Về Tâm
Chương Thứ Ba
Chỉ Rõ Tánh Thấy
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Nhất
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Hai
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Ba
A Nan đã hiểu Được Chơn Tâm Nhưng Chưa Dám Nhận
Phật Chỉ Tâm Lần Thứ Tư & Thứ Năm
Chương Thứ Tư
A Nan Nghi "Chơn Tâm" Đồng Với Thuyết Tự Nhiên Của Ngoại Đạo
Chương Thứ Năm
Do Nhận Thức Sai Lầm Khiến Cho Con Người Bỏ Mất Bản Tâm Thanh Tịnh, Bản Giác Thường Trú Của Mình
Tánh Thấy Ngoài Hai Nghĩa Hòa Hợp Và Không Hòa Hợp
Chương Thứ Sáu
Bốn Khoa Bảy Đại Vốn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như

https://thuviensach.vn

Lai Tạng
Ngũ Uẩn Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Sáu Nhập Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Mười Hai Xứ Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Bảy Đại Là Hiện Tượng Biểu Hiện Từ Như Lai Tạng
Giác Ngộ Và Phát Nguyện
Chương Thứ Bảy
Phật Thuyết Minh Tánh Của Các Đại Vốn Không Ngăn Ngại Gì Nhau Nhằm Khai Thị Chơn Lý "Sắc Không, Không Sắc"
Phật Khai Thị Nguồn Gốc Duyên Khởi Của Hiện Tượng Vật Chất
Phật Chỉ Hai Nghĩa Quyết Định
DỰA VÀO NHƠN TU MÀ SUY BIẾT QUẢ SƠ CHỨNG
Chỉ Rõ Chỗ Hư Vọng Của Sáu Căn
Phật Bảo Đánh Chuông Để Chứng Nghiệm Tánh Nghe Của Nhĩ Căn Là Thường Còn
Chương Thứ Tám
Nương Chỗ Ngộ Mà Viên Tu
Chỉ Một Cái Khăn Mà Sáu Lần Cột Thành Sáu Gút. Mở Hết Sáu Gút Một Cũng Không Còn
Gạn Hỏi Đại Chúng Về Viên Thông
Chương Thứ Chín
Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông
Chương Thứ Mười
Chương Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông
Chương Thứ Mười Một
Phật Bảo Văn Thù So Sánh Chọn Căn Ưu Việt Nhất

https://thuviensach.vn

[So Sánh Sự Ưu Khuyết Của Sáu Trần, Năm Căn, Sáu Thức Và Bảy Đại]

HẾT QUYỂN SÁU DỰA THEO HÁN KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

https://thuviensach.vn

Cuốn Hai

Chương Thứ Tám - NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ VIÊN TU

Ông A Nan thưa :

- Bạch Thế Tôn! Dù Phật đã dạy nghĩa quyết định thứ hai về công việc tháo mở gút. Song tôi nghĩ rằng những người mở gút nếu không biết đầu mối của gút ở đâu thì ắt hẳn không thể nào mở được.

- Bạch Thế Tôn! Tôi và hàng Thanh Văn hữu học trong hội này cũng vậy. Từ vô thỉ đến nay, chúng tôi cùng sinh cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được nghe nhiều Phật pháp thế này, mang tiếng xuất gia mà như người sốt rét cách nhật (chợt giác chợt mê). Xin đức đại từ thương xót kẻ đắm chìm, chỉ cho tôi ở nơi thân tâm này cái gì là gút? Và muốn mở phải khởi sự như thế nào?

Trong đoạn nghĩa quyết định thứ hai Phật lại dạy: "Tánh thanh tịnh nhiệm mầu bị dính nơi sáu căn, cần phải mở cái nút ấy ra mới được giác ngộ" nghĩa là không thể đem sáu căn còn bị dính mắc, mê lầm mà tu chứng thành quả vô lậu được. Thật ra trong thế gian này, có mấy ai biết trong ta cái gì là gút để phải vướng mắc mãi trong sinh tử luân hồi? Hoặc phải làm sao mở gút để khỏi ràng buộc trói trăn? Nói cách khác con người phải biết cái gì là cội gốc của phiền não tức là cái gút và phải biết làm sao cởi cho được cái gút ràng buộc kia thì mới được giải thoát. Vì lẽ đó mà ông A

https://thuviensach.vn

Nan yêu cầu Đức Phật chỉ cho thế nào là gút và do đâu mà cởi?

THẬP PHƯƠNG NHƯ LAI PHÓNG HÀO QUANG, ĐỒNG MỘT LỜI NÊU RA CÁI CĂN.

Đức Thế Tôn rũ lòng thương xót lấy tay xoa đỉnh đầu ông A Nan. Đồng thời tất cả thế giới chư Phật trong mười phương cùng phóng ánh sáng báu đến rừng Kỳ Đà soi lên đảnh đầu của Đức Phật. Tất cả đại chúng ở đây đều được sự khinh an chưa từng có.

Lúc bấy giờ, ông A Nan và cả đại chúng đều nghe các Đức Như Lai mười phương, số như vi trần, tuy khác miệng, nhưng đồng một lời, bảo ông A Nan rằng:

Hay thay A Nan! Ông muốn biết cái gì là gút thắt khiến cho ông luân hồi sinh tử khổ đau!

A Nan! Cái gút thắt khiến cho ông luân hồi sinh tử, chính là sáu căn của ông, chớ chẳng phải cái gì khác!

Ông lại cũng muốn biết, phải làm sao mau đến chỗ an lạc, giải thoát, tịch tĩnh Vô thượng Bồ-đề!

Này A Nan! Thì cũng chính là sáu căn của ông đó, chớ chẳng phải cái gì khác!

https://thuviensach.vn

Chơn tâm, Phật tánh thì lúc nào cũng như như bình đẳng, không cột mà cũng không cởi, nhưng con người vì chấp trước mê lầm nên thấy có ràng buộc và cởi mở để được giải thoát. Đức Phật Thích Ca và tất cả mười phương chư Phật nhiều như số vi trần tuy tiếng nói phát xuất từ nhiều thế giới khác nhau, nhưng cùng một ý nghĩa và mỗi vị đều có hào quang chiếu sáng vào đỉnh đầu Đức Phật Thích Ca là để minh chứng những pháp Đãnh mà Đức Phật Thích Ca tuyên thuyết cũng giống như chư Phật tức là "dị khẩu đồng âm" vậy.

Vì ông A Nan thỉnh cầu mười phương chư Phật chỉ bày phương tiện tối sơ là Tam Ma Đề (Xa ma tha, tam ma bát đề và Thiền na) mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề. Vì thế mà chư Phật đồng khai thị, chỉ bày con đường mà các Ngài đã thoát ly sinh tử. Đó là gút hay mở gút chính là sáu căn của ông A Nan hay nói rộng hơn là sáu căn của tất cả mọi chúng sinh. Nếu không làm chủ được sáu căn của mình tức là tự mình thắt gút thì phải lưu chuyển trong sinh tử. Còn làm chủ được sáu căn tức là tháo gở thì sớm chứng quả vị giải thoát. Nói cách khác, một khi con người còn thương, ghét, thân, sơ, hỉ, nộ…là chính họ tự thắt gút. Ngược lại nếu họ thực hành từ, bi, hỉ, xả, thiền định, trí tuệ…là mở gút, tháo tung, ung dung, tự tại.

CHỈ RÕ CĂN TRẦN ĐỂ LỰA BỎ CÁI VỌNG THỨC

https://thuviensach.vn

Ông A Nan tâm còn lưỡng lự ôm mối hoài nghi, cúi đầu thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao cái nguyên nhân khiến cho tôi luân hồi sinh tử và khiến cho tôi được Bồ-đề, Niết bàn lại cũng là do sáu căn chớ không phải cái gì khác? Phật dạy :

- A Nan! Căn và trần đồng một bản thể, cột hay mở chẳng phải đợi hai. Cái thức phân biệt của ông chỉ là hư vọng như hoa đóm trong hư không. Nhân nơi trần mà phát ra cái nhận biết của căn. Nhân nơi căn mà có cái sắc tướng của trần. Chủ thể năng kiến và đối tượng sở kiến chỉ là sự phản ánh tác dụng qua lại mà có ra. Tự tánh của chúng thật sự là không có tự tánh gì. Sự hiện khởi duyên sanh của chúng như những cái hình của những đám mây lau sậy gác chéo vào nhau.

Vậy nên nay ông chính nơi tri kiến, lập ra tướng tri kiến thì tức là cỗi gốc vô minh. Chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến thì vô lậu chân tịnh Niết bàn, làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác. Tuy chư Phật đã khai thị mê ngộ đồng nguồn, nhưng ông A Nan vẫn chưa tỏ ngộ nên Đức Phật mới thuyết giảng thêm về nhất chân pháp giới. Nguyên nhân cột thắt gút để sinh ra biết bao sự vui mừng, buồn bực, khổ đau là do sáu căn, sáu trần và con người có được an lạc giải thoát giác ngộ cũng bởi do cởi mở cái gút của

https://thuviensach.vn

sáu căn, sáu trần. Vậy thì sáu căn và sáu trần đồng một nguồn cho nên cột và mở không phải là "hai". Căn là năng tri tức là cái biết của mình còn trần là sở tri tức là đối tượng hay biết. Vì năng ở trong và sở ở ngoài nên con người thường có sự lầm lẫn mà phân biệt rằng năng và sở tức là trong và ngoài phải khác nhau. Nhưng xét cho cùng thì năng và sở tức là chủ và khách hay trong và ngoài đều đối đãi với nhau mà thành.

Nếu không có sở thì lấy gì mà gọi là năng. Còn nếu không có năng thì do đâu mà thành lập được sở? Nói cách khác năng sở đối hiện ra nhau, nương với nhau mà có, ngoài năng không có sở và dĩ nhiên ngoài sở không có năng. Vì thế năng và sở không thể tách rời nhau, bất tức bất ly. Thí dụ mắt mà không có cảnh thì làm sao thấy được, hay cảnh vật mà không có mắt thì làm sao thấy? Do đó muốn thấy thì phải có mắt, cảnh và dĩ nhiên tánh thấy. Mặc dầu căn và trần đồng một thể tánh không thể tách rời nhau, nhưng con người vì thấy nơi căn trần đối hiện mà cho rằng căn thuộc về tâm năng tri và trần là cảnh sở tri làm cho ngoài tâm có cảnh, ngoài cảnh có tâm, tâm và cảnh đối lập với nhau mà sinh ra biết bao sự mê lầm, ràng buộc.

Ngược lại chư Phật và biết bao đại sĩ Bồ-tát thì cũng căn trần đó mà họ không cột và cũng không cần mở vì tự tánh của căn trần là thanh tịnh bản nhiên, đâu có tội lỗi xấu xa gì. Các Ngài cũng có mắt tai, mũi, lưỡi, thân và ý như tất cả chúng sinh và dĩ nhiên thế gian vũ trụ cũng sờ sờ ra đó tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vẫn còn đủ, nhưng các Ngài làm chủ sáu căn của mình không để cho nó chạy

https://thuviensach.vn

theo khách trần nên tâm hằng thanh tịnh. Đây chính là "tri kiến vô kiến" vậy.

Còn chúng sinh thấy nhà đẹp thì mê, thấy tiền thì tối mắt nên cái thấy biết này là "tri kiến lập tri" tức là cái thấy biết của sự mê lầm, tham đắm. Nếu căn trần không có xấu xa tội lỗi thì do đâu có cái lỗi khiến con người rơi vào vòng phiền não khổ đau, phải chịu sinh tử trầm luân? Tất cả cũng chỉ vì con người chạy theo cái thức phân biệt nên nhìn cái gì cũng có "Hai" tức là có trong có ngoài, có tốt có xấu, có thiện có ác, có thánh có phàm, có ta có người…Bây giờ hãy nhìn lại trong thế gian này có cái gì là xấu xa tội lỗi chăng? Cái mà con người cho rằng xấu xa tội lỗi là do cái nhìn có vô minh phiền não, tham đắm của mình mà ra. Khi tâm chất đầy tham-sân-si, ái dục thì nhìn cái gì cũng mê, cũng thích, cũng muốn chiếm lấy. Đây chính là những vẫn đục đeo trước con mắt của họ khiến họ nhìn thế gian là bất toàn, khổ não.

Nhưng nếu bây giờ lấy cái vẫn đục kia đi và cũng nhìn cái thế gian đó với tâm trong sáng, thanh tịnh, khách quan, không còn vô minh phiền não thì cái tội lỗi khổ đau kia tức thì biến mất. Vậy ai cột trói mình? Chính mình tự cột trói lấy mình, tự mình chuốc bao hệ lụy của phiền não khổ đau, chính mình chạy theo chạy theo tham-sân-si chớ đâu phải thế gian, trần cảnh. Nếu mình tự trói buộc mình thì chính mình tự cởi trói lấy. Không chạy theo trần cảnh thì tâm hằng thanh tịnh, có an vui tự tại thanh thoát an nhàn. (Quý Phật tử nên tìm đọc phẩm nhập pháp môn Bất Nhị trong

https://thuviensach.vn

kinh Duy Ma Cật cùng tác giả để hiểu thêm). Vì tầm quan trọng đó mà Phật đã dạy rằng:

“Tri kiến lập tri tức vô minh bổn

Tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn”.

Nghĩa là :

Đem sự thấy biết bên ngoài đưa vào tâm tức là đem những cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của mình chồng lên sự phân biệt thương ghét, lấy bỏ, hơn thua, tốt xấu thì đây chính là gốc rễ của phiền não, vô minh. Còn thấy biết rồi bỏ đi tức là không mời khách trần vào tâm thì mới tìm thấy Niết bàn.

Một hôm Đức Phật cùng các tỳ kheo du hành dọc bờ sông. Ngài thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước nên hỏi các tỳ kheo rằng :

- Này các tỳ kheo, các ông có thấy khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước kia không?

- Thưa thấy. Bạch Thế Tôn!

- Các tỳ kheo! Nếu khúc gỗ ấy không đâm vào bờ này, không đâm vào bờ bên kia không chìm giữa dòng, không

https://thuviensach.vn

mắc cạn trên đất nổi, không bị người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị lọt vào xoáy nước, không bị mục nát bên trong…thì nó sẽ hướng về biển, xuôi theo biển, nhập vào biển. Vì cớ sao? Này các tỳ kheo! Nếu các ông không đâm vào bờ này, bờ kia, xuôi theo biển, nhập vào biển. Cũng vậy, hỡi các tỳ kheo, nếu các ông không đâm vào bờ này, bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn, không bị người hay phi nhân lấy, không lọt vào xoáy nước, không mục nát bên trong…thì các ông sẽ hướng về, sẽ xuôi theo Niết bàn, sẽ nhập vào dòng Niết bàn. Vì sao? Này các tỳ kheo, chính bởi vì pháp của Như Lai giảng nói xu hướng Niết bàn, xuôi theo Niết bàn và nhập vào Niết bàn.

Khi được nghe như vậy, một vị tỳ kheo bạch:

- Bạch Thế Tôn! Bờ này là gì? Bờ kia la gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên đất nổi? Thế nào là bị người nhặt, phi nhân nhặt? Thế nào là lọt vào xoáy nước? Thế nào là mục nát bên trong?

- Này các tỳ kheo! Bờ này là ám chỉ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bờ kia chỉ cho sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bị chìm giữa dòng là những khoái thích, ham muốn, ái dục. Mắc cạn trên đất nổi đồng nghĩa với "ngã mạn". Bị người nhặt là những vị tỳ kheo sống quá liên hệ với cư sĩ nên chung vui chung buồn với họ nghĩa là nếu chúng sinh an lạc thì tỳ kheo an lạc, còn chúng sinh đau khổ thì cũng đau khổ như họ. Và các tỳ kheo "bị phi nhân

https://thuviensach.vn

nhặt lấy” có nghĩa là vị tỳ kheo tu phạm hạnh với ước mơ được sinh lên cõi trời, hưởng phước báo chư thiên. Bị lọt vào xoáy nước là đồng nghĩa với ngũ dục lạc của thế gian, đó là tài lợi, sắc đẹp, danh tiếng , ăn và ngủ. Bị mục nát bên trong ám chỉ vị tỳ kheo theo các ác pháp, có những hành động khả nghi, không giữ giới tuy bề ngoài có hiện tướng thanh tịnh, nhưng bên trong nội tâm thì hủ bại, đầy dục vọng.

NÓI BÀI KỆ CHỈ RÕ CHÂN VÀ VỌNG KHÔNG CÓ TÁNH. HỄ THEO TÁNH VIÊN THÔNG THÌ XOAY VỀ BẢN GIÁC.

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN

Chơn tánh hữu vi không
Duyên sanh có như huyễn
Vô vi vô khởi diệt
Bất thật như không hoa
Ngôn vọng hiển chư chơn
Vọng, chơn đồng nhị vọng
Do phi chơn phi chơn
Vân hà kiến sở kiến
Trung gian vô thật tánh
Thị cố nhược giao lô

https://thuviensach.vn

Giải kết đồng sở nhơn
Thánh phàm vô nhị lộ
Nhữ quán giao trung tánh
Không hữu nhị câu phi
Mê hối tức vô minh
Phát minh tiện giải thoát
Giải kết chơn thứ đệ
Lục giải nhứt diệc vong
Căn tuyển trạch viên thông
Nhập lưu thành Chánh giác
Đà na vi tế thức
Tập khí thành bộc lưu
Chơn phi chơn khủng mê
Ngã thường bất khai diễn
Tự tâm thủ tự tâm
Phi huyễn thành huyễn pháp
Bất thủ vô phi huyễn
Phi huyễn thường bất sanh
Huyễn pháp vân hà lập
Thị danh diệu liên hoa
Kim cang vương bảo giác
Như huyễn tam ma đề
Đàn chĩ siêu vô học
Thử A-tỳ-đạt ma
Thập phương Bạc-già-phạm
Nhứt lộ Niết bàn môn.

Dịch là :

https://thuviensach.vn

Chơn tánh của pháp hữu vi là không
Vì duyên sanh, sanh như huyễn hóa

Các pháp hữu vi thế gian đều không có tự tánh, tự thể nên thực chất của nó là không. Đối với vọng tưởng của chúng sinh thì họ thấy nhà cửa, xe cộ, tiền tài vật chất là có, nhưng sự thật đây chỉ là giả có, sinh diệt tức là có đó rồi mất đó. Vì nhân duyên sinh cho nên có. Có mà không thật có nên mới gọi là huyễn. Duyên sinh là do những ảnh hưởng, kết hợp, nương tựa, liên hệ của các sự vật khác mà hóa ra có. Thí dụ muốn có cơm thì phải có gạo, nấu với nước vì thế gạo, nước, sức nóng của lửa là những duyên sinh để tạo thành cơm chớ tự gạo không thể thành cơm được.

Vô vi thì không có khởi diệt

Vì chẳng thật, như hoa đóm trong hư không

Để phủ định cái huyễn hữu (giả có) mà ở đây Đức Phật đưa ra cái vô (cái không), nhưng kỳ thật chẳng có cái gì gọi là "vô vi' cả. Dựa theo thuyết duyên khởi thì cái gì không có sinh khởi, không có diệt tận thì gọi là vô vi. Nói cách khác vô vi là không có gì cả. Chúng sinh vì chạy theo mê lầm pháp chấp nên nghĩ rằng Niết bàn là thật có, giải thoát giác ngộ là thật có nên Đức Phật mới đối trị lại rằng chẳng có cái gì là vô vi để đạt, để chứng cả. Vô vi là đối đãi với hữu

https://thuviensach.vn

vi mà có, nay hữu vi đã không thật thì lấy cái gì để đối mà có vô vi? Vì vậy Phật mới dạy các pháp vô vi không thật có, như hoa đóm giữa hư không.

Phủ định vọng, nhằm khẳng định có chơn

Nếu chấp "chơn" thì vọng chơn đều vọng

Giá vọng biểu chơn là một thuật ngữ rất thông dụng trong Phật học. Khi nói các pháp hữu vi là vọng để bày tỏ vô vi là chơn thì đây chỉ là phương tiện, là cách nói chớ không có chi là chân thật cả. Khi chúng sinh trực nhận các pháp hữu vi là giả dối, không thật có thì đã nhận đúng sự thật rồi. Nếu đem cái "không thật có" đó đối đãi với cái "thật có" thì lọt vào vòng đối đãi phân biệt nhị nguyên nên tự mình hủy diệt cái chân thật đó rồi. Phải hiểu rằng hết vọng là chơn mà không cầu chơn trong khi hết vọng nghĩa là một khi con người không còn vọng chấp mê lầm thì cái chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh tự hiển bày mà không cần cầu mong trông đợi gì hết. Nếu còn mong cầu thì tâm vẫn còn mê chấp thì chơn tâm biến mất, không bao giờ hiển lộ.

Chơn và phi chơn còn không có
Thì năng kiến sở kiến có thật gì!
Thức ở trung gian, không thật tánh
Như lau sậy gác chéo lên nhau

https://thuviensach.vn

Căn và trần đối đãi với nhau mà thành nên đều là duyên sinh như huyễn cho nên thức là do căn trần duyên nhau mà có nên thức cũng là duyên sinh như huyễn. Con người có sự phân biệt nên đánh giá sự vật qua thức trung gian như: mừng, giận, thương, ghét, tốt, xấu…mà thức là sinh diệt, huyễn hóa, luôn thay đổi biến hiện như những hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình thang… trong những đám lau sậy gác chéo lên nhau khi cơn gió thổi qua.

Cột hay mở đồng một bản nhân
Thánh hay phàm không có hai đường
Hãy trông hình những cây lau gác

Pháp không, pháp có, cả hai không

Tuy căn trần đối đãi với nhau mà thành nên cả hai đều là duyên sinh như huyễn, nhưng thật chất căn trần đều là biểu hiện từ Như Lai Tàng bản thể nhiệm mầu nghĩa là tự tánh căn trần rất thanh tịnh, không có xấu xa tội lỗi chi cả. Bản tánh của căn trần là diệu chân như tánh ra ngoài các sự phân biệt "có không", "năng sở". Vì thế "buộc" hay "mở" là do căn trần hiện tiền mà có, chớ không phải ngoài căn trần mà có. Do đó thánh hay phàm cũng chỉ khác nhau ở chỗ nhận thức đúng đắn hay nhận thức sai lầm nghĩa là do tự chủ hay không tự chủ đối với sáu căn của mình vậy thôi.

Mê mờ chơn lý đó là vô minh

https://thuviensach.vn

Phát minh được chơn lý tức thì giải thoát
Mở gút phải theo thứ lớp
Sáu gút mở hết, cái một không còn
Dựa nơi căn mà chọn tánh "viên thông"
Quả nhập lưu được xem là thành Phật

Một khi căn trần đối hiện phát ra vọng tưởng phân biệt thì đây là cột, nếu con người không thấu hiểu mà chạy theo khách trần phiền não khổ đau này thì chính họ đang mê mờ chân lý, nhắm mắt làm nô lệ cho vô minh. Ngược lại cũng chính nơi căn trần đối hiện đó mà chúng sinh nhận rõ tất cả đều duyên khởi như huyễn nên tâm không phát khởi phân biệt thì đây là cởi. Mà cởi là tâm không dính mắc, thanh thoát an nhàn.

Nói về lý thì hễ ngộ thì có giải thoát, nhưng về sự thì cần phải nương theo lý mà tu tập, dần dần trừ hết những thói quen chấp trước mê lầm cũng như mở gút cũng phải theo thứ lớp. Một được mở thì sáu gút sẽ giải tỏa sau. Sáu gút được mở thì cái một cũng không còn. Vì do có các gút nên có sự đối đãi giữa một và sáu. Nếu các gút đã mở hết rồi thì sáu cũng không và một cũng chẳng còn. Mà muốn thành tựu việc tháo gút, mở dây, chúng sinh cần nên chọn cho mình một căn có ưu thế, dễ thâm nhập, công dụng dễ thành mà tiến tu để phá trừ chấp ngã, chấp pháp và đạt được tánh viên thông vô ngại thì những căn còn lại đồng thời đều được thanh tịnh. Được quả nhập lưu thì xem như đã thành Phật rồi. Vì thế Phật mới dạy rằng: "Nhất thiết

https://thuviensach.vn

chúng sinh giai hữu Phật tánh, giai kham tác Phật" nghĩa là trong chúng sinh đều có Phật tánh nên ai ai cũng có thể thành Phật được.

Thức A Đà Na vi tế quá
Tập khí như nước thác tuôn theo
Vì sợ chấp "chơn, phi chơn"
Như Lai không thường nói đến
Tự tâm chấp tự tâm

Pháp phi huyễn trở thành pháp huyễn

A-đà-na thức tức là chấp trì thức, có bản tánh là vô lý nghĩa là không phải thiện không phải ác, nhưng tùy theo sự huân tập mà hiện ra có thiện, có ác, có mê, có ngộ. Vì chúng sinh mê lầm vọng tưởng nên chấp có thật ngã khiến cho trong A-đà-na thức có những chủng tử tập khí chấp ngã nên bản tánh vô ký A-đà-na thức bây giờ trở thành A lại da thức tức là cái tạng thức nắm giữ tập khí chấp ngã. Nếu con người diệt trừ được chấp ngã tức là những chủng tử vô ngã trí đủ sức ngăn cản không cho chủng tử chấp ngã phát khởi thì A-đà-na thức đổi lại thành Dị-thục thức. Dị là khác, thục là thành thục. Dị thục thức có ba loại :

1) Khác thời gian mà thành thục ví như mỗi ngày làm một phần thì làm vài tháng cũng xong cái nhà. Ngày xưa Đức Phật phải trải qua ba A tăng kỳ kiếp tu hành nên đến kiếp này mới thành Phật.

https://thuviensach.vn

2) Khác loài mà thành thục. Phật pháp nhiệm mầu vô cùng vô tận nên không có ai học hết được, tuy nhiên khi vào trong tam ma đề thì vọng tưởng tiêu diệt, trí tuệ bừng sáng.

3) Biến ra khác mà thành thục. Nhờ công phu tu tập mà con người có được thần thông biến hóa, xuất quỷ nhập thần.

Vì Dị thục thức dựa theo cái nhân của sự huân tập mà hiện ra quả cho nên cái quả nơi Dị thục thức thường có thay đổi.

Đến khi diệt hết chấp pháp nghĩa là tất cả những chủng tử pháp chấp bị chân như trí ngăn cản không cho phát khởi thì A lại da thức bây giờ trở thành thuần thiện, không còn là vô ký tức là nó không còn để các phiền não mê lầm huân tập nữa. Lúc ấy, A-đà-na thức trở thành Bạch-tịnh-thức (Am-ma-la thức) và kết hợp với đại viên cảnh trí để đưa người tu hành đến Kim cương địa nghĩa là chứng được thường trụ Pháp thân tức là thành Phật.

A-đà-na thức là cái thức làm cho có sống nên rất vi tế. Tuy nó phát sinh ra ý thức, nhưng ý thức không thể trực tiếp biết nó được. Nó theo những sự huân tập mà thành những thói quen mà được gọi là tập khí. Những tập khí này sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, tiếp tục rất vi tế trong A lại da thức và nó chỉ phát khởi khi nào có đủ nhân duyên. Thí dụ con người có tập khí tham, nhưng ngày thường con người

https://thuviensach.vn

không ai để ý. Đến khi mắt thấy quá nhiều tiền, lòng tham nổi dậy khiến con người điêu đứng khổ đau. Tập khí thì lưu động, không bao giờ đứng yên, lớp trước lớp sau nối nhau không dứt. Nói tóm lại, thức A-đà-na sâu sắc lắm, nhưng tập khí chúng sinh lại quá sâu dày vì thế mà Đức Phật ít khi nói đến. Tại sao?

Vì chúng sinh còn mê chấp cái này là chơn, cái kia chẳng phải chơn. Nói các khác sáu thức vọng chấp là vọng đã đành, nhưng con người lại cố chấp chơn làm cho "chơn" hóa ra "vọng". Cũng như tự tâm chấp tự tâm nghĩa là tâm mình là Phật mà lại van xin mong cầu thành Phật thì chẳng khác nào pháp "phi huyễn" trở thành "huyễn pháp". Nói cách khác tâm tánh con người là pháp giới tánh thanh tịnh nên không có năng có sở, không vọng không chơn, nhưng chỉ vì mê lầm chia ra năng sở, phát ra chấp trước nên bây giờ mới có phân biệt có tâm, có cảnh, có căn, có trần tức là đem tự tâm mà đối lập, chấp trước với cái tự tâm của mình. Do đó nếu không còn mê lầm chấp trước thì tất cả các pháp do vọng tưởng chấp trước tạo thành đều là giả huyễn hết.

Không chấp, pháp "chơn" còn không có
Pháp chơn vốn đã chẳng có sanh
Thì pháp huyễn do đâu thành lập?

Nếu chúng sinh không còn chấp thì "vọng chơn" đều vắng lặng, tịch tĩnh. Mà "chơn" còn không có thì "vọng" dựa vào đâu mà sinh được?

Như huyễn tam ma đề là vậy
Đó là bảo giác, chắc như kim cương vương

https://thuviensach.vn

Không nhiễm như Diệu Liên Hoa
Khảy móng tay vượt hàng vô học
Đây là pháp của Phật mười phương
Là đại lộ vào thành độ Niết bàn Phật.

Như huyễn Tam ma đề là phương pháp tu thiền mà trong đó hành giả phải tư duy, quán chiếu để nhận biết rằng tất cả các pháp của thế gian và xuất thế gian đều như huyễn, là giả có chớ không phải thật có. Tu theo pháp như huyễn Tam ma đề thì người tu sẽ có được trí giác ngộ quý báu, vững chắc như kim cương, không có vật gì có thể phá hoại được. Trong Nhu huyễn Tam ma đề, chơn vọng đều như huyễn, nhiễm tịnh đều như huyễn nên tâm hoàn toàn tự tại cũng như hoa sen sinh nơi bùn lầy tanh hôi dơ dáy mà không hề dính mùi bùn mà ngược lại còn tỏa hoa thơm tươi mát.

Người tu theo lối này thì trong giây lát có thể vượt qua hàng vô học Thanh Văn, Duyên Giác nhị thừa vì các Ngài vẫn còn chấp pháp. Thập phương Như Lai đều do con đường như huyễn Tam ma đề để vào tự tánh thanh tịnh Niết bàn mà viên mãn vô lượng vô biên công đức. Tuy các vị Bồ-tát có tu theo các pháp môn khác, nhưng đến khi giác ngộ cũng phải thực hành như huyễn Tam ma đề để độ sinh thành Phật. Các vị Bồ-tát nhờ tu theo pháp môn này mà họ nhìn thế gian là huyễn, vào đời độ huyễn chúng sinh để chứng đắc huyễn quả nên tâm rất tự tại, không còn dính mắc mà đi thẳng một con đường vào tự tánh thanh tịnh Niết bàn. Đó là Niết bàn Phật vậy.

https://thuviensach.vn

CHỈ MỘT CÁI KHĂN MÀ SÁU LẦN CỘT THÌ THÀNH SÁU GÚT. MỞ HẾT SÁU GÚT MỘT CŨNG KHÔNG CÒN

NGUYÊN DO CỦA MỘT-SÁU DỊ ĐỒNG

Ông A Nan chấp tay đảnh lễ thưa :

- Bạch Thế Tôn! Nay tôi nghe Phật dạy cho những câu pháp chân thật thanh tịnh diệu thường, nhưng tâm còn chưa rõ cách thức mở gút thế nào và vì sao mở hết gút thì một cũng không còn? Xin Phật rũ lòng thương đại chúng trong hội này và chúng sinh tương lai bố thí pháp âm để chúng tôi có thể trừ sạch cấu nhiễm sâu dày trầm trọng!

Bài kệ trên đã giúp ông A Nan và đại chúng thấu hiểu rằng căn trần vốn là một chớ không phải "hai" cũng như thánh phàm không khác. Con người vì đem sự thấy biết bên ngoài đưa vào tâm tức là đem những cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của mình chồng lên sự phân biệt thương ghét, lấy bỏ, hơn thua, tốt xấu thì đây chính là gốc rễ của phiền não, vô minh. Còn thấy biết rồi bỏ đi tức là không mời khách trần vào tâm thì mới tìm thấy Niết bàn. Đối với chơn tánh thì không có chơn hay phi chơn mà chỉ tùy thuộc vào nhận thức đúng hay nhận thức sai lầm. Thí dụ như thấy bóng mình hiện trong gương mà chấp là thật thì sai lầm, còn biết là không thật là nhận thức đúng. Nhưng xét kỷ lại,

https://thuviensach.vn

cái đúng là do cái sai mà có chớ bóng trong gương chưa hề thật có, thật không. Vì thế mê ngộ là không ”hai”. Khi chấp thì còn mê, hết chấp thì mê thành giác.
Bấy giờ Đức Thế Tôn trên tòa sư tử sửa lại nội y vén áo tăng-già-lê đưa nhẹ tay lấy khăn hoa trên ghế thất bảo. Trước mắt đại chúng Đức Phật cột thành một gút, đưa cho ông A Nan xem và hỏi :
- Cái này gọi là gì?
- Đấy là cái gút. Bạch Thế Tôn! Ông A Nan và đại chúng thưa.
Đức Phật lại cột khăn hoa thêm một nút nữa rồi cũng hỏi ông A Nan :

- Cái này gọi là gì?

- Cũng gọi là cái gút. Bạch Thế Tôn!

Rồi cũng cái khăn lụa hoa ấy tuần tự Đức Phật cột thành sáu gút và mỗi khi cột xong một gút Phật đều đưa khăn lên và hỏi như vậy.

Ông A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp như vậy sáu lần.

Phật bảo ông A Nan :
- Khi tôi mới cột khăn thì ông gọi là một gút. Thật sự chiếc khăn trước sau chỉ là một cái. Cớ sao lần thứ hai, lần thứ ba…các ông cũng gọi là gút?
- Bạch Thế Tôn! A Nan thưa. Cái khăn lụa hoa quý báu

https://thuviensach.vn

này, vốn là một thể, song Như Lai cột một lần thì gọi là một gút, nếu cột một trăm thì cũng phải gọi là một trăm gút, huống chi ở đây có sáu gút, không đến bảy, cũng chẳng dừng ở năm. Cớ chi Như Lai quở trách chỉ cho gút thứ nhất là gút, còn cái thứ hai, thứ ba…không phải là gút?
Phật bảo :
- Như ông biết cái khăn hoa này nó vốn là một, vậy tôi cột sáu lần thì ông gọi là sáu gút. Này A Nan! Ông chín chắn xem xét nghĩ suy: Tự thể của cái khăn vốn "đồng" chỉ vì gút mà hóa thành "dị", ông nghĩ thế nào? Khi mới cột gút ban đầu thì gọi là gút thứ nhất. Như vậy cho đến cột lần thứ sáu thì gọi là gút thứ sáu. Nay tôi muốn gọi gút thứ sáu là gút thứ nhất có được không?
- Bạch Thế Tôn! Không được. Nếu còn sáu gút thì cái gọi là thứ sáu, không sao gọi là cái thứ nhất được. Dù tôi có biện bạch suốt đời cũng không làm cho sáu gút đổi tên.
Phật dạy :
- Đúng vậy! Đúng vậy! Sáu gút không đồng, nhưng xét tìm bản nhân lại vẫn là do một cái khăn mà có. Thế mà không ai có thể làm cho nó lộn xộn được với nhau.
- A Nan! Sáu căn của ông cũng như vậy. Từ cái thể hoàn toàn "đồng" mà sanh cái "dụng" hoàn toàn "dị". Chẳng khác chút nào cái khăn lụa hoa kiếp ba la của Như Lai.
- A Nan! Giả sử ông không muốn thành sáu gút trong một cái khăn. Giả sử ông muốn cái khăn chỉ còn thể duy nhất thì ông phải làm thế nào?
- Bạch Thế Tôn! Nếu các gút mà còn thì thị phi tranh cãi khó mà ngăn.Vì gút này không phải gút kia và gút kia

https://thuviensach.vn

không phải là gút nọ được. Nếu Như Lai mở tháo tung cả, không còn gút thì không còn có này, có nọ, có kia, thế là một không còn có, làm chi có sáu!
Phật dạy :
- Cái ý nghĩa mở sáu, một không còn cũng như vậy đó. Các ông chỉ vì vọng tâm vô thỉ, khiến cho "tri kiến" sanh bệnh làm lòa cái tánh tịnh minh trạm tịch của các ông, cho nên sơn hà đại địa, sinh tử, Niết bàn trở thành cái tướng hoa đóm của đôi mắt mệt hóa lòa của các ông đó thôi.
Ông A Nan thưa :
- Bạch Thế Tôn! Cái bệnh mê lầm giống như gút kia làm sao mà cởi mở được?
Bấy giờ Đức Phật lấy cái khăn đã cột gút, kéo một mối lệch qua qua trái rồi hỏi ông A Nan:
- Tôi làm thế này có mở gút được chăng?
- Không được. Bạch Thế Tôn!
Rồi Đức Phật nắm kéo mối khăn lệch qua bên phải, cũng hỏi ông A Nan như vậy. Ông A Nan cũng đáp là không thể mở được.
Phật hỏi :
- Tôi kéo mối khăn qua phải qua trái đều không mở gút được. Vậy theo ông nghĩ, phải làm thế nào mới mở được gút?

- Bạch Thế Tôn! Phải mở trung tâm cái gút thì tháo ra ngay.

Phật bảo :

https://thuviensach.vn

- Đúng vậy. Muốn mở gút thì phải mở ngay trung tâm của gút.

A Nan! Như tôi đã nói : Phật pháp từ nhân duyên sanh. Nhưng các ông không được chấp ở tướng hòa hợp thô sơ trên hiện tượng của thế gian mà thỏa mãn tri kiến của mình. Như Lai phát minh tuệ giác vô thượng cho nên biết tất cả bản nhân của pháp thế và xuất thế gian, đến như một hạt mưa ngoài hằng sa thế giới cũng biết số mục. Cây tùng thẳng, cây gai cong, chim câu trằng, chim quạ đen Như Lai đều biết nguyên do tất cả.

A Nan! Tùy tâm ông lựa chọn nơi sáu căn, nếu tháo mở được cái gút căn ấy thì các trần tướng tự tiêu vong. Đối với ông, vọng cảnh không còn, bấy giờ ông chẳng phải sống trong chơn tâm thì còn gọi là gì nữa.

Cái khăn vốn là một thể cũng như tâm tánh con người vốn là một thể, không có phân biệt. Cái trí thể của tâm là một bởi vì nó chẳng hề có tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Nhưng cái khăn lại có hai đầu cũng như tánh giác minh bây giờ trở thành minh giác nên mới chia ra có năng có sở. Khi cột hai đầu khăn lại với nhau thì thành cái gút cũng như căn trần gắn bó nơi nào thì thành mê chấp nơi ấy. Cũng như sự tác dụng bất giác vô minh khiến cho cái trí dụng trở thành nhiễm ô. Đến khi đã bị cột rồi thì mỗi gút mỗi khác cũng như khi căn trần gắn bó với nhau thì mỗi

https://thuviensach.vn

căn chỉ thu nạp mỗi trần tương ứng, chớ không thể lẫn lộn được. Do vậy từ một tâm tánh mà biến thành ra khác, thành nhiều cái gút.
Những cái gút mà Đức Phật đã cụ thể hóa qua cái khăn hoa chính là những vẫn đục tham, sân, si, mạn, nghi…Nên nhớ tự thể của chiếc khăn hoa là không có gút, nhưng cột gút là do bàn tay Phật. Nói cách khác tự thể của tâm thì hoàn toàn thanh tịnh, không chút bận nhơ, nhưng con người vì bị mê lầm chấp trước, chạy theo tham, sân, si, mạn, nghi…mà tự thắt gút cho mình làm mất đi cái tự thể láng mịn của khăn. Cái thể tánh tịnh minh, cái tánh giác diệu minh vốn thanh tịnh trong sáng đẹp đẽ như cái khăn hoa láng mịn kia tức là cái tri kiến vô kiến vốn sẵn có trong tất cả chúng sinh đã bị những cái phân biệt thương ghét, tốt xấu, lấy bỏ, thân sơ làm vẫn đục, nhiễm ô khiến cho cái tri kiến vô kiến, khách quan thanh tịnh biến thành tri kiến lập tri, chủ quan hẹp hòi ích kỷ.

Muốn mở cái gút thì phải mở đúng trung tâm. Mà trung tâm của tất cả sự mê lầm là không nhận biết rõ tâm tánh vẫn thường diệu, thường minh của mình mà chạy theo tánh minh và bỏ quên đi tánh diệu nên mới có năng có sở tạo thành sự phân biệt đối đãi giả dối biến cái tri kiến vô kiến trở thành tri kiến lập tri.

Vì vậy nếu muốn khăn không còn gút thì phải tháo mở hết gút bỏ đi cũng như muốn sáu căn được trong sáng thanh tịnh thì phải hóa giải, diệt trừ cho hết những mê lầm, chấp

https://thuviensach.vn

trước. Con người không còn chạy theo thương ghét, phải quấy, thân sơ thì thân cũng không, cảnh cũng không, năng cũng không, sở cũng không và Niết bàn cũng không thì lúc đó tất cả các gút đều được mở. Đến đây con người mới thấy rằng tất cả sự vật trên thế gian này đều là tự tánh thanh tịnh bản nhiên nên không có cái gì thật là mình, là người, là tâm, là cảnh, là chơn hay là vọng cả.

Sau cùng, Phật dạy ông A Nan nên chọn trong sáu căn, căn nào thích hợp nhất thì đi sâu vào để cởi hết cái gút mê lầm của căn ấy mà thấy được cái tánh giác minh diệu sáng suốt thường có của mình. Mê lầm, chấp trước biến mất thì chơn tâm, Phật tánh tự hiện bày.

CỘT GÚT ĐÃ CÓ THỨ LỚP THÌ MỞ PHẢI CÓ TRƯỚC SAU.

Phật bảo A Nan :

- Cái khăn hoa này có sáu gút, ông có thể mở bung cùng một lúc được không?

- Bạch Thế Tôn! Không. Những cái gút khi cột đã có thứ lớp, nay mở cũng phải theo trước sau. Sáu gút tuy "đồng thể", nhưng lúc cột lại chẳng "đồng thời". Thế nên, nếu mở gút phải bắt đầu từ cái một.

Phật dạy :

https://thuviensach.vn

- Trừ khử những gút sáu căn cũng giống như vậy. Bắt đầu mở, trước hết tháo mở "nhân không". Nhân không hóa giải hoàn toàn sáng suốt thì bước thêm mở lần "chấp pháp". Pháp chấp xả hết bây giờ gọi là hạng người "ngã chấp câu không". Đấy gọi là "Bồ-tát từ tam-ma-địa mà được vô sanh pháp nhẫn.

Tuy cái khăn là một, nhưng đã cột thành sáu gút cho nên khi mở cũng phải mở từ gút này đến gút khác. Tri kiến của chúng sinh vốn thanh tịnh, vốn minh, vốn diệu, nhưng sáu căn dong ruỗi theo sáu trần nên cái tri kiến vô kiến bây giờ trở thành chấp ngã, chấp pháp, chấp thị phi, hỉ, nộ…Mở gút thì phải bắt đầu từ cái gút khởi đầu nghĩa là nhờ quán trung đạo Xa-ma-tha (tu Chỉ hay tu Định)) mà lần lượt diệt trừ hết kiến hoặc và tư hoặc. Đến đây thì hành giả chứng được "Nhơn không" tức là quả vị A la hán nghĩa là đã thoát ly được sinh tử luân hồi. Nói cách khác thánh quả A la hán đồng nghĩa với "ngã không" tức là đã phá được chấp ngã rồi. Nếu tiếp tục tu hành quán hạnh thì sẽ viên mãn quả vị thập địa.
Đến khi tánh không được trong sáng vẹn toàn thì giải thoát được pháp chấp nghĩa là nhờ trung quán đạo Tam-ma-bát-đề (tu Quán hay tu trí tuệ) diệt nốt trần sa tức là phá hết vô minh. Bắt đầu từ sơ trụ trở đi trải qua Tam Hiền cho đến Đăng Địa. Một khi hành giả giải thoát được "pháp chấp" rồi thì "nhơn pháp" sẽ không sinh. Nói tóm lại, nếu chúng sinh dùng trung đạo quán về Thiền-na (Định-Tuệ song tu)

https://thuviensach.vn

mà thâm nhập vào sơ địa, rồi trải qua thập địa để tiến đến Đẳng giác mà thành Phật. Pháp tu Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề và Thiền-na là con đường đưa chúng sinh thoát khỏi sinh tử luân hồi và cũng là phương pháp diệu dụng mà mười phương Như Lai chứng đắc Bồ-đề và viên thành Phật đạo vậy.

Có câu chuyện về "nhơn không, pháp không" như thế này :

Một ngày kia, Đức Phật dẫn chư đại Tỳ kheo đi ứng cúng chỉ để một chú Sa di còn nhỏ tuổi ở lại Tịnh xá. Lúc đó có một vị trai chủ đến Tịnh xá muốn thỉnh Phật cùng chư Tăng về nhà mình thọ cúng dường. Ông ta đã chuẩn bị một vài món ăn chay thanh khiết và định thỉnh mời Đức Phật cùng với Tỳ kheo và Sa di đến thọ thực. Nhưng tới Tịnh xá mới hay là Phật đã cùng chư Tăng đi trai hội nơi khác chỉ còn một mình chú Sa di ở nhà. Vị trai chủ bèn vui vẻ nói:"Không sao cả, thưa chú! Tôi muốn thỉnh chú đến nhà tôi thọ cúng dường, mời chú hoan hỷ đi theo tôi!".

Chú Sa di bấy giờ bối rối, chỉ biết riu ríu đi theo vị trai chủ để ứng cúng. Tại sao chú lại bối rối? Bởi mọi khi ứng cúng chú đều đi chung với các thầy Tỳ kheo, chứ chưa bao giờ đi một mình cả. Nay có người mời chú đi thọ trai, chú cảm thấy lo âu vì không biết đến đó rồi phải ăn nói như thế nào? Phải thuyết pháp mà không biết pháp thì thuyết làm sao được? Thế nhưng, trước sự thiết tha thành khẩn của vị

https://thuviensach.vn

trai chủ, chú Sa di không thể nào khước từ được, đành phải bấm bụng đánh liều đi theo.

Thọ cúng dường xong, như thường lệ, vị trai chủ cung kính quỳ mọp dưới đất, hướng về phía chú Sa di mà khấu đầu đảnh lễ cầu pháp. Chú Sa di sợ quá, bèn rón rén rời khỏi tòa ngồi cắm đầu cắm cổ chạy một mạch về vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc. Chú Sa di thọ trai xong, không thuyết pháp mà lại bỏ chạy, trong lòng chú nhất định cảm thấy rất hổ thẹn, ngượng ngùng.

Trong khi đó, vị trai chủ cúi đầu quỳ rất lâu, đợi mãi mà thấy chú Sa di cứ làm thinh chẳng nói năng gì cả thì thắc mắc : ”Không biết chú Sa di này định nói pháp gì đây?”. Ông ta bèn len lén ngẩn đầu lên nhìn trộm thì lạ lùng thay chỉ thấy một tòa ngồi trống không, chú Sa di chẳng còn ngồi ở đó nữa. Thấy chú Sa di biến mất một cách đột ngột, chỉ trong khoảnh khắc chừng một sát na, vị trai chủ sững sờ và hốt nhiên khai ngộ. Vậy ông ta ngộ được điều gì? Ông ta lãnh hội được đạo lý “nhơn không, pháp không” nghĩa là người thì không và pháp cũng không tức là nhơn và pháp đều không còn, đó gọi là nhơn-pháp song vong. Ông vội thốt lên:”À ! thì ra là như vậy”. Song, chỉ nói là mình khai ngộ thôi vẫn chưa được, mà cần phải có sự ấn chứng nữa. Thế là vị trai chủ tức tốc chạy đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tìm vị Sa di đó để xin được ấn chứng.

Chú Sa di này, sau khi về tới Tịnh xá, vội chạy bay về liêu

https://thuviensach.vn

phòng, đóng cửa và khóa lại cẩn thận. Tại sao lại phải khóa cửa? Vì chú sợ rằng vị trai chủ sẽ tìm đến chú để đòi "món nợ" pháp, muốn chú thuyết pháp trong khi chú không có pháp gì để thuyết cả. Nào ngờ cửa khóa chưa được bao lâu, vị trai chủ quả nhiên đã tìm tới tận nơi và đến gõ cửa phòng chú. Chú Sa di sợ quá đứng im thin thít trong phòng, chẳng dám lên tiếng, chỉ biết than thầm trong bụng:"Làm sao bây giờ? Mình đã ăn cơm của người ta, nay người ta đến cầu pháp, phải làm sao đây?". Trước tình huống khẩn trương, cực kỳ cấp bách đó, chú Sa di đột nhiên khai ngộ, thấu suốt đạo lý "nhơn không, pháp không".

Vì vậy khi nhân duyên đầy đủ, chợt đến thì tức thời được khai ngộ cũng như ngày xưa Đức Phật hoát nhiên đại ngộ dưới cội Bồ Đề là vậy.

GẠN HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ VIÊN THÔNG

CĂN, TRẦN, THỨC, GIỚI, THẤT ĐẠI ĐỀU LÀ DỮ KIỆN CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG.

Ông A nan và đại chúng nhờ Phật khai thị tuệ nhãn được Viên dung Thông đạt. Đối với chân lý xẻ bỏ được màn lưới nghi ngờ đen tối. Tất cả đồng chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngày nay chúng tôi thâm tâm sáng suốt vén bức rèm vô minh, tuệ giác được phần vô ngại. Đối với diệu nghĩa "sáu mở một không còn" Như Lai dạy chúng tôi đã lãnh hội. Nhưng nay còn chưa rõ chúng tôi cần phải làm

https://thuviensach.vn

gì để tâm tánh được "viên thông", khi rời pháp âm hướng dẫn của Phật? Xin Phật rũ lòng thương xót ban cho chúng tôi những bí pháp thậm thâm được xem như lời dạy cuối cùng của Phật?

Ông A Nan và đại chúng nhờ Phật khai thị nên trí tuệ được viên thông. Viên thông có nghĩa là viên mãn thông suốt, là trình độ đạt đạo, nhân thức chân lý nên có thể vượt qua những tri kiến chấp mắc hẹp hòi u ám của phàm nhân. Viên thông trong kinh này không có nghĩa là hoàn toàn trọn vẹn giống như viên mãn Vô thượng Bồ-đề mà chỉ là sự chứng nhập viên thông của các vị Thanh Văn và Bồ-tát. Nếu con người có thể diệt hết kiến hoặc và tư hoặc, ra ngoài ba cõi thì có được giải thoát, chứng đắc Niết bàn. Do đó Niết bàn là do sự giải thoát tất cả phiền não buộc ràng. Còn nếu phá được những vô minh tác động hoành hành để nhận chân chân lý thì có giác ngộ tức là có Bồ-đề. Đức Phật đã giải thích rõ ràng rằng sinh tử luân hồi do nơi sáu căn, mà được an vui diệu thường cũng do nơi sáu căn. Sáu căn tuy vọng, nhưng không thể ngoài sáu căn tìm cái chơn được.
Khi mê thì các căn bị ràng buộc nên gọi là thắt gút, đến khi thức tỉnh giác ngộ thì các căn được viên thoát nên gọi là mở. Vì đồng một thể tánh chơn tâm thanh tịnh, nhưng vì do mê lầm chấp trước nên mới hiện ra sáu căn ràng buộc cho nên nếu nói là vọng thì căn nào cũng vọng, còn nói rằng chơn thì căn nào cũng chơn. Khi đã được tự tại thì các căn không còn bị bó buộc trong phạm vi giới hạn của nó. Thí dụ mắt thì chỉ thấy sắc, tai chỉ nghe âm thanh, mũi chỉ

https://thuviensach.vn

ngửi mùi…mà trái lại sáu căn bây giờ tự tại thọ dụng, viên dung vô ngại. Tuy ông A Nan đã hiểu một khi sáu căn được mở thì một căn cũng không còn thắt gút, nhưng ông còn chưa rõ trong sáu căn thì căn nào là thích hợp nhất với căn cơ của ông và của tất cả đại chúng. Pháp môn Thủ lăng Nghiêm tam muội là một pháp môn thù thắng, vi diệu và con người chỉ có thể thu nhận khi nào tâm của họ thật sự mở rộng để đón nhận. Vì thế Đức Phật đợi tâm của ông A Nan và của tất cả đại chúng viên mãn đầy đủ thì lúc ấy Ngài mới trao pháp bảo Thủ Lăng Nghiêm tam muội cho.

PHẬT HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ NHÂN DUYÊN NGỘ ĐẠO VÀ DỮ KIỆN CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo khắp các đại Bồ-tát và hàng lậu tận A la hán rằng :

- Các ông là Bồ-tát và A la hán sanh trong Phật Pháp đã chứng quả vô học. Nay tôi hỏi các ông: Lúc mới phát tâm, trong thập bát giới, các ông tâm đắc ở giới nào? Do nhân duyên gì? Từ phương tiện nào mà các ông được Tam-ma-đề "viên thông" tâm tánh?

Từ đoạn này trở đi Đức Phật khai thị tường tận về phương tiện tối sơ là thay vì trả lời làm thế nào để đạt được tâm tánh viên thông, Ngài không tự nói ra mà lại hỏi Bồ-tát và Thanh Văn trong pháp hội tùy theo phương tiện sơ tâm

https://thuviensach.vn

nhập đạo của từng người để trình bày đường lối tu tập của mình từ lúc mới phát tâm cho đến khi được thành chánh quả. Đại Bồ-tát là các vị đã chứng được thường trụ pháp thân, vào Kim Cương Địa. Đại A la hán là các vị A la hán đại thừa đã phá trừ chấp ngã, chấp pháp và vào trong đệ bát địa. Nói chung trong thập bát giới, chúng sinh tu theo giới nào thì cũng có thể được viên thông cả. Căn cơ, trình độ và nghiệp quả của chúng sinh có sai khác nên Phật pháp mới có nhiều phương tiện, nhiều pháp môn, nhiều cánh cửa, nhưng tựu trung cũng đều vào căn nhà giác ngộ. Trong kinh Duy Ma Cật có ba mươi mốt vị Đại sĩ Bồ-tát trình bày ba mươi mốt phương pháp khác nhau để cùng chứng nhập pháp môn không hai nghĩa là trăm sông cùng đổ về biển lớn.

Ở đây có hai mươi lăm vị Thánh đệ tử đại diện cho sáu căn, cáu trần, sáu thức và bảy đại cũng lần lượt trình bày những căn nguyên, phương pháp và sở đắc của mình mà ngộ được tánh viên thông. Ông A Nan tuy đã thâm ngộ cái ý nghĩa viên ngộ và viên tu, nhưng trên thực tế chưa rõ sáu căn thì căn nào thích hợp với trình độ của mình nên cầu Phật chỉ bày. Khi Đức Phật gạn hỏi chỗ ngộ đạo của các bậc hiền Thánh tăng không phải là để so sánh chỗ hơn kém, cao thấp mà cốt để chỉ rõ lối tu viên đốn của đại thừa khác với lối tu tiệm thứ của nhị thừa và để cho ông A Nan nhân đó tự lựa cho mình căn nào thích hợp với trình độ của mình mà tu để được giải thoát. Không chỉ riêng cho ông A Nan, tất cả chúng sinh sau khi thâm hiểu và biết chọn lấy cho mình một pháp môn thích hợp để tu hành thì cũng sẽ

https://thuviensach.vn

được ngộ nhập viên thông tam muội.

1) VIÊN THÔNG VỀ THANH TRẦN

Nhóm ông Kiều Trần Như năm vị tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

- Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai thành đạo ở vườn Lộc Uyển, chúng tôi gặp Phật trước tiên. Chúng tôi được Phật khai thị cho về pháp Tứ diệu đế. Do nghe tiếng Pháp của Phật mà tôi tỏ ngộ. Lúc đó Phật hỏi các tỳ kheo: Có hiểu không, tôi thưa là đã hiểu. Nhơn đó Như Lai đặt cho tôi cái tên là A Nhã Đa, ấn chứng chúng tôi là những người A la hán. Nay Phật hỏi "viên thông" đối với tôi "thanh trần" là mầu nhiệm nhất.

Khi biết Phật xuất gia, vua Tịnh Phạn bèn ra lịnh cho ba người trong dòng họ là A Hiền Bà, Bạt Đề, Ma Ha Nam và hai người bên cậu là Kiều Trần Như và Thập Lực Ca Diếp đi theo hộ vệ cho Thái tử. Nhưng sau đó họ bỏ Phật tu theo ngoại đạo. Đến khi Đức Phật vừa thành đạo dưới cội Bồ-đề trên tòa Kim Cương thì Ngài nghĩ đến việc hoằng pháp độ sanh nên liền đến vườn Nai ở xứ Ba La Nại gặp lại năm anh em ông Kiều Trần Như, những người đã cùng tu khổ hạnh với Ngài khi xưa. Bài thuyết pháp đầu tiên, Đức Phật đem chân lý Tứ Diệu Đế mà giảng giải cho họ để chuyển bánh xe pháp. Phật dạy đây là những nỗi khổ cần phải biết tức là khổ đế. Đây là nguyên nhân gây ra những nỗi khổ

https://thuviensach.vn

tức là tập đế. Phật lại dạy hễ hết khổ đau là có thanh tịnh Niết bàn tức là diệt đế. Và sau cùng đạo đế là con đường để đoạn mọi phiền não mà chứng đắc sự thanh tịnh tịch diệt Niết bàn.

Trước hết, nhóm ông Kiều Trần Như nhờ nghe pháp âm của Phật mà ngộ được chân lý Tứ Diệu Đế. Như vậy pháp âm của Đức Phật tức là thanh trần tác dụng vào nhĩ căn của nhóm ông Kiều Trần Như làm cho các ông thức tỉnh được tánh giác của mình. Nhưng điều quan trọng là chính ông tư duy quán chiếu để thấu rõ thật tướng của âm thanh mà ngộ đạo. Thật tướng của âm thanh là vô tướng, nó thường vắng lặng cùng khắp mười phương và tùy theo tâm lượng nghiệp cảm của chúng sinh mà phát hiện. Vì thế khi tai không còn nghe những âm thanh đối đãi sinh diệt bên ngoài mà khi ấy tiếng (tánh nghe) cũng chẳng phải không. Con người thường chỉ phân biệt theo giả ảnh của thanh trần sinh diệt đối đãi với ta nên bị thống khổ khi có tiếng, hay khi không có tiếng chớ không bao giờ chịu lắng lòng định tâm để quán thật tánh của những tiếng "động tịnh" là từ đâu nên chưa liễu nhập tánh âm thanh vốn là tánh diệu chơn như của Như Lai Tạng. Khi tâm phân biệt với trần cảnh dần dần tan biến, họ không còn nghe theo âm thanh, tiếng nói của thế gian thì tâm trở thành thanh tịnh, ngộ được tánh viên thông, thoát ly sinh tử và chứng đắc Niết bàn. Phật liền ấn chứng cho ông danh hiệu là A Nhã Đa nghĩa là giải tức là nhờ thanh trần mà được giải ngộ.

2) VIÊN THÔNG VỀ SẮC TRẦN

https://thuviensach.vn

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch rằng :

- Tôi cũng nhìn Phật lúc Ngài mới thành đạo. Phật đã dạy tôi quán các tướng bất tịnh đến khi tôi thật sự nhàm chán thì ngộ được bản chất của sắc. Đầu tiên tôi quán tướng bất tịnh, rồi quán xương trắng cho đến vi trần, sao đó quy về hư không và khi "Không" và "Sắc" đều không thì tôi đã thành tựu đạo vô học. Như Lai ấn khả cho tôi tên Ni Sa Đà vì đối với tôi thì sắc trần đã tiêu sạch nên được diệu sắc mật viên. Tức tôi từ sắc tướng mà được quả A la hán. Nay Phật hỏi viên thông, theo chỗ tôi chứng thì sắc trần là tối thượng.

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà tuy đã xuất gia theo Phật, nhưng ông vẫn quý yêu cái thân thể của ông. Đức Phật biết ông còn lụy về thân, còn dính mắc nơi sắc trần nên rất khó tu đạo vì thế mà Ngài dạy cho ông pháp môn "quán bất tịnh". Ông bắt đầu quán rằng tấm thân tứ đại bên ngoài đầy mồ hôi dơ bẩn, bên trong chứa đựng những đồ ô uế. Sống thì bệnh tật khổ đau, đến khi chết sình lên hôi thúi và da thịt tiêu chảy thành nước, bốc mùi tanh hôi. Xương trắng theo thời gian cũng mục nát thành tro bụi cho nên chỉ cần gặp một luồng gió nhẹ là tan mất trong hư không, không còn gì cả. Vì quán thấu triệt như thế nên ông Ưu Ba Ni Sa Đà không còn lưu luyến sắc thân giả huyễn và cũng không còn lưu luyến sắc trần sinh diệt. Sắc thân trở thành cát bụi, tan theo hư

https://thuviensach.vn

không thì dĩ nhiên cái đối đãi giữa sắc và không cũng không còn làm ông chợt bừng tỉnh mà ngộ rằng sắc không, không sắc đều chẳng ra gì. Một khi tâm không còn dính mắc vào những tướng trạng giả huyễn của sắc trần thì tâm trở thành thanh tịnh, không còn phiền não nên ông trở thành A la hán, tỏ ngộ viên thông và chứng đắc Niết bàn. Nhờ ngộ được sắc tánh mà Đức Phật ấn khả cho ông danh hiệu Ni Sa Đà nghĩa là Trần-Tánh Không.

3) VIÊN THÔNG VỀ HƯƠNG TRẦN

Ông Hương Nghiêm đồng tử đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

- Bạch Thế Tôn! Trước đây Như Lai dạy tôi quán sát kỹ về các pháp tướng hữu vi. Một hôm tôi tĩnh tọa trong giảng đường các tỳ kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương thoang thoảng trong tĩnh mịch u nhàn, tác dụng đến mũi tôi. Tôi tư duy quán xét : Hương này không phải do gỗ, không phải do hư không, không phải do khói, không phải do lửa. Đi ra không dính vào đâu. Đến đâu không chỗ dừng trụ. Quán chiếu như vậy, ý thức phân biệt của tôi tự khắc tiêu vong. Trí vô lậu phát sinh, Như Lai ấn chứng cho tôi danh hiệu là Hương Nghiêm. Vì do tôi thể nghiệm mùi hương mà chứng được A la hán quả. Nay Phật hỏi phương tiện được viên thông, xin thưa: Với tôi, “hương trần” là tối thắng nhất.

https://thuviensach.vn

Ông Hương Nghiêm đồng tử tuy xuất gia theo Phật lúc còn nhỏ, nhưng tâm vẫn còn dính mắc nơi thế giới hữu hình. Vì chưa có trí tuệ nên cái thấy, nghe, hay, biết của ông đối với thế giới hữu vi sinh diệt thì ông cho là thật cho nên Đức Phật chỉ cho ông phương pháp quán chiếu để trực nhận cái thật tướng của vạn pháp. Thí dụ tướng hữu vi là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc và ý phân biệt. Nói cách khác còn chạy theo sắc tướng âm thanh là còn chạy theo vòng đối đãi, sinh diệt và xa dần với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của chính mình.

Con người thường nghĩ rằng mùi hương là một thứ sẵn có của gỗ trầm. Tuy gỗ trầm có mùi hương, nhưng xét cho cùng thì thì mùi hương ấy đâu phải chỉ do gỗ trầm mà có được. Nếu không có không khí, do lửa đốt và do tỷ căn của con người tiếp nhận thì không thành mùi hương được. Nói cách khác có được mùi hương là do các nhân duyên cây hương, hư không, lửa khói…hợp lại mà thành. Một khi do nhân duyên kết hợp thì mùi hương không có tự tánh, không có chủ thể, là vô ngã tức là không. Vậy cái tánh chơn thật của hương trần không phải là do năng tri sở tri và cũng không phải là ly năng tri sở tri mà có, nhưng chỉ tùy theo nghiệp của mỗi chúng sinh mà phát hiện. Vì quán được tất cả các pháp hữu vi là duyên sinh như huyễn, không bền không chắc mà Ngài chứng được tánh viên thông của hương trần và thành A la hán.

https://thuviensach.vn

4) VIÊN THÔNG VỀ VỊ TRẦN

Hai vị Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng cùng năm trăm phạm thiên trong Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch rằng :

- Bạch Thế Tôn! Từ vô lượng kiếp, chúng tôi là lương y cứu tế thế nhân. Miệng chúng tôi thường nếm những là hoa cây cỏ kim thạch trong cõi Ta bà này. Tất cả những vị : Mặn, nhạt, chua, cay, ngọt, đắng…cùng các vị biến đổi, do các vị kia hòa hợp cùng sinh ra, vị nào lạnh, vị nào nóng, thứ nào có độc, thứ nào không độc, tôi đều biết cả. Được phục vụ chư Phật và tất cả chúng sinh, rõ biết tánh chất của vị trần. Không phải không, không phải có, không phải tức thân tâm, không phải ly thân tâm. Nhờ tôi phân biệt "vị trần" mà được khai ngộ. Phật ấn chứng cho tôi danh hiệu là Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát. Nay Phật hỏi nhân duyên và phương tiện được viên thông, xin thưa : Đối với chúng tôi vị trần là ưu việt nhất.

Vị trần là các vị chua, cay, mặn, nhạt, đắng, ngọt…Có những vị tự nó chỉ có một vị duy nhất như ớt thì cay, bồ hòn thì đắng. Tuy nhiên cũng có những vị biến dị tức là do thay đổi mà ra. Thí dụ mật ong để lâu biến thành chua hay rượu để lâu thành lạt.

Tuy chúng sinh có nếm biết rất nhiều mùi vị, nhưng có lẽ

https://thuviensach.vn

không có ai trên đời mà nếm được nhiều mùi vị hơn hai Ngài Dược Vương và Dược Thượng. Vì là lương y nên các Ngài vào tận rừng sâu để tìm rất nhiều loại thảo dược, kim thạch cho nên tất cả các vị đắng, cay, mặn, chát các Ngài đều nếm qua. Càng nếm nhiều thảo dược, cái vị nếm của các Ngài càng tăng trưởng nên sự đối đãi phân biệt cũng phát triển theo. Nhưng thay vì chạy theo vọng tưởng phân biệt làm tâm bất tịnh, các Ngài bây giờ lại quan sát bốn nhân của vị trần mà chứng đạo. Thứ nhất nếu nói rằng vị có trong hư không thì tại sao khi nếm hư không con người không biết có vị ngọt, đắng? Thứ hai nếu cho rằng vị là do lưỡi mà có thì vị không phải từ vật chất bên ngoài thế thì trái chanh với mật ông có khác gì nhau? Thứ ba nếu cho rằng vị là do thân tâm thành ra vị có tánh biết? Sau cùng nếu nói vị ly thân tâm thì lấy cái gì phân biệt mà biết vị?

Các Ngài quán sát tại sao chiếc lá này có vị mặn, rễ cây kia có vị chua, vỏ cây nọ có vị đắng…, nhưng sau cùng đã thấy được cái tướng giả hợp của vị trần là do nhân duyên kếp hợp và cũng do nhân duyên mà tan rã. Thí dụ trái ớt là do biết bao nhân duyên hợp lại như hột giống, đất, nước, ánh sáng, phân bón…để quyết định vị cay của nó. Cũng thì hột giống đó mà trồng hai nơi khác nhau thì vị cay không giống nhau. Nhờ quan sát như vậy các Ngài ngộ nhập cái tánh phi tức, phi ly, phi hữu, phi không của vị trần nên tất cả vọng ý tiêu tan mà giác tánh được tỏ bày.

5) VIÊN THÔNG VỀ XÚC TRẦN

https://thuviensach.vn

Ông Bạt Đà Bà La cùng với mười sáu vị tăng sĩ đồng là bạn đạo cùng đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

- Bạch Thế Tôn! Bọn tôi trước kia ở thời Phật Oai Âm Vương, nghe pháp xuất gia. Lúc chư Tăng tắm, tôi theo thứ lớp vào nhà tắm để tắm. Bỗng nhiên tôi tư duy và nhận thức rằng : Nước vốn không rửa bụi và cũng chẳng rửa thân, trung gian an nhiên lặng lẽ. Tôi tâm đắc tột độ cái chân lý "Chẳng có gì". Tập quán trước không quên, đến nay tôi theo Phật xuất gia được quả vô học. Đức Phật thuở ấy gọi tôi với cái tên : Bạt Đà La (thiên thủ). Do tôi phát hiện tánh nhiệm mầu của xúc trần mà thành Phật tử. Nay Phật hỏi duyên cớ được viên thông, xin thưa : Đối với tôi "xúc trần" là hơn tất cả.

Ông Bạt Đà Bà La là một Bồ-tát tại gia, nhưng tu hành chứng đắc. Bình thường các vị A la hán chỉ có thể nhớ lại được khoảng 84 ngàn tiền kiếp của mình, nhưng túc mạng thông của ông Bạt Đà Bà La lại có thể nhớ lại hằng hà vô lượng kiếp bởi vì từ thời Phật Oai Âm Vương đến thời Đức Phật Thích Ca rất dài không thể đếm được. Ông Bạt Đà Bà La là một điển hình về sự hiện thân của các vị Bồ-tát vào thế gian tùy nhân duyên mà hóa độ chúng sinh. Ông cũng còn là biểu tượng cho người tại gia mà nếu biết hóa giải vô minh phiền não thì người cư sĩ tại gia cũng có giải thoát giác ngộ.

https://thuviensach.vn

Bồ-đề, Niết bàn tùy thuộc vào khả năng đoạn trừ vô minh phiền não ở chính con người. Vì thế quan hệ tình cảm trong gia đình giữa vợ chồng, con cái, cha mẹ hay bà con thân quyến không phải là cánh cửa lúc nào cũng đóng chặt không cho con người bước vào căn nhà giải thoát giác ngộ. Ngày xưa Bàng Uẩn cũng có gia đình, con cái, cư sĩ Duy Ma Cật cũng vậy nhưng họ đã giải thoát được những cái gút mà bình thường đã cột chặt con người vào vòng sinh tử. Người tu tại gia dĩ nhiên phải đối diện với nhiều phiền não, nhưng người xuất gia cũng có những cái gút, cái khổ tuy bề ngoài, danh xưng có khác nhưng cái gốc của vô minh phiền não đâu có khác gì nhau.

Khi nói về Bồ-tát thị hiện, câu chuyện "Quán Âm bán cá" nói về về một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp, thường mang giỏ cá đi bán trong một ngôi làng mà cư dân vốn hoàn hoàn không tin theo đạo Phật. Khi gặp một cô gái đẹp đẽ như thế thì tất cả trai tráng trong làng đều nổi lòng tham muốn, người nào cũng ao ước được cưới cô làm vợ. Tuy rằng dân trong làng ấy không đông lắm khoảng trên một trăm thanh niên nên cô gái bèn nói với họ : "Phận tôi là gái không thể nào kết hôn cùng cả trăm người được, vậy giờ tôi xin dùng cách này để kén chồng. Trong hơn một trăm quý ông ở đây, hễ người nào học thuộc được Phẩm Phổ Môn trước nhất thì tôi sẽ kết duyên với người ấy. Bây giờ quý ông hãy về nhà mà học đi, tôi cho quý ông thời hạn là ba ngày thôi đấy".

Thế là hơn một trăm thanh niên, người nào cũng lấy một

https://thuviensach.vn

bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm để về học. Hết kỳ hạn ba hôm thì có khoảng bốn, năm chục người đã thuộc được. Như vậy là hơn một trăm ngời dự thi lúc ban đầu thì bây giờ còn lại chỉ một nữa. Người này nói đã thuộc rồi, người kia cũng bảo đã học xong nên Quán Âm bán cá bèn nói : ”Bây giờ vẫn còn quá nhiều. Mặc dù hơn năm mươi quý ông đây đều thuộc Phẩm Phổ Môn cả, song tôi không thể kết hôn với cả năm mươi người được! Tôi chỉ có thể kết hôn với một người mà thôi. Thôi thì bây giờ quý ông hãy trở về, tôi lại cho quý ông thời hạn năm ngày để học Kinh Kim Cương, ai thuộc được thì tôi sẽ cùng người ấy kết duyên”.

Hơn năm mươi thí sinh ấy quay về và miệt mài học Kinh Kim Cương và sau năm ngày thì có hơn hai mươi người đã học thuộc. Thiếu nữ bán cá lại nói : ”Thế này thì vẫn còn đông quá, tôi không thể kết hôn với nhiều người như vậy được. Bây giờ tôi lại có một điều kiện : “Tôi kỳ hạn cho quý ông bảy ngày, hễ ai học thuộc lòng được bộ Kinh Pháp Hoa thì tôi sẽ kết hôn với người ấy. Lần nầy, tôi tin rằng người học thuộc sẽ được toại nguyện”.

Như thế là hơn hai mươi người và luôn cả những người đã dự thi khi trước lại cùng nhau cặm cụi học Kinh Pháp Hoa và nội trong bảy ngày thì có một người có thể tụng nhuần nhuyễn và thuộc nằm lòng được trọn bộ kinh. Anh ta xuất thân từ một gia đình giàu có. Vì là người duy nhất trúng tuyển nên anh gởi thiệp mời thân thuộc đến dự lễ thành

https://thuviensach.vn

hôn của mình. Không ngờ sau lễ gia tiên, vừa vào phòng tân hôn thì cô gái xinh đẹp ấy lại bị lên cơn đau tim mà chết. Chàng thanh niên đã hao tổn biết bao tinh thần để học thuộc Phẩm Phổ Môn, Kinh Kim Cương, Kinh Pháp Hoa mới cưới được vợ, thế mà vừa vào phòng tân hôn thì cô dâu lại đột ngột ngã ra chết.

Khi đưa đám tang cô gái ấy thì có một vị Sư xuất hiện và hỏi : ”Chẳng hay quý vị đang làm gì vậy?” Tang gia đáp : ”Cô dâu mới cưới về bỗng dưng mắc bệnh mà chết đột ngột, bây giờ chúng tôi đang đưa đám cô ta đây”.

Vị sư nói : ”Không đúng! Cổ quan tài kia hoàn toàn trống rỗng, sao lại bảo là có người chết nằm trong đó? Quý vị không tin thì hãy mở ra xem đi”. Mở nắp quan tài ra thì bên trong quả nhiên trống không, thi hài của cô gái bán cá được đặt nằm trong áo quan bây giờ chẳng thấy đâu nữa. Thấy thế, ai nấy đều kinh ngạc bảo nhau : ”Vậy thì cô ấy đi đâu?” Hãy mau mau đuổi theo! Phải tìm cho ra cô ấy và đưa về đây, nhanh lên!”.

Bấy giờ vị sư giải thích : ”Thật ra cô gái ấy chính là Quán Thế Âm Bồ-tát thị hiện đấy. Bởi dân chúng ở địa phương này không tin Phật nên Bồ-tát mới thị hiện làm một thiếu nữ xinh đẹp khiến cho những kẻ háo sắc như các ông say mê mà chịu học Phật Pháp. Nay các ông đã chịu học rồi thì Bồ-tát ra đi thôi. Nghe xong chú rễ chợt tỉnh ngộ : ”Ồ! Thì ra như vậy”.Thế rồi, khi đã nhìn thấu suốt được mọi

https://thuviensach.vn

chuyện ở thế gian, anh ta quyết định xuất gia, tinh tấn tu hành và sau đó chứng được Thánh quả.

Xúc là đụng chạm, tiếp xúc. Khi thân căn tiếp xúc với xúc trần mà nhận biết có nóng, lạnh, cứng, mềm, trơn, nhám…Như vậy, xúc trần được phát hiện là bởi có thân căn với sắc cảnh. Nếu thiếu một thì không thành tức là không có xúc trần. Nhưng khả năng thu nhập cảm giác của mỗi cá nhân cũng không giống nhau. Thí dụ cùng đứng trước một lò lửa, nếu kẻ lạnh thì có cảm xúc ấm, còn kẻ nóng thì có cảm xúc nóng hơn. Vậy tùy chúng sinh mà thành lạnh hay nóng chớ không có thật thể nhất định. Đối với nước cũng vậy, khi con người dùng nước tắm gội thì dòng nước chảy trên thân thể mà phát sinh ra cảm giác tức là xúc trần. Nhưng hãy suy nghiệm kỹ rằng cái tắm rửa ấy là rửa cho thân thể hay rửa cho bụi trần?
Nếu nói rửa thân thể nghĩa là không có bụi trần thì thân thể sạch đâu cần phải rửa! Còn nếu nói là rửa bụi trần thì cũng dòng nước kia chảy trên mặt đất thì cũng gọi là tắm rửa sao? Vì vậy nước tắm không rửa bụi, không rửa thân thể mà nó chỉ làm tách rời bụi ra khỏi thân thể mà thôi. Thế thì nước, bụi trần, thân thể vốn an nhiên nghĩa là nước không phải rửa (năng) và bụi trần hay thân thể không phải bị rửa (sở) cho nên xúc trần chỉ là tướng giả dối, đối đãi theo vọng nghiệp chúng sinh không xúc mà hiện xúc. Một khi năng sở không còn tức là tâm phân biệt đối đãi biến mất thì chơn tâm, Phật tánh hiện bày khiến ông chứng được Thánh quả, ngộ được tánh viên thông.

https://thuviensach.vn

6) VIÊN THÔNG VỀ PHÁP TRẦN

Ông Ma Ha Ca Diếp và bà Tử Kim Quang Tỳ khưu ni …đồng đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

- Bạch Thế Tôn! Kiếp xa xưa trong cõi này có Phật ra đời hiệu Nhật Nguyệt Đăng. Sau Phật diệt độ chúng tôi thắp sáng ngọn đèn chánh pháp để cúng dường, lại lấy vàng thắm thếp tô hình tượng Phật. Do đó đời đời kiếp kiếp thân thường viên mãn, rực rỡ như vàng ròng. Bọn Tử Kim Quang Tỳ kheo ni cũng đồng phát tâm như tôi vậy. Chúng tôi quan sát sáu trần luôn luôn biến hoại. Tôi trụ tâm trong vắng lặng, nhập định diệt tận, thân tâm rỗng rang, thời gian trăm nghìn kiếp tựa hồ như cái khảy móng tay. Do thành tựu pháp "không quán" mà tôi được quả A la hán. Thế Tôn ấn chứng tôi là: Đầu đà đệ nhất, pháp trần thâm diệu nhờ tuệ nhãn tôi được khai minh, lậu hoặc được dứt trừ. Nay Phật hỏi duyên cớ viên thông, với sở ngộ sở chứng của tôi thì "pháp trần" là tối thượng.

Ông Ma-Ha Ca-Diếp tức là tôn giả Đại Ca Diếp, sinh ra trong một gia đình phú hộ mà kham nhẫn tu khổ hạnh đầu đà. Ở trên hội Linh Sơn được Đức Thế Tôn ngầm trao chánh pháp nhãn tạng "Niêm hoa vi tiếu" là điểm tích tối sơ của thiền tông. Đức Phật đã di huấn cho ông thành sơ tổ thiền tông rằng : "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, pháp môn nhiệm mầu, chẳng lập văn tự, ngoại

https://thuviensach.vn

giáo lý truyền riêng. Nay ta giao phó cho ông. Ông khéo giữ gìn chánh Pháp này để truyền lại mãi mãi cho những đời sau". Đến khi Tôn giả Đại Ca Diếp ngoài trăm tuổi, tuy trí tuệ sáng suốt nhưng sắc thân tứ đại mỏi mòn theo năm tháng nên sau khi phú chúc cho A Nan làm người thừa kế, Ngài bèn ôm bình bát và y của Đức Phật trao lại vào núi Kê Túc mà nhập diệt. Ngài nhập vào diệt tận định mà chờ cho đến khi Đức Di Lặc thành đạo ở hội Long Hoa và sau đó đến núi Kê Túc, búng ngón tay vào thì ngọn núi tách ra và nhận lại y bát của Đức Phật Thích Ca. Bà Tử Kim Quang Tỳ kheo ni tức là người vợ không chung gối của tôn giả lúc ông chưa xuất gia. Về sau xuất gia theo Phật, bà trở thành Tỳ kheo ni và chứng đắc A la hán. Trong số Tỳ kheo ni, bà được Phật khen tặng là người rất giỏi về mặt "túc mạng thông".

Pháp trần là tất cả ấn tượng của tiền trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc lưu lại trong tâm ý mà làm cảnh sở duyên cho ý thức. Cảnh này còn gọi là "độc ảnh cảnh" nghĩa là cảnh do một mình ý thức khơi lại bởi những điều nhớ biết chớ không phải cảnh hiện đang xảy ra ở ngoài. Nên nhớ rằng tất cả thế gian vũ trụ biến chuyển vô cùng vô tận cũng không ngoài sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Những pháp đó luôn biến chuyển, thay đổi chớ không niệm nào yên lặng, dừng nghỉ. Một ý niệm vừa thoáng qua trở thành hiện tại, rồi hiện tại biến thành quá khứ vì thế pháp là giả huyễn, không có chi là chân thật. Thí dụ khi còn bé, độc ảnh cảnh gần như không có vì trong tâm em bé chẳng

https://thuviensach.vn

có cái gì để nhớ cả cho nên các em chỉ sống với kiến đại tức là trực giác nhiều hơn thức đại. Đến khi lớn lên thì sự thu thập kiến thức và kinh nghiệm của cuộc sống dần dần đưa vào tâm và lưu giữ lại trong Tàng thức (A lại da thức). Chính những ý niệm này làm căn bản cho ý thức có sự so sánh phân biệt.

Chẳng hạn khi nhìn cái nhà thì trong tâm đã bắt đầu so sánh, phân biệt đối đãi với những cái nhà mà tâm đã biết trong quá khứ để cho con người biết ngay rằng cái nhà này thì đẹp quá, to quá, sang quá hay ngược lại. Đây chính là cội nguồn phát sinh ra vọng tưởng, phiền não khổ đau. Con người có khởi niệm tham-sân-si thì cũng từ những ý thức phân biệt từ pháp trần mà ra. Một thí dụ khác là khi tai nghe ai nói tới me chua thì miệng chảy nước miếng. Tại sao miệng lại chảy nước miếng? Bởi vì trong quá khứ lưỡi đã từng nếm vị chua của me, nên tai nghe tiếng me chua thì ý thức liền so sánh và cho tâm biết ý niệm chua làm con người lầm tưởng rằng mình đang ăn me chua thật sự.

Vì là ăn tưởng tượng nên tất cả những ý tưởng phát ra từ Pháp trần là không thật, giả dối. Do đó những hình ảnh lưu lại đều do tưởng niệm mà thành, như cảnh chiêm bao không có thực. Vì thế mà ông Ma Ha Ca Diếp quán các pháp trần là giả huyễn thì các món thọ, tưởng, hư vọng phiền não nương theo pháp trần mà sinh ra liền bị tiêu diệt. Ông phá trừ ý thức nên tâm không còn phân biệt mà trở về với thể tánh thanh tịnh trong sáng mà chứng diệt tận định để diệt luôn cái không phân biệt mà chứng vào tánh viên thông, đắc thành A la hán.

https://thuviensach.vn

Nói tóm lại, sáu trần thì trần nào cũng là dữ kiện để tạo ra thành quả viên thông, chứng đắc Niết bàn tự tại. Con người thường nhận thức sai lầm rằng khi nói đến trần là nói đến nhiễm ô, bất tịnh, nhưng thật ra nó chỉ nhiễm ô chỉ khi nào nó tác động vào sáu căn của những ai chưa tự chủ. Nếu nói trần qua định nghĩa nhiễm ô là đứng về phương diện tục đế duyên sanh hiện tượng, nhưng đối với nhãn quan của những bậc giác ngộ có khả năng tự chủ thì trần bây giờ vẫn là một hiện tượng biểu hiện phát xuất từ Như Lai Tạng bản thể thanh tịnh.

Nếu con người nhìn thế gian vũ trụ này bằng nhận thức khách quan thì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vẫn có đầy đủ tự tánh thanh tịnh bản nhiên nên chúng rất thanh tịnh và không có chi là tội lỗi, ô nhiễm cả. Nhưng bây giờ nếu con người cũng nhìn thế gian này với tâm hắc ám, đầy khát vọng điên cuồng thì cái nhìn khách quan tự tại biến mất mà được thay bằng chủ quan, hẹp hòi, ích kỷ nên họ nhìn cái gì cũng thích, cũng tham đắm say mê. Một khi vọng tưởng nổi lên, chơn tâm thanh tịnh biến mất và phiền não khổ đau xuất hiện. Do đó nếu con người làm chủ được bản tâm của mình thì cho dù khách trần giả dối có biến hiện, mê hoặc cách mấy cũng không bao giờ thay đổi thanh tâm của ta được.

7) VIÊN THÔNG VỀ NHÃN CĂN

Ông A Na Luật Đà đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

https://thuviensach.vn

- Bạch Thế Tôn! Lúc tôi mới xuất gia thường ưa thích nằm và ngủ li bì. Như Lai quở trách tôi là loại súc sanh. Nghe lời quở của Phật, tôi thầm khóc, tủi hổ và tự trách mình. Tôi cương quyết thề không ngủ và tôi thức suốt bảy ngày đêm. Hai con mắt tôi bị bệnh và hư mất. Thế Tôn thương dạy cho tôi pháp : ”Lạc kiến chiếu minh kim cương tam muội”. Sau khi được tam muội, tôi thấy thấu suốt hiện tượng trong mười phương như rái quít để trên bàn tay. Như Lai ấn chứng cho tôi quả A la hán. Nay Phật hỏi nguyên nhân nào đươc viên thông, xin thưa : Theo chỗ tâm đắc của tôi là : Xoay tánh thấy của nhãn căn trở về với bản thể thanh tịnh bản nhiên là ưu việt nhất.

Ông A Na Luật là anh em chú bác với Phật, con vua Bạch Phạn tức là em vua Tịnh Phạn. Vì tôn giả thích ngủ nên bị Phật quở rằng : ”Sao lại ngủ giống như loài ốc, loài sò ngủ một giấc cả ngàn năm, chẳng nghe danh hiệu Phật”. Ông hổ thẹn và tự nguyện với lòng không ngủ nữa nên sau bảy ngày đêm thức trắng, mắt sưng vù và sau cùng ông bị mù.

Tánh thấy (kiến tánh) thì lúc nào cũng thường diệu, thường minh, nương theo con mắt mà phát ra cái dụng thấy sắc gọi là nhãn căn. Tánh thấy vốn đã diệu minh cho nên kiến dụng thì lúc nào cũng minh cũng diệu. Con người thường có ý nghĩ sai lầm là cái thấy là do con mắt mà có thấy tức là mở mắt là thấy còn nhắm mắt là không thấy hay có sắc trần là có thấy và không có sắc trần thì gọi là không thấy.

https://thuviensach.vn

Khi tánh giác diệu minh viên dung cùng khắp tác động vào con người trở thành minh giác nên tánh viên dung cùng khắp trở thành ngăn ngại. Thí dụ mắt thấy không ngoài sống mũi, tai tuy không bị kẹt tường kẹt vách nhưng cái nghe đâu có xa.

Trong đoạn kinh trước, Phật gạn hỏi ông A Nan về cái thấy là tâm hay con mắt? Phật sau đó dạy rằng : ”Tâm thấy chớ không phải mắt thấy”. Vì thế có mắt không tâm, không thành có thấy, có tâm không mắt cũng thấy khắp mười phương. Đây là pháp môn “Lạc kiến chiếu minh kim cương tam muội” tức là tánh thấy (kiến tánh) thì lúc nào cũng soi sáng, xưa nay không hề lay chuyển nên gọi là Kim Cương tam muội. Ông A Na Luật nương vào những lời Phật dạy, đi sâu vào bản tánh của nhãn căn chứng được tánh viên thông thì cái sáng suốt của tự tâm xuất hiện khiến ông thấy thấu suốt mười phương mà không có gì ngăn ngại. Nhờ đó ông đạt được thiên nhãn thông thấy được tam thiên đại thiên thế giới như thấy quả quít trong bàn tay, chứng quả A la hán, tự tại Niết bàn.

8) VIÊN THÔNG VỀ TỶ CĂN

Ông Châu Lợi Bàn Đặc Ca đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng :

- Tôi vì thiếu trì tụng kinh điển nên không có tuệ đa văn. Khi mới gặp Phật, tôi xin xuất gia nghe học pháp Phật tôi cố nhớ một bài kệ của Như Lai mà không sao nhớ nổi. Tôi

https://thuviensach.vn

gắng học suốt cả một trăm ngày, nhớ đoạn trước thì quên câu sau, nhớ đoạn sau lại quên câu trước. Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi ở một nơi yên tĩnh tu tập pháp môn điều hòa hơi thở ra vào. Bấy giờ tôi vận dụng quán trí theo dõi từng hơi thở, từ thô đến vi tế, từng sát na nhiếp ý, vận dụng tư duy, chia hơi thở thành bốn thời kỳ : Hít vô gọi là "sanh". Đầy hơi gọi là "trụ". Thở ra gọi là "dị". Mãn hơi gọi là "diệt". Thực hiện một thời gian, tâm tôi bừng sáng rỗng rang được đại vô ngại, các lậu hoặc dứt hết thành A la hán. Trước pháp tòa, Phật ấn chứng cho tôi thành quả vô học. Nay Phật hỏi viên thông, theo chỗ sở hành của tôi : Tập trung tư tưởng xoay vào quán hơi thở ra vào kinh bạch là pháp hành hiệu quả nhất.

Bàn Đặc Ca Châu Lợi là nói về hai anh em chớ không phải tên của một người. Khi bà mẹ sinh người anh bên đường lớn nên đặt tên là Châu Lợi. Về sau bà mới sinh ra người con thứ hai ở bên đường nhỏ nên đặt tên là Bàn Đặc Ca. Vào một kiếp quá khứ, ông Bàn Đặc Ca là một vị đại Pháp sư, nhưng vì tâm bỏn xẻn không chịu đem Phật Pháp giảng giải hết cho chúng sinh vì sợ họ sẽ hơn mình nên qua đến kiếp này ông trở thành một người ngu si đần độn, ngay cả một câu trong bài kệ cũng không thuộc được.
Thấy vậy, người anh khuyên ông nên hoàn tục nhưng ông rất lưu luyến cuộc sống Tăng đoàn nên không chịu. Đức Phật biết được bèn dạy cho ông pháp môn "số tức quán" tức là tập đếm hơi thở. Trong hai mươi mốt ngày liên tiếp, ông quán sát theo dõi từng hơi thở dựa theo chu kỳ sinh,

https://thuviensach.vn

trụ, dị, diệt. Mỗi hơi thở bắt đầu hít vào tức là sinh, hơi vào đầy trong phổi là trụ. Sau đó thở ra tức là dị và cuối cùng mãn hơi là diệt. Ông suy tư quán chiếu từng hơi thở thì nhận thức rằng hơi thở quay cuồng theo chu kỳ sinh, trị, dị, diệt chỉ là huyển ảnh của hơi gió ở trong thân. Khi ấy thì hơi thở của ông không còn ra vô bình thường, mà nó trở thành một làn quang minh khiến tâm trí ông bừng sáng, ngộ được tánh viên thông, chứng quả A la hán. Khi tâm được khai mở, ông trở thành một người biện tài vô ngại và ông là một trong mười sáu vị A la hán được Phật tin tưởng cho đi hoằng pháp khắp các nơi ở Ấn Độ.

9) VIÊN THÔNG VỀ THIỆT CĂN

Ông Kiều Phạm Ba Đề đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật :

-Rằng tôi mắc khẩu nghiệp trong kiếp quá khứ, nhiều đời phải tật nhai mãi như trâu. Như Lai thương dạy cho tôi pháp : ”Nhất vị thanh tịnh tâm địa”. Nhờ đó tôi diệt phân biệt, được tam-ma-đề. Tôi quán chiếu rằng: Tánh biết vị không phải do thân thể, cũng không phải do ở ngoại vật. Do đó trong thì thân tâm giải thoát, ngoài thì như rời bỏ thế gian. Viễn ly ba cõi như chim sổ lồng, cấu nhiễm không còn, tiêu vong hóa trần tướng, pháp nhãn thanh tịnh, được quả A la hán. Như Lai ấn chứng cho tôi lên hàng vô học. Nay Phật hỏi phương tiện được viên thông, xin thưa : Theo

https://thuviensach.vn

tôi thì "trả vị" về cho phân biệt của "thiệt căn" là ưu việt nhất.

Ông Kiều Phạm Bạt Đề trong một đời quá khứ đã từng buông lời chê bai vị lão Tăng nên khi qua đến kiếp này bị quả báo miệng thường nhai như trâu. Đức Phật cảm thương dạy cho ông pháp môn "Nhất vị thanh tịnh tâm địa" nghĩa là quán cái tánh biết của vị (tánh nếm) vốn thường thanh tịnh, không phải giả dối, không chạy theo vị mặn, ngọt, đắng, cay nên gọi là nhất vị. Nói cách khác bình thường con người khi ăn một món gì thì tướng lưỡi tạo sự phân biệt để cho biết đó là vị mặn hay vị chua khiến con người thích món ngon và chê bai món dở. Khi con người cố gắng để không còn chạy theo mùi vị, không còn say đắm món nầy, món kia thì sự phân biệt của tướng lưỡi dần dần tan biến. Và sau cùng sẽ nhận biết được tánh nếm thường trụ, không sinh diệt của mình. Chính ông tư duy quán chiếu thấy rằng tánh nếm chẳng phải trần nên chẳng phải vô tri và không phải căn nên không giả dối. Khi tâm bừng sáng thì các món hữu lậu, dục lậu, vô minh lậu trong thế gian không còn ràng buộc và ông được thư thái như chim ra khỏi lồng, thong dung tự tại, thấy xa biết rộng, không còn thọ sanh trong vòng sinh tử luân hồi, chứng đắc tánh viên thông, tự tại Niết bàn.

10) VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN

https://thuviensach.vn

Ông Tất Lăng Già Bà Ta đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng :

- Lúc tôi mới phát tâm xuất gia theo Phật, thường nghe Phật dạy : ”Cuộc đời chẳng có gì vui”. Đang khi đi khất thực, vừa đi vừa tư duy lời Phật, bỗng dưng tôi đạp phải cái gai độc. Cả mình đều đau đớn. Trong lúc đau đớn, tôi quán chiếu tư duy : Giác tâm thanh tịnh vốn không có cái đau và cái biết đau. Một thân thể lẽ đâu lại có hai tánh biết! Nhiếp niệm không bao lâu thân tâm bỗng nhiên rỗng rang thanh tịnh. Hai mươi mốt ngày sau, các lậu hoặc được tiêu trừ, Phật ấn chứng cho tôi lên hàng vô học, chứng quả A la hán. Nay Phật hỏi duyên cớ nào được viên thông, xin thưa, đối với tôi : Nắm giữ giác tánh xem nhẹ thân căn là thành công dễ nhất.

Trong đời trước, ông Tất Lăng Già Bà Ta có quá nhiều tập khí ngã mạn nên ỷ mình là người Bà la môn mà mắng chửi thần sông Hằng là loài Tiểu tỳ nên khi qua đến kiếp này, ông sinh vào trong một gia đình nghèo khó. Lúc mới nhập đạo, Đức Phật dạy ông nên quán các pháp thế gian là khổ, không, vô thường nghĩa là thế gian chỉ toàn là khổ chớ chẳng có cái gì là vui cả. Tại sao Phật lại dạy “cuộc đời chẳng có gì vui” trong khi cũng chính cái cuộc đời này chính Ngài có Niết bàn, đệ tử của Ngài cũng có an vui tự tại? Không lẽ hễ có cuộc đời là đau khổ hết sao? Thật ra đây chỉ cách nói đối với những người còn dính mắc trong

https://thuviensach.vn

phiền não vô minh nên họ nhìn đâu, thấy đâu cũng toàn là tam khổ, bát khổ.

Nói chung khi con người còn nhìn đời xuyên qua thấu kính của tham-sân-si thì nhãn thức của họ bị cái vẫn đục tham đắm dục tình che phủ khiến tâm trí không còn sáng suốt mà cứ nhắm mắt cắm đầu làm nô lệ cho tư kỷ cá nhân. Khi không có gì thì tủi khổ mà có càng nhiều thì lòng tham càng muốn thêm tức là càng thêm khổ cũng như người đang khát nước mà uống nước muối cho nên càng uống thì càng khát. Nhưng cũng trong cái thế gian này mà nếu chúng sinh biết diệt hết kiến hoặc và tư hoặc thì cuộc sống của họ rất an vui, tâm hằng thanh tịnh Niết bàn. Do đó khổ hay vui là do người chớ đâu phải do cuộc đời cho nên trong kinh Duy Ma Cật có câu : "Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh" nghĩa là khi chúng sinh có tâm hồn trong sáng thanh tịnh thì bất cứ ở đâu cũng có cảnh giới an nhàn, thanh thoát cả.

Ông Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều thì cũng nhìn đời nhưng bằng một tâm tư âm u, ảm đạm, đen tối của kẻ chán đời yếm thế trong "Cung Oán Ngâm Khúc" như sau :

Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra!
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế,
Ai bày trò bãi bể nương dâu,
Trắng răng đến thuở bạc đầu,
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.

https://thuviensach.vn

Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc,
Lớp cùng thông như đúc buồng gan,
Bệnh trần đoài đoạn tâm toan,
Lửa cơ đốt ruột, dao hàng cắt da.
Gót danh lợi bùn pha sắc xám,
Mặt phong trần nắng rám mùi dâu,
Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.
Mùi tục vị lưỡi tê tân khổ,
Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu,
Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh.
Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi,
Lò cừ nung nấu sự đời,
Bức tranh vân cẩu vẽ người tan thương.
Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc,
Thú ca lâu dế khóc canh dài,
Đất bằng bỗng rấp chông gai,
Ai đem nhân ảnh nhuốm mùi tà dương.
Mồi phú quý dữ làng xa mã,
Bả vinh hoa lừa gã công khanh,
Giấc Nam Kha khéo bất bình,
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.
Sân đào lý mây lồng man mác,
Nền đỉnh chung nguyệt gác mơ màng,

https://thuviensach.vn

Cánh buồm bể hoạn mênh mang,
Cái phong ba khéo cợt phường lợi danh.
Quyền hóa phúc trời tranh mất cả,
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai,
Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.
Hình mộc thạch vàng kim ố cổ,
Sắc cầm như ủ vũ ê phong,
Tiêu điều nhân sự đã xong,
Sơn hà cũng ảo côn trùng cũng hư.
Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ,
Quán thu phong đứng rũ tà huy,
Phong trần đến cả sơn khê,
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.
Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau,
Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một nấm cổ khâu xanh rì.
Mùi tục lụy đường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên.
Cái gương nhân sự chiền chiền,
Liệu thân này với cơ thiền phải nao.
Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật,
Mối thất tình quyết dứt cho xong,
Đa mang chi nữa đèo bồng,
Vui gì thế sự mà mong nhân tình.

https://thuviensach.vn

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.

Sống nhiều năm trong phủ Chúa Trịnh vì ông là cháu của Chúa Trịnh Doanh nên Ôn Như Hầu đã chứng kiến sự suy tàn, sa đọa của giai cấp phong kiến, thấy rõ đời sống đau khổ của những người phụ nữ sống trong cung Vua Lê, phủ Chúa Trịnh. Vì thế mà ông nổi tiếng với tác phẩm Cung Oán Ngâm Khúc, tác phẩm trử tình gồm 356 câu song thất lục bát nói về nỗi đau khổ của người cung nữ và được xem là thành tựu xuất sắc nhất của thể loại "ngâm" trong lịch sử văn học Việt Nam. Ông sống cùng thời với những danh nhân Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, những người đã góp phần cho sự phát triển của nền văn học dân tộc. Có người đánh giá thơ của ông cho rằng sự thành công của Cung Oán Ngâm Khúc là do ông đã học tập Chinh Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm (Nguyên tác Hán văn : Đặng Trần Côn). Từ sự phản ánh hiện thực với lòng phẫn nộ và sự oán hờn khi nhìn cuộc đời ảo mộng, dối trá, phù du và tuyệt vọng nên Nguyễn Gia Thiều đã mượn lời cung nữ để nói lên sự bế tắc của ông cũng chính là sự bế tắc của lớp nhà nho vào thời đại ông.

Thật là quá u sầu, ảm đạm, tang tóc, đau thương cho số kiếp con người dưới cái nhìn của Nguyễn Gia Thiều, nhưng đạo Phật đâu có phải như vậy. Chúng sinh có 84

https://thuviensach.vn

ngàn phiền não chướng nên Đức Phật mới dạy 84 ngàn phương pháp để hóa giải. Đối với đạo Phật, đừng nên chấp phương tiện vì nó chỉ là nhân tức là giả mà giải thoát giác ngộ mới là thật, là cứu cánh, là quả. Bằng chứng là trong phần tu chứng viên thông này, Đức Phật tùy theo căn cơ, sở nguyện của từng người mà giáo hóa phương tiện giúp họ đạt đến cứu cánh tột cùng là giác ngộ tánh viên thông của mình và chứng đắc thánh quả. Do đó tam khổ, bát khổ trong Phật giáo chỉ là giáo lý phương tiện, là cách nói chớ không có gì là khổ cả một khi chúng sinh đã thanh lọc những vẩn đục trong tâm. Không vui là tại mình, khổ là cũng do mình, chớ đâu phải tại đời hay là do ở Phật trời. Cũng thì trái ớt đó mà có người thích, người không. Mình chạy theo vô minh phiền não thì phải gánh chịu vô minh phiền não.

Còn nếu mình diệt hết vô minh phiền não thì cuộc sống sẽ trở thành thanh tịnh, thanh thoát, an vui và tự tại. Đứng về phương diện tâm lý mà nói thì cái nhìn, sự hiểu biết của mình đối với thế gian ảnh hưởng rất lớn cho cuộc sống của con người hay nói rộng rãi thêm thì lối biết sống làm thay đổi thân tâm hằng ngày mà con người không hề để ý đến. Thí dụ một người bệnh mà mang trong người nhiều tư tưởng tiêu cực thì căn bệnh khó lành, ngược lại một người tuy bệnh nhưng tâm hồn trong sáng, lạc quan, không chấp sự sống chết thì thân cảm thấy ít đau và bệnh có nhiều cơ hội chóng lành. Một thí dụ khác là khi con người quá lo lắng thì thần kinh căng thẳng làm rối loạn hệ thống tiêu hóa và lở loét bao tử. Ưu tư, lo lắng, phiền muộn thì người

https://thuviensach.vn

ưu tư chớ tóc đâu có ưu tư thế mà người càng lo thì dễ bạc đầu. Vì thế thân tâm hay tinh thần và vật chất tuy hai nhưng mà một, bất tức bất ly, tương trợ cho nhau.

Ông Tất Lăng Già Bà Ta nghe theo lời Phật, quán những cảnh khổ của thế gian trong khi đi khất thực, thình lình chân đạp phải gai độc nên đau buốt toàn thân. Cái đau của thân càng làm ông thấm thía cái khổ của cuộc đời. Vì vậy khi về đến tịnh xá, ông thiền quán tư duy sự đau đớn của thân. Ông tự hỏi cái gì là đau đớn và cái gì là chủ thể để phân biệt sự đau đớn? Không lẽ trong thân lại có hai cái là vừa bị đau đớn và vừa biết đau đớn? Nhờ đi sâu vào thiền định, ông ngạc nhiên khám phá ra rằng tuy thân có đau đớn, nhưng tâm lại không biết sự đau đớn này. Sau cùng ông nhận biết rằng thân căn của con người là hư huyển, cái gai độc bên ngoài cũng là giả huyển do nhân duyên giả hợp mà sinh ra cái đau.

Nói cách khác đau là cái biết hư vọng nơi thân căn dựa theo nhân duyên ngoại cảnh mà phát hiện có năng có sở. Nhưng giác tâm thanh tịnh vốn thường bất biến, không có năng sở, không có trong ngoài, không bị khổ vui làm lay động, nhưng con người vì bị mê lầm chấp trước khởi ra vọng tưởng phân biệt nên chấp có ngoại cảnh, có nội thân, có năng có sở đối đãi phân biệt mà cảm nhận cái đau. Khi đoạn được tướng "năng sở" thì không thấy có cái tướng đau, không thấy cái tướng bị đau mà chỉ còn một giác tâm thanh tịnh. Lúc ấy, cái đau biến mất mà chỉ còn là tánh giác hoàn toàn thanh tịnh, tâm trí rỗng rang nên ông chứng đắc

https://thuviensach.vn

tánh viên thông, trở thành A la hán.

11) VIÊN THÔNG VỀ Ý CĂN

Ông Tu Bồ Đề đứng dậy cung kính chắp tay bạch Phật rằng :

- Từ nhiều kiếp đến nay, tôi vẫn được tâm vô ngại thường trú nơi không tịch. Sự vật hiện tượng trong mười phương đối với tôi trở thành "chân không hóa" chẳng chút vướng vúi buộc ràng. Như Lai phát minh tánh giác là chân không, tôi tư duy thể nhập : Bảo minh không hải tam muội, tri kiến đồng như Phật. Tôi được Phật ấn chứng lên hàng vô học A la hán. Nay Phật hỏi nhân duyên được viên thông, theo chỗ chứng ngộ của tôi : Quán các tướng đều là phi tướng. Cái phi tướng đối tượng cũng không lưu lại. Nhìn hiện tượng vạn pháp đúng như thật của nó : "Có mà thật chẳng có gì". Đối với tôi, đó là phương tiện chinh phục ý căn hữu hiệu nhất.

Tu Bồ Đề là cháu của trưởng giả "Cấp Cô Độc" Tu Đạt Đa, người đã xây cất tịnh xá Kỳ Viên để cúng dường Phật và chư Tăng an nghĩ trong những mùa an cư kiết hạ. Trong những kiếp quá khứ, tôn giả Tu Bồ Đề đã từng tu thiền định về hạnh "không tịch" nên khi Ngài vừa mới chào đời thì tất cả tài bảo, dụng cụ trong nhà của cha mẹ bỗng dưng biến mất. Mãi đến ba ngày sau, đột nhiên những tài bảo nầy mới trở lại như xưa.

https://thuviensach.vn

Đây quả là chuyện hy hữu xưa nay ít có. Khi xuất gia theo Phật, ông trở thành "đệ nhất giải không" là một trong mười đại đệ tử của Phật đà. Vậy thế nào là "Không"? Thí dụ lúc chưa có sự hòa hợp của gạch, ngói, xi măng, cốt sắt thì chưa có cái nhà vì đây chỉ là một mảnh đất trống tức là không. Nhưng sau này gạch, ngói đổ bể tan rã thì cái nhà cũng không còn tức là nó trở lại với tánh Không ban đầu. Vậy "Không" chính là "bản lai diện mục" của tất cả mọi sự vật. Như thế tất cả vạn pháp trên thế gian nầy đều là do nhân duyên hòa hợp mà thành nên không có vật nào có tự tánh, có chủ thể nên chúng là vô ngã tức là Không. Người mê thì thấy mọi vật trên đời này là thật, là bền chắc muôn đời nên lòng tham dễ phát khởi.

Ngược lại người ngộ được lý "không" thì tất cả thế gian vũ trụ tuy có mà cũng như không, giống như là giấc mộng. Vì thế mà ông Tu Bồ-đề thể nhập "Bảo minh không hải tam muội" nghĩa là cái nhìn sáng suốt thấu đáo về vạn pháp giai không của ông nó to lớn bao la như biển cả vô cùng vô tận vậy. Ở đây tôn giả Tu Bồ-đề nói rằng ông có tri kiến đồng như Phật có nghĩa là phải có cái tri kiến về "vạn pháp giai không" cho tất cả mọi hiện tượng về thế gian và xuất thế gian pháp trong đó có cả quả Vô thượng Bồ-đề nghĩa là tuy thế gian vũ trụ sờ sờ trước mắt, nhưng đối với họ tất cả vẫn là không nên không dính mắc.

Nói cách khác không có gì trên thế gian là thật cả, ngay cả chứng đắc quả vị Phật vì thật ra chẳng có cái gì gọi là chứng đắc hết. Một khi chúng sinh biết hồi đầu thị ngạn, quay thuyền trở lại bến xưa thì có an vui, tự tại, Bồ-đề,

https://thuviensach.vn

Niết bàn chớ đâu phải chưa bao giờ biết bến xưa, nhà cũ mà gọi là đắc, là được. Vì thế mà trong kinh Kim Cang, Phật dạy rằng : "Ta đối với Vô thượng chánh đẳng, chánh giác cho đến một chút pháp cũng không chứng đắc thì đó mới gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác". Nếu còn thấy mình chứng đắc tức là còn vướng mắc nơi tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì không là Như Lai được.

Ý căn là tánh hiểu biết tất cả những hiện tượng của pháp trần. Hễ có pháp trần là có ý căn cho nên nếu tiêu trừ được ý căn thì pháp trần không phát khởi. Ông Tu Bồ-đề trong nhiều kiếp quá khứ đã tu theo "ý căn không tịch" nghĩa là không phát khởi ý niệm, tư tưởng trong tâm cho dù đó là ý niệm thiện hay ác mà quy tâm về trạng thái yên tỉnh, thanh tịnh. Tại sao ông có thể đưa ý căn trở về với không tịch được? Bởi vì Phật dạy trong kinh Kim Cang rằng : "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng; Nhược kiến chư tướng, phi tướng tức kiến Như Lai" nghĩa là nếu chúng sinh muốn thấy được Phật thì phải nhìn vạn pháp trong thế gian vũ trụ này đều là như huyễn, không có chi là thật cả.
Nói cách khác nếu con người nhìn thấu được tánh chất phi vật chất của vật chất thì sẽ thấy được Phật tức là "vạn pháp giai không" vậy. Nên biết rằng tất cả vật chất có được trong thế gian là do nhân duyên trùng trùng duyên khởi, tác động qua lại mà thành chớ không có cái gì mà tự nó có được nên vật chất không có tự tánh, không có chủ thể vì thế chúng là vô ngã tức là "không". Vì là vô ngã nên vật

https://thuviensach.vn

chất sẽ bị thoái hóa dựa theo tiến trình sinh, trụ, dị, diệt của luật vô thường nên thấy đó rồi mất đó, không có chi là bền chắc cả. Nếu biết thức tỉnh, con người sẽ không còn đam mê, say đắm, lưu luyến, đừng vì nó mà tạo nên bao nhiêu tội nghiệp để phải gánh chịu khổ đau bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp.

Vì thâm nhập các tướng đều là phi tướng tức là vạn pháp giai không nên ông Tu Bồ-đề chứng được tánh viên thông, tâm trí rỗng rang và chứng đắc A la hán. Nếu đứng về mặt tục đế mà nói thì "căn" cũng ví như gốc rễ để rồi từ đó sanh ra biết bao vô minh lậu hoặc mà gây ra đau khổ cho cuộc sống con người. Nhưng bây giờ nếu nhìn "căn" bằng một khía cạnh khác thì căn chỉ là một dạng vật chất phát xuất từ tứ đại duyên sanh như vô vàn hiện tượng duyên sanh khác.

Thế giới vật chất hữu hình biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng có một điều chắc chắn là không có thứ vật chất nào là nguyên nhân của tội lỗi gây ra phiền não khổ đau cho con người. Tuy trần có vô vàn hiện tượng, nhưng cũng không ngoài sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tự tánh của "căn, trần" là thanh tịnh bản nhiên, không ô nhiễm, tội lỗi xấu xa gì, nhưng nó chỉ gây tác hại, đau thương cho những ai không làm chủ được sáu căn của mình. Vì thế nếu chúng sinh biết kiềm chế sáu căn, không cho dính mắc nơi sáu trần thì chẳng những "căn trần" không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi mà ngược lại còn là những dữ kiện để chứng đắc tánh viên thông, có tự tại Niết bàn.

https://thuviensach.vn

12) VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC

Ông Xá Lợi Phất đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

- Bạch Thế Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, sự nhận thức của tôi thường thanh tịnh. Số kiếp thọ sanh lên xuống nhiều như số cát sông Hằng. Do vậy mà các pháp biến hóa thế gian, một khi thấy là tôi nhận thức không xa chân lý, được vô chướng ngại. Trong lần gặp gỡ giữa đường, anh em ông Ca Diếp dụng ý theo tôi để thuyết pháp. Các ông nói cho tôi nghe về giáo lý nhân duyên sâu xa của Phật. Nhân buổi đàm đạo đó, tôi được tỏ ngộ, nhận thức được rằng : "Tâm không ngần mé". Rồi tôi theo Phật xuất gia. Trí tuệ sáng suốt ngày càng viên mãn, được đại vô úy, thành A la hán quả, trưởng tử Phật. Nay Phật hỏi nguyên nhân tỏ ngộ viên thông, xin thưa : Theo chỗ chứng đắc của tôi thì sự nhận thấy rõ ràng, nhận thức đánh giá chính xác đúng như thực của sự vật hiện tượng là thành công ưu việt nhất.

Dựa theo Duy Thức học, khi tiền ngũ thức tức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức tiếp xúc với ngũ trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc thì chỉ thông qua "hiện lượng". Hiện lượng là sự lượng biết còn trong đệ nhất sát na chớ chưa chuyển qua thành ý thức phân biệt. Sự tiếp thu tiền cảnh của tiền ngũ thức cũng giống như sự tiếp thu âm thanh và hình ảnh của một chiếc máy quay phim nghĩa là hình ảnh, màu sắc, cảnh giới, âm thanh bên ngoài

https://thuviensach.vn

như thế nào thì chiếc máy ghi nhận y như vậy, không thêm không bớt. Nói cách khác tiền ngũ thức là cái thấy biết chưa có sự phân biệt cho nên công dụng của nó không có ý niệm : mừng, giận, thương, ghét, yêu, sợ, phải, quấy, tốt, xấu, lấy, bỏ, hơn, thua…vì vậy mà tiền ngũ thức không thể tạo nên nghiệp "thiện" hay "ác" được. Thí dụ như thấy có người vào nhà thì cái thấy này là nhãn thức, nhưng nếu quan sát kỷ thì nhận biết người đó là người đàn ông cao lớn, tóc bạc phơ thì cái thấy bây giờ là do ý thức phân biệt mà có.

Cũng theo Duy Thức luận thì nhãn thức là một trong tám thức tâm vương mà tánh thấy chính là tinh quang của tám thức soi vào năm trần mà rõ được cảnh. Nếu lúc mắt mới chạm vào sắc trần thì cái thời điểm thấy sao biết vậy này gọi là "hiện lượng". Nhưng khi tâm vừa khởi sự phân biệt thì gọi là "tỷ lượng" tức là thuộc về ý thức phân biệt. Sau cùng "phi lượng" là sự nhận biết không đúng với chân lý mà thiên về ngã kiến. Như thế nếu tiền ngũ thức chung khởi với tỷ lượng của ý thức thì sự nhận biết của con người có thể đúng mà cũng có thể sai tùy theo sự phân biệt đúng hay sai, khách quan hay chủ quan. Nếu nhận thức đúng chân lý thì gọi là thiện bằng ngược lại là ác. Nếu tiền ngũ thức chung khởi với phi lượng của ý thức thì sẽ gây ra sự sai quấy hoàn toàn đối với chơn lý.

Con người có gây ra tội cũng vì do mê, do bất giác vô minh. Do đó, nếu chúng sinh chỉ cần cảnh giác cội nguồn của phiền não là tham-sân-si, mạn…để tâm trí được sáng

https://thuviensach.vn

suốt không mê thì sẽ trở thành người giác. Nói cách khác đừng để kẻ giặc cướp vô minh phiền não vào nhà "tánh giác diệu minh" cướp phá sự nghiệp trí tuệ giải thoát giác ngộ của ta. Tóm lại, chỉ cần "không mê" thì ta là "giác" và chỉ cần không "vọng" thì "chơn" hiển bày.

Do vậy ý thức ngoài hiện lượng ra, còn có thêm tỷ lượng và phi lượng nên mới có câu "tâm viên ý mã" là vậy. Xá Lợi Phật được sinh ra trong một gia đình thuộc dòng Bà la môn. Thân phụ của tôn giả đã từng là một luận sư nổi tiếng của đạo Bà la môn. Thân mẫu, trong thời gian mang thai Ngài thì tâm trí trở nên linh mẫn khác thường cho đến người em ruột là Câu Hi Na (Kotthita) vốn là một tay nghị luận nổi tiếng lúc bấy giờ mà cũng phải chịu thua bà. Lúc mới lên tám tuổi, Xá Lợi Phất đã làu thông kinh sử. Khi lớn lên, tôn giả trở thành một thanh niên cao lớn, nét mặt thanh tú, đối mắt có thần, tay dài quá gối và có cái phong độ của một nhà học giả trứ danh.

Trong giới học thuật lúc bấy giờ, không ai là không biết đến đại danh của chàng thanh niên "hậu sinh khả úy" đó. Khi được hai mươi tuổi, Xá Lợi Phật xin phép song thân đi du phương học đạo, tìm cầu chân lý. Đầu tiên ông đến thọ giáo với một thầy Bà la môn tên là San Xà Da (Sanjayabelatthiputta) và cũng chính nơi này, Xá Lợi Phất kết bạn với Mục Kiền Liên. Một thời gian sau, vì thấy San Xà Da không đủ khả năng làm thỏa mãn ước vọng của mình, Xá Lợi Phất từ giả để đi nơi khác. Cho đến một hôm, Xá lợi Phất bỗng nhìn thấy tỳ kheo A Thị Thuyết (Mã Thắng, A Xả Bà Thể, Assja) là một trong năm vị tỳ kheo

https://thuviensach.vn

đầu tiên xuất gia làm đệ tử Phật, đã từng nhiều năm tu khổ hạnh với dáng vẻ trang nghiêm và mỗi cử chỉ, đi, đứng đều tỏ rỏ oai nghi tế hạnh làm tôn giả cảm thấy tâm hồn rung động.

Xá Lợi Phất hỏi :

- Bậc tôn sư của Ngài là ai? Và thường dạy Ngài những đạo lý gì?

- Thầy tôi là người thuộc dòng họ Thích Ca, người ta thường gọi là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài thường dạy cho chúng tôi về chân lý của vũ trụ và nhân sinh mà kẻ trí óc cạn cợt như tôi không thể nào lãnh hội hết được. Giáo lý thầy tôi thường giảng dạy mà tôi ghi nhớ nhiều nhất là như vầy:

“Các pháp do nhân duyên sinh,
Và cũng lại do nhân duyên mà diệt”.
Và người còn dạy thêm rằng :
“Tất cả các hành nghiệp đều là vô thường,
Đều là pháp sinh diệt.
Và một khi chấm dứt được sự sinh diệt,

Thì có được sự an lạc trong cảnh giới Niết bàn tịch tịnh”.

Xá Lợi Phất cảm thấy như trời long đất lở, như ánh sáng chói lòa của mặt trời chiếu ngay trước mắt, bao nhiêu đám

https://thuviensach.vn

mây nghi ngờ về các vấn đề nhân sinh vũ trụ từ trước đến nay bỗng dưng được quét sạch. Từ đó Ngài đến xin quy y và trở thành "đệ nhất trí tuệ" trong số mười vị đại đệ tử của Phật đà.

Con mắt thịt thì gọi là phù trần căn, còn bên trong con ngươi có những giây thần kinh bao bọc võng mô thì gọi là tịch sắc căn. Do đó thức nương gá theo cái căn đó mà cho ta cái thấy tức là nhãn thức. Bình thường con mắt đâu có tội lỗi xấu xa gì, nhưng con người vì không làm chủ được nhãn thức để có vui có buồn, có thương có ghét, có phải có quấy, có hơn có thua nên mới có đau khổ. Còn nếu thấy thì cái gì cũng thấy, nhưng đừng đem ý niệm vào tâm tức là đừng cộng nhãn thức với ý thức mà có sự phân biệt thì cái thấy kia đâu có phải là nguyên nhân của phiền não khổ đau nên không có thấy ghét, thấy thương, thấy mừng, thấy giận…Thật chất của nhãn thức là hiện lượng tức là vô tư, khách quan chớ không phải là tỷ lượng hay phi lượng vì thế cái tánh thấy không hề có thương ghét, phải quấy gì hết.

Nhờ có nhãn thức tức là cái thấy biết đúng, nhận thức đánh giá chính xác đúng như thật khiến ông Xá Lợi Phất nhìn thế gian rất rõ ràng, không sai chân lý cho nên dựa theo thuyết nhân duyên mà ông đã nghe được thì con người ông có ngày hôm nay là do biết bao nhân duyên sinh khởi mà tạo thành. Khi duyên đủ thì sinh và khi duyên hết, thân tan và con người theo nghiệp lực tái sinh vào kiếp khác. Cứ thế

https://thuviensach.vn

mà xoay vần, khi lên khi xuống, vô cùng vô tận trong thế gian nầy. Lý nhân duyên sanh nghĩa là tất cả vạn pháp nương gá, tác động qua lại với nhau mà sinh khởi và trong sự nương gá đó nếu các pháp đồng chủng thì tương hợp, dị chủng tương xích, đồng tánh tương cự và dị tánh thì tương để. Các pháp trong thế gian này nhân duyên trùng trùng mà sinh khởi, nhân thành duyên, duyên thành nhân, nhân này duyên nọ rồi nhân nọ duyên này tiếp nối không ngừng mà tác tạo ra nhân sinh, thế giới, vũ trụ.

Trong kinh Tỳ kheo Na Tiên, vua Milinda hỏi Tỳ Kheo về nhân duyên sinh như sau :

- Bạch Đại đức, trên thế gian này có vật nào bỗng dưng mà tự nhiên sinh ra không?

- Tâu Đại vương! Không có vật nào bỗng dưng mà tự nhiên sinh ra cả. Hết thảy đều phải có sở nhân.
Na Tiên bèn hỏi ngược nhà vua :

- Cái cung điện mà nhà vua đang ngự đây, phải chăng là do tự nhiên sanh ra hay do tay người kiến tạo?

- Do tay người kiến tạo. Cây thì đốn trong rừng về để làm kèo cột…Nhân công cả đàn ông lẫn đàn bà xúm lại, kẻ cưa người đẽo, kẻ đắp người tô, ai lo tròn việc ấy, mới kiến tạo xong tòa cung điện này.

https://thuviensach.vn

- Cũng như thế đó, con người cũng do yếu tố hòa hợp lại mà thành. Mọi vật không thể bỗng không mà sanh ra được. Hết thảy đều có sở nhân, chứ không do tự nhiên mà có.

- Xin cho thí dụ.

- Ví như nhạc công khảy đàn. Nếu không có dây, phiếm và tay người khảy…thì khiến phát ra âm thanh trầm bổng nhặt khoang được không?

- Thưa không.

- Con người và vạn vật trong thế gian cũng như thế đó. Không thể bỗng dưng mà có sinh ra. Hết thảy đều phải có sở nhân. Các sở nhân ấy kết hợp lại với nhau, tạo thành sự sự vật vật ngàn sai muôn khác. Đó là nhân duyên sanh vậy. Chớ không thể nào có tự nhiên sanh.

Tâm không có ngằn mé nghĩa là tâm thì bao la vô cùng vô tận, hòa đồng chân lý vũ trụ vì thế tâm trong đạo Phật phải được hiểu là Như Lai Tạng bản thể (tâm) chứa đựng tất cả những chủng tử (hạt giống) để duyên khởi hình thành ra tất cả hiện tượng vạn pháp trong cái thế giới vũ trụ bao la này. Vì tâm không giới hạn nên khi chúng sinh thể nhập được chơn tâm thường trú, thể tánh tịnh minh rồi thì cái tâm này mới có thể hòa đồng với chơn không được.

https://thuviensach.vn

Vì có nhận thức đúng về lý nhân duyên nên tỏ ngộ chân lý giúp ông Xá Lợi Phất chứng đắc tánh viên thông, thành quả A la hán, có được Niết bàn.

13) VIÊN THÔNG VỀ NHĨ THỨC

Bồ-tát Phổ Hiền đứng dậy cung kính chắp tay bạc Phật :

- Rằng tôi từng làm Pháp vương tử cho các Như Lai nhiều như cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền chính là do dựa theo đức tinh tấn của tôi mà đặt ra cái tên Phổ Hiền Hạnh.

- Bạch Thế Tôn! Tôi sử dụng tánh nghe của tâm mà nhận biết nguyện vọng của chúng sanh, nếu có chúng sinh phát hạnh Phổ Hiền. Do vậy, giả sử ở một phương khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có chúng sinh phát hạnh Phổ Hiền thì liền trong lúc ấy, tôi cỡi voi sáu ngà, phân thân trăm nghìn đến chỗ người ấy. Phỏng sử người kia nghiệp chướng sâu dày chưa thấy được tôi, tôi cũng thầm kín xoa đầu an ủi ủng hộ khiến cho sở nguyện thành tựu. Nay Phật hỏi nguyên nhân tu chứng viên thông, tôi xin thưa: Sử dụng tánh nghe của nội tâm mà nhận biết tự tại, đối với tôi là pháp môn ưu việt nhất.

Khi nói về giáo nghĩa phương tiện, Bồ-tát Phổ Hiền thường thị hiện cởi voi trằng sáu ngà có nghĩa là Ngài dùng đại

https://thuviensach.vn

hạnh hóa độ chúng sinh, đưa họ từ bờ mê đến bến giác. Con voi trắng sáu ngà tượng trưng cho Lục độ là Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Thiền định và Trí tuệ. Mặc dù bể khổ thì rộng lớn mênh mông còn chúng sinh thì vô lượng, nhưng Ngài vẫn không ngại nhọc nhằn tiếp tục cứu vớt chúng sinh kiếp này sang kiếp khác. Với chiếc chèo bố thí, cánh buồm tinh tấn, mục tiêu thiền định, tay lái trí tuệ, Phổ Hiền Bồ-tát luôn kiên nhẫn tiến tới mà chẳng ngại sóng gió để cứu giúp chúng sinh.

Thấy Phổ Hiền Bồ-tát là thấy chân lý cho nên con người phải tránh xa mọi ảo vọng để trở về với chân lý. Gạt bỏ mọi vô minh, đừng lấy chân làm giả mà hãy dùng trí tuệ mà nhìn thẳng váo chân lý để được giác ngộ như chư Phật. Mười đại hạnh Phổ Hiền là :

1.Lễ kính chư Phật :

Lễ kính chư Phật ở đây không có nghĩa là lễ lạy tượng Phật, mà chư Phật ở đây là ám chỉ cho tất cả mọi chúng sinh vì ai ai cũng đều có Phật tánh như nhau. Giáo lý liễu nghĩa đại thừa thì chú trọng Phật tánh tức là tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mỗi chúng sinh. Đó là:

1) Pháp trí thanh tịnh lễ : Chúng sinh phải nhìn thấy cho được sự thanh tịnh của nội tâm để kiểm tra tư tưởng của mình. Tâm thức tức là tư tưởng thì biến chuyển không ngừng cho nên chúng sinh phải biết nó đang nghĩ gì, nó

https://thuviensach.vn

đang nói gì và nó đang muốn làm gì. Nếu ý thiện thì lấy còn ý xấu, ý ác thì bỏ ngay.

2) Chánh quán tâm thành lễ : Hằng ngày trong mọi uy nghi như đi, đứng, nằm, ngồi chúng sinh đều có thể suy tư quán chiếu hay gọi là hành thiền, tọa thiền hay ngọa thiền để xoay tâm mình trở về với chánh đạo và tránh xa tà kiến.

3) Biến nhập pháp giới lễ : Biến tâm mình trở thành rỗng rang để hòa nhập vào vủ trụ bao la mà không cần một đối tượng để không còn vui buồn, hờn giận, thương ghét, nhân ngã bỉ thử…Tâm hồn con người hoàn toàn rỗng rang thanh tịnh được xem như hòa tan vào trong hư không vô tận để buông bỏ tất cả. Trạng thái sống như vậy trong thời gian đó là biến nhập pháp giới lễ vậy.

4) Thực tướng bình đẳng lễ : Chúng sinh phải thấy cho được tính cách vô tướng của vạn pháp vì thật tướng là vô tướng. Tất cả các pháp là do duyên sanh nên không có chủ tể hay tự tánh nên không có vật gì là vĩnh viễn tồn tại, bền chắc vì thế chúng sinh dễ buông xả tất cả. Vì vạn pháp giai không duyên sanh như huyễn nên con người có thể coi thường cả sinh, lão, bệnh, tử của mình, coi thường cả sự thành, trụ, hoại, không của vủ trụ và coi thường ngay cả sinh, trụ, dị, diệt của cuộc đời nên lúc nào cũng an vui tự tại.

Thực hành được như thế thì tuy không lễ lạy trước Đức

https://thuviensach.vn

Phật mà chính chúng ta đã lễ lạy rồi vậy. Nếu chúng sinh không nhận thức được Phật tâm của mình để sống với cái tự tánh thanh tịnh bản nhiên để có an vui tự tại mà cầu Phật tướng bên ngoài thì chỉ gởi gắm tâm hồn vào nơi vô định. Tu hành theo hình tướng bề ngoài thì dĩ nhiên không có kết quả.

2. Khen ngợi Như Lai
3. Cúng dường khắp cả
4. Sám hối nghiệp chướng
5. Tùy hỷ công đức
6. Thỉnh Phật chuyển pháp luân
7. Thỉnh Phật thường ở đời
8. Thường theo học Phật
9. Hằng tùy thuận chúng sinh
10. Hồi hướng khắp hết.

Đức Phổ Hiền Bồ-tát đã sử dụng tánh nghe của nội tâm mà nhận biết tiếng cầu cứu của chúng sinh. Vậy Ngài sử dụng tánh nghe như thế nào? Nghe bằng tự tánh không phải là lối nghe thông thường bằng nhĩ căn mà chỉ là tánh nghe trong nhĩ căn tức là cái lý thể vô phân biệt. Với tánh nghe này, dù có âm thanh hay không vẫn được sáng tỏ rõ ràng, không sai sót cũng như tấm kiếng cho dù có hình hay không thì kiếng vẫn sáng tỏ. Khi con người chú tâm vào tự tánh thì gọi là nhập lưu, vọng ngoại theo tiếng là xuất lưu. Do đó, khi có thể lìa bỏ mọi âm thanh (thanh trần) cũng còn gọi là phủi bỏ trần cảnh, dùng cách nhập lưu trở về tự

https://thuviensach.vn

tánh nghĩa là hành giả không chú tâm vào tiếng bên ngoài mà chỉ hướng vào trong tánh nghe, an trụ lặng lẽ thì những phân biệt thô thiển không còn nữa và lúc đó tánh nghe sẽ hiện rõ như mặt trăng mùa thu trong sáng. Nếu trong một thoáng, con người chú tâm đến âm động bên ngoài thì tánh nghe sẽ mờ mịt, không còn sáng suốt nữa. Vì vậy khi nhập lưu hành giả đừng bao giờ quan tâm đến động tịnh thì mới thành tự tánh bổn định được.

Tất cả thế gian, vũ trụ, muôn sinh, vạn vật, trời, Phật, Thánh, thần, A tỳ, súc sinh, địa ngục đều phát khởi từ tâm. Do đó cứ mỗi giây, mỗi phút con người sống một trong thập pháp giới đó. Thật vậy, tâm là cội nguồn của chư Phật, là biển của muôn pháp, là đất tánh của chúng sinh. Đất thì sinh ra muôn sinh vạn vật còn tâm thì bao gồm muôn pháp, trăm khéo ngàn hay, huyền cơ diệu lý, mỗi mỗi đều từ tâm dựng lập. Vì thế khi chúng sinh phát hạnh tinh tấn thì tâm ấy chính là tâm Phổ Hiền chớ đừng hiểu là Ngài Phổ Hiền vì nghe biết nguyện vọng chúng sinh nên từ xa đến để xoa diệu niềm đau nỗi khổ. Đây là lối "văn dĩ tải đạo" nghĩa là dùng lời văn mà chuyên chở đạo lý bên trong thế thôi.
Còn con voi trắng sáu ngà phải được hiểu là tượng trưng cho sự kiên cường, sức chịu đựng bền bỉ của Bồ-tát. Do đó dựa theo liễu nghĩa đại thừa thì Phổ Hiền Bồ-tát cởi voi trắng sáu ngà là chỉ cho chúng sinh đã phát tâm tinh tấn, kiên cố, chịu đựng bền bỉ không thoái bước trên con đường Vô thượng Bồ-đề chớ đừng sống trong ảo tưởng cho rằng có Ngài Phổ Hiền cởi voi trắng sáu ngà thật mà trông chờ,

https://thuviensach.vn

mong đợi, van xin, cầu lạy. Đạo Phật dạy chúng sinh tin sâu vào nhân quả nghĩa là mình đầu tư cái nhân bao nhiêu thì chỉ gặt hái chừng ấy quả, không cầu không xin ai cả vì có cầu cũng chẳng được nào chỉ tăng trưởng lòng tham tức là tăng thêm nỗi khổ mà thôi. Vì xử dụng tánh nghe được viên mãn nên Ngài Phổ Hiền chứng đắc tánh viên thông, tự tại Niết bàn.

14) VIÊN THÔNG VỀ TỶ THỨC

Ông Tôn Đà La Nan Đà đứng dậy cung kính chắp tay thưa với Phật :

- Lúc tôi mới xuất gia theo Phật học đạo, trong khi tu Tam-ma-đề, tâm thường tán loạn. Đức Thế Tôn dạy tôi quán điểm trắng ở chót mũi. Tôi bắt đầu thực hành, trải qua thời gian hai mươi mốt ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, thân tâm trong sáng như ngọc lưu ly. Tướng khói lần lần không còn, tâm tôi được khai ngộ, các lậu tận sạch trong, thành A la hán. Thế Tôn thọ ký cho tôi thành quả Bồ-đề. Nay Phật hỏi sở nhân được viên thông, xin thưa: Đối với tôi tập trung ý niệm, quán hơi thở và điểm trắng ở tỷ căn là thành tựu hữu hiệu nhất.

Ông Nan Đà có người vợ tên là Tôn Đà La vì thế kinh này gọi ông là Tôn Đà La Nan Đà để tránh ngộ nhận ông với những ông Nan Đà khác. Ông xuất gia theo Phật là người rất thông minh, giữ gìn đúng giới luật, nhưng thỉnh thoảng

https://thuviensach.vn

lại nhớ đến người vợ đẹp, tâm thường tán loạn nên tu các pháp quán không có kết quả. Đức Phật dạy ông nhiếp niệm quán điểm trắng ở chót mũi. Ông tinh tấn tu pháp quán ấy rồi trải qua thời gian hai mươi mốt ngày, ông vào được định rồi đưa tâm theo hơi thở ra vào. Tâm theo hơi thở ra thì hiện thành thế giới và khi tâm theo hơi thở vào thì tất cả đều không. Cứ như thế cho đến lúc thấy hơi thở thành như khói, rồi thành sắc trắng và sau cùng hóa thành hào quang sáng chói soi khắp mười phương thế giới.

Trong ngũ uẩn thì hành uẩn là nơi tư tưởng phát sinh như dòng suối liên tục không ngừng. Ý niệm trước vừa dấy khởi thì liền bị thay thế bởi ý niệm sau cho nên tâm con người chất đầy vọng tưởng. Ở đây Đức Phật dạy ông Tôn Đà La Nan Đà quán vào hơi thở nghĩa là định tâm của mình vào hơi thở mà quên đi tất cả những hiện tượng, ý niệm sinh diệt khác. Khi tâm đã bắt đầu cô động, ý nghĩ không còn phát hiện thì ngay vào thời điểm đó tất cả những tư tưởng tham-sân-si biến mất khiến tâm ông rỗng rang thanh tịnh tột cùng. Một khi tâm được thanh tịnh không còn bị ngoại trần "sắc, thanh, hương, vị, xúc" hay nội trần "pháp" quấy phá thì ông phá được ngã chấp, chứng được ngã không mà trở thành A la hán, chứng đắc tánh viên thông tự tại.

15) VIÊN THÔNG VỀ THIỆT THỨC

Ông Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật :

https://thuviensach.vn

- Bạch Thế Tôn! Tôi từ nhiều kiếp đến nay biện tài vô ngại, tuyên thuyết các pháp : khổ, không, hiểu sâu thật tướng cho đến những pháp môn bí mật như hằng sa của Như Lai, tôi có thể diễn giảng trước đại chúng không hề có sự sai lầm và sợ sệt. Thế Tôn biết tôi có đại biện tài, dạy tôi tuyên dương chánh pháp, giúp Phật chuyển pháp luân. Tôi nhờ giảng nói chánh pháp mà được quả A la hán. Thế Tôn ấn chứng cho tôi là "thuyết pháp đệ nhất". Nay Phật hỏi nguyên nhân được viên thông, xin thưa : Tôi dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu trừ hoặc lậu là ưu việt nhất.

Phú Lâu Na sinh ra trong một gia đình thuộc hạng giàu có ở Ấn Độ, nhưng khi lớn lên, ông nhận biết rằng ái ân, tài bảo của thế gian là giả tạm, có lúc biệt ly tan rã. Chỉ có một điều quan trọng nhất của cuộc đời là cầu cho mình thấu biết một chân lý tối thượng nên mới quy y theo Phật. Vì trong nhiều kiếp quá khứ, ông có biện tài vô ngại, tuyên duyên chánh pháp mà trở thành "thuyết pháp đệ nhất". Khi đã đi sâu vào Phật pháp, con người sẽ phát sinh tứ vô ngại nghĩa là có pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại.

1) Pháp vô ngại : Khi đã thành tựu trí tuệ thì nhìn vạn pháp thấy cái gì cũng đúng với chân lý nên khi thuyết pháp biến tất cả các pháp trở thành Phật pháp. Thí dụ như khi thấy lá rụng, tuyết rơi thì nghĩ ngay đến sự tạm bợ, vô thường.

https://thuviensach.vn

2) Nghĩa vô ngại : là biết đúng nên nói đúng, nói chánh ngữ, đúng nghĩa, không sai chân lý.

3) Từ vô ngại : là lời nói trôi chảy, không ngăn ngại.

4) Lạc thuyết vô ngại là càng nói càng thêm phấn khởi, dồi dào phong phú chớ không bao giờ bị bế tắc.

Đứng về phương diện ý thức, tư tưởng thì tứ vô ngại được gọi là tứ vô ngại trí tức là do trí tuệ mà phát sinh ra bốn thứ vô ngại. Còn dựa trên ngôn từ diễn đạt mà nói thì gọi là tứ vô ngại biện tức là tứ vô ngại biện tài. Sau cùng khi chúng sinh nhìn kinh điển mà có thể nhận thức, thấy biết ngay thì gọi là tứ vô ngại giải, nghĩa là đọc kinh thì biết ngay ý nghĩa mà khỏi cần nghiên cứu.

Vì có được tứ vô ngại nên tôn giả tuy thuyết pháp nhưng tâm không rời pháp giới tánh. Đức Phật biết ông có tài biện thuyết lớn lao nên dạy ông tu hạnh thuyết pháp. Do thuyết pháp đứng đắn, đúng với chân lý, dùng ngọn lưỡi thay ánh thép quét sạch tà ma ngoại đạo nên ông chứng được tánh viên thông, đắc quả A la hán.

16) VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Ông Ưu Bà Ly đứng dậy cung kính chắp tay bạch Phật :

https://thuviensach.vn

- Rằng chính tôi theo Phật vượt thành xuất gia. Tôi thấy Như Lai sáu năm cần khổ, cuối cùng hàng phục tà ma, chế ngự ngoại đạo, giải thoát các lậu thế gian. Phật dạy tôi trì giới, giữ gìn tánh nghiệp, giá nghiệp của thân, miệng, ý giữ vẹn ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Nhờ vậy, thân tâm tịch tịnh thành quả A la hán. Nay kỷ cương trong đại chúng, Như Lai ấn chứng tôi là "trì luật đệ nhất". Hôm nay Phật hỏi phương tiện được viên thông, xin thưa : Đối với tôi do giữ gìn thân được thanh tịnh. Thân đã thanh tịnh thì tâm sẽ thanh tịnh sau. Đó là phương pháp uốn dẹp tu sửa thân tâm hữu hiệu nhất.

Ông Ưu Bà Ly xuất thân từ dòng hạ tiện Thủ Đà La cho nên suốt cuộc đời chỉ được làm nô bộc cho kẻ khác mà thôi. Lớn lên ông trở thành người thợ hớt tóc. Nhờ tánh thuần lương trung hậu, chẳng bao lâu ông được vào Hoàng cung hớt tóc cạo râu cho các vương tôn công tử. Do vậy mà khi Đức Thế Tôn về thăm lại gia đình, ông được chọn để cạo tóc cho Phật. Về sau bảy vị vương tử xuất gia, ông cũng quyết chí quy y theo Phật và chẳng bao lâu sau trở thành "đệ nhất trì giới" của Phật đà.

Phật biết ông là người thẳng thắn, cương trực mà lại thuần lương trung hậu nên dạy ông tu pháp trì giới. Ông kiên trì giữ gìn tánh hạnh cho đến ba ngàn uy nghi, tám vạn tế hạnh ông đều giữ được thanh tịnh từ trong đến ngoài. Trong Phật giáo, Giới là cánh cửa để vào căn nhà giác ngộ

https://thuviensach.vn

bởi vì có giới thì tâm mới định mà tâm định thì trí tuệ sẽ sinh. Tuy kinh Lăng Nghiêm thuộc về lối tu "Tự tánh bổn định", nhưng phần sau Đức Phật dạy muốn có cái định này chúng sinh vẫn phải tránh xa tánh nghiệp là "dâm, sát, đạo, vọng" tức là phải tu "giới" trước vậy. Tánh nghiệp là những điều thể tánh tuy không ác, nhưng nó mở đường cho tội lỗi có cơ hội phát tác như rượu chè, cờ bạc…Các vị xuất gia phải thọ 250 giới rồi đem nhân với 4 cử động đi, đứng, nằm, ngồi thành ra 1000 và nhân nó với 3 tụ giới thành ra 3000 oai nghi. Lấy 3000 oai nghi này nhân với 7 chi là sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt, vọng ngôn, ác khẩu, ý ngữ thành ra 21000.

Sau cùng nhân 21000 cho 4 phần phiền não là đa tham, đa sân, đa si, tham-si đồng phần thành ra 84000 tế hạnh mà một vị tỳ kheo phải giữ gìn, không được khuyết phạm giới nào. Nếu thân thường ở trong giới và một khi giới đã thanh tịnh thì thân ấy là thân tịch diệt và tâm ấy chính là tâm chơn thường diệu giác, cho dù có ở trong chốn bụi trần mà không bao giờ ô nhiễm như diệu liên hoa vậy. Giới là khuôn vàng thước ngọc, là kim chỉ Nam để tránh đi lầm đường lạc lối, vào chỗ đọa lạc. Vì tầm quan trọng đó mà trước khi nhập diệt, Đức Phật dạy rằng:"Vào thời không có Phật hãy lấy giới luật làm thầy". Giữ giới là có giải thoát nên ông Ưu Bà Ly thân được tự tại và tâm được thông suốt. Cũng vì có thân tâm đều vắng lặng trong suốt nên ông Ưu Bà Ly chứng được tánh viên thông, đắc thành A la hán.

https://thuviensach.vn

17) VIÊN THÔNG VỀ Ý THỨC

Ông đại Mục Kiền Liên đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng :

- Lúc nọ tôi đi khất thực giữa đường được ba anh em ông Ca Diếp : Ưu Lâu Tần Loa, ông Dà Gia và Na Đề giảng nói lý nhân duyên thậm thâm của Phật, tâm tôi bừng ngộ thông suốt rỗng rang. Như Lai ban cho cà sa mặc vào thân, râu tóc tự cạo. Đại chúng suy tôn tôi là "thần thông đệ nhất" trong hàng vô học A la hán. Nay Phật hỏi viên thông, xin thưa: Tôi xoay ý thức trở về tánh sáng suốt trạm nhiên. Giống như lóng nước đục, lóng nước lâu trở về với tự thể trong sạch. Đó là phương tiện tu sửa đối với tôi hữu hiệu nhất.

Tôn giả Mục Kiền Liên cũng như Xá lợi Phất sau nghe đạo lý nhân duyên thì tâm chợt bừng ngộ, tâm trí rỗng rang, thần thông diệu dụng nên được Phật tặng cho danh hiệu "đệ nhất thần thông" trong số mười vị đại đệ tử của Phật đà. Trong đạo Phật, thần thông không phải là điều tối quan trọng vì bất cứ vị A la hán nào cũng có. Cái khác nhau giữa Phật giáo và ngoại đạo là tuy ngoại đạo cũng luyện được năm phép thần thông, nhưng tâm họ chưa trong sạch, không thanh tịnh cho nên khi không còn luyện thì thần thông biến mất.

https://thuviensach.vn

Ngược lại thần thông của Phật giáo là do tâm thanh tịnh mà có nên thường hằng, không bao giờ mất. Ngày xưa ngoại đạo có khi dùng cả bốn, năm chục năm để luyện cho mình có thể đi trên mặt nước hay bay qua ngọn núi…nhưng đi trên mặt nước hay bay qua ngọn núi thì có chi là tuyệt vời mà phải mất cả đời người để tu luyện! Ngày nay con người chỉ cần bỏ ra vài trăm đô la là có thể bay trên không 4, 5 chục ngàn bộ dễ dàng. Hoặc cả phái đoàn bốn, năm trăm người từ Mỹ cùng bay qua Ấn Độ để hành hương chớ đâu như Tề Thiên Đại Thánh chỉ có một Đường Tăng mà không đằng vân đem theo được.

Ngay cả những người tự cho mình có thần thông này, diệu dụng nọ, nhưng các ông các bà này cũng phải đứng sắp hàng ở phi trường hàng giờ chờ đi máy bay như. Những chiếc tàu ngầm nguyên tử có thể chở mấy trăm thủy thủ đoàn lặn sâu tận lòng đại dương cả năm trời mới nổi lên. Hiện tại có một chiếc du thuyền lớn nhất thế giới cao trên mười mấy tầng, thiết kế đầy đủ như là một khu phố trến mặt nước tên là Oasis mà người Mỹ gọi là The Biggest ship: "Oasis" or is it a floating town? hay những chiếc hàng không mẫu hạm có thể xuyên khắp năm châu bốn bể.

Con người đâu cần thần thông mà vẫn bay đến mặt trăng thăm chị Hằng, chú cụi! Hoa Kỳ và Nga đã thiết lập những trạm ngoài không gian mà con người có thể ở trên đó cả năm, đánh cờ uống rượu khác gì những vị tiên. Hoặc trong những thập niên tới con người có thể đến thăm những hành tinh như Hỏa tinh như đi chợ, có khó gì. Do đó đối với đạo Phật, cái thần thông diệu dụng nhất phải là biến một người

https://thuviensach.vn

ngu si thành ra người trí tuệ vẹn tròn. Cái đạo lý ở đây là tuy khoa học có phát triển để phục vụ, đem con người gần với nhau hơn và có cuộc sống khả dĩ khá hơn, nhưng tánh tham-sân-si của họ chẳng những không giảm mà còn tăng nên họ vẫn còn nô lệ cho phiền não khổ đau.

Vậy những nhà bác học, học giả… thì chúng ta gọi họ là những người trí thức. Như thế thì trí thức và trí tuệ khác nhau ở chỗ nào?

Theo nghĩa thông thường thì nhà bác học là người nghiên cứu, nghiền ngẫm, phân tích và phát minh thêm những sáng tạo mới cho nhân loại, còn học giả là người lượm lặt những hiểu biết của người khác. Họ thu góp những cái hay, cái đẹp, cái lạ của người rồi cho đó là kiến thức của mình. Sau cùng trí thức là do ý thức nhanh nhẹn khéo léo, so sánh phân biệt, nhận định tường tận làm cho người nghe dễ nhận dễ hiểu. Như vậy những nhà bác học, học giả hay trí thức đều nhắm vào những điều kiện vật chất để kiến tạo, vun bồi cho đời sống thêm sung túc, tốt đẹp và giàu có hơn. Nhưng tất cả việc làm của họ đều thuộc về pháp sanh diệt của thế gian mà thôi, có nghĩa là được rồi sẽ mất.

Còn chúng ta là người học Phật thì lấy trí tuệ làm gốc. Mà trí tuệ có hai loại là trí tuệ hữu lậu và trí tuệ vô lậu.

1) Trí tuệ hữu lậu chính là Văn, Tư, Tu. Văn là học những lời dạy của Phật để thấy được chân lý về sự liên quan của

https://thuviensach.vn

con người và vũ trụ. Tư là tư duy, suy nghĩ và nghiền ngẫm để thấy rõ những chân lý của Phật một cách chính xác. Còn Tu là ứng dụng, thực hành những chân lý của Phật dạy để tâm không còn ô nhiễm và dính mắc các pháp sinh diệt ở bên ngoài. Tuy nhiên trí tuệ hữu lậu vẫn còn rơi rớt trong vòng sanh tử luân hồi.

2) Trí tuệ vô lậu chính là Giới, Định, Tuệ. Giới là khuôn vàng thước ngọc giúp cho chúng ta đi đúng con đường chánh đạo. Có giới mới sanh định, có nghĩa là những ý thức lăng xăng được lắng xuống và từ định mới sanh trí tuệ. Cái trí tuệ nầy không phải do học mà có, nhưng nó chính là sự tạo thành bởi sức công phu tu tập bền vững. Trí tuệ nầy chính là trí tuệ chân thật và cũng chính là tánh giác của chúng ta. Nếu chúng ta biết sống với cái tánh giác chân thật nầy thì sẽ không còn tạo nghiệp và dĩ nhiên là sanh tử luân hồi cũng vì thế mà dừng.

Tóm lại, người thông minh trí thức ở ngoài đời là do khả năng lượm lặt của người làm của mình, nhưng không có gì thật là của mình cả. Còn người tu Phật là phải gạt bỏ tất cả những thứ bên ngoài để cho tâm được trong sáng và khi đó tánh giác sẽ hiện bày. Như vậy, nền giáo dục của thế gian là thu vào, thu vào càng nhiều thì càng thông minh trí thức, còn người tu Phật thì phải bỏ ra, càng bỏ ra thì tâm càng thanh tịnh và tánh giác mới hiện bày. Đây mới chính là trí tuệ chân thật có sẵn trong tất cả mọi người.

https://thuviensach.vn

Thật ra trong thế giới khoa học tiến bộ ngày nay, thần thông hữu hiệu nhất cho người đệ tử Phật có lẽ là du hí thần thông. Đó là khi tâm được trong sáng rỗng rang, không chấp trước thì cho dù ở đâu, đi đâu hay thăm viếng chỗ nào thì con người cũng rất an nhiên tự tại. Khi biết thế gian là huyễn thì còn gì để chấp, mình cũng không mà người cũng không thì lấy gì để bận bịu, lưu luyến, ưu phiền cho nên ở nhà cũng vui, đến chùa cũng vui, đi thăm bạn bè cũng vui, thăm thân bằng quyến thuộc cũng vui ngay cả thăm viếng ngoại đạo cũng vui, không chấp. Con người khi không còn tranh chấp, đố kỵ thì cái tâm bây giờ sẽ không còn giới hạn chật hẹp nhỏ bé trong phạm vi tham-sân-si mà lan tỏa ra cùng khắp thì ở đâu, làm gì cũng an nhiên tự tại. Tóm lại, con người tuy có ở trong trạm không gian mấy năm, nhưng tâm vẫn còn vô minh phiền não khổ đau thì có ích gì, ngược lại người có du hí thần thông tự tại thì tâm hằng thanh tịnh, vô minh tan biến phiền não tiêu trừ, tự tại Niết bàn.

Ông Mục Kiền Liên nhờ ý thức mà nhận biết nhân duyên như huyễn, sinh không thật là sinh và diệt không phải là thật diệt. Do vậy mà tâm Ngài không còn phân biệt, chứng được diệu chân như tánh, có thần thông tự tại, biến hóa vô biên và chứng tánh viên thông vô ngại, thành quả A la hán.

Tóm lại, sáu căn, sáu trần và sáu thức không có cái nào là nguyên nhân của tội lỗi vì nếu nó là nguyên nhân của tội

https://thuviensach.vn

lỗi xấu xa thì không bao giờ có thể dựa vào đó mà tu chứng được. Tội lỗi là do con người mê, bất giác mà dựa vào sáu căn, sáu trần hay sáu thức mà gây ra tội lỗi. Ngược lại, đối với người không mê, không vô minh bất giác thì chẳng những sáu căn, sáu trần, sáu thức không phải là nguyên nhân của phiền não, khổ đau mà chính nó còn là những dữ kiện, những yếu tố cần thiết dùng để tu hành. Cũng xin nhắc lại, sáu thức được phân tích ở đây là dựa theo tư tưởng Tiểu thừa mà theo đó họ tin rằng sáu căn, sáu trần và sáu thức là nguyên nhân gây ra tội lỗi đau thương. Nhưng khi bước sang tư tưởng Đại thừa thì ngoài sáu thức còn có Mạt-na-thức và A-lại-da thức trong bát thức tâm vương và tư tưởng Đại thừa chủ trương không có căn, trần hoặc thức nào là nguyên nhân của tội lỗi, xấu xa cả mà phiền não khổ đau chỉ có đối với những người còn vô minh bất giác, không làm chủ sáu căn của mình mà thôi.

18) VIÊN THÔNG VỀ HỎA ĐẠI

Ông Ô Sô Sắc Ma đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật :

- Tôi nhớ những kiếp xa xưa, tánh tôi nhiều tham dục. Bấy giờ nhằm thời Đức Phật Không Vương trụ thế. Đức Phật Không Vương Như Lai bảo rằng : ”Người đa dâm như đống lửa hồng”. Rồi Phật dạy tôi quán hơi nóng trong cơ thể cả khắp tứ chi. Nhờ quán như vậy tinh thần sáng suốt, nội tâm đứng lặng, tâm háo dâm trở thành lửa trí tuệ. Từ đó, chư Phật gọi tôi với cái tên Hỏa Đầu. Tôi dùng sức hỏa

https://thuviensach.vn

quang tam muội mà chứng quả A la hán. Tôi phát đại nguyện, nếu có chư Phật thì tôi làm lực sĩ hầu cận Phật để đánh dẹp bọn tà ma quấy phá. Nay Phật hỏi nhân duyên được viên thông, xin thưa rằng: Do tôi quán hơi ấm trong thân, lưu thông không ngằn ngại, từ đó các lậu tiêu trừ, sinh lửa trí tuệ. Đối với tôi, đó là pháp tu hữu hiệu nhất.

Đại có nghĩa là bao trùm khắp cả không gian và thời gian cho nên trong Phật giáo có tất cả bảy đại là địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, kiến đại và thức đại phổ biến không chỗ nào không có. Do thất đại mà khái niệm về không gian và thời gian được hình thành nghĩa là thất đại là nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng vạn hữu duyên khởi sinh ra thế gian vũ trụ này. Trong thế gian này, không có sự vật nào có một thực thể cố định bất di bất dịch mà phải tương quan kết hợp với những yếu tố khác. Thí dụ chiếc xe đạp là sự tổng hợp của rất nhiều nhân duyên như bánh xe, yên ngồi, thắng…chớ bánh xe không phải là yếu tố đầu tiên của chiếc xe đạp. Vì vậy địa, đại, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức là những hình thái của chủng tử được biểu hiện trong Như Lai Tạng bản thể mà thôi.
Địa, thủy, hỏa, phong và không là năm yếu tố căn bản duyên khởi hình thành ra núi sông, cây cỏ, hoa lá…và chúng là loài vô tình chúng sinh. Nếu hòa hợp đất, nước, gió, lửa, không và kiến thì có các loài súc vật, chúng có trực giác (kiến đại) mà không có tri giác (thức đại). Còn nếu có đủ bảy đại thì có loài người tức là loài hữu tình có giác tri. Do vậy nhân sinh vũ trụ dựa theo pháp giới duyên

https://thuviensach.vn

khởi cũng nằm gọn trong "bất biến tùy duyên và tùy duyên bất biến" nghĩa là từ Như Lai Tạng bản thể huyền diệu nhiệm mầu mà duyên khởi ra cây cỏ, hoa lá, núi cao, rừng thẳm, chim bay, cá lặn, con người…và cũng từ cái thế gian này mà duyên khởi trở về với tự tánh thanh tịnh bản nhiên ban đầu của nó.

Con người chỉ vì còn vọng tưởng nên còn tánh tham dâm và do tánh tham dâm này mới kết thành lửa nghiệp bừng bừng đốt cháy thân tâm, lu mờ ánh sáng trí tuệ. Nhưng xét cho cùng thì vọng tưởng là do tâm, tham dâm cũng do tâm và trí tuệ cũng phát xuất từ tâm cho nên nếu diệt được tâm tham dâm vọng tưởng thì lửa trí tuệ tức là hỏa tánh tức thì phát hiện. Ở đây nói về hỏa đại không phải là lửa bên ngoài mà chính là lửa tâm tham dục của mình. Nên nhớ trong Như Lai Tạng có đủ hỏa tánh chơn không, một khi tâm dâm vừa dấy khởi thì nó sẽ giúp dâm căn tăng trưởng.
Ông Ô Sô Sắc Ma vốn nhiều dâm dục nên Đức Phật dạy cho biết người đa dâm biến thành đống lửa dữ nên ông chuyên tâm tu tập quan sát từ trong sắc thân tứ đại đến ngoài cảnh giới thì thấy đâu đâu cũng là hỏa đại. Khi đã hiểu Hỏa đại theo tâm chúng sinh mà duyên khởi như huyễn, nhưng vẫn bản nhiên thanh tịnh thì ông có được định lực hỏa quang tam muội đốt cháy hết thảy vọng tưởng tham dâm và ánh sáng trí tuệ chợt hiển bày. Ông nhờ quán hỏa đại mà chứng tánh viên thông, đắc thành A la hán.

19) VIÊN THÔNG VỀ ĐỊA ĐẠI

https://thuviensach.vn

Ngài Trì Địa Bồ-tát đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng :

- Tôi nhớ lại trong những kiếp xa xưa, tôi từng được gặp Phật và cúng dường chư Phật như hằng sa, và cũng từng phục vụ vô lượng chúng sinh đem đến chúng sinh nhiều lợi lạc. Trong một kiếp nọ, ở vào thời Phật Phổ Quang trụ thế, tôi là một tỳ kheo phát tâm sửa chữa những đoạn đường gồ ghề sụp lở, những bến xe, bến đò bất tiện cho sự đi lại của nhiều người. Ngoài những công trình gánh đất, bưng sỏi, đắp bồi sửa chữa như vậy, tôi còn mang gánh giúp đỡ những người gánh gồng nặng nhọc ở chợ búa mà không lấy tiền công.

Vào thời Phật Tỳ Xá Phù trụ thế, nhân gian nhiều đói kém, tôi phải cõng giúp nhiều người không kể gần xa mà chỉ lấy một đồng tiền. Có lúc tôi ra sức kéo phụ xe trâu qua những nơi khá lầy lội. Có lúc vì Phật tôi sửa đường bằng phẳng đợi Phật đi hóa trai.

Một hôm Đức Tỳ Xá Phù Như Lai đi qua đoạn đường tôi vừa sửa chữa, Phật xoa đầu tôi mà dạy rằng : ”Nên bình cái tâm địa thì đất đai trên thế giới đều bình”. Tôi nghe xong tâm liền sáng bừng tỏ ngộ. Tôi quán thấy vi trần trong cơ thể cùng tất cả vi trần tạo thành thế giới bên ngoài không sai khác gì nhau. Tự tánh vi trần không chạm sát với nhau cho đến đao binh các thứ tự nó cũng không va chạm gì.

https://thuviensach.vn

Nhờ nhận thức như vậy, tôi tỏ ngộ vô sanh nhẫn, thành A la hán hồi tâm. Nay ở trong hàng Bồ-tát nghe Phật dạy : ”Tri kiến Phật như diệu liên hoa”, tôi lãnh hội trước tiên, đại chúng suy tôn là thượng thủ. Nay Phật hỏi nguyên do đạt đến viên thông, xin thưa : Do tôi quán trần ở nội thân và trần cấu của thế giới bên ngoài bình đẳng không sai khác. Tất cả đều từ Như Lai Tạng tùy duyên biến hiện. Vọng tâm chấp mắc trần tướng tiêu vong thì trí tuệ viên mãn thành đạo Bồ-đề. Đó là đối tượng sở quán, đối với tôi đem lại thành công nhất.

Bồ-tát là viết tắt của chữ Bồ-đề Tát Đỏa mà Phạn ngữ là Bodhisatwa có nghĩa là Giác Hữu Tình tức là loài hữu tình đã giác ngộ và phát nguyện làm cho chúng sinh cũng được giác ngộ như mình tức là Hữu Tình Giác. Bồ-tát phải trải qua 55 giai đoạn từ khi phát tâm Bồ-đề thì mới đạt được quả vị đẳng giác là thành Phật. Đừng nên hiểu lầm là Bồ-tát thì lúc nào trí tuệ hay tâm thanh tịnh cũng cao hơn các vị A La Hán trong Thanh Văn.

Khi chúng sinh mới phát tâm tu theo Đại thừa, làm việc vì người quên mình tức là lấy lợi tha làm phương châm hành động thì được gọi chung là Bồ-tát. Tất cả Phật tử không phân biệt tại gia hay xuất gia, nam hay nữ muốn phát tâm tu theo Bồ-tát đạo, giữ Bồ-tát giới tức là 10 giới trọng và 48 giới khinh để phá trừ tập khí ngã mạn, chấp ngã chấp pháp và nguyện hy sinh mình mà lo cứu giúp chúng sinh đều là Bồ-tát cả. Càng quên mình, càng hy sinh vì chúng

https://thuviensach.vn

sinh thì càng tiến sâu trong Bồ-tát đạo. Nếu hy sinh những vật ngoài thân như tiền của, nhà cửa, xe cộ, cúng dường để in kinh viết sách, vật dụng…thì tương đối dễ làm nhưng Bồ-tát còn dám hy sinh những gì về nội thân như hiến tặng tim, gan, thận, máu huyết…đôi khi ngay cả thân xác của mình mà họ vẫn hoan hỷ thực hành.

Giai đoạn đầu kể từ khi mới phát tâm Đại thừa là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Tứ Gia Hạnh thì gọi là Đệ Nhất A Tăng Kỳ Kiếp tức là Bồ-tát Địa Tiền có nghĩa là chưa bước vào Thập Địa. Trí tuệ và tâm thanh tịnh của Bồ-tát Địa Tiền không bằng các vị A La Hán vì họ đã vượt ra khỏi tam giới, chứng đắc Niết bàn nên tâm rất thanh tịnh.

Giai đoạn thứ hai là Bồ-tát tu từ Sơ Địa đến Thất Địa tức là họ đã đạt được Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệm Huệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa và Viễn hành Địa thì gọi là Đệ Nhị A Tăng Kỳ Kiếp.

Giai đoạn thứ ba là họ tu từ Bát Địa đến Thập Địa tức là Bất Động Địa, Thiện Huệ Địa và Pháp Vân Địa thì gọi là Đệ Tam A Tăng Kỳ Kiếp.

Khi mãn Thập Địa đến địa vị Đẳng giác, qua Đẳng giác đến Diệu giác tức là thành Phật. Bồ-tát Đẳng giác và Diệu giác đã dứt trừ Trần sa hoặc và Vô minh hoặc để đến chỗ giác ngộ hoàn toàn là Phật. Thông thường các vị Bồ-tát đã

https://thuviensach.vn

chứng quả vị cao trong Thập Địa tức là chứng được Đệ Tam A Tăng Kỳ Kiếp thì họ thường thị hiện trong thế gian nầy để giáo hóa và cứu độ chúng sinh dưới nhiều hình tướng khác nhau, nhưng không bao giờ để lộ tông tích thì chúng ta gọi họ là Siêu phàm Bồ-tát.

Phàm những vị phát tâm hướng cầu Bồ-đề mà tu Bồ-tát hạnh, thường lấy việc lợi tha làm trọng, lợi kỷ làm khinh, ngay cả xả kỷ để lợi nhân cũng không tiếc. Tuy phương tiện thực hành Bồ-tát đạo có sai khác, có vị dùng lời nói dịu dàng thuyết pháp để lợi ích chúng sinh, có vị đem tiền tài vật dụng ra bố thí để cứu giúp chúng sinh, có vị sống rất thanh cao thánh thiện để người khác bắt chước mà noi theo, ngược lại cũng có vị làm những chuyện trái đạo, phi luân lý, làm gương xấu để thức tỉnh chúng sinh…nhưng ở đây Ngài Trì Địa Bồ-tát thường đem thân khỏe mạnh mà giúp ích nhiếp hóa chúng sinh. Từ thời Phật Phổ Quang xuất thế và mãi về sau vô lượng kiếp Ngài vẫn thường qua các nẻo đường, bến đò và những nơi hiểm trở lầy lội mà ra công tự gánh đất cát sửa sang bằng phẳng, xây dựng cầu cống hay gánh vác dùm việc nặng nhọc ở chợ búa cho chúng sinh.

Đến khi gặp Đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời dạy cho một câu rằng : “Hãy bình tâm địa thì tự tâm được khai” nghĩa là một khi tâm của mình được bằng phẳng tức là an bình, thanh tịnh thì tất cả đất đai trên thế giới sẽ được bằng phẳng, thanh tịnh cho nên thấy vi trần nơi thân mình chẳng khác gì vi trần bên ngoài thế giới. Trong kinh Duy Ma Cật

https://thuviensach.vn

có dạy rằng : ”Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh và Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ tâm” nghĩa là nếu tâm mình thật thanh tịnh, không còn phiền não vô minh quấy phá thì thế giới này chính là cõi Phật thanh tịnh rồi; mà muốn có cõi Phật thanh tịnh thì phải huân tập cho tâm mình thật thanh tịnh trước đã.

Tất cả đất đai vi trần từ trong thân đến ngoài thế giới đều giả dối, không có tự tánh, chỉ do tâm biến hiện. Nhưng con người vì mê, bất giác nên không nhận biết cảnh giới là do tâm biến hiện vốn không có trong ngoài, năng sở cao thấp. Vì thế nếu gạt bỏ hết các vọng tưởng điên đảo mà bình được tâm địa nơi mình thì đất đai ở thế giới bên ngoài tự nhiên đều bằng phẳng cho nên các vi trần hợp thành nơi thân, vi trần hợp thành ở thế giới bên ngoài đồng một tâm, đồng một tánh, bình đẳng như như, không ngăn ngại nhau tức là một là tất cả và tất cả là một. Đất bên trong và đất ở ngoài không sai khác vì chúng đều là hiện tượng duyên sanh của vạn pháp.

Tri kiến Phật như diệu liên hoa nghĩa là tri kiến Phật như hoa sen tức là trong nhân đã có quả và trong quả đã ngầm chứa cái chân rồi. Nói cách khác hoa sen là nhân quả đồng thời nghĩa là chúng sinh tuy mang sắc thân tứ đại, ngũ uẩn phàm phu, nhưng thật chất đã có Phật tánh rồi. Nếu không có Phật tánh sẵn có thì cho dù chúng sinh có tu ngàn kiếp cũng không bao giờ thành Phật được cũng ví như vàng trộn lẫn với sỏi đá trong mỏ. Nếu trong mỏ kia không có vàng thì cho dù có rửa sạch tất cả đất sỏi trong mỏ cũng không bao giờ tìm thấy vàng ròng được. Chúng sinh phàm phu thì

https://thuviensach.vn

cũng như hoa sen búp còn lẫn lộn trong bùn, đến khi tu thành A la hán thì hoa sen kia vượt thoát khỏi mặt nước và bắt đầu nở nhụy. Sau cùng thành Phật thì hoa sen nở hoàn toàn, hương hoa thơm ngát. Tâm địa là tâm duyên ra đất và đất duyên ra tâm, tâm tức là đất và đất tức là tâm nên Ngài Trì Địa liền chứng ngộ, xóa bỏ những sự sai khác giữa thân tâm và cảnh giới, chứng được tánh viên thông, tự tại Niết bàn.

20) VIÊN THÔNG VỀ THỦY ĐẠI

Ngài Nguyệt Quang đồng tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng :

- Tôi nhớ hằng hà sa kiếp trước có Đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên. Thủy Thiên Như Lai dạy các Bồ-tát nên quán về nước để nhập Tam-ma-đề. Phật dạy quán tánh nước không gì lấn cướp là cho mất hẳn được. Từ nước mắt, nước mũi, nước miếng, nước tiểu, nước tân dịch trong châu thân…đều quán một tánh nước đồng nhau. Tánh nước trong tự thân cùng tánh nước các bể hương thủy phù trần vương sát của thế giới bên ngoài đồng nhau không sai khác. Lúc tôi thành tựu pháp thủy quán này, tôi chỉ thấy được tánh đồng của nước mà chưa thấy được "thân không". Hồi bấy giờ, tôi là một tỳ kheo tọa thiền trong một tịnh thất, có người đệ tử trông cửa sổ nhìn vào, thấy toàn là nước. Vì nhỏ dại, nó liền lấy một miếng ngói ném vào, rồi tự bỏ đi. Khi xuất định tôi thấy tim đau một cách lạ

https://thuviensach.vn

thường. Truy nguyên ra duyên cớ, tôi bảo người đệ tử : Khi tôi nhập định, trông thấy nước trong thất thì hãy vào mà nhặt miếng ngói mà người đã ném ấy ra. Quả thật, khi xuất định, tôi không còn đau đớn nữa.

Qua vô lượng kiếp sau tôi gặp vô lượng Phật, nhưng chưa chứng ngộ. Mãi đến thời Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai thì tôi mới chứng được "không thân". Bây giờ tôi thấy rõ nước trong tự thân cùng với nước bể Hương Thủy trong mười phương thế giới đồng một tánh chân không, không sai khác. Ở nước Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại, tôi được hiệu là Đồng Chân, dự vào hàng Bồ-tát. Nay Phật hỏi nguyên nhân được viên thông, xin thưa : Do tôi quán tánh "nước" dung thông mà được vô sanh nhẫn. Đối với tôi, pháp Thủy quán là ưu việt nhất.

Thủy đại nói ở đây là những gì ở trong thể lỏng chớ không nhất thiết chỉ là nước thông thường. Nói chung trong tất cả thất đại thì đại nào cũng bao gồm thể, tướng và dụng. Lấy thủy đại làm thí dụ thì tánh thủy chân không, tánh không chân thủy nghĩa là tánh của nước là thanh tịnh bản nhiên, khi cần thì sinh khởi còn không cần thì nó không sinh khởi, nó nằm trong khắp không gian vũ trụ mà không làm ngập lụt, bảo tố hay gây tang thương, chết chóc, tai họa cho ai cả.

Nhưng khi chúng sinh cần nước và đủ nhân duyên thì từ tánh không nước sẽ xuất hiện để thỏa mãn sự đòi hỏi của con người. Do đó tánh thanh tịnh bản nhiên của nước là thể

https://thuviensach.vn

thì cùng khắp pháp giới; còn nước biển, nước sông ao hồ làm ngập lụt là tướng của nước và dụng của nước là nước nuôi dưỡng cây cối, nuôi sống con người hay các loài động vật thực vật khác. Con người không thể tồn tại nếu không có nước cho nên hiện nay các khoa học gia mỗi khi muốn tìm hiểu về sự sống của những hành tinh gần trái đất thì việc trước hết là phân tích để xác định là ở đó có những nguyên tố nước hay không cho dù nước ở dưới dạng đặc, lỏng hay thể hơi.

Ngài Nguyệt Quang đồng tử trong những kiếp xa xôi về trước được gặp Thủy Tiên Như Lai dạy Ngài phép quán về nước (thủy đại). Quán từ trong thân, Ngài thấy đâu đâu cũng là nước lưu hành và tánh nước trong thân và tánh nước ở ngoài biển cả đều bình đẳng, chẳng khác gì nhau. Tướng nước thì có rất nhiều như nước miếng, nước mũi, nước mắt, nước biển, nước ngọt ao hồ…nhưng thể nước tức là tánh nước là bản thể thanh tịnh thì giống nhau, cùng chung một bản thể.

Vì thế khi không còn nhìn nước bằng hình tướng bên ngoài mà nhìn thẳng vào tự tánh thanh tịnh bản nhiên của nó thì tất cả nước đều cùng chung một thể tánh nên chúng bình đẳng, giống nhau. Một thí dụ khác là khi nhìn con người từ bề ngoài thì thấy có người cao, người thấp, người giàu, người nghèo, người tốt, người xấu, người mập, người ốm…Đây là cái nhìn nhục nhãn, nhìn cái tướng sinh diệt của phàm nhân nên có sự phân biệt đối đãi. Ngược lại nếu bây giờ dùng tuệ nhãn mà nhìn thẳng vào tự tâm tức là

https://thuviensach.vn

nhìn cái bản thể của những người đó thì chỉ thấy ai ai cũng đều có Phật tánh như nhau, không sai khác.

Ngài Nguyệt Quang đồng tử nhìn nước thế gian mà không thấy sai khác tức là Ngài đã phá được "pháp chấp" nhưng vẫn còn chưa thấy "thân không" nghĩa là thấy thân mình là thật tức là chưa phá nổi "ngã chấp". Ngài tinh tấn tu hành trong vô lượng kiếp nữa đến khi Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại xuất thế thì Ngài mới chứng được "ngã không" tức là phá được bản ngã. Bây giờ thì mình cũng không mà người cũng không nên Ngài rất tự tại, chứng được tánh viên thông, đắc thành thánh quả.

Thế nào là ngộ vô sanh?

Vô sanh nhẫn tức là vô sanh pháp nhẫn. Khi tư duy quán chiếu để nhìn vạn pháp vô sanh thì cũng có nghĩa là nhìn vạn pháp vô diệt. Thí dụ khi nhìn một nụ hoa thì làm sao biết được tánh vô sanh của nó? Khi nhìn đóa hoa mới nở thì chắc chắn là nụ hoa sanh và vài tuần sau, hoa tàn thì nói rằng nụ hoa diệt. Nhưng đây chỉ là cái nhìn thiển cận của phàm nhân, còn cái nhìn của Bồ-tát tu hành chứng đắc, ngộ được vô sanh thì ngay trong lúc nụ hoa mới nở, cái sinh đã có diệt trong đó rồi. Ngược lại trong lúc nó tàn úa thì các vị Bồ-tát lại nhìn cái diệt là bắt nguồn cho cái sinh khác.
Đó là hiện tượng quy về bản thể và bản thể duyên khởi thành ra hiện tượng thành ra có cái gì là thật sinh hay cái gì là thật diệt đâu. Nói cách khác sinh để rồi diệt, diệt rồi lại

https://thuviensach.vn

sinh, sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận nên sinh diệt, sống chết là chuyện thường, chả có gì quan trọng nên không còn lo sợ, đau khổ. Vì vậy chúng sinh khi thấy mình già yếu, bệnh tật thì đau khổ buồn phiền. Ngược lại, đối với Bồ-tát thì sống chết là chuyện bình thường nằm trong chu kỳ bất biến tùy duyên rồi tùy duyên bất biến thế thôi. Vì vậy với tuệ nhãn của Bồ-tát hay Phật nhãn của chư Phật thì nhìn vạn pháp sanh mà không thật sanh và diệt nhưng không phải là mất hẳn nghĩa là sinh để rồi diệt và diệt rồi để lại sanh, sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận. Đây là chứng ngộ chân lý vô sanh pháp nhẫn vậy.

Đối với người tu Phật, chết thì không có gì đáng sợ mà sợ chết mới là điều đáng sợ. Nếu con người biết tu tập, cởi mở cho tâm thức được nhẹ nhàng thì cuộc sống hiện tiền chẳng những được nhẹ nhàng, êm ái và đến khi gần chết cũng được nhẹ nhàng ra đi. Ngược lại chúng sinh còn nhiều ràng buộc, khó buông xuống thì cuộc sống ngay bây giờ đã thấy khổ, đó là chưa kể đến lúc gần chết những nghiệp bất thiện quay về làm cho thân, tâm khó bề yên ổn. Vậy nếu con người biết hóa giải thân, khẩu, ý nghiệp nhưng đặc biệt là ý nghiệp của mình cho được nhẹ nhàng thanh thoát thì cuộc sống sẽ có "sinh thuận tử an" nghĩa là sống thì bình yên còn chết thì nhẹ nhàng an ổn, không ốm đau dai dẳng, khổ mình và khổ cả cho con cháu.

Ngày xưa khi thành Phật dưới cội Bồ-đề thì Ngài trở thành người khất sĩ nên Ngài mới có Vô thượng Niết bàn bởi vì

https://thuviensach.vn

đối với thế gian vũ trụ thì Ngài không có gì hết, nhưng có tất cả. Không có gì hết vì Ngài chả có cái gì, mình trần thân trụi, gia tài vỏn vẹn chỉ có tam y nhất bát và hằng ngày phải xin cơm từ tín chúng. Nhưng có tất cả vì trong thế gian này cái gì cũng là của Ngài vì Ngài không chấp là "cái của ta". Một thí dụ khác là khi nhìn bàn tay của Đức Phật hay chư Bồ-tát thì lúc nào cũng thấy họ buông xuống, không nắm lại. Bàn tay buông xuống là biểu tượng của không có gì hết, nhưng có tất cả bởi vì thế gian vũ trụ đối với các Ngài là không cho nên tay không nắm thì mới nắm được tất cả.

Ngược lại chúng sinh phàm nhân thì tay lúc nào cũng nắm, nào là nắm cái nhà của mình, nắm cái xe của mình, nắm vợ chồng con cái của mình…Tay không nắm thì mới nắm được tất cả, còn một khi tay đã nắm những thứ đó rồi thì làm sao có thể nắm toàn thể thế giới vũ trụ được nghĩa là nắm cái có thì phải bỏ mất cái "toàn không". Nói cách khác khi tay đã nắm có nghĩa là những thứ như vợ chồng, nhà cửa, xe cộ, con cháu, tiền bạc, công ty, đất ruộng…trở thành "cái của tôi". Mà đã là cái của tôi thì tôi phải lo, phải giữ, phải sống chết để gìn giữ nó. Nếu đây không phải là khổ thì là gì!

21) VIÊN THÔNG VỀ PHONG ĐẠI

Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật :

https://thuviensach.vn

- Tôi nhớ lại hằng sa kiếp trước có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh. Phật khai thị cho các Bồ-tát về : "Bản giác diệu minh". Dạy các Bồ-tát quán" Thế giới và chúng sinh đều do sự vận động của sức gió vọng duyên chuyển biến mà hình thành". Riêng tôi, lúc bấy giờ, tôi quán không gian an lập, quán thời gian trôi đi mãi, quán thân, khi động khi dừng, quán tâm, niệm trước diệt niệm sau sanh…Tất cả những chuyển động biến diệt, tôi thấy không hai không khác. Tôi nhận thức rõ rằng tánh của các thứ động : Đến không chỗ từ, đi không chỗ tới. Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới có trong pháp giới mười phương so sức gió "vọng duyên" mà hình thành, mà sinh hoạt với nhau trong tánh "bản giác diệu minh, chơn tâm minh diệu". Giống như hàng vạn muỗi mòng trong một cái đồ đựng, kêu vo vo rầm rĩ, ào ào rối rít với nhau.

Tôi quán sát tư duy như vậy, không bao lâu, tôi được vô sanh pháp nhẫn làm vị Pháp vương tử. Nay Phật hỏi viên thông, xin thưa : Do tôi quán tánh "phong đại" đi không chỗ từ, đến không chỗ tới" mà tỏ ngộ tâm Bồ-đề. Đối với tôi thì quán phong đại là đệ nhất.

Trong phần thất đại này, tất cả các vị Bồ-tát đều phải trải qua hằng sa kiếp tu hành mới đến chỗ giác ngộ, thành Bồ-tát. Do đó tiến trình tu học, giải ngộ đòi hỏi nhiều đời nhiều kiếp cho nên người tu Phật không cần quan tâm, lo lắng để được hoát nhiên đại ngộ. Khi nhân duyên chín mùi,

https://thuviensach.vn

việc đến sẽ đến, thân tâm rỗng rang, tâm trí hoàn toàn sáng suốt thì Bồ-đề Niết bàn hiển lộ.

Bản giác diệu minh là cái giác tánh sẵn có lúc nào cũng sáng suốt nhiệm màu của mình thường không lay động cho nên nói tu chứng đắc tức là trở về với cái bản giác trong sáng vốn đã có sẵn nghĩa là hồi đầu thị ngạn thế thôi chớ chẳng có chứng đắc gì. Nói cách khác quả vị chứng đắc là khoảng cách xa gần để về lại nhà củ vườn xưa. Thí dụ A la hán là đã đi được nữa đường, đến khi đạt đến Bồ-tát quả thì có thể từ nữa đường tới hai phần ba đường, rồi sắp tới nhà và sau cùng thành Phật là tới nhà.

Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử quán con người và thế giới là đều do gió vọng duyên chuyển biến hình thành nghĩa là gió này là không thật chỉ xuất hiện tạo sự biến hoại cho thế gian rồi biến mất. Khi động thì gió này tạo thành những cơn gió lốc, những ngọn sóng thần gây tai họa đau thương cho con người. Cũng chính gió vọng duyên thúc đẩy hội tụ vọng nghiệp kết tứ đại với nhau hình thành ra con người. Ngài quán con người và thế giới đều do phong lực giả dối chuyển biến mà phát hiện. Không gian có thành, trụ, hoại, không; thời gian có quá khứ, hiện tại, vị lai, sự lưu động nơi thân, sự động niệm nơi tâm, tuy hình thức có sai khác, nhưng tất cả đều không có tự tánh, đều do sức gió hư vọng phát sinh cho nên không thật có đến có đi, có sinh có diệt.

https://thuviensach.vn

Ngài quán như vậy nên thấu biết rõ ràng tất cả các lay động đều do vọng tưởng biến hiện, đều như huyễn hóa, không có tự tánh. Đứng về bản thể chân như mà nói, cái "bản giác diệu minh, chơn tâm minh diệu" thì trùm khắp mười phương thế giới, nhưng khi nó duyên khởi ra gió vọng duyên để hình thành ra thân ngũ uẩn tứ đại thì gió vọng duyên chính là hiện tượng sinh hoạt trong cái tánh giác diệu minh của mình. Nhờ vậy Ngài chứng lý động vốn bất động cho nên được làm pháp vương tử ở cõi nước Phật Bất Động bên phương Đông. Thân không động thì tâm cũng không còn sinh diệt cho nên Ngài phát quang, rỗng rang vô ngại.

22) VIÊN THÔNG VỀ KHÔNG ĐẠI

Ngài Hư Không Tạng Bồ-tát đứng dậy cung kính chắp tay bạch Phật :

- Tôi nhớ lại tôi cùng Như Lai đồng chứng được "vô biên thân" hồi thời Phật Định Quang. Lúc đó tay tôi cầm bốn đại bảo châu chiếu sáng cõi Phật mười phương như số vi trần đều hóa thành hư không. Bấy giờ tâm tôi sáng suốt thành trí Đại Viên Cảnh. Tôi quán sát khắp phù trần hương sát cùng tột hư không, nhập vào thân tôi. Thân tôi và hư không không ngăn ngại gì nhau. Do vậy, tôi khéo vận dụng hài hòa vào cõi nước như vi trần làm Phật sự được thuận lợi lớn lao. Sức thần to lớn đó tôi quán sát tứ đại không có chỗ sở y. Do vọng tưởng mà thấy có diệt có sinh. Hư

https://thuviensach.vn

không không hai, cõi Phật vốn đồng. Do tôi phát minh được tánh đồng mà chứng được vô sanh pháp nhẫn. Nay Phật hỏi nhân duyên nào được viên thông, xin thưa: Do tôi quán chiếu "hư không vô biên" mà thể nhập Tam-ma-đề là phương tiện ưu việt nhất.

Ngài Hư Không Tạng Bồ-tát cùng Đức Phật Thích Ca đều chứng được pháp thân vô biên. Khi ấy Ngài cầm bốn hạt châu lớn là không, vô sinh, vô nhị, vô tự tánh soi chiếu khắp mười phương chư Phật và tất cả đều hóa thành hư không nghĩa là nhờ quán tứ đại viên minh thể hợp với chơn không nên được gọi là chứng được "vô biên thân". Khi chứng đạo thì thức thứ tám là A lại da thức sẽ biến thành Đại viên cảnh trí nghĩa là nơi tự tâm hiện ra một cái gương tròn sáng lớn chiếu khắp mười phương tận hư không pháp giới.
Vì thế tâm này đồng nhất với chơn tâm. Cái gương mà con người thường thấy thì có khi hình vuông có khi hình tròn, nhưng chỉ chiếu sáng một bên. Còn cái gương tròn, lớn này thì hình tròn như trái banh nên phía nào hình ảnh cũng có thể chiếu vào được. Phật dạy : "Tánh sắc chơn không" nghĩa là Hư không là thể của sắc. Trong đoạn kinh này, ngọc châu là tiêu biểu cho sắc pháp và gương sáng là biểu tượng cho tâm pháp. Chính Đại viên cảnh trí bình đẳng hiển hiện nên các cõi Phật được thâu vào trong gương, rồi nhập vào thân nên bây giờ thân đồng với hư không mà không có gì ngăn ngại. Vì vọng chấp mê lầm nên con người thấy có cõi này tốt hơn cõi kia, nhưng nhìn bằng tuệ

https://thuviensach.vn

nhãn của Bồ-tát và Phật nhãn của chư Phật thì cõi Phật không có "Hai" tức là Pháp giới bất nhị hay Pháp giới nhất chân.

Vì thế trong kinh Duy Ma Cật dạy rằng : "Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh" nghĩa là hễ ở đâu mà có tâm thanh tịnh thì nơi ấy chính là cõi Phật thanh tịnh rồi. Con người vì còn tâm mong cầu nên muốn sang cõi này, thích sống cõi kia mà không chịu lo tu sửa để có tâm thanh tịnh thì sự mong cầu kia chỉ là ảo huyền, giả tưởng. Vì thế nếu chúng sinh có tâm được hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt rỗng rang thì tâm ấy chính là Phật Di Đà và cảnh giới đang sống là cõi tịnh độ rồi chớ còn tìm Phật đâu nữa trong càn khôn vũ trụ này. Vì không còn ngăn ngại, Ngài Hư Không Tạng Bồ-tát hiện được vô lượng huyển thân, vào vô lượng huyển thế giới và tùy thuận vô lượng huyễn chúng sinh mà làm vô lượng huyễn Phật sự. Ngài áp dụng triệt để "Như huyễn Tam-ma-đề" nên Bồ-tát rất tự tại, không còn dính mắc và chứng được tánh viên thông, đắc thành thánh quả.

23)VIÊN THÔNG VỀ THỨC ĐẠI

Ngài Di Lặc Bồ-tát đứng dậy cung kính chắp tay bạch Phật :

- Tôi nhớ lại vi trần kiếp trước có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Tôi được theo Phật xuất gia, nhưng tâm còn trọng hư danh thế gian, ưa giao du với các hàng vọng tộc. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy tôi tu tập định

https://thuviensach.vn

: “Duy tâm thức” và tôi được nhập Tam-ma-đề. Trải hằng sa số kiếp đến nay, tôi sử dụng tam muội ấy, phụng sự hằng sa chư Phật, tâm cầu danh được diệt hết. Đến thời Phật Nhiên Đăng ra đời tôi mới chứng được tam muội “thức tâm diệu viên” vô thượng. Bấy giờ tôi quán thấy cõi nước của chư Như Lai, tột bờ mé hư không, tịnh, uế, có, không đều do thức tâm biến hiện.

-Bạch Thế Tôn! Do tôi ngộ “Duy tâm thức” thức tánh của tôi xuất hiện vô lượng Như Lai và hiện nay được Phật thọ ký, tôi sẽ được bổ xứ thành Phật ở cõi Ta bà sau này. Nay Phật hỏi nguyên nhân viên thông, xin thưa: Tôi quán mười phương đều Duy thức. Thức tâm tròn sáng thì xa lìa tánh biến kế, nhận thức đúng thực thể của tánh y tha khởi thì chứng nhập tánh viên thành thật, được vô sanh nhẫn. Đối với tôi đó là pháp quán ưu việt nhất.

Đại là phổ biến cùng khắp cho nên thất đại phổ biến cùng khắp cả không gian và thời gian, nơi nào và lúc nào cũng có. Thức đại là phần nhận thức tác động vào con người để có sự hiểu biết và sau cùng phát sinh ra trí tuệ. Thức đại thì bao la trùm khắp trong thế gian vũ trụ cũng như hư không chớ không nhất thiết chỉ có trong con người. Nói cách khác khi nào một hữu tình chúng sinh có đầy đủ ngũ quan, tứ chi, lục căn thì thức đại tác động vào hữu tình chúng sinh đó để có đầy đủ tri giác của một con người. Vì vậy nếu trên thế gian có bao nhiêu con người, thì thức đại tác động vào

https://thuviensach.vn

chừng ấy chúng sinh, không thêm không bớt rất mầu nhiệm để họ có đầy đủ tri giác, trí tuệ của con người.

Bồ-tát Di Lặc tên là A Dật Đa (Ajita) và họ là Từ Thị. Trong vô lượng kiếp quá khứ, có Đức Phật hiệu là Đại Thống Trí Như Lai ra đời thì cả Đức Thích Ca (tiền kiếp) và Bồ-tát Di Lặc (tiền kiếp) cùng phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng mãi đến khi Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời thì Ngài Di Lặc mới phát tâm xuất gia. Tuy xuất gia nhưng ngài Di Lặc không chú tâm tu hành mà muốn kết thân, cầu danh với những hàng danh gia vọng tộc, quan quyền, giàu có nên Ngài sẽ thành Phật sau Đức Phật Thích Ca gần mười tiểu kiếp.
Đây là bài học điển hình cho các tu sĩ còn ham chuộng danh lợi, chạy theo uy quyền, tham gia chính trị, phế bỏ cả đời tu của mình. Người tu sĩ mà thích kết thân, giao du và dựa hơi với hạng quan quyền, người giàu có mà cho đó là phước đức, danh vọng, địa vị của mình là hỏng bét, là thiếu đức hạnh. Đối với người tu sĩ chân chính là phải tách mình ra khỏi xã hội, không chạy theo danh văn lợi dưỡng, không nhiễm ô tham đắm thế tình mà phải luôn bồi dưỡng trí tuệ thì mới là sống đúng theo chánh pháp để có thể diệt được cái bản ngã tối tăm. Phải biết rằng :

Niệm mà không chấp có niệm, đó là chánh niệm.
Hành mà không chấp có hành, đó là chánh tinh tấn.
Độ mà không chấp có độ, đó là chánh tư duy.
Tu mà không chấp có tu, đó là chánh kiến.

https://thuviensach.vn

Còn người tu sĩ mà có uy quyền ghê gớm, danh vọng ghê gớm, đạo đức ghê gớm, tiền của ghê gớm thì người này là đệ tử của đạo "sự nghiệp uy quyền" chớ đâu phải đệ tử của Phật Thích Ca là đạo giải thoát giác ngộ. Nhưng nếu muốn có sự nghiệp uy quyền thì cứ hoàn tục trở về với gia đình mà tha hồ thỏa chí bình sinh, sống đời vinh thân phì da chớ đừng núp dưới cội Bồ-đề mà làm ô uế cửa thiền.

Chính Đức Phật đã từng khuyên Đề Bà Đạt Đa nên hoàn tục vì tuy là người xuất gia, nhưng "tâm không vào đạo" nên ông luôn nuôi dưỡng những tư tưởng bất thiện, cố tranh giành thế lực, chia rẽ Tăng đoàn để mưu lợi riêng cho mình. Đối với Tăng đoàn, Đề Bà Đạt Đa muốn chiếm ngôi vị của Phật, còn đối với thế sự ông xuối vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ, làm chuyện vô luân. Màn vô minh hắc ám che lấp tâm tánh thuần lương khiến ông làm việc phản sư, phạm giáo mà phải bị đọa vào địa ngục A tỳ. Ngày xưa Đức Phật và biết bao đệ tử của Ngài từ bỏ giàu sang phú quý, quyền cao chức trọng để xuất gia cầu đạo và sống đời thanh bần an lạc mà hoằng pháp lợi sanh. Ngày nay người đệ tử Phật thì ngược lại muốn xuất gia để có được quyền uy, danh vọng, ăn trên ngồi trước, giàu sang phú quý. Như thế đủ biết tinh thần : "Xã phú cầu bần xã thân cầu đạo" chỉ còn là kỷ niệm, là cái bóng của quá khứ.

Về sau nhờ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy cho pháp tu Duy Tâm Thức nên Ngài mới chứng được"Tam

https://thuviensach.vn

giới duy tâm, Vạn pháp duy thức", nhưng mãi đến thời Phật Nhiên Đăng xuất thế thì Ngài mới chứng được tam muội "thức tâm diệu viên" và được Phật Thích Ca thọ ký đời sau sẽ thành Phật ở hội Long Hoa tại thế giới Ta bà nầy. Hiện nay Bồ-tát Di Lặc đang tu ở cung trời Đầu Xuất, chuyên giảng môn Duy Thức Học.

Tuy tất cả các pháp có rất nhiều, nhưng tóm lại có 100 pháp và được chia làm 5 loại :

1) Tâm pháp hay còn gọi là Tâm Vương gồm có 8 món: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt-na-thức và A lại da thức. Tiếng gọi thông thường là bát thức tâm vương.

2) Tâm sở hữu pháp gồm có 51 món và được chia làm 6 loại: Biến hành (5 món), biệt cảnh (5 món), thiện (11 món), căn bản phiền não (11 món), tùy phiền não (20 món), bất định (4 món). Trong 51 món thì chỉ có 11 món là thiện.

3) Sắc pháp có 11 món gồm có năm căn và sáu trần.

4) Tâm bất tương ưng hành pháp có 24 món.

5) Vô vi pháp có 6 món.

Duy tâm là A lại da thức hay Tàng thức tức là đệ bát thức

https://thuviensach.vn

tâm vương. Còn thức là sự phân biệt. Do đó tâm là bản thể và thức là diệu dụng. Dựa theo duy thức thì tất cả sự vật trên thế gian như trời trăng, mây nước, chim bay, cá lặn, cỏ cây, hoa lá thì gọi là sở tàng nghĩa là những vật mà do thức tâm con người biến hiện. Và năng tàng là khả năng chứa đựng những sở tàng bên ngoài ở trong tâm của con người. Vì thế con người có khái niệm tới đâu nghĩa là sở tàng biến đổi thế nào thì năng tàng cũng bao trùm tới đó. Nói cách khác cảnh thay đổi thế nào thì tâm cũng biến hiện tùy thuộc theo. Bồ-tát Di Lặc tu tập theo pháp Duy Tâm Thức nên quan sát tất cả cảnh giới là giả, tưởng là giả, chỉ do thức tâm biến hiện mới thành có tánh cách phân biệt sai khác.

Bây giờ nếu tu được định duy thức thì ngoài tâm không có cảnh, ngoài cảnh không có tâm cho đến khi chứng được "Vô thượng diệu viên thức tâm tam muội" thì nhận thấy tất cả nhân sinh vũ trụ cho dù là loài vô tình, hữu tình, là tâm, là cảnh, là phàm, là thánh đều do "tánh duy thức" biến hiện nên không có sai khác. Nói cách khác khi Ngài Di Lặc chứng được "chơn duy thực tánh" thì không còn thấy thật có tướng duy thức vì tất cả mười phương Như Lai, quốc độ, sắc không đều không có món nào ra ngoài "thức tánh" ấy mà tự có. Tại sao? Bởi vì thức tánh chính là Như Lai Tạng bản thể mà duyên khởi phát sinh ra nhân sinh vũ trụ tức là bất biến tùy duyên. Các pháp đã là thức tánh thì tất cả đều là tự tánh viên mãn, thành tựu chân thật, không còn có thật ngã và ngã sở, xa lìa biến kế sai lầm, chứng pháp vô sanh nhẫn.

https://thuviensach.vn

Bồ-tát Di Lặc chuyên tu theo Duy thức nên còn tâm phân biệt có pháp môn để tu, có Niết bàn để chứng và có đạo quả Bồ-đề để thành. Vì thức là cái biết do sự phân biệt nên cần phải chuyển thức thành trí thì mới có đầy đủ trí tuệ sáng suốt.

Dựa theo Duy Thức Luận thì khi chúng sinh có được giải thoát giác ngộ thì họ chuyển tám thức thành bốn trí. Đó là :

1) Ý thức hay thức thứ sáu có tác dụng phân biệt sẽ biến thành "Diệu Quan Sát Trí" tức là trí có năng lực quan sát thâm diệu có thể thấy được hằng sa thế giới và thấy được tất cả tâm niệm sở cầu trong mỗi chúng sinh. Nhờ sự quan sát huyền diệu rốt ráo như thế mà tùy theo nguyện vọng, tâm lý, sở cầu mà Bồ-tát làm lợi lạc cho chúng sinh.

2) Còn nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức sẽ biến thành "Thành Sở Tác Trí" tức là cái trí nầy có những công năng vô cùng rộng lớn như thị hiện thần thông, biến hóa, hiện ra ba món hóa thân để tùy theo căn cơ của chúng sinh mà hóa độ.

3) Mạt na thức tức là thức chấp ngã sẽ biến thành "Bình đẳng tánh trí" là trí có năng lực nhận thức tính bình đẳng và vô ngã của vạn pháp.

4) A lại da thức là thức thứ tám sẽ biến thành "Đại viên

https://thuviensach.vn

cảnh trí" tức là trí sáng như tấm gương lớn và tròn đầy cũng như biển cả chơn như.

Khi Bồ-tát Di Lặc tin vào lời nói Thọ ký, tin vào văn tự "Một đời sẽ thành Phật" và tin vào chứng quả Bồ-đề thì Ngài tượng trưng cho Sai Biệt Trí, nhưng dựa vào Bản Thể, Pháp Tánh thì không còn có sự phân biệt mà phải lìa tất cả văn tự, ngôn ngữ để thấy tất cả không Hai tức là Bất Nhị. Đây chính là Căn Bản Trí tức là giác tính minh diệu mà mỗi chúng sinh vốn đã có sẳn nhưng bị vô minh phiền não che lấp nên chưa được phát chiếu cũng như chất vàng còn nằm trong quặng lẫn lộn với đất, cát, sỏi, đá.

Khi đã thấu hiểu rằng Đức Phật không những chỉ thọ ký cho Bồ-tát Di Lặc mà Ngài còn thọ ký cho tất cả chúng sinh vì ai ai cũng sẳn có cái Phật Tánh thanh tịnh bản nhiên. Và một đời sẽ thành Phật là nói theo giáo lý phương tiện chớ thật ra không có cái móc thời gian nào có thể đo được khi nào là một đời cả vì ngay trong đời hiện tại thì chúng ta cũng đã có quá khứ và vị lại hiện diện rồi. Nói cách khác, về phương diện thời gian không có bất cứ một thời điểm đặc biệt nào làm thời điểm zero để sau đó phân chia cái âm thì thuộc quá khứ hay cái dương thì thuộc về hiện tại như trong toán học. Sau cùng cũng không có cái gì là Bồ-đề hay chứng đắc cả vì nếu con người biết lìa xa vọng thức mê lầm quay về sống với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mình thì Bồ-đề hiển hiện.

https://thuviensach.vn

Như thế thì không riêng gì Bồ-tát Di Lặc được Phật thọ ký mà chính Đức Phật cũng đã thọ ký cho tất cả chúng sinh từ lâu rồi.

Thế là :

Chẳng cần chờ đến “Long Hoa hội”
Tự tánh đã từng “thọ ký” xong.

Trí tuệ của mọi người là thật tánh để có khả năng trực nhận chân lý mà Tự tánh thanh tịnh hay Phật Tánh là có sẳn trong tất cả mọi người. Tự tánh luôn vắng lặng thanh tịnh thì cần gì phải chứng đắc Niết bàn. Bồ-đề, Phật Tánh là có sẵn chớ đâu phải tu hành đắc đạo mới có. Khi mê vọng điên đảo thì không biết mình có Phật Tánh thanh tịnh. Lúc thức tỉnh thì nó hiện ra cũng như trong túi luôn có viên ngọc quý Ma ni mà không biết, chỉ cần thò tay vô lấy thì cuộc đời sẽ hết nghèo đói, điên đảo khổ đau ngay.
Trong tánh Không tức là Tự Tánh thanh tịnh bản nhiên thì không có trí tuệ hay chứng đắc gì cả. Vì thế Tâm Kinh mới có câu : ”Vô trí diệc vô đắc” và “Dĩ vô sở đắc cố” là vậy. Trong Chân Không Diệu Tánh, Phật Tánh thì luôn sẵn có cho nên chứng đắc chỉ là cách nói, là giả danh để tìm thấy được con người thật tức là Bản Lai Diện Mục của mình mà thôi. Vì thế mà Kinh Hoa Nghiêm, Phật đã dạy rằng: ”Tất cả chúng sinh sẽ thành Phật vì trong tất cả chúng sinh đều có đủ phước đức trí tuệ Phật”. Và Đức Phật đã dạy trong

https://thuviensach.vn

Kinh Pháp Hoa trước khi Ngài nhập Niết bàn là" Tất cả chúng sinh đã thành Phật".

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật Thích Ca dạy rằng "Như Lai không chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác gì cả". Sở dĩ Ngài không chứng mà thế gian đều tôn trọng Ngài là vì Như Lai không có tướng ngã, không có tướng nhơn, không có tướng chúng sinh và cũng không có tướng thọ giả. Như Lai nhìn vạn pháp đều bình đẳng không thương, không ghét, không giận không hờn, không thiên không vị. Và Như Lai luôn sống trong thiện pháp chớ không lọt vào trong quỷ đạo của ác pháp cho nên người đời gọi Như Lai chứng quả Vô thượng Bồ-đề chớ thật ra Như Lai đâu có chứng đắc gì đâu. Nhưng Như Lai nói không chứng đắc mà thật ra Như Lai có chứng đắc. Cái chứng đắc nầy là vô thực và vô hư tức là không phải thật và cũng không phải là không.

Tại sao không là thật? Bởi vì cái mà Như Lai chứng đắc thì không có hình tướng, không có màu sắc, không có kích thước, nặng nhẹ, không có văn tự ngôn ngữ để diễn tả. Thế thì cái mà Như lai chứng đắc là không thật có. Nhưng nếu không thật thì phải là hư. Vậy mà cái quả chứng đắc của Như Lai lại là vô hư. Tại sao? Là vì Như Lai có đầy đủ trí tuệ để nhận thức chân lý hoàn toàn đúng, đúng theo tự tánh Bồ-đề và tự tánh thanh tịnh Niết bàn của sự vật hiện tượng, đúng theo Thật Tánh của con người, đúng theo Pháp Tánh của vạn pháp cho nên Như Lai không bao giờ có vô minh phiền não khổ đau, tâm luôn thường trụ Niết bàn. Thế thì quả chứng đắc chính là vô hư tức là không phải là không

https://thuviensach.vn

có. Cho nên Tâm Kinh mới có câu : ”Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc” có nghĩa là Có tức là Không và Không mới chính là Có vậy.

Con người đã có sẵn cái khả năng nhận thức khách quan mà đạo Phật gọi là tự tánh thanh tịnh bản nhiên. Chính cái tự tánh thanh tịnh khách quan sẽ giúp chúng ta có khả năng nhận thức mọi hiện tượng trong thế gian nầy một cách khách quan, đứng đắn đúng với sự thật. Nhưng chúng ta lúc nào cũng chạy theo chủ quan tức là chạy theo tham-sân-si, mạn, nghi, phiền não, vô minh nên đánh mất đi cái nhìn khách quan, cái tự tánh thanh tịnh tức là cái trí tuệ trong sáng của mình nên chúng ta không có Bồ-đề là vậy.

Vì Bồ-đề không phải là cái mà từ bên ngoài đưa đến hay cố gắng nỗ lực để đạt được mà Bồ-đề đã có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh. Vì thế nếu con người phá được màn vô minh hắc ám, thấy được thật tướng của nhân sinh vũ trụ thì Bồ-đề hiển hiện. Niết bàn thì cũng thế, nếu chúng sinh biết loại bỏ tánh tham, tật đố, không giận không hờn, không vui không buồn thì Niết bàn hiển hiện ngay. Nhà Phật không quan trọng về vui hay hạnh phúc bởi vì có vui thì sẽ có lúc buồn và hạnh phúc thì sẽ biến thành đau khổ. Cái mà đạo Phật chú trọng nhất là sự an lạc thanh tịnh từ trong nội tâm vì đó là sống với trí tuệ sáng suốt triệt để, là chơn tâm, là tự tánh thanh tịnh của mình.

Ngày xưa, lúc Lục Tổ trụ trì ở chùa Nam Hoa, Vĩnh Gia

https://thuviensach.vn

Đại sư nghe lối truyền "tâm ấn" của Thiền tông. Đó là "Nhĩ đề diện mệnh, khẩu thọ tâm hội" nghĩa là "đối diện rỉ tai, lời trao tâm lãnh" nên Sư không ngại ngàn dặm đường xa tìm đến Lục Tổ để cầu ấn chứng.

Lúc Sư đến thì cùng lúc Lục Tổ đang thuyết pháp. Sư đắp y, tay cầm tích trượng tiến lên pháp tòa, đi nhiễu bên phải ba vòng, rồi đứng trước Lục Tổ, không cúi đầu đảnh lễ mà quát lớn một tiếng.
Tổ hỏi :

- Người xuất gia gọi là Sa-môn phải có phép tắc, phải đủ ba trăm oai nghi, ba ngàn tế hạnh. Tại sao ông tới đây mà lại có thái độ thô lỗ như vậy, một chút lễ phép cũng không có?

Vĩnh Gia đáp :

- Sanh tử là việc lớn, vô thường quá mau.

Ý Sư muốn nói rằng việc dụng công tu tập quá cấp bách nên không còn thời gian để làm lễ. Chuyện sống chết quá to lớn, con quỷ vô thường nó đến bất cứ lúc nào nên không có thì giờ hành lễ hay nghiên cứu cái gì là ba trăm oai nghi hay ba ngàn tế hạnh cả.

Tổ bèn nói :

https://thuviensach.vn

- Sao chẳng thể giải cái không sanh và liễu ngộ cái không mau chóng?

Ý Tổ muốn nói rằng tại sao Sư không nghiên cứu pháp vô sanh là để đối lại với sanh tử? Tạo sao không thấu hiểu đạo lý của cái không mau là để đối lại với cái vô thường quá mau.

Sư thưa lại :

- Thể giải tự tánh tức là không sanh, liễu ngộ tự tánh rồi thì vốn không có mau chóng.

Ý Sư nói rằng khi đã quay về với thể tánh thanh tịnh tức là sống với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh của mình thì làm gì còn sống chết tức là vô sanh. Và một khi sống với cái tự tánh thanh tịnh đó thì không còn quá khứ, hiện tại hay vị lai tức là tâm không còn bị thời gian (ngoại trần) giả dối chi phối.

Tổ bảo :

- Nếu ông đã nói rằng thể giải tức vô sanh, ngộ rồi thì vốn không có mau chậm, vậy ai là kẻ phân biệt?

Ý của Tổ là: tuy biết rằng hễ liễu ngộ chơn tâm Phật tánh

https://thuviensach.vn

thì bất sanh bất tử, không còn già trẻ sống chết đổi thay, nhưng ai là người nói? Vì hễ có nói là hư vọng, đâu còn là chân thật cho nên chơn tâm biến mất.

Sư đáp :

- Phân biệt cũng chẳng phải ý. Nghĩa là không có tâm niệm ở chỗ phân biệt.

Ý của Sư là biết chớ chẳng nói ra. Nói là nói vậy thôi chớ không có ý niệm nói. Vì thế mà ngày xưa chính Đức Phật tuy thuyết pháp độ sinh suốt 49 năm, nhưng Ngài nói "Ta chưa hề nói một chữ" bởi vì cái mà nói được thì không thật.

Liền đó, Lục Tổ bèn ấn chứng cho Vĩnh Gia Đại sư.

- Đúng thế! Đúng thế!

Sư thấy Tổ đã ấn chứng cho mình, bèn dùng đầy đủ oai nghi lễ tạ Tổ. Sau đó Sư xin cáo từ.

Tổ thấy Sư tới nơi chỉ nói mấy câu rồi ra đi, mới hỏi rằng:

- Sao lại ra đi quá mau như vậy?

Sư thưa :

https://thuviensach.vn

- Vốn tự không động, há có mau ư?

Ý Sư muốn nói bổn lai không đến không đi thì làm gì có mau có chậm?

- Ông thật đã chứng được vô sanh!
- Vô sanh có ý sao?
- Không ý, cái gì phân biệt được?
- Phân biệt cũng không phải ý.
- Ông có thể liễu, nhưng không nên đi.

Lúc đó Sư biết Lục Tổ quả đã ấn chứng cho mình nên Sư ở lại chùa Nam Hoa một đêm. Vì thế mà người đương thời gọi Sư là "Nhất túc giác" nghĩa là ngộ một đêm. Vĩnh Gia Đại sư là người đã nghiêm trì kinh Duy Ma Cật đến chỗ liễu ngộ và về sau viết ra "Chứng Đạo Ca".

https://thuviensach.vn

Chương Thứ Chín
CHƯƠNG ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT NIỆM PHẬT VIÊN THÔNG

TỨC LÀ VIÊN THÔNG VỀ KIẾN ĐẠI

Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ-tát đồng tu một pháp môn cùng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật :

- Tôi nhớ hằng sa kiếp trước có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang. Thời đó có 12 Đức Phật ra đời trong một kiếp. Đức Phật sau hết hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy cho tôi phép niệm Phật tam muội : Rằng thập phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con cũng đồng nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con không xa cách. Tâm chúng sinh nhớ tưởng Phật thì tâm ấy là Phật. Nhất định thấy Phật, không cần phương tiện nào khác. Ví như người ướp hương thì toàn thân thể sẽ thành thơm, ấy gị là hương quang trang nghiêm. Chính tôi nhờ niệm Phật mà được vô sanh nhẫn. Nay ở cõi Ta bà, tôi nguyện hướng dẫn người niệm Phật để có được tịnh độ. Phật hỏi nhân duyên nào được viên thông, xin thưa: Tôi thu nhiếp tất cả sáu căn không vọng niệm. Do chánh niệm tương tục mà được Tam-ma-đề. Đối với tôi đấy là pháp môn thù thắng nhất.

Đại là vô ngại tức là chẳng có gì lớn hơn, bao trùm tận hư

https://thuviensach.vn

không và gồm hết pháp giới. Do đó kiến đại tác động vào con mắt tạo thành tánh thấy bao trùm khắp cả. Nếu nói theo thứ tự thì kiến đại phải đứng trước thức đại, nhưng ở đây lối trình bày của kinh là muốn giới thiệu kiến đại của Ngài Đại Thế Chí và Nhĩ căn viên thông của Đức Quán Thế Âm liên tục với nhau để hành giả có cơ hội dễ dàng đối chiếu, tu học. Khi Ngài Đại Thế Chí làm một động tác như đưa tay lên hay bước đi một bước thì thập phương thế giới đều rúng động vì thế danh hiệu Đại Thế Chí Bồ Tát là do oai thế của Ngài mà kiến lập.

So với tất cả các vị Bồ Tát thì Ngài là người có oai thần, trí lực cao nhất nên mới gọi là "Chí". Trong Tây phương Tam Thánh nghĩa là những bậc thánh nhân xuất thế gian còn Khổng Tử hay Lão Tử là thánh nhân của thế gian thì Ngài Đại Thế Chí tượng trưng cho trí tuệ viên mãn rốt ráo, còn Quán Thế Âm Đại Sĩ tượng trưng cho đức đại từ đại bi. Các họa sĩ người Trung Hoa vì giàu óc tưởng tượng đã vẽ hình tướng hai Ngài Bồ Tát là hai mỹ nữ người Tàu, vóc dáng và xiêm y chẳng khác Tây Thi, Trịnh Đán ngày xưa.

Đại Thế Chí và Quán Thế Âm là hai vị Đẳng giác Bồ Tát tức là sự giác ngộ gần đồng như Phật. Xiêm y của hai Ngài là y phục của người Tàu vào thời phong kiến giống như cải lương hát bội. Không lẽ mấy ngàn năm Bồ Tát hiện thân thành một người nữ chỉ có một lần và cả cái địa cầu rộng lớn bao la này tại sao Bồ Tát không ứng hiện tại Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, Ấn Độ hay ngay cả Việt Nam mà duy nhất ở Trung Hoa? Không lẽ những quốc gia này không có chúng sinh cần độ hay sao? Ngày nay y phục này

https://thuviensach.vn

đã lỗi thời đâu còn ai mặc như thế nữa. Tại sao không phải là chiếc áo bà ba đơn giản hay chiếc áo dài thanh thoát của người Việt Nam? Không riêng gì Phật giáo có sự lầm lẫn, cuồng tín tạo sự tin tưởng sai lầm cho người Phật tử, đạo Thiên Chúa giáo cũng thế.
Vào thời đế quốc La Mã thiết lập tòa thánh Vatican thì hình tướng của Chúa Giê-Su đã thay đổi không biết bao nhiêu lần. Có họa sĩ vẽ Ngài có tóc rất dài, mặt không có râu. Họa sĩ khác lại vẽ Ngài có tóc ngắn, mặt có râu. Có người vẽ nét mặt thon dài, lại có người khác vẽ mặt Ngài hơi đầy đặn. Vậy hình nào là hình thật? Chẳng có hình nào là thật vì chẳng có ông bà họa sĩ nào thấy được mặt thật của Chúa cả. Ở đây các vị Bồ Tát là những người khuất mặt siêu hình thì làm sao phàm nhân thấy được mà vẽ hình này, tướng nọ. Trong thế gian vũ trụ, hễ có sinh tất có diệt cho dù đó là thế giới cực lạc của Phật A Di Đà. Do đó sau khi Phật A Di Đà nhập diệt, Quán Thế Âm ngay lập tức thành Phật để tiếp nối và khi Quán Thế Âm nhập diệt, Đại Thế Chí liền tiếp nối thành Phật.

Đức Phật Thích Ca trong cõi Ta bà, Phật A Di Đà trong thế giới Tây phương cực lạc, Phật Dược sư trong cõi Đông phương hay các Chư Phật trong mười phương pháp giới đều có ba thân là :

1) Pháp thân (Dharmakaya) là pháp giới thanh tịnh của các Đức Như Lai lan tỏa trong khắp không gian làm sở y bình đẳng cho Báo thân và Ứng thân. Pháp thân thì luôn thường

https://thuviensach.vn

trụ, bất sinh bất diệt cũng được gọi là Pháp giới tánh, Như Lai Tạng…Phật lấy Pháp Tánh Chân Như làm thân nên gọi là Pháp thân. Pháp thân là chỗ sở y chứa tất cả công đức trong Pháp giới. Vì Pháp thân là thường trụ nên Pháp thân ở khắp mọi nơi. Cho dù Phật nhập thế cứu độ chúng sinh thì Pháp thân cũng không tăng hay Phật có xuất thế thì nó cũng không giảm, lúc nào cũng vậy mà thôi. Cái Pháp thân nầy Phật và chúng sinh đều có như nhau, nhưng ở Phật thì nó sáng suốt chiếu soi rực rỡ còn ở chúng sinh thì nó bị vô minh che mờ nên không hiển lộ. Pháp thân chính là cái mà con người sẽ trở về sau khi diệt hết vô minh phiền não để phát huy trí tuệ sẳn có của mình. Vậy Pháp thân chính là cội nguồn, là Bản Thể của tất cả muôn sinh vạn vật. Đây chính là Bản Lai Diện Mục, là Phật tánh có sẳn trong tất cả mọi người.

2) Báo thân (Sambhogakaya) là thân tốt đẹp do công phu tu hành trải qua bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp mà có. Vì thế mà Đức Phật Thích Ca có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp rực rỡ là vậy. Báo thân còn được gọi là "tự thọ dụng thân". Nếu chúng sinh đoạn trừ mọi vô minh phiền não thì tâm được hoàn toàn thanh tịnh. Cái thanh tịnh an lạc tự tại nầy chỉ có người đó biết và hưởng được còn người khác không hề cảm nhận hay san sẻ được thì cái quả thanh tịnh an nhàn nầy là tự thọ dụng thân. Cũng như uống m
ột tách trà thơm ngon thì chỉ người uống trà mới biết được hương vị thơm ngon như thế nào mà thôi. Do đó nếu chúng ta bớt được một phần vô minh phiền não thì có được một

https://thuviensach.vn

phần thanh tịnh tức là có được một phần tự thọ dụng thân. Còn Báo thân của chúng sinh thì gọi là Karmakaya tức là thân nầy là do quả nghiệp của tiền kiếp tạo thành. Muốn có thân thể khỏe mạnh sống lâu thì đừng bao giờ sát sinh. Muốn có giọng nói thanh tao trong trẻo thì đừng nên vọng ngữ. Muốn thân hình được đoan trang, đẹp đẻ thì đừng nghĩ tới tà dâm. Muốn gia đình được ấm no hạnh phúc thì đừng trộm cướp gian tham.

3) Ứng thân hay biến hóa thân (Nirmanakaya) Chư Phật do trí thành sở tác mà biến hóa ra thành vô lượng thân, ứng theo căn cơ của chúng sinh mà hóa độ. Phật A Di Đà là ứng thân của Phật trong cõi cực lạc và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng thân của Phật trong cõi Ta bà nầy. Vì Ứng thân là thân thị hiện nên phải ảnh hưởng bởi luật vô thường là sinh, lão, bệnh, tử. Ứng thân cũng được gọi là "tha thọ dụng thân".

Đối với Phật giáo thì báo thân hay tự thọ dụng thân có giá trị tuyệt đối vì chỉ có người được thức tỉnh giác ngộ mới hưởng được cái hương vị thanh tịnh an vui tự tại của giải thoát giác ngộ mà không một người nào khác có thể biết được. Khi chư Phật hay Bồ-tát thị hiện để hoằng dương đạo pháp thì chúng sinh có cơ hội học hỏi, tu sửa và sống theo Chân lý để tự mình có được giải thoát giác ngộ thì ứng thân để cứu độ chúng sinh ra khỏi bể khổ sông mê gọi là tha thọ dụng thân.

https://thuviensach.vn

Tóm lại ba thân của Đức Phật là : Pháp thân là Thể, Báo thân là Tướng và Ứng thân là Dụng. Tuy nói ba mà là một, tuy một mà ba tức là một là tất cả và tất cả là một.

Ngài Xuyên Lão Thiền Sư có viết rằng :
"Ứng Phật, Hóa Phật đều không thật
Bóng hình muôn thử thảy là quyền
Cái gì có tướng đều hư vọng
Chân Phật không hình vốn tự nhiên".

Chữ "52" vị Bồ Tát đồng tu là ám chỉ cho 52 đẳng cấp từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và sau cùng là Diệu Giác. Đây là tiến trình từ sơ phát tâm thẳng đến khi thành Phật. Pháp Vương Tử là con của đấng Pháp Vương và là những vị Bồ Tát ở địa vị Đẳng giác tức là gần ngang bằng với Phật. Ngoài Đại Thế Chí, Văn Thù Sư Lợi cũng là Pháp Vương Tử.

1) Thập Tín : Có khi nào chúng ta tự hỏi tại sao mình lại phải học Phật? Tại sao phải tu thành Phật? Phật là chơn tâm, là bổn tánh của con người cho nên thành Phật là thành tựu trí tuệ viên mãn của tánh đức. Nhưng Phật chính là tự tâm, là bản lai diện mục, vốn sẵn có đủ vạn đức, vạn năng nên tu Phật là hồi đầu thị ngạn tức là quay thuyền trở lại bến xưa mà thấy và sống được với Phật tâm, Phật tánh của chính mình. Muốn thành tựu những điều này, chúng sinh phải có lòng tin để đánh tan tà kiến mà tiến thẳng vào Bồ

https://thuviensach.vn

Tát đạo. Con người sau khi tu viên mãn địa vị Thập Tín sẽ nhập vào Sơ Trụ tức là bước đầu của Đại Thừa.

2) Thập Trụ : là luôn trụ trong tam muội nghĩa là trụ trong thanh tịnh, sống trong chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh, chẳng còn bị thoái chuyển.

3) Thập Hạnh : là thực hành pháp môn niệm Phật. Niệm Phật cũng ví như nấu nước sôi, cho dù là lửa lớn tức là công phu nhiều nhưng không liên tục thì nước không sôi. Ngược lại người niệm Phật phải kiên trì cũng như lửa tuy yếu, nhưng tiếp tục nấu hoài thì nước sẽ sôi.

4) Thập Hồi Hướng : Xoay niệm hướng về tâm Phật và hồi hướng tất cả công đức mình đã tích lũy về Phật tâm và cho tất cả chúng sinh tức là phá Ngã chấp.

5) Thập Địa : Hồi hướng viên mãn liền nhập Phật địa. Quả vị này rất gần với Phật.

Sau đó đi qua Đẳng giác rồi sau cùng tiến qua Diệu giác tức là thành Phật.

Trong vô lượng kiếp trước, có một vị Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang và sau đó có 12 vị Phật nối tiếp nhau xuất hiện trong một kiếp, dạy cho Ngài Đại Thế Chí phép Niệm Phật tam muội.

https://thuviensach.vn

1) Vô Lượng Quang Phật còn có tên Vô Lượng Thọ Phật tức là Phật A Di Đà. Vô Lượng Quang là chỉ cho ánh sáng chiếu sáng rộng rãi khắp không gian vô cùng vô tận. Nói cách khác ánh sáng chiếu tới đâu là không gian tới đó hay không gian tới đâu thì ánh sáng tới đó. Do đó Vô Lượng Quang là chỉ cho về mặt không gian. Còn Vô Lượng Thọ là biểu tượng cho thời gian. Vô Lượng Thọ là sống lâu vô lượng nghĩa là suốt trong chiều dài của quá khứ và mãi mãi cho vị lai mà Phật A Di Đà vẫn còn sống. Nói cách khác có thời gian là có Phật A Di Đà. Vậy Phật A Di Đà là Phật biểu tượng cho cả không gian và thời gian.
Nhưng trong thế gian cái gì là biểu tượng cho không gian và thời gian? Đó chính là vũ trụ. Thế thì Phật A Di Đà là biểu tượng của vũ trụ. Nói cách khác Phật A Di Đà là ám chỉ cho không gian thanh tịnh trùm khắp mười phương và thời gian thanh tịnh suốt ba đời. Do đó Phật A Di Đà là tự tánh thanh tịnh bản nhiên trùm khắp không gian và cái tánh thanh tịnh bản nhiên này cũng suốt cả chiều dài của quá khứ, hiện tại và vị lai. Vậy chúng sinh hiện giờ là đang ở trong pháp thân thanh tịnh của Phật A Di Đà bởi vì con người đang ở trong không gian và thời gian.

2) Vô Biên Quang Phật là Phật tiêu biểu cho giải thoát bình đẳng nhất như.

3) Vô Ngại Quang Phật là tiêu biểu cho "Thể tịch, dụng diệu". Thể tịch là thể tánh thanh tịch, tịch tĩnh. Còn dụng

https://thuviensach.vn

diệu là khởi tác dụng nhiệm mầu tự tại. Nói cách khác thể tịch là chơn không còn dụng diệu là diệu hữu tức là bất biến tùy duyên.

4) Vô Đẳng Quang Phật là do tâm đại bi kiến lập để cứu giúp chúng sinh diệt hết nỗi khổ không ai có thể sánh bằng.

5) Trí Huệ Quang Phật là trừ bụi nhơ vô minh để có lợi ích chân thật vì chỉ có trí tuệ chân chánh mới phá được vô minh tăm tối.

6) Thường Chiếu Quang Phật : Chư Phật phóng quang, chiếu khắp thế giới. Tịch là tâm thanh tịnh, chiếu là tâm bình đẳng.

7) Thanh Tịnh Quang Phật : là giữ tam nghiệp thân, khẩu, ý thật thanh tịnh.

8) Hoan Hỷ Quang Phật : là làm cho tất cả chúng sinh an lạc.

9) Giải thoát Quang Phật : là muôn vàn gút mắc trong tâm đều tháo gở cả. Muốn có giải thoát giác ngộ thì người tu Tiểu thừa phải phá tan Kiến hoặc, Tư Hoặc, Vi tế hoặc và sau đó phá thêm Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc thì viên thành Đại Thừa Phật đạo.

https://thuviensach.vn

10) An Ổn Quang Phật : Có sinh diệt là không được an ổn cho nên chúng sinh nên quay về với chơn tâm, với bổn tánh bất sinh bất diệt của mình thì cuộc sống sẽ có an vui tự tại.

11) Bất Tư Nghì Quang Phật : Công đức và trí tuệ Phật là bất khả tư nghì, không thể nghĩ bàn.

12) Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật : là quang minh của Phật vượt xa mặt trời, mặt trăng.

Đây là những vị cổ Phật và Đức Phật A Di Đà thành Phật mới vừa mười kiếp. Chính Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai đã dạy Ngài Đại Thế Chí phép niệm Phật tam muội. Vậy có bao nhiêu phương pháp niệm Phật và thế nào là niệm Phật tam muội?
Niệm Phật tức là niệm tâm và có bốn phương pháp:

1) Trì Danh Niệm Phật : là thường xuyên chuyên niệm sáu tiếng "Nam Mô A Di Đà Phật". Người niệm Phật nên nhất tâm chấp trì danh hiệu, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp và không gián đoạn. Mỗi ngày từ khi mới thức dậy cho đến lúc đi ngủ, hành giả phải nhớ niệm Phật luôn, không cho xen hở, gián đoạn. Khi đi, đứng, nằm, ngồi ngay cả khi ăn và trước khi đi ngủ hành giả đừng bao giờ quên niệm Phật. Ngoài ra, muốn cho có hiệu quả hơn, hành giả cần phải theo phương pháp "kinh hành niệm Phật" hay "tọa thiền

https://thuviensach.vn

niệm Phật". Mỗi khi niệm xong, hành giả đều hồi hướng cầu sinh về tịnh độ. Pháp môn niệm Phật là một pháp môn giúp chúng sinh phá trừ vọng tưởng, mê lầm, chấp trước. Pháp môn này không đòi hỏi hành giả hiểu biết nhiều về Phật pháp nên người già, người trẻ, thượng căn, trung căn, hạ căn đều có thể niệm Phật, người khỏe mạnh cũng như kẻ đau yếu đều có thể niệm Phật.

2) Quán Tượng Niệm Phật : là thỉnh một bức tượng A Di Đà, rồi vừa niệm Phật vừa quán tưởng tướng hảo trang nghiêm của Phật A Di Đà đặc biệt là ánh hào quang, tướng bạch hào giữa hai mắt. Hành giả quán tưởng cho đến khi dù không có tượng, lúc mở mắt nhắm mắt đều thấy hình tượng Phật hiện rõ nơi trước mặt. Phương pháp này tương đối hơi khó vì cần phải có tinh lực mạnh, ký ức sâu và phương tiện khéo. Nếu hành giả không khéo dùng phương tiện thay đổi, bị hư hỏa xông lên mang chứng bệnh nhức đầu khó trị. Tuy hơi khó, nhưng phương pháp này giúp người niệm Phật dễ đắc Niệm Phật tam muội và sau cùng đạt tới Nhất tâm bất loạn.

3) Quán Tưởng Niệm Phật : Phương pháp này chỉ đơn thuần quán tưởng, không cần phải có tượng Phật trước mặt. Trong mười sáu phép quán, mười hai phép quán đầu đều là quán tưởng, phép quán thứ mười ba là quán tượng và phép quán thứ mười sáu là trì danh niệm Phật. Vậy chúng sinh quán tưởng cái gì?

https://thuviensach.vn

Hành giả dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ để quán tưởng y báo, chánh báo nơi cõi Cực lạc. Kinh dạy có mười sáu phép quán, nếu hành giả quán thuần thục thì lúc mở mắt hay nhắm mắt đều thấy cảnh Cực lạc hiện tiền, tâm thần dạo chơi nơi cõi tịnh và khi chết chắc chắn sẽ được vãng sinh. Công đức của pháp này lớn lao không thể nghĩ bàn, nhưng vì cảnh quán quá vi tế nhiệm mầu sâu thẳm nên ít người hành trì được thành tựu. Trong Khế Kinh có dạy : ”Nếu người quán tưởng Pháp thân Chân như của Đức Phật A Di Đà, thường tinh tấn tu hành, cuối cùng được vãng sinh, đạt được chánh định (tam muội). Quán rằng :

A Di Đà thân kim sắc
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di
Cám mục trừng thanh tứ đại hải
Quang trung hóa Phật vô số ức
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên
Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

Chúng sinh quán tưởng bài kệ tán thán Phật này cũng có thể đắc Niệm Phật tam muội.

4) Thực Tướng Niệm Phật là niệm Đức Phật nơi tự tánh, là niệm tánh Phật bản lai của chính mình. Đây là quán pháp

https://thuviensach.vn

thân thật tướng của Phật, kết quả sẽ chứng được Chân Như tam muội. Phương pháp này là thuộc về Thiền, nhưng cảnh giới do tâm Thiền hiển lộ lại là Tịnh độ nên cũng nhiếp về Tịnh độ. Pháp môn này không gồm thâu bậc trung, hạ căn và nếu không phải là bậc thượng thượng căn tất không thể ngộ nhập. Vì thế pháp môn này ít được đề xướng trong Tịnh độ tông. Nói cách khác thực tướng niệm Phật tức niệm mà không niệm, không niệm mà niệm thì thời điểm đó hành giả đi vào tham thiền. Cho nên người hiểu rõ niệm Phật chân chính không phản đối tham thiền và ngược lại người hiểu rõ thiền thì không chống đối người niệm Phật.

Vì Thật Tướng, Quán Tưởng và Quán Tượng niệm Phật tương đối hơi khó cho người niệm Phật, nên Ấn Quang Đại Sư dạy rằng :

“Chỉ duy trì danh mà chứng thật tướng,

Không cần quán tưởng cũng thấy Tây phương”.

Pháp môn Trì Danh Niệm Phật là phương pháp niệm Phật phổ thông nhất hiện nay, nhưng cũng được áp dụng với nhiều cách thức khác nhau tùy theo căn tánh của mỗi người.

1) Phản Văn Trì Danh : Đây là phương pháp mà miệng vừa niệm Phật, tai vừa nghe tiếng niệm vào trong và kiểm soát từng chữ từng câu thật rành rẽ rõ ràng. Nghe có hai cách,

https://thuviensach.vn

hoặc dùng lỗ tai nghe, hoặc dùng tâm để nghe. Tuy nói là nghe vào trong, nhưng không trụ nơi đâu rồi lần lần quên hết trong ngoài, cho đến quên cả thân tâm cảnh giới, thời gian không gian, sau cùng chỉ còn một câu Phật hiệu. Đây là phương cách dễ gạn trừ vọng tưởng, mau đạt được nhất tâm.

2) Sổ Châu Trì Danh : Phương pháp này thì miệng vừa niệm Phật mà tay vừa lần chuỗi. Lúc đầu ý niệm còn ràng buộc nơi tràng hạt, nhưng sau lần buông bỏ đi đến cảnh nhất tâm. Tu theo lối này khiến cho niệm lực thêm mạnh mẽ, phát triển định tâm. Niệm như thế lâu ngày được thuần thục, không niệm vẫn tự niệm.

3) Tùy Tức Trì Danh : Là niệm Phật thầm, nương theo hơi thở. Mỗi hơi thở ra vào đều một câu Phật hiệu. Mạng sống con người nương theo từng hơi thở nên biết nương theo đây mà niệm, lúc nào cũng có Phật trong tâm.

4) Truy Đảnh Trì Danh : là cánh niệm Phật nhỏ nhỏ tiếng, mỗi chữ mỗi câu đều kế tiếp nhau liên tỏa chặt chẽ thành hình thế chữ sau đuổi theo chữ trước, câu nọ gối đầu câu kia. Nhờ sự kín đáo bền chặt, trung gian không xen hở nên tạp niệm không có chỗ len vào làm cho tâm miệng dũng tiến, oai lực của chánh niệm bao trùm tất cả khiến cho nghiệp tưởng vô minh tạm thời chìm lắng và ánh mầu Tam Muội bộc phát chiếu xa. Đây là phương cách tốt nhất cho

https://thuviensach.vn

những ngời tu tịnh nghiệp trong lúc tình tưởng mênh mang rối loạn.

5) Giác Chiếu Trì Danh : là một mặt niệm Phật, một mặt hồi quang soi trở lại chân tánh của mình. Do niệm như thế, hành giả sẽ đi vào cảnh giới hư linh siêu tuyệt, chỉ còn cảm giác thân tâm của mình hòa đồng vào chơn tâm của Phật, sáng tròn rực rỡ, đầy rộng mênh mang. Niệm theo đây thì tuy báo thân chưa mãn đã chứng tịch quang, Phật hiệu vừa tuyên liền vào Tam Muội. Đây là lối tu dành cho bậc thượng thượng căn mà thôi.

6) Lễ Bái Trì Danh : Phương thức này là vừa lạy vừa niệm Phật. Hành giả niệm một câu, lạy một lạy cho thật nhẹ nhàng chậm rãi, lễ niệm song hành, thân miệng hợp nhất. Nếu thêm vào đó ý thành khẩn tha thiết thì thành ra ba nghiệp đều tập trung. Đây là phương pháp phá trừ hôn trầm, công đức và hiệu lực rất to lớn vì hành giả phải vận dụng cả ba nghiệp để trì niệm.

7) Ký thập Trì Danh : là cách niệm ký số nghĩa là cứ lấy mỗi mười câu làm một đơn vị. Sau khi niệm đủ mười câu thì lần quan một hạt chuỗi. Niệm theo lối này thì tâm đã niệm Phật lại còn phải ghi nhớ số cho nên không chuyên bắt buộc phải chuyên bởi vì nếu không chuyên thì số mục liền sai lạc. Cách thức này rất công dụng cho người nhiều nhiều tạp niệm.

https://thuviensach.vn

8) Liên Hoa Trì Danh : Lấy bốn sắc hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng vừa niệm vừa tưởng, luân lưu chuyển tiếp. Khi hành giả niệm câu Phật hiệu thứ nhất thì tưởng trước mặt mình hiện ra một dóa sen xanh to lớn phóng ánh sáng xanh. Câu thứ hai, tưởng hoa sen vàng phóng ánh sáng vàng. Cho đến câu thứ ba, thứ tư là hoa sen đỏ, trắng, màu nào phóng ánh sáng ấy. Kế tiếp tục tưởng lại hoa sen màu xanh, cứ như thế luân lưu mãi.

9) Quang Trung Trì Danh : Đây là phương pháp vừa niệm Phật, vừa tưởng mình đang ngồi giữa vừng ánh sáng trong suốt to rộng. Khi tâm đã an định trong vùng quang minh ấy, hành giả cảm thấy thần trí sáng suốt mát mẻ, không còn những tạp tưởng và các tướng uế ác cũng tiêu tan.

10) Quán Phật Trì Danh : Đây là phương thức lấy trì danh làm chánh, quán Phật làm phụ. Hành giả mỗi ngày sau khi niệm Phật nên để riêng một thời tịnh tâm quán tưởng sắc tướng quang minh của Phật A Di Đà. Tưởng Đức A Di Đà thân cao một trượng sáu, sắc vàng ròng, đứng bên bờ thất bảo, lông trắng giữa đôi mày. Tướng bạch hào rỗng không trong suốt như bạch ngọc.

Phương pháp niệm Phật thì nhiều không kể hết được, nhưng mười lối trì danh ở trên là để đối trị với tâm bệnh của người niệm Phật. Quý Phật tử có thể thử qua để thí

https://thuviensach.vn

nghiệm sự tác dụng của mỗi phương pháp và sau cùng đem ra áp dụng một lối niệm nào mà thích hợp với mình nhất.

Vì sở thích và túc căn của chúng sinh có sự sai khác nên con người mới phân chia ra thành Thiền, Giáo, Mật, Tịnh. Nhưng Phật pháp không hề có sai khác, cứu cánh giải thoát giác ngộ cũng không sai khác. Phương tiện tuy khác nhau, nhưng sau cùng cũng quy về một cứu cánh duy nhất là giải thoát giác ngộ cũng như trăm sông cùng đổ về biển lớn.

Trong phần này, tuy là nói về niệm Phật, nhưng hành giả cũng có thể cộng thêm thiền, giáo, mật vào để tăng thêm công lực mà mau có nhất tâm.

1) Thiền Tịnh song tu : có những hành giả lấy niệm Phật làm chánh, tham thiền làm phụ, nhưng lại lấy sự vãng sinh Tịnh độ làm yếu điểm chung cuộc còn việc thấy tánh ngộ đạo chỉ thuộc phần tùy duyên.

2) Giáo Tịnh song tu : Hành giả lấy niệm Phật làm chánh, tụng kinh làm phụ. Về phần tụng kinh, có người thích tụng Kinh Kim Cương hay Di Đà, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa hay phẩm Phổ Môn và Phổ Hiền Hạnh. Trong Pháp Bảo Đàn kinh có câu chuyện nói về một vị tăng tên Pháp Đạt đến tham vấn Lục Tổ với tâm niệm tự phụ vì đã tụng 3.000 lần bộ kinh Pháp Hoa. Khi Lục Tổ hỏi về nghĩa kinh thì Pháp Đạt thú nhận là không hiểu ý cùng căn bổn của kinh. Lục Tổ sau khi giảng về "tông" của kinh thì có nói thêm rằng:

https://thuviensach.vn

- Người thế gian, ngoài mê thì dính tướng, trong mê thì dính Không. Nếu đối với tướng mà lìa tướng, đối với Không mà lìa Không thì trong ngoài chẳng mê. Nếu hiểu rõ pháp này, một niệm tâm mở sáng, ấy là mở "Tri kiến Phật".

Sau khi tỏ ngộ, Pháp Đạt có hỏi :

- Nếu vậy, hiểu được nghĩa, thì chẳng cần tụng kinh?

Lục Tổ đáp :

- Kinh có lỗi gì, há có ngăn trở sự tụng niệm của ngươi đâu. Miệng tụng mà tâm làm theo nghĩa kinh, tức là mình chuyển kinh. Ngược lại, miệng tụng mà tâm chẳng làm theo kinh, tức là mình bị kinh chuyển.

3) Mật Tịnh song tu : Hành giả lấy niệm Phật làm chánh, trì chú làm phụ. Trong việc trì chú, mỗi người có thể chọn những chú như: Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng sanh, Công Đức Bảo Sơn, Văn Thù Ngũ Thanh thần chú, Lục Tự Đại Minh chân ngôn hay Thủ Lăng Nghiêm thần chú.

4) Thuần Tịnh : Hành giả chỉ chuyên niệm Phật, không xen tạp môn nào khác.

https://thuviensach.vn

Tuy sở thích và túc căn của mỗi người có sai khác và mặc dù có tu theo những pháp môn khác, hành giả Tịnh độ cũng cần lưu ý đến hai phần chánh và trợ cho được phân minh. Dĩ nhiên phần chánh luôn luôn nhiều hơn phần trợ. Có như thế thì đường tu mới không mất mục tiêu và sự vãng sinh cũng không bị chướng ngại.

Tại sao dễ niệm Phật mà kết quả khó thành?

Người niệm Phật tuy miệng niệm nhưng tâm lại lạc vào trạng thái mê mờ, nặng nề muốn ngủ, nhà Phật gọi là vọng chướng hôn trầm. Hoặc miệng thì niệm Phật, nhưng tâm lại vẩn vơ nghĩ chuyện đâu đâu tức là vọng duyên tán loạn khiến cho hành giả không thể vào chánh định. Đôi khi có những trường hợp hành giả lúc đang hành trì, vọng tưởng chìm lặng, câu niệm Phật vẫn nghe đều đều, tâm tư êm dịu quên cả hiện tượng ngoại giới như nóng bức hay lạnh giá…Trạng thái này kéo dài từ nửa tiếng đến một giờ đồng hồ, có khi ra mồ hôi ướt cả áo mà không hay đến khi chợt tỉnh mới cảm biết trong người nóng bức hay lạnh buốc khó chịu. Đây là trạng thái hôn trầm nhưng thuộc về phần vi tế nhẹ nhàng chớ không phải tâm mình được an định.

Vọng tưởng cũng có hai phần là thô và tế. Vọng tưởng thô thì dễ biết vì hành tưởng nó rất rõ ràng. Khi niệm Phật dụng công chặt chẻ kín đáo thì vọng tưởng thô cố nhiên phải lặng chìm, nhưng rất khó nhận được tướng qua lại của

https://thuviensach.vn

phần vọng tưởng vi tế. Chỉ có những người niệm Phật lâu, đến trình độ nước trong tâm lặng thì mới thấy biết được vọng tưởng vi tế. Ngài Bạch Thánh pháp sư, một buổi sáng từ nơi giường bước lại ghế ngồi, trong khoảng chừng ba giây đồng hồ đã phát giác trong tâm mình nổi lên đến vài mươi vọng niệm khác nhau. Đủ biết vọng tưởng vi tế nguy hiểm, tác hại biết bao.

Ngài Quang Huệ và Giới Diễn là hai vị thiền sư đều ngộ đạo. Một hôm trong khi cùng ngồi thiền, nơi tiềm thức của Ngài Giới Hiền chợt nổi lên một niệm sắc ái. Ngài liền diệt trừ, nhưng bên kia thiền sư Quang Huệ đã hay biết. Sau khi xuất định, Ngài Quang Huệ làm bài kệ có ý trêu cợt Ngài Giới Diễn. Thiền sư Giới Diễn buồn thẹn, liền thâu thần nhập diệt. Ngài Quang Huệ hối hận, cho gọi đệ tử đến phó chúc rằng:"Bạn ta trong khi thiền định có một niệm sắc ái, sau tất lụy về sắc, vì phiền ta mà thị tịch, sau sẽ phá hoại Tam Bảo. Lỗi ấy một phần do ở nơi ta, nếu ta không theo hóa độ, tất sẽ mang lấy hậu quả". Dặn dò xong, Ngài cũng viên tịch theo luôn.
Sau Quang Huệ chuyển thân làm thiền sư Phật Ấn còn Giới Diễn chuyển kiếp làm Tô Đông Pha. Vì Đông Pha kiếp trước có tu nên thi đỗ Tiến Sĩ vào đời vua Tống Nhân Tông (1056 Tây lịch) làm quan đến chức Hàn Lâm Học sĩ kiêm Binh Bộ Thượng Thơ tương đương với chức Bộ Trưởng Giáo Dục và Bộ Trưởng Quốc Phòng thời nay. Ông thông minh trí tuệ mà cũng đa tài đa tình, có đến bảy người vợ và thường đem sự thông minh bác lãm của mình mà vấn

https://thuviensach.vn

nạn các vị thiền sư. Về sau Ngài Phật Ấn chiết phục, ông mới quay về đường lối tu Phật. Bất cứ đi đâu, ông cũng mang theo bên mình một bức tượng tranh của Phật A Di Đà và bảo cùng với mọi người rằng : ”Đây là quyển sổ Niệm Phật của tôi”. Đến khi tuổi già, nằm trên giường bệnh, trong giờ phút tối hậu, có Thiện Tri Thức nhắc nhở niệm Phật, ông phều phào trả lời rằng :

- Tôi vẫn biết niệm Phật có công đức không thể nghĩ bàn. Nhưng khổ nỗi, hiện giờ thân thể tôi đau nhức quá, không sao niệm Phật được.

Nói xong đoạn qua đời. Tiếc thay cho Ngài Giới Diễn, một cao tăng ngộ đạo khi xưa mà kiếp này như thế! Chẳng biết kiếp sau sẽ lạc về đâu trong sáu nẻo luân hồi!

Vì thế vọng tưởng vi tế rất nguy hiểm ngay cả những bậc chân tu còn phải e dè co nên cổ nhân cũng có câu :

“Công phu không thiếu cũng không dư

Muôn kiếp tham si chữa dễ trừ”.

Khi loạn tưởng nhiều, hành giả nên ngồi yên nhiếp tâm niệm Phật. Lúc hôn trầm đến thì nên đứng lên vừa niệm vừa kinh hành. Cứ dùng hai oai nghi này thay đổi mãi, lâu ngày chướng duyên ấy sẽ tiêu trừ. Thêm nữa, hành giả lắng

https://thuviensach.vn

tai nghe rành rõ từ tiếng từ câu niệm Phật thì tâm không tán loạn.

Thế nào là Niệm Phật tam muội?

Tam muội có nghĩa là chánh định hay chánh thọ. Vì thế niệm Phật khi có được chánh định thì gọi là niệm Phật tam muội. Chánh thọ nghĩa là khi tâm đã thanh tịnh thì chánh thọ sẽ thành bất thọ tức là không còn thọ cái gì cả. Hằng ngày, con người thọ biết bao thứ trên cõi đời, nào là thọ vui, thọ buồn, thọ khổ, thọ mừng, thọ ghét, thọ yêu, thọ giận… Càng thọ thì chúng sinh càng khổ, tâm càng bất tịnh. Vậy thọ chính là biểu tượng của vô minh, là nhân của đau khổ cho nên nếu không thọ tức thì vô minh mất, khổ đau tan biến. Không thọ thì không đặt niềm hy vọng mà không hy vọng thì không sợ bị thất vọng nên không còn khổ. Khi những ma chướng như tham-sân-si dấy khởi làm cho con người sống trong chập chồng đau khổ, bây giờ biết quay về niệm Phật. Niệm cho đến khi vọng tưởng tan biến, tâm không còn giận, còn hờn, còn tham đắm si mê thì con người đã dùng lửa tam muội đốt sạch vô phiền não rồi. Vậy lửa tam muội không gì khác hơn là năng lực niệm Phật hay tham thiền để xoay tâm trở về với tự tánh bản nhiên thanh tịnh mà có an lạc Niết bàn.

Người niệm Phật khi đến chỗ tuyệt đỉnh tận cùng khiến tâm rất định thì cái định thể này là Niệm Phật tam muội. Hành giả sẽ cảm nhận cảnh hư linh sáng lặng, vọng giác

https://thuviensach.vn

tiêu tan và tâm chỉ còn trụ nơi tướng hảo hoặc hồng danh của Phật. Tuy nói là trụ, nhưng thật ra là vô trụ vì âm thanh sắc tướng đưởng thể như huyễn tức là không. Khi chúng sinh chuyên nhất niệm Phật, luôn giữ chánh niệm, quên hết thân tâm ngoại cảnh, tuyệt cả không gian thời gian đến khi sức cực công thuần thì nơi đương niệm trần vọng bỗng thoạt tiêu tan, tâm thể bừng sáng, chứng vào cảnh giới vô niệm vô bất niệm tức là niệm mà không niệm, không niệm mà niệm nghĩa là không thấy biết mới là sự thấy biết chân thật còn có thấy biết tức lạc theo ngoại trần. Đến đây thì tâm thể hoàn toàn sáng suốt rỗng rang, tịch mà chiếu, chiếu mà tịch, đều còn đều mất, tuyệt đãi viên dung.

Kinh dạy Phật nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con và nếu con cũng nhớ mẹ thì đời đời không ngăn cách nghĩa là tuy Phật vì lòng từ bi thương xót chúng sinh còn lặn hụp trong sông mê bể khổ, muốn đem giáo pháp nhiệm mầu để cứu vớt họ đến bờ giải thoát, nhưng nếu chúng sinh không hồi đầu thị ngạn quay về nương tựa nơi Phật pháp thì Phật cũng chẳng độ được tức là mẹ con vẫn xa cách nghìn trùng. Trong tất cả mọi chúng sinh, ai ai cũng đều có Phật tâm, Phật tánh như nhau, nhưng vì sống trong điên đảo, chạy theo vô minh phiền não nên mới xa dần chơn tánh của mình. Do đó nếu bây giờ biết thức tỉnh quay thuyền trở lại bến xưa, nương tựa nơi chánh pháp thì Phật tánh hiện tiền tức là Phật và chúng sinh là một nghĩa là mẹ con tương ngộ tương phùng.

https://thuviensach.vn

Kinh lại dạy tiếp rằng : "Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật thì tâm ấy là tâm Phật, nhất định sẽ thấy Phật". Nhưng thấy Phật bằng cách nào? Thấy Phật bằng tướng hay bằng định? Thấy tướng là còn thấy sinh diệt, còn thấy trong định là tâm chẳng còn tán loạn. Ngày nay người niệm Phật thì nhiều, nhưng thành công thì ít, nguyên nhân là do miệng niệm Phật nhưng tâm không niệm, niệm thứ nhất vừa mới tinh thuần thì niệm thứ hai bèn xen tạp nên không có định, vọng tưởng vẫn còn dấy khởi nên không có kết quả.

Con người vì chẳng thể đoạn tham cầu ái dục, các thứ hưởng thụ trong cuộc sống nên lòng lưu luyến khó buông xả. Sợi dây ràng buộc càng to, càng rắn chắc thì càng khó đứt. Nó chính là căn nguyên cội rễ phát sinh ra Kiến hoặc, Tư hoặc tạo ra biết bao phiền não để cột chặt con người vào những hệ lụy của phiền não khổ đau, vào vòng sinh tử trầm luân. Vì thế trong pháp "Như huyễn Tam-ma-đề" giúp chúng sinh nhận thấu vạn pháp giai không, như huyễn, không bền không chắc nên dễ tháo gút mở dây.

Tất cả phương cách niệm Phật trên thực tế chỉ là "Sự Niệm" vì tâm còn dựa theo sắc tướng âm thanh tức là còn lấy thức tâm sinh diệt làm nhân địa tu hành thì không bao giờ thành giác. Nhưng sự diệu dụng nhiệm mầu của Phật pháp là ban đầu hành giả tuy có nương theo âm thanh sắc tướng, nhưng dần theo thời gian âm thanh sắc tướng cũng tiêu tan, biến mất và sau cùng đạt được mục đích tối hậu là

https://thuviensach.vn

niệm Phật đến chỗ vô niệm thì thấy được Pháp thân thanh tịnh của mình.
Nhưng thế nào là vô niệm? Niệm là ý niệm, là ý nghĩ. Vô là không. Dựa theo lời giải thích của Lục Tổ Huệ Năng thì Vô là không vọng niệm, còn Niệm là thường niệm chơn như bổn tánh. Nói thế "chơn như bổn tánh là thể và niệm là dụng". Do đó nếu chơn như tự tánh không khởi niệm thì sáu căn cho dù có thấy nghe cũng không vì thế mà đắm nhiễm với ngoại trần. Được như thế là vô niệm. Nói cách khác niệm Phật đến một công phu nhất định, lúc ấy vọng thức không còn, tâm hằng thanh tịnh thì sẽ nhập vào "Lý Niệm" tức là có thể thấy được Pháp thân thường trụ của mình, thấy Phật nơi tự tánh, Phật tâm bình đẳng thanh tịnh.

Vì thế Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy rằng : "Kẻ mê thì niệm Phật hy vọng vãng sinh Tây phương, người ngộ cũng niệm Phật nhưng chỉ cần thanh tịnh tâm mình". Tại sao? Người mê thì thấy mình và Phật là hai thực thể khác nhau, cách biệt ngàn trùng nên mới cầu đến phương Tây để gặp Phật, ngược lại kẻ thức tỉnh giác ngộ biết rằng tâm mình chính là tâm Phật nên chỉ sống với tâm thanh tịnh an lạc thanh nhàn mà không cần cầu Phật ở đâu xa.

Đối với người sơ cơ thì Phật Thích Ca dạy có Phật A Di Đà ở cõi Tây phương cách xa trái đất mười vạn ức cõi Phật, nhưng đây chỉ là phương tiện, là Phật nói quyền giúp chúng sinh tin theo đó mà niệm Phật để giải trừ vô minh, vọng chấp. Cũng ví như câu chuyện tham tiền niệm Phật

https://thuviensach.vn

vậy. Ban đầu vì tham tiền mà niệm Phật, càng niệm thì càng có nhiều tiền. Nhưng niệm đến khi vô niệm vô biệt niệm tức là có được nhất tâm thì tiền cũng không tham, thấy tiền như thấy rác. Do đó khi đã hiểu đạo rồi và một khi tâm mình được thanh tịnh thì ở nơi đó và ngay trong thời điểm đó Phật A Di Đà hiển hiện trong tâm của ta rồi.
Lúc ấy lầu vàng gác tía cũng chẳng ham, vãng sinh cũng chẳng mong cầu vì sống với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh là có Cực lạc, là được vãng sanh rồi. Vì thế mà kinh Duy Ma Cật nói rằng "Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh" nghĩa là một khi tâm mình thật thanh tịnh thì nơi ấy chính là cõi Phật A Di Đà. Vì thế mà Đức Phật Thích Ca và biết bao đệ tử của Ngài ở đâu và bất cứ lúc nào tâm cũng hằng thanh tịnh, tự tại Niết bàn. Ngược lại chúng sinh phàm phu tâm bất tịnh, phiền não vô minh lúc nào cũng nổi dậy, lòng còn tham đắm dục tình nên tu hành là phải xả bỏ mà lại muốn hưởng cao sang phú quý và an dưỡng nơi giàu sang Cực lạc.

Ngày xưa vua Trần Thái Tông rời cung điện nguy nga, leo trèo lặn lội, núi hiểm suối sâu tìm lên núi Yên Tử để tìm Phật thì Quốc sư Trúc Lâm nói rằng : "Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là Chơn tâm. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc cầu bên ngoài.

Câu giảng rất nổi tiếng của Ngài Mã Tổ Đạo Nhất (đệ tử đời thứ hai của Lục Tổ Huệ Năng) là "Tức Tâm Tức Phật".

https://thuviensach.vn

Ngài đã giảng nó như sau : “Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên nhơ sạch đều không nương cậy”. Ngài dạy thêm : ”Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu”. Ngài muốn nhắc nhở chúng sinh là ai ai cũng đều sẵn có Chơn tâm, Phật tánh chớ không phải vì tu tập đắc đạo mới có. Ngài nhấn mạnh rằng Tâm đó tức là Phật do đó nếu con người đi tìm Phật ở ngoài Tâm đó là làm một điều vô ích chẳng khác nào “mang Phật đi tìm Phật”. Sau cùng Mã Tổ còn dạy rằng:”Tâm bình thường là Đạo”. Theo Ngài thì thế nào là tâm bình thường? Đó là không tạo tác, không hơn thua phải trái, không thủ xả, không đoạn thường, không phàm thánh.

Vậy niệm Phật có những lợi ích gì?

1) Nếu nói về Sự thì niệm Phật sẽ trừ được các phiền não. Tâm của chúng sinh cũng như dòng nước luôn tuôn chảy, nếu pha những chất dơ bẩn thì nước trở thành vẫn đục, nhơ nhớp. Ngược lại nếu pha vào dòng nước những chất thơm tho thì nước sẽ trở thành thơm mát. Do đó nếu tâm chỉ nghĩ đến những cảnh tượng phiền não khổ đau thì luôn luôn sẽ bị phiền não khuấy đục. Ngược lại niệm Phật một giờ thì có một giờ an lạc, một ngày thì có một ngày an lạc. Chúng sinh hằng ngày chuyên nghĩ đến những điều tội lỗi như tham-sân-si…và miệng thốt ra những lời tội ác, thân làm những việc xấu xa. Nay nếu biết niệm Phật thì bộ ba thân,

https://thuviensach.vn

khẩu, ý không có cơ hội thực hành những ác nghiệp, tâm trí sẽ sáng suốt, bệnh tật cũng vì thế mà thuyên giảm và cuộc đời sẽ vô cùng an vui tự tại.

2) Lợi ích về Lý : Khi hành giả niệm Phật đến chỗ nhất tâm bất loạn thì không còn các vọng tưởng và chơn tâm thanh tịnh hiện ra. Chơn tâm thường trú không sinh diệt hư hoại nên gọi là "Thường" và thể tánh tịnh minh sáng suốt là "Quang" và tâm thanh tịnh vắng lặng là "Tịch". Do đó cảnh "Thường, Tịch, Quang" Tịnh độ chỉ ở nơi chơn tâm ta chớ không đâu khác.
Thêm nữa, chơn tâm không hoại diệt là "Phật Vô Lượng Thọ", chơn tâm chiếu soi vô tận là "Phật Vô Lượng Quang" và đó tức là "Thanh tịnh diệu Pháp thân" của Phật A Di Đà. Nói cho cùng, người niệm Phật đến khi hết vọng, ngộ nhập chơn tâm rồi thì Phật A Di Đà hay cảnh Tịnh độ cũng chỉ nơi tâm mình hiện ra, chớ không phải ở đâu xa. Vì thế nên Kinh dạy rằng : "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ" là vậy. Đến đây chắc có người sẽ thắc mắc về Phật A Di Đà và cảnh giới cõi Cực lạc, chúng tôi xin kể lại câu chuyện của một vị tăng hỏi Ngài Triệu Châu rằng :

- Con chó có Phật tánh không?

Ngài Triệu Châu đáp :

- Có.

https://thuviensach.vn

Vị tăng khác lại hỏi :

- Con chó có Phật tánh không?

Ngài Triệu Châu bây giờ đáp :

- Không.

Tại sao Ngài có lúc nói có, có lúc nói không?

Ngài Triệu Châu chỉ dùng phương tiện mà phá cái chấp của chúng sinh. Đối với người chấp có Phật tánh (Phật A Di Đà) thì Ngài nói là không tức là dùng cái không để phá chấp có. Còn người chấp không thì nói có nghĩa là dùng cái có để phá chấp không. Phật tánh là chơn không, vô hình vô tướng thì làm sao diễn tả được mà nói là có hay không. Con người phải lìa văn tự, ngữ ngôn thì mới ngộ được chơn tâm, Phật tánh. Vì thế trong kinh Kim Cang, Phật dạy rằng : ”vô pháp khả thuyết gọi là thuyết pháp” nghĩa là không có pháp để cho Như Lai thuyết bởi vì cái mà nói được thì nằm trong vòng lẩn quẩn tương đối, sinh diệt còn chân lý là pháp tuyệt đối, vô hình vô tướng, bất sinh bất diệt thì làm sao nói được. Dó đó “có “ hay “không” chỉ là phương tiện để đối trị với bệnh chấp của chúng sinh.

Trong kinh Lăng Già có câu : ”lìa tứ cú, tuyệt bách phi”.

https://thuviensach.vn

Vậy thế nào là tứ cú?

Có là cú thứ nhất, không là cú thứ nhì, cũng có cũng không là cú thứ ba, chẳng có chẳng không là cú thứ tư. Con người chấp cái "có" thì Phật nói "không" để đối trị cái có. Chúng sinh chấp "không" thì Phật thấy bệnh chấp vẫn còn nên dùng "có" để phá. Chúng sinh thấy Phật phá có, phá không cho là "chẳng có, chẳng không" thì lại chấp chẳng có, chẳng không. Phật thấy chúng sinh bệnh chấp vẫn còn nên phải dùng "cũng có, cũng không" để phá. Phật dùng phương tiện để phá mà chúng sinh tưởng thật nên tin "cũng có, cũng không" là chân lý nên sau cùng Phật phải đối lại "chẳng có, chẳng không". Vì vậy có cũng phá, không cũng phá, chẳng có chẳng không cũng phá, cũng có cũng không cũng phá nghĩa là tứ cú đều phá hết, không trụ nơi có, không trụ nơi không, không trụ nơi chẳng có chẳng không, không trụ nơi cũng có cũng không tức là vô sở trụ thì lúc ấy Phật tánh (A Di Đà) mới hiện tiền.

Kinh dạy tiếp : "Đến đây thì như người ướp hương, thân có mùi thơm gọi là Hương Quang Trang Nghiêm". Đứng về mặt bản thể chơn tâm mà nói, tâm Phật và tâm chúng sinh vốn nào có khác, cùng đồng một bản thể thanh tịnh. Trong thế gian, phàm nhân dùng tưởng tượng, dùng duy tư, dùng duy tưởng để nhận biết thì cái biết này là "thế trí biện thông" nghĩa là cái biết, cái trí thức thông thường còn sai lạc. Ngược lại, một người tâm đã định thì cái định này như

https://thuviensach.vn

tấm gương, tịnh như nước lặng mới có thể đưa hành giả thấy được chân tướng, thật tướng của nhân sinh vũ trụ, có thể thấy rõ ràng quá khứ, hiện tại và vị lai. Đó là định tuệ bình đẳng phát sinh tức là có định thì trước sau cũng phát sinh trí tuệ. Khi đã có Bồ-đề, có giác ngộ thì tham-sân-si, mạn, nghi biến mất. Những ô nhiễm trần thế không còn thì thân tâm bây giờ hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt rỗng rang nên tỏa mùi hương (Giới-Định-Tuệ) trang nghiêm khắp cùng thế giới. Vậy hương ở đây chính là Giới-Định-Tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến hương cho nên nếu đem hương này chia cho toàn thể thế giới thì cũng không bao giờ hết. Ngửi thấy mùi hương là thâm nhập giới, định, tuệ hương nên có giải thoát làm cho thân tâm được thanh thoát nhẹ nhàng.

Thế nào là ngộ vô sanh nhẫn?

Vô sanh nhẫn tức là vô sanh pháp nhẫn. Khi tư duy quán chiếu để nhìn vạn pháp vô sanh thì cũng có nghĩa là nhìn vạn pháp vô diệt. Thí dụ khi nhìn một nụ hoa thì làm sao biết được tánh vô sanh của nó? Khi nhìn đóa hoa mới nở thì chắc chắn là nụ hoa sanh và vài tuần sau, hoa tàn thì nói rằng nụ hoa diệt. Nhưng đây chỉ là cái nhìn thiển cận của phàm nhân, còn cái nhìn của Bồ-tát tu hành chứng đắc, ngộ được vô sanh là ngay trong lúc nụ hoa mới nở thì cái sinh đã có diệt trong đó rồi. Ngược lại trong lúc nó tàn úa thì các vị Bồ-tát lại nhìn cái diệt là bắt nguồn cho cái sinh khác. Đó là hiện tượng quy về bản thể và bản thể duyên

https://thuviensach.vn

khởi thành ra hiện tượng thành ra có cái gì là thật sinh hay cái gì là thật diệt đâu. Nói cách khác sinh để rồi diệt, diệt rồi lại sinh, sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận nên sinh diệt, sống chết là chuyện thường, chẳng có gì quan trọng nên không còn lo sợ, khổ đau. Chúng sinh khi thấy mình già yếu, bệnh tật thì đau khổ buồn phiền. Ngược lại, đối với Bồ-tát thì sống chết là chuyện bình thường, tử sanh là trò dâu biển nằm trong chu kỳ bất biến tùy duyên rồi tùy duyên bất biến thế thôi. Vì vậy với tuệ nhãn của Bồ-tát hay Phật nhãn của chư Phật thì nhìn vạn pháp sanh mà không thật sanh và diệt nhưng không phải là mất hẳn nghĩa là sinh để rồi diệt và diệt rồi để lại sanh, sinh sinh diệt diệt vô cùng vô tận. Đây là chứng ngộ chân lý vô sanh pháp nhẫn vậy.

Trên đây là lối lý luận dựa theo tinh thần Bát Nhã vì thế người chứng được vô sanh nhẫn là đã đạt đến trình độ Bát địa hay Cửu địa trong Thập địa nghĩa là họ dùng tịnh niệm chân chính để diệt trừ tà kiến, vọng tưởng và các thứ nhiễm ô tư tưởng. Nói cách khác, trước kia thấy đời là năm thứ ác trược, bây giờ tâm thanh tịnh rồi thì cũng cái thế giới đó mà thấy rất thanh tịnh. Vì thế kinh Duy Ma Cật cũng dạy rằng : ”Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh” nghĩa là một khi tâm mình thanh tịnh thì thế giới chung quanh là cõi Phật thanh tịnh tức là tâm an thì thế giới an vậy.

Kinh lại dạy rằng : ”Phật chẳng độ chúng sinh” nghĩa là tâm Phật và tâm chúng sinh vốn đồng một thể, nhưng

https://thuviensach.vn

chúng sinh chạy theo tâm sinh diệt, tâm hư vọng nên thấy toàn tướng hư vọng. Đến khi tâm được hoàn toàn thanh tịnh, rỗng rang thì chơn tâm, Phật tánh hiển bày. Vì thế Phật chẳng độ là khả năng tự chứng được hay không là do công phu của chính mình tức là tự lực. Ngài Đại Thế Chí chỉ nhờ chuyên cần niệm Phật tức là hoàn toàn nhờ vào khả năng tự lực mà chứng được vô sanh pháp nhẫn, có được trí tuệ trong sáng, viên thông tự tại. Trong 48 đại nguyện của Phật A Di Đà có 31 điều mà hàng Bồ Tát, nhơn, thiên phải tự lực tu hành. Có 16 điều nói về những thù thắng của cõi Cực lạc. Chỉ có một điều, đó là điều thứ 18 liên hệ đến tha lực của Phật A Di Đà. Điều 18 đại ý nói rằng : ”Thập phương chúng sinh chí tâm tín mộ muốn sinh về cõi Cực lạc chỉ cần 10 niệm là được toại nguyện, trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Nhưng trong 31 điều tự lực, hành giả phải dùng Thiền định để đạt được “Niệm Phật Nhất Tâm bất loạn” mà chứng được Bát Nhã tam muội, Không tam muội và Vô Tranh tam muội…

Có một Thiền sư tu đắc đạo, đạt được minh tâm kiến tánh nên danh tiếng truyền tới kinh thành. Nhà vua rất ái mộ, sai quan lớn lên núi thỉnh Thiền sư về kinh thành để vua hỏi pháp. Thỉnh một lần cũng không đi, hai lần cũng không đi đến lần thứ ba vua nổi giận mà phán rằng :

- Nếu kỳ này thỉnh Thiền sư không đi thì đem cái đầu ông ấy về kinh thành.

https://thuviensach.vn

Viên đại quan lên núi thuật lại với Thiền sư và lời phán của vua và nói rằng :

- Tôi không dám lấy đầu của Ngài, nhưng tôi về không thì vua sẽ lấy đầu của tôi. Ngài hãy thương tôi mà đi.

Thiền sư đáp :

- Đi thì đi.

Rồi Thiền sư hỏi trong số đệ tử có ai muốn đi theo không?

Có một đệ tử ra nói :

- Con theo thầy đi.

Thiền sư hỏi :

- Một ngày con đi được mấy dặm?

- 5 0 dặm.

Thiền sư đáp :

- Không được.

https://thuviensach.vn

Đệ tử khác nói :

- Con xin đi theo thầy?

- Một ngày con đi bao nhiêu dặm?

- 70 dặm.

- Không được

Một đệ tử khác cũng xin đi.

- Một ngày con có thể đi bao nhiêu đặm.

- 90 dặm.

- Không được.

Người nào cũng không được, sau cùng người thị giả nói :

- Con xin theo thầy.

Thiền sư lại hỏi :

- Một ngày con đi bao nhiêu dặm?

https://thuviensach.vn

Thị giả đáp :

- Không biết, thầy đến đâu thì con đến đó.

Thiền sư hài long :

- Vậy là được.

Thiền sư ngồi ngay lại liền tịch diệt (nhập diệt) và người Thị giả cũng tịch theo luôn. Quan lớn thấy thế hoảng sợ, chứng tỏ oai quyền của vua chỉ áp chế cho người thường, chớ không thể áp dụng cho bậc chứng đắc được. Bởi vì Thiền sư đạt được minh tâm kiến tánh, chứng vô sanh pháp nhẫn nên sanh tử tự do, nói đi là đi liền.

Sau khi thành đạo, Đại Thế Chí Bồ Tát nguyện hướng dẫn người niệm Phật để có được tịnh độ. Vì thực hành ”Như huyển Tam-ma-đề” nên Bồ Tát thấy mình là huyển, vào huyển thế gian, độ cho huyển chúng sinh đắc thành huyển quả và có huyển tịnh độ. Đối với Bồ Tát thì trên đời này chẳng có cái gì là thật cả. Nếu thế gian là không thật thì tịnh độ làm sao thật được? Các Ngài vào thế gian để giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh biết niệm Phật, biết nhiếp tâm vào câu niệm Phật để hóa giải hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà có được nhất tâm. Nhất tâm chính là chơn tâm, là tự tánh thanh tịnh bản nhiên của tất cả mọi người. Nếu chúng sinh niệm danh hiệu Phật A Di Đà để dẹp trừ

https://thuviensach.vn

vọng tưởng, chấp trước thì mỗi câu niệm sẽ quét sạch vọng tưởng làm tâm thanh tịnh.
Ví như ngọn đèn vốn sáng, nhưng vì gió lay động làm ánh sáng bị lu mờ. Nếu bây giờ chụp cái bóng che gió vào thì ngọn đèn sẽ bừng sáng. Do đó, nếu chúng sinh suốt ngày trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, biết chú tâm vào hồng danh nầy khi làm việc, lúc nghỉ ngơi cho đến lúc nhất tâm bất loạn thì cái ảo ảnh nhị nguyên của vô minh, cái tâm phân biệt, có chúng sinh có Phật sẽ chấm dứt và họ sẽ chứng ngộ được chân lý nhiệm mầu ngay. Khi tâm đã hoàn toàn thanh tịnh thì cảnh Tịnh độ cũng chỉ nơi tâm mình hiện ra, chớ không phải đâu xa bởi vì cảnh giới cho dù là tận hư không cùng khắp pháp giới đều là do tâm tánh con người biến hiện.
Vậy thế nào là nhiếp trọn sáu căn?

Đại Thế Chí Bồ Tát "nhiếp trọn sáu căn" là Ngài làm chủ sáu căn của mình không cho nó chạy theo khách trần phiền não. Sáu căn, sáu trần tự chúng là bản nhiên thanh tịnh phát xuất từ Như Lai Tạng bản thể thì làm gì có tội lỗi, xấu xa. Nhưng nếu con người không biết tự chủ mà để cho sáu căn dính mắc nơi sáu trần thì vọng tưởng mê lầm chắc chắn sẽ xảy ra. Đức Phật và các đại đệ tử của Ngài cũng còn nguyên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý như tất cả mọi người, nhưng vì biết tự chủ sáu căn nên các Ngài luôn có Bồ Đề và tâm thường trụ Niết bàn. Các vị Tổ của Tịnh độ phát minh ra sâu chuỗi có 18 hột là biểu tượng cho sáu căn, sáu trần và sáu thức. Khi niệm Phật, hành giả nắm chắc

https://thuviensach.vn

từng hột một nghĩa là thu nhiếp từng căn không cho nó chạy tán loạn trong trần cảnh. Cái khó khăn nhất của pháp môn này là khi không niệm Phật, không thu nhiếp được sáu căn thì vọng tưởng sẽ nổi dậy trở lại vì "Định" chỉ có thể kềm chế chớ không tiêu diệt được "vọng tưởng". Chỉ khi nào từ Định sang Tuệ thì vọng thức mới bị tiêu trừ. Vì vậy Ngài Đại Thế Chí dạy chúng sinh phải thực hành tịnh niệm tương tục.

Tịnh là không còn tạp niệm, không còn vọng tưởng. Vậy "tịnh niệm tương tục" có nghĩa là niệm Phật liên tục, không gián đoạn, ngày này qua ngày nọ, tháng này qua tháng nọ, năm này qua năm nọ, đời đời kiếp kiếp không lúc nào ngừng nghỉ cho đến khi đạt được nhất tâm. Có được nhất tâm bất loạn tức là tâm đã định và khi tâm định thì trí tuệ sáng suốt sẽ phát sinh nghĩa là chứng đắc Tam-ma-đề tức là định-tuệ viên dung hay là định-tuệ không "hai".

Người tu Tịnh độ nói rằng pháp môn niệm Phật rất dễ, trăm người tu trăm người chứng, ngàn người tu ngàn người chứng. Thực tế có dễ như vậy chăng? Pháp môn niệm Phật được xếp hạng thứ 24, chỉ đứng sau Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, thì tầm mức của nó dĩ nhiên rất là quan trọng, nhiệm mầu. Nếu người niệm Phật chỉ trong một sát na để tâm chạy theo ngũ dục lạc của thế gian là sắc, tài, danh lợi, ăn ngon, ngủ nghỉ thì làm sao còn là tịnh niệm được? Dựa theo Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát thì nhiếp trọn sáu căn nghĩa là mắt không thấy tướng xấu đẹp, tai không nghe tiếng

https://thuviensach.vn

khen chê, mũi không ngửi mùi thơm thúi, lưỡi không nếm mùi ngon dở, thân không tiếp xúc nóng lạnh ấm êm và ý không phân biệt buồn vui, thương ghét cho đến khi đạt được công phu nhất tâm bất loạn. Nếu nói dễ thì quý vị đã nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tương tục được chưa? Hay dễ hơn là có nhiếp được căn nào không? Tịnh niệm còn không có tức là hằng ngày chỉ nghĩ nhớ ngũ dục lạc của thế gian thì là sao có được niệm trong sạch mà nói dễ hay khó?

Vậy khó, dễ là do tâm mình tạo chứ không phải các pháp khó dễ. Không giống như các viên thông ở đoạn kinh trước, chỉ lựa chọn từng căn để hạ thủ công phu, ở đây Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nhiếp phục cả sáu căn, quy cả sáu căn đều thâu về nơi nhất niệm niệm Phật, không để tán loạn dong ruổi theo ngoại duyên. Tịnh niệm thường nối đuôi, không xen tạp một niệm nào khác mà chứng được niệm Phật tam muội tức là có được chánh định mà đạt đến cứu cánh nhất tâm bất loạn, giải thoát viên thông tự tại.
Thế nào là Cực Lạc?

Cực Lạc là cực kỳ an lạc, không còn khổ. Có thể hiểu đó là cõi tâm hoàn toàn thanh tịnh, an lạc. Con người vì có nhiều tham đắm với hình tướng nên Phật mới đưa ra phương tiện hình ảnh để dụ chúng sinh hồi đầu thị ngạn. Cũng như trong kinh Pháp Hoa, Phật dùng phương tiện dạy chúng sinh hiện đang ở trong căn nhà lửa. Nếu biết sự tai hại của lửa tham sân si, đốt cháy cả tâm linh thì nên hồi quy một lòng niệm Phật. Dần dần niệm Phật sẽ thay thế toàn bộ ác

https://thuviensach.vn

niệm khiến tâm tịnh dần và đi tới thuần tịnh thì có cõi Tịnh độ rồi. Khi ấy hành giả sống trong an lạc, trong cõi Cực Lạc ngay trong cõi đời này tức là "Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh" vậy.

Vì thế Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát nói rằng : "Nếu đứng trên cương vị của tôi, với kinh nghiệm tu hành và sở đắc của bản thân tôi từ vô lượng kiếp cho đến nay và nếu hỏi tôi pháp môn nào là thù thắng nhất thì tôi xin thưa rằng tôi không chú ý đến các pháp môn khác, chỉ pháp môn thâu nhiếp lục căn, tịnh niệm luôn luôn tương tục, đắc tam-ma-đề, là đệ nhất".

Sau cùng, cổ thi có câu :

"Ngày trước đầu đường còn ruỗi ngựa,
Hôm nay trong quách đã nằm yên".

Hoặc là :

"Chớ hẹn đến già rồi niệm Phật,
Đồng hoang mồ trẽ thấy đông người".

Chúng sinh nếu muốn phòng ngừa cơn vô thường chợt đến, mỗi thời khắc phải gắng chăm niệm Phật. Như thế, gặp giây phút cuối cùng mới không bối rối, hốt hoảng tay chân như Tô Đông Pha. Vô thường và bệnh chết nó đến với mọi người bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu cho nên người học Phật đã biết nó như thế thì không sợ vô thường và coi thường bệnh chết. Vì thế cổ nhân cũng có câu :

https://thuviensach.vn

”Mạc đãi lão lai phương niệm Phật,
Cô phần đa thị thiếu nguyên nhân”
Nghĩa là cái bệnh chết nó đến bất cứ lúc nào và bất cứ ai cho nên không phải già mới chết mà tuổi trẻ đầu xanh vẫn chết như thường vì thế chúng sinh cần tu tâm, niệm Phật ngay bây giờ chớ đừng đợi đến lúc già, lúc gần chết mới tu. Tóm lại, dưới cái nhìn của phàm phu thì sanh tử là ưu bi khổ não, là buồn khổ đau thương vì phải xa lìa tất cả những gì mà con người yêu thương lưu luyến. Cũng vì có bản ngã và ngã sở nên chúng sinh thấy mình, người và vũ trụ là thật, là chắc chắn, là của mình nên khi phải lìa xa nó thì dĩ nhiên sẽ đau khổ vô cùng. Khi đã biết rõ những khổ đau, bất toàn như thế thì con người cố niệm Phật để lìa xa thế gian tội lỗi nầy mà có được sự an vui tịch diệt của Niết bàn.

Nhưng dưới cái nhìn tuệ giác của Bồ Tát hay Phật nhãn của chư Phật thì “vạn pháp giai không” nghĩa là một khi con người lìa Tướng trạng mà thấy được thật Tánh của mình thì sinh tử là Không và ngay cả Niết bàn cũng là Không bởi vì cuộc đời là giả huyễn, là không thật nên sinh là không, tử là không và Niết bàn cũng là không. Không cột thì cần gì phải tháo gút, không ràng buộc thì cũng không cần giải thoát và không sanh thì không có diệt. Thêm nữa, vì quán biết sinh tử là không nên sinh không tham cầu và dĩ nhiên không sợ cái chết. Khi không còn chấp ngã thì không quan trọng cho cái thân giả huyển nầy, sống thì an vui tự tại, không chạy theo tham đắm dục tình và lúc ra đi cũng an nhiên tự tại không lo, không sợ, không

https://thuviensach.vn

buồn, không tiếc. Vì thế nếu chúng sinh quán "vạn pháp giai không" để biết "nhiếp trọn sáu căn" và "tịnh niệm tương tục" thì dễ đạt đến niệm Phật tam muội mà có được nhất tâm. Nhất tâm là có tâm tự tại, tâm thanh tịnh tức là có Niết bàn, tìm cực lạc rồi cần gì phải cầu ở đâu xa.

https://thuviensach.vn

Chương Thứ Mười
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT NHĨ CĂN VIÊN THÔNG
BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THUẬT LẠI CHỖ TU CHỨNG

Khi bấy giờ Bồ Tát Quán Thế Âm đứng dậy cung kính chấp tay thưa :

- Bạch Thế Tôn! Tôi nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm và tôi đã phát Bồ Đề tâm thời ấy. Đức Phật Quán Thế Âm dạy tôi phương pháp "nghe, suy nghĩ và tu" để được thể nhập Tam-ma-đề.

- Bạch Thế Tôn! Trước hết tôi sử dụng tánh nghe: Nghe động và nghe tĩnh, rồi tôi xóa đi ý niệm động tĩnh ấy, từ đó sức tịch tĩnh tăng dần, tôi dứt được "năng văn" và "sở văn". Sức tịnh tĩnh không dừng ở đó bấy giờ tánh giác tôi lại hiển hiện ra. Tôi tiếp tục tư duy : Dù là giác tánh nhưng tánh "năng giác" "sở giác" hãy còn. Tôi bèn xóa đi ý niệm về giác bấy giờ tâm tánh tôi rỗng rang lặng lẽ như hư không. Tôi lại diệt đi cái giác tri "như hư không" ấy. Cuối cùng tôi diệt cả khái niệm "diệt". Khi tôi diệt hết khái niệm vi tế về "diệt sanh, sanh diệt" bỗng dưng tôi nhận thấy toàn thể pháp giới trong mười phương chỉ còn là cảnh giới "bất nhị" tịch diệt hiện tiền. Tâm tánh của tôi viên mãn khắp giáp mười phương vượt hẳn tầm nhận thức thường tình của thế gian. Tôi được hai món thù thắng : Một là tâm tôi hợp với bản giác nhiệm mầu của mười phương Như Lai, đồng một từ tâm hướng hạ cứu độ chúng sinh. Hai là hợp với tâm của lục đạo chúng sinh trong mười phương, đồng một bi tâm hướng thượng cầu Vô thượng Bồ Đề.

https://thuviensach.vn

Ở phần kinh trên, Đức Phật đã gạn hỏi đại chúng nguyên nhân đạt được đạo, chứng nhập viên thông. Có hai mươi lăm vị Thánh đệ tử Thanh Văn lẫn Bồ Tát lần lượt trình bày về thành quả viên thông ấy, cái nguyên nhân chứng đắc của mình để cho ông A Nan chọn cái nào là viên thông nhất làm nhân địa tu hành. Sáu căn, sáu trần, sáu thức và bảy đại đều là những dữ kiện để đạt đến chứng đắc viên thông và viên thành Thánh quả. Nếu theo thứ tự thì Nhĩ căn viên thông phải được trình bày sau phần nhãn căn viên thông ở đoạn kinh trước. Nhưng vì tầm quan trọng và siêu tuyệt của nó nên Bồ Tát Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông được trình bày sau chót vì chỗ chứng đắc của Đức Quán Thế Âm mới là tròn đủ, nhiệm mầu.

Đối với sáu căn thì căn tai là bậc nhất cho nên hành giả chỉ cần đi sâu vào một căn thì sáu căn liền thanh tịnh. Quán Thế Âm là dùng "Văn Tư Tu", văn là nghe, tư là suy nghĩ, nghe rồi suy nghĩ để tu nghĩa là nghe ở tai, suy nghĩ ở tâm và tu trong sự làm thì trí tuệ vô lậu phát sinh mà vào được chánh định. Nghe ở đây là nghe chánh pháp, nghe Phật pháp và suy nghĩ là suy nghĩ đúng với chân lý thì sự thực hành mới có lợi lạc, mới phát sinh trí tuệ sáng suốt. Nhĩ căn viên thông là phương pháp "phản văn văn tự tánh" giúp hành giả dứt vọng trở về chơn nghĩa là không xuôi dòng chạy theo âm thanh mà trở ngược lại tánh nghe tức là từ cái nghe để trở về với tự tánh của mình. Nhập lưu ở đây chính là đi ngược dòng nghiệp thức để quay lại quán tánh nghe. Người thực hành pháp môn này tuyệt đối không dùng tai để nghe vì nếu còn dùng tai để nghe là còn chạy

https://thuviensach.vn

theo âm thanh sắc tướng tức là chạy theo vọng tưởng trần duyên. Đối với âm thanh chẳng nói là nghe mà nói là Quán tức là dùng Trí chiếu soi chớ không dùng Thức Tai mà nghe.

Vậy Ngài Quán Thế Âm áp dụng nhĩ căn viên thông như thế nào?

Đức Quán Thế Âm quán cái "tánh nghe" không tăng không giảm, không biến chuyển thay đổi, không sinh diệt và bao trùm khắp mười phương. Ngài quán các tướng động, tĩnh hiện ra trong tánh nghe là huyễn hóa, là không thật vì chúng không có tự tánh, không có chủ thể cho nên Ngài không còn phân biệt thật có năng, có sở mà vào được tánh viên thông. Tánh nghe thì lúc nào cũng có, khi có âm thanh là nghe tiếng còn không có tiếng, vắng lặng là nghe tĩnh đến khi không còn nghe động hay tĩnh tức là dứt được năng văn, sở văn. Khi tai nghe âm thanh động, tĩnh từ bên ngoài (sở văn) thì tâm liền buông bỏ, quên đi sở văn nghĩa là nghe thì cái gì cũng nghe mà thật ra chẳng nghe cái gì hết tức là năng văn, sở văn trở nên vắng lặng, không nghe bên ngoài mà chẳng còn nghe bên trong.

Mặc dù động, tĩnh vẫn còn nhưng không quan tâm cái gì hết. Muốn thực hành pháp môn Nhĩ căn viên thông được rốt ráo thì trước hết hành giả phải cố gắng thực tập cái nghe. Nghe thì nghe tất cả mà như không nghe gì hết, hay không nghe gì hết mà vẫn nghe tất cả. Đây là cách nhiếp căn tai lại không cho chạy theo thanh trần tức là âm thanh động, tĩnh, thị phi, phải quấy, tốt xấu. hơn thua… bên ngoài. Nên nhớ căn mắt và căn tai là hai cơ quan nhạy bén

https://thuviensach.vn

nhất của con người nên dễ tiếp xúc, cảm nhận và phân biệt trần cấu mà phát sinh ra vọng tưởng. Do đó mắt thì cái gì cũng thấy mà như không thấy gì hết, chẳng cần quan tâm lưu ý cái gì hết thì tâm không động. Và cứ như thế mà thực hành lối tu này thì đến lúc năng văn, sở văn hoàn toàn không còn nữa tức là có được Nhân Không.

Bây giờ không trụ vào chỗ nghe hay không nghe nghĩa là cái nghe thì đã không nghe rồi, nhưng cái không nghe thì cũng không vương mắt, chấp vào chỗ cái không nghe mà trong ta chỉ còn có một cái tánh giác mà thôi. Nói cách khác trong tâm bấy giờ tất cả những ý niệm cho dù là thiện, ác cũng không còn thì tánh giác xuất hiện. Nhưng nếu hành giả cố giữ ý niệm về giác thì cũng không được mà phải xóa bỏ luôn ý niệm năng giác về mình và sở giác là đối tượng giác mà mình cố giữ gìn, bám vúi vào đó. Sau khi đã xóa bỏ hoàn toàn năng giác, sở giác thì tâm rỗng rang lặng lẽ và thấy vạn pháp như rỗng Không. Rỗng Không là thấy vạn pháp là đối tượng "sở không" còn trí của mình là "năng không" nên mới có sự phân biệt năng không, sở không.

Sau cùng hành giả phải diệt hết cái biết trống không tức là đừng bám vúi vào cái giác tri rỗng không ấy tức năng không, sở không cũng bỏ hết, chẳng còn gì để phân biệt. Năng Không và Sở Không đều diệt mất tức là đã giải thoát khỏi pháp. Sau cùng ý tưởng về sanh diệt cũng diệt luôn nghĩa là dù biết thế giới là sinh sinh diệt diệt, nhưng hành giả phải diệt đi cái quan niệm sinh diệt của vạn pháp chớ đừng thấy vạn pháp sinh mà vui mừng, tham đắm, say mê

https://thuviensach.vn

và vạn pháp diệt thì phiền não, khổ đau. Thí dụ còn thấy mình tu để diệt vô minh phiền não là ý niệm sinh diệt, cần phải diệt vì thế gian chẳng có cái gì là vô minh phiền não cả.

Nếu tâm không còn dính mắc thì tìm đâu ra phiền não vô minh vì phiền não vô minh đâu có thật! Vì thế nếu hành giả diệt được ý niệm sanh diệt nghĩa là thấu hiểu vạn pháp là vô thường sinh sinh diệt diệt cho dù con người có quan tâm thì nó cũng sinh diệt hay chẳng cần để ý đến thì nó cũng sinh diệt như thường nên họ nhìn vạn pháp một cách trực giác, hồn nhiên thì chính họ sẽ có cái vui tịch diệt. Trong ngũ uẩn thì hành uẩn là cội nguồn phát sinh ra ý niệm, dòng tư tưởng sinh diệt xuất phát từ hành uẩn tuôn chảy không ngừng vì thế nếu không diệt được hành uẩn thì khó kiềm chế ý niệm. Một khi phá được hành uẩn thì dĩ nhiên thức uẩn không còn vì chẳng còn ý niệm gì để phân biệt. Sanh diệt đã diệt thì Tịch Diệt hiện tiền nghĩa là tự tánh Bồ Đề hiển hiện tức là vào Tam-ma-đề, chứng vô sanh pháp nhẫn. Đó là Thường Chân Thật vậy.

Pháp tu Quán Thế Âm Nhĩ Căn Viên Thông này vô cùng thâm sâu huyền diệu đưa hành giả đạt đến trí tuệ tận cùng và sau cùng chứng được Lăng Nghiêm tam muội để có giải thoát giác ngộ viên mãn.

Ngày xưa Trí Giả Đại sư của phái Thiên Thai đã nghiêm trì kinh Pháp Hoa đến chỗ tận đỉnh tột cùng, chứng được Pháp Hoa tam muội và nhất triền Đà la ni. Sau khi xuất định, Ngài lập ra môn Tam Chỉ Tam Quán. Về sau có vị Pháp sư người Ấn Độ nghe danh nên đến núi Thiên Thai thăm

https://thuviensach.vn

viếng. Sau khi nghe Trí Giả Đại sư trình bày về môn Tam Chỉ Tam Quán, vị Pháp sư rất ngạc nhiên mà thốt lên rằng pháp môn này cũng giống như kinh Thủ Lăng Nghiêm ở Ấn Độ. Trí Giả Đại sư tuy đã nghiêm trì Phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm trong kinh Pháp Hoa đến chỗ cao tột nên Ngài muốn nhờ kinh Thủ Lăng Nghiêm để ấn chứng. Tại sao phải là kinh Lăng Nghiêm? Bởi vì trên thế gian, duy nhất kinh Lăng Nghiêm mới có pháp tu "phản văn văn tự tánh' của Ngài Quán Thế Âm mà chứng đắc Thủ Lăng Nghiêm tam muội.

Pháp môn Tam Chỉ Tam Quán dùng "ý thức" để tu tâm, còn kinh Lăng Nghiêm lại dùng "tánh của căn" để tu. Hành giả muốn tu theo pháp môn 'phản văn văn tự tánh" để có được Thủ Lăng Nghiêm Đại Định thì tuyệt đối không dùng đến tâm thức bởi vì tâm thức phân biệt là cội nguồn của vọng thức chớ không phải chơn tâm. Nhưng nếu cho rằng tâm thức là dẫn dắt đến chỗ vô minh tăm tối nên chúng sinh cố gắng xả bỏ tâm thức tán loạn vọng động để tạo cái tâm an định, tịch tĩnh thì lại bị kẹt vào chỗ chấp. Mà còn chấp là còn dính mắc, không thể có tự tại. Nếu quan niệm rằng cố gắng thiền quán để đưa tâm đến trạng thái tĩnh lặng tức là ý niệm không còn thì sẽ đắc định. Đây chỉ là bước đầu trên con đường giải thoát giác ngộ chớ thật ra cái định đó vẫn chưa thoát ra khỏi khuôn khổ của tâm thức. Do đó, dựa theo kinh Lăng Nghiêm, hành giả phải xả bỏ tâm thức dưới mọi hình thức thì mới hy vọng đạt được tánh định sẵn có của tự tâm. Lúc bấy giờ chúng sinh mới có thể nhận rõ được những thể tánh như nghe, thấy, nếm, ngửi, xúc, biết

https://thuviensach.vn

thường có trong các giác quan của mình. Tánh định này mới thật sự là chơn định.

Thông thường, chỉ quán là do công phu luyện tập lâu ngày thuần thục mới có thể kết hợp được tâm và cảnh nhất như mà không lấy ngay tự tánh sẵn có làm định. Ngược lại, kinh Lăng Nghiêm dùng định viên mãn của tự tâm sẵn có làm "Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố" nghĩa là sự bền chắc nhất trong tất cả mọi thứ tức là cứu cánh bậc nhất. Vì thế lối tu "Tự tánh bổn định" này khác hẳn với lối tu tam chỉ tam quán của Ngài Trí Giả Đại sư. Một khi đã nắm được thể tánh chiếu diệu đó, hành giả liền khởi công tu luyện "vi mật quán chiếu" mà không cần lấy tư duy tu tập làm quán. Tại sao? Bởi vì cái định này vốn tự tánh sẵn có, thường hằng, không ngoài tự tánh bất động cùng làm một thể chơn định. Vì sự huyền diệu đó mà Trí Giả Đại Sư rất xúc động khi nghe có kinh Thủ Lăng Nghiêm đang lưu hành mà chính Ngài chưa từng hay biết nên Ngài khát vọng muốn có cơ hội để xem cho được bộ kinh nầy nên hằng ngày hai lần sớm chiều hướng về phương Tây (Ấn Độ) quỳ lạy cầu khẩn liên tiếp trong mười tám năm cho kinh Lăng Nghiêm được sớm truyền bá sang Trung Quốc. Nhưng duyên chưa đến nên Trí Giả Đại Sư viên tịch lúc Ngài 67 tuổi mà vẫn chưa hề thấy, đọc được kinh.

Con người thường có bệnh chấp nên nói rằng tu hành để diệt vô minh, phá trừ pháp chấp. Nhưng thực ra mê giác là một, không ngoài tham-sân-si thì không có giới-định-tuệ, không có Phật tánh nào khác.

https://thuviensach.vn

Có một ông Tướng chán ngán nhân tình thế thái nên đến xin xuất gia với Ngài Đại Huệ :

- Bạch Thầy! Hiện tại con đã trừ sạch niệm hồng trần, xin Thầy từ bi thu nhận con làm đệ tử xuất gia.

Sư bảo :

- Ông có gia đình, còn tập khí ngoài đời nặng nề nên chưa thể xuất gia, hãy thong thả từ từ.

Ông thưa :

- Bạch Thầy! Gia đình, vợ con, thê thiếp, công danh, phú quý con đều bỏ được hết, cúi mong Thầy cho con xuất gia ngay.

Sư vẫn bảo :

- Hãy thong thả từ từ.

Ông đành chờ. Ngày nọ, ông dậy rất sớm vào chánh điện đảnh lễ Phật. Ngài Đại Huệ thấy vậy, liền bảo :

- Tướng quân vì sao mà dậy sớm đến lễ Phật như thế?

Ông trả lời bằng bài kệ :

“Vì trừ lửa trong tâm
Dậy sớm lễ sư trưởng”

Sư cũng đối lại :

“Dậy sớm như thế ấy
Chẳng sợ vợ ngủ người”

Ông vừa nghe liền nổi giận bảo :

- Lão quái này, sao hôm nay nói năng xúc phạm đến người quá vậy?

Lúc đó, Thiền sư Đại Huệ cười mà bảo rằng :

https://thuviensach.vn

“Nhè nhẹ phẩy chiếc quạt
Tánh lửa đã cháy phừng
Nóng nảy hừng như thế
Sao bảo buông xuống xong?
Đang nổi giận, ông nghe nói vậy chợt bừng tỉnh lại. Do đó khi nổi giận là sân, nhưng khi tỉnh lại là giác. Con người vì mê nên mới khởi tham-sân-si, nếu bây giờ giác được tham-sân-si thì sẽ trở về với tánh giác nhiệm mầu trong sáng sẵn có của chính mình.
Khi nói mê là mê đối với ngộ, cũng như ngộ là ngộ nơi mê. Nói cách khác do bỏ quên cái ngộ thì mê, nhưng bây giờ rõ mê thì được ngộ. Nhưng mê ngộ không có thật thể cho nên người có chánh kiến biết rõ tâm là rỗng không tức là vượt khỏi mê ngộ. Bình thường, chúng sinh còn thấy có niệm mê, niệm ngộ nghĩa là mình chưa khỏi mê. Cho dù chính mình thấy ngộ được cái mê, nhưng vẫn còn thấy có cái mê để ngộ thì cũng chưa hết mê tức là bởi chưa hết mê nên mới còn thấy cái mê để cho mình ngộ vì thế khi nào còn ý niệm mê ngộ là chưa sạch cái mê. Cũng như hễ có sáng thì không có tối, còn có tối thì không có sáng chớ không phải dùng cái sáng mà soi cái tối được. Thí dụ nếu nói tu hành để có Bồ-đề, Niết bàn nghĩa là còn thấy cái mê để ngộ thì vẫn còn mê vì thật ra Bồ-đề, Niết bàn là tự tánh sẵn có, đâu cần phải tu mới có vì thế người biết đạo thì chỉ cần sống thật với tự tánh thì không tìm ngộ mà cũng chẳng cần bỏ mê thì niệm mê ngộ tan biến, thanh tâm mới hiện bày.
Tổ Đạt Ma dạy rằng : ”Khi mê thì có Phật có Pháp, khi ngộ thì không có Phật Pháp”. Như thế khi ngộ thì Phật Pháp bỏ

https://thuviensach.vn

ở đâu mà không có? Chúng sinh vì còn mê mới thấy có Phật, có Pháp ở ngoài tâm nên mới dong ruỗi mong cầu đến khi thức tỉnh giác ngộ thì mới biết rằng tâm mình là Phật, tâm mình là Pháp nên nói không có Phật Pháp là vậy.

Có một vị dũng tướng đến hỏi Thiền sư :

- Thiên đường, địa ngục là có hay không?

Sư hỏi :

- Ông làm nghề gì?

- Tôi là đại tướng, oai danh lẫm liệt.

Sư nói :

- Tướng ông èo uột như thế mà gọi là đại tướng được hay sao?

Vị tướng nghe nói, mặt bừng bừng sát khí, tay định rút kiếm ra thì Sư mới bảo rằng :

- Đó chính là cửa địa ngục.

Vị tướng xấu hổ, chợt tỉnh ngộ, cúi đầu sám hối.

Thiền sư mĩm cười bảo :

- Đó, chính đó là cửa thiên đường.

Vậy thiên đường, địa ngục là ngay trong tâm chớ không đâu khác.

Nên nhớ ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Nhưng khi gọi "Tâm hay Phật" cũng là danh từ đối đãi cho nên nếu chúng sinh còn kẹt trên danh tự thì còn thấy có hai. Do đó, Phật tâm, Phật tánh là cái biết chớ không phải cái có thể nói được. Ngày xưa, cư sĩ Bàng Uẩn làm bài kệ để nói về Phật Bất Động tức Phật A Súc ở phương Đông :

https://thuviensach.vn

“Thường nghe Phật A Súc
Nghĩ hướng phương Đông cầu
Hôm nay xét nét kỹ
Bất động tự nhiên đến.”

Thông thường chúng sinh nghe Phật A Súc ở phương Đông nên hướng về phương Đông mà cầu để được vãng sinh về cõi đó. Nhưng ông Bàng Uẩn nói rằng một khi tâm mình bất động tức là có thanh tịnh thì Phật Bất Động hiển hiện trong tâm của mình tức là thấy được Phật A Súc mà khỏi cần cầu phương Đông chi cả.

Đến đây thì tất cả các vọng niệm phân biệt chấp trước đều hết, chơn tâm thanh tịnh tự hiện bày. Đó chính là trừ hết vọng thì chân tánh hiển lộ cũng như mây tan thì có ánh sáng mặt trời thế thôi.

Lúc ấy thế gian và xuất thế gian đối với Ngài đều sáng tỏ nên Ngài được hai thứ thù thắng tràn đầy sáng suốt :

1) Trên thì khế hợp với giác tâm vốn huyền diệu của mười phương chư Phật đồng một từ tâm quay xuống cứu độ chúng sinh. Tuy Phật độ vô số chúng sinh, nhưng không thấy mình độ và chúng sinh được mình độ tức là không có năng độ, sở độ nên tâm không có sự đối đãi phân biệt nghĩa là không có ta là năng từ bi và không có chúng sinh nhận là sở từ bi nên các Ngài rất tự tại.

2) Dưới khế hợp với tất cả mười phương chúng sinh lục đạo và đồng một bi ngưỡng với tất cả chúng sinh. Đồng một thể bi là tất cả chúng sinh với Bồ Tát cùng một thân thể nên khổ của chúng sinh là khổ của Bồ Tát và cho dù Bồ

https://thuviensach.vn

Tát có vào đời cứu độ chúng sinh mà không cho ta là năng độ và sở độ là chúng sinh. Nói cách khác, các Ngài đã phá hết các chấp nên không còn năng sở, không còn năng độ và sở độ. Tâm của Bồ Tát hợp với tâm của lục đạo chúng sinh bởi vì trong tất cả mọi chúng sinh, ai ai cũng đều có sẵn Phật tâm, Phật tánh, Bồ Tát tâm, Bồ Tát tánh rồi cho nên ai ai cũng được Bồ Tát thuyết pháp độ tương ứng với khả năng và thỉnh nguyện của mình. Nói cách khác, khả năng thấu hiểu của mình thế nào thì Bồ Tát tùy theo đó mà thuyết pháp độ sanh không một ai bị bỏ rơi cả.

DO TỪ TÂM BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM HIỆN RA 32 ỨNG THÂN

- Bạch Thế Tôn! Do tôi cúng dường Quán Thế Âm Như Lai, được truyền thọ cho tôi "Như huyễn Văn huân Văn tu Kim Cang tam muội" nên thân tôi thành tựu 32 ứng thân vào các cõi nước.

Như huyển là không thật, Văn huân là huân tập cái nghe, Văn tu là tu tập dựa theo tánh nghe, Kim Cang tam muội là môn chánh định rắn chắc như kim cương. Vậy Như huyễn Văn huân Văn tu Kim Cang tam muội là pháp môn tu hành của Ngài Quán Thế Âm mà theo đó Ngài huân tập cái nghe là huyển hóa và huân tu dựa theo tánh nghe cũng như huyển, không có gì là thật cả. Nói cách khác nói tu hành là đứng trên văn tự lời nói chớ thật ra chẳng có cái gì là tu hành hết, đừng xem việc tu hành là quan trọng thì đạt được chánh định rất vững chắc, cứng như kim cương vậy. Tại sao? Người tu hành mà còn thấy mình tu hành để cầu mong

https://thuviensach.vn

chứng đắc thì tâm vẫn còn tham, còn dính mắc vì thật ra chẳng có cái gì gọi là chứng đắc cả vì tu hành cốt là để hồi đầu thị ngạn, trở về với bản lai diện mục đã có của mình vì thế mà Tâm Kinh dạy là "vô trí diệt vô đắc" là vậy.

Phải hiểu rằng phiền não vô minh là huyển, là không thật có. Nó chỉ có đối với những ai còn tham đắm dục tình cho nên nếu chúng sinh biết hóa giải hết tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến thì tìm đâu ra phiền não vô minh! Nhưng người tu hành lại chấp mà cho là thật nên cố tu hành để diệt phiền não, dứt vô minh. Thật là oái ăm lầm lẫn, chúng sinh không lo tu sửa cái nhân mà lại lo diệt trừ cái quả. Vì thế càng tu thì tâm trí càng mờ mịt không biết lối ra. Do vậy Đức Quán Thế Âm muốn nhắn nhủ với chúng sinh là tiếng nghe như huyễn, tu cũng như huyển nghĩa là nghe thì cái gì cũng nghe mà như không nghe cái gì hết tức là đừng chấp âm thanh là thật mà đem vọng tưởng vào tâm và cũng chẳng tu hành gì hết vì nếu nhiếp được nhĩ căn thì tự nó đã hóa giải hết phiền não vô minh rồi chớ không phải mỗi ngày phải tụng bao nhiêu thời, sáng Kim Cang chiều Phổ Môn nửa đêm sám hối mới gọi là tu.

Do đó Như huyển Văn huân Văn tu là lấy huyển trí mà diệt huyển vô minh. Đây chính là áp dụng triệt để câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Thế gian là huyển, mình là huyển, vạn vật cũng là huyển thì lấy gì để chấp thủ, bám vúi nên tâm dễ dàng buông bỏ. Không dính mắc thì phiền não vô minh không cần diệt mà tự nó tiêu tan biến mất rồi. Đó chính là giác sinh thì mê tự diệt vậy.

https://thuviensach.vn

Vì thế nhờ thực hành "Như huyển Văn huân Văn tu" mà Ngài Quán Thế Âm đạt được Kim Cang tam muội tức là vào được vòng viên thông, có chánh định rất vững chắc như kim cương. Khi ấy trên thì đồng một từ lực với chư Phật nghĩa là cái tâm thương yêu tất cả mọi chúng sinh bình đẳng, không phân biệt. Nói cách khác chư Bồ Tát hay chư Phật không chỉ thương người thiện, lánh xa người ác, thương người nghèo khó, bỏ rơi kẻ giàu sang, nhưng dưới tuệ giác của các Ngài tất cả chúng sinh đều bình đẳng như nhau, không sai khác. Dưới khế hợp với tất cả mười phương chúng sinh lục đạo và đồng một bi ngưỡng với tất cả chúng sinh.

Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát tu chứng Vô Duyên Từ Thượng Đẳng Phật cho nên có thể thành tựu 32 ứng thân để hiển bày diệu dụng cùng khắp mười phương mà thuyết pháp độ chúng sinh tùy theo sở thích mà đáp ứng theo yêu cầu của họ.

Thân ngũ uẩn của chúng sinh là nhục thân do cha mẹ kết hợp mà thành. Đối với các vị Bồ Tát khi đã vào được trong Kim Cang tam muội thì các Ngài được Ý sanh Thân nghĩa là trong khi các Ngài thiền quán thấy có cõi nước nào cần độ thì các Ngài vào trong tam muội dùng ý nguyện mà sinh ra thân. Và thân mà các Ngài vào trong thế giới đó để độ chúng sinh thì gọi là Ứng thân. Thí dụ Đức Phật Thích Ca là ứng thân của Phật trong thế giới Ta bà này.

Có ba loại Ý Sanh Thân :

1) Tam Muội Nhạo Ý Sanh Thân : Khi đạt đến đây tức là tương đương với Bát Địa.

https://thuviensach.vn

2) Giác Pháp Tự Tánh Tánh Ý Sanh Thân : Từ Cửu Địa đến Đẳng Giác .
3) Chủng Loại Câu Sanh Vô Hạnh Tác Ý Sanh Thân; Đây là từ Đẳng giác nhập vào địa vị Diệu giác.
Quán Thế Âm Bồ Tát huân văn huân tu Kim Cang Tam Muội Như Huyễn nên chỉ trong một niệm có thể chứng ngộ Diệu giác. Mà 32 ứng thân tương đương với Câu Sanh Vô Hạnh Tác Ý Sanh Thân. Đây cũng còn được gọi là phổ môn thị hiện. Khi Bồ Tát phá được sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn thì có được cái dụng ứng thân để độ sanh không thể nghĩ bàn.
- Bạch Thế Tôn!
1. Nếu các Bồ Tát vào Tam-ma-đề tiến tu pháp vô lậu, thắng giải viên mãn, tôi hiện thân Phật vì họ mà thuyết pháp khiến cho được giải thoát.
Ngay cả Bồ Tát hàng Thập Địa sắp thành ngôi Chánh Giác cũng phải nhờ Phật khác thuyết pháp huân tập thêm tánh nghe để đoạn hết sanh tướng, vô minh sau cùng. Do vậy Quán Thế Âm liền hiện thân Phật để nói pháp mà đạt được thắng giải viên mãn tức là trí vô phân biệt căn bản nhất cho người sắp thành Phật. Đây cũng là trí tuệ mà hàng Đẳng giác chứng được từ quán hạnh. Nói cách khác nếu Bồ Tát tâm của chúng sinh mà tu lên cao thì Quán Thế Âm Bồ Tát dùng cái tâm Phật cao hơn một bực để nhắc nhở chúng sinh viên thành Phật đạo.
2. Nếu các hàng hữu học tu pháp tịch tĩnh diệu minh viên mãn, tôi hiện thân Độc giác vì họ mà thuyết pháp.

https://thuviensach.vn

Bích Chi Phật có hai loại : Một là sanh vào thời không có Phật, xét thấu sự vật biến chuyển mà ngộ đạo. Đây là tự giác Vô Sanh hay gọi là Độc giác. Hai là sanh vào thời có Phật, vâng theo giáo pháp của Phật, xét thấu Nhân Duyên mà ngộ đạo thì gọi là Duyên giác. Họ dựa vào pháp tu Tịch Tịnh Lặng Yên mà đắc nghĩa là họ đoạn dứt mười hai Nhân Duyên, tứ cái Vô Minh diệt cho đến Khổ Não diệt. Duyên hết thì Chân Tánh hiện bày. Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Độc giác mà thuyết pháp cho họ nghe khiến cho chứng nhập nên gọi là giải thoát.

3. Nếu các hàng hữu học đoạn 12 nhân duyên, phát ra thẳng tánh viên mãn, tôi hiện thân Duyên giác vì họ mà thuyết pháp.

Các vị Độc giác khi nhìn thấy chiếc lá vàng rơi, thấy sự thay đổi vô thường của vạn pháp mà sinh tâm khởi tu. Độc giác là tự ngộ hiện hữu trước mắt còn Duyên giác là nương vào giáo quán 12 nhân duyên làm hai quán môn lưu chuyển và hoàn diệt.

Vậy thế nào là 12 nhân duyên?

Thuyết 12 nhân duyên cũng còn được hiểu là thuyết sinh tử luân hồi tức là thuyết tái sinh của chúng sinh.

Con người từ trong vô thỉ chạy theo Vô Minh si mê tăm tối mà tạo ra những việc thiện, ác tức là Hành (nghiệp) tích tụ trong Tàng thức. Do đó đời quá khứ thì có Vô Minh sinh ra Hành để chuyển qua đời hiện tại. Vậy nó chuyển như thế nào? Nếu chúng sinh còn tạo nghiệp cho dù là thiện hay ác thì bắt buộc phải thọ báo vào đời hiện tại để thọ nhận quả báo lành hay dữ. Khi con người chết đi của đời quá khứ thì

https://thuviensach.vn

thân vật lý tan vở không còn, nhưng Thức (A lại da thức) tiếp tục tồn tại dưới dạng thần thức trong Thân Trung Ấm (thân tư tưởng chớ không có xác thịt). Do tập khí ái nhiễm nên thần thức nhất định phải tìm một cảnh để yêu cho dù xa xôi ngàn dặm, nhưng do chiêu cảm nên thấy rất gần cho nên thấy sáng thì sắc phát hiện.

Khi chiêu cảm cảnh ái ân, thần thức liền chạy đến chỗ đó và "tưởng" bắt đầu hình thành. Ngay trong lúc nam nữ đang giao cấu thì "tưởng" trong thân trung ấm phát hiện. Nếu thân trung ấm là nam thì ghét cha thương mẹ, nếu thân trung ấm là nữ thì ghét mẹ thương cha. Đó là "dị kiến thành ghét, đồng tưởng thành yêu" và thân trung ấm hấp thụ dòng ái đó mà lưu vào thai mẹ rồi thành chủng tử thọ hình. Khi đã thành chủng tử thọ hình nghĩa là có Danh Sắc tức là mới tượng hình nhưng chưa đủ sáu căn. Do nghiệp ái làm nhân, cảnh ái làm duyên mà ở trong thai cho đến 35 ngày thì lục căn mới đầy đủ và có hình dáng của con người. Thời điểm này gọi là Lục Nhập nghĩa là một cái bào thai tượng hình đã có đủ sáu căn. Khi đứa bé ra đời thì nó biết cảm giác nóng, lạnh, mềm, cứng…thì gọi là Xúc.

Dần theo thời gian đứa bé biết cảm nhận buồn vui, thương ghét, phải quấy, tốt xấu … tức là biết Thọ. Khi đến tuổi trưởng thành, tình yêu nam nữ phát triển, biết thương, biết yêu, biết thích món này, chạy theo vật nọ, mở tung cánh cửa cho tham đắm dục tình tức là Ái. Khi biết thương yêu thì phải đến lúc dựng vợ gả chồng, xây nhà mua xe, tạo dựng tài sản, sinh con đẻ cháu và bảo vệ những cái này thì gọi là Thủ. Một khi có tài sản, có gia đình, có sự nghiệp, có

https://thuviensach.vn

danh vọng thì con người luôn bám víu vào đó, không muốn buông ra bởi vì nó là của "Ta" nên chết sống vì nó thì gọi là Hữu.

Con người cũng vì mù quáng mà tin rằng thân họ là chắc thật, tài sản vật chất họ có cũng là chắc thật, tiền tài danh vọng chung quanh họ cũng là chắc thật nên càng bám chặt, ôm giữ vào lòng. Nhưng xét cho cùng, trên thế gian đâu có cái gì là chắc thật, bền vững muôn đời? Phật dạy vạn pháp giai không nghĩa là thế gian vũ trụ là giả huyễn vì không có cái gì có tự tánh nên nay có mai không, không bền không chắc. Ngày nào mình còn là thanh niên tuấn tú mà bây giờ lưng mỏi gối mềm, da nhăn má hóp, nhớ trước quên sau, ăn không ngon ngủ không yên giấc. Vì vậy trong đời hiện tại chính Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu là những động lực khiến con người tác tạo thêm tội nghiệp để phải chịu tái Sinh cho đời sau để thọ nhận cái vui cái buồn chính mình đã tạo dựng. Cuộc đời là vô thường, sinh trụ dị diệt cho nên có sinh thì phải chịu già (Lão), chịu bệnh và sau cùng là chết (Tử).

Tóm lại 12 nhân duyên là Vô minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão-Tử. Vô minh, Hành cho đời quá khứ. Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu là cho đời hiện tại. Sanh, Lão-Tử cho đời tương lai. Do đó nếu con người có tái sinh, có làm biết bao điều bất thiện cũng phát sinh từ vô minh tăm tối. Vì thế các vị Duyên giác khi khởi tu thì họ đi ngược từ Lão-Tử đến Vô minh và bắt đầu khởi trí dụng công trừ phá

https://thuviensach.vn

vô minh thì 11 thành phần nối tiếp tự nhiên bị tiêu diệt mà trở thành Bích Chi Phật.

Ngài Quán Thế Âm hiện thân Bích Chi Phật để tăng trưởng trí tuệ và khuyến khích họ tiến tu mà hoàn thành Phật đạo.

4. Nếu các hàng hữu học được pháp không của Tứ diệu đế, tu đạo đế, thể nhập diệt đế, thắng tánh viên mãn, tôi hiện thân Thanh Văn vì họ mà thuyết pháp.

Các vị Thanh Văn mà chưa chứng quả A la hán thì gọi là hàng Hữu học. Khi chứng quả A la hán thì gọi là Vô học. Những vị Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm là những người Hữu học nên họ phải quán "pháp không" để lìa xa ái dục. Tại sao? Vì trước khi xuất gia quy y theo Phật thì ai ai cũng đều vướng vào "pháp có". Pháp có là có cái gì? Có nhà cửa, danh vọng, tiền bạc, vợ con, gia đình đã hành hạ họ nên họ mới quyết tâm lánh bỏ. Do đó khi quán vạn pháp giai không làm họ nhẹ nhàng buông bỏ những cái có là nguyên nhân của phiền não khổ đau. Khi phá được kiến hoặc, Tư hoặc thì họ trở thành A la hán, tâm được an tịnh Niết bàn. Do vậy, chí nguyện phá trừ phiền não chướng để có giải thoát cũng như là có Đức Quán Thế Âm hiện thân thuyết pháp giúp họ mau chứng ngộ.

5. Nếu chúng sinh muốn tâm tỏ ngộ, không vướng vào ngũ dục, muốn thân được thanh tịnh, tôi hiện thân Phạm Vương vì họ mà thuyết pháp.

Nếu chúng sinh nhàm chán thế giới này tức là dục giới là khổ, là phiền chướng mà ưa thích cõi trời thanh tịnh thì Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân thuyết pháp xuất nhập định

https://thuviensach.vn

tứ thiền, giúp họ ly dục mà sinh thiên. Đây chính là hiện thân cõi trời sắc giới.

6. Nếu chúng sinh muốn làm thiên chủ thống lãnh chư thiên, tôi hiện thân Đế Thích vì họ mà thuyết pháp.

Trời Đế Thích cũng có nhiều tên như là Thích Đề Hoàn Nhân, Kiều Thi Ca và cung trời Đạo Lợi là ở trên đỉnh núi Tu Di, có bốn phía và mỗi phía có tám cõi trời hợp lại thành 32 cỏi trời. Nếu cộng thêm cõi trời Đạo Lợi thì vua trời Đế Thích cai quản tất cả 33 cõi trời.

Một hôm tôn giả Tu Bồ Đề đang thuyết pháp, vua Đế Thích rải hoa xuống cúng dường. Tôn giả hỏi :

- Hoa này có phải từ trời? từ đất? hay từ người?

Đế Thích đáp :

- Không phải vậy!

Tu Bồ Đề hỏi :

- Vậy từ đâu mà có?

Đế Thích liền đưa tay lên.

Tôn giả nói :

- À thì ra như vậy!

Ngày xưa Đức Thế Tôn dùng ngọc Ma Ni chỉ bày cho vua trời ở năm phương. Mỗi vị nói là xanh, vàng, đỏ, trắng. Thế Tôn đưa tay lên mà chỉ bày, thế mà đều không thấy. Thế Tôn dạy rằng : ”Ta lấy ngọc thật chỉ bày cho các ông mà đều chẳng biết”. Vua trời ở năm phương liền đó mà ngộ nhập. Vì thế mà Đế Thích đưa tay lên chứng tỏ Vua Trời Đế Thích cũng tỏ hiểu thiền vậy. Đức Thế Tôn đưa tay lên là chỉ bày cái tánh giác thường sáng tỏ của mỗi chúng sinh,

https://thuviensach.vn

đó là tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi…không có đối đãi phân biệt xanh, đỏ, trắng, vàng.
Trên cõi trời Đạo Lợi có vua Đế Thích quản trị tất cả 33 cỏi trời do đó nếu chúng sinh muốn làm chủ các cõi trời thì Ngài Quán Thế Âm thị hiện thuyết pháp thượng phẩm thượng thiện giúp họ thành tựu chí nguyện.
7. Nếu chúng sinh muốn thân được tự tại dạo khắp mười phương, tôi hiện thân Tự Tại Thiên vì họ mà thuyết pháp.
Tự Tại Thiên tức là Trời Tha Hóa Tự Tại. Trên cõi trời Tha Hóa có ma Ba Tuần. Loại ma này có nhiều phước đức nên được hưởng nhiều ngũ dục lạc. Họ có thần thông, nhưng tâm không thiện nên thường quấy phá hay gây những chướng ngại cho người tu hành cao.
Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa hành hóa khắp nơi, độ cho không biết bao nhiêu người. Phước đức quá to lớn chấn động cả cung ma khiến ma Ba Tuần lo sợ nên dùng hết ma lực để phá trừ chánh pháp. Tôn giả nhập định, biết được Ma Ba Tuần lén cầm chuỗi ngọc tròng vào cổ Ngài. Tôn giả xuất định bèn lấy ba thây chết của người, chó và rắn hóa phép biến thành tràng hoa. Khi gặp Ba Tuần, Ngài nói :
- Ông cho tôi chuỗi ngọc, thật là đẹp quý. Tôi có tràng hoa để dâng đáp nhau.
Ba Tuần rất mừng đưa cổ ra nhận bỗng nhiên tràng hoa biến thành ba thây chết có giòi, bọ sình thối bò lúc nhúc. Ba Tuần cả sợ, ghê tởm, dùng hết thần lực mà không bứt nổi tràng hoa nên bay thẳng lên cõi trời Lục Dục cầu xin Phạm Vương cấp cứu.

https://thuviensach.vn

Phạm Vương nói :
- Nếu ông hồi tâm với Tôn giả thì có thể giải được.
Ba Tuần hỏi :
- Thế thì làm sao?
Phạm Vương bèn đọc cho bài kệ :
"Đã do đất trợt té
Phải do đất đứng dậy
Lìa đất cầu đứng dậy
Làm gì có lý ấy?"
Ba Tuần nghe dạy rồi, liền xuống khỏi cung trời, đảnh lễ dưới chân Tôn Giả, tha thiết sám hối :
- Tôi thề hồi hướng Phật đạo, vĩnh viễn dứt lìa điều ác.
Tràng hoa tức thì tan biến, Thiên ma Ba Tuần vui vẻ làm lễ tôn giả mà nói bài kệ rằng :
"Kính lạy Đấng Tam Muội
Đệ tử Thánh Mười Lực
Tôi nay nguyện hồi hướng
Chẳng còn sự yếu hèn".
Do đó nếu chúng sinh muốn thân được tự tại dạo khắp mười phương thì Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân làm Trời Tha Hóa để thuyết pháp khiến cho họ được toại nguyện.
8. Nếu chúng sinh muốn thân được tự tại, bay đi trên hư không, tôi hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì họ mà thuyết pháp.
Trời Đại Tự Tại tức là Ma Hê Thủ La Thiên có ba mắt tám tay, cỡi trâu trắng, cầm phất trắng ở đỉnh cõi sắc nên bay đi trên hư không.

https://thuviensach.vn

9. Nếu có chúng sinh thích thống lãnh quỷ thần cứu quốc hộ dân, tôi hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, vì họ mà thuyết pháp.
10. Nếu có chúng sinh thống lãnh quỷ thần, cứu giúp cõi nước, tôi hiện thân Thiên Đại Tướng Quân vì họ mà thuyết pháp.
11. Nếu chúng sinh muốn sinh ở thiên cung, tôi hiện thân Thái tử, con Thiên Tứ Vương vì họ mà thuyết pháp.
Thiên Đại tướng quân là thượng tướng của trời Đế Thích. Trong 32 cõi trời thì mỗi vị Thiên Đại tướng quân thống lãnh quỷ thần bảo hộ tứ phương. Tứ Thiên Vương là cõi trời đầu tiên của Dục giới. Bồ Tát hiện thân giống vậy khiến cho họ được thành tựu rồi sau đó mới giúp họ thoát ly.
12. Nếu các chúng sinh muốn làm vua cõi người, tôi hiện thân Vua vì họ mà thuyết pháp.
Bồ tát hiện thân vua cõi người. Mà vua chính là vãng tức là chỗ quay về, là nơi mọi người đều quay về.
13. Nếu chúng sinh muốn làm chủ gia đình danh tiếng, thế gian kính nhường, tôi hiện thân Trưởng giả vì họ mà thuyết pháp.
Trưởng giả là những người có địa vị cao cả, nhiều tiền lắm của, oai nghiêm đĩnh đạc, trí tuệ cao thâm, tuổi thọ lâu dài, phẩm hạnh thanh cao, lễ nghi chuẩn mực, trên được vua kính dưới được người nể phục.
14. Nếu các chúng sinh thích luận lời hay, giữ mình trong sạch tôi hiện thân Cư sĩ vì họ mà thuyết pháp.

https://thuviensach.vn

Cư sĩ là những người nghe rộng hiểu nhiều chẳng cầu quan tước, ẩn cư giữ chí liêm khiết.

15. Nếu các chúng sinh muốn kinh bang tế thế, tôi hiện thân Tể quan vì họ mà thuyết pháp.

Tể quan là người chấp chánh, trị việc an dân, phán xét xử lý mọi việc công minh liêm chánh.

16. Nếu các chúng sinh thích chú thuật toán số, thu nhiếp nhân tâm, tôi hiện thân Bà la môn vì họ mà thuyết pháp.

Bà la môn là dòng cao quý trong xã hội Ấn Độ. Họ thông suốt tất cả mọi thứ như chú cấm, toán số, nghệ thuật, điều dưỡng.

17. Nếu các thiện nam muốn xuất gia tu học, tôi hiện thân tỳ kheo vì họ mà thuyết pháp.

18. Nếu có người tín nữ muốn xuất gia, tôi hiện thân tỳ kheo ni vì họ mà thuyết pháp.

19. Nếu có người thiện nam muốn giữ giới tu hành, tôi hiện thân ưu bà tắc vì họ mà thuyết pháp.

20. Nếu có người tín nữ, muốn thọ năm giới tập tu, tôi hiện thân ưu bà di vì họ mà thuyết pháp.

21. Nếu có người nữ thích đường chính trị phụ quốc an bang, tôi hiện thân là mệnh phụ phu nhân, thân nữ chúa vì họ mà thuyết pháp.

22. Nếu chúng sinh nam căn chưa ô nhiễm, tôi hiện thân là đồng nam vì họ mà thuyết pháp.

Đồng nam là những người con trai không dính mắc chuyện nam nữ, quyết tâm tu hành từ lúc nhỏ.

https://thuviensach.vn

23. Nếu có người nữ thích thân xử nữ, tôi hiện thân là đồng nữ vì họ mà thuyết pháp.
24. Nếu có hàng chư thiên muốn ra khỏi loài trời, tôi hiện thân chư Thiên vì họ mà thuyết pháp.
25. Nếu có rồng muốn ra khỏi loài rồng, tôi hiện thân rồng vì họ mà thuyết pháp.
26. Nếu có dạ xoa muốn ra khỏi loài mình, tôi hiện thân dược xoa vì họ mà thuyết pháp.
27. Nếu có càn thát bà muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân càn thát bà vì họ mà thuyết pháp.
28. Nếu có A tu la muốn ra khỏi loài mình, tôi hiện thân A tu la vì họ mà thuyết pháp.
29. Nếu có khẩn na la muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân khẩn na la vì họ mà thuyết pháp.
30. Nếu có Ma hầu la muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân ma hầu la vì họ mà thuyết pháp.
31. Nếu có chúng sinh thích làm người, tôi hiện thân người vì họ mà thuyết pháp.
32. Nếu có loài phi nhân hoặc có hình hoặc không hình, hoặc có tưởng hoặc không tưởng, muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân như họ vì họ mà thuyết pháp.
Đó là 32 ứng thân nhiệm mầu có thể hiện vào các cõi nước trong mười phương, do kết quả của "Văn huân Văn tu tam muội" mà thành tựu sức nhiệm mầu "vô tác" như vậy.
Phẩm Phổ Môn có câu : "Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được vì do sức oai thần của Bồ Tát này được như vậy".

https://thuviensach.vn

Vậy khi thấy có căn nhà đang cháy lớn, quý vị niệm Quán Thế Âm rồi chạy vào trong đó thì thân có bị cháy không? Nếu thân bị cháy thành tro thì không lẽ lời Phật không đúng? Lại còn một đoạn nữa : ”Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát liền được chỗ cạn”. Vậy những người đi biển, gặp sóng gió phong ba nếu họ niệm danh hiệu Bồ Tát thì tất cả đều được bình yên? Nếu cầu Đức Quán Thế Âm mà cái gì cũng được độ thì thế gian làm gì còn nghèo khổ, bệnh tật, tai nạn, thiên tai, bảo lụt, động đất, chiến tranh, giết chóc…?

Lời Phật dạy không sai, chỉ vì chúng sinh hiểu chưa thấu nên áp dụng sai lầm. Bởi vì nếu hiểu theo “sự tướng” thì làm sao thành tựu được, chẳng những không được mà còn rơi vào mê tín dị đoan trái với luật nhân quả khách quan của nhà Phật. Nhưng thành tựu ở đây là Phật nói về Lý Tánh. Lối tu của Ngài Quán Thế Âm là “phản văn văn tự tánh” nghĩa là xoay lại tánh nghe của mình. Mà tánh nghe là cái thể chân thật của mỗi người, không có hình dáng, tướng mạo. Nếu đã không có hình dáng tướng mạo thì lửa làm sao đốt hay nước nào nhận chìm được. Vì vậy niệm Quán Thế Âm tức là lắng nghe tánh nghe của chính mình mà quay về với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh thì mọi chướng nạn của lửa, nước đều qua khỏi.

Kinh dạy rằng Ngài Bồ Tát Quán Thế Âm hiện 32 ứng thân để vào các cõi mà thuyết pháp cho chúng sinh tùy theo sở cầu của họ. Khi chúng sinh biết xoay tánh nghe vào trong để nghe lắng tiếng nói DIỆU ÂM thanh tịnh của tâm mình thì họ đạt được sự thanh tịnh và chính vào thời điểm ấy

https://thuviensach.vn

Đức Quán Thế Âm thị hiện. Nhưng Đức Quán Thế Âm thị hiện theo thâm ý của kinh không phải bằng 32 hình tướng hữu hình hữu sắc mà Ngài ứng hiện trong bản tâm của 32 hình tướng đó để giúp chúng sinh hoàn thành những ước vọng của mình. Khi nói Đức Quán Thế Âm thị hiện là sự phát khởi từ nơi bản tâm của chúng sinh chớ Ngài thật sự không thị hiện trên cõi đời này.

Vì thế từ những bậc thượng căn phát tâm tu hành cầu thành Phật quả cho đến những kẻ hạ trí, nhơn và phi nhơn đều có khả năng quán niệm về âm văn để tự mình có được an vui tự tại. Do đó nếu muốn đi trên con đường giải thoát giác ngộ, muốn chuyển hóa mình trên đường tu tập thì trong họ đã có tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát tương ứng với tâm niệm của họ rồi. Nói rộng ra tâm niệm chúng sinh là vô lượng vô biên chớ đâu nhất thiết chỉ có 32. Thí dụ ngày xưa chưa biết đạo thì còn đi săn bắn, câu cá làm trò tiêu khiển. Bây giờ hiểu đạo biết đó là nghiệp sát sanh nên phát sinh tâm niệm lành nên không còn tâm săn bắn sát hại. Thế thì ý niệm đó tức là Quán Thế Âm Bồ Tát coi như đã hiện thân trong thân người đó để độ cho người đó rồi. Tại sao?

Bởi vì không sát sinh thì tâm yên tịnh, không lo lắng, khỏi lo vay trả, trả vay nợ thân mạng cho đời sau nên có cuộc sống nhẹ nhàng thoải mái tức là Bồ Tát đã độ rồi. Một thí dụ khác là người Phật tử thường thọ ngũ giới, nhưng phần lớn chỉ thọ trên hình thức chớ ít khi thực hành rốt ráo. Bây giờ thức tỉnh nên xa lìa trộm cắp, tà dâm, dối trá, giết người, say rượu. Khi biết giữ gìn không cho sai phạm nghĩa là chính mình tự lắng nghe lòng mình để quán bằng

https://thuviensach.vn

cái trí mà soi xét những hành động, lời nói của mình cho đúng với đạo lý. Tiếng nói của chí thiện chính là Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiện vào trong ta để nói pháp cho mình rồi đó. Cao hơn nữa thì nếu chúng sinh nguyện tu theo thập thiện thì phải tự kiểm điểm lại mình để soi xét mình có tái phạm điều nào chăng. Đây chính là Quán Thế Âm đã hiện thân vào trong họ để nói pháp độ cho họ rồi. Cứ thế mà áp dụng cho các vị trong hàng Thanh Văn, Duyên Giác và sau cùng chư Bồ Tát cho đến khi tất cả cùng đạt thành ý nguyện.

333. Vậy Quán Thế Âm là nghe tiếng lòng của mình tự nói cho mình để thanh lọc bỏ đi những niệm bất thiện và thực hành nghe theo niệm thiện cho nên tuy nói Ngài hiện 32 ứng thân mà khỏi cần khởi tâm động niệm tức là không tác ý mà chỉ dùng sức vô tác (Vô tác diệu lực) nghĩa là bằng sức mầu nhiệm "không có làm". Không tác ý tức là Bát Nhã nghĩa là trí tuệ. Thông thường trí tuệ của thế gian phải có tác ý của bộ óc, nhưng ở đây trí tuệ của Ngài Quán Thế Âm khỏi cần tác ý bởi vì nó vốn như vậy, như hư không chẳng động. Tuy nói hiện thân, nhưng thật ra chẳng dụng công, hóa phép, hóa hiện ra thân. Tuy nói thuyết pháp kỳ thật chẳng tốn một tí hơi và chẳng có một âm thanh nào vang dội. Do đó, Quán Thế Âm hiện thân bằng chính bản thân của mọi người và Ngài thuyết pháp bằng chính âm thanh thanh tịnh trong tâm trong sáng của mọi người nếu họ biết sử dụng tánh nghe của họ mộ cách rốt ráo.

https://thuviensach.vn

Vì vậy tu pháp quán hiện Quán Thế Âm là một phương pháp thực hành thiền định. Thiền định ở đây là thường tư duy, soi chiếu vào tâm mà lắng nghe tiếng nói thanh tịnh của lòng mình để điều chỉnh hoàn mãn thân khẩu ý của mình. Vì thế không có vấn đề van xin cầu nguyện trong pháp tu này. Không riêng gì pháp tu Quán Thế Âm phản văn văn tự tánh mà ngay cả pháp tu Đại Thế Chí niệm Phật viên thông thì sự thành tựu hay không đều do khả năng tự lực của mình chớ không do bất cứ tha lực nào.

Ngày xưa ở Trung Hoa có vị Thiền sư rất nổi tiếng tên là Tỉnh Công nhằm lúc gặp một vị tôn túc Trưởng lão với mấy lời khuyên là :

- Ngày nào đó khi ông ra hoằng hóa, dưới tòa tuy có đến 1,000 tăng chúng, nhưng không có kẻ nào là bậc (chân chánh) tu hành cả.

Quả nhiên, Ngài Tỉnh Công về trụ trì ở một ngôi chùa rất lớn, tăng chúng quy tụ về tu có đến ngàn người. Nhưng chỉ toàn là hạng tụng kinh để gieo căn lành, phước báu ở tương lai chớ không có vị nào tham thiền ngộ đạo được.

Tại sao trong chùa có trên 1000 ,vị tăng mà vị Trưởng lão kia lại nói “không có kẻ nào là bậc xuất gia”?.

Xuất gia dựa theo tinh thần Phật giáo là phải :

- Xuất ra khỏi nhà tam giới tức là giải thoát ra khỏi dục giới, sắc giới và vô sắc giới nghĩa là không còn tham, không còn sân, không còn si, không còn sống với ảo tưởng hoang đường.
- Ra khỏi nhà vô minh tăm tối tức là có trí tuệ viên mãn.

https://thuviensach.vn

Hoặc ít ra cũng :
- Ra khỏi nhà phiền não thế tục.
Chớ không phải vào chùa cạo đầu, mặc áo cà sa là đủ.
Vì thế đạo Phật chú trọng vào thực hành, thiền quán, tư duy tĩnh lự để khai tâm mở tánh và sau cùng nghiệm chứng được chân lý huyền diệu nhiệm mầu cho nên ngày xưa Đức Phật và tất cả đệ tử của Ngài mỗi người ở mỗi nơi yên tĩnh để tịnh tâm mà không hề tụng kinh gõ mõ. Tại sao lại không tụng kinh? Bởi vì tụng kinh gõ mõ là tâm còn duyên theo âm thanh sắc tướng tức là tâm còn vọng ngoại thì không đạt được trạng thái yên tĩnh, vắng lặng nên khó mà có định được.

DO BI TÂM BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THÀNH TỰU 14 ĐỨC VÔ ÚY

- Bạch Thế Tôn! Do vô tác diệu lực VĂN HUÂN VĂN TU Kim Cang tam muội cho nên tôi và tất cả lục đạo chúng sinh trong mười phương ba đời cùng có một bi tâm hướng thượng cho nên tôi và tất cả chúng sinh thành tựu được 14 thứ công đức vô úy :
Khi hành giả quán đến chỗ Vô tác diệu lực nghĩa là lắng nghe âm thanh, tiếng lòng thanh tịnh của mình đến trình độ không cần loại bỏ những tâm niệm xấu ác nữa mà tự nó đã xóa sạch hết những điều xấu ác, bất thiện. Lúc đầu trong tâm còn có sự phân biệt thiện ác nên hành giả loại bỏ những ý niệm ác và chỉ giữ lại những tâm niệm lành. Mà còn loại cái này lấy cái kia tức là còn dụng công, tác ý. Bây

https://thuviensach.vn

giờ hành giả thường tu tập, thường quán niệm thì trong tâm phần ác niệm biến mất cho nên cũng lắng nghe tiếng lòng mầu nhiệm của mình nhưng nó trở thành rất thanh tịnh.

Hành giả không còn quan tâm loại bỏ những tư tưởng thuộc về "ý ác, nói ác, làm ác" và cũng không còn nắm giữ những "ý thiện, nói thiện, làm thiện" nữa mà tự nó trong sáng thanh tịnh tức là đã thiện rồi. Khi đạt đến trình độ này thì gọi là Vô tác diệu lực. Thí dụ, em bé vừa mới học đi nên sợ té cho nên tay nắm bên này bên kia, rất cực khổ. Đến khi biết đi thì cứ thong dong tiến bước mà không lo nghĩ té ngã chi hết thì đây là vô tác diệu lực. Người tu cũng thế. Khi tâm còn phân biệt thiện ác nên lúc nào cũng canh phòng cẩn mật, cố làm việc thiện, lánh xa việc dữ nên cuộc sống rất khó khăn, không tự tại. Bây giờ nếu tâm đã sáng suốt thanh tịnh thì tất cả đều thiện tức là có tư tưởng lành, lời nói thiện, hành động tốt mà không cần đề phòng cẩn mật chi hết.

Vô tác diệu lực Văn huân Văn tu là nghe âm thanh của nội tâm mình rồi tư duy và quán niệm. Cho nên tam muội của Bồ Tát chính là Nghiệp dụng của chúng sinh và bi ngưỡng của chúng sinh chính là bi ngưỡng của Bồ Tát. Vì thế mà Bồ Tát có thể khiến cho tất cả chúng sinh có được 14 món công đức vô úy để chúng sinh xa lìa những khổ nạn mà không cần tác ý gì cả.

1) Tôi không quán âm thanh đối tượng mà tôi quán cái tâm năng quán của mình, khiến cho chúng sinh khổ não trong mười phương quán âm thanh như vậy thì được giải thoát.

https://thuviensach.vn

Quán âm thanh đối tượng bên ngoài thì âm thanh này không phải là diệu âm. Chỉ có âm thanh phát xuất từ tấm lòng của chính mình thì mới là diệu âm. Diệu âm tức là Quán Thế Âm, là Hải Triều Âm là tiếng Pháp tự nói trong lòng của mình. Chúng sinh tự nghe rồi huân tập mà tu lấy để sửa lại cho tâm được thanh tịnh. Tránh điều ác nghĩ điều lành cho đến khi không còn tránh ác phục thiện thì đạt được vô tác diệu lực tức là tự nó có thanh tịnh nghĩa là có giải thoát. Ngày nay có rất nhiều người nghĩ rằng bây giờ cố gắng tu hành để kiếp sau được vãng sanh sang thế giới này hay thế giới nọ. Thật ra vãng sanh là chuyển sang đời sống không còn bị khổ đau quấy phá tức là có được an lạc. Thí dụ hiện tại mình đang bị tham đắm dục tình hành hạ làm cho ưu bi phiền não luôn dấy khởi.

Bây giờ hiểu đạo, không chạy theo tham sân si thì phiền não tiêu trừ, thân tâm được an ổn nghĩa là mình đã chuyển sang một cuộc sống tốt hơn, nhẹ nhàng thanh tịnh hơn tức là mình đã được vãng sanh rồi. Kiếp này mình có an lạc thì chắc chắn kiếp sau cũng tiếp tục có an lạc. Còn kiếp này sống trong điên đảo, mê lầm chấp trước thì làm sao kiếp sao có được an lạc? Nhân không tốt thì quả làm sao lành được? Do đó con người ngay bây giờ phải tạo điều kiện cho mình được vãng sanh cực lạc ngay trong cái thế giới có ăn, có ngủ, có đứng, có ngồi này chớ đừng mơ tưởng ảo huyền trông chờ mong đợi vào cõi nào mà không chịu lo tu sửa.

2.Tôi xoay tri kiến của mình soi rọi nội tâm, khiến chúng sinh dù vào trong lửa mà lửa không đốt cháy.

https://thuviensach.vn

Xoay tri kiến của mình soi rọi nội tâm có nghĩa là lắng nghe tiếng lòng thanh tịnh mầu nhiệm của mình. Khi đã nghe được tiếng nói thanh tịnh của lòng mình thì những vẩn đục như tham, sân, si biến mất do đó lửa dâm, lửa sân, lửa tham đắm si mê, lửa hận thù không thể nào đốt cháy được. Con người hằng ngày vì chạy theo tham đắm dục tình, làm nô lệ cho tư kỷ cá nhân nên mới bị lửa vô minh đốt cháy. Ngược lại người có tâm thanh tịnh tức là họ đang sống với tánh giác hằng sáng của họ thì lửa vô minh bị dập tắt và lửa tham, lửa sân, lửa si cũng tiêu tan, biến mất. Cho nên họ có vào trong lửa mà không bị đốt cháy nghĩa là tuy sống trong chốn bụi trần mà không hề bị đắm nhiễm.

Vì thế người nào đang giận hờn ai, nghĩa là lửa sân đang ầm ỉ tự đốt cháy lòng mình. Thấy nhà đẹp cao sang, xe bóng lộn mắc tiền liền khởi tâm tham đắm tức là lửa tham đang bừng cháy trong tâm của ta rồi. Thế gian là giả tạm mà thấy cái gì cũng mê cũng thích cũng muốn chiếm hữu tức là lửa si đang bừng cháy trong lòng của ta đó. Kinh điển Đại thừa dạy về Lý Tánh cho nên đừng hiểu cạn cợt về Sự Tướng mà áp dụng sai lầm cho nên nếu thấy nhà đang cháy, tiếc của nên niệm Quán Thế Âm rồi chạy vào trong đó thì chắc chắn quý vị sẽ cháy thành tro. Vì vậy người đệ tử Phật phải sáng suốt biết rằng "lửa" trong kinh là ám chỉ cho "lửa lòng" tức là lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa vô minh, lửa phiền não chớ không phải lửa lò, lửa than, lửa nhà cháy.

3.Tôi quán tánh nghe xoay vào nội tâm, khiến chúng sinh dù có bị nước to cuốn đi mà không hề bị chìm đắm.

https://thuviensach.vn

Nếu biết xoay tánh nghe vào nội tâm để lắng nghe tiếng nói thanh tịnh của tâm mình tức là mình làm chủ được mình thì những chướng ngại như nước ái, nước nhẹ dạ yếu lòng, nước yêu thương mù quáng làm sao cuốn ta theo được. Nói cách khác con người biết tự chủ tức là sống với trí tuệ hằng sáng của mình thì có thể san bằng tất cả mọi chướng ngại. Ngược lại nếu sống theo tình cảm yếu đuối thì bị dòng nước thế gian cuốn đi, chìm đắm trong biển ái sông mê. Do đó Phật pháp giúp chúng sinh hóa giải dần dần những mê chấp, xa lìa tình cảm chủ quan yếu đuối sai lầm mà bồi dưỡng và sống với trí tuệ khách quan. Cuộc đổi đời năm 1975 lúc làn sóng người tỵ nạn Việt Nam trên những chiếc thuyền đánh cá nhỏ nhấp nhô lênh đênh bồng bềnh trên mặt biển và có những câu chuyện nói về Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra để cứu vớt một vài chiếc thuyền khỏi bị đắm chìm.

Đây quả thật là chuyện nhiệm mầu làm tăng trưởng niềm tin nơi Phật pháp. Bởi vì Quán Thế Âm là biểu tượng cho lòng đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn cho tất cả chúng sinh và cái Tâm đại từ đại bi của Bồ Tát thật ra không hề có phân biệt, rất bình đẳng. Vì thế khi có chúng sinh gặp nạn thì Ngài phải cứu cho dù người đó có niệm danh hiệu Ngài hay không. Thế thì tại sao có hàng ngàn chiếc tàu đánh cá gặp nạn trên biển Thái Bình Dương mà Bồ Tát chỉ cứu một vài chiếc và để cho biết bao chiếc tàu khác chìm sâu dưới lòng đại dương? Nếu niệm Đức Quán Thế Âm để được độ thì Ngài phải độ cho tất cả những chiếc thuyền và đưa họ

https://thuviensach.vn

vào bờ bình an, không để cho một chiếc nào bị sóng đánh tan cả.

Nhưng trên thực tế vô số chiếc tàu niệm Quán Thế Âm mà vẫn bị chết chìm. Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc thì có trên 50% người vượt biên bằng đường biển không đến được bờ tự do. Vậy không lẽ Bồ Tát lại thương người này bỏ người kia? Quán Thế Âm là vị Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật mà lại có tâm phân biệt hay sao? Lời Phật dạy là chân lý, không bao giờ sai cả chỉ vì chúng sinh hiểu không thấu đáo chỉ nhìn theo tướng trạng bên ngoài mà áp dụng sai lầm nên dễ rơi vào mê tín dị đoan trái với luật nhân quả khách quan của nhà Phật. Tin tưởng sai lầm còn tệ hại hơn là không tin tưởng gì hết.

Quán Thế Âm là phương pháp quán niệm để tu mà có giải thoát giác ngộ chớ không phải Quán Thế Âm là người đi làm công tác từ thiện nên không có việc thương người này bỏ người kia. Vì thế chúng sinh tuy có niệm Quán Thế Âm mà không chịu soi chiếu để lắng nghe tiếng nói thanh tịnh của tâm mình thì những tâm niệm kia chỉ là biểu tượng của lòng mong cầu tức là tâm vẫn còn tham thì không có kết quả chi hết. Nói cách khác khi nói niệm Đức Quán Thế Âm phải được hiểu là xoay cái nghe từ bên ngoài mà hướng về tánh nghe vốn thanh tịnh trong sáng sẵn có của mình thì tất cả những phiền não, khổ đau sẽ tan biến.

Do đó nếu thật sự Ngài Quán Thế Âm có độ thì hễ chúng sinh cần độ thì Ngài độ ngay, thậm chí cả những người không niệm, Ngài vẫn độ, tức là Ngài không để cho chiếc thuyền nào bị đắm chìm cả. Không lẽ Bồ Tát thấy hàng

https://thuviensach.vn

trăm, hàng vạn người sắp chết mà không cứu? Vậy lúc những người sắp chết đuối Bồ Tát ở đâu? Đức Quán Thế Âm có thiên thủ thiên nhãn thì không lẽ Ngài không nghe được những lời cầu cứu ưu bi đó hay sao? Đến đây có người thắc mắc rằng rõ ràng có những chiếc thuyền được cứu thì Ngài không độ là gì? Đức Phật Thích Ca không phải là đấng thần linh cho nên chữ "độ" trong đạo Phật phải được hiểu là những phương pháp tu hành rốt ráo để giúp chúng sinh thoát khỏi khổ ách, có giải thoát giác ngộ, có thanh tịnh Niết bàn. Vì thế pháp tu phản văn văn tự tánh của Ngài Quán Thế Âm cũng thế, không sai khác.

Đạo Phật không dạy chúng sinh tin vào độ mà chỉ dạy chúng sinh tin sâu vào nhân quả. Tất cả những khổ vui, sống chết trong đời này của mình là những kết quả mà chính mình đã tác tạo trong những đời quá khứ. Nếu ngày xưa mình ra tay cứu giúp người gặp hoạn nạn thì khi mình đối diện với tai họa thì có kẻ khác giúp trả lại cho nên khi thuyền mình lênh đênh sắp chìm thì nhân duyên quả báo xui khiến gặp những thuyền lớn cứu vớt cho. Mình bố thí thì mai sau được giàu sang. Mình lo lắng, chăm sóc người già, bệnh tật thì mai sau mình sống khỏe, sống lâu. Mình thương người thì được người yêu, người mến. Ngược lại nếu hại người thì bị người hại lại. Chửi người thì bị người mắng nhiếc lại. Giết người thì kiếp này hay kiếp sau bị người sát hại lại. Tuy con người có quan niệm khác nhau về sự thưởng phạt của thiện ác, nhưng Luật Nghiệp Báo thì lúc nào cũng đại diện cho sự công bình tuyệt đối vì đó là sự thưởng phạt công minh, chắc chắn và hợp lý.

https://thuviensach.vn

Nói tóm lại, Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa và Chương Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông trong kinh Lăng Nghiêm này đã có biết bao nhiêu người hiểu một cách sai lầm, làm cho Đức Quán Thế Âm trở thành một đấng siêu hình thiêng liêng thậm chí làm những công tác từ thiện nhỏ mọn mà một vị Đẳng giác Bồ Tát sắp thành Phật như Ngài không bao giờ làm những việc như vậy.

4.Tôi đoạn diệt hết vọng tưởng, không còn tâm sát hại, khiến chúng sinh dù phải vào trong cõi nước của quỷ, quỷ cũng không hại được.

Niệm Quán Thế Âm nghĩa là lắng nghe tiếng nói đạo đức, thuần lương của lòng mình thì tâm sát hại không còn cho nên họ có vào trong cõi nước của quỷ sát, quỷ đạo, quỷ dâm, quỷ vọng thì những loài quỷ kia cũng không sát hại họ được. Nói cách khác, khi đã đoạn hết ác tâm thì những nguyên nhân của sát, đạo, dâm, vọng cũng biến theo, không dấy khởi nên con người sống rất thanh tịnh, nhẹ nhàng. Quỷ ở đây là quỷ ở trong tâm nên mới đáng sợ bởi vì nó khiến con người hút máu, giết người, làm điều dâm dục, trộm cướp, nói lời gươm đao, thấy ác làm ác chẳng những nó giết đời này của ta mà còn giết biết bao nhiêu đời nữa.

Khi nói về cõi nước của quỷ và địa ngục A tỳ thì phải nói đến kinh Địa Tạng. Thông thường, chúng sinh thường tin có một vị Bồ Tát tên Địa Tạng tay phải cầm cây tích trượng, tay trái một hạt minh châu. Ngài xuống địa ngục lấy tích trượng đập phá cửa địa ngục để cứu vớt chúng sinh nếu chúng sinh chí thành niệm danh hiệu Ngài. Vì thế Ngài

https://thuviensach.vn

là giáo chủ cõi u minh địa ngục. Người học Phật có nên tin tưởng một cách quá thực thà như thế không? Vậy ý nghĩa của kinh là gì?

Kinh Địa Tạng là viết tắt của "U Minh Giáo Chủ Bổn Tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát". Bổn là bản tâm (bổn tâm) của chúng sinh. Tôn là tôn quý. Địa là tâm địa và Tạng là Như Lai Tạng. Vì thế chỉ có bản tâm mới là cao quý nhất, nó là kho Như Lai Tạng tâm địa và chỉ có bản tâm (chơn tâm) mới làm chủ được cõi u minh tăm tối tức là làm chủ được cõi địa ngục tham-sân-si của chính mình. Con người vì chạy theo sắc tài danh lợi, tham đắm dục tình, bị tham-sân-si sai sử nên tự đày mình vào cõi địa ngục tham-sân-si mà chịu cảnh khổ.

Vậy làm sao đập phá được địa ngục tham-sân-si? Chỉ có bản tâm thanh tịnh tức là chơn tâm, Phật tánh của chính mình mới hóa giải, đập phá được cái địa ngục u ám này. Nhưng con người vì bị màn vô minh dày che lấp nên luôn tìm tâm (Phật) ở bên ngoài nên cả đời vẫn đeo mang cái khổ cho nên cái tôn quý nhất, quan trọng nhất là phải quay về (đáo bỉ ngạn) để nhận ra Bổn Tôn Địa Tạng tức là tự tánh Như Lai Tạng nghĩa là cái chơn tâm, Phật tánh sáng suốt thường có trong ta thì chính mình mới có thể đập phá được địa ngục tham-sân-si và cứu giúp chúng sinh muôn loài.

Địa Tạng Bồ Tát tay mặt cầm cây tích trượng có bốn cái vòng và mười hai cái khuy là biểu tượng cho Chân lý Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Tích trượng là ám chỉ cho ý chí kiên cường, đại hùng đại lực để đập phá mở tung

https://thuviensach.vn

cánh cửa u minh hắc ám của tự tâm. Còn hạt minh châu lóng lánh tức là hòn ngọc như ý tượng trưng cho bản tâm thanh tịnh và một khi chúng sinh sống với chơn tâm của mình thì ánh sáng trí tuệ trong tự tâm bừng sáng soi chiếu khắp cùng. Vì vậy nếu chúng sinh dựa theo Chân lý Tứ Diệu Đế hay Thập Nhị Nhân Duyên để tu thì sẽ có tâm thanh tịnh và chính cái bản tâm diệu giác này sẽ giúp con người đủ sức đập tan địa ngục tham-sân-si trong tâm của mình mà có thanh tịnh giải thoát giác ngộ.

Kinh điển Phật giáo Đại thừa là quyền giáo (phương tiện, ẩn dụ) chớ không phải là thật giáo cho nên người đệ tử Phật đừng chấp vào lời kinh mà phải dùng lý để hiểu. Đó là "văn dĩ tải đạo" tức là "được ý quên lời" nghĩa là chỉ nương theo ngón tay mà thấy mặt trăng chớ đừng chấp ngón tay là mặt trăng thì mới cảm nhận được lẽ huyền diệu của kinh mà không rơi vào tà kiến. Thí dụ là người đệ tử Phật, chúng sinh tắm mình trong ánh hào quang của Phật. Hào quang ở đây phải được hiểu chính là trí tuệ Phật tâm, Phật tánh sẵn có trong tất cả mọi người.

Tâm chúng sinh và chư Phật cùng đồng một bản thể Phật tánh như nhau, không sai khác cho nên Địa Tạng tức là bản tâm của chính mình thì cái tâm này bình đẳng với Phật, Bồ Tát vì thế nếu ngộ được chơn tâm của chính mình thì chư Phật mười phương kính ngưỡng là như vậy.

Tóm lại trên thế gian này dựa theo tinh phần Phật giáo, không có cõi địa ngục thật và dĩ nhiên không có vị nào là Địa Tạng Bồ Tát cả. Địa ngục là biểu tượng của tham-sân-si phiền não, là sự tối tăm ám chướng mê muội trong tâm

https://thuviensach.vn

thức của mỗi chúng sinh. Đó chính là địa ngục tự tâm. Còn Địa Tạng Bồ Tát chính là bản tâm thanh tịnh tức là chơn tâm, Phật tánh thiêng liêng huyền diệu vốn có sẵn trong tâm của tất cả mọi người. Vì thế Phật đưa ra phương tiện Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên để giúp chúng sinh nương theo đó mà thấy được chơn tâm của chính mình thì tự mình đập phá được cửa địa ngục, giải thoát ra khỏi cảnh u ám tham-sân-si mà sống trong thanh nhàn, an vui tự tại Niết bàn.

Tóm lại, người đệ tử Phật đừng hiểu kinh điển Đại thừa một cách thật thà mà chấp có một Bồ Tát thật, một cõi địa ngục thật nên một lòng cầu Bồ Tát, Phật và chờ đến lúc chết sẽ có các Ngài đến cứu thì cũng như chấp ngón tay là mặt trăng rồi tin tưởng mù quáng vào tha lực mà đi ngược lại với giáo lý nhân quả. Không có việc "một người ăn mà người khác được no" mà phải là "ai ăn người nấy no, ai uống người đó hết khác".

Vì niềm tin dân gian nên đến đây có người vẫn còn tin rằng chắc có địa ngục thật hay có một vị Bồ Tát thật tên là Địa Tạng, chúng tôi trích đăng nguyên văn lời giới thiệu của thầy Viên Pháp về kinh Địa Tạng Mật Nghĩa do Cụ Chánh Trí Mai Trọ Truyền thuyết giảng tại chùa Xá Lợi năm 1957 để quý vị tư duy thẩm chiếu. Quý Phật tử có thể đọc toàn bộ kinh Địa Tạng Mật Nghĩa này trong trang nhà: www.thuvienhoasen.org vào phần kinh điển giảng giải.

ĐỊA TẠNG MẬT NGHĨA
Chánh Trí Mai Thọ Truyền

https://thuviensach.vn

Hội Phật Học Nam Việt - Chùa Xá Lợi Saigon Xuất Bản 1964

Thay Lời Tựa

Tôi Đi Nghe Giảng Kinh Địa-Tạng

Thể theo sự đòi hỏi của một số đông giáo-hữu, Hội Phật-Học Nam-Việt tổ chức, vào mỗi buổi chiều thứ bảy, từ 8g30 tối, một khóa giảng Kinh.

Thứ bảy tuần rồi, 9-11-1957, Đạo-hữu Chánh-Trí đã mở đầu khóa giảng với bộ Kinh Địa-Tạng, trước trên ba trăm thính giả, phần đông là học thức, của đủ các hạng tuổi.

Dưới đây, xin ghi lại những điều nghe thấy và cảm tưởng của chúng tôi đối với buổi giảng đầu tiên.

Viên-Pháp

Trước hết, xin nói ngay là buổi giảng rất hào hứng và linh động, làm cho đa số trí-thức thính giả mắt sáng lên, lòng đầy hoan hỷ, ngồi nghe trót hai giờ đồng hồ mà không biết chán mỏi, vì sung sướng thấy bao thắc mắc, nghi ngờ của mình về vấn đề địa ngục, Địa-Tạng, được giải thích rành mạch.

Về Địa ngục, thường chúng tôi thấy có hai thái độ khác nhau trong hàng Phật-tử:

- Một đàng thì tin có địa ngục, nhưng tin một cách mù mờ, sai lạc, vì thế không dứt đặng nhân địa ngục, để khỏi cái quả địa ngục, cho nên không bao giờ thoát ly đặng cái khổ địa ngục.

https://thuviensach.vn

- Một đàng thì phân vân bất quyết, không biết phải tin hay không, vì vậy trong trí-quán không có gì dứt khoát và trong hạnh tu không có gì nhứt định.

Đối với Địa-Tạng Bồ-Tát cũng có hai luồn tư tưởng khác nhau:

- Một hạng tin rằng đã có ngài Địa-Tạng phát nguyện cứu độ tội vong ra khỏi U-minh địa- ngục, thì ta cứ "làm ăn" như ai, rũi ro có bề nào sẽ có ngài đùm bọc. Ngài lại còn nguyện "Địa ngục chưa trống không, ta quyết không thành Phật", thì dầu ta còn phải đọa địa-ngục lâu xa thế mấy đi nữa, cũng còn có ngài cứu thoát, không đến nỗi nào mà sợ.

Hạng này còn tin đức Địa-Tạng có quyền lực dẫn vong vào cảnh Tây-phương tự tại, vô ngại. Hễ có ngài dẫn, thì không có một quỉ sứ nào dám bắt đem nạp cho Diêm-vương phán xét. Hơn nữa, ngài lại còn có quyền lực phá ngục thả tội mà chẳn có ông Diêm-vương nào dám cản trở. Do những tin tưởng này, mới có việc mướn làm chay với cảnh thầy cả đội lốt Địa-Tạng phá ngục giải phóng tội vong. Ôi thôi! Kể sao cho xiết những quan niệm sai lầm như thế về Bồ-tát Địa-Tạng và về quyền năng của ngài! Ròng rã là những sự tin tưởng thần quyền, ỷ lại tha lực, làm hoen ố Phật giáo nước nhà!

- Một hạng khác lại suy nghĩ: không lẽ lại có một ông Bồ-tát "cải Trời" cho đến bỏ luật nhơn quả, làm vì cảm tình với người sống mà làm việc bất công là thả tội hộ vong. Vì suy nghĩ như thế, họ mất lòng chánh tín đối với vị Bổn-tôn Bồ-tát và thối bộ, không bước được vào cửa Phật tu hành, để thâu hoạch lợi ích cho mình. Thật đáng phàn nàn cho

https://thuviensach.vn

hạng này, vì họ là bậc có trí, biết suy nghĩ và có đạo tâm, chỉ vì không ai chỉ bảo thành ra hiểu lầm, nghi sái.

Nay đạo-hữu Chánh-Trí đem kinh Địa-Tạng ra giảng, lại dám trình bày bạo dạn và vạch rõ phân minh những chỗ bí ẩn trong kinh, để phô bày cái bí nghĩa chân thực, hiển phát cái chân lý Đại thừa, thật đạo hữu đã giúp ích rất nhiều cho những ai chưa thấu triệt. Có vạch rõ như thế những ẩn ý của Phật, mới lìa đặng ngón tay mà thấy đặng mặt trăng, không thì cứ ôm dính ba cái chữ, rồi tối vẫn hoàn tối.

Diễn-giả đã theo đường lối nào để đưa thính giả tới chỗ diễn-giả muốn dắt đến?

Vô đầu, đạo-hữu Chánh-Trí thanh minh rằng kinh Địa-Tạng thuộc về quyền giáo, khác với những bộ kinh thuộc về Thực-giáo, trực chỉ Chơn-lý. Có thể xem kinh Địa-Tạng như một bài ngụ-ngôn trường thiên, trong đó Phật dùng ngụ-ý (paraboles) để ám chỉ một chơn-lý đáng phát minh, như những bài ngụ ngôn của các hiền-triết Đông Tây mà cốt yếu là để dạy những nguyên tắc luân lý, hoặc những truyện đời xưa, những truyện giải buồn, do văn-nhơn, hiền-sĩ đặt ra vì thiết tha với thế sự, muốn hoán cải nhơn tâm.

Kế đó, dựa theo những đoạn kinh văn, diễn-giả giải rằng đức Địa-Tạng không phải là một nhơn vật lịch sử (personnage historique), có một đời sống ở thế gian như đức Phật Thích-Ca, mà là một nhơn-vật tượng trưng (personnage symbolique), đặt ra để tiêu biểu cho những đoạn-đức cương quyết, nguyện-lực dồi dào và hành-động linh tiệp. Địa-Tạng cũng chỉ cái gì cực tôn cực quí trong người (Bổn tôn), đủ năng lực đả phá vô-minh, trực tiếp cứu

https://thuviensach.vn

vớt con người ra khỏi cảnh ngục-thất tối đen dày bịt (đại thiết vi), thoát vòng tội lỗi khổ đau, và dẫn con người trở về sùng bái cái cực tôn cực quí ấy là Chơn Tâm của mỗi chúng ta vậy.

Để chứng minh điều mình quả quyết, diễn-giả dẫn câu "Địa ngôn: kiên, hậu, quảng hàm tàng" và nói: Tại sao dùng hai chữ Địa-Tạng để ám chỉ Chơn Tâm? Cứ xem câu vừa trích trong bài tán ở đầu quyển kinh đủ thấy. Địa là chỉ cái gì kiên cố bất diệt, sâu dày không thể đo lường (hậu), và rộng chứa không gì bỏ ra ngoài (quảng hàm tàng). Thế có phải chỉ Chơn Tâm hay Như-Lai-Tạng không? Vì ai đập vỡ Tâm được mà không bảo là kiên cố, ai đo được cái vô cùng tận của Tâm mà không bảo nó sâu dày không thể đo lường, và có gì ngoài Tâm được mà không bảo nó ngậm chứa tất cả?

"Lại nữa, diễn-giả nói tiếp, nếu không ám chỉ Chơn Tâm, thì làm sao cắt nghĩa được câu":

Tam thế Như-Lai đồng tán ngưỡng
Thập phương Bồ-tát cộng quy-y?

"Không lẽ ba đời chư Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) lại đi khen ngợi, ngưỡng mộ một vị Bồ-tát, còn mười phương Bồ-tát lại quy-y với một người đồng đẳng với mình? Thật rõ là ám chỉ cái Chơn-lý bất diệt là Chơn Tâm, mà không ai (kể luôn chư Phật, Bồ-tát) được phủ nhận, vì phủ nhận là còn sống trong vô-minh mà hễ còn sống trong vô-minh thì làm sao có Phật và Bồ-tát? Nói một cách khác, nhờ thể nhận được Chơn Tâm, tán thán ngưỡng mộ Chơn Tâm, nên Phật mới thành Phật, và cũng nhờ biết quay về an trú nơi

https://thuviensach.vn

Chơn Tâm, sống theo tiếng gọi của Chơn Tâm, nên Bồ-tát mới thành hạnh Bồ-tát."
Đến hai câu:
Thủ trung kim tích, chấn khai địa-ngục chi môn.
Chưởng thượng minh châu, quang nhiếp Đại-thiên chi giới.
Diễn-giả giải thích:
"Đó là một lối dùng biểu tượng (symbole) để diễn tả những công năng của Chơn Tâm. Tích trượng (gậy sắt), tượng trưng cho cái ý-chí cương quyết (volonté de fer) bẻ xiềng xích, phá ngục tù của những người thức tỉnh, tức là đã trở về với Chơn Tâm. Đó cũng là sức mạnh vô song của Chơn Tâm, biết diệu dụng thì không việc thiện nào là không làm được, còn không biết diệu dụng thì nó cũng có thể đưa con người đến chỗ tội lỗi không bờ bến. Vì sao? Vì cái cương quyết làm phải ở người tốt và cái cương quyết làm sái ở người xấu, đồng một mãnh lực như nhau.
Tuy hai mà trên căn bản vẫn một, tại chỗ dùng có khác mà một xem tuồng như hai, thí như con dao bén có thể dùng giúp ta xắt cải xắt rau, mà cũng có thể trợ cái giận của ta trong việc chém người hại vật. Còn viên ngọc (minh châu) sức sáng rọi khắp ba ngàn thế giới kia cũng là một lối nói để ám chỉ cái Đại trí huệ, hay Trí Bát-nhã sẵn có ở mỗi người, linh tiệp vô cùng, không đâu chẳng thấy, không gì chẳng biết, bao xa cũng soi tới, bao sâu cũng chiếu suốt. Mà Trí và Tâm không phải sai khác, cho nên nói Đại trí minh châu cũng là nói Chơn Tâm vậy."
Còn mấy câu:

https://thuviensach.vn

Diêm vương điện thượng
Nghiệp cảnh đài tiền
Vị Nam-phù-đề chúng-sanh
Tác đại chứng-minh công-đức chủ

thì theo đạo-hữu Chánh-Trí, là tả những cái dụng khác của Chơn Tâm, cái dụng hồi quang phản chiếu, quay cái sáng, rọi trở lại đời sống hằng ngày, từ ngoài cho đến trong, như người Pháp nói "xét lòng" (examen de conscience). "Thật vậy, diễn-giả nói, ai xét ta và luận ta cho bằng lương-tâm ta, vì biết bao nhiêu tội lỗi ta đã tạo mà Công-lý nào biết được! Do đây, bài tán mới vì Địa-Tạng (Chơn Tâm) là ông vua cõi Diêm-la, ngồi trên điện cao để phán xét tội trạng của ta. Còn tự ta muốn biết nghiệp lành, nghiệp ác của ta ư? Thì cứ ngó trở lại vào lòng, cái "gương lòng" sẽ phản chiếu cho ta thấy tất cả. Gương ấy là Chơn Tâm Địa-Tạng đó, nên gọi là Nghiệp cảnh (cái kiếng soi nghiệp). Chơn Tâm ta đã là ông Tòa, ông Diêm vương xét tội, thì Chơn Tâm ấy cũng là người chứng kiến và ghi chép những công đức của ta. Thế nên nói Địa-Tạng làm người chứng minh các công đức (mérites) của chúng sanh cõi Nam-diêm phù-đề, tức là cõi thế-gian này vậy."

Tóm lại, diễn-giả chỉ rằng: Địa-Tạng là Chơn Tâm hay Như-Lai Tạng-tâm, đủ cả Tánh-thể, Tánh-cụ và Tánh-dụng. Tánh-thể là Bổn tôn, nên "Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng, thập phương Bồ tát cộng quy y". Về Tánh-cụ (có sẵn) thì "kiên, hậu, quảng hàm tàng, từ nhơn, tích thiện, thệ cứu chúng sanh" sẵn đủ cả Đại-nguyện (grande volonté), Đại-hạnh (grande activité), Đại-thệ (grande

https://thuviensach.vn

détermination). Vì vậy Kinh chia ra ba phần hay ba quyển: Địa-tạng bổn nguyện, Địa-tạng bổn hạnh, Địa-tạng bổn thệ. Rốt hết là Tánh-dụng. Hai Tánh trước đã lớn lao và đầy đủ vô cùng thì cái Dụng của Chơn Tâm cũng vô cùng, do đó mà chúng-sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu biết quy-y Tâm thì được ra khỏi địa-ngục vô-minh, tức là được cứu độ như Kinh nói.

Đạo-hữu Chánh-Trí giảng đúng với giáo nghĩa của Đại-thừa. Theo lý tuyệt-đối (đệ-nhất nghĩa đế), ngoài Tâm không pháp, cho nên sự sự đều là Tâm, vật vật đều là Tâm. Tâm tác Thiên đường, Tâm tạo địa ngục, ba cõi chỉ đều do Tâm, mười cõi chỉ đều do Tâm, tất cả đều do Một Tâm (duy Nhứt Tâm), không gì ngoài Nó. Cho nên, có chúng sanh thọ khổ địa-ngục nơi Tự Tâm (en Soi), thì Địa-Tạng Bồ-tát cũng cứu độ trong Tự Tâm. Ngoài Tâm, không có địa ngục, chúng sanh nào khác; ngoài Tâm, không có Địa-Tạng phá ngục dẫn vong nào khác. Đây là cái lý bí ẩn của kinh Đại-thừa mà chúng ta cần khám phá và khai thác để tự lợi, lợi tha. Dùng ông Bồ-tát Tự-Tánh mà cứu độ chúng sanh của Tự Tâm, lửa đó, nước đó, thật là muôn phần linh tiệp và diệu dụng.

Đạo-hữu Chánh-Trí đã đem lại cho thính giả một niềm tin tưởng vững chải, phấn tấn, vì mình có tự tin ở mình có ông Bồ-tát biết dùng hột minh-châu Đại-trí-huệ chiếu phá vô-minh, tiêu trừ những nỗi lòng đen tối, cõi mở những quan niệm sai lầm, đập phá ngục tham, sân, si, ái... thì mình mới khỏi cầu ai xa lạ, viễn vong, vừa khó khăn, vừa không

https://thuviensach.vn

chắc, khỏi mắc phải cái tánh ỷ lại thần quyền, mơ hồ và tai hại.

Lại nửa, nếu tự hay nơi mình có Chơn Tâm linh minh sáng suốt làm quan Tòa, thường ngồi tại bàn án, chiếu gương soi nghiệp, xét nét vô tư những điều ẩn khuất nơi cõi lòng, thì chắc chắn đời người sẽ có sự hoán cải, dứt ác làm lành, đổi đen ra trắng.

Dù rằng, từ trước đến đây, diễn-giả đã dẫn kinh để chứng tỏ rằng Địa-Tạng chỉ là một lối tượng trưng để chỉ Chơn Tâm, trong hàng thính- giả hình như còn có người chưa tin.

Đạo-hữu Chánh-Trí nói thêm: "Tìm hiểu Địa-Tạng Bồ-tát có thật hay không, không quan hệ bằng tìm biết kinh Địa-Tạng có ích gì cho chúng ta trong việc tu hành."Đạo-hữu nói rất có lý, nếu chúng ta nhớ lại Phật thuở xưa kia cũng có lần bác những kẻ đến hỏi Ngài thế giới có hay không có, hữu hạn hay vô biên, v.v.. Phật bảo: Nên hỏi ngay làm sao đặng hiện tiền giải thoát, vì hỏi như vậy mới thiết thực hơn, còn hỏi như trên thì phải sa lầy trong cái đầm lý thuyết.

Có lẽ nhờ lời dạy của Phật vừa nhắc lại, nên diễn-giả hay moi tìm trong kinh điển để khám phá, lượm lặt, những gì có ích lợi cho đời sống thực tế và khai thác những phát minh thực dụng, hầu giúp nhiều bạn đồng đạo cũng hưởng.

" Đọc kinh phải cầu lý, đạo-hữu Chánh-Trí nói. Cầu lý là tìm coi Phật muốn nói gì, chỉ gì, chớ không nên thấy chữ đâu hiểu nghĩa đó mà cho là đủ. Nếu nhận nghĩa do nơi chữ, chúng ta sẽ gặp nhiều mâu thuẩn có khi buồn cười, làm cho chúng ta sẽ hoang mang, không làm sao có lòng

https://thuviensach.vn

tin tưởng sắt đá." Thật là một lời khuyên có giá trị đối với thế-hệ hiện nay của trí óc khoa học (esprit scientifique), luôn luôn bất phục trước những cái gì mù mờ.

Tuy đạo-hữu Chánh-Trí đã đem hết sức mình ra giải thích rành mạch, vẫn còn có người thắc mắc, cho rằng nếu theo diễn-giả mà phủ nhận vị Bồ-tát hiện đang hành sự ở cõi U-minh, cứu-độ vong linh thọ tội mà nhiều người đang tin tưởng, thì sẽ làm mất chổ trông cậy của họ. Chúng tôi nghĩ, nếu tin mà lầm lạc, thì thà đừng tin còn hơn, vì lầm lạc còn khổ hơn không tin. Nếu có kẻ không giữ vệ sinh, không biết ngừa bệnh độc, ăn càn ở bậy, ỷ y có thầy hay thuốc giỏi, thử hỏi tin tưởng như thế có lợi hay có hại?

Lại có người cho diễn-giả quá thiên về lý mà bỏ sự. Sao lại nghĩ thế? Sự, lý nào phải hai cái khác nhau mà tưởng có thể bỏ sự theo lý. Đã nói kinh Địa-Tạng thuộc về quyền giáo, mà hễ quyền giáo thì toàn là sự, như nói nào là có ông Bồ-tát danh Địa-Tạng ở cõi U-minh, làm việc độ vong, nào là có ba ngục lớn chúng sanh trong đó bị các quỉ sứ đầu trâu mặt ngựa đánh khảo đủ điều, v.v.. Nhưng sự, lý, không thể chia hai, thì cố nhiên trong những sự vừa kể phải có cái lý, những cái lý mà rất tiếc chưa ai từng vạch, nên nay đạo-hữu Chánh-Trí mới vạch, để thức tỉnh những ai cho kinh Đại-thừa thiếu căn bản Phật giáo, nói truyện hoang đường.

Để khỏi thiếu sót, chúng tôi xin thêm lời diễn-giả giải về ý ẩn của đoạn sau đây trong bài tán, bắt đầu từ câu: "Nam phương thế giới dõng hương vân... chí câu: Phật ngôn: Địa-Tạng Bồ-tát chí." (xin xem Kinh).

https://thuviensach.vn

Đạo-hữu Chánh-Trí nói: "Hể Chơn Tâm phát hiện nơi ai (Bồ-tát Địa-Tạng đến), thì từ nơi thân tâm người ấy phát tiết ra ngoài một cái gì mà trông đến gương mặt là ta cảm thấy một ánh sáng diệu hiền, khiến ta phải kính phục, nghe đến lời nói là ta cảm nhận một cái gì đẹp đẻ, thơm tho, khiến ta ngây ngất, chẳng khác ta tắm mình trong một đám mưa thơm, một đám mưa hoa, v.v.. Cứ trông gương mặt, ngắm xem cử chỉ, lắng nghe lời nói của những bực chân tu thạc đức, ta sẽ thấy và sẽ cảm như vừa nói. Các nhà tâm-lý-học Âu Tây đều công nhận cái sáng hiển lộ ra ngoài như thế này của những tâm hồn trong sạch, hiền hòa, mà họ gọi là "irradiation".

Nói một cách khác, diễn-giả đã đề cập đến ảnh hưởng hết sức thơm tho lành điệu, sáng sủa êm đềm, của những tâm hồn đã trở về với đời sống giải thoát.

Buổi giảng đầu tiên đã chứng tỏ nơi diễn-giả, không phải một sức học uyên thâm, mà một thực nghiệm tu học khá công phu, chúng tôi tin rằng đạo-hữu Hội-trưởng sẽ không phụ lòng thính giả ở những buổi giảng tiếp.

Viên-Pháp

(Trích Tạp-chí TỪ-QUANG số 70, tháng 11 năm 1957)

Cước chú: Tác-giả viết bài này lúc còn là một cư-sĩ. Mấy năm sau, tác-giả đã xuất gia, giữ nguyên pháp hiệu và đã viên tịch.

4444----5.Tôi huân tập cái tánh nghe, nghe vào tự tánh. Tánh thấy, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc, biết cũng vậy,

https://thuviensach.vn

khiến chúng sinh đang khi bị hại dao mác, vũ khí gãy rơi từng khúc chẳng xúc phạm.

Nghe vào tự tánh tức là năng quán nghĩa là nghe tất cả những việc thiện ác, soi chiếu tự tâm của mình để thấy rõ, không còn bị mê lầm vọng chấp. Khi tâm đã thanh tịnh thì tất cả những thứ như nói lưỡi hai chiều, nói lời độc ác, nói thêu dệt, nói gian dối, lòng buồn, lòng giận cũng không còn vì thế dao hai lưỡi, dao ưu sầu, dao tâm làm sao sát hại mình được. Tánh thấy, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc, tánh biết cũng vậy thì nghĩ ác, nói ác, làm ác cũng không còn. Khi không còn ác tâm nghĩa là nguyên nhân của đấu tranh không còn thì không lo sợ gì có sự tranh chấp, giết hại.

6.Tánh nghe, tôi huân tập đến độ tinh thuần, sáng suốt trùm khắp pháp giới. Tất cả những gì đen tối không tồn tại được, khiến cho chúng sinh dù ở gần bên với ác quỷ: Dược xoa, cưu bàn trà, tỳ xá xà, phú đơn na…mà chúng không nhìn thấy.

Khi quán chiếu lòng mình thì có được tâm thanh tịnh, an lạc, trong sáng do đó những thứ âm u hắc ám như quỷ thô bạo, quỷ bất nghĩa, quỷ vô thường làm sao hại mình được.

7.Tánh năng văn tôi quán xoay vào, thanh trần đối tượng tiêu vọng, khiến chúng sinh tránh xa tất cả gông cùm xiềng xích không vương chạm đến thân.

Khi xoay tánh nghe vào trong để lắng nghe tiếng nói thanh tịnh của lòng mình thì những âm thanh bên ngoài đâu còn lọt vào tâm của ta. Khi tu thiền định thì họ cắt đứt những đối tượng nghe bên ngoài. Do đó khi tu thiền định, hành giả nên tìm nơi thanh vắng yên tịnh thì dễ xoay tâm vào

https://thuviensach.vn

bên trong mà không bị sở văn chi phối. Con người có sống trong phiền não khổ đau cũng chỉ vì bị đối tượng sở văn lôi cuốn. Nghe một bài ca hay, một tiếng đàn lưu loát, tiếng nói dịu dàng, lời khen êm ái hay tiếng chửi xót xa…tất cả đều là đối tượng sở văn cả. Càng chạy theo tiếng nghe bên ngoài thì tâm càng vọng động, không làm chủ được bản tâm của mình nên dễ rơi vào vô minh phiền não mà phải gánh chịu bao nỗi ưu bi buồn phiền. Ngược lại biết xoay tánh nghe vào trong thì bít hẳn sở văn nên con người sống trong an nhiên tự tại thì gông cùm xiềng xích làm sao đụng đến ta được.

8.Tôi diệt âm thanh đối tượng, tánh nghe viên mãn sanh sức từ cùng khắp, khiến chúng sinh đi qua đường hiểm mà giặc cướp không thể cướp được (giặc phiền não có 6 tên túc trực phục kích ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý).

Đối tượng âm thanh là những tiếng nói ngọt ngào, tiếng thị phi phải quấy, lời chửi rủa đắng cay…Nếu con người đem những đối tượng âm thanh này vào tâm thì dĩ nhiên vô minh phiền não cũng vì thế mà phát sinh. Nên nhớ sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tự nó thanh tịnh, không ô nhiễm, nhưng giặc vô minh phiền não lúc nào cũng núp dưới sáu căn để chụp lấy cơ hội mà hành hạ con người. Thí dụ lỗ tai thì thanh tịnh, không có chi là xấu xa tội lỗi cả, nhưng tai vừa mới nghe tiếng khen thì tâm liền phân biệt mà bám víu vào tiếng khen giả tạo này khiến con người sống trong điên đảo, mộng tưởng ảo huyền, Ngược lại nghe ai chê thì tâm bực bội, buồn phiền ray rức.

https://thuviensach.vn

Bây giờ nếu diệt được âm thanh đối tượng nghĩa là đóng kín thanh trần, không còn nghe tiếng nghe bên ngoài mà xoay tánh nghe vào nội tâm để nghe tiếng lòng thanh tịnh tức là diệu âm thì giặc phiền não làm sao đánh phá ta được cũng như đi qua đường nguy hiểm mà giặc cướp chẳng hại được mình. Nói cách khác cuộc đời nhiều phiền não rối tăm, trăm điều bực bội nhưng nếu bây giờ con người lắng nghe tiếng lòng thanh tịnh mầu nhiệm của mình để bỏ đi những đối tượng phiền não giả tạo bên ngoài thì chính mình vượt qua được mọi hiểm trở và giặc cướp phiền não không cướp được công đức lành của mình.

Chúng sinh đừng nên hiểu lầm đoạn kinh trên rằng mình mang trong người nhiều vàng bạc quý giá, đi qua đoạn đường hiểm trở nên lo sợ niệm Đức Quán Thế Âm thì Ngài phù hộ không cho giặc cướp đoạt vàng bạc nữ trang. Trong thập niên 70, 80 có rất nhiều chiếc thuyền tỵ nạn của người Việt Nam đi theo hướng Thái Lan đã bị bọn hải tặc cướp bóc, giết người và hãm hại đàn bà con gái gây ra biết bao cảnh tang tóc đau thương. Khi gặp cảnh oan trái dĩ nhiên có biết bao người niệm Đức Quán Thế Âm thế thì tại sao bọn hải tặc vẫn cướp của hại người mà Ngài không cứu? Do đó giặc cướp ở đây là giặc phiền não để cướp đi những công đức của mình bởi vì có thanh tịnh mới tạo được công đức ngược lại chạy theo phiền não là sống trong điên đảo tức là tạo nghiệp để phải chịu quả khổ luân hồi. Vì vậy làm chủ được sáu căn thì phá được giặc phiền não, hóa giải được tham sân si và cuộc sống dĩ nhiên sẽ được thanh tịnh, an vui và tự tại.

https://thuviensach.vn

9.Do tôi huân tập tánh nghe được thanh tịnh, tách khỏi trần tướng. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không cám dỗ được, khiến cho những chúng sinh tà dâm xa lìa được lòng tham dục nặng nề.

Huân tập tánh nghe được thanh tịnh nghĩa là biết phản văn văn tự tánh để chỉ nghe tiếng nói thanh tịnh của lòng mình. Đến đây thì thanh trần vẫn còn đó, nhưng không hề nghe biết nữa. Nói rộng ra chẳng những không còn nghe biết âm thanh bên ngoài mà ngay cả sắc, hương, vị, xúc, pháp cũng biến mất trong tâm của ta. Nói cách khác khi tâm không còn duyên với ngoại trần thì tất cả những gì thuộc về ngoại trần như nhà cao cửa rộng, hương vị thơm tho, mùi vị béo bở, cảm giác êm đềm, ý niệm nọ kia đều tan biến trong tâm của mình. Do đó, cho dù thế gian vũ trụ vẫn còn sờ sờ ra đó, nhưng đối với người biết huân tập tánh nghe thì thấy mà như không thấy, nghe mà như không nghe, ngửi mà như chẳng ngửi thứ gì nên lòng không tham đắm, si mê. Thí dụ mắt thấy người đẹp mà tâm không thấy thì người nào cũng như vậy nên lòng tham dục không khởi, tâm được thanh tịnh.

10.Tôi chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, dứt đối đãi năng văn sở văn khiến chúng sinh xa lìa được tham sân si phẩn nhuế.

Hằng ngày trong cuộc sống, chúng sinh luôn đối diện với năng văn sở văn khiến tâm phân biệt chạy tới chạy lui và vọng tưởng cũng vì thế mà sinh khởi làm cho cuộc sống bất toại ý. Bây giờ biết xoay cái nghe vào trong thì tiếng

https://thuviensach.vn

nghe bên ngoài biến mất nghĩa là nghe thì cái gì cũng nghe mà như không nghe cái gì hết. Âm thanh trần tướng không lọt vào nội tâm thì vọng động không còn. Đến đây trong tâm chỉ còn lại một âm thanh huyền diệu thanh tịnh tức là diệu âm. Tâm thanh tịnh thì những nhiễm ô tham, sân, si biến mất. Ngày xưa Đức Phật và các vị A la hán ở những nơi rất yên tĩnh để thiền định cho nên các Ngài không phải đối diện với những đối tượng trần lao là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Khi được minh tâm kiến tánh, giải thoát giác ngộ các Ngài mới vào đời cứu độ chúng sinh mà không còn bị những chướng ngại trần duyên quyến rũ. Nên nhớ khi đã thành Thánh thì không bao giờ trở lại làm chúng sinh trừ khi họ phát nguyện tái sinh để độ đời. Nói chung, pháp tu thiền định này nói thì dễ, nhưng rất khó thực hành bởi vì người Phật tử tại gia thì còn bận bịu gia đình, vướng nhiều thế tục, còn người xuất gia thì Phật sự đa đoan nên khó dứt được năng văn sở văn. Phật sự tới đâu thì phiền não theo tới đó nên cả đời những vị xuất gia tuy mang tiếng tu hành mà tranh chấp, hơn thua không xã bỏ, viễn ly được. Nào là cảnh chùa to, Phật lớn, nào thiện nam tín nữ ồn ào náo nhiệt, cầu nguyện van vái nên vọng tưởng chấp trước cũng vì thế mà phát sinh. Vì vậy ngày nay người tu thì nhiều mà người có an lạc giải thoát thì rất ít.

11.Tiêu diệt thanh trần đối tượng tôi xoay cái nghe về tánh bản minh, thân tâm cảnh giới trong sáng như lưu ly, chẳng vương chút trần ai vọng chấp, khiến chúng sinh xiển đề mê tối xa lìa câm điếc tối tăm.

https://thuviensach.vn

Thế nào là câm điếc tối tăm? Con người hằng ngày nói rất nhiều và nghe cũng lắm, nhưng thật ra cái nghe, thấy, biết này chỉ nằm trong vòng lẩn quẩn của vô minh phiền não, của sự phân biệt đối đãi, của hơn thua phải quấy lợi mình hại người. Do đó nói mà không đúng với sự thật, không hợp với chân lý thì lời nói kia chẳng có giá trị gì, đâu khác chi người câm. Còn tai chỉ muốn nghe lời ngọt diệu êm đềm, thị phi hoặc khi nghe lời mắng chửi thì khó chịu, bực mình. Nhưng trên đời hễ trung ngôn thì nghịch nhĩ, lời thật thường mất lòng tức là thuốc đắng mới đả tật. Vì vậy người không nghe nổi chân lý, không nghe được lời dạy của Thánh hiền thì tuy có tai mà khác chi là người điếc.

Thêm nữa, chân lý là sự thật vĩnh hằng, là ngọn đuốc tuệ soi sáng tâm chúng sinh cho nên nếu không nhận biết được chân lý thì tuy là ánh sáng mặt trời vẫn chiếu sáng, nhưng người đó có khác gì người đi trong tăm tối. Trong kinh Pháp Hoa có đoạn nói rằng nếu có chúng sinh chê bai, phỉ báng kinh Pháp Hoa thì sẽ bị quả báo là đui, điếc, câm, ngọng, thân hình lở loét hôi tanh, miệng thúi, răng xéo…là theo ý ở trên chớ không phải là đui, điếc thật. Vì hiểu biết một chiều nên có người lý luận rằng nếu không có Phật thị hiện ở thế gian thì đâu có kinh Pháp Hoa để chúng sinh đọc mà không hiểu thấu nên mới chê bai mà phải chịu quả báo đui điếc…

Lý luận như vậy chẳng khác nào nói rằng Đức Phật Thích Ca truyền lại bộ kinh Pháp Hoa làm cái bẩy để hại chúng sinh mang lấy bệnh tật sau này hay sao? Nói thế thì làm sao giải thích cho đúng với chân lý được. Thâm ý của kinh

https://thuviensach.vn

là cái thấy của một người mà không nhận thức đúng chân lý, không thấy được con đường giải thoát giác ngộ thì tuy mắt vẫn còn, nhìn rất rõ nhưng đây là cái thấy của vô minh, vọng chấp thì có khác gì người đui. Lỗ tai không nghe chân lý, không nghe nổi kinh liễu nghĩa thượng thừa thì lỗ tai tuy còn đó, nghe rất rõ, nhưng không chịu nghe lời thiện thì khác gì người điếc. Miệng tuy nói nhiều, nói rất hay, nhưng không nói lời thiện, nói đúng theo chân lý thì khác gì người câm.

Một khi chúng sinh biết xoay cái nghe về tánh bản minh để cho thân tâm được trong sáng như lưu ly nghĩa là lìa xa cái nghe bên ngoài (sở văn) tức là không còn vướng mắc vọng chấp mê lầm mà xoay vào để nghe tiếng lòng thanh tịnh nhiệm mầu của mình thì sẽ có tâm hồn trong sáng thanh tịnh.

12.Viên dung các hiện tượng, tôi xoay tánh nghe trở về bất động. Hài hòa thế gian mà không hủy hoại thế gian, cúng dường Như Lai mười phương như số vi trần, tôi ở bên mỗi Phật làm Pháp Vương Tử, khiến trong pháp giới những chúng sinh không con, cầu có con trai, sanh được con trai phúc đức trí tuệ.

Trong 11 phần trước, pháp tu thiền định khuyên chúng sinh lìa bỏ trần cảnh bên ngoài mà xoay tánh nghe vào trong để nghe tiếng nói thanh tịnh của lòng mình. Đến phần này tánh nghe không còn phải ngăn bít sắc thanh hương vị xúc pháp nữa mà bất động nghĩa là những đoạn kinh trước Bồ Tát dạy chúng sinh phải tránh né âm thanh đối tượng, nhưng bây giờ không cần tránh né nó nữa nghĩa là đến đây

https://thuviensach.vn

chúng sinh đã biết xoay cái nghe trở về với tánh nghe để nghe âm thanh thanh tịnh của lòng mình rồi thì tuy có nghe cả âm thanh của thế gian nhưng vẫn hài hòa với thế gian, không dính mắc nơi thế gian. Một khi tâm đã thanh tịnh thì cái thế giới bên ngoài tuy vẫn còn đó nhưng đối với người có tâm thanh tịnh thì có mà vẫn như không nghĩa là nghe thì cái gì cũng nghe mà rốt cuộc như không nghe cái gì hết. Tâm nhẹ nhàng thanh thoát, rỗng rang thì có an vui tự tại.

Thế nào là cúng dường chư Phật?

Khi chúng sinh phát khởi một niệm giác ngộ để sống đúng với chân lý là mình đã cúng cho một vị Phật. Phát khởi một niệm khác lợi ích cho chúng sinh và sống đúng với chân lý là cúng dường cho hai vị Phật. Cứ như thế mà nghĩ niệm lành, nói lời thiện, làm việc tốt cho chúng sinh là mình đã cúng dường cho vô số chư Phật trong mười phương rồi. Phải chăng chữ "Phật" muốn ám chỉ trong đoạn kinh này là chúng sinh vì trong tất cả mọi chúng sinh ai ai cũng đều có Phật tâm, Phật tánh như nhau, không sai khác. Trong Phật giáo, Pháp cúng dường là hơn hết trong các cách cúng dường. Đó là chúng sinh đúng theo lời Phật dạy mà tu hành để cúng dường. Làm lợi ích cho chúng sinh để cúng dường. Nhiếp thọ chúng sinh để cúng dường. Thay thế sự khổ ách cho chúng sinh để cúng dường. Siêng tu căn lành để cúng dường. Chẳng bỏ hạnh nghiệp Bồ Tát để cúng dường. Vì thế chúng sinh có đem vô lượng công đức của tài cúng dường cũng không bằng một phần trăm, một phần nghìn của Pháp cúng dường vậy.

https://thuviensach.vn

Nếu có chúng sinh cầu có con trai sẽ sinh được con trai nghĩa là nếu chúng sinh muốn tu phước đức trí tuệ thì chắc chắn sẽ được phước đức trí tuệ. Con trai ở đây là phước đức trí tuệ, là nguồn sống chân thật của mình chớ một vị Đẳng Giác Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm đâu có giúp chúng sinh tăng trưởng thêm lòng tham dục, muốn gì được nấy, trái với luật nhân quả khách quan của thế gian vũ trụ.

Có một nữ Phật tử muốn cầu con nên đến chùa gặp vị Ni cô dạy niệm Đức Quán Thế Âm thì muốn con trai sẽ có con trai. Cô Phật tử làm y như vậy, tuần nào cũng đến chùa cầu nguyện Đức Quán Thế Âm rất chân thành. Nhưng đến khi sanh thì sinh con gái. Cô có vẻ bất bình tìm đến chùa để chất vấn vị Ni cô. Sư cô biết được nên cố tránh né không muốn gặp mặt. Dựa theo xác suất (probability) của toán học thì xác suất để đạt được bất cứ vấn đề gì có thể tăng hay giảm, ít hay nhiều, nhưng có thể xảy ra. Vì thế xác suất lời nói của Ni cô là 50% đúng nghĩa là cơ hội đúng rất cao. Ngay cả xác suất để trúng lô độc đắc là rất nhỏ có thể là một trong hai trăm triệu, nhưng tuy là rất nhỏ nhưng hàng tuần vẫn có người trúng.

Vậy khi trúng số không phải là Phật, hay Bồ Tát ban cho mà phước đức của mình đến lúc xuất hiện vậy thôi. Con cái, vợ chồng là do nhân duyên kết tập từ những đời quá khứ nên gặp lại nhau trong đời này. Nếu đời trước cha mẹ nợ nần thì đời này con cái đến đòi nợ cho nên cả đời cha mẹ khổ vì con cái. Còn nếu đời trước con cái nợ nần cha mẹ thì sang đến đời này nó đến để đền ơn trả nghĩa nên đó là những đứa con hiếu để, biết thương yêu, lo lắng, chăm

https://thuviensach.vn

sóc cho cha mẹ. Vì thế Bồ Tát không can dự vào chuyện ân oán nợ nần của chúng sinh mà ban cho con trai, con gái hay bất cứ đứa con nào.

Giả sử nếu Bồ Tát ban cho chúng sinh đứa con ngỗ nghịch, vào tù ra khám, giết cha hại mẹ thì chúng sinh nghĩ sao về Ngài? Rất nhiều gia đình có liên tiếp ba bốn đứa con trai. Lại có gia đình có liên tiếp bốn năm đứa con gái. Nhưng phần lớn thì trai gái chen nhau là chuyện thường. Thế thì không phải cầu nguyện, van vái để được cái này, có cái kia. Có hay không có là do phước đức quả báo của mình đến lúc xuất hiện hay chưa vậy thôi chớ Bồ Tát không cho hay ban phát cho ai cái gì cả. Đạo Phật không dạy chúng sinh cầu nguyện vì có cầu cũng chẳng được mà đạo Phật chỉ dạy chúng sinh tin sâu vào nhân quả bởi vì chính Đức Phật cũng phải đi xin cơm tín chúng thì lấy gì để Ngài cho.

Nếu Đức Phật và các đại đệ tử của Ngài linh thì họ chỉ cần niệm Úm Ba La Bát Nhi Hồng rồi phẩy cái phất trần thì đồ ăn, thức uống hiện ra trước mặt, nhưng tại sao hằng ngày họ cũng phải đi hóa duyên? Do đó không có vấn đề linh hay không linh trong Phật giáo bởi vì Đức Phật Thích Ca chỉ là một đấng đạo sư vô thượng chớ không phải là đấng thần linh. Ngài dạy chúng sinh lau sạch bụi vô minh phiền não thì sẽ có thanh tịnh an lạc Niết bàn. Nếu y giáo phụng hành thì đây là linh vậy. Do đó nếu hiểu kinh điển một bên hay hiểu theo sự tướng bề ngoài thì rất nguy hiểm dễ rơi vào mê tín dị đoan, khiến tâm bất tịnh.

13.Sáu căn tôi viên thông, soi sáng không hai, khắp trùm thập phương thế giới, đứng trước đại viên kính ở trong

https://thuviensach.vn

Như Lai Tạng, tôi vâng lãnh pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp gới những chúng sinh không con, cầu con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phúc đức và dịu dàng được nhiều người quý mến.

Khi tu hành chứng đắc tức là trở về với căn bản trí tức là vô phân biệt trí của mình thì tám thức sẽ chuyển thành bốn trí. Ý thức có tác dụng phân biệt sẽ biến thành "Diệu Quan Sát Trí" tức là trí có năng lực quan sát thâm diệu có thể thấy được hằng sa thế giới và thấy được tâm niệm sở cầu trong mỗi chúng sinh. Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức tức là tiền ngũ thức sẽ biến thành "Thành Sở Tác Trí" nghĩa là cái trí này có những công năng vô cùng rộng lớn như thị hiện thần thông biến hóa. Thức thứ bảy Mạt na thức có tác dụng chấp ngã sẽ biến thành "Bình Đẳng Tánh Trí" nghĩa là trí có năng lực nhận thức tình bình đẳng của tất cả vạn pháp. Thức thứ tám A lại da thức sẽ biến thành "Đại Viên Cảnh Trí" tức là trí sáng như tấm gương lớn và tròn đầy cũng như biển cả chơn như. Vậy đại viên kính ở trong Như Lai Tạng chính là đại viên cảnh trí. Do đó người tu đạt đến trí tuệ viên mãn thì trong lòng thanh tịnh, không còn phiền não ưu tư cũng như người con gái có tướng tốt, lúc nào cũng đoan chính, phúc đức dịu dàng và ai ai cũng kính quý.

14.Trong tam thiên đại thiên thế giới này các Pháp Vương Tử đông như số cát 62 sông Hằng. Trí tuệ và phương tiện giáo hóa chúng sanh mỗi Ngài đều khác nhau. Vậy mà chúng sanh chấp trì một danh hiệu của tôi, bằng ngang với

https://thuviensach.vn

công đức chấp trì danh hiệu số lượng Pháp Vương Tử nói trên.

Nếu chúng sinh chấp trì danh hiệu một Bồ Tát thì cũng như chấp trì hết thảy 62 hằng hà sa Bồ Tát. Bởi vì chấp trì 62 hằng sa Bồ Tát là cốt để cho thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt và trí tuệ đạt đến đỉnh cao. Nhưng nếu chấp trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm nghĩa là xoay cái nghe trở vào để nghe tiếng nói thanh tịnh của lòng mình và dứt bặt năng văn, sở văn thì cũng có thân tâm thanh tịnh và trí tuệ trong sáng như vậy. Do đó chỉ cần niệm một danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát là đủ.

- Bạch Thế Tôn! Sở dĩ tôi được những điều ưu việt như vậy là do tôi tu tập pháp "Văn Huân Văn Tu Kim cang tam muội, cho nên tôi được tánh viên thông chơn thật, gọi đó là 14 đức vô úy thí đem lại phúc lành cho tất cả chúng sinh.

Văn huân là huân tập cái nghe, Văn tu là tu tập dựa theo tánh nghe. Vậy Văn huân Văn tu Kim Cang tam muội là pháp môn tu hành của Ngài Quán Thế Âm mà theo đó Ngài huân tập cái nghe tức là xoay cái nghe trở về với tánh nghe thanh tịnh và mỗi ngày huân tập một chút để hóa giải thân khẩu ý dần dần cho được thanh tịnh thì sẽ có được chánh định rắn chắc như Kim Cương.

Nếu chúng sinh biết quay về nghe vào tự tánh của chính mình tức là quán chiếu cái âm văn thì Quán Thế Âm Bồ Tát thể nhập vào thân của chúng ta rồi. Đức Quán Thế Âm nhờ tu theo pháp môn "Vô tác diệu lực Văn huân Văn tu kim cương tam muội" mà có được giải thoát tự tại cho nên nếu chúng sinh nương theo pháp môn này mà thực hành thì

https://thuviensach.vn

cũng có được an vui giải thoát, xa lìa khổ ách như Bồ Tát vậy. Bồ Tát nhờ tu theo pháp môn này mà có được 14 thứ công đức vô úy không có nghĩa là Bồ Tát thành tựu 14 công đức vô úy rồi đem 14 thứ công đức đó mà cứu khổ cứu nạn chúng sinh. Huyền nghĩa của kinh là Bồ Tát nhờ tu theo pháp môn Văn huân Văn tu mà thành tựu 14 thứ công đức vô úy do đó nếu chúng sinh tu pháp môn này đến chỗ rốt ráo như Bồ Tát thì chính mình cũng có được 14 công đức vô úy như các Ngài.

Người đệ tử Phật phải sáng suốt nhận định rằng chính Đức Phật Thích Ca trong suốt 49 năm trời rày đây mai đó thuyết pháp độ sinh không ngừng nghỉ. Ngài dùng biết bao phương tiện : Ngài nói rộng, nói hẹp, nói đốn, nói tiệm, nói quyền, nói thật và sau cùng để lại cho Phật tử ba tàng giáo lý thì nếu đây không là "Phật gia bì" hay "Tha lực Phật" thì là gì? Nhưng trong Phật giáo không hề có chuyện van vái, cầu xin thế này thế kia để được Phật hay Bồ Tát gia bì bởi vì nó trái với quy luật nhân quả khách quan của hiện tượng vạn hữu trong thế gian vũ trụ. Đức Phật không phải là đấng thần linh vì thế "gia bì" hay "cứu độ" trong Phật giáo phải được hiểu là thực hành đúng theo những giáo pháp của Như Lai đã dạy. Phương pháp quán niệm "phản văn văn tự tánh" rất quan trọng vì thế người đệ tử Phật khi tu học pháp tu này hãy gác qua tình cảm do tập quán và truyền thuyết dân gian hời hợt. Chúng sinh hãy tìm hiểu kinh điển qua sự thấy biết, tư duy vận động lý trí có tánh khách quan thì mới có thể nhận chân giáo lý và mới có thể biết được sự

https://thuviensach.vn

thật về những điều huyền diệu mà Đức Phật đã dạy chúng ta.

QUÁN THẾ ÂM CÓ BỐN ĐỨC NHIỆM MẦU KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Bạch Thế Tôn! Tôi được viên thông vô thượng cho nên có bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn :

Trong giáo lý nhà Phật, không thể nghĩ bàn tức là bất khả tư nghì. Không thể nghĩ bàn không có nghĩa là siêu hình, ảo tưởng nhưng vì sự nhiệm mầu nên không thể nói hay diễn tả được. Thí dụ có người uống một tách trà thì chỉ có người đó là biết hương vị thơm tho và độ nóng lạnh của tách trà chớ người ngồi kế bên cũng không hề biết được. Vì vậy đối với Bồ Tát những đức tính nhiệm mầu là có thật, nhưng đối với chúng sinh chưa đạt đến trình độ tu chứng như vậy thì không thể nghĩ bàn được. Trong tiến trình tu chứng viên thông của 25 vị A la hán và Bồ Tát dựa trên 6 căn, 6 trần, 6 thức và 7 đại thì Quán Thế Âm Bồ Tát là chứng đắc vô thượng nghĩa là sự chứng đắc của Ngài là cao hơn hết trong số 25 vị kia vì thế Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát nghĩa là sự giác ngộ gần đồng với Phật. Bồ Tát chỉ còn một chút sanh tướng vô minh rất vi tế cần hóa giải thì Ngài sẽ thành Phật.

Do đó người đệ tử Phật phải sáng suốt biết rằng một vị Đẳng Giác Bồ Tát không thể làm những công tác từ thiện tầm thường như ai cầu con trai cho con trai, ai cầu con gái cho con gái hoặc có người mang mấy túi vàng bạc đi qua rừng hoang nhiều đạo tặc nên cầu Bồ Tát thì đi qua được

https://thuviensach.vn

an toàn. Bồ Tát không bao giờ làm chuyện đó cho dù các Ngài có muốn làm cũng không được vì nó trái với luật nhân quả khách quan của vũ trụ và đi ngược lại với chân lý. Tin tưởng ảo huyền như vậy chẳng những làm giảm đi giá trị cao siêu huyền diệu của đạo Phật và vô tình biến đạo Phật từ một tôn giáo không có thần linh trở thành tôn giáo tín ngưỡng, thần quyền.

Nói thế thì chắc chắn có người thắc mắc rằng khi gặp chuyện khổ não, tai ương họ niệm Quán Thế Âm thì tai bay họa gởi, hết lo sợ, buồn phiền. Vậy Bồ Tát không linh thì là gì? Phật dạy rằng : ”Vạn pháp duy tâm tạo” nghĩa là thế gian vạn hóa đều phát xuất từ tâm. Khi gặp chuyện bất bình thì tâm sân nổi dậy, gặp vật đẹp cao sang thì tâm tham phát khởi muốn chiếm lấy…vì thế trong ngũ uẩn, hành thức là cội nguồn của tất cả luồng tư tưởng, trôi chảy không ngừng trong tâm thức khiến con người chìm trong biển khổ, bờ mê. Vì những người không thấu hiểu Phật Pháp nên họ không tự chủ được bản tâm mà cầu Phật ở bên ngoài cho nên khi gặp chuyện trắc trở thì họ cầu, họ niệm. Trong một giây nào đó, tiếng cầu khẩn chân thành của họ đánh thức được bản tâm nên những lo sợ, buồn phiền tức thì tan biến.

Thế thì không phải Đức Quán Thế Âm hay Đức Phật Thích Ca linh thiêng cứu giúp họ mà thật ra chính họ đã vô tình đánh thức Phật tâm, Phật tánh linh thiêng huyền diệu của chính mình nên mới có sự an lạc trong nhất thời đó thôi. Thí dụ khi gặp hoạn nạn con người kêu cứu cha mẹ hoặc kêu van trời đất thì nỗi khổ cũng vơi được đôi phần. Đây

https://thuviensach.vn

hoàn toàn thuộc về vấn đề tâm lý chớ không dính dáng gì tới Phật trời cả. Tại sao? Bởi vì tâm của chúng sinh chất đầy vọng tưởng, chạy theo tham đắm dục tình nên lo sợ, bất an. Bây giờ nếu nhất tâm chuyên niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hay Phật A Di Đà thì chính họ đã cột cái tâm vào một chỗ, không còn tán loạn vì thế mới có sự an bình chớ không phải Bồ Tát hay Phật linh thiêng cứu độ gì hết. Do đó nếu chúng sinh muốn có sự an lạc lâu dài mãi mãi mà nhà Phật gọi là thanh tịnh Niết bàn thì ngay bây giờ nên áp dụng pháp tu "phản văn văn tự tánh" của Ngài Quán Thế Âm. Lúc ấy quý vị sẽ không còn sợ bất cứ cái gì trên trần thế nữa bởi vì "tâm an thì có cảnh an, tâm bình thì thế giới bình" vậy.

1) Tôi xoay tánh nghe để nghe tiếng mầu nhiệm của nội tâm. Tánh nghe này không chút ô nhiễm. Tôi ngăn dứt tất cả âm thanh đối tượng của nhĩ căn, bấy giờ tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của sáu căn còn là một tánh giác thanh tịnh có thể dùng thay thế cho nhau mà không ngăn ngại. Tôi còn có thể hiện ra nhiều hình tướng và nói vô số chân ngôn bí mật. Từ một đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu. Tôi có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay, 1.000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay uyển chuyển. Tôi có thể hiện ra 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt cho đến 84.000 con mắt thanh tịnh, hoặc từ, hoặc uy, hoặc định, hoặc tuệ cứu độ chúng sinh được tự tại.

https://thuviensach.vn

Xoay tánh nghe để nghe tiếng mầu nhiệm của tâm là tai đóng bít âm thanh đối tượng để diệt bỏ năng văn sở văn thì chắc chắn phiền não không còn. Nói cách khác, năng văn tức là lỗ tai nghe những âm thanh đối tượng bên ngoài tức là sở văn nên vọng tưởng mới phát khởi được. Có vọng tưởng tức là có phiền não. Thí dụ nghe (năng văn) lời chỉ trích (sở văn) thì lòng không vui. Không vui tức là buồn phiền, là phiền não rồi. Do đó, con người hằng ngày thu nhận biết bao sở văn nên tâm dao động chẳng khác chi sống trong bãi chiến trường. Còn các vị tu chứng thì họ biết ngăn bít sở văn, nghĩa là nghe thì cái gì cũng nghe mà như không nghe cái gì hết nên tâm họ rất bình yên, vắng lặng như sống trong đất nước thanh bình.

Khi Bồ Tát đã dứt sạch đối tượng, không còn nghe phải quấy, hơn thua, tốt xấu, ngon dở thì lúc bấy giờ chẳng những tánh nghe được hoàn toàn thanh tịnh mà các tánh nghe, thấy, ngửi, nếm, xúc, biết trở thành một tánh giác thanh tịnh có thể dùng thay thế cho nhau mà không ngăn ngại. Tâm tánh của chúng sinh vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Đó là thể tánh tịnh minh trong sáng không hề có phiền não khổ đau chi cả. Vì thế một khi tánh nghe đã thanh tịnh thì tánh thấy, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc đều thanh tịnh hết. Thể tánh tịnh minh thì thanh tịnh bao la vô cùng vô tận, nhưng khi nó tác động vào mắt thì có tánh thấy, tác dụng vào tai thì có tánh nghe, tác dụng vào mũi thì có tánh ngửi, tác dụng vào lưỡi thì có tánh nếm và tác dụng vào thân thì có tánh xúc.

https://thuviensach.vn

Có nhiều tánh tức là công dụng tuy có khác nhau nhưng cùng chung bản thể nghĩa là chỉ có một tâm thanh tịnh. Vì con người bỏ tánh nghe mà theo cái nghe nên các căn bị ngăn ngại, không còn tự tại. Bây giờ Bồ Tát chận bít sở văn để xoay tánh nghe trở về với nội tâm thanh tịnh thì lúc bấy giờ sáu căn trở thành một. Đây là trở về với thể tánh tịnh minh trong sáng thanh tịnh của mình. Vì thế mà Bồ Tát sử dụng căn nào cũng được, không ngăn ngại, căn này tức căn kia, căn kia tức là căn nọ không khác gì nhau. Thí dụ dòng điện là thể tánh tịnh minh, nhưng khi dòng điện gắn vào tủ lạnh thì có công dụng riêng của tủ lạnh. Nếu gắn vào TiVi thì có công dụng của TiVi, gắn vào bàn ủi thì có công dụng của bàn ủi…Công dụng tuy có khác nhưng cũng cùng do dòng điện mà ra.

Quán Thế Âm Bồ Tát có thể hóa hiện ra 84.000 cái đầu, 84.000 cánh tay và 84.000 con mắt để cứu độ chúng sinh. Tại sao Bồ Tát lại có nhiều đầu, nhiều tay, nhiều mắt như vậy? Nếu thật sự có thần thông diệu dụng thì một đầu, một tay, một mắt cũng đủ sức biến hóa mà cứu độ chúng sinh chớ đâu cần phải nhiều như thế? Vậy huyền nghĩa của kinh như thế nào?

Vì chúng sinh mê mờ tánh giác diệu minh nên mới xuất hiện 84.000 phiền não trần lao khiến cho cuộc sống thêm điên đão, khổ đau. Do đó Phật, Bồ Tát mới chế ra 84.000 phương pháp để đối trị. Đầu là biểu tượng của trí tuệ, mắt là biểu hiện cho kiến tánh và tay là tượng trưng cho diệu dụng cho nên nếu phiền não chướng của chúng sinh tới mức nào thì Bồ Tát cũng có trí tuệ, kiến tánh và diệu dụng

https://thuviensach.vn

tương ứng tới mức đó để giúp họ đối trị và thoát khỏi phiền não vô minh và trở về sống với thể tánh tịnh minh trong sáng thanh tịnh của chính mình. Nói cách khác sự huyền diệu nhiệm mầu là Bồ Tát có đầy đủ thuốc để chửa lành tâm bệnh của tất cả chúng sinh. Nếu hiểu theo Sự Tướng cạn cợt thì Quán Thế Âm Bồ Tát có ngàn đầu, ngàn tay, ngàn mắt là để dễ dàng thấy nghe biết rõ mà cứu được nhiều người.

Đức Phật Thích Ca sống trong thế gian chỉ có một đầu, hai tay, hai mắt thì không có vị Bồ Tát nào có nhiều đầu, nhiều tay, nhiều mắt như vậy được. Nhưng nói theo Lý tánh thì nhiều đầu, nhiều tay, nhiều mắt là để nói nên sự thức tỉnh trọn vẹn, trong sáng, nhìn thấu suốt và khả năng cứu giúp chúng sinh vô bờ vô bến không ngăn ngại. Do đó nếu chúng sinh tu hành chứng đắc viên thông thì kiến tánh này cũng như có một ngàn (hay 84.000) vị Phật cho nên mới gọi là Thiên Nhãn phóng ra hào quang sáng chói. Còn sống được với tự tánh thanh tịnh bản nhiên cũng đồng diệu dụng như ngàn (hay 84.000) vị Phật do đó mới gọi là Thiên thủ tác dụng và Trí tuệ vô cùng vô lượng cũng ví như ngàn đầu. Vì thế khi chúng sinh sống được với thể tánh tịnh minh thanh tịnh của mình thì cái chơn tâm huyền diệu này loan tỏa khắp châu thân nên bất cứ trên người chỗ nào cũng sáng suốt thì cũng như có ngàn, có vạn con mắt. Trí tuệ bừng sáng cũng như có ngàn, có vạn cái đầu và có thần thông diệu dụng cũng như có ngàn, có vạn cánh tay.

Còn nói cứu độ thì Đức Quán Thế Âm cứu nhân độ thế bằng các nào? Cứu độ chúng sinh không phải là người

https://thuviensach.vn

nghèo thì Bồ Tát cho tiền, ban bố tài vật. Bồ Tát là người tu hành, buông bỏ tận cùng thì làm gì có tiền để bố thí? Người cầu con trai Bồ Tát cho con trai, người cầu con gái Bồ Tát cho con gái hay cầu gì thì được nấy. Bồ Tát tâm bình đẳng thì làm gì còn phân biệt trai, gái. Con trai là ám chỉ cho phước đức trí tuệ còn con gái là đoan chính, phước đức dịu dàng. Cứu độ ở đây phải được hiểu là giúp chúng sinh nương theo Chánh Pháp mà sống nghĩa là suy nghĩ thiện, nói lời lành, hành động tốt và sau cùng dựa theo pháp tu "phản văn văn tự tánh" để có giải thoát giác ngộ. Con người khổ vì chạy theo tư kỷ và làm nô lệ cho tham-sân-si.

Bây giờ thấu hiểu Chánh Pháp thì biết rằng vạn pháp giai không cho nên có hạnh phúc hay không là chỗ biết sống, biết gói ghém, biết đủ chớ không phải là quan tâm, lo lắng để tạo tác thêm cho những cái chưa có. Có người nghĩ rằng mình nghèo khổ nên thiếu hạnh phúc. Chính Đức Phật còn nghèo hơn quý vị mà tại sao Ngài là người an lạc nhất trên thế gian? Vậy Bồ Tát cứu độ ở đây là truyền giao Phật Pháp, giúp chúng sinh hồi đầu quay về sống với tự tánh thanh tịnh bản nhiên của mình thì an lạc, Niết bàn tự hiển lộ.

Quán Thế Âm Bồ Tát là biểu tượng cho đại từ đại bi cho nên việc Ngài có nhiều đầu, nhiều tay, nhiều mắt là cách nói để xiển dương khả năng phát triển tối đa tâm đại từ đại bi của chúng sinh đó thôi. Vì thế nếu chúng sinh biết mở tâm đại từ đại bi để biết yêu thương, cứu giúp người thì vào thời điểm đó Đức Quán Thế Âm đang ngự trong tâm

https://thuviensach.vn

của ta rồi, ngược lại nếu con người sống ích kỷ, chạy theo tham đắm dục tình cho riêng mình thì Ngài Quán Thế Âm biến mất và trong tâm của ta được thay thế bằng cảnh tượng lo lắng, khổ đau, địa ngục A tỳ. Nên nhớ "Văn dĩ tải đạo" nghĩa là "được ý quên lời" tức là lời văn chỉ dùng để chuyên chở, truyền giao Phật Pháp chớ lời văn không bao giờ là Phật Pháp được, đừng nên hiểu sai lầm.

2) Tánh nghe và suy nghĩ của tôi thoát ngoài sáu trần, như âm thanh luồn xuyên qua vách. Do sức nhiệm mầu vô tác, tôi hiện nhiều hình tướng nói nhiều chơn ngôn đem lại cho chúng sinh sức vô úy. Vì vậy cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi tôi là vị Bồ Tát "thí vô úy".

Thông thường con người nghe là do âm thanh dựa vào sắc thanh hương vị xúc pháp tác dụng qua lại với nhĩ căn. Nói cách khác, tất cả âm thanh nghe được đều dựa vào sáu trần cả. Nhưng Quán Thế Âm Bồ Tát thì ngược lại bởi vì tánh nghe và suy nghĩ của Ngài không còn lệ thuộc sáu trần. Chúng sinh vì còn duyên với trần tướng nên vọng thức phát khởi liên miên khiến tâm bất tịnh, chạy theo tham đắm dục tình mà kết quả là có nhiều phiền não khổ đau. Bây giờ nếu con người biết làm chủ sáu căn của mình tức là nghe thì nghe tất cả mà như không nghe cái gì hết, thấy thì cái gì cũng thấy mà như không thấy gì hết thì cũng như đóng bít sáu trần nên tham dục, vọng trần không lọt được vào tâm. Tâm lặng lẻ thì tự tánh hiện bày. Đó chính là "kiến sắc phi can sắc, Văn hương bất nhiễm hương".

Con người hằng ngày nói rất nhiều : Chúng ta nói thiện, nói ác, nói xa, nói gần, nói chuyện mình, chuyện người,

https://thuviensach.vn

chuyện không nói có, chuyện có nói không, nói băm nói bổ, nói bắc nói chì, nói bóng nói gió, nói cạnh nói khóe, nói dối nói đãi bôi, nói khoác nói láo, nói móc, nói nhăng nói cuội, nói quanh nói co, nói trời nói đất…Nói càng nhiều thì tâm càng bất tịnh, khiến vọng tưởng phát sinh mà nếm mùi đau khổ. Vì vậy mà các người tu thiền họ chỉ ngồi (tọa thiền) hay đi thong thả (thiền hành) để suy tư mà không nói.

Do đó Đức Quán Thế Âm nói nhiều chân ngôn ở đây là muốn dạy chúng sinh thay vì nói nhiều thì hãy đọc tụng thần chú để tâm quy tâm về một chỗ mà có được sự thanh tịnh, an nhàn. Đối với những người tu Mật tông thì họ thực tập tam mật tương ưng. Đó là miệng niệm thần chú, tay bắt ấn tam muội, ý chỉ nghĩ về Phật nên bộ ba thân, khẩu, ý dần dần được thanh tịnh cũng giống như (tương ưng) chư Phật vậy. Một khi chúng sinh làm chủ tâm mình tức là biết rằng tâm mình chính là tâm Phật thì còn sợ cái gì? Thân thanh tịnh thì không còn làm điều sai trái, miệng thanh tịnh thì không còn nói lời bất tịnh, thương tổn đến người và ý thanh tịnh nên không còn suy nghĩ về tham-sân-si nữa tức là có sức vô úy rồi.

3) Sự tu tập của tôi là phát huy căn bản thanh tịnh sẵn có nên tôi được "viên thông" mầu nhiệm. Đi đến thế giới nào, chúng sinh cũng xả thân, hy sinh trân bảo cầu được tôi thương xót.

Phát huy căn bản thanh tịnh sẵn có là bồi dưỡng cái tánh giác diệu minh thường có trong tất cả mọi chúng sinh, nghĩa là biết xoay tánh nghe để nghe tiếng nói thanh tịnh

https://thuviensach.vn

của chơn tâm. Cũng như trong kinh Pháp Hoa, Phật khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến tức là cái tri kiến thanh tịnh, trong sáng nhiệm mầu của mình. Nói cách khác, tri kiến Phật chính là chơn tâm, Phật tánh vậy.

Vì sự huyền diệu của pháp tu "phản văn văn tự tánh" của Ngài Quán Thế Âm nên tất cả chúng sinh nếu biết áp dụng rốt ráo thì ai ai cũng có thanh tịnh an lạc Bồ Đề Niết bàn cả.

4) Tôi có được Phật tâm, chứng ngộ đến chỗ cứu cánh cho nên có thể đem các thứ trân bảo cúng dường thập phương Như Lai. Đến như lục đạo chúng sinh trong pháp giới muốn cầu con được con, muốn cầu tam muội được tam muội, muốn cầu trường thọ được trường thọ, cho đến cầu đại Niết bàn cũng được đại Niết bàn.

Quán Thế Âm Bồ Tát chứng ngộ đến chỗ cứu cách, Phật tâm hiển lộ nên Ngài đem các thứ trân bảo cúng dường thập phương chư Phật. Câu kinh này mới nghe thì thấy có sự tương phản. Tại sao? Khi tu hành đến chỗ rốt ráo sắp thành Phật thì Ngài làm gì có tiền bạc hay trân châu mà đem đến cúng dường chư Phật. Đó là chưa kể chư Phật đâu có cần những thứ giả tạm phù du này. Vậy ý của kinh là gì? Thâm ý của đoạn kinh này là Quán Thế Âm Bồ Tát đem đến cúng dường thập phương Như Lai bằng chính Phật tâm của chính mình bởi vì một khi có được Phật tâm thanh tịnh thì nó còn quý hơn cả trân châu bảo ngọc của thế gian. Vì thế đoạn kinh này nhắc nhở chúng sinh rằng sự cúng dường cao thượng nhất, quý báu nhất cho chư Phật là bằng chính bản tâm thanh tịnh của chính mình nghĩa là không có

https://thuviensach.vn

thứ vật chất hay hoa quả nào trên thế gian này cao quý để cúng dường chư Phật bằng Phật tâm, Phật tánh của mình cả. Do đó hằng ngày chúng sinh cố gắng hóa giải bớt vô minh phiền não để có một phần thanh tịnh Niết bàn thì đây chính là sự cúng dường chư Phật cao thượng nhất vậy.

Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Đẳng Giác Bồ Tát tức là (sắp) ngang hàng với Phật nghĩa là Ngài là một vị Bồ Tát xuất gia chớ không phải là Bồ Tát tại gia nên không thể lấy hình tướng của một cô gái Tàu mà gọi là Phật (Bà) được mặc dù đối với Bồ Tát thì không còn tướng nam tướng nữ. Thêm nữa, phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa và chương Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông của kinh Lăng Nghiêm thì Đức Quán Thế Âm trong pháp hội này là người nam chớ đâu phải tướng nữ. Vì niềm tin trong nhân gian, con người có thể gọi Đức Quán Thế Âm là Phật Bà, nhưng người học Phật Pháp thì không thể gọi như vậy.

Tại sao? Vì trong ba đời chư Phật thì Phật quá khứ là Phật A Di Đà, Phật hiện tại là Đức Thích Ca và Phật tương lai là Phật Di Lặc chớ không còn vị Phật nào nữa. Còn tất cả các vị như Đại Thế Chí, Quán Thế Âm, Văn Thù hay Phổ Hiền chỉ là Bồ Tát, nhưng họ không phải là những vị Bồ Tát tầm thường mà là những đại sĩ Bồ Tát vì tất cả đều chứng quả Đẳng Giác tức là họ đã thấu hiểu chân lý gần tới 99% nên sắp thành Phật mà tiếng Phạn gọi là Ma Ha tức là đại. Khi họ diệt được sanh tướng vô minh tức là cái vô minh rất vi tế, cực nhỏ nghĩa là chứng ngộ chân lý 100% thì họ sẽ thành Phật.

https://thuviensach.vn

Chẳng những thế Phật giáo Trung Hoa ngày nay còn vẽ hình tượng của Đức Quán Thế Âm, Ngài Đại Thế Chí và ngay cả Đức Phật A Di Đà đều có đeo trân châu, tràng phan, bảo cái trên người tạo ra sự hiểu lầm bởi vì có người thắc mắc rằng tu hành là buông bỏ tận cùng mới chứng được thánh quả thì tại sao Bồ Tát hay Phật lại còn dính mắc, tham đắm vật đẹp cao sang? Thật ra, không có vị Bồ Tát hay vị Phật nào đeo trân châu, bảo ngọc, áo lụa, tràng hoa cả vì những hình tướng đó là do óc tưởng tượng ảo huyền của mấy ông họa sĩ Trung Hoa chớ có ai thật thấy Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hay ngay cả Phật A Di Đà đâu mà vẽ hình tạc tượng. Không hiểu mấy ông họa sĩ Tàu nghĩ thế nào mà vẽ trên toàn thân thì cho mặc áo lụa, quần là, đeo đầy trân châu bảo ngọc mà lại đi chân đất?

Nếu đã "giàu sang hóa" thì phải giàu hết từ trên xuống dưới còn nếu nghèo thì phải nghèo sát đất như Đức Phật Thích Ca và tất cả đệ tử của Ngài thì mới gọi là Khất sĩ được chứ. Thí dụ trên bàn để trái chuối hay trái cam mà năm người vẽ theo năm kiểu khác nhau bởi vì vẽ là phác họa lại cảnh giới dựa theo kinh nghiệm hiểu biết của từng người. Trái cam, trái chuối là vật vô tri, không thay đổi, nhưng người họa sĩ cộng thêm cái ngã kiến của họ vào thành thử mới có sự khác biệt. Nhưng Phật dạy "Pháp nhĩ như thị" nghĩa là vật thể như thế nào cứ thấy biết trung thực như thế đó. Do đó Đức Phật quấn y thì cứ vẽ quấn y chớ đừng sửa lại thành áo thụng. Nếu cho rằng quấn y là xấu thì làm sao xứng đáng là đệ tử Phật được? Ứng thân Đức Phật Thích Ca là người Ấn Độ, sống và nhập diệt tại

https://thuviensach.vn

Ấn Độ chớ Ngài đâu có chọn Trung Hoa để đản sinh? Đức Phật Thích Ca quấn y thì ai dám bảo đảm Đức Phật A Di Đà mặc áo thụng?

Ngày xưa Đức Phật còn sinh tiền, Ngài đi chân đất, đầu đội trần, mình chỉ quấn một chiếc y thế thì trân châu hột xoàn đeo ở đâu? Đây mới là hình ảnh trung thực nhất của một vị Phật hay Bồ Tát. Không phải Đức Phật không thể có, nhưng người đã giác ngộ thì không cần những thứ này. Trước khi xuất gia, Ngài đeo đủ thứ ngọc ngà châu báu mà cảm thấy như đeo còng đeo xích, u ám nặng nề. Sau khi xuất gia, Ngài mình trần chân trụi mà thân tâm nhẹ nhàng thanh thoát, an vui tự tại. Đây chính là nét đặc thù, thánh thoát thanh cao của đạo Phật nói lên sự buông bỏ tận cùng.

Vì thế nếu không thấu hiểu thì chắc chắn sinh ra biết bao chuyện mê tín hoang đường, tin tưởng sai lầm, tăng trưởng lòng tham đắm si mê trái với giáo lý nhân quả của nhà Phật. Thật ra Bồ Tát đâu có cần những thứ phù du giả tạm đó cho nên Quang Nghiêm Đồng Tử Bồ Tát trong kinh Duy Ma Cật đã dùng ánh sáng của trí tuệ và công đức để trang nghiêm cho Pháp thân làm cho chúng sinh đều kính phục là vậy. Bây giờ nếu dựa theo lý tánh tức là thâm ý của kinh thì trân châu, bảo ngọc là muốn ám chỉ cho Phật tâm, Phật tánh thanh tịnh chớ không dính dáng gì tới Kim Cương hột xoàn cả.

Thế nào là trường thọ? Phải chăng đó là sống lâu, sống ngoài trăm tuổi? Ngày xưa tôn giả La Hầu La chứng thánh quả lúc mới 20 tuổi và nhập diệt lúc ngoài 50 vì thế nếu dựa theo định nghĩa của thế nhân thì Ngài La Hầu La chắc

https://thuviensach.vn

chắn không phải là người trường thọ. Nhưng trong đạo Phật thời gian là vô thường, không có ý nghĩa, giá trị gì hết bởi vì một ngày ở những hành tinh khác có thể dài bằng một thế kỷ ở địa cầu. Vậy thời gian nào là thời gian thật? Một người chứng đạo tuy chỉ sống một ngày còn giá trị hơn một người thường sống trên trăm tuổi. Thêm nữa, người hiểu đạo coi sống chết là sự đi về, hợp tan là trò dâu biển nên chẳng có gì quan trọng. Vậy trường thọ ở đây là chân lý vĩnh hằng, là sự thức tỉnh giác ngộ để đem lại sự an lạc thanh tịnh Niết bàn chớ không phải là tuổi thọ của con người. Vì thế mà Ôn Như Hầu cũng nói rằng :

“Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì”.

Khi nói về vợ chồng con cái, kinh Bát Đại Nhơn Giác có câu : ”Dính vào vợ chồng con cái còn nguy hại hơn là ở tù bởi vì ở tù thì còn có ngày ra, còn vướng vào chồng vợ là tự mang bản án chung thân, không có ngày giải thoát”. Do đó đạo Phật không khuyến khích mà cũng không chống đối việc dựng vợ gả chồng, sinh con đẻ cái, việc đó tùy ở chúng sinh. Ngay cả việc xuất gia cũng tùy ở chúng sinh, nếu ai có duyên với cửa Phật thì xuất gia vậy thôi. Vì thế không có chuyện ai cầu con trai Bồ Tát cho con trai hay cầu con gái thì Bồ Tát cho con gái. Đây là nói theo nghĩa đen của kinh (sự tướng) chớ còn dựa theo lý tức là thâm ý của kinh thì con trai đồng nghĩa với phước đức trí tuệ và con gái tức là đoan chính tứ hảo cho nên cứ y theo kinh mà giải nghĩa là hàm oan cho ba đời chư Phật và nếu hiểu kinh chỉ một bên thì tai hại vô cùng.

https://thuviensach.vn

Khi chúng sinh biết xoay tánh nghe vào trong để nghe tiếng nói thanh tịnh của tâm mình thì sở văn bị ngăn bít nên tâm trở thành thanh tịnh tức là có được Niết bàn. Do đó nếu áp dụng rốt ráo pháp tu của Bồ Tát thì có Niết bàn là vậy chớ không phải cầu cho mình có được Niết bàn mà tham-sân-si không hóa giải, tánh tham tật đố không chừa thì cho dù có cầu đến muôn kiếp cũng không bao giờ có được Niết bàn.

Bạch Thế Tôn! Nay Phật hỏi nguyên nhân chứng đắc "viên thông" xin thưa rằng : Tôi từ cửa ngõ "nhĩ căn" quán chiếu đến tột cùng viên mãn về "âm văn" (nghe và tiếng) mà được tam muội. Đối với tôi, tư duy và quán chiếu tánh nghe và tiếng của nhĩ căn là ưu việt nhất.

Bạch Thế Tôn! Đức Quán Thế Âm Như Lai từ thuở xa xưa ấy đã khen tôi khéo được quán viên thông, ở trong đại chúng, Phật thọ ký cho tôi danh hiệu Quán Thế Âm bởi vì tánh nghe và thấy tròn sáng châu biến mười phương, danh hiệu Quán Thế Âm cũng phổ cập trong lục đạo chúng sinh mười phương thế giới.

Nhĩ căn có đủ 1200 công đức bởi vì cái nghe thì không ngăn ngại bởi vật chất nên ở trong cũng nghe, ở ngoài cũng nghe, bên trên cũng nghe, ở dưới cũng nghe. Nói chung tai có thể nghe được âm thanh bất cứ từ nơi nào. Hễ có âm thanh là tai nghe được. Ngược lại nhĩ căn cũng có đủ 1200 điều kiện khiến chúng sinh tạo nghiệp nếu họ không tự chủ được cái nghe nghĩa là để cái nghe chạy theo thanh trần vô minh phiền não. Ngoài ra nhĩ căn có ba đức tính là Viên, Thông và Thường. Thứ nhất "Viên" tức là viên mãn nghĩa

https://thuviensach.vn

là ở đâu mà có âm thanh thì tai có thể nghe được. Đức tính thứ hai của tai là "Thông" tức là không bị ngăn bít. Thí dụ một người đánh trống ở căn nhà kế bên mà chúng ta có thể nghe tiếng trống rất rõ ở trong nhà mình. Đức tính thứ ba là "Thường" tức là lúc nào cũng nghe. Thí dụ như có âm thanh thì nghe tiếng tức là nghe động. Còn không có âm thanh thì tai nghe tĩnh. Vì thế khi tham thiền nhập định, tuy rất yên lặng, không có tiếng động, nhưng hành giả vẫn có thể nghe rất xa và rất rõ những âm thanh huyền diệu mà được gọi là Diệu Âm.

Pháp tu "phản văn văn tự tánh" là một pháp môn tu thiền định rất huyền diệu giúp hành giả đạt được tam muội tức là có chánh định và tiến về con đường giải thoát giác ngộ là thành Phật. Quán Thế Âm chỉ là nhân cách hóa một pháp môn mà trong đó hành giả lấy tự Tánh sẵn có làm định tức là cái định viên mãn, bền chắc nhất sẵn có của tự tâm chớ không dụng công phu tu tập lâu ngày theo phương pháp Chỉ-Quán.

Cái khả năng tu Định này không nhất thiết chỉ có trong Ngài Quán Thế Âm mà thật ra nó có trong tất cả mọi chúng sinh vì thế nếu người đệ tử Phật biết thực hành rốt ráo để xoay tánh nghe trở về nghe tiếng nói thanh tịnh phát xuất từ trong bản tâm của chính mình tức là lìa xa đối tượng thanh trần (sở văn) thì sẽ nghe được Diệu Âm huyền diệu nhiệm mầu và sau cùng chứng đắc viên thông tự tại. Khi nào hành giả nghe được tiếng diệu âm đó thường xuyên liên tục ở trong tâm mình thì 32 ứng thân, 14 đức vô úy và 4 diệu đức nhiệm mầu cũng chỉ là sự biểu hiện của "vô tác

https://thuviensach.vn

diệu lực" nghĩa là hành giả không cần dụng công tác ý mà nó tự biến hiện một cách trong sáng thanh tịnh cũng như ánh sáng mặt trời lúc nào cũng chiếu sáng.

Nói tóm lại, pháp tu "phản văn văn tự tánh" hay được gọi là "Tự tánh bổn định" của Ngài Quán Thế Âm là dùng nhĩ căn để tu. Một khi thực hành lối tu này, hành giả tuyệt đối phải chấm dứt tất cả mọi tri giải tức là sự hiểu biết, suy luận, không nên bận tâm vào bất cứ vấn đề gì để giữ cho thân tâm được thanh thản an nhiên. Hành giả phải định tâm trong pháp giới tánh vô vùng vô tận của tánh nghe mà không được quan tâm đến mọi hiện cảnh trước mắt cũng ở như trong tâm. Khi đã cô động ở tánh nghe thì tất cả những hiện tượng ngoại cảnh không còn chi phối được nữa.

Nói cách khác hành giả phải diệt hết tâm thức để chỉ còn duy nhất tánh nghe bởi vì tâm thức và tánh nghe cũng ví như tấm gương và hình ảnh rọi vào. Khi thức phát khởi thì gọi là nhớ biết cũng như hình ảnh hiện vào tấm gương và khi thức diệt thì gọi là quên cũng như hình ảnh mất đi. Tuy hình ảnh có đến, có đi nhưng ánh gương không bao giờ mất. Vì thế tâm thức có thay đổi nhưng tánh nghe không hề gia giảm. Khi hành giả nắm được thể tánh chiếu diệu của tánh nghe thì tiếp tục khởi công tu luyện "vi mật quán chiếu" nghĩa là xoay tánh nghe về nghe được tiếng nói của bản tâm thanh tịnh nhiệm mầu "Diệu Âm". Nên nhớ tự tánh bổn định là cái định sẵn có, thường hằng, không ngoài tự tánh bất động, viên dung. Đây mới thật là một pháp môn thù thắng vi diệu cho tất cả mọi người đang đi trên con đường giải thoát giác ngộ.

https://thuviensach.vn

Thêm nữa, tuy chúng sinh có diệt hết tất cả những điều thấy, nghe, hay, biết nhưng trong tâm vẫn còn giữ cái u nhàn tịch tịnh thì bóng dáng của pháp trần phân biệt chưa diệt được bởi vì các pháp vốn là "không" nên nếu bỏ ngoại trần mà nương vào nội tướng thì chẳng khác nào cảnh giới bên ngoài vẫn còn hiện trong gương nghĩa là trong ức niệm vẫn còn tồn tại những chủng tướng ngoại vật. Vì thế giữ cái u nhàn tịch tịnh tức là cái hình bóng pháp trần vẫn còn đó, chưa thể diệt được. Tại sao?

Bởi vì cảnh là pháp trần duyên với tâm mới có sự phân biệt cho nên cảnh và tâm không thể rời nhau. Mà có phân biệt là có vọng động thì làm sao có thanh tịnh. Định của Thủ Lăng Nghiêm là tự tánh bổn định nên thường hằng, lúc nào cũng có. Cái định này khác hẳn với định có xuất có nhập nghĩa là nhập thì có định, xuất thì định mất cho nên định đó vẫn không thoát khỏi luân hồi sinh diệt. Lục Tổ ngày xưa nói rằng : "Có xuất, có nhập thì không phải là đại định" là ở chỗ này. Do đó, những pháp tu Chỉ Quán, tham thiền hay niệm Phật gián đoạn chỉ có thể đạt đến cái "định" nhất thời, có đến rồi đi. Ngược lại Định Thủ Lăng Nghiêm là đại định phát huy từ trong bản tánh của mọi chúng sinh nên cái định này mới thật sự bền chắc, trường tồn và vĩnh viễn ở với chúng ta.

PHẦN TÓM LƯỢC PHÁP TU QUÁN THẾ ÂM NHĨ CĂN VIÊN THÔNG.

Vì sự huyền diệu của pháp tu phản văn văn tự tánh nên một lần nữa chúng tôi cố gắng nhắc lại những điểm quan trọng

https://thuviensach.vn

trong kinh để quý Phật tử chú tâm hạ thủ công phu ngỏ hầu có thể chứng đắc được viên thông tự tại.

Phản văn văn tự tánh là chuyên nghe trở lại tự tánh của chính mình. Thông thường chúng sinh nghe bằng nhĩ căn (lỗ tai) và hiểu biết bằng nhĩ thức, nhưng tánh nghe trong nhĩ căn là cái lý thể vô phân biệt nghĩa là cho dù có âm thanh hay không thì tánh nghe vẫn sáng tỏ rõ ràng cũng như tấm gương dù có hình hay không lúc nào cũng sáng tỏ. Đừng hiểu lầm là khi không có âm thanh thì không nghe gì hết bởi vì có âm thanh là nghe động, còn không có âm thanh thì nghe tĩnh.

Nhưng trước khi có thể nghe được tánh nghe, hành giả phải lìa xa tất cả vọng niệm nghĩa là nghe tất cả mà như không nghe gì hết, không đem bất cứ ý niệm nào cho dù đó là thiện ác, tốt xấu vào tâm thì thể tánh thanh tịnh của tánh nghe mới có thể hiển hiện được. Hành giả tĩnh tọa (ngồi yên thanh tịnh để tĩnh tâm chớ không nhất thiết phải ngồi kiết già) cho đến lúc một niệm cũng không sanh thì tánh nghe trong sáng, chiếu diệu và không còn ngăn ngại bắt đầu phát hiện cho đến lúc bên ngoài không còn tiếng động thì tánh nghe lúc ấy sẽ lan rộng cùng khắp, không còn giới hạn. Đây là giai đoạn khó nhất bởi vì nó đòi hỏi hành giả phải kiên trì công phu để hồi quang phản chiếu vào tự tánh của mình cho đến một niệm cũng không còn dấy khởi.

Hành giả chú tâm vào tự tánh thanh tịnh thì gọi là nhập lưu còn nếu vọng ngoại theo âm thanh bên ngoài thì gọi là xuất lưu. Vì thế, nếu hành giả không chú tâm vào âm thanh bên

https://thuviensach.vn

ngoài mà chỉ hướng vào trong tánh nghe thanh tịnh thì tất cả những phân biệt thô thiển sẽ không còn và lúc bấy giờ tánh nghe sẽ hiện rõ trong sáng như mặt trăng trong suốt. Ngược lại nếu trong một thoáng giây hành giả lưu tâm đến âm động bên ngoài thì tánh nghe sẽ mờ mịt, không còn sáng suốt nữa. Do đó dựa theo Bát Nhã thì động tịnh đều "Không" nên hành giả không còn quan tâm đến động tịnh thì mới thấy được "tự tánh bổn định" của mình. Trong thời gian hạ thủ công phu, hành giả càng ít nói, ít động càng tốt.

Vì tánh nghe lặng lẽ thanh tịnh nên có người lầm tưởng tịnh trần (cảnh giới yên tịnh) là tánh nghe. Thanh trần gồm có hai phần là động tức là âm thanh và tĩnh tức là vắng lặng. Tánh nghe là bản tâm còn tịnh trần là cảnh. Tâm là linh tri bất muội còn cảnh là vô tri nên rất dễ phân biệt. Đến đây hành giả lần lần đi sâu vào định, phải tập thu nhiếp niệm thành định rồi từ sức định đó sẽ cảm biết bao la rộng lớn. Nhưng đây cũng vẫn còn là cảnh giới yên lặng của tịnh trần. Cứ tiếp tục đi sâu vào định thì đến đây không cần nhiếp niệm mà không còn niệm tức là đến chỗ Vô tác diệu lực nghĩa là lắng nghe âm thanh, tiếng lòng thanh tịnh của mình đến trình độ không cần loại bỏ những tâm niệm xấu ác nữa mà tự nó đã xóa sạch hết những điều xấu ác, bất thiện thì tịnh trần cũng không còn. Hành giả lúc bấy giờ sẽ ngộ được tự tâm và thấy rõ tánh nghe vô cùng thanh tịnh, không do nhiếp niệm mà thành, không nương vào ngoại cảnh mà có. Cứ tiếp tục hạ thủ công phu, càng đi sâu vào định thì tánh nghe càng tỏ và dĩ nhiên động và tịnh trần

https://thuviensach.vn

biến mất. Một khi thanh trần bị diệt thì những trần còn lại là sắc, hương, vị, xúc, pháp cũng đều bị diệt. Hành giả tu đến đây là chứng được sơ quả của Nhị thừa là Tu Đà Hoàn.
Cái âm thanh bên ngoài tức là sở văn đã bị diệt thì cái nghe tức là năng văn không còn đối tượng để duyên cho nên căn và trần cũng không còn. Căn không còn, sở không còn thì lấy gì lập năng sở cho nên năng sở cũng không. Căn trần dứt, năng sở tiêu tan thì tất cả những thấy biết sai lầm và tập nghiệp của Kiến hoặc và Tư hoặc đều chấm dứt và hành giả chỉ còn một Pháp Tánh gọi là Nhơn không. Tu đến đây là chứng được thánh quả A la hán.

Nên nhớ căn diệt, nhưng tánh vẫn còn cho nên khi hành giả không còn bị căn trần chi phối thì sở giác (cảnh được ngộ) hiện ra. Có sở giác thì lập tức trí ngộ, trí chứng được thành lập tức là năng giác. Tuy là giác mà có năng có sở thì tâm lại khởi phân biệt nên hành giả phải tiếp tục đi vào định để loại bỏ cả năng lẫn sở bởi vì nếu hành giả cố giữ ý niệm về giác thì cũng không được mà phải xóa bỏ luôn ý niệm năng giác về mình và sở giác là đối tượng giác mà mình cố giữ gìn, bám víu vào đó.
Đến đây trí năng giác và cảnh sở giác đều rỗng lặng, không còn đối đãi nên lìa được pháp chấp và dứt được tất cả những vi tế phiền não. Sau khi đã xóa bỏ hoàn toàn năng giác, sở giác thì tâm rỗng rang lặng lẽ và thấy vạn pháp như rỗng Không. Rỗng Không là thấy vạn pháp là đối tượng "sở không" còn trí của mình là "năng không" nên mới có sự phân biệt năng không, sở không. Sau cùng hành

https://thuviensach.vn

giả phải diệt hết cái biết trống không tức là đừng bám víu vào cái giác tri rỗng không ấy tức năng không, sở không cũng bỏ hết, chẳng còn gì để phân biệt. Năng Không và Sở Không đều diệt mất tức là đã giải thoát khỏi "pháp" tức là đạt được "Pháp Không". Đến đây thì thể tánh chơn quang hiển lộ và tất cả trần sa hoặc đều bị tiêu trừ.
Sau cùng ý tưởng về sanh diệt cũng diệt luôn nghĩa là dù biết thế giới là sinh sinh diệt diệt, nhưng hành giả phải diệt đi cái quan niệm sinh diệt của vạn pháp chớ đừng thấy vạn pháp sinh mà vui mừng, tham đắm, say mê và vạn pháp diệt thì phiền não, khổ đau. Hành giả tiếp tục vào định thì chỉ một thời gian ngắn thì lý tánh sẽ hiển lộ và sau cùng thoát ly được diệt tướng. Sanh diệt đã diệt thì Tịch Diệt hiện tiền nghĩa là tự tánh Bồ Đề hiển hiện tức là vào Tam-ma-đề, chứng vô sanh pháp nhẫn và viên thông tự tại.

Thủ Lăng Nghiêm đại định là định rất kiên cố, vững chắc nhất để phát sinh vô lượng trí tuệ. Có cái định này thì tâm lúc nào cũng "như như bất động, liễu liễu thường minh" nghĩa là cho dù thế gian vũ trụ có biến đổi, hấp dẫn, quyến rũ cách mấy thì tâm người có định này vẫn yên lặng, thanh thản, không bị ngoại trần chi phối và họ lúc nào cũng sống với tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Đó chính là "Kiến sắc phi can sắc, Văn hương bất nhiễm hương" vậy.

Tóm lại pháp tu Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông có thể tóm gọn như sau :

https://thuviensach.vn

1) Diệt ĐỘNG thì TỊNH sanh
2) Diệt TRẦN thì CĂN sanh
3) Diệt CĂN thì GIÁC sanh
4) Diệt GIÁC thì KHÔNG sanh
5) Diệt KHÔNG thì TỊCH DIỆT sanh tức là có thanh tịnh Niết bàn.

Một khi chơn tâm, Phật tánh hiện tiền thì sơn hà đại địa sẽ chuyển hóa thành tri giác vô thượng và từ đó thần thông diệu dụng phát sinh.

Từ khi Đức Phật Thích Ca thành đạo đến nay, chỉ có một pháp tu Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông tức là lối tu "phản văn văn tự tánh" của kinh Thủ Lăng Nghiêm mà không hề có lối tu Quán Thế Âm nào khác. Trong Phật giáo, không có lối tu tắt hay sự chứng đắc, thành đạt là do bất cứ ai trao tặng mà tự mình phải đi bằng chính đôi chân của mình, bằng tất cả sự nỗ lực tinh tấn công phu của mình. Vì thế nếu có pháp môn Quán Âm nào khác thì đây chắc chắn là của tà đạo, không dính dấp gì đến pháp tu Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông của Phật giáo cả. Người đệ tử Phật rất dễ dàng phân biệt rằng những người chứng đắc viên thông của Phật giáo tất cả đều là Khất sĩ nghĩa là họ đã từ bỏ tất cả những dục vọng tham-sân-si, tâm hằng thanh tịnh nên họ có được Bồ Đề, Niết bàn tự tại. Còn yêu ma tà đạo thì ngược lại, miệng nói giải thoát mà tay cứ muốn ôm vô thêm, dạy người bố thí còn mình thì lại thu vào.

https://thuviensach.vn

Khi đã thâm hiểu hạnh nguyện của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát thì chúng sinh từ nay chỉ đảnh lễ trước tôn tượng của Ngài với tấm lòng kính ngưỡng chớ không còn cầu nguyện, van xin cái gì cả bởi vì đạo Phật không phải là đạo tín ngưỡng mà là đạo thực hành vì có thực hành rốt ráo mới có thực chứng để đạt đến những thành quả nhiệm mầu và biến cuộc sống đang phiền não khổ đau trở thành thanh tịnh an lạc Niết bàn. Vì sao đạo Phật chỉ dạy chúng sinh tin sâu vào nhân quả mà không dạy cầu nguyện? Bởi vì cầu nguyện chỉ có thể giúp con người có được sự an bình trong nhất thời, trong giây phút chớ không thể giúp chúng sinh thật sự giảm bớt hay vĩnh viễn thoáy ly được tất cả những hệ lụy của phiền não khổ đau mà họ đeo mang từ vô thỉ đến nay.

Thật ra luật nhân quả rất công bằng, hợp lý, không lệ thuộc vào không gian thời gian, không chỉ áp dụng cho riêng một ai, một sắc dân nào hay cho riêng tín đồ của bất cứ một tôn giáo nào cả. Ngày nay trong tiến trình khám phá của khoa học, luật nhân quả được xem như là tiền đề để giải quyết những khó khăn, những khám phá mới. Những tôn giáo ngoài Phật giáo cũng nhìn nhận ảnh hưởng trung thực của luật nhân quả trong đời sống của họ. Vậy có thể nói không riêng gì Phật giáo, luật nhân quả là một quy luật chung cho toàn thế gian vũ trụ.

Vì vậy không có việc cầu nguyện để được tai qua nạn khỏi vì không có Phật trời nào làm chuyện bất công bình để giúp đở những người cầu nguyện hay trừng phạt những ai không cầu nguyện mà thật ra con người có thoát khỏi tai

https://thuviensach.vn

họa là do những phước báu mà họ đã tạo tác từ trước. Do đó, thay vì cầu nguyện, con người nên nỗ lực tạo dựng vun bồi thêm phước đức. Nếu chúng sinh luôn nghĩ thiện, nói lời thiện và làm việc thiện thì chắc chắn cuộc sống sẽ vô cùng an vui tự tại mà không cần phải nguyện cầu chi hết.
Chúng sinh không cần phải có túc mạng thông để biết tiền kiếp của mình đã tác tạo những gì hay lo lắng tương lai mình sẽ đi về đâu mà chỉ cần nhìn cái kết quả mình đang thọ báo và cái nhân mình đang gieo thì biết rất rõ. Con người tạo cái nhân bao nhiêu thì chỉ gặt hái chừng ấy kết quả chớ đừng mơ ước ảo huyền bỏ ra một đồng mà đòi trúng lô độc đắc nghĩa là tham-sân-si không bỏ, tập khí không chừa mà cứ muốn thành Phật.

Vì vậy, nếu chúng sinh hiện đang sống khỏe mạnh, làm ăn phát đạt, gia đình hạnh phúc ấm no, con cái nên người, trên thuận dưới hòa là họ đang thọ hưởng "KẾT QUẢ" của phước báo từ nhiều đời nhiều kiếp trước do chính họ tạo tác chớ không phải do Phật trời ban phát và chắc chắn cũng phải do cầu nguyện mà được.
Ngược lại, nếu chúng sinh hiện đang gặp nghịch cảnh, luôn đối diện với phiền não khổ đau trái ý nghịch lòng thì họ đang gánh chịu "HẬU QUẢ" của nghiệp báo do chính họ tạo tác từ nhiều đời nhiều kiếp chớ không do Phật trời giáng họa cho và dĩ nhiên cũng không do cầu nguyện mà tránh khỏi được.
Một khi đã hiểu thấu đáo sự công bình của luật nhân quả, chúng sinh sẽ mạnh dạn hơn, can đảm hơn, dám nhận lãnh

https://thuviensach.vn

“hậu quả” do chính mình tạo tác hay an nhiên thọ hưởng “kết quả” tốt lành cũng do chính mình tác tạo mà không còn than trời oán Phật nữa.

Nên nhớ rằng chúng sinh tạo nghiệp chớ nghiệp chẳng tạo chúng sinh. Cho dù “nghiệp tánh bổn không” nghĩa là nghiệp vốn không phải là có sẵn tự bao giờ mà nó chỉ xuất hiện do chúng sinh mê lầm chấp trước tạo ra. Nếu thật sự nghiệp không có thật, không có chủ thể thì tại sao lại có quả báo? Khi nói nghiệp tánh vốn không là đối với người đã có giải thoát giác ngộ không còn tạo nghiệp thì làm gì có quả báo. Trong khi đó chúng sinh còn tạo nghiệp thì dĩ nhiên còn thọ báo, có gây nhân thì phải chịu kết quả vì thế nếu giữ bộ ba thân, khẩu, ý thanh tịnh thì nghiệp không sanh nên cuộc sống trở thành thanh tịnh an nhàn. Phật dạy : ”Tùy duyên tiêu nghiệp cũ” nghĩa là nếu chúng sinh nỗ lực vun bồi thật nhiều thiện nghiệp và đừng gây thêm nghiệp mới thì những nhân duyên tốt này sẽ giết chết dần những chủng tử bất thiện đã gây ra khi xưa.

Trọng tâm cứu khổ của Ngài Quán Thế Âm nhằm giải thoát sự khổ tâm, khổ tinh thần. Một khi con người đã giải thoát khổ tinh thần thì thân thể sẽ lành mạnh. Có sức khỏe thì tất cả mọi giá trị vật chất sẽ có ở tầm tay. Tâm kinh dạy rằng vật chất không ngoài tinh thần và dĩ nhiên tinh thần không ngoài vật chất bởi vì tinh thần vật chất tác động hữu cơ, bất tức bất ly. Vì thế, tất cả sự cứu độ của Ngài Quán Thế Âm phải được hiểu là ban cho tinh thần, cho những gì thuộc về lãnh vực giải thoát giác ngộ của tâm tư và ý thức. Ngài Quán Thế Âm không bao giờ ban cho chúng sinh vật

https://thuviensach.vn

chất hữu vi vì như vậy chẳng khác nào đẩy chúng sinh vào con đường khổ ải triền miên không lối thoát. Con người hãy thức tỉnh mà tìm thấy cho mình con đường sáng diệu dụng nhiệm mầu để tự mình giải thoát ra khỏi mọi gông cùm của phiền não khổ đau.

Phải biết rằng tham dục trần thế là vô hạn, nhưng con người lại không có khả năng nhận ra chúng cho nên khi tham dục không được thỏa mãn thì sẽ gây khổ đau cho mình và cho người. Cái đà thỏa mãn tham dục cũng ví như chiếc xe đang chạy xuống dốc, càng xuống dốc thì xe càng chạy nhanh. Khi chưa thỏa mãn những dục tính thì con người luôn có khuynh hướng tiếp tục theo đuổi chúng cho đến khi được thỏa mãn nghĩa là càng đeo đuổi thì tham dục càng tăng và càng gây thêm đau khổ. Chúng sinh chỉ có thể nghiệm được chân hạnh phúc và an nhiên tự tại khi có ít tham dục. Đây chính là một trong những bước lớn hướng về giải thoát giác ngộ.

Được như vậy là thực hành rốt ráo câu :

“Đa dục vi khổ
Sanh tử bì lao
Tùng tham dục khởi
Thiểu dục vô vi
Thân tâm tự tại…”

Đức Phật dạy rằng : ”Tham dục chính là nguồn gốc của khổ đau. Mọi vật rồi sẽ thay đổi vì thế không nên luyến ái

https://thuviensach.vn

hay vướng víu vào một thứ gì. Nên nhiếp tâm thanh tịnh tìm chân lý và đạt đến hạnh phúc vĩnh hằng". Con người biết tri túc thiểu dục là biết diệt trừ tham dục nghĩa là họ biết thỏa mãn với những điều kiện vật chất khả dĩ giúp họ có đầy đủ sức khỏe để sống và để tu đạo. Đây chính là phương cách hữu hiệu nhất để cắt đứt lưới tham dục làm cho thân tâm được thanh thoát nhẹ nhàng và dĩ nhiên có nhiều cơ hội để giúp đở tha nhân. Thế nhân thường vui thích theo ái dục, ưa dong ruổi lục trần vì thế tuy họ có hướng cầu an lạc mà vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân. Vì thế những người say đắm theo ái dục cũng như tự lao mình trong lưới buộc như nhện giăng tơ. Chỉ có những ai dứt được sự ràng buộc, không còn dính mắc thì sẽ xa mọi thống khổ mà tâm sẽ được an vui tự tại.

Nên nhớ thuyết nhân quả chỉ là giáo lý bất liễu nghĩa, giáo lý sinh diệt. Còn giáo lý liễu nghĩa thì thiện ác là một, phiền não là Bồ Đề, sinh tử là Niết bàn để giúp chúng sinh tiến thẳng về cứu cánh tột đỉnh là giải thoát giác ngộ tức là sống với chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh của mình. Cho nên:

"Tâm không vạn sự đều không

Tâm cũng chơn vạn Pháp đều quy chơn

https://thuviensach.vn

Cuốn Hai
Chương Thứ Mười Một
PHẬT BẢO VĂN THÙ SO SÁNH CHỌN CĂN ƯU VIỆT NHẤT

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, ngũ thể đồng phóng ra ánh sáng báu soi sáng trên đảnh của thập phương Như Lai, các Pháp Vương Tử, các Bồ Tát như số vi trần. Chư Như Lai trong mười phương cũng phóng ánh sáng như vậy soi đến đảnh Phật Thích Ca và các Bồ Tát, các chúng Thanh Văn trong đại hội. Rừng cây ao hồ đều diễn ra tiếng pháp, ánh sáng của chư Phật giao xen như lưới tơ báu. Tất cả đại chúng được cái chưa từng có. Trời mưa hoa sen báu đủ màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng xen lộn vào nhau. Thập phương hư không thành màu thất bảo. Cõi Ta bà bỗng nhiên không hiện chỉ còn thấy vi trần quốc độ trong mười phương hợp thành một cõi, tiếng ca ngâm thanh thoát tự nhiên dìu dặt nổi lên.

Đức Phật Thích Ca và chư Phật mười phương cùng phóng ra ánh sáng báu có nghĩa là tất cả chư Phật cùng nói lên Chân lý. Bởi vì đã là Chân lý thì Phật Thích Ca hay bất cứ vị Phật nào cũng đều nói y như vậy, không sai khác. Cái trí tuệ của bậc giác ngộ thì cao siêu vô cùng vô tận mà trên thế gian này không có thứ trí tuệ nào có thể sánh bằng. Chúng sinh thì cũng có cái trí tuệ này tức là có Phật tánh cũng như chư Phật, nhưng ở chúng sinh cái trí tuệ kia bị lu mờ, không sáng tỏ vì bị màn vô minh quá dày che lấp. Do

https://thuviensach.vn

đó ngày nào lau sạch bụi vô minh, khói phiền não thì chúng sinh sẽ phục hồi lại cái trí tuệ sáng suốt của mình. Con người sống trong thế gian phải đối diện với bao nỗi nghiệt ngã của vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh nên lúc nào cũng dính liền với phiền não, khổ đau. Kinh điển Phật giáo thường dùng chữ "Cõi Ta bà" để chỉ cho cái thế giới của chúng ta đang sống.

Vậy thế nào là cõi Ta bà? Cõi Ta bà được dịch từ Hán tự là "kham nhẫn" nghĩa là bất cứ chúng sinh nào sống trong cõi Ta bà là phải cam tâm nhẫn chịu biết bao tham, sân, si, mạn, nghi, hơn thua phải quấy, vui mừng hờn giận, tốt xấu, thật giả…ngay cả hài lòng hay không hài lòng cũng phải chấp nhận. Nhưng đoạn kinh trên dạy rằng "cõi Ta bà bỗng nhiên không hiện" có nghĩa là lúc bấy giờ thân tâm có an lạc, tâm hồn trong sáng thanh thoát tự tại, có khinh an nên tất cả những cảnh tượng buồn phiền đau khổ biến mất đâu còn. Nói cách khác khi cảnh phiền não khổ đau, bất toại ý không còn nữa thì cũng như cõi Ta bà biến mất chớ thật ra Đức Phật đâu có dùng thần thông làm biến mất trái đất này được. Khi chúng sinh có tâm thanh tịnh, có khinh an tự tại thì ngay cảnh giới họ đang sống cũng y như cảnh giới an lạc Niết bàn của mười phương chư Phật. Đó chính là "Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh" tức là tâm an thì cảnh an, tâm bình thì thế giới bình.

Vì thế nếu chúng sinh có tâm thanh tịnh, sống với bốn đức Thường, Lạc, Ngã , Tịnh và thể nhập bản giác tịnh minh

https://thuviensach.vn

thì họ nhìn đâu cũng là hoa thanh thoát dịu dàng và nghe gì cũng là nhạc êm đềm an lạc. Phật phóng ra thập phương hư không đủ màu thất bảo có nghĩa là trí tuệ giác của Phật là trí tuệ tuyệt trần vô thượng chẳng có thứ trí tuệ nào hơn được. Đừng nghĩ rằng thất bảo ở đây là vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, trân châu, san hô, mã não. Đây chỉ là "văn dĩ tải đạo" nghĩa là lời văn chỉ dùng để chuyên chở những ý nghĩa thâm sâu ở bên trong. Nên nhớ chư Phật, chư Bồ Tát không cần những thứ vật chất giả tạm, phù du đó cho nên thất bảo đối với các Ngài cũng như cỏ rác, chẳng có giá trị chi cả.

Phật bảo Bồ Tát Văn Thù rằng :

- Ông hãy xét nghiệm thành quả tu chứng "viên thông" của 25 vị Bồ Tát và Thanh Văn vừa đã trình bày. Vẫn biết rằng lục căn, lục trần, lục thức, thất đại đều là những dữ kiện tu chứng viên thông, nhưng nay Như Lai muốn cho ông A Nan nghe và nhận xét để tự chọn một pháp môn tu thích hợp. Như Lai cũng cần một pháp môn phương tiện để dạy cho chúng sinh mạt thế cõi Ta bà, những người đại thừa cầu vô thượng đạo một phương pháp tu hành hiệu quả tốt, chóng thành công phổ biến cho mọi căn cơ sau khi Như Lai diệt độ.

Đức Phật là đấng toàn giác thì không lẽ Ngài không biết pháp môn nào là thù thắng, ưu việt giúp cho hàng căn cơ hạ liệt làm nhân địa tu chứng hay sao? Nhưng tinh thần

https://thuviensach.vn

dân chủ khách quan là một biểu tượng cao quý nhất của Phật giáo vì thế thay vì Ngài chọn cho ông A Nan và đại chúng một pháp môn thù thắng để tu thì Ngài dành vai trò này cho Văn Thù Bồ Tát. Ngày nay các vị lãnh tụ trên thế giới cũng noi theo tinh thần khách quan này mà lắng nghe mọi khuynh hướng, tư tưởng trước khi đi đến quyết định sau cùng. Vì thế càng học Phật Pháp, chúng sinh càng phát huy tối đa tinh thần bình đẳng cao quý và khả năng nhận thức khách quan vô ngã vị tha cao thâm huyền diệu của đạo Phật. Sống trong thế giới tương đối, cùng một hiện tượng nhưng một người cho đó là đúng còn kẻ khác lại cho là sai, do đó, văn tự ngôn ngữ không đóng vai trò quan trọng trong Phật giáo. Cứu cánh cho người tu Phật là sự thực chứng, sự thấu biết tột cùng mà không có lời nói hay văn tự nào có thể diễn tả được. Vì vậy hễ có nói là có sai, còn chủ quan chấp trước nên Đức Phật không muốn nói mà chỉ yêu cầu Ngài Văn Thù đại diện cho mình mà giới thiệu pháp môn nào thích hợp nhất cho mọi căn cơ để tu tập.

Bồ Tát Văn Thù vâng từ chỉ của Phật cung kính chấp tay, nói bài kệ kính dâng lên Phật :

Biển giác tánh lặng trong

Vốn nhiệm mầu trong sáng

Tất cả mọi chúng sinh không phân biệt màu da chủng tộc đều có sẵn cái Phật tánh sáng suốt nhiệm mầu như nhau

https://thuviensach.vn

nên gọi là biển giác. Do đó nếu chúng sinh chỉ cần phát huy Phật tri kiến của mình tức thì mình là Phật chớ còn tìm Phật ở đâu. Do đó toàn bộ giáo lý Đức Phật không ngoài mục đích chỉ dạy chúng sinh hội nhập Phật tri kiến để thấy và sống với chơn tâm, Phật tánh của chính mình. Ngày nay trên khắp thế giới, người đệ tử Phật thay vì chú tâm tu học để thấy được Phật tâm, Phật tánh linh thiêng huyền diệu của mình thì họ lại chạy theo Phật tướng bên ngoài. Phật dạy : ”Phàm hữu sở tướng giai thị hư vọng” nghĩa là cái gì có hình tướng là giả tạo, vô thường, sinh diệt cho dù con người có gọi là Phật ngọc, Phật vàng thì cũng là sinh diệt, biến hoại. Chỉ có Phật tâm, Phật tánh của chính mình mới chính là tánh giác diệu minh trong sáng huyền diệu, bất sanh bất diệt mà thôi.

Phật năng thanh tịnh huyền diệu nhiệm mầu thì con người lại bỏ quên mà đi cầu Phật sở sinh diệt, vô tri vô giác bên ngoài. Nếu cục đá kia thật sự có linh thiêng như họ tin tưởng thì tự nó biến thành tượng Phật chớ đâu cần bàn tay con người đập, đẽo, chùi, mài. Đức Phật Thích Ca chỉ là một đấng toàn giác, là vị vô thượng đạo sư chớ Ngài không phải là đấng thần linh thì cục đá vô tri kia làm sao linh thiêng để phù hộ, gia bì cho ai được. Còn Phật ngọc linh thiêng mầu nhiệm nhất trên thế gian này thì lúc nào cũng ở trong tâm của mình mà mình lại bỏ quên để đi tìm Phật đá bên ngoài. Nếu Phật ngọc thật sự mang lại được hòa bình cho thế giới thì tại sao không thỉnh tượng Phật ngọc sang Iraq hay A Phú Hản để con người đừng giết hại lẫn nhau?

https://thuviensach.vn

Các vị Lạt Ma tin vào cầu nguyện thì tại sao các Ngài không cầu nguyện tượng Phật ngọc để Trung Cộng trả đất lại cho người dân Tây Tạng?

Chúng sinh kính ngưỡng hình tượng Đức Phật vì Ngài là biểu tượng cho từ bi trí tuệ, là vị thầy cao cả, là đấng vô thượng đạo sư, người đã đem ánh đạo vàng gieo khắp thế gian giúp cho nhân loại thoát khỏi khổ ách của phiền não vô minh mà đạt tới cứu cánh tột đỉnh là an lạc thanh tịnh Niết bàn. Theo tinh thần Phật giáo thì chính con người phải tự mình giải quyết những vấn đề như chiến tranh hay hòa bình, hạnh phúc hay khổ đau của chính mình. Chiến tranh hay hòa bình là do con người quyết định chớ không dính dấp gì tới Phật trời cả. Nếu con người biết sống khoan dung độ lượng để biết thương yêu nhau thì họ biến chiến tranh thành hòa bình, ngược lại nếu các nhà lãnh đạo chạy theo những tham vọng đen tối thì từ hòa bình thành chiến tranh giết chóc thế thôi.

Đức Phật Thích Ca đã khẳng định rằng Ngài chỉ là một đấng đạo sư, chứ không phải là đấng cứu thế, đấng thần linh vì thế đạo Phật là con đường giúp chúng sinh tự mình chứng ngộ chân lý, tự mình có được giải thoát giác ngộ chứ Phật không cứu rỗi, độ cho bất cứ ai. Bồ-đề, Niết bàn là do chúng sinh tự hóa giải hết vô minh phiền não mà có chứ không phải do Phật, Bồ-tát ban tặng. Bớt một phần vô minh thì có một phần Bồ-đề, hóa giải một phần phiền não thì có một phần an lạc Niết bàn. Đức Phật hy sinh cả cuộc

https://thuviensach.vn

đời vương giả, không ngại dầm mưa giải nắng, cực khổ gian lao để đi tìm chân lý. Đến khi thành đạo Ngài đã đem ánh đạo vàng gieo khắp các nơi, đem nước từ bi rưới xuống cứu độ chúng sinh để "lìa khổ được vui" không phân biệt là cung vua phủ chúa hay mái tranh nghèo của người nông phu vì thế không có nơi nào ở Ấn Độ mà không có dấu chân Phật. Nếu đây không phải là "Tha lực Phật" đã gia bị cho chúng sinh thì là gì? Nhưng trong Phật giáo không hề có việc ân sủng cứu rỗi vì nó đi ngược lại với quy luật nhân quả phát triển khách quan của tất cả vạn hữu trong vũ trụ.

Tánh bản minh chiếu ra như "sở"

Chấp tướng "sở" mất tánh bản minh

Cội nguồn của tất cả mọi vô minh phiền não mà chúng sinh gánh lấy bắt đầu từ Năng và Sở. Nhưng trong tánh giác minh không hề có tướng "Năng" tướng "Sở". Con người được cấu tạo bởi ngũ uẩn cho nên có sáu căn và phát ra cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết thì gọi là chủ thể phân biệt mà kinh này gọi là Năng phân biệt. Thí dụ con mắt thấy sắc tức là mắt thấy cái nhà, cái xe…thì đây là năng phân biệt của mắt. Rồi sau đó mới có phân biệt đẹp, xấu, lớn nhỏ…thì gọi là Sở phân biệt. Thí dụ tai nghe bản nhạc thì biết hay biết dở thì cái hay, dở này là sở phân biệt của căn tai. Vì có Năng có Sở nên phiền não vô minh dấy khởi bởi vì cái gì mình cảm tình, bằng lòng thì chấp thủ, bám lấy

https://thuviensach.vn

còn cái gì mình không hài lòng thì chán ghét…vì thế trong tâm chất đầy phải quấy, tốt xấu, hơn thua, lấy bỏ, thiện ác….Do đó, Năng, Sở là nguyên nhân gây ra sự u buồn đau khổ cho chúng sinh.

Vì thế mà phần Quán Tưởng đảnh lễ Phật trong kinh Nhật Tụng có câu :

"Năng lễ, sở lễ tánh không tịch

Cảm ứng đạo giao nan tư nghì".

Nói về sự tướng thì chúng sinh là Năng lễ còn hình tượng của Phật là Sở lễ tức là chúng sinh lạy hình tượng Đức Phật là biểu thị lòng tin của người Phật tử đối với đấng đạo sư vô thượng. Nhưng đứng về bản thể thì "Tánh không tịch" là lễ lạy mà coi như không lễ lạy bởi vì tuy người Phật tử (năng lễ) có lễ lạy hình tượng Đức Phật (sở lễ) bởi vì Phật là đấng giác ngộ, là ngọn đuốc tuệ giúp chúng sinh thoát ra khỏi vô minh khổ ách. Nhưng nếu chúng sinh quay về với thể tánh thanh tịnh tức là sống với Phật tâm, Phật tánh của chính mình thì tâm mình chính là tâm Phật rồi chớ còn lễ lạy ai nữa cho nên nói là lễ Phật mà như không có lễ lạy gì hết. Do đó chỉ khi nào chúng sinh thấy được tánh không, sống được với chơn tâm, Phật tánh của chính mình thì lúc đó mới "cảm ứng đạo giao nan tư nghì" nghĩa là tâm chúng sinh và tâm Phật trong mười phương pháp giới

https://thuviensach.vn

bây giờ hòa nhập mà trở thành một không thể diễn bày được. Đó là chơn tâm trùm khắp vậy.

Chấp tướng "sở" là thấy sắc chạy theo sắc, nghe thanh luyến theo thanh… nên mới khen chê, lấy bỏ nghĩa là con người không làm chủ được sáu căn của mình mà chạy theo sáu trần nên phiền não vô minh phát tác thì tánh bản minh trong sáng thanh tịnh dĩ nhiên biến mất, đâu còn.

Do phân biệt vọng thấy hư không

Tựa hư không hình thành thế giới

Vì có sự phân biệt năng sở nên thấy không mà cho là hư không, nhưng thật ra cái không này là chơn không diệu tánh thanh tịnh bản nhiên và cũng là cội nguồn để phát sinh ra tất cả vạn hữu vũ trụ. Đó chính là chơn không mà diệu hữu tức là bất biến tùy duyên nghĩa là từ cái chơn không vô hình vô tướng đó mà phát sinh ra cái thế giới hữu hình có sinh có diệt. Vì vậy Tâm Kinh có câu : "Sắc tức là Không và Không chính là Sắc". Hay nói theo kinh Lăng Nghiêm là "Tánh sắc chơn không, Tánh Không chơn Sắc" là vậy.

Chủng tử vô tri thành cõi nước

Sắc tâm minh liễu tức nhơn sinh

https://thuviensach.vn

Do tánh đồng dị mà các chủng tử có hấp lực để tác tạo. Thí dụ như thế gian có các loài vô tình chúng sinh như mặt trời, mặt trăng, cỏ cây, hoa lá…và loài hữu tình chúng sinh như con người và các loài động vật khác. Nhưng tất cả cũng từ cái không mà duyên khởi tạo tác và sau đó cũng trở về với cái không thanh tịnh ban đầu. Nói tóm lại, chủng tử vô tri giác hợp lại thành ra thế giới và những chủng tử hữu tri giác thì kết tập tạo thành hữu tình chúng sinh.

Hư không sanh trong "Đại giác"

Như bong bóng nổi giữa đại dương

Đại giác là nói về tâm tánh của con người. Tuy cái bầu hư không to lớn bao la, nhưng cái tâm đại giác thì nó bao trùm hết cả cái bầu hư không đó một cách gọn ghẽ và trọn vẹn cũng giống như những bong bóng nổi giữa đại dương, không biết bao nhiêu mà kể. Thế thì cái tâm đại giác tức là chơn tâm, Phật tánh thì bao la vô cùng vô tận, vô bờ vô bến trùm khắp tất cả.

Có vị học giả chẳng những am tường tất cả những tư tưởng triết lý trên thế gian mà ngay cả Phật giáo ông cũng thấu hiểu rất uyên thâm. Một hôm đến tham vấn một thiền sư rằng :

- Bạch Hòa thượng! Tôi đã đọc rất nhiều lần mà vẫn chưa

https://thuviensach.vn

tỏ ngộ tại sao trong kinh Duy Ma Cật, ông Duy Ma Cật có thể đem ba mươi hai ngàn tòa sư tử vào trong cái tịnh thất của ông? Hoặc ông lấy núi Tu Di rộng lớn thế ấy mà để vào trong hạt cải được?

Thiền sư hỏi lại ông :

- Ông là bậc học giả uyên thâm thì chắc chắn ông đọc rất nhiều kinh sách có phải vậy không?

- Dạ đúng vậy.

- Vậy kinh sách ông đọc qua nhiều như cái thư viện mà thân ông cao chỉ khoảng hơn một thước rưỡi thế thì những kinh sách kia ông chứa ở đâu?

Vị học giả bấy giờ thức tỉnh lạy tạ lui ra.

Cái tâm của chúng sinh thì rộng lớn bao la vô cùng vô tận, không giới hạn cho nên tuy thế giới vũ trụ rộng lớn thế nào thì cái tâm rộng lớn như thế ấy. Vì thế ba mươi hai ngàn tòa sư tử hay núi Tu Di cũng ví như một hạt cát trong bải cát của sông Hằng, chẳng có gì là to lớn cả.

Cõi nước hữu lậu như vi trần

Sanh khởi trong bầu hư không ấy

https://thuviensach.vn

Vì cái bầu hư không quá rộng lớn cho nên tất cả các thế giới hữu lậu tuy rất nhiều không kể xiết, nhưng vẫn nằm gọn trong cái bầu hư không ấy. Tại sao? Bởi vì cái có là từ cái không mà ra cho nên nếu không có cái chơn không thì làm sao diệu hữu một cách nhiệm mầu thành ra thế giới được. Nhắc lại tuy hư không có rộng lớn như thế, nhưng nó vẫn còn nằm gọn trong đại giác như những bong bóng nổi giữa đại dương. Vì thế cái tâm của con người tức là đại giác thì rộng lớn bao la vô cùng vô tận, trùm khắp cả hư không, không bờ không bến. Cái tâm nầy chính là Như Lai Tạng bản thể tức là tập khởi tâm (A lại da) để tích tập và duyên khởi tạo thành muôn sinh vạn vật. Còn cái tâm hằng ngày của chúng sinh là vọng tâm sinh diệt, có đến có đi thuộc về loại khách trần phiền não biểu hiện qua vọng tâm chớ không phải là bản tâm, chơn tâm thanh tịnh. Vậy tâm và tánh khác nhau ở chỗ nào? Tâm là cái diệu dụng của tùy duyên còn tánh là cái bản thể của bất biến.

Thí dụ như tâm kếp tập duyên khởi tạo thành các loại chúng sinh từ vô tình đến hữu tình. Trong loài hữu tình chúng sinh thì loài người là có tánh linh tức là có ý thức phân biệt nên được xem là cao cả hơn hết. Tuy nhiên trong nhân loại cũng không đồng đều tùy theo căn nghiệp của họ cho nên có người thông minh mà cũng có người chậm hiểu, đó là cái dụng của tâm. Tuy căn nghiệp có chi phối, ảnh hưởng đến cuộc sống của họ như thế nào đi chăng nữa thì trong tất cả mọi chúng sinh ai ai cũng đều có cùng Phật tánh cho nên mọi người đều có khả năng trở thành Phật.

https://thuviensach.vn

Đây là cái thể của bất biến. Vì thế nếu chúng sinh có kiến tánh nghĩa là thấy được thật tánh của con người thì gọi là Phật tánh còn thấy được thật tánh của vạn pháp thì gọi là Pháp tánh.

Hư không chưa ví tày nước bể!

Thì sá chi ba cõi vốn bọt bèo

Hư không thì bao la vô cùng vô tận cũng như nước biển của đại dương. Thế mà cái hư không đó chẳng thể nào so sánh được với cái không cùng không tận của chơn tâm, Phật tánh. Cái tánh giác rộng lớn như thế thì ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới ví cũng như bọt bèo trong biển. Vậy thế nào là ba cõi? Chúng sinh đừng hoài công ảo huyền mà nghĩ rằng trong vũ trụ bao la có cõi này cõi nọ mà thật ra ở bất cứ nơi nào có chúng sinh là có ngay ba cõi ở đó. Người nào còn tham dục, thực dục và dâm dục nhiều thì người đó đang ở trong cõi dục. Còn ai tự tại trước những vật chất mình đang thọ hưởng nghĩa là có mà như không, không dính mắc, không bị lôi cuốn thì họ đang sống trong cõi sắc.
Còn những ai tưởng tượng những chuyện ảo tưởng hoang đường, ngồi thiền để xuất hồn đi gặp ông này bà nọ, nói chuyện với Phật trời, với Quan Âm thì tuy họ đang ở thế gian, nhưng coi như đang ở cõi vô sắc. Họ cầu nguyện hồn ma bóng quế, lên đồng nhập cốt tức là tin tưởng vào một thế giới ảo huyền, không có thật tức là cõi vô sắc. Nói cách

https://thuviensach.vn

khác, nói tam giới, nhưng sự thật làm gì có tam giới mà chỉ có ở trong tâm của những người còn chạy theo tham đắm dục tình, chạy theo vô minh phiền não. Còn người biết giữ gìn Chánh Pháp, sống đúng với Chánh Pháp thì làm gì có tam giới. Ngày xưa chư Tổ dạy rằng nếu muốn có chánh định thì hành giả phải quay về những chỗ thanh vắng, yên tịnh để có nhiều thì giờ tư duy quán chiếu, thực hành thiền mà tỏ ngộ được tận nguồn chân lý. Có được như vậy mới đốn ngộ thẳng vào chánh nhân thành Phật được. Thực hiện được như vậy là đánh đổ cả tam giới và 25 cõi vì đối với người có tâm rỗng rang tự tại thì không có cõi gì cả. Nói cách khác khi đạt được đạo thì Pháp giới là nhất chơn nên chẳng còn cái gì là tam giới, hay 25 cõi.

Về nguồn không hai đích

Phương tiện có nhiều đường

Tuy giáo pháp Như Lai có tới 84.000 phương tiện, nhưng tựu trung cũng nhắm thẳng vào một cứu cánh duy nhất là giải thoát giác ngộ. Cũng như khi đứng trên đỉnh núi nhìn xuống thì có rất nhiều con đường dẫn lên núi, nhưng nếu bây giờ nhìn từ dưới đất nhìn lên thì chỉ có một đỉnh núi cao mà thôi. Vì thế phương tiện là nhân mà giải thoát giác ngộ mới là cứu cánh. Do đó chúng sinh tùy theo sở nguyện của mỗi người mà tu thiền, tu tịnh, tu mật, tu giáo, tu chùa, tu nhà, tu chợ, tu trong sở làm…nhưng cứu cánh vẫn là làm sao đạt được tâm thanh tịnh mà có giải thoát Niết bàn.

https://thuviensach.vn

Quả chứng chẳng ngại nhau

Thuận nghịch là phương tiện

Trong Phật giáo, không có gì là chứng đắc cả bởi vì cái mà con người gọi là chứng đắc chẳng qua là khả năng đoạn trừ vô minh phiền não để trở về sống với con người thật tức là bản lai diện mục của chính mình. Thật ra trước khi chứng đắc, chúng sinh đâu có vô minh phiền não, nhưng dần theo thời gian cái bụi trần bám víu mỗi ngày một chút nên con người sống xa dần với chân tánh, với chơn tâm Phật tánh sáng suốt nhiệm mầu của mình. Vì vậy tu hành thì nhà Phật gọi là hồi đầu thị ngạn tức là quay thuyền trở lại bến xưa chớ thật ra có tu hành gì đâu. Khi nào chúng sinh phủi sạch bụi vô minh, bặm phiền não thì tự tánh Bồ Đề và Niết Bàn hiển lộ. Vì thế Tâm Kinh dạy rằng : ”vô Trí diệc vô Đắc” là vậy. Thí dụ cũng như người vì nghe lời dụ dỗ mà bỏ nhà đi hoang nên cuộc sống khổ cực lầm than, bây giờ thức tỉnh tìm đường quay về nhà cũ lối xưa. Lúc đó khổ cực không còn, lầm than biến mất mà có tự tại, an lành thì gọi là hạnh phúc. Nhưng nghĩ lại trước khi bỏ nhà đi thì họ đã có hạnh phúc viên mãn chớ đâu phải khi về trở lại thì mới có cái hạnh phúc này.

Sơ tâm vào tam muội

Mau chậm chẳng đồng nhau.

https://thuviensach.vn

Con đường tiến về giải thoát giác ngộ tuy chỉ có một, nhưng căn tánh chúng sinh vốn bất đồng nên có kẻ ngộ nhanh, có người ngộ chậm. Lục Tổ mới nghe qua câu : ”Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Ngài liền ngộ đạo, ngược lại Thiền sư Thần Tú thì nhìn “Thân như cội Bồ Đề”. Vì vậy nhanh hay chậm trong đạo Phật là không quan trọng, mà quan trong nhất là chúng sinh biết mình có đi đúng đường bởi vì có đi mới có đến. Thí dụ ngày nay có máy bay nên con người đi lại tương đối dễ dàng, nhưng ngày xưa bằng tàu thủy, con người vẫn có thể khám phá ra năm châu bốn bể như thường.

SO SÁNH SỰ ƯU KHUYẾT CỦA SÁU TRẦN, NĂM CĂN, SÁU THỨC VÀ BẢY ĐẠI

Sắc bị vọng tưởng tác động vào thanh trần làm mất đi cái hồn nhiên như thị khách quan của sự vật, khó mà tu chứng “viên thông”.

Sắc là nói cho tất cả những vật thể có hình tướng của thế giới hữu vi. Thí dụ như đóa hoa, cái nhà, cái xe, ngọn núi…Còn trần là biểu tượng của nhiễm ô, không trong sạch. Nếu một người tâm bất tịnh tức là còn nhìn đời bằng ánh mắt của tham đắm dục tình thì nhìn cái gì cũng mê cũng thích, cũng muốn chiếm lấy nên sắc bây giờ bị thanh trần làm nhiễm ô theo. Bởi vì chúng sinh nghĩ rằng trong cái sắc có sự quyến rũ hấp hẫn lòng người khiến con người

https://thuviensach.vn

hành động bất thiện. Nhưng nghĩ kỹ lại thì vật chất là vô tri vô giác, tự tánh thanh tịnh bản nhiên chớ có quyến rũ ai đâu. Cái mà con người gọi là hấp dẫn là bởi tại cái nhìn của họ có tham đắm si mê chớ vật thể tự nó đâu có tham đắm si mê. Vì vậy đối với những bậc đạo cao đức trọng thì sắc bây giờ không còn là trần nữa vì cái nhìn của họ đối với thế gian là huyễn nên chẳng có cái gì làm họ động tâm. Do đó đối với họ thì "Kiến sắc vi can sắc, Văn thanh bất thị thanh" nghĩa là tuy có thấy sắc nhưng con mắt không chạy theo sắc và tai nghe âm thanh mà cũng như không nghe gì hết, không bị lôi cuốn của âm thanh của nhạc điệu. Vì vậy nếu sắc không bị vọng tưởng tác động thì không thành "trần" cho nên người biết đạo thì sắc không thể gọi là trần được.

Thanh âm kết hợp bởi ngữ ngôn, biểu hiệu cụ thể của âm thanh là danh ngôn và cú nghĩa. Tác dụng của âm thanh còn phiến diện khó mà tu chứng "viên thông".

Tất cả vật thể trên thế gian chỉ là vật thể do duyên khởi tác tạc mà thành, nhưng con người lại đặt cho nó tên nầy tên nọ để gọi. Thí dụ, nhìn vào vườn hoa thì nào là hoa huệ, hoa cúc, hoa hồng, nhưng người Mỹ thì gọi là lily, mums hay rose thế thì cũng một loài hoa nhưng mỗi nước gọi khác nhau thì đâu có ngôn ngữ, lời nói nào là đúng hay đồng nhất? Con người thì có tên Minh, tên Hoàng, tên John, tên Susan. Nhà thì có nhà lầu, nhà trệt, nhà chọc trời, nhà tranh, nhà lá….Vì thế cái tên mà con người dùng để

https://thuviensach.vn

gọi chỉ là âm thanh, ngôn ngữ, là pháp sinh diệt chứ chẳng có gì là thật, là phản ảnh đúng hình tướng đó cả. Do đó nếu dựa vào âm thanh sắc tướng làm nhân địa tu hành thì khó mà chứng đắc được viên thông.

Hương có mùi hợp mới thành tác dụng, nếu để ly ra, dù hương có cũng như không. Hương trần không tương tục hiện hữu, khó mà tu chứng "viên thông". Nếu mùi hương có tác dụng với mũi mới thành Tỷ thức mà có sự phân biệt. Nhưng mùi hương thì không phải lúc nào cũng có bởi vì bình thường thì tuy mũi có thở nhưng không ngửi mùi vị gì hết. Thí dụ khi đi ngang qua đống rác, chỉ cần nín thở vài phút thì đâu có ngửi mùi xú uế do vậy hương trần mà không tác động với mũi thì chẳng có phản ứng gì. Thêm nữa, hương trần không liên tục tác dụng vào Tỷ căn nên cảm nhận tương đối rất ít cho nên nếu lấy hương trần làm nhân địa tu hành thì khó chứng đắc viên thông.

Vị không phải đương nhiên tự có, cần phải nếm mới biết có vị. Đối với giác cũng không liên tục nên khó mà tu chứng "viên thông". Ở đây vị giác cũng vậy. Nếu không cắn trái ớt thì làm sao biết trái ớt cay đến mức nào. Do đó vị cần phải nếm mới có giác mà con người hằng ngày chỉ ăn uống có mấy lần thì vị giác cũng chỉ phát hiện chừng ấy cho nên nếu lấy vị giác làm căn bản để tu thì cũng khó chứng đắc viên thông.

Xúc có vật chạm mới biết, nếu không cái biết xúc không thành. Xúc trong lúc hợp, chẳng xúc được lúc ly, nên khó

https://thuviensach.vn

mà tu chứng "viên thông". Xúc tức là sự đụng chạm mà có. Thí dụ nếu không cầm cục nước đá thì tay đâu có biết lạnh. Tay không sờ cái áo lông thì không biết mềm. Nếu không có người đánh vào mặt thì mặt đâu có đau. Nhưng bình thường thì thân ít tiếp xúc với xúc trần nên thân thức cũng ít sanh khởi. Do đó nếu lấy xúc trần làm nhân địa tu hành thì khó chứng đắc được viên thông.

Pháp còn gọi là nội trần. Trần là đối tượng "Sở tri". Năng, sở không là một, khó mà tu chứng "viên thông". Những hình ảnh, âm thanh, nếm, xúc, biết đã xảy ra trong quá khứ khiến cho con người bây giờ nhớ lại để có thương ghét, hờn giận, tốt xấu, hơn thua, phải quấy, bằng lòng hay không bằng lòng thì gọi là pháp trần. Vậy pháp trần là bóng dáng của âm thanh, sắc tướng, nghe ngửi, nếm xúc biết của quá khứ mà bây giờ con người hồi tưởng lại chớ không phải những hiện tượng đó hiện tại đang xảy ra. Thí dụ như hiện tại mình đang ở Mỹ, nhưng nhớ lại mấy tháng trước những sinh hoạt với thân nhân bạn bè ở Sài Gòn. Trong Phật giáo, pháp trần được xem như là một trong những nguyên nhân chính phát sinh ra vọng tưởng khiến con người sống trong điên đảo. Vì thế Đức Phật dạy chúng sinh đừng quan tâm đến quá khứ tức là đừng khơi lại đống tro tàn của ký ức mà phiền não có cơ hội phát tác. Sau cuộc đổi đời năm 1975, rất nhiều vị có quyền cao chức trọng, giàu sang phú quý mà bây giờ cũng phải chạy cơm ngày hai bửa nên họ quay về sống với quá khứ để hồi tưởng lại những kỷ niệm êm đềm.

https://thuviensach.vn

Càng nhớ càng lưu tâm về quá khứ thì càng luyến tiếc, càng ưu phiền chớ có ích lợi gì. Nhớ càng nhiều về sự nghiệp, tình yêu, thù hận thì càng ray rức, càng tê tái cõi lòng và dĩ nhiên càng có nhiều vọng tưởng thế thôi. Bất cứ ai cũng trải qua lứa tuổi đôi mươi thơ mộng, nhưng nó đã qua rồi thì cứ an vui ở bất cứ lứa tuổi nào vì nó chỉ đến có một lần. Quá khứ đã qua đi thì làm sao nắm bắt lại được cho nên muốn có hạnh phúc thì hãy sống với những giây phút hiện tại mình đang có ngay bây giờ. Trong sáu trần thì sắc, thanh, hương, vị, xúc là ngoại trần tức là những trần cấu ở bên ngoài tác tạo với nội căn để phát sinh ra vọng tưởng. Duy chỉ có pháp trần là nội trần vì nó phát hiện từ nội tâm nên nó rất tai hại bởi vì không cần đối tượng trước mặt mà con người vẫn có buồn vui, sướng khổ, giận hờn như thường. Hễ có nhớ là còn khổ, còn luyến tiếc, còn vọng tưởng. Nhưng cái biết do ngoại cảnh nên gọi là "sở tri" để phát khởi cái biết tự trong tâm tức là "năng tri". Một khi có năng có sở là có sự phân biệt nên chúng sinh khó lấy đó làm nhân địa tu hành mà chứng đắc được viên thông.

2)NHƯỢC ĐIỂM CỦA NĂM CĂN :

Tánh thấy rỗng rang bao quát nhưng chỉ thấy được phía trước, chẳng thấy được phía sau. Bốn hướng tám phương mất đi một nữa, nên khó mà tu chứng "viên thông'.

Tuy mắt là một trong hai căn nhạy bén nhất, nhưng cái thấy của mắt bị ngăn ngại, không thông suốt. Mắt chỉ thấy

https://thuviensach.vn

phía trước mà không thấy được phía sau, thấy gần nhưng không thể thấy xa nên công dụng bớt đi mất phân nửa.

Mũi thở ra thở vào, chặng giữa không có thở, không dung thông, còn cách trở, khó mà tu chứng "viên thông".

Hơi thở của mũi cũng không đều, có lúc thở ra có lúc hít vào, có lúc nín thở, có khi thở dài và cũng có khi thở ngắn. Người tâm định thì hơi thở rất bình thường đều đặn, khi tập thể dục hay chơi thể thao thì hơi thở rất mạnh và người đau yếu thì hơi thở thoi thóp. Thế thì hơi thở không nhất định, lúc cao lúc thấp, có lúc không nên khó dung thông.

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành. Vị không phải lúc nào cũng sẵn có nên khó tu mà chứng "viên thông".

Lưỡi bình thường thì không có vị. Bên ngoài của lưỡi được cấu tạo bởi rất nhiều tuyến để nhận biết, phân biệt mùi vị, nhưng tự thể những tuyến này là trung dung, không mùi vị. Nhưng con người đâu phải lúc nào cũng ăn uống cho nên lưỡi chỉ làm việc gián đoạn, không liên tục.

Thân biết xúc, nhưng phải có đối tượng. Năng sở xúc không thường liên tục thì khó mà tu chứng "viên thông".

Thân có cảm xúc là do sự va chạm. Thí dụ cầm ly nước trà thì cảm thấy nóng, cầm cục nước đá thì thấy lạnh và tay sờ cái áo lông thì cảm thấy mềm mại êm đềm. Đi hay chạy bộ

https://thuviensach.vn

thì cảm thấy gió mát. Ai tát vào mặt thì xót xa đau đớn còn ai nựng vào má thì hạnh phúc yên vui. Nhưng nói chung thân có biết thì cần phải có xúc, nhưng hằng ngày sự tiếp xúc cũng giới hạn, gián đoạn nên cái biết của thân cũng không thường liên tục.

Ý căn thường xen với vọng tưởng. Loạn tưởng dừng thì chẳng thấy biết gì. Tưởng niệm không dễ gì dứt bỏ thì khó mà tu chứng "viên thông". Khi thấy một người vào nhà thì biết có người vào thì cái biết này là nhãn thức, chưa có sự phân biệt. Nhưng nhìn kỹ thì đây là người đàn ông, ở tuổi ba mươi, là người bà con thì từ nhãn thức chuyển qua ý thức phân biệt rõ ràng. Vì thế ý căn là sự tiếp nạp những luồng tư tưởng từ năm căn gởi đến để phân biệt tạo thành vọng tưởng. Nếu không có những ý niệm từ các căn gởi đến thì ý căn tự nó không biết gì hết và chẳng có gì để phân biệt đối đãi. Mà ý tưởng thì tuôn chảy không ngừng, khó dứt cho nên vọng tưởng cũng vì thế mà sinh sôi nẩy nở mạnh trong tâm.

3) NHƯỢC ĐIỂM CỦA SÁU THỨC :

Cái thấy của mắt phải có căn trần. Cạn xét tột cùng nó không tự thể, không tự thể thì không nhất định nên khó mà tu chứng "viên thông".

Muốn có cái thấy thì phải có mắt, có trần tức là có đối tượng để thấy và dĩ nhiên phải có tánh thấy. Nếu thiếu một thì cái thấy không thành tựu. Vì cái thấy tùy thuộc vào ba

https://thuviensach.vn

nhân duyên là mắt, trần và tánh thấy nên cái thấy không có tự thể cho nên cái thấy lúc có lúc không, không nhất định thành thử rất khó dựa vào đó mà tu chứng đắc viên thông.

Sử dụng cái nghe, nghe suốt mười phương, hạng sơ tâm không dễ dàng thực hiện nên khó mà tu chứng "viên thông".

Tuy cái nghe có thể nghe suốt, không ngăn ngại và có ba đức tính là Viên, Thông và Thường. Thứ nhất "Viên" tức là viên mãn nghĩa là ở đâu mà có âm thanh thì tai có thể nghe được. Đức tính thứ hai của cái nghe là "Thông" tức là không bị ngăn bít. Thí dụ một người ca hát ở căn nhà kế bên mà chúng ta có thể nghe tiếng hát rất rõ ở trong nhà mình. Đức tính thứ ba là "Thường" tức là lúc nào cũng nghe. Tuy nhiên pháp tu "phản văn văn tự tánh" đòi hỏi hành giả phải vào thiền định nên những bậc sơ cơ khó thực hiện nếu không có sự hướng dẫn.

Quán điểm trắng ở tỷ căn đó chỉ là quyền phương tiện, nhằm thu nhiếp để trụ tâm. Trụ mà trở thành "sở trụ" thì khó mà tu chứng "viên thông".

Đây là pháp tu thiền định mà hành giả ngồi ngay ngắn rồi nhìn thẳng vào điểm trắng ở sóng mũi của mình. Hành giả quán hơi thở và chỉ định tâm nơi mũi thì có thể thu nhiếp vọng tưởng để quy tâm về một chỗ. Nhưng đối với người không thực hành thiền định lâu thì họ chấp nơi sóng mũi là

https://thuviensach.vn

“sở trụ” còn tâm của mình duyên ra sóng mũi thành ra “năng trụ”. Một khi có năng có sở thì rất khó mà tu chứng đắc viên thông. Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự chỉ khai ngộ cho những ai Phật chủng đã trồng sâu. Danh cú, văn tự không phải là vô lậu thì khó mà tu chứng “viên thông”.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy rằng : ”vô pháp khả thuyết gọi là thuyết pháp” nghĩa là không có pháp để cho Như Lai thuyết bởi vì cái mà nói được thì nằm trong vòng lẩn quẩn tương đối, sinh diệt còn chân lý là pháp tuyệt đối, vô hình vô tướng, bất sinh bất diệt thì làm sao nói được. Dó đó “có “ hay “không” chỉ là phương tiện để đối trị với bệnh chấp của chúng sinh. Đức Phật chỉ dùng phương tiện để giúp chúng sinh tự mình thấy được chân lý chớ kinh điển, thuyết pháp không phải là chân lý. Vì thế khi nghe thuyết pháp thì người trí chỉ dựa vào âm thanh thuyết pháp để nghe cái gì chứa đựng bên trong. Ví như người nương theo ngón tay để thấy mặt trăng, còn nếu chấp ngón tay là mặt trăng thì cả đời cũng không bao giờ biết mặt trăng như thế nào.

Phật Pháp là bất định pháp nghĩa là có những bài thuyết pháp rất huyền diệu tuyệt vời, nhưng nó chỉ dành riêng cho một thành phần nào đó chớ không phải cho tất cả mọi người cho nên Phật mới nói cao, nói thấp và nói 84.000 bài thuyết là vậy. Do đó ngôn ngữ văn tự chỉ pháp là sinh diệt, là hữu lậu nên nếu chúng sinh không có chủng tử Phật

https://thuviensach.vn

thâm sâu mà chỉ nương theo tâm hữu lậu làm nhân địa tu hành thì không bao giờ đạt được pháp vô lậu thanh tịnh Niết bàn. Nói cách khác trong tất cả chúng sinh đã có sẵn chủng tử Phật Pháp, nhưng lý do họ không thấu hiểu là vì bị màn vô minh che lấp cho nên nếu mình có thể đánh tan màn vô minh hắc ám đó thì chủng tử Phật Pháp từ từ hiển lộ mà không cần Phật hay Bồ Tát thuyết. Màn vô minh càng vén thì Phật tánh càng hiển bày cũng như mây tan thì trời sáng tỏ. Đó là tại sao tuy Đức Phật thuyết pháp độ sanh suốt 49 năm ròng mà Ngài nói "Ta chưa hề nói một chữ" là vậy.

Giữ giới chỉ câu thúc cái thân, ngoài cái thân lấy gì câu thúc? Giới và thân vốn không cùng khắp thì khó mà tu chứng "viên thông". Giữ giới là để câu thúc tức là kiềm chế cái thân. Thí dụ giữ giới sát sinh nên tay không giết hại súc vật. Hành động của thân thì có giới hạn nên có thể câu thúc được. Nhưng tâm ý thì tuôn chảy như dòng thác, liên tục bất tận thì làm sao câu thúc? Vì thế nhà Phật gọi giữ giới là "biệt biệt giải thoát" nghĩa là chúng sinh giữ được phần nào thì có giải thoát chừng ấy.

Giới là vì chúng sinh đi ngược lại với chơn tánh của mình, chớ nếu biết sống đúng với tánh giác diệu minh thì chẳng có giới gì để giữ cả. Thí dụ nhơn thừa thì có 5 giới và các vị Tỳ kheo thì có 250 giới. Con đường chúng sinh đi là Giới-Định-Tuệ nghĩa là có giới hạnh viên mãn thì tâm mới định và một khi tâm định thì chắc chắn trí tuệ sẽ sinh. Ngược lại các vị Bồ Tát hay chư Phật thì họ đã có trí tuệ viên mãn nên tâm hằng thanh tịnh. Mà tâm đã thường định

https://thuviensach.vn

thì chẳng thấy có giới gì để giữ. Tuy không giữ giới mà đây mới thật là giữ giới vẹn toàn. Vì giới và thân có giới hạn, không cùng khắp nên cái gì có giới hạn thì không phải là chơn tâm vô cùng vô tận nên đây không phải là pháp có thể nương tựa để chứng đắc viên thông.

Thần thông do tập nhân từ trước, không dính dáng với ý thức phân biệt pháp trần. Niệm lự, không rời sự vật thì khó mà tu chứng "viên thông". Pháp trần luôn phát sinh những luồng tư tưởng của ký ức trong tiềm thức do đó mà ý thức hoạt động, tác tạo không ngừng khiến vọng tưởng cũng vì thế mà tăng trưởng. Thêm nữa, ý thức là do sự tổng hợp của nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức nên nếu không có đối tượng thì ý thức cũng không còn phân biệt được. Vì ý niệm phải cần có đối tượng nên ý thức lúc nào cũng dấy khởi, không ngừng nghĩ cho nên nếu dựa theo ý thức mà tu thì rất khó có được chứng đắc viên thông.

4) NHƯỢC ĐIỂM CỦA BẢY ĐẠI :

Đất, tánh của nó là ngăn ngại, nếu quán cái tánh của địa đại thì không thể thông suốt. Vả lại pháp hữu vi không là giác tánh thì khó mà tu chứng "viên thông".

Tuy sáu căn, sáu trần, sáu thức và bảy đại đều là những dữ kiện để tu chứng đắc viên thông, nhưng tánh của đất là ngăn ngại, không thông suốt nên khó dựa theo đó mà tu chứng. Thêm nữa, đất là pháp hữu vi mà không có giác

https://thuviensach.vn

tánh nên đòi hỏi hành giả phải có định lực cao, công phu bền chắc thì mới có thể đạt đến trình độ như như bất động liễu liễu thường minh được.

Nước do quán mới thấy. Nếu quán thủy đại cần vận dụng nhiều quán trí. Đã là quán trí thì không phải là chơn, chưa đạt đến ”như như phi giác quán” thì khó mà tu chứng “viên thông”.

Trong đạo Phật có rất nhiều cách quán chẳng hạn như quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán bất tịnh, quán không… Ở đây nước là do quán mới thấy, nhưng muốn đạt đến trình độ đó thì hành giả đã thuộc vào hạng căn cơ cao, nội lực mạnh chớ hạng căn cơ hạ liệt chắc chắn không thể làm nổi. Đối với tất cả chúng sinh thì nên quán “Như huyễn Tam-ma-đề” để thấy biết rằng vạn pháp duyên sanh như huyễn thì cuộc đời sẽ dễ chịu, bớt tham cầu, giảm si mê bởi vì thế gian chẳng có cái gì là chân thật cả, thấy đó rồi mất đó nên tâm dễ hướng về cõi tự tại. Lý do chúng sinh không thấy “như huyễn” là tại vì trong họ chấp ngã còn nặng nên thấy cái gì cũng thật, nhìn vật gì cũng si mê say đắm nên phải giữ gìn, chấp thủ.

Lửa đem so sánh với nỗi của dâm tâm, nếu quán hỏa đại để trừ lửa dâm ở nội tâm, đó chỉ là người chán cái khổ hoành hành, chưa phải là viễn ly chân thật. Đó là phương tiện không phải phát xuất bởi tâm ban đầu nên khó mà tu chứng “viên thông”.

https://thuviensach.vn

Quán về lửa trong đoạn kinh này là lửa lòng, lửa dâm phát khởi ở nội tâm để sai sử con người dấn thân vào vòng sa đọa. Do đó người có thể quán hỏa đại để biến thành lửa tam muội mà đốt cháy tâm dâm thì dĩ nhiên đây là hạng có nội lực cao. Ông Ô Sô Sắc Ma nhờ Đức Phật Không Vương Như Lai dạy cách quán hơi nóng trong cơ thể cùng khắp tứ chi để biến tâm háo dâm trở thành trí tuệ, sáng suốt. Ông Ô Sô Sắc Ma bị tâm dâm hành hạ, tâm trí bị dâm dục hoành hành nên rất đau khổ mà cái khổ của ông chỉ là một giọt nước trong biển khổ của thế nhân. Vì thế ý nghĩa chữ "diệt khổ" của nhà Phật là diệt tất cả chớ không phải chỉ một nỗi khổ nào bởi vì diệt được nỗi khổ này thì những nỗi khổ khác lại hiện ra.

Gió thì lúc động lúc yên, nếu quán cái tánh của phong đại thì đó chỉ là pháp đối đãi. Còn đối đãi thì không là tánh giác minh vô thượng, khó mà tu chứng viên thông. Gió thì không phải lúc nào cũng có, khi có khi không, lúc mạnh lúc yếu, không liên tục. Có khi gió thành cuồng phong bảo tố, có khi yên tĩnh như tờ nên gió là pháp đối đãi. Mà đã có năng có sở là có vọng tưởng chớ không phải là tánh giác chân thật.

Không thì rỗng suốt chẳng có gì, nếu quán cái tánh của không đại thì đồng như vô tri vô giác. Vô tri vô giác trái với Bồ Đề thì khó mà tu chứng "viên thông". Không của hư không là cái không rỗng suốt chẳng có gì vì thế nếu người đệ tử Phật tu quán "vạn pháp giai không" để thấy thế gian rỗng không, chẳng còn cái gì hết thì hoàn toàn đi

https://thuviensach.vn

ngược lại với giáo lý nhà Phật. Càng tu theo lối này thì càng đi sâu vào vòng mê muội. Tại sao? Bởi vì chúng sinh chán cái khổ vì có mà mong mỏi đi tìm cho được cái không thì cũng khổ như nhau. Cảnh giới, danh xưng tuy có khác nhưng cái khổ đâu có khác cũng ví như sợ chết đuối mà lại chạy vào lửa thì có khác gì. Vì thế người tu thiền cố ngồi suy tư quán chiếu để biến tất cả thế gian thành ra không thì đây không phải là thiền của Phật giáo, càng tu càng khổ càng mê muội. Thế gian, nhà cửa, xe cộ, nam thanh nữ tú sờ sờ ở đó mà quán thành không, chẳng còn gì hết thì thế gian còn cái gì để sống, để tu.

Cái không của nhà Phật là "không chẳng khác sắc" nghĩa là "không là sắc và sắc là không". Nói cách khác tất cả mọi vật thể trong thế gian này dù to lớn như mặt trời, mặt trăng hay nhỏ như hạt cát đều do duyên khởi tác tạo mà thành chớ không vật nào tự nó sinh khởi hay tồn tại được cho nên vật thể là vô ngã, không có tự thể nên tuy là có, là thấy sờ sờ ở đó nhưng một ngày nào đó nó sẽ bị biến hóa, tiêu hoại nên gọi là không. Vì thế cái không của Phật giáo là không tham đắm, si mê, không chấp thủ chạy theo hình sắc sinh diệt chớ không phải dùng thần thông hay quán làm biến đi tất cả. Ngày xưa Đức Phật cũng sống trong cái thế giới có đầy đủ vật chất như chúng ta hiện nay, nhưng dưới mắt của người giải thoát giác ngộ là tuy có nhưng tất cả đều là không nên Ngài không dính mắc vào bất cứ cái gì ngay cả Bồ Đề, Niết Bàn. Vì vậy chán cái khổ vì có nên cố tìm cầu cái không thì kết quả cũng khổ như nhau tức là vẫn còn chấp bên này bên kia, chưa tự tại.

https://thuviensach.vn

Thức thì sanh diệt không thường, nếu quán cái tánh của không đại chỉ là quán sự phân biệt diệt sanh hư vọng, khó mà tu chứng "viên thông".

Tuy Ngài Di Lặc Bồ Tát tu pháp quán duy thức mà tỏ ngộ được tất cả sự vật, nhưng thức là do phân biệt ứng hiện, không phải có không phải không nên thức có rất nhiều phân biệt hư vọng chớ không phải là vô phân biệt vì thế mà Ngài Văn Thù lựa bỏ pháp môn này, cho là không thích hợp.

Kiến là tánh thấy, kiến đại biểu hiện qua tưởng niệm. Tất cả các hành đều vô thường, tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt. Đem nhân sanh diệt, cầu được quả chân thường bất diệt, khó mà tu chứng "viên thông".

Ngài Đại Thế Chí tu pháp niệm Phật, luôn luôn phát ra những tưởng niệm giác ngộ huân tập tự tâm nên Ngài mới chứng ngộ viên thông. Còn đối với hạng sơ cơ phát tâm tu về pháp môn này thì dễ dính mắc vào sự tướng, mắc vào các tưởng niệm sinh diệt vì họ không biết niệm cái vô niệm, niệm cái vô sinh diệt. Nói cách khác khi chúng sinh niệm hồng danh Phật A Di Đà thì tâm họ dính mắc nơi sáu chữ A Di Đà, miệng niệm mà tâm không niệm nên không thể có giải thoát được. Do đó nếu chúng sinh còn tu theo âm thanh sắc tướng nghĩa là lấy nhân sinh diệt mà tu thì sẽ khó mà đạt được quả chân thường bất diệt, vô vi thanh

https://thuviensach.vn

tịnh. Vì thế Chơn tâm thường trú không sinh diệt hư hoại nên gọi là "Thường" và thể tánh tịnh minh sáng suốt là "Quang" và tâm thanh tịnh vắng lặng là "Tịch". Do đó cảnh "Thường, Tịch, Quang" Tịnh độ chỉ ở nơi chơn tâm ta chớ không đâu khác.

Thêm nữa, chơn tâm không hoại diệt là "Phật Vô Lượng Thọ", chơn tâm chiếu soi vô tận là "Phật Vô Lượng Quang" và đó tức là "Thanh tịnh diệu Pháp thân" của Phật A Di Đà.

Vì vậy người niệm Phật đến khi hết vọng, ngộ nhập chơn tâm rồi thì Phật A Di Đà hay cảnh Tịnh độ cũng chỉ nơi tâm mình hiện ra, chớ không phải ở đâu xa. Vì thế nên kinh dạy rằng : "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ" là vậy.

5) SỰ ƯU VIỆT CỦA NHĨ CĂN :

Tôi nay kính bạch Thế Tôn :

Phật ra đời ở cõi Ta bà
Trong cõi này giáo môn thích ứng
Hiệu quả tốt ở: Nói và Nghe
Muốn thành tựu được Tam ma đề
Phải vận dụng "tánh nghe" mà nhập

Chúng sinh sống trong thế giới Ta Bà thì phải cam tâm nhẫn chịu biết bao tham, sân, si, mạn, nghi, hơn thua phải quấy, vui mừng hờn giận, tốt xấu, thật giả…ngay cả hài

https://thuviensach.vn

lòng hay không hài lòng cũng phải chấp nhận. Vì thế sáu căn, sáu trần, sáu thức và bảy đại là những điều kiện để cho người đệ tử Phật dựa vào đó mà sửa trị, hóa giải tâm tánh của mình. Trong hai mươi lăm môn viên thông thì pháp môn nào cũng là bậc nhất. Cũng ví như mỗi người có mỗi căn bệnh khác nhau. Nếu thuốc nào trị được bệnh ấy thì là bậc nhất. Do đó con người có thể chọn lựa cho mình bất cứ pháp môn nào thích hợp nhất, hợp với khế cơ thì pháp môn ấy là bậc nhất bởi vì pháp môn chỉ là phương tiện mà giải thoát giác ngộ mới là cứu cánh. Tuy có rất nhiều pháp môn để cùng đạt đến chỗ giải thoát giác ngộ viên thông, nhưng pháp môn uu việt nhất đối với người căn cơ thấp thì vẫn là "nhĩ căn viên thông" của Ngài Quán Thế Âm. Pháp tu phản văn văn tự tánh là xoay tánh nghe trở vào trong để nghe tiếng nói thanh tịnh của tâm mình mà chứng được chánh định.

Lìa khổ được giải thoát

Hay thay Quán Thế Âm
Kiếp số như cát sông Hằng
Vào cõi nước vi trần Phật độ
Sức tự tại không thể nghĩ lường
Vô úy bình đẳng thí chúng sinh

Quán Thế Âm Bồ Tát nhờ tu theo pháp môn này mà có được 14 thứ công đức vô úy không có nghĩa là Bồ Tát

https://thuviensach.vn

thành tựu 14 công đức vô úy rồi đem 14 thứ công đức đó mà cứu khổ cứu nạn chúng sinh. Mà huyền nghĩa của kinh là Bồ Tát nhờ tu theo pháp môn Văn huân Văn tu mà thành tựu 14 thứ công đức vô úy do đó nếu chúng sinh tu pháp môn này đến chỗ rốt ráo như Bồ Tát thì chính mình cũng có được 14 công đức vô úy như các Ngài. Vì sự diệu dụng đó mà Ngài thị hiện vào vô số cõi Phật để giúp chúng sinh thấy con đường giải thoát mà tu.

Quán Thế Âm là Diệu Âm
Quán Thế Âm tức Phạm Âm
Quán Thế Âm, Hải Triều Âm đó
Cứu thế vững an khang
Xuất thế hằng thường trú
Tôi kính bạch Như Lai

Thế nào là Quán Thế Âm? Quán là quán chiếu, suy tư. Thế là thường xuyên liên tục và Âm là âm thanh, âm ba trong tâm vọng lên chớ không phải âm thanh bên ngoài. Do đó Quán Thế Âm là lắng nghe những âm ba, âm thanh của lòng mình thường xuyên liên tục để nhắc nhở chúng sinh về Giới-Định-Tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến trên con đường Bồ Đề Niết Bàn. Diệu Âm là những tiếng trong sáng mầu nhiệm. Khi chúng sinh ở những nơi rất yên tịnh rồi xoay cái nghe của mình vào trong thì có thể nghe biết bao âm thanh huyền diệu nhắc nhở mình trút bỏ vô minh, phiền não, dứt bỏ ái dục để tiến lên con đường giải thoát biểu hiện qua con đường đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xã thì

https://thuviensach.vn

tiếng nói đó chính là Diệu Âm vậy. Vì thế Ngài thị hiện thành muôn hình vạn tướng trong tâm của tất cả chúng sinh chớ không nhất thiết chỉ là hình tướng của một phụ nữ. Đó là bất cứ chúng sinh ở bất cứ tầng lớp nào trong xã hội hay bất cứ ở nơi nào, giống dân nào mà tâm mình thiện để độ đời thì chính lúc ấy Đức Quán Thế Âm đang thị hiện trong tâm của ta rồi.

Quán Thế Âm là Phạm Âm nghĩa là những âm thanh, tiếng nói thánh thiện của lòng mình để khuyến khích chúng sinh làm lành, tích thiện cứu đời độ thế và sau cùng tiến thẳng về cứu cánh giải thoát giác ngộ. Quán Thế Âm là Hải Triều Âm là tiếng Pháp huyền diệu cũng như tiếng sóng ào ạc đang thoi thóp nổi lên từ trong lòng của chúng sinh để nhắc nhở con người mở lòng từ bi, cứu độ chúng sinh.

Như lời Quán Âm nói
Ví như ngồi chỗ tĩnh
Mười phương cùng đánh trống
Mười hướng thảy đồng nghe
Đấy là “viên chơn thật”.
Cách vách nghe âm hưởng
Xa gần có thể nghe
Năm căn không sánh được
Thông chơn thật, nhĩ căn
Tiếng không, tánh nghe không diệt
Tiếng có, chẳng phải mới sanh

https://thuviensach.vn

Có không, không quan hệ
Thường chơn thật của nhĩ căn.

Nhĩ căn có ba đức tính là Viên, Thông và Thường. Thứ nhất "Viên" tức là viên mãn nghĩa là ở đâu mà có âm thanh thì tai có thể nghe được. Đức tính thứ hai của tai là "Thông" tức là không bị ngăn bít. Thí dụ một người đang hát ở căn nhà kế bên mà chúng ta có thể nghe tiếng hát rất rõ ở trong nhà mình. Đức tính thứ ba là "Thường" tức là lúc nào cũng nghe. Thí dụ như có âm thanh thì nghe tiếng tức là nghe động. Còn không có âm thanh thì tai nghe tĩnh. Vì thế khi tham thiền nhập định, tuy rất yên lặng, không có tiếng động, nhưng hành giả vẫn có thể nghe rất xa và rất rõ những âm thanh huyền diệu mà được gọi là Diệu Âm. Khi có âm thanh thì nghe tiếng, còn lúc yên tịnh thì nghe tĩnh chớ không phải không nghe cái gì hết. Nhưng tánh nghe thì lúc nào cũng có, thường trụ cho dù có nghe tiếng hay hay nghe tĩnh. Vì thế chúng sinh có thể nghe những âm thanh huyền diệu trong lòng ta bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Đây là tánh thường chơn của tánh nghe.

Dù có đang say ngủ
Chẳng vì ngủ không nghe
Tánh nghe ngoài suy nghĩ
Thân ý chẳng so bằng
Hiện tại cõi Ta bà
Thanh Luận được biểu dương

https://thuviensach.vn

Mê muội đối với tánh nghe
Bị thanh trần cuốn theo dòng lưu chuyển

Khi ngủ nếu có ai giơ tay tát vào mặt thì tánh thấy không phát hiện được. Ngược lại trong khi ngủ nếu có người gọi tên thì chúng ta thức giấc ngay vì thế tánh nghe thì lúc nào cũng có, cũng có thể nghe được. Vì sự nhạy bén đó cho nên nếu chúng sinh không tự chủ được nhĩ căn của mình thì sẽ bị thanh trần cuốn con người vào vọng trụy lạc khổ đau.

Dùng tánh nghe trú trì Phật Pháp
Hãy tự mình nghe lấy tánh nghe
Xoay tánh nghe thoát khỏi thanh trần
Tánh nghe ấy là tánh nghe thường trú
Một căn đã xoay về bản tánh
Thì năm căn sẽ được giải thoát theo
Sắc thanh…trần như bệnh lòa huyễn hóa
Ba cõi dường hoa đóm trong không

Khi xoay tánh nghe vào trong để nghe tiếng lòng thanh tịnh của mình thì thanh trần không còn ảnh hưởng nghĩa là cho dù tai có nghe tất cả nhưng mà như không nghe gì hết. Một căn đã thanh tịnh thì năm còn lại cũng thanh tịnh theo. Lúc ấy ngoại trần "sắc, thanh, hương, vị, xúc" và nội trần "pháp" tuy có mà như không, chẳng còn tác dụng làm con người đau khổ thì tâm sẽ được như như bất động, liễu liễu thường minh. Tâm thanh tịnh thì làm gì còn dục giới tức là

https://thuviensach.vn

cảnh giới của tham dục, thực dục và dâm dục. Tuy còn sống ăn ngủ trong thế gian, nhưng con người không còn lưu luyến, đam mê cái thế giới hữu hình này thì chúng ta đã lìa xa được cõi sắc rồi.

Sau cùng, nếu chúng sinh không gởi gấm tâm hồn mình vào nơi vô định, lên đồng nhập cốt, xuất hồn đi nơi này nơi khác, lo sợ âm ty địa ngục là con người đã vượt thoát cõi vô sắc. Phật giáo khẳng định là không bao giờ có âm ty địa ngục mà chỉ có địa ngục tự tâm nghĩa là chúng sinh tự đày mình vào thế giới âm u của địa ngục tham-sân-si để phải chịu cảnh khổ. Đức Phật Thích Ca và biết bao đệ tử của Ngài cũng sống trong thế giới này, nhưng các Ngài đã ra khỏi tam giới, không còn vướng bận nên tâm hằng trụ Niết bàn. Vì thế dục giới, sắc giới và vô sắc giới đều từ tâm biến hiện. Thiên đàng, địa ngục cũng từ từ tâm cho nên nếu chúng sinh biết chuyển tâm để sống đúng với chân lý, đúng với chánh Pháp thì sẽ vượt thoát tam giới mà có giải thoát tự tại ngay trong đời này, thế giới này.

Xoay tánh nghe là trừ hết bệnh lòa
Trần tưởng diệt, giác tâm hiển hiện
Tột thanh tịnh trí quang thông suốt
Tịch như mặt trời chiếu tợ thái dương
Quay nhìn xem hiện tượng thế gian
Như vật sắc chiêm bao chẳng khác
Ma Đăng Già hà không là mộng huyễn
Thì còn ai quyến rũ! Hởi A Nan?

https://thuviensach.vn

Nếu chúng sinh biết xoay tánh nghe để lắng nghe tiếng lòng thanh tịnh của mình thì những vọng tưởng sinh diệt không còn phát sinh. Những tư tưởng, ý niệm hơn thua, phải quấy, tốt xấu, lấy bỏ không còn dấy lên nữa thì lúc bấy giờ tánh giác thanh tịnh của mình bắt đầu hiển hiện. Khi tâm đã định thì trí quang bừng sáng cũng như vầng mây đen tan thì ánh sáng mặt trời chiếu sáng. Lúc ấy nhìn lại thế gian sinh sinh diệt diệt, có rồi lại không, hợp rồi lại tan chẳng khác nào như giấc chiêm bao chớ có chi là bền chắc. Khi đã quán chiếu để biết rằng thế gian là huyễn hóa, là do duyên khởi tạo thành nên thấy đó rồi mất đó thì lòng không còn tham đắm si mê. Tâm thanh tịnh thì phiền não không còn, tham-sân-si biến mất thì nàng Ma Đăng Già làm sao quyến rũ được. Đó chính là tâm chuyển vật. Ngược lại nếu tâm mình bất tịnh thì vật chuyển tâm khiến cho con người dễ rơi vào hố thẳm của tội lỗi đau thương.

Như các huyễn sư khéo tạo hình người
Giỏi trang điểm làm ra trai hay gái
Dù có căn cơ cử động rung rinh
Do cái máy dật dây điều khiển
Động cơ "nghỉ" tứ chi người "tê liệt"
Trò múa men đến lúc trở thành không
Tư duy kỹ, sáu căn người cũng thế
Phát xuất từ một thể tánh tịnh minh
Chia ra thành sáu thứ "hợp" "hòa"
Một đã tịch thì sáu căn đều thanh tịnh

https://thuviensach.vn

Đối với tuệ nhãn của Bồ Tát thì thế gian này chẳng có cái gì là thật cả. Vì do nhân duyên hòa hợp nên con người mới được tạo tác mà có hình dáng, tiếng nói, giọng cười. Bởi do duyên khởi tạo thành nên con người là giả tạo, không bền không chắc. Tuy tay chân có hoạt động là bởi do thần thức điều khiển cũng bởi do các duyên giả hợp tạo thành. Khi duyên tan, thất đại tan rã thì con người cũng mất, mỗi đại về lại với bản thể của nó. Xét cho cùng tánh giác diệu minh khi tác động vào con người mà có tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết vì thế nếu chúng sinh biết quán chiếu tu tập để có một căn thanh tịnh thì năm căn kia cũng đều thanh tịnh như nhau.

Trần cấu còn thì gọi là học vị
Giác tột cùng thì gọi đó Như Lai
Hởi A Nan! Và đại chúng hiện tiền
Hãy chỉ tức nghe thanh trần điên đảo
Xoay tánh nghe, nghe tự tánh của mình
Nghe tự tánh là thành Vô Thượng Giác
Xin đảnh lễ Như Lai Tạng tánh
Gia bị cho mạt thế chúng sinh
Đủ khả năng làm chủ lấy Nhĩ Căn
Giàu nghị lực sống với Viên, Thông, Thường ba chơn thật tánh.

Còn phiền não vô minh thì gọi là chúng sinh, hàng hữu học. Đến khi dứt hết trần cấu, điên đảo vô minh thì gọi là Như Lai tức là thành Phật. Do đó tu chứng là do chúng

https://thuviensach.vn

sinh nỗ lực để diệt trừ trần cấu mà trở về với tánh giác diệu minh vốn hằng có sẵn trong tâm của mình chớ không do ai trao tặng. Vậy tất cả chúng sinh hãy cố gắng chấm dứt nghe những âm thanh, tiếng nói điên đảo bên ngoài mà chú tâm lắng nghe tiếng nói thanh tịnh tự đáy lòng tức là nghe được tự tánh thanh tịnh bản nhiên thường có của mình thì tức khắc trở thành người giác ngộ.

Nếu đứng trên phương diện bản thể thì căn, trần, thức, đại đều là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai Tạng nên tất cả đều là tự tánh thanh tịnh bản nhiên, không có gì là căn nguyên của tội lỗi xấu xa cả. Tuy nhiên, bây giờ nếu đứng về phía hiện tượng mà nói thì căn, trần, thức, đại mỗi thứ tác động qua lại khác nhau cho nên công dụng biểu hiện cũng không đồng mà từ đó mới có ưu, có khuyết. Người tu Phật phải biết rằng tuy căn, trần, thức, đại có khác nhau trên phương diện tu chứng viên thông nghĩa là căn cơ, bổn nguyện của chúng sinh có khác nên sự chọn lựa để thích hợp với căn cơ của họ cũng không giống nhau, nhưng cứu cánh vẫn là một, là giải thoát tự tại.

Sáu căn, sáu trần, sáu thức và bảy đại là những điều kiện để cho người đệ tử Phật dựa vào đó mà sửa trị, hóa giải tâm tánh của mình. Trong hai mươi lăm môn viên thông thì pháp môn nào cũng là bậc nhất. Cũng ví như mỗi người có mỗi căn bệnh khác nhau. Nếu thuốc nào trị được bệnh ấy thì là bậc nhất. Do đó con người có thể chọn lựa cho mình bất cứ pháp môn nào thích hợp nhất, hợp với khế cơ thì

https://thuviensach.vn

pháp môn ấy là bậc nhất. Nên nhớ rằng pháp môn chỉ là phương tiện mà giải thoát giác ngộ mới là cứu cánh.

Nhưng sau khi phân tích rõ chỗ ưu khuyết của 25 pháp tu thì sau cùng Văn Thù Bồ Tát chọn Nhĩ Căn viên thông của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát là ưu việt nhất để cho ông A Nan và đại chúng đời sau nương theo đó làm nhân địa tu hành ngỏ hầu có được chứng đắc viên thông tự tại.

SỰ CHUYỂN BIẾN TỐT SAU KHI NGHE VÀ NHẬN THỨC TÁNH ƯU VIỆT CỦA NHĨ CĂN

Ông A Nan và đại chúng được sự hướng dẫn rõ ràng của Bồ Tát Văn Thù, mọi người cảm thấy khinh an sảng khoái, tâm trí bừng sáng, nhận thức rõ : Rằng Bồ Đề Niết bàn Phật là gia bảo chung của tất cả chúng sinh, mọi người đều có quyền thừa hưởng. Từ lâu mình tự bỏ cha bỏ nhà đi hoang, biến mình thành những kẻ lạc loài cùng khổ, xa quê hương rời nguyên quán, đánh mất gia tài cự phú vô tận của cha ông. Nay đại chúng nhận rõ : Rằng dù họ chưa về nhưng đã biết đường về và tin ở khả năng trở về của họ. Họ xác định rõ cái quyền thừa hưởng của họ đối với sự nghiệp vĩ đại của ông cha mình.

Hàng hữu học vô học nhị thừa, hàng sơ phát tâm Bồ Tát đông như số cát mười sông Hằng, xa lìa trần cấu được pháp thân thanh tịnh. Vô lượng chúng sinh phát tâm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

https://thuviensach.vn

Đức Phật thị hiện giáo hóa chúng sinh, chuyển bánh xe pháp cũng không ngoài mục đích muốn chúng sinh ngộ nhập Phật Tri Kiến tức là thể nghiệm và sống được với chơn tâm của mình. Vì thế Phật mới dạy rằng : ”Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh, giai kham tác Phật” nghĩa là trong tất cả chúng sinh, ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Nhưng nếu chúng sinh đều có Phật tánh thì tại sao đến nay chúng ta vẫn chưa thành Phật? Cũng chỉ vì tâm của chúng sinh chất đầy vọng tưởng, chấp trước. Vậy chúng ta chấp cái gì? Chấp “cái ta” tức là bản ngã và cái “của ta” tức là ngã sở hữu cho nên không buông bỏ được những hưởng thụ vật chất trong thế gian.

Con người luôn níu kéo, nắm bắt mãi, càng có thì càng chấp trước thêm và ham thích hưởng thụ nên chưa thể thành Phật. Cho nên Đức Phật mới dạy rằng : “Do vọng tưởng và chấp trước mà tất cả chúng sinh không thể chứng đắc, không thể thành Phật”. Vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như nhau tức là có khả năng thành Phật cho nên trong kinh Pháp Hoa Đức Phật thọ ký chẳng những cho hàng vô học, chứng thánh quả mà Ngài còn thọ ký cho tất cả chúng sinh ngay cả những người chưa từng quy y Tam Bảo. Do đó Bồ Đề Niết bàn là có sẵn trong tất cả mọi chúng sinh chớ không phải do Phật hay Bồ Tát ban tặng cho nên nếu chúng sinh hóa giải một phần vô minh thì có một phần Bồ Đề, hóa giải một phần phiền não thì có một phần Niết bàn cho đến khi hóa giải hoàn toàn vô minh phiền não thì thành Phật.

https://thuviensach.vn

Trí tuệ của chúng sinh là thật tánh để có khả năng trực nhận chân lý mà Tự tánh thanh tịnh hay Phật Tánh là có sẵn trong tất cả mọi người. Tự tánh luôn vắng lặng thanh tịnh thì cần gì phải chứng đắc Niết bàn. Bồ-đề, Phật Tánh là có sẳn chớ đâu phải tu hành đắc đạo mới có. Khi mê vọng điên đảo thì không biết mình có Phật Tánh thanh tịnh. Lúc thức tỉnh thì nó hiện ra cũng như trong túi luôn có viên ngọc quý Ma ni mà không biết, chỉ cần thò tay vô lấy thì sẽ hết nghèo đói, điên đảo khổ đau ngay. Trong tánh Không tức là Tự Tánh thanh tịnh bản nhiên thì không có trí tuệ hay chứng đắc gì cả. Vì thế Tâm Kinh mới có câu : ”Vô trí diệc vô đắc” và “Dĩ vô sở đắc cố” là vậy. Trong Chân Không Diệu Tánh, Phật Tánh thì luôn sẳn có cho nên chứng đắc chỉ là cách nói, là giả danh để tìm thấy được con người thật tức là Bản Lai Diện Mục của mình mà thôi.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật Thích Ca dạy rằng “Như Lai không chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác gì cả”. Sở dĩ Ngài không chứng mà thế gian đều tôn trọng Ngài là vì Như Lai không có tướng ngã, không có tướng nhơn, không có tướng chúng sinh và cũng không có tướng thọ giả. Như Lai nhìn vạn pháp đều bình đẳng không thương, không ghét, không giận không hờn, không thiên không vị. Và Như Lai luôn sống trong thiện pháp chớ không lọt vào trong qũy đạo của ác pháp cho nên người đời gọi Như Lai chứng quả Vô thượng Bồ-đề chớ thật ra Như

https://thuviensach.vn

Lai có chứng đắc gì đâu. Tuy Như Lai nói không chứng đắc mà thật ra Như Lai có chứng đắc.

Cái chứng đắc nầy là vô thực và vô hư tức là không phải thật và cũng không phải là không. Tại sao không là thật? Bởi vì cái mà Như Lai chứng đắc thì không có hình tướng, không có màu sắc, không có kích thước, nặng nhẹ, không có văn tự ngôn ngữ để diễn tả. Thế thì cái mà Như lai chứng đắc là không thật có. Nhưng nếu không thật thì phải là hư. Vậy mà cái quả chứng đắc của Như Lai lại là vô hư. Tại sao? Là vì Như Lai có đầy đủ trí tuệ để nhận thức chân lý hoàn toàn đúng, đúng theo tự tánh Bồ-đề và tự tánh thanh tịnh Niết bàn của sự vật hiện tượng, đúng theo Thật Tánh của con người, đúng theo Pháp Tánh của vạn pháp cho nên Như Lai không bao giờ có vô minh phiền não khổ đau, tâm luôn thường trụ Niết bàn. Thế thì quả chứng đắc chính là vô hư tức là không phải là không có. Cho nên Tâm Kinh mới có câu : ”Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc” có nghĩa là Có tức là Không và Không mới chính là Có vậy.

Tu hành trong Phật giáo thì gọi là hồi đầu thị ngạn. Vì sao? Phật ví như người đã ở trên bờ còn phàm phu chúng sinh thì vốn cũng đã ở trên bờ như Phật nhưng họ vì sự tham đắm sắc dục và vô minh che lấp trí tuệ nên đã lên thuyền vượt ra biển cả mênh mông mà phải bị sóng dập gió biển trùng trùng. Bây giờ nếu nghe lời Phật dạy, nương theo chánh pháp mà chịu quay thuyền trở lại thì cũng có thể lên

https://thuviensach.vn

bờ và được an vui tự tại như Phật. Đó chính là hồi đầu thị ngạn tức là có hồi thuyền mới có ngày đến bến. Người học Phật nếu thấu hiểu đạo lý nầy để cảm nhận được chân lý huyền diệu của Thế Tôn mà không rơi vào mê tín dị đoan. Tuy Phật và Bồ-tát thương tất cả chúng sinh như con một của các Ngài, nhưng chính chúng sinh phải tự mình thức tỉnh và biết áp dụng những chân lý nhiệm mầu của Phật.
Đó chính là ba từng kinh điển giáo pháp. Đừng hiểu lầm chỉ đường để chúng sinh quay về bờ không có nghĩa là Phật ra biển đưa chúng sinh về bờ mà chúng sinh phải tự mình chèo lái dựa theo tấm hải đồ mà Đức Phật đã ban cho. Nói một cách khác là Phật không độ hiểu theo nghĩa cầu nguyện, cúng lạy cho ai hết mà Phật chỉ độ hiểu theo nghĩa y giáo phụng hành mà thôi. Chèo nhanh, chèo chậm là tùy theo căn cơ, sở nguyện của chúng sinh, nhưng hễ có chèo là có ngày đến bến. Tóm lại quả vị vô thượng Bồ-đề không phải dành riêng cho Như Lai, nếu tất cả chúng sinh chịu hướng về với tự tánh thanh tịnh tức là Phật tánh của mình thì sẽ có Bồ-đề ngay.

Vì thế tất cả trăm vạn phương tiện của Phật giáo cũng không ngoài mục đích giúp chúng sinh hồi đầu thị ngạn để quay thuyền trở lại bến xưa mà thấy được chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh vĩnh hằng trong ta. Thuyền về lại bến xưa thì chơn tâm hiển bày, Phật tánh biểu lộ và từ đây chúng sinh sẽ sống rất sáng suốt thanh tịnh an bình đầy phúc lạc.

https://thuviensach.vn

HẾT QUYỂN SÁU DỰA THEO HÁN KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Hồi Hướng Chúng Sinh Vô Biên Thệ Nguyện Độ,
Phiền Não Vô Tận Thệ Nguyện Đoạn,
Pháp Môn Vô Biên Thệ Nguyện Học,
Vô Thượng Phật Đạo Thệ Nguyện Thành

https://thuviensach.vn